TIÊU THI MỸ

Mưu lược ĐẶNG TIỂU BÌNH

(SÁCH THAM KHẢO)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TRẦN NGỌC THUẬN
Dịch theo bản tiếng Trung Quốc,
Nhà xuất bản Hồng Kỳ
ấn hành tháng 5-1996

TIÊU THI MỸ

Mưu lược ĐẶNG TIỂU BÌNH

(SÁCH THAM KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 1996

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Năm 1995, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã cho dịch và xuất bản tác phẩm "Đặng Tiểu Bình văn tuyển" tập 3 để giới thiệu rộng rãi với bạn đọc Việt Nam đường lối cải cách và mở cửa của Trung Quốc.

Năm 1996 này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia lại xuất bản tiếp một cuốn sách mới viết về sự nghiệp của Đặng Tiểu Bình - cuốn "Mưu lược Đặng Tiểu Bình" của tác giả Tiêu Thi Mỹ do Nhà xuất bản Hồng Kỳ Trung Quốc ấn hành vào tháng 5-1996.

Cuốn sách gồm 7 chương nhằm giới thiệu mưu lược của Đặng Tiểu Bình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc trên các lĩnh vực trị loạn, phát triển, kinh tế, chính trị, quân sự, mặt trận dân tộc thống nhất, ngoại giao...

Cuốn sách đã đề cập và nêu lên những kinh nghiệm phong phú về mọi mặt trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc mà "Tổng thiết kế sư" và "Tổng công trình sư" là Đặng Tiểu Bình. Cuốn sách đáng để cho chúng ta nghiên cứu, suy nghĩ, rút ra những bài học cần thiết cho công cuộc đổi mới toàn diện trên đất nước ta do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tuy nhiên, trên một số vấn đề về quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong vấn đề quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, chúng ta không thể

chấp nhận những quan điểm, cách nhìn, phương pháp tiếp cận không đúng của tác giả cuốn sách này. Song, dù sao đây cũng là một cuốn sách tham khảo bổ ích.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10-1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TÀI THAO LƯỢC VĨ ĐẠI CỦA TỔNG THIẾT KẾ SƯ (THAY LỜI TỰA)

Bản thân tôi từng nói quả quyết rằng Mao Trạch Đông là mưu lược gia vĩ đại nhất cổ kim, cả trong và ngoài nước, suốt cổ kim trong và ngoài nước không có mưu lược gia nào có thể sánh với Mao Trạch Đông. Lời đánh giá này cho tới nay chưa từng có dị nghị. Nhưng nay lại cần hỏi: Thế còn Đặng Tiểu Bình?

Mưu lược và trí tuệ của Đặng Tiểu Bình có điểm độc đáo của nó. Điểm độc đáo này được thể hiện bằng một danh hiệu duy nhất mà người đời tặng cho ông và ông cũng vui vẻ nhận, đó là: "Tổng thiết kế sư".

"Thiết kế sư" đương nhiên không có cái "thần thánh" như danh hiệu "Người thầy", "Vị thống soái", "Người cầm lái", song lại nổi bật lên cái ý nghĩa mưu lược. Mao Trạch Đông từng gọi Đặng Tiểu Bình là "quân sư" mà ông mời đến, mà "quân sư" xưa nay vốn phụ trách việc bày mưu hiến sách, như hình tượng của Gia Cát Lượng trong Tam Quốc diễn nghĩa. Trong từ điển của người Trung Quốc, chữ "mưu lược" vốn xuất phát từ "kế mưu", mà "thiết kế" hầu như ngang bằng với "mưu hoạch". Người Trung Quốc tin

rằng thành sự là do trời, nhưng mưu sự thì lại do người, nên có thể thấy rằng mưu lược cần phải dựa vào sự thiết kế của con người. Đặng là "tổng thiết kế sư", mưu lược của ông thiết kế ra, đương nhiên không phải là những mưu mẹo lặt vặt.

Đặng giành được danh hiệu "Tổng thiết kế sư" là từ sau khi ông đã tới tuổi cao niên - 75 tuổi. Đặng đã lãnh đạo "cuộc cách mạng lần thứ hai" của Trung Quốc, đưa Trung Quốc từ hỗn loạn đến đại trị, từ bờ vực sụp đổ tới phồn vinh thịnh vượng. Đất Thần Châu (Trung Quốc - ND) đã thay đổi hẳn bộ mặt, khiến người đời đều quan tâm theo dõi. Những khó khăn mà "cuộc cách mạng thứ hai" phải đương đầu và những thành tựu mà nó giành được không hề thua kém cuộc cách mạng lần thứ nhất, so sánh thành tựu với khó khăn mới thấy được sự thần thông trong mưu lược và trí tuệ của Đặng Tiểu Bình.

Mưu lược của Đặng Tiểu Bình so với Mao Trạch Đông, đương nhiên là chưa bằng được. Cuộc đời Đặng ba lần bị đánh đổ, còn Mao chỉ bị có một lần. Song Đặng lại thực hiện thành công kỳ tích ba lần bị đổ, ba lần vươn lên, và lần sau lại huy hoàng hơn lần trước. Đặng từng nói một cách dí dỏm với một ngôi sao điện ảnh Mỹ: "Nếu có đặt giải thưởng Ôlimpích cho người vùng lên về mặt chính trị thì tôi có tư cách để nhận huy chương vàng". Để đạt được điều đó, ngoài nghị lực và lòng dũng cảm, đương nhiên càng cần phải có mưu lược và trí tuệ.

Giữa Đặng và Mao, không có gì phải nghi ngờ, là có nhiều chỗ giống nhau. Cuộc đời Mao đã ba lần chọn người thừa kế, Đặng cũng đã chọn ba lần. Nhưng lịch sử đã

chứng minh, vấn đề khó khăn mà Mao dốc hết trí tuệ của cả đời mình vẫn không sao giải quyết được, thì Đặng đã giải quyết được một cách thuận lợi. Khi Mao Trạch Đông lui về tuyến hai, đã xảy ra mối nguy hiểm "tuột mất đại quyền". Đặng thì chưa bao giờ đảm đương địa vị người đứng đầu, ngay cả lúc ông ở đỉnh cao quyền lực. Song ông vẫn có biện pháp nắm chắc đường hướng tiến lên của con tàu lớn là Trung Quốc. Do đó, cựu thủ tướng Đức Xmít đã rút ra kết luận: Đặng Tiểu Bình "là chính khách thành công nhất".

"Ông ta thân thể thấp bé, có thể là người thấp bé nhất trong những người lãnh đạo quốc gia vĩ đại này. Nhưng nếu xếp hàng những người lãnh đạo quốc gia, thì có thể khẳng định, ông không đứng sau cùng, mà đứng ở vị trí đầu tiên". Đó là cảm tưởng của đại sứ Đức ở Trung Quốc về Đặng Tiểu Bình. Khơrútsốp thì có kinh nghiệm thiết thân, ông ta từng nói với Mao Trạch Đông: "Anh chàng thấp bé của các đồng chí đã gây khó khăn áp đảo đối với những người cao lớn của chúng tôi".

Trong số những lãnh tụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bất kỳ là về đảm lược hay về trí tuệ, chỉ có Đặng Tiểu Bình là có thể sánh với Mao Trạch Đông. Trong thập kỷ 50, Chu Ân Lai khi bàn về anh hùng trong thiên hạ, đã từng thẳng thắn thừa nhận mình không bằng Đặng Tiểu Bình: phương pháp công tác của Tiểu Bình là "cử trọng nhược khinh" (nâng vật nặng dễ như nâng vật nhẹ), còn mình thì "cử khinh nhược trọng" (nâng vật nhẹ khó như nâng vật nặng). Cử khinh nhược trọng, hàng ngày phải giải quyết hàng vạn công việc, đó là đặc điểm cần có của vị

thủ tướng nước Cộng hòa. Còn cử trọng nhược khinh là phong cách điển hình của vị thống soái. Về điểm này, không có gì khác nhau giữa "tổng thiết kế sư" và "lãnh tụ vĩ đại" chỉ có điều là càng giỏi về "thiết kế" mà thôi.

Rất nhiều "thiết kế" của Đặng Tiểu Bình là đầy tài nghệ. Thí dụ "bạt loạn phản chính, chính bản thanh nguyên" (dẹp loạn, trở lại ổn định: làm ngay gốc trong nguồn), "đối nội cải cách, đối ngoại mở cửa", "tách riêng đảng với chính quyền", "tách riêng chính quyền với xí nghiệp", "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", "một trung tâm, hai điểm cơ bản", "một nước hai chế độ, hoà bình thống nhất", "gác bỏ tranh luận, cùng nhau sáng tạo", "che dấu thành tích, giữ vững trận địa"... Những điều đó là những kiệt tác không tìm thấy trong các sách kinh điển của Mác- Lênin và "bốn quyển hùng văn" của Mao Trạch Đông[1].

Mưu lược cần có giả tưởng, nhưng không phải là không tưởng. Đó là những phương châm, chính sách, biện pháp và thủ đoạn để giải quyết vấn đề thực tế, do đó cần đưa vào thực tiễn, giành lấy hiệu quả, dùng cách nói của nông dân Tứ Xuyên, thì tức là phải bắt được "chuột". Hiệu quả của những thiết kế của Đặng Tiểu Bình ra sao? Điểm này không cần luận chứng nhiều, chỉ cần so sánh tình hình Trung Quốc sau những năm 80 với trước kia, những đánh giá của người nước ngoài về Trung Quốc trong công việc quốc tế, sờ túi tiền của chúng ta, giỏ thức ăn của chúng ta là có thể rút ra kết luận.

Người ta đều coi sự chuyển biến từ Mao Trạch Đông

1. Chỉ 4 cuốn tuyển tập Mao Trạch Đông- ND.

"chuyển biến" hoà bình đương nhiên không thể "hùng tráng" như việc "khai sáng" nước Trung Hoa mới. Nhưng chính vì vậy, càng cần có mưu lược trí tuệ, càng cần phải giải quyết thoả đáng nhiều loại quan hệ phức tạp trong quá trình chuyển biến, nhất là mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển. Về mặt này, cách làm của Đặng Tiểu Bình là rất tốt, ông đã đẩy sự nghiệp khai sáng của Mao Trạch Đông lên một bước lớn. Những kỹ xảo trong đó, không một lãnh tụ nào của "đảng anh em" có thể làm được.

Mao Trạch Đông đã dốc hết tinh lực cả cuộc đời cho chủ nghĩa xã hội, nhưng chính trong vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào, ông đã phạm sai lầm nghiêm trọng, làm cho cả nước phải trả giá đau đớn. Còn Đặng Tiểu Bình thì đã thêm vào sau chữ "chủ nghĩa xã hội" mấy chữ "mang mầu sắc Trung Quốc", khiến cho Trung Quốc thoát chết, hồi sinh và sống động hẳn ra, từ đó đã giải quyết được vấn đề khó khăn lớn nhất mà Mao Trạch Đông và cũng là toàn bộ phong trào cộng sản phải đương đầu trong thế kỷ 20.

Tiên sinh Hồ Cúc Nhân, một nhân sĩ ở Hương Cảng nói:"Trên một mức độ nhất định, tìm hiểu thời đại Đặng Tiểu Bình, tìm hiểu chính sách và vấn đề của ông, cũng có thể nói là chiếc chìa khoá để tìm hiểu tiền đồ của Trung Quốc và vận mệnh của người Trung Quốc". Chúng ta có lý do để bổ sung thêm: tìm hiểu tư tưởng mưu lược của Đặng Tiểu Bình là then chốt để tìm hiểu Đặng Tiểu Bình và thời đại của ông.

Ngày nay, trong khi toàn đảng, toàn dân đi sâu học tập và lĩnh hội lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình, chúng tôi xuất

phát từ góc độ mưu lược để triển khai có hệ thống toàn bộ lý luận đó, kết hợp phương pháp trình bày lịch sử và bình luận để nói hết vấn đề, tin rằng có thể giúp ích cho đông đảo cán bộ và quần chúng.

Phần thứ nhất:

MƯU LƯỢC TRỊ LOẠN

1.1. VIỆC TRỞ LẠI CẦM QUYỀN CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH, DÙ CÓ LỤC TÌM HẾT TRONG SỬ SÁCH TRUNG QUỐC CŨNG KHÔNG CÓ CHUYỆN NÀO LY KỲ NHƯ VẬY

Trong cuốn sách "Những ngôi sao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc" của Harisơn có một ngôi sao đặc biệt sáng chói, ông ta gọi đó là "người lùn không thể bị đánh đổ". Ông ta định chỉ ai, ta không cần đọc tiếp cũng có thể đoán ra được, bởi vì trong số lãnh tụ Đảng Cộng sản Trung Quốc người thấp bé nhất và mấy lần bị đánh mà không đổ thì chỉ có một người, đó là Đặng Tiểu Bình.

Trong cuộc sống mang tính truyền kỳ của Đặng Tiểu Bình, tình tiết khiến người ta quan tâm nhất là ba lần bị ngã lại ba lần vùng lên trên vũ đài chính trị:

Lần thứ nhất: Vào thập kỷ 30, ở khu xô viết trung ương, Đặng và Mao Trạch Đông bị chủ nghĩa mạo hiểm tả khuynh bài xích, bị quy là đầu sỏ của đường lối La Minh ở

Giang Tây, bị buộc kiểm thảo, cách chức và đưa xuống cơ sở rèn luyện lao động. Cho tới khi đường lối Mao Trạch Đông giành được thắng lợi, Đặng mới hoàn toàn ngẩng đầu lên được.

Lần thứ hai: Vào thập kỷ 60, trong cơn giông bão "cách mạng văn hóa" chưa từng có trong lịch sử, Đặng từ địa vị Tổng bí thư bỗng bị chụp cho cái tội danh "tên đầu sỏ số hai đi theo đường lối tư bản", bị Lâm Bưu đuổi xuống "chuồng bò" ở Giang Tây suốt trong hơn ba năm. Không lâu sau khi Lâm Bưu bị đổ, Đặng lại đứng lên từ tro tàn của "cách mạng văn hóa".

Lần thứ ba: Giữa thập kỷ 70, Đặng thay thế Chu Ân Lai chủ trì công tác trung ương chưa được một năm, lại bị trúng tên ngã ngựa, trở thành "kẻ đi theo đường lối tư bản đến chết cũng không chịu hối cải", bị cách hết mọi chức vụ trong và ngoài đảng. Lần này, mọi người đều tưởng rằng thế là hết hoàn toàn. Nhưng, sau khi đập tan "nhóm bốn tên", "Đặng vận dụng mọi kế mưu sách lược trong đời sống chính trị của Trung Quốc, đi đấu tranh, trao đổi, thuyết phục và tranh luận kịch liệt, để rồi lại nắm được quyền".

Tác giả Harisơn sở trường về viết truyện ký nhân vật, đã hết sức cảm khái trước việc ba lần ngã xuống, ba lần vùng lên của Đặng, đã nói: "Việc trở lại cầm quyền của Đặng Tiểu Bình, dù có lục hết sử sách xưa của Trung Quốc cũng không tìm thấy chuyện nào ly kỳ hơn". Còn có thể bổ sung thêm một câu: Trong lịch sử thế giới cũng khó tìm thấy thí dụ thứ hai.

Việc chìm nổi trên hoạn lộ là chuyện thường thấy. Nhưng không có ai chìm sâu rồi lại lên cao như Đặng Tiểu

Bình, một đời trải qua đến ba lần. Điều khiến người ta kinh ngạc và thán phục là, việc ba lần lên ba lần xuống của Đặng không phải là tuần hoàn. Nó giống như một quả bóng đầy ma lực, mỗi khi rơi xuống lại nảy lên vị trí cao hơn trước. Trong đó có điều gì thần bí?

Bản thân lâm vào nghịch cảnh nhưng vẫn lạc quan tự tin, có lẽ là điều thứ nhất. Mao Mao nói: "Cha tôi là người có tính cách hướng nội, trầm tĩnh ít nói, cuộc đời cách mạng hơn 50 năm khiến ông đã luyện thành tác phong gặp nguy nan không sợ hãi, trước biến cố không lung lay. Đặc biệt là đối với vận mệnh của cá nhân, thì rất lạc quan. Trong nghịch cảnh, ông khéo vận dụng tinh thần lạc quan để đối phó với tất cả, và dùng một số công việc thực tế để điều tiết cuộc sống, chưa bao giờ tỏ ra trống rỗng và ngập ngừng". Đặng không bao giờ như "người nước Kỷ lo trời sập" (ý nói lo nghĩ vô căn cứ-ND) vì nếu trời có sập thì có người to cao hơn chống đỡ. Đó là tố chất đầu tiên giúp ông chiến thắng ách vận, thoát ra khỏi chỗ bế tắc. Nếu không có điều đó thì chẳng cần ai dẫm đạp, tự mình cũng đã tiêu ma ý chí. Đừng nói tới ba lần ngã ba lần vùng lên, mà một lần ngã cũng đã không gượng dậy được.

Lạc quan không có nghĩa là buông trôi số phận, mà là kiên nhẫn chờ đợi cơ hội có ngày trở lại nắm quyền. Tính nhiều biến động trên trường chính trị làm cho những người đang đắc thế cũng có lúc lại sa chân và giúp cho người thất thế có cơ hội để lại vươn lên. Điều khác biệt chỉ ở chỗ, người trong nghịch cảnh không có cách nào tự mình sáng tạo cơ hội, chỉ có im lặng quan sát động tĩnh, kiên nhẫn chờ đợi thời vận. Chờ đợi, cũng có khả năng như

quan đại phu Khuất Nguyên, đến phút cuối cùng cũng không thấy Sở Vương hồi tâm chuyển ý, mà triệt để thất vọng. Đặng còn tương đối may mắn, ông trước sau đã chờ được tới lúc đường lối Vương Minh được thanh toán, lúc Lâm Bưu sụp đổ, lúc "nhóm bốn tên" bị bắt. Ba sự kiện đó là cơ hội quan trọng giúp ông ba lần thoát ra khỏi bế tắc.

Cơ hội thường hiếm hoi đối với những người thất thế. Vì vậy, ngoài việc chờ đợi, phải có tính năng động, chủ quan, giữ cho đầu não luôn nhạy bén, nắm được mọi tin tức, kịp thời nắm bắt thời cơ. Sau mỗi lần bị đánh đổ, Đặng thường rất quan tâm đến thời sự chính trị, lưu tâm đến báo chí và đài phát thanh, tìm mọi cách để giữ mối liên hệ với bên ngoài. Khi nghe tin Lâm Bưu bị đổ, "nhóm bốn tên" bị bắt, ông cho rằng thời cơ đã đến và lập tức có phản ứng thích hợp, chủ động viết thư cho Mao Trạch Đông, viết thư cho Hoa Quốc Phong. Một bức thư chưa được, lại viết bức thứ hai. Nếu không chủ động như vậy, ông có thể bị mọi người quên đi, đó là điều có thể xảy ra.

Người đại trượng phu phải biết co, biết duỗi. Khi ở phía dưới, cần phải biết thỏa hiệp ở mức độ cần thiết, làm cho người đang nắm giữ quyền lực được vừa lòng. Đặng vốn không bao giờ nhượng bộ trên những vấn đề có tính nguyên tắc, vì vậy mà mang tội là "không chịu hối cải". Nhưng khi hoàn cảnh đòi hỏi phải thỏa hiệp thì ông tỏ ra hiểu tình thế. Trước khi được ra lần thứ hai, Đặng đã rất khiêm tốn kiểm điểm trước Mao về khuyết điểm của mình, khiến Mao tin rằng ông khác với Lưu Thiếu Kỳ, có thể lại giao cho trọng trách. Trước khi được trở lại lần thứ ba, ông thừa nhận trước Trung ương đảng mới về những thiếu sót

và sai lầm khó tránh khỏi trong thời gian công tác năm 75, tỏ ra chân thành tiếp thu sự phê bình và dạy bảo của lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch. Đó là những hành động sáng suốt. Người ta ở trong thế yếu thì không nên quá kỳ kèo đúng sai.

Đúng hay sai cần đợi thời gian sau sẽ nói.

Ngạn ngữ nói: Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. "Thiên" (trời) có gió mưa bất trắc, nên trong lĩnh vực chính trị, không ai có thể bảo đảm mình sẽ thuận buồm xuôi gió, vấn đề là sau khi thuyền bị lật, có thể thoát khỏi ách vận, tìm cách trở lại nắm quyền. Về mặt này, điều then chốt là ở việc mưu sự của người. Từ xưa tới nay, có rất nhiều "lý luận về sự thành công" nghiên cứu về cách làm thế nào để từ thất bại đi tới thành công. Nhưng không có "lý luận về sự thất bại", nghiên cứu việc tại sao lại từ thành công đi tới thất bại, tựa hồ như thất bại đều là do ý trời, không có ai hy vọng thất bại, cũng không có ai nghiền ngẫm con đường đi tới thất bại.

Sự thực, thành và bại, lên và xuống, có mối liên hệ nhân quả nhất định. Cá nhân không có cách gì tránh khỏi thất bại và vấp váp, nhưng có thể chọn lựa phương thức thất bại và vấp váp. Có người suốt đời không bị vấp váp, nhưng chỉ sống bình lặng, không có cống hiến gì lớn; có người bị vấp ngã là vĩnh viễn không dậy được, thậm chí càng ngã càng thụt sâu. Đặng là trường hợp ngược lại hiếm có. Ông không chỉ ba lần ngã ba lần dậy, mà càng ngã lại càng lên cao. Ông có kỹ xảo chính trị đặc biệt gì vậy? Ngoài những điều đã nói trên, ông vốn có trí tuệ mưu lược hơn người, giúp ông chiến thắng ách vận, thoát ra khỏi bế tắc. Còn một điều kiện tiên quyết nữa, tức là mỗi

lần ngã của ông đều không phải do tính toán được mất cá nhân dẫn tới, mà là do ông kiên trì chân lý, không chịu khuất phục trước sai lầm. Việc ngã vì lý do đó, trở thành căn cứ để ông lại vùng lên. Không có điều đó thì trong nghịch cảnh, ông không thể lạc quan tự tin, dù có bền bỉ chờ đợi cũng không thể có ngày trở lại, và sự thỏa hiệp sẽ chỉ khiến ông càng lún sâu thêm mà thôi.

Paraxi - Tainâysơ đã so sánh tác phong của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình như sau: "Chu Ân Lai chú ý đến sách lược, làm cho mình có thế đứng trên mặt nước, nhưng không thể thay đổi phương hướng chủ yếu của dòng chảy xiết. Đặng Tiểu Bình thì không chịu xuôi theo dòng chảy xiết đó, mà lập tức đắp đập ngăn dòng nước lũ. Lúc đầu thì thành công, nhưng sau vẫn bị dòng nước cuốn đi. Ông muốn đạt được điều mà sách lược do Chu Ân Lai áp dụng đã không đạt được, thì phải cần thời gian 5 năm, thậm chí lâu hơn nữa. Chu Ân Lai trước sau không hoài nghi lời dạy của Mao Trạch Đông, còn Đặng Tiểu Bình thì dám dùng lời dạy của Mao Trạch Đông để chống lại hành động của Mao Trạch Đông".

Người như Đặng Tiểu Bình, có cá tính, dễ bị vấp ngã, nhưng do nắm được chân lý, đi trên đường lớn, mỗi lần bị vấp váp chỉ giống như dòng chảy bị cát đá cản lại, càng tích trữ xung lực mạnh. Một khi thời cơ chín muồi, liền nhanh chóng vượt lên, mà còn vượt lên vị trí cao hơn. Mỗi lần ngã là một lần tích luỹ được nhiều ưu thế, trở thành bậc thang đưa ông lên đỉnh cao. Trong cách mạng văn hóa tại sao Mao lại cho phép Đặng Tiểu Bình ra làm việc lại? Một nguyên nhân quan trọng là trong thập kỷ 30 Đặng đã từng là người chấp hành đường lối đúng đắn của Mao

Trạch Đông mà lại bị đả đảo. Sau khi đập tan "nhóm bốn tên" tại sao Đặng Tiểu Bình lại được trở lại nắm đại quyền? Chủ yếu là do phong trào "phê Đặng, phản kích lại làn gió đòi lật lại bản án" đã tuyên truyền không công cho Đặng, làm cho những người ủng hộ Đặng tăng thêm rất nhiều. Airôthơ từng hỏi một quan chức Trung Quốc rằng tại sao ông ta lại tôn trọng Đặng Tiểu Bình, một con người đã bị lên lên xuống xuống nhiều lần như thế. Vị quan chức này trả lời: "Đó chính là nguyên nhân khiến chúng tôi tín nhiệm ông". Nếu mấy lần lên xuống của Đặng không phải là vì giữ vững điều mà nhân dân mong muốn, mà chỉ thuần tuý là sự chìm nổi của cá nhân, thì còn có bao nhiêu người tín nhiệm ông?

1.2. MAO TRẠCH ĐÔNG QUYẾT ĐỊNH DÙNG LẠI ĐẶNG TIỂU BÌNH, NGOÀI LÝ DO ÔNG LÀ "NHÂN TÀI HIẾM CÓ", NGUYÊN NHÂN ÔNG LÀ "KẺ CẦM ĐẦU PHÁI MAO" RÕ RÀNG LÀ CÓ TÍNH THEN CHỐT

Mùa thu năm 1931, Đặng Tiểu Bình mới 27 tuổi, vừa hoàn thành sứ mạng ở Quảng Tây, dẫn quân về với Mao Trạch Đông, mở ra căn cứ địa ở Giang Tây, tây Phúc Kiến. Đảng giao cho ông nhiệm vụ thứ nhất là làm Bí thư huyện ủy Thụy Kim ở khu Xô viết Trung ương. Đặng nhận nhiệm vụ không lâu, thì cơ quan Trung ương của Đảng vốn đặt ở Thượng Hải cũng lục tục kéo về khu Xô viết. Thụy Kim liền trở thành "thủ đô đỏ" - nơi đặt căn cứ của chính phủ lâm thời Xô viết Trung Hoa và Ban chấp hành Trung ương lâm thời. Đặng là một cán bộ cấp giữa, không thể không

nhường lại vị trí cho các đồng chí mới từ Thượng Hải về. Tháng 5-1932, Đặng rời khỏi thủ đô đỏ, về làm Bí thư huyện ủy trung tâm Hội Xương ở biên khu phía nam, nắm công việc ở ba huyện Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn. Ba huyện này ở vùng tiếp giáp giữa "khu đỏ" và "khu trắng", là cánh cửa lớn phía nam của khu Xô viết Trung ương, có vị trí chiến lược rất quan trọng, nhưng trình độ "xích hóa" kém xa địa khu trung tâm. Mỗi huyện chỉ có một tiểu đoàn độc lập, súng ống của đội xích vệ cũng rất ít, các cửa hiệu phần nhiều đã đóng cửa, tài chính kinh tế hết sức khó khăn. Đặng Tiểu Bình không thể không làm mọi việc từ đầu, theo biện pháp của Mao Trạch Đông, vật lộn với khó khăn, không lâu đã có thành tích. Mao Trạch Đông đến Hội Xương kiểm tra công tác, đã làm thơ khen ngợi "Phong cảnh nơi đây tuyệt đẹp".

Còn phong cảnh ở khu Xô viết Trung ương thì ra sao? Nhóm Vương Minh, những người "Bôn sê vích một trăm phần trăm" sau khi vào khu Xô viết, đã tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của họ đối với các căn cứ địa. Họ chấp hành "đường lối tiến công" nhập khẩu từ Matxcơva, yêu cầu xây dựng "một triệu hồng quân gang thép", "phát triển về các thành phố trung tâm". Chủ trương thực tế của Mao Trạch Đông triển khai chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa nông thôn bị bài xích là bảo thủ hữu khuynh, là đường lối chạy dài. Chính sách ôn hòa của Mao Trạch Đông bảo hộ trung nông, cho phú nông một lối thoát về kinh tế bị bài xích và bị quy là "đường lối phú nông". Bản thân Mao Trạch Đông vì "không tôn trọng sự lãnh đạo của Trung ương" nên bị mất chức vụ trong hồng quân, chỉ còn lại hư vị là chủ tịch Xô viết, không có quyền phát ngôn gì.

Cuộc đấu tranh về đường lối ở tầng lớp lãnh đạo bên trên rất nhanh chóng lan tới vùng biên khu của Đặng. Những kẻ mới nổi lên trong Ban chấp hành Trung ương lâm thời tuy được Quốc tế cộng sản nâng đỡ, nhưng muốn triệt hẳn được vị lãnh tụ đã nảy sinh và phát triển gắn liền với phong trào địa phương như Mao Trạch Đông cũng không phải là dễ. Sau khi vô hiệu hóa quyền lực của Mao Trạch Đông, họ toan tính công khai phê phán quan điểm của Mao. Nhưng Matxcơva không đồng ý, sợ làm như thế sẽ dẫn tới chia rẽ. Nhưng nếu không quét sạch ảnh hưởng của Mao Trạch Đông trong tổ chức đảng ở căn cứ địa vũ trang Hồng quân thì họ làm thế nào để nắm được quyền ra mệnh lệnh? Thế là họ áp dụng biện pháp khuấy động rừng để dọa hổ, hướng hỏa lực vào những người đi theo Mao Trạch Đông, còn bản thân Mao thì "để yên chưa xét đến".

Ban chấp hành trung ương lâm thời nhanh chóng phát hiện ra ở La Minh, quyền Bí thư tỉnh ủy Phúc Kiến, một hình bóng của đường lối Mao Trạch Đông. Trong một bản phát biểu ý kiến, La Minh đã nêu ra những điều phàn nàn về kế hoạch mở rộng Hồng quân. La Minh nói: Mở rộng chủ lực Hồng quân phải xuất phát từ thực tế, phân biệt khu du kích ở vùng ven với khu trung tâm đã được củng cố, không thể phân chia nhiệm vụ một cách bình quân. Tại những vùng ven như Thượng Hàng, Vĩnh Định, Long Nham, cần chú trọng tổ chức lực lượng vũ trang địa phương, triển khai chiến tranh du kích, phát triển chủ lực Hồng quân từng đợt, từng phần, chứ không thể điều động và biên chế một cách cứng nhắc. Trong tình hình trước mắt, mà muốn mở rộng chủ lực Hồng quân ở những vùng địch hậu và giáp địch, thì chúng tôi không có cách nào, mà

ngay cả đến những lãnh tụ giỏi giang như Mao Chủ tịch, Hạng Chủ tịch, đồng chí Chu Ân Lai, đồng chí Nhậm Bật Thời, hoặc sang Liên Xô mời đồng chí Xtalin, hoặc giả thử Lênin có sống lại, tới đây, xuống vùng Khê Nam hoặc các địa phương khác, diễn thuyết với quần chúng suốt ba ngày ba đêm, tăng cường công tác tuyên truyền chính trị thì, theo tôi, cũng không giải quyết được vấn đề. Những người lãnh đạo tả khuynh liền khái quát những ý kiến đó thành "đường lối La Minh" chống lại quốc tế.

Âm hồn của "đường lối La Minh" cứ ám ảnh khu Xô viết Trung ương. Trung ương lâm thời nhanh chóng phát hiện thấy ở ba huyện Hội, Tầm, An thuộc Giang Tây cũng có đường lối cơ hội hữu khuynh không khác gì đường lối La Minh ở ba huyện Hàng, Vĩnh, Nham thuộc Phúc Kiến. Thế là Đặng Tiểu Bình bị quy vào bè phái Mao Trạch Đông. Không lâu sau, Mao Trạch Đàm, Tạ Duy Tuấn, Cổ Bá cũng lại bị quy vào nhóm này. Thế là hình thành cái gọi là, "đường lối La Minh ở Giang Tây". Bốn người: Đặng, Mao, Tạ, Cổ đều là "những kẻ tạo ra đường lối La Minh ở Giang Tây" và Đặng là người cầm đầu.

Ai cũng biết rằng "đường lối La Minh" tức là "đường lối Mao Trạch Đông". Vương Minh và đồng bọn nghĩ rằng chỉ cần đưa Đặng Tiểu Bình và La Minh vào chỗ chết về chính trị thì có thể trói được "người khổng lồ" Mao Trạch Đông. Lúc này, trời sập xuống không phải là đè lên những người cao lớn, mà là đè xuống thân hình người thấp bé. "Trong lịch sử Đảng ta, cái "tả" thật là đáng sợ!"[1]. Sáu mươi năm sau, Đặng đã nói lên lời cảm thán này.

1.Đặng tuyển.Quyển III, tr. 375, Trung văn.

Những cuộc đấu tranh tàn khốc, đả kích không thương tiếc dồn dập tới với Đặng. Trước hết, ông bị công khai chỉ tên phê phán và bị cách chức bí thư huyện ủy trung tâm Hội Xương, điều về tỉnh ủy Giang Tây để kiểm tra, kiểm điểm. May mắn là ở đây lại gặp được ba bạn học cũ thời ở Paris: bí thư tỉnh ủy Giang Tây, Lý Phú Xuân, tư lệnh quân khu cấp tỉnh, Trần Nghị và trưởng ban tổ chức tỉnh, Thái Xướng. Phái học ở Pháp có khác với phái học ở Liên Xô, họ không cho rằng anh hạn "khẩu pháo thép" hồi nào lại có thể phạm tội tày đình gì. Vì vậy, sau khi Đặng mất chức bí thư huyện ủy, lại lặng lẽ nhận chức Trưởng ban tuyên truyền tỉnh ủy. Theo sự xếp loại cấp bậc bấy giờ, như vậy chỉ là sự điều động ngang cấp, chứ không phải là kỷ luật giáng cấp.

Điều này làm Trung ương lâm thời của Vương Minh nổi giận. Thế là cuộc đấu tranh càng đi sâu. "Đường lối La Minh" ở Hội, Tầm, An được mở rộng thành "đường lối La Minh ở Giang Tây" do Đặng, Mao, Tạ, Cổ làm đại biểu, bị phê phán, vây đánh ác liệt. Trong hội nghị phê đấu, Đặng, Mao, Tạ, Cổ dùng lý lẽ để biện luận, lại bị quy thành "công khai tiến hành hoạt động chống Đảng trước hội trường", tội lại càng nặng, trở thành "lãnh tụ của phái và tổ chức nhỏ chống Đảng", bị tước vũ khí trước công chúng. Cuối cùng, cả bốn người đều bị cách chức. Đặng mất chức trưởng ban tuyên truyền tỉnh ủy và bị kỷ luật cảnh cáo.

Đặng Tiểu Bình bị cách chức và bị cảnh cáo, đồng thời còn phải kiểm thảo, tự phê bình về những "sai lầm" của mình. Ông bất đắc dĩ phải miễn cưỡng nhận là mình hiểu không đầy đủ về "đường lối tiến công" nghĩ là làm như vậy

cho qua. Nhưng đối thủ của ông rất không hài lòng trước sự tự phê bình sơ sài đó, liền phái ông xuống khu Nam Thôn thuộc huyện Lạc An ở tiền tuyến biên khu làm nhân viên thị sát.

Đặng đã bị đả kích về chính trị, lại gặp một biến cố trong đời sống gia đình. Kim Duy ánh, người vợ mới kết hôn khi ông làm Bí thư huyện ủy Thụy Kim đã bỏ ông đi lấy La Mại (tức Lý Duy Hán), Trưởng ban tổ chức trung ương, người cầm đầu cuộc đấu ông.

Người ở Nam Thôn chưa từng nghe nói có chức vụ thị sát viên của khu ủy, thế thì Đặng Tiểu Bình đến đây làm gì? Mọi người nghi hoặc không hiểu. Những người quen biết ông vẫn gọi ông là thủ trưởng. Đặng vẫn chẳng chút buồn bã lúng túng gì. Đáp lại lời chào "Thủ trưởng có khỏe mạnh không?", ông trả lời: "Chào các đồng chí. Tôi nào có là thủ trưởng gì đâu". Rồi thẳng thắn nói rõ: "Trung ương và tỉnh ủy đã họp, quy tôi thành người đề xướng và chấp hành đường lối La Minh ở Giang Tây. Tại hội nghị, tôi đã dùng lý lẽ trình bày quan điểm của mình, dù họ có đấu tranh tàn khốc với tôi thế nào tôi vẫn kiên quyết chấp hành đường lối đúng đắn của chủ nghĩa Mác, đã đúng đắn thì phải giữ vững". Giữ vững đường lối đúng đắn thì tại sao lại mất chức? Đặng trả lời: "Cách mạng đâu có thể thuận buồm xuôi gió được?" Mọi người mới hiểu tại sao ông bị dồn dập đả kích mà vẫn thản nhiên như vậy.

Thị sát ở Nam Thôn không tới 10 ngày, Trung ương lâm thời lại lệnh cho Đặng vác ba lô trở về Ninh Đô, nơi đóng trụ sở của tỉnh ủy Giang Tây. Nghe nói, vì Nam Thôn thuộc Vĩnh An là vùng biên khu, sợ xảy ra vấn đề.

Những người chỉnh Đặng không phải sợ xảy ra vấn đề gì thì sẽ mất an toàn cho ông. Chỉ có một khả năng: họ sợ Đặng đem theo những cơ mật của Đảng chạy sang phía địch; hoặc sợ rằng ở xa trung ương, Đặng sẽ kích động quần chúng ở đây mưu phản.

Mức độ tín nhiệm đã thấp như vậy, thì về Ninh Đô không thể dễ sống. Những người lãnh đạo tả khuynh muốn ông phải chịu một thử thách nghiêm khắc: Đến một ngọn núi trọc ở gần Ninh Đô làm nhiệm vụ khai hoang.Đặng không sợ gì việc cuốc đất khai hoang, thời còn ở nhà máy Renault tại Paris, ông đã rèn luyện được một thân thể cứng cáp. Nhưng thân thể dù có là thép là gang, ăn không no cũng không sống nổi. Trời muốn trao việc lớn cho người, thì trước hết phải thử thách, làm mệt tâm trí anh ta, làm mỏi xương cốt anh ta, bắt anh ta chịu đói khát. Đặng cứ lặng lẽ cuốc đất không ngừng.

Chị Thái (tức Thái Xướng - ND) thấy Đặng bị đói khát, lại phải cuốc đất, liền cho người đi mua hai cân thịt lợn, hai bó hành và một số ớt, rượu, làm ba món ăn, nấu một nồi cơm, chuẩn bị mời Đặng về ăn một bữa no nê. Đã mấy tháng, Đặng chưa hề thấy mùi rượu, biết vị thịt, nghe nói có món ăn ngon thì rất mừng rỡ. Nhưng ông lại sợ liên lụy đến bạn học cũ, khi đến, kéo xụp mũ xuống tới tận mắt. Anh "phạm nhân cải tạo lao động" đó nhân lúc giờ nghỉ trưa vắng vẻ, đi lẻn lối cổng sau tỉnh ủy vào nhà Thái Xướng, ăn một bữa no nê. Khi từ biệt, chị Thái còn đùm cho một gói thức ăn, dặn dò Đặng phải chú ý giữ gìn thân thể, cố gắng kiên trì. Vì Lý Phú Xuân đi hội báo công tác ở Thụy Kim, đợi thời cơ sẽ phản ánh tình hình Đặng với lãnh đạo, để cho Đặng đỡ bị oan uổng.

Phó chủ tịch quân ủy kiêm chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân Vương Gia Tường cũng thuộc phái ở Liên Xô về, nhưng ông tương đối tôn trọng thực tế, lại quý nhân tài. Khi được biết tình cảnh Đặng Tiểu Bình do Lý Phú Xuân nói lại, liền kêu lên: "Trung ương lâm thời không dùng Đặng Tiểu Bình, thật là thiên kiến, làm mai một nhân tài!". Hiện nay đang đứng trước tình hình quân địch áp sát khu Xô viết, sao có thể để một nhân tài như Đặng Tiểu Bình đi khai hoang được? Để cứu vớt nhân tài này, Vương Gia Tường nghĩ ra một biện pháp, ông lấy lý do là chánh văn phòng Tổng cục chính trị Dương Thượng Côn ra tiền tuyến, ở đây thiếu người, liền điều Đặng Tiểu Bình về làm quyền chánh văn phòng. Do Vương cố gắng thu xếp, Đặng mới kết thúc cuộc sống cải tạo lao động, trở lại thủ đô đỏ Thụy Kim.

Đến cơ quan Tổng cục chính trị, Đặng vẫn chưa gỡ bỏ được chiếc mũ "hữu khuynh" trên đầu. Đặng không quan tâm đến vấn đề đó, nắm ngay cơ hội quý báu mà Vương Gia Tường đã tạo cho, đưa tờ báo Sao Đỏ (Hồng Tinh báo) nổi bật hẳn lên, còn đặt Mao Trạch Đông viết cho một bài. Do trách nhiệm lăm chủ biên báo Sao Đỏ, nên sau thất bại của cuộc chống vây quét lần thứ năm, Đặng mới được theo Hồng quân trường chinh. Giả thử, nếu Đặng bị lưu lại khu Xô viết đấu tranh ở hậu địch, thì con đường đời của ông sẽ ra sao? Mao Trạch Đàm và Cổ Bá, những người cùng bị đánh đổ một lần với Đặng, là những nhân viên phải ở lại. Sau khi đại quân rút đi, hai sinh mạng trẻ tuổi đó đều bị vùi thây nơi rừng xanh núi biếc phương nam.

Trường chinh bắt đầu có nghĩa là đường lối Vương Minh đã thất bại, Mao Trạch Đông bắt đầu có quyền phát ngôn. Dưới ảnh hưởng của Mao, tháng 1-1935, Đặng làm

chánh văn phòng trung ương. Trong tư liệu lịch sử Đảng không có ghi chép nào về sự sửa sai với Đặng, nhưng khi ông tham gia Hội nghị Tuân Nghĩa với tư cách chánh văn phòng trung ương thì chiếc mũ "hữu khuynh", "chống Đảng" rõ ràng đã bị thủ tiêu, mà không chỉ là thủ tiêu mà thôi. Hoạn nạn lần thứ nhất từ lúc bắt đầu tới khi kết thúc mất đúng ba năm. Đặng nhớ lại, thời Hội nghị Tuân Nghĩa, ông ở cùng chỗ với Mao Trạch Đông. Hai nhân vật quyết định số mệnh của Trung Quốc, cuối cùng đã gặp gỡ nhau trong lịch sử.

Lão Tử nói: Trong họa có phúc, trong phúc có họa. Năm 30, Đặng bị chỉnh ở khu Xô viết Trung ương, đó là họa, không phải là phúc. Nhưng 40 năm sau, cái "họa" đó lại biến thành "phúc". Ngày 4-8-1972, trong quyết định phục hồi Đặng Tiểu Bình, Mao viết: "Sai lầm mà đồng chí Đặng Tiểu Bình phạm phải là nghiêm trọng, nhưng cần phân biệt với Lưu Thiếu Kỳ: 1) Đồng chí ấy đã từng bị chỉnh ở khu Xô viết trung ương, là một trong bốn tội nhân Đặng, Mao, Tạ, Cổ, mà lại là kẻ đứng đầu phái Mao. Còn những điểm 2), 3),4) nữa. Mao Trạch Đông quyết định dùng lại Đặng Tiểu Bình, ngoài lý do "nhân tài hiếm có" còn có nguyên nhân quan trọng, là "kẻ đứng đầu phái Mao" nữa.

Đương nhiên, đó là điều Đặng cũng không ngờ tới. Lịch sử đã chứng minh lôgích của Đặng: kiên trì chân lý, thì sẽ có lợi cho cách mạng và cho cả bản thân.

1.3. "MƯA RỪNG CHƯA TỚI, GIÓ ĐÃ ĐẦY LẦU. ANH XEM GIÓ TỪ HƯỚNG NÀO THỔI TỚI?"

Tác giả "Truyện Đặng Tiểu Bình" Mari Phơranxơ cho rằng: "Cuộc đời chính trị của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn

được quyết định bởi việc giải quyết vấn đề Cao Cương - Nhiêu Thấu Thạch".

Bản thân Đặng cũng thừa nhận, ông biết rất rõ sự kiện Cao-Nhiêu. Sau ngày dựng nước, ba người hầu như đồng thời được điều lên trung ương. Trước đó, Cao ở cục Đông Bắc, Nhiêu ở cục Hoa Đông, Đặng ở cục Tây Nam, đều phụ trách công tác đảng và chính quyền ở một địa phương. Nhìn bề ngoài, chức vụ của Cao và Đặng như nhau, đều là bí thư thứ nhất của một cục địa phương. Nhưng trên thực tế, địa vị của Cao quan trọng hơn, vì vùng Đông Bắc nơi Cao phụ trách, xét về ba mặt đều có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với toàn quốc: ở đây tập trung nền công nghiệp chủ yếu của toàn quốc, là hậu phương của chiến tranh Triều Tiên, lại là chiếc cầu nối sang Liên Xô. Bản thân Cao là bạn thân lâu năm của Xtalin, nắm quyền cao nhất ở Đông Tam tỉnh, được gọi là "Thái thượng hoàng" vùng Đông Bắc. Ngày 1-10-1952, khi Cao tiến hành duyệt binh ở đất thánh của mình, thì quần chúng hô "Cao Cương muôn năm" chứ không hô "Mao Trạch Đông muôn năm"! Không lâu sau, Cao bị điều về Bắc Kinh, được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch nước và chủ nhiệm ủy ban kế hoạch Nhà nước.

Là con người quen đề cao mình là người độc nhất vô nhị, Cao Cương căn bản không biết rằng lần "thăng cấp" này của Trung ương là tách ông ta khỏi quyền lực ở căn cứ địa. Tới Bắc Kinh, ông ta muốn mở rộng quyền lực thay thế vị trí của Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, làm phó chủ tịch Đảng và thủ tướng chính phủ. Ông ta gieo rắc trong đảng thuyết "đảng của quân đội", phân Đảng Cộng sản Trung Quốc thành "Đảng của căn cứ địa và quân đội", và "Đảng của khu trắng", nói quả quyết: "Đảng là do quân

đội sáng tạo ra" và tự xếp mình là nhân vật đại biểu của "đảng Quân đội", cho rằng trung ương đảng và cơ quan lãnh đạo nhà nước hiện nay nằm trong tay "đảng của khu trắng" tức trong tay Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, do đó cần phải cải tổ trung ương. Để đạt tới mục đích đánh đổ Lưu và Chu, Cao đã tiến hành nhiều hoạt động "phi tổ chức". Trước hết, ông ta được sự phối hợp của Nhiêu Thấu Thạch. Theo Đặng nói, Cao còn được sự ủng hộ của Lâm Bưu ở cục Trung Nam. Với cục Tây Nam, Cao dùng biện pháp lôi kéo, tìm gặp Đặng Tiểu Bình để đàm phán, nói Lưu Thiếu Kỳ chưa thành thục, muốn tranh thủ Đặng tiếp tay với ông ta để đánh đổ Lưu. Đặng cảnh giác nói, địa vị của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ ở trong đảng là do lịch sử đã hình thành, thay đổi một địa vị đã được hình thành trong lịch sử là không thích đáng. Cao còn tìm gặp Trần Vân để đàm phán. Cao nói: Cần lập mấy phó chủ tịch, tôi và đồng chí đều là phó chủ tịch (đảng-ND). Đặng thấy vấn đề nghiêm trọng, lập tức báo cáo với chủ tịch Mao Trạch Đông về âm mưu quỷ kế của Cao Cương.

Mao Trạch Đông nghe xong, hỏi lại Đặng: "Mưa rừng chưa tới, gió đã đầy lầu. Theo anh, gió từ hướng nào thổi tới?".

Đương nhiên Đặng ủng hộ Lưu và Chu, nhưng ông suy nghĩ rồi trả lời rất khéo: "ở địa vị mà mưu tính công việc thì là đúng phận sự; không ở địa vị mà lại muốn mưu tính công việc, thì là bệnh ham muốn quyền lực đang hoành hành!".

"Ham muốn quyền lực" là một vấn đề rất nhạy cảm. Một lời nói của Đặng đi đúng vào điểm quan trọng, đã làm rung động sợi thần kinh rất nhạy cảm của Mao Trạch

Đông. Mao nghe xong, suy nghĩ, rồi bừng tỉnh: Nếu cứ dung túng trong đảng sự tồn tại lòng ham muốn quyền lực "không ở địa vị mà lại muốn mưu tính công việc" thì sẽ không có ngày nào yên ổn.

Rất nhanh chóng, trong đầu óc Mao hình thành khái niệm về hai Bộ tư lệnh. Trong hội nghị Bộ Chính trị ngày 3-12-1953, Mao nói: "Bắc Kinh có hai bộ tư lệnh, một là bộ tư lệnh do tôi đứng đầu, thổi gió dương, nổi lửa dương; một bộ tư lệnh nữa do người khác đứng đầu, thổi gió âm, nổi lửa âm, làm việc xấu".

Sau đó, triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa 7, vạch trần và phê phán Cao Cương, Nhiêu Thấu Thạch. Mao không tham gia hội nghị, hội nghị do Lưu Thiếu Kỳ chủ trì, thông qua "Nghị quyết về tăng cường đoàn kết trong đảng". Sau hội nghị, Đặng Tiểu Bình phụ trách tổ chức các cuộc tọa đàm của Ban bí thư Trung ương bàn về vấn đề Cao - Nhiêu, tiếp tục vạch trần và đối chứng những hoạt động âm mưu chống đảng của họ. Cao Cương cự tuyệt giáo dục, trong một cuộc hội nghị, đã rút súng tự sát tại chỗ.

Tháng 4-1954, Đặng Tiểu Bình tiếp nhận nhiệm vụ trưởng ban tổ chức Trung ương của Nhiêu Thấu Thạch, không ai có ý kiến dị nghị gì. Một năm sau, Đặng bước vào đội ngũ 17 người là ủy viên Bộ chính trị. Đồng thời được bổ sung vào Bộ chính trị lần này có Lâm Bưu (Điều này hình như mâu thuẫn với ý kiến cho rằng Lâm Bưu đã ủng hộ Cao Cương). Lại một năm sau, tại Đại hội tám, Đặng được

bầu làm Tổng bí thư Ban bí thư trung ương, trở thành một trong 6 ủy viên thường vụ Bộ Chính trị. Thường vụ ra quyết định, ban bí thư phụ trách chấp hành. Đặng lãnh đạo cơ cấu quan trọng này suốt tới năm 1966.

Đấu tranh đường lối trong đảng gay gắt như sóng to gió lớn, lần nào cũng có người chìm, người nổi. Trong thập kỷ 50, cuộc đấu tranh như thế trong Đảng xảy ra hai lần. Trong cuộc đấu tranh với liên minh chống đảng Cao - Nhiêu, Đặng lên liền ba cấp, tham gia vào trung tâm quyền lực tối cao. Lần thành công này chủ yếu là do ông quang minh chính đại, không tham gia âm mưu quỷ kế, không tham gia bè cánh nào, nên trước ông, Cao Cương không tìm được thị trường. Trong thập kỷ 80, khi ra nghị quyết về những vấn đề lịch sử, Đặng vẫn cho rằng cuộc đấu tranh chống Cao - Nhiêu là đúng. Nhưng lần khác, vào năm 1959 việc chống lại Bành Đức Hoài ở hội nghị Lư Sơn là sai. Trong hội nghị Lư Sơn, dưới sức ép mạnh mẽ của Mao Trạch Đông, những người dự họp chỉ có hai cách chọn lựa: hoặc là vứt bỏ nguyên tắc, thậm chí không tiếc nhân cách, đi ngược lại chân lý, đứng về phía Mao Trạch Đông, dùng mọi lời lẽ đả kích để vạch trần, phê phán, nguyền rủa hành vi chống đảng của Bành Đức Hoài; hoặc là, như Trương Văn Thiên, kiên trì chân lý, trọng nghĩa giữ lời, trở thành một thành viên trong tập đoàn chống đảng của Bành Đức Hoài. Đặng có may mắn thoát được cả hai số phận đáng thương đó, không phải vì lý do gì khác, mà chỉ vì trước hội nghị, ông đánh bóng bàn ngã gãy chân, không lên núi dự họp được. Trời đã giúp ông!

1.4. DO TRONG TAY CHU ÂN LAI CÓ ĐƯỢC THANH BẢO KIẾM THƯỢNG PHƯƠNG CỦA MAO TRẠCH ĐÔNG, NÊN ĐẶNG TIỂU BÌNH MỚI THOÁT RA KHỎI CÁCH MẠNG VĂN HÓA VÀ ĐƯỢC PHỤC HỒI

Ngày 20-10-1969, "kẻ số hai đi đường lối tư bản" là Đặng Tiểu Bình bị Lâm Bưu dùng danh nghĩa sơ tán chiến lược, phát vãng đến một nơi hẻo lánh ở ngoại ô Nam Xương - Giang Tây, từ đó, ông đã trải qua ba năm bốn tháng trong cuộc sống ở "chuồng bò". Đó là lần thứ hai ông bị đánh đổ.

Ba năm bốn tháng là thời gian khá dài với một ông già đã 65 tuổi, huống chi ông lại không biết chắc lúc nào mình sẽ được giải phóng. Tính từ khi sang Pháp cầu học lúc 15 tuổi, ông đã hoạt động trên vũ đài chính trị Trung Quốc chẵn nửa thế kỷ. Thế mà ngày nay, cách xa trung tâm chính trị, bị đày tới miền Giang Nam này, ông sẽ sống cuộc đời lưu đày không kỳ hạn như thế nào đây?

Theo lời cô con gái út Mao Mao (Đặng Dung): "Trong thời gian ở Giang tây, cha tôi có một thói quen, mỗi buổi chiều trước lúc mặt trời lặn, bao giờ cũng đi bộ vòng quanh mảnh sân nhỏ. Ông bước rất nhanh, trầm tư không nói, cứ đi hết vòng này đến vòng khác... Tôi thường nhìn cha tôi, nhìn tinh thần ông lúc nào cũng chăm chú, trầm tĩnh nhìn những bước đi nhanh nhẹn và vững chắc của ông. Tôi nghĩ, trong từng bước chân đó, tư tưởng của ông, niềm tin của ông, ý chí của ông càng rõ ràng thêm theo từng bước chân càng trở nên kiên định hơn". Mao Mao còn phản ánh việc

cha cô dùng lao động và đọc sách để làm phong phú thêm cuộc sống, không bao giờ cảm thấy trống rỗng và do dự. Hàng ngày, buổi sáng tới nhà máy làm việc, buổi chiều nuôi gà trồng rau trong vườn, buổi tối đọc sách xem báo, mùa đông vẫn kiên trì tắm nước lạnh hàng ngày[1]. Xem ra, Đặng Tiểu Bình không vì bị đánh đổ mà buồn nản, tiêu trầm.

Niềm tin mà Mao Mao nói là nhân tố quan trọng. Sau khi có niềm tin, thì điều then chốt là biết chờ đợi, chờ đợi thời cơ thích hợp. Mà thời cơ thì nhất định sẽ có, bởi vì trên đời này không có bàn tiệc nào không có lúc tàn. Quy luật biện chứng này có tác dụng đối với bất kỳ ai. Và cuối cùng thời cơ đã đến.

Ngày 13-9-1971, Lâm Bưu, kẻ ngoi lên nhờ đánh đổ các nguyên lão của nước Cộng hòa, trở thành người kế tục thân thiết của Mao Trạch Đông, đã vì âm mưu đoạt quyền bại lộ mà bị toi mạng.

Tin tức làm nức lòng người đó, 50 ngày sau mới truyền đến tai Đặng Tiểu Bình. "Cha tôi tỏ ra vui mừng và xúc động", Mao Mao nói: "Ông chỉ nói một câu: "Lâm Bưu không chết, lẽ trời không dung"[2].

Kỳ thực, hoạt động nội tâm của Đặng Tiểu Bình lúc đó sao có thể dùng một câu nói để biểu đạt được. Trong các cuộc "đấu tranh đường lối" trong lịch sử đảng, ông luôn đứng về phía Mao Trạch Đông. Chỉ tới thập kỷ 60, Mao Trạch Đông phát giác những người lãnh đạo tuyến một

---

1, 2. "Lịch sử tại nơi đây suy ngẫm", quyển 1, tr.98. tr.97.

như Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiếu Kỳ không nghe theo lời ông, thực hiện sau lưng ông kiểu "mèo trắng, mèo đen", "kích thích vật chất", căn bản không đề cập tới cương lĩnh "đấu tranh giai cấp" tới mức khiến ông không còn điều khiển được tình hình nữa. Thế là Mao Trạch Đông dựa vào Lâm Bưu, phát động đại cách mạng văn hóa, đánh đổ cái gọi là "bộ tư lệnh tư sản" theo cách nhìn của ông. Lâm Bưu thì rất nghe lời Mao Trạch Đông, không lúc nào rời quyển Ngữ lục (tập sách trích dẫn lời Mao-ND), luôn mồm hô muôn năm, tâng bốc Mao Trạch Đông tới mức còn cao hơn Các Mác, Lênin. Mao Trạch Đông sung sướng vì sự tâng bốc của Lâm Bưu, và không nghe nổi những lời can gián thẳng thắn của người khác. Kết quả ra sao? Kẻ thực sự ôm ấp mưu đồ xấu xa với ông lại chính là "người bạn chiến đấu thân thiết" luôn mồm nói trung thành vô hạn với ông. Bây giờ, bộ mặt lừa bịp của Lâm Bưu đã bị xé toang, rút cục ai trung ai gian, nhất định Mao Trạch Đông phải suy nghĩ và tỉnh ngộ. Thêm nữa, sau khi Lâm Bưu chết, người thực sự có tài trị quốc an bang bên cạnh Mao Trạch Đông chỉ có Chu Ân Lai là có thể tin cậy được. Chu Ân Lai là vị nguyên lão duy nhất trong đảng và chính quyền không bị đả đảo trong "cách mạng văn hóa", ông muốn đảm đương gánh nặng thu xếp mọi rối loạn do "cách mạng văn hóa" gây ra, thì cần dựa vào ai? Đặng Tiểu Bình đã nhận rõ, cái chết của Lâm Bưu đối với vận mệnh chính trị của ông là một cơ hội hiếm có, ông không thể bỏ qua cơ hội này.

Thế là, ngay chiều hôm đó, Đặng Tiểu Bình viết cho Mao trạch Đông một bức thư dài hơn bốn ngàn chữ.

Một là: Ông vạch ra với Mao tội phản cách mạng của Lâm Bưu, Trần Bá Đạt mà ông được biết.

Hai là: Ông vô cùng khiêm tốn trình bày với Mao những khuyết điểm và sai lầm trong công tác của mình trước kia.

Ba là: Ông đề đạt với Mao nguyện vọng thiết tha của mình muốn tiếp tục công tác vì Tổ quốc và nhân dân.

Vạch tội Lâm Bưu không chỉ là xuất phát từ lòng phẫn nộ, mà còn là sự biểu hiện thái độ chính trị. Mỗi lần đấu tranh lớn trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, đều cần dùng biện pháp đó để vạch rõ ranh giới.

Tại sao lại còn phải tự phê bình? Dù Lâm Bưu xấu thế nào cũng không có nghĩa là mình không hề có khuyết điểm sai lầm. Việc đánh đổ Lưu - Đặng dù sao cũng do Mao đồng ý. Dù việc đó có sai nữa, cũng phải để cho Chủ tịch đảng có chỗ để xoay trở. Vả lại Đặng Tiểu Bình dự tính Mao không thể vì sự kiện Lâm Bưu mà cho qua vấn đề của Lưu - Đặng, vì Mao xưa nay không bao giờ bỏ qua vấn đề đường lối. Nhưng điều đó cũng không hề gì, vì ông biết Mao Trạch Đông có một đặc điểm: "Ai không nghe lời ông ta, ông ta sẽ chỉnh cho một trận, nhưng chỉnh tới mức độ nào, ông đều có suy xét"[1]. Mao Trạch Đông không cho phép bất kỳ ai chống lại mình, đó là sự thực, nhưng ông cũng không chủ trương đánh cho người phạm sai lầm một đòn chết tươi. Đánh thì có đánh, nhưng sau mấy gậy, chỉ cần anh nhận sai lầm và xin sửa chữa, thì ông ta vẫn khoan dung giữ lại bên mình. ở bên Mao Trạch Đông, phạm sai lầm cũng không sao, vấn đề then chốt là biết thừa nhận sai lầm của mình. Vì vậy, dù mình có sai hay không, việc khiêm tốn kiểm điểm là tuyệt đối cần thiết.

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 256.

Khi nói tới công tác của mình, lời lẽ của Đặng rất uyển chuyển thiết tha: Ông đã hoàn toàn xa rời công tác, không tiếp xúc với xã hội năm năm rồi, tuy đã 68 tuổi nhưng thấy sức khỏe của mình còn tốt, còn có thể làm một số công việc cụ thể, như công tác điều tra nghiên cứu. Ông không có mong muốn gì khác, chỉ xin được làm một số việc cho đảng để bù đắp cho những thiếu sót đã qua. Và đó chỉ là lời cầu xin, còn được hay không, xin chờ chỉ thị của Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng.

Bức thư của Đặng Tiểu Bình nhanh chóng được chuyển tới tay Mao. Nhìn thấy nét chữ của người bạn cũ, đã cùng nhau trải qua mấy chục năm đấu tranh gian khổ, Mao Trạch Đông quả nhiên rất xúc động. Sau khi Lâm Bưu sụp đổ, ông đã coi "dòng nước ngược tháng hai" chống lại cách mạng văn hóa do một số tướng soái cũ bất mãn với Lâm Bưu gây nên, và đặc biệt nhắc tới, đó là những lời nói công khai trong hội nghị, hàm ý là không nói một đàng, làm một nẻo như Lâm Bưu. Ông cảm thấy khoảng cách với các tướng soái cũ đã gần lại: "Nếu âm mưu của Lâm Bưu thực hiện được, thì tất cả những người cũ đó của chúng ta đều bị thanh toán hết"[1]. Ngày 6-1-1972, nguyên soái Trần Nghị qua đời, Mao Trạch Đông vô cùng than tiếc, đã phá lệ, mặc quần áo ngủ và đến dự lễ truy điệu Trần Nghị khi đang ốm. Trong lễ truy điệu, Mao nói nhiều câu tốt đẹp về Trần Nghị, như cho tới tận lúc đó, mới phát hiện ra Trần Nghị là người tốt. Kỳ thực, Trần Nghị đã nhiều lần phản đối Mao Trạch Đông, có điều Trần Nghị "phản đối Mao Chủ tịch có một đặc điểm là công khai, chứ không dùng âm

1. "Những năm tháng đại động loạn", NXB Nhân Dân Hà Nam, 1988, tr. 440.

mưu quỷ kế như Lâm Bưu. Sự thẳng thắn cương trực của Trần Nghị hình thành sự khác biệt rõ rệt với trò hai mặt của Lâm Bưu, hiện ra trước mặt Mao Trạch Đông. Sự so sánh đó tự nhiên liên hệ tới Đặng Tiểu Bình, vì Đặng cũng như Trần, thường nổi tiếng là trực tính.

Những biến đổi tinh tế đó không lọt qua mắt Chu Ân Lai. Sau khi Lâm Bưu chết, bên cạnh Mao Trạch Đông chỉ còn hai thế lực là Chu Ân Lai và Tổ cách mạng văn hóa trung ương, mà những người như Giang Thanh chỉ biết hò hét suông về cách mạng, không biết gì việc trị nước và xây dựng kinh tế. Trong tình hình đó, Mao chỉ có cách là giao việc chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương cho Chu Ân Lai. Trước hết, Chu đề nghị Mao triệt tiêu tổ công tác quân ủy, giao cho Diệp Kiếm Anh chủ trì công tác hàng ngày của quân ủy, lặng lẽ thu lại quân quyền. Còn lại hai gánh nặng về đảng và chính quyền, Chu bức thiết cần một nhân tài như Đặng Tiểu Bình hiệp trợ. Vì vậy Chu Ân Lai luôn chờ cơ hội triệu Đặng Tiểu Bình trở lại. Ngày nay, quan hệ đã bớt căng, nhưng vẫn còn một vấn đề quan trọng, là bản thân Mao sẽ chuyển biến thế nào. Vấn đề then chốt là làm sao phân biệt được Lưu Thiếu Kỳ với Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai biết rằng còn cần một thời gian nữa.

Vương Chấn, người cùng bị cải tạo với Đặng Tiểu Bình ở Giang Tây đã được về Bắc Kinh trước Đặng. Khi được biết trong lễ truy điệu Trần Nghị, Mao có nhắc tới Đặng Tiểu Bình, có triệu chứng thay đổi thái độ, liền lợi dụng một dịp hội báo công tác, giới thiệu kỹ với Mao về tình hình lao động ở Giang Tây của Đặng Tiểu Bình, ra sức kiến nghị Mao Trạch Đông nhanh chóng sử dụng Đặng Tiểu Bình. Sau khi thăm dò được ý của Mao, Vương Chấn

cho người tìm Đặng Dung vừa về Bắc Kinh, nói cô trở về Giang tây nói với cha là Mao Trạch Đông đã nghĩ tới việc phân biệt Lưu Thiếu Kỳ với Đặng Tiểu Bình.

Sau khi nhận được tin đó, Đặng Tiểu Bình từ Giang Tây không để lỡ cơ hội, liền viết bức thư thứ hai cho Mao, tiếp tục tự kiểm điểm bản thân, mong lại được ra phục vụ, tỏ ý sẵn sàng tuân theo sự xếp sắp của Đảng. "Sự từng trải trước kia của Đặng Tiểu Bình và sự tự phê bình khôn khéo của ông đã giành được sự tán đồng của Mao, cho phép ông trở lại vũ đài chính trị"[1]. Mao Trạch Đông nhận được bức thư đó, sau khi cân nhắc, đã phê như sau:"Sai lầm mà đồng chí Đặng Tiểu Bình đã phạm phải là nghiêm trọng, nhưng cần được phân biệt với Lưu Thiếu Kỳ.

1) Đồng chí ấy đã bị chỉnh ở khu Xô viết.......mà bị chỉnh là do cầm đầu phái Mao.

2) Đồng chí ấy không có vấn đề lịch sử, tức là chưa bao giờ đầu hàng địch.

3) Đồng chí ấy hiệp trợ đắc lực cho Lưu Bá Thừa trong chiến đấu, có chiến công. Ngoài ra, từ khi về Bắc Kinh, không phải không làm được việc gì tốt, như đã dẫn đầu đoàn đại biểu đi Matxcơva đàm phán, không chịu khuất phục trước chủ nghĩa xét lại Liên Xô".

Mao Trạch Đông
Ngày 14-8-1972

Lời phê trên của Mao Trạch Đông có ý nói rằng Lưu Thiếu Kỳ thuộc về trường hợp mâu thuẫn địch ta, còn Đặng Tiểu Bình là thuộc trường hợp mâu thuẫn trong nội

1. Trương Đại Vệ: "Cột chống giữa dòng, công lao muôn thuở - Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình", tr. 122.

bộ nhân dân, là đối tượng phải đoàn kết. Nghệ thuật chính trị của Mao Trạch Đông là vừa giữ vững sự kết án với đường lối sai lầm của Lưu Thiếu Kỳ để tỏ rõ ông ta phát động cách mạng văn hóa là cần thiết, đồng thời lại tỏ ra có lượng khoan dung, muốn đoàn kết với tất cả những ai có thể đoàn kết được, ngay cả với những người "đã phạm sai lầm nghiêm trọng" như Đặng Tiểu Bình, chỉ cần tình nguyện sửa chữa thì đảng vẫn hoan nghênh. Đồng thời, có bản án "sai lầm về đường lối" của Lưu Thiếu Kỳ trước mắt, thì Đặng Tiểu Bình sẽ dễ sử dụng hơn. Kỳ thực, đối với Lưu Thiếu Kỳ thì ba điều Mao phê về Đặng cũng thích hợp với ông. Nhưng dù lúc ấy Mao có biết rằng lời phê phán Lưu "phản bội, làm đặc vụ" là oan uổng, thì ông cũng không phê như vậy. Vì nếu làm như vậy, thì coi như ông đã tự lật đổ chủ trương tiến hành cách mạng văn hóa của mình. Về điểm này, Đặng Tiểu Bình vô cùng may mắn. Sở dĩ ông có cơ hội "sửa chữa lỗi lầm", là nhờ trước ông đã có "tên đầu sỏ số một đi theo đường lối tư bản chủ nghĩa" đóng vai trò đại biểu của "sự sai lầm về đường lối lần thứ 9". Nếu không như vậy, thì dù Đặng Tiểu Bình có tới 30 (chứ không phải 3) thành tích, cũng không lọt khỏi sự trừng phạt của Mao Trạch Đông.

Dù thế nào, đã có lời phê của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai sẽ dễ giải quyết. Ngày 10-3-1973, căn cứ vào lời phê và chỉ thị của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị thảo luận vấn đề đưa Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc. Phái cách mạng văn hóa trong Bộ Chính trị, tức "nhóm bốn tên" sau này, hết sức sợ việc trở lại của Đặng Tiểu Bình. Họ đối phó một mình Chu Ân Lai đã khó, nay lại thêm Đặng Tiểu Bình nữa thì càng bất lợi, vì họ biết Đặng Tiểu Bình càng khó đối phó hơn. Nhưng vì trong

tay Chu Ân Lai có thanh bảo kiếm Thượng Phương của Mao Trạch Đông, nên bọn Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên đành phải tạm lùi một bước, đồng ý để Đặng Tiểu Bình trở lại. Hội nghị quyết định khôi phục sinh hoạt Đảng và chức vụ Phó thủ tướng cho Đặng. Năm tháng sau, Đặng được vào trung ương. Bước đầu tiên khi được trở lại của Đặng là bước đi rất gian nan, nhưng không phải là bước mang tính quyết định.

1.5. TRONG HAI NĂM TỪ KHI ĐƯỢC PHỤC HỒI, ĐẶNG TIỂU BÌNH NHIỀU LẦN GIAO PHONG VỚI "NHÓM BỐN TÊN", LẦN NÀO CŨNG CHIẾM THẾ ÁP ĐẢO

Ngày 12-12-1973, Mao Trạch Đông triệu tập tại phòng đọc sách của mình cuộc họp Bộ Chính trị rất có ý nghĩa đối với Đặng Tiểu Bình, người vừa được phục hồi. Trong hội nghị, Mao Trạch Đông tuyên bố một quyết định quan trọng: Điều chuyển vị trí của tư lệnh 8 đại quânkhu. Tiếp sau đó, Mao đề nghị các ủy viên Bộ Chính trị có mặt cùng hát bài "Ba điều kỷ luật, tám điều chú ý" Mao dựa vào bài hát này để điều khiển quân đội và đảng. Sau sự kiện Lâm Bưu, Mao không chỉ một lần hiệu triệu cấp dưới đồng ca bài này. Xem ra, ông rất mong muốn thống nhất lại bước đi của toàn đảng, toàn quân, giải quyết tốt một loạt vấn đề còn lại sau khi Lâm Bưu chết. Trong những vấn đề đó có việc "Bộ Chính trị không bàn việc chính trị, quân ủy không bàn việc quân sự". Mao Trạch Đông ngay từ đầu năm đã đề xuất vấn đề này, nay lại nhắc lại, tỏ rằng ông đã cảm thấy đến lúc không giải quyết không được.

Vậy giải quyết thế nào? Mao Trạch Đông đưa mắt nhìn Đặng Tiểu Bình ngồi bên cạnh:

"Nay tôi mời đến một quân sư, tên là Đặng Tiểu Bình". Mao giới thiệu Đặng như một vị khách đặc biệt, "Ông này có nhiều người sợ, nhưng làm việc tương đối quả đoán", "bên ngoài thì hòa nhã, nhưng bên trong là một công ty gang thép". Tiếp đó, ông công khai đánh giá về Đặng: "Cuộc đời của anh ta có thể nói là có bảy phần ưu, ba phần khuyết", hy vọng Đặng "dần dần sửa chữa những khuyết điểm trước kia". Trước mọi người, Mao đề nghị Đặng Tiểu Bình làm ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên quân ủy, còn chuẩn bị giao cho Đặng làm Bí thư trưởng Bộ Chính trị, Đặng không muốn làm chức đó, Mao liền giao cho Đặng làm Tham mưu trưởng quân đội. Mao nghĩ rằng với sự quả đoán và nghị lực của Đặng Tiểu Bình, vấn đề không bàn chính trị, không bàn quân sự sẽ mau chóng được giải quyết.

Sự coi trọng của Mao với Đặng Tiểu Bình, chủ yếu vì Đặng là một nhân tài hiếm có, làm việc quả đoán, ngày nay ông cần loại nhân tài đó, để bổ sung vào khoảng trống quyền lực sau Chu Ân Lai. Xu thế phát triển đó làm "nhóm bốn tên" rất lo sợ. Kẻ đầu tiên đứng ra phản đối việc dùng lại Đặng Tiểu Bình là Giang Thanh. Tháng 3-1974, Bộ Chính trị thảo luận việc cử ai đi dự hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng liên hiệp quốc lần thứ 6. Mao Trạch Đông nhớ lại thành tích của Đặng Tiểu Bình trong cuộc đọ sức với Khơrútsốp ở Matxcơva những năm 60, liền đề nghị Đặng đi. Giang Thanh sợ Đặng Tiểu Bình nâng cao uy tín trên trường quốc tế, liền cực lực phản đối. Mao Trạch Đông không nghe theo ý kiến bà vợ, ngược lại còn nghiêm khắc cảnh cáo Giang Thanh không được chống lại ý kiến của

mình. Cuộc đọ sức đầu tiên sau khi được phục hồi giữa Đặng với "nhóm bốn tên", do được Mao ủng hộ nên đã giành được thắng lợi.

"Nhóm bốn tên" bài xích Đặng Tiểu Bình vì Đặng liên kết chặt với Chu Ân Lai. Đến năm 1974, thân thể Chu ngày càng yếu. Nếu Đặng cứ từng bước tiến lên thì người kế tục Chu sẽ không còn là ai ngoài Đặng nữa. Đó là kết quả mà "nhóm bốn tên" không muốn nhìn thấy. Mấy người trong bọn họ đều biết là Đặng cứng hơn Chu, do đó khó đối phó hơn, nên cần nhân lúc ông chưa đủ lông cánh mà tăng cường đả kích. Tháng 7-1974, Mao chủ trì một hội nghị Bộ Chính trị, "nhóm bốn tên" nhân lúc Chu Ân Lai vắng mặt liền do Giang Thanh dẫn đầu, ba người kia phối hợp theo, công kích Chu về nhiều mặt, mong qua việc tiến công Chu để đạt tới mục đích bài xích Đặng. Mao Trạch Đông nổi nóng, cảnh cáo họ "không được tạo thành nhóm nhỏ bốn người", yêu cầu Giang Thanh không được xây dựng hai nhà máy (ý Mao muốn nói: nhà máy gang thép để làm gậy đánh người, nhà máy làm mũ để chụp mũ cho người). Bọn Giang Thanh không lượng sức, mang hết bản lĩnh để công kích Chu, kết quả khiến Mao có phản cảm. Đây là lần đầu tiên Mao dùng khái niệm "nhóm Thượng Hải" và "phe nhóm nhỏ bốn người" khiến trong những lần đọ sức sau, nhóm Giang Thanh càng bị động.

Tính cách Mao Trạch Đông là với những việc ông thấy là đúng, người khác càng phản đối, ông càng kiên quyết. "Nhóm bốn tên" công kích Chu, bài xích Đặng chính là nhằm vào chiếc ghế thủ tướng của Chu sau này. Mao làm ngược lại, vào tháng 10-1974, đề nghị Đặng làm Phó thủ tướng thứ nhất, sắp xếp trước vị trí thủ tướng thay Chu sau này. Như vậy, càng làm "nhóm bốn tên" lo cuống chân

tay. Hội nghị quốc hội khóa 4 sắp họp, nếu sau cuộc họp, hình thành thể chế Chu, Đặng thì mộng tưởng của họ tan thành mây khói. Bất kỳ thế nào, họ cũng phải ngăn trở sự xuất hiện tình hình này. Lần này, họ xếp đặt mưu kế, quyết định đưa "vấn đề tàu Phụng Khánh" để đột kích bất ngờ vào Đặng. 17-10, Đặng chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, Giang Thanh trước hết gây khó khăn, đề xuất vấn đề sùng bái phương Tây, làm tổn thất cho quốc gia qua sự kiện tàu Phụng Khánh và chất vấn Đặng Tiểu Bình: Đồng chí nhìn nhận thế nào về vấn đề này? Đặng đứng trước việc lựa chọn khó khăn: Ông không thể đồng ý với cách đề xuất của Giang Thanh, nhưng nếu ông phản bác thì tất nổ ra một cuộc tranh luận vô vị về ý thức hệ, trong tranh luận lại rất dễ để lộ ra sơ hở, vì nhóm này rất giỏi nắm sơ hở của người khác. Thế là Đặng Tiểu Bình trả lời: Tôi cần điều tra. Nhóm Giang Thanh không buông tha, cứ làm loạn lên trong hội nghị. Đặng nổi giận: Thảo luận trong Bộ Chính trị cần bình đẳng, các đồng chí không thể cư xử với thái độ đó. "Nhóm bốn tên" ùa tới một lượt: đã biết thế nào anh cũng phải phản ứng mà, hôm nay quả nhiên anh phải phản ứng. Đặng không nhịn được, chọn ngay cách trả lời dứt khoát với sự khiêu khích của "nhóm bốn tên", ông đứng dậy rời khỏi hội nghị, phất áo đi ra. Sau này Mao khen Đặng lần ấy không chịu nhượng bộ "nhóm bốn tên", đã có cách đối phó tốt.

Cuộc đột kích bất ngờ của "nhóm bốn tên" lần ấy chẳng những không giành được gì, ngược lại còn có khả năng phải chịu trách nhiệm về việc gây rối Hội nghị Bộ Chính trị. Vì vậy, họ càng bối rối. Để tranh thủ chủ động, họ quyết định đi kiện trước, phân binh làm hai cánh đi tranh thủ sự ủng hộ của Mao Trạch Đông. Một cánh do

Vương Hồng Văn, người được đích thân Mao Trạch Đông để bạt lên làm người kế tục, đi Trường Sa gặp Mao Trạch Đông, công khai tố cáo Chu Ân Lai. Cánh khác do Giang Thanh đảm nhiệm, đi tìm hai phiên dịch trẻ được Mao Trạch Đông tín nhiệm là Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh, yêu cầu họ trong khi dẫn khách nước ngoài đến Trường Sa, phản ánh riêng với Mao Trạch Đông về việc Đặng Tiểu Bình đại náo Hội nghị Bộ Chính trị, tính chất giống như "dòng nước ngược tháng hai" (là sự kiện tháng 2-1967, trong Hội nghị Bộ Chính trị và quân ủy do Chu Ân Lai chủ trì, các tướng soái Trần Nghị, Diệp Kiếm Anh, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vĩnh Trăn, Lý Tiên Niệm, Đàm Chấn Lâm đã kịch liệt phê phán những cách làm sai lầm trong cách mạng văn hoá. Vì Mao Trạch Đông bác bỏ những ý kiến ấy nên sự kiện này được gọi là "dòng nước ngược tháng hai"-ND) và việc Chu Ân Lai trong khi nằm bệnh viện vẫn mượn cớ công tác, thường xuyên tiếp xúc với một số ít người đến liên lạc. Nhưng họ đã tính nhầm. Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh lập tức đem ý kiến của Giang Thanh nói lại đầy đủ cho Chu Ân Lai. Chu và Đặng đường hoàng và vững vàng, không vội trình bày với Mao. Kết quả sự việc phát triển lại ra ngoài tính toán của "nhóm bốn tên", sự vây đánh bằng hai cánh quân không giúp họ giành được chủ động mà càng lâm vào bị động.

Vương Hồng Văn báo cáo với Mao Trạch Đông là Chu Ân Lai nằm bệnh viện không phải chỉ có dưỡng bệnh mà đêm nào cũng tiếp khách đến khuya. Những người thường đến có Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm... Việc họ dồn dập đến với nhau có quan hệ đến việc sắp xếp

nhân sự trong kỳ họp quốc hội khoá 4. Vương Hồng Văn còn đặc biệt nhắc nhở Mao Trạch Đông là ở Bắc Kinh hiện nay có nhiều dấu hiệu như trước hội nghị Lư Sơn. Mao Trạch Đông chỉ im lặng nghe, không tỏ thái độ ủng hộ hay phản đối, vì ông biết rằng nội bộ Bộ Chính trị có hai phái, không thể nghiêng về nghe bên nào mà cần nghe cả hai bên. Hai hôm sau, Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến Trường Sa, phản ánh sự thật của tình hình, Mao nắm được thực chất vấn đề, liền bảo Vương, Đường về Bắc Kinh truyền đạt chỉ thị của ông: Công tác trù bị và sắp xếp nhân sự cho kỳ họp quốc hội khoá 4 do thủ tướng và Vương Hồng Văn cùng quản; đề nghị Đặng Tiểu Bình làm Phó chủ tịch đảng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch quân ủy và Tổng tham mưu trưởng.

Thái độ của Mao làm cho âm mưu của nhóm Giang Thanh về việc sắp xếp Chính phủ trong kỳ họp quốc hội khoá 4 hoàn toàn phá sản. Hạ tuần tháng 12, Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn cùng đến Trường sa gặp Mao Trạch Đông. Trước mặt Vương Hồng Văn, Mao nhắc lại lời cảnh cáo là không được tổ chức "nhóm bốn người", và nói thẳng không kiêng nể là tư tưởng chính trị của Đặng mạnh hơn Vương. Sau đó, Mao vạch ra rành rọt sự sắp xếp nhân sự của kỳ họp quốc hội khóa 4. Chu Ân Lai vốn dự định để Đặng Tiểu Bình làm Phó Thủ tướng thứ nhất kiêm Tổng Tham mưu trưởng, Mao chữa lại là: Phó Chủ tịch quân ủy, Phó Thủ tướng thứ nhất kiêm Tổng tham mưu trưởng. Lý do là Đặng có tài năng hiếm có. Trung tuần tháng 11, Đặng đã một lần tới Trường Sa. Khi ông phát biểu với Mao là trao cho ông ba chức đó, ông không có ý kiến gì, chỉ cảm thấy trách nhiệm quá nặng, sợ không đảm đương nổi. Mao đã khuyến khích ông cố gắng gánh vác. Ba chức vụ đó, "nhóm

bốn tên" đã chìa tay xin từ lâu, nhưng Mao Trạch Đông không cho. Với Đặng, thì thấy nhiệm vụ quá nặng, nhưng Mao lại khuyến khích ông gánh vác. Điều này ít nhất cũng nói rõ quan hệ chuyển hóa biện chứng giữa chủ động và bị động trong đấu tranh chính trị; quá chủ động lại hóa ra bị động, bị động một cách thích đáng lại trở nên chủ động.

Trong hai năm được phục hồi, Đặng Tiểu Bình nhiều lần giao phong với "nhóm bốn tên", kết quả lần nào Đặng cũng chiếm thế áp đảo, "nhóm bốn tên" càng ngày càng bị động. Mùa hạ năm 1975, thậm chí Mao Trạch Đông hai lần ủy nhiệm cho Đặng Tiểu Bình chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị phê bình "nhóm bốn tên", buộc Giang Thanh và Vương Hồng Văn phải công khai kiểm thảo nhận sai lầm. Đặng giành được thành công như vậy, ngoài việc được những cán bộ cũ như Chu Ân Lai ủng hộ, "nhóm bốn tên" không được lòng người, tài năng bản thân của Đặng khiến Mao Trạch Đông tín nhiệm, còn một nguyên nhân quan trọng nữa là Đặng nắm vững phương pháp cư xử với Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông phát động "cách mạng văn hóa", đánh đổ Lưu-Đặng rõ ràng là vì cảm thấy đại quyền tuột khỏi tay, có người không nghe theo ông, tiến hành một đường lối mà ông không đồng ý. Sau khi được phục hồi, Đặng Tiểu Bình đã làm như Mao Trạch Đông mong muốn, sửa chữa khuyết điểm trước kia, gặp việc gì đều thỉnh thị báo cáo với Mao. Đương nhiên vẫn không khúm núm, vừa tôn trọng, vừa giữ cá tính thẳng thắn vô tư. Mao Trạch Đông rất ghét những người lôi kéo bè cánh, tổ chức tập đoàn nhỏ sau lưng ông. Sau khi Lâm Bưu sụp đổ, ông tổng kết bài học kinh nghiệm, nhiều lần nhấn mạnh "ba điều nên, ba điều không nên": nên theo chủ nghĩa Mác, không nên theo chủ nghĩa xét lại; nên đoàn kết, không nên

chia rẽ; nên quang minh chính đại, không nên dùng âm mưu quỷ kế. Trong con mắt của Mao Trạch Đông, "nhóm bốn tên" tuy có khá về chủ nghĩa Mác, nhưng hai điều sau là đáng nghi, nên ông nhiều lần phê bình họ là không nên thành lập "nhóm bốn tên". Đặc điểm lớn nhất của Đặng Tiểu Bình là quang minh chính đại, thẳng thắn rõ ràng. Qua kinh nghiệm về Lâm Bưu, Mao rất tán thưởng đặc điểm đó. Mà có được điều đó, thì đoàn kết không thành vấn đề nữa. Trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, phe nhóm là những thứ bị tuyệt đối cấm chỉ, nhưng khái niệm về "phe" và "nhóm" lại khó mà nêu cho rõ ràng, vấn đề then chốt là anh thực hiện "âm mưu" hay "dương mưu". "Dương mưu" tức là công khai, không giấu giếm người có quyền lực cao nhất. Sự công khai hóa đó có nghĩa là đứng về phía người có quyền lực cao nhất, và như thế là hợp pháp, không coi là phe nhóm, không thuộc về hành động chia rẽ đảng. Cần nói là Đặng vốn có tính khuynh hướng, đối với phái Giang Thanh, Đặng cũng có phái của mình, tức Đặng, Chu, Diệp, Lý. Nhưng Đặng và Chu không như Giang Thanh bó chặt vào mấy người trong nhóm của mình, và vì vậy không thể hiện thành nhóm một cách rõ ràng mà có thể dung nạp đại đa số, nên không thể gọi là phe nhóm. Vả lại trong mọi việc, Đặng đều báo cáo công khai với Mao, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Mao, đứng hẳn về "phe" của Mao. Như vậy, có rất nhiều ưu thế để đối phó với "nhóm bốn tên".

Trong cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên", Mao Trạch Đông đúng là luôn nâng đỡ Đặng. Đó là lý do vì sao khi đánh giá Mao Trạch Đông sau này, Đặng kiên trì đòi tách rời những sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông ra khỏi những tội ác của "nhóm bốn tên".

Trong khi phủ định toàn diện cách mạng văn hóa của Mao, Đặng vẫn gọi Mao Trạch Đông là người mácxít vĩ đại, còn Giang Thanh trong con mắt của Đặng, chỉ đáng "được điểm dưới không". Mặt khác, Mao Trạch Đông nhiều lần phê bình hành động của "nhóm bốn tên", thậm chí còn nói là "năm nay chưa giải quyết thì sang năm sẽ giải quyết". Nhưng khi còn sống ông không bao giờ giải quyết. Điều đó, ngoài lý do ông cho là "nhóm bốn tên" đã có công trong việc phê Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu, phải chăng ông còn cảm thấy con bài "nhóm bốn tên" có lúc còn có ích? Sau này, khi Đặng bị đánh đổ lần thứ ba, "nhóm bốn tên" vẫn được coi là có công lớn.

1.6. CUỘC THÍ NGHIỆM CẢI CÁCH LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẶNG BỊ THẤT BẠI, NHƯNG KHI ĐƯA LÝ LUẬN CỦA ÔNG RA PHÊ PHÁN, NHÂN DÂN PHÁT HIỆN THẤY NHỮNG ĐIỀU ÔNG NÓI CHÍNH LÀ ĐIỀU HỌ NGHĨ

Ngày 13-10-1989, Đặng nói với Tổng bí thư Đảng Cộng sản Hungari Cađa rằng: Cuộc cải cách của Trung Quốc vào thập kỷ 80 "kỳ thực đã được chúng tôi thí nghiệm một phần từ năm 1974-1975... Cuộc cải cách lúc đó, được gọi là chỉnh đốn"[1].

Sau khi từ "chuồng bò" ở Giang Tây trở về, thời gian đầu, Đặng giúp Chu Ân Lai quản lý một phần công việc của Quốc vụ viện. Đầu năm 1975, bệnh tình của Chu nặng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 255.

thêm, trong trường hợp nguy nan, Đặng được lệnh thay Chu chủ trì công việc hàng ngày của trung ương. Điều này là một thử thách nghiêm trọng đối với Đặng. Dù lúc đó Đặng được Mao trao cho ba quyền lớn: Phó Chủ tịch Đảng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch quân ủy kiêm Tổng tham mưu trưởng, nhưng đối thủ chính trị của ông là "nhóm bốn tên" cũng có thực lực không nhỏ: chức vụ của Vương Hồng Văn trong Bộ Chính trị không thấp hơn so với Đặng, chức vụ của Trương Xuân Kiều trong Bộ Chính trị và quân đội chỉ kém có Đặng, Diêu Văn Nguyên vẫn nắm quyền thao túng dư luận, Giang Thanh sau khi thất bại trong ý đồ lập nội các càng điên cuồng công kích. Sách lược của Mao Trạch Đông đối với Đặng Tiểu Bình và phái cách mạng văn hóa là giữ thế thăng bằng, kìm giữ cả hai bên. Ưu thế chủ yếu của Đặng là có sự ủng hộ của Chu Ân Lai, cộng với kinh nghiệm và uy tín nhiều năm trong việc chủ trì công tác đảng. Trong kết cấu quyền lực ba chân đó, Đặng tiến hành được việc chỉnh đốn chủ yếu là dựa vào việc giải quyết quan hệ với Mao như thế nào, và quyết định trước hết là cán cân của Mao nghiêng về bên nào.

Đặng hiểu rõ rằng trong khi làm mạnh mẽ, lúc nào cũng phải hành động với danh nghĩa của Mao. Đó không phải là phong cách của Đặng, mà chỉ vì đối thủ của ông là chuyên gia về lĩnh vực đó, ông phải "học tập" đối thủ, mới không bị đối thủ giành mất tính hợp pháp. Vì vậy, trong mỗi cuộc nói chuyện về chỉnh đốn, ông đều không quên nói rằng mình căn cứ vào một chỉ thị nào đó của Mao hoặc được Mao đồng ý. Thí dụ ông nói: "Đồng chí Mao Trạch Đông nói quân đội cần chỉnh đốn, trong toàn đảng cũng có

vấn đề đó"[1]. "Tôi nói trong Bộ Chính trị về sự chỉnh đốn trong mấy mặt, đã báo cáo với đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí Mao Trạch Đông đã tán thành"[2].

Vũ khí chủ yếu để Đặng đối phó với "nhóm bốn tên", đẩy mạnh toàn diện việc chỉnh đốn là ba chỉ thị của Mao Trạch Đông. Đặng khôn khéo lợi dụng hai trong ba điều đó, là "chú trọng đến an định đoàn kết", "đẩy kinh tế quốc dân lên". Đặng nắm vững hai thanh Thượng Phương bảo kiếm đó, triển khai thế tiến công mạnh mẽ từ các lĩnh vực vào "nhóm bốn tên" cùng cơ sở xã hội của nó và vào những "thành quả" của "cách mạng văn hóa".

Điều đầu tiên, Đặng muốn dẹp là tính bè phái. Thanh bảo kiếm "an định đoàn kết" phát huy tác dụng tốt ở mặt này. Nhưng Đặng biết rõ chỉ gào suông "an định đoàn kết" thì không đủ để trị chứng bệnh ngoan cố của "cách mạng văn hóa". Thực tiễn nhiều năm công tác đảng cho ông biết rằng, phương pháp mạnh mẽ để đối phó với tính bè phái là tính đảng. Nước cờ cao thứ nhất của Đặng là dùng đảng tính để thủ tiêu tính bè phái.Ông nói: "Muốn an định đoàn kết, thì cần phải thủ tiêu tính bè phái, tăng cường tính đảng, đặt tính đảng lên hàng đầu"[3]. "Hiện nay, giải quyết mọi vấn đề trong các địa phương, các ngành đều cần bắt đầu từ việc chống tính bè phái, tăng cường tính đảng"[4] . Đặng phân tích hoạt động bè phái lúc đó "có khi là do kẻ địch lợi dụng bè phái để gây rối, có khi là một số người lôi kéo bè phái để giành danh lợi cá nhân; có người đã hoạt động bè phái trong nhiều năm, bị tính bè phái làm mê muội"[5]. Ông không giống như Mao, với cái gì cũng phân tích giai cấp; bất kể là anh

1, 2, 3, 4, 5. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 12, 32, 2,14. 10.

thuộc phái nào, ông đều đem nó đối lập với tính đảng và liên hệ cuộc đấu tranh với những cuộc đấu tranh chống bè phái trong lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, với nguyên tắc "nên đoàn kết, không nên chia rẽ" do Mao Trạch Đông đề ra. Như vậy, là tước đi quyền phát ngôn của những phần tử bè phái, khiến những kẻ tự xưng là "phái cách mạng" không cựa quậy được.

Bước thứ hai, là xây dựng một đội ngũ lãnh đạo dũng cảm. Đặng nhấn mạnh "Hạt nhân của chỉnh đốn là chỉnh đốn đảng. Chỉ cần nắm khâu trung tâm là chỉnh đảng, thì việc chỉnh đốn các mặt sẽ không khó". Điều đặc biệt sáng suốt là ông coi "việc chỉnh đảng chủ yếu là chỉnh đốn ban lãnh đạo các cấp"[1]. Ông nói:"Muốn đấu tranh với tính bè phái, không có một ban lãnh đạo dũng cảm thì không được"[2]. Đặng phân tích, trong các ban lãnh đạo lúc đó tồn tại ba vấn đề: Yếu đuối, lười biếng, tản mạn. "Yếu đuối" là sợ đấu tranh, không dám phụ trách, nhất là không dám đấu tranh với tính bè phái. Kết quả của yếu đuối là lười biếng trong công việc, đi đến tiêu cực bị động. "Tản mạn" có quan hệ đến hoạt động bè phái, là biểu hiện sự tồn tại bè phái trong nội bộ ban lãnh đạo. Biện pháp chỉnh đốn: Một là, nâng đỡ khuyến khích ban lãnh đạo cũ đã bị phái tạo phản đánh đổ, không dám phụ trách, cổ vũ họ mạnh dạn đứng lên, không sợ mó dái ngựa. Hai là, "tìm một số người không sợ bị đả đảo đưa vào ban lãnh đạo, do trung ương và tỉnh ủy ủng hộ"[3] . Qua sự cố gắng về hai mặt đó phối hợp cả hai tay, xây dựng nên một ban lãnh đạo vững mạnh dũng cảm. Làm như vậy, Đặng rất nhanh chóng nắm lại được quyền trong hệ thống đảng và chính quyền mà ông

1, 2,3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 32, 25, 8.

đã nắm trước "cách mạng văn hóa", giải quyết được vấn đề "không có sự lãnh đạo của Đảng", và "lời nói của Đảng không có hiệu lực".

Thứ ba, sau khi có các ban lãnh đạo mạnh, Đặng bắt đầu những biện pháp tổ chức quả đoán, điều những kẻ đứng đầu các phe nhóm ở các bộ phận đi nơi khác. "Sau khi điều động lại nảy ra những kẻ cầm đầu mới thì làm thế nào? Lại điều đi. Điều hai lần, ba lần, cuối cùng chẳng giải quyết được vấn đề sao?... Những kẻ cầm đầu phe nhóm không phục tùng lệnh điều động thì không phát lương. "Nghề" của các anh là lập phe nhóm, thì đến lĩnh lương ở chỗ chúng tôi làm gì?"[1]. Mục đích của việc điều người là để giải quyết hiện tượng "chiếm chỗ mà không làm việc". Lúc đó chưa làm gì được những người đó, đẩy được họ đi đã là tốt rồi. Thí dụ: Văn phòng bộ quốc phòng lúc đó đã dùng kế "điệu hổ ly sơn", gọi các người cầm đầu phái tạo phản về Bắc Kinh họp, tham gia lớp học, khiến họ không còn gây trở ngại được cho người khác.

Sau cùng, phát động quần chúng đứng lên chống bệnh bè phái. Đặng vốn không thích phong trào quần chúng, nhưng để đối phó với bệnh bè phái thì đó vẫn là cần thiết. Bởi vì những kẻ bè phái bao giờ cũng xuất hiện dưới hình thức quần chúng, không sợ cả trung ương và tỉnh ủy, càng không coi lãnh đạo cơ sở ra gì. "Nhưng chúng rất sợ quần chúng, sợ quần chúng đứng lên. Vì vậy biện pháp trị loại người này, là phải phát động quần chúng đấu chúng, không buông tha một bước, mà phải có thanh thế, không thể lèo tèo

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 7.

lặng lẽ"[1]. Cách làm đó khiến bọn bè phái mất cơ sở quần chúng, mất đi mầu sắc bảo vệ của "quần chúng cách mạng", tự nhiên rất có hiệu quả.

Bọn bè phái sở dĩ có thể tạo nên không khí, một trong những nguyên nhân là nhờ có "pháp bảo" "đấu tranh giai cấp". Đặng dùng "an định đoàn kết" để khống chế hoạt động bè phái, trên thực tế là làm yếu địa vị của "đấu tranh giai cấp". "Đưa kinh tế phát triển lên" là một biện pháp hiệu quả khác của Đặng để khống chế "đấu tranh giai cấp".

Công thức của Mao là "nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất", nhìn qua thì hình như là coi trọng cả đấu tranh giai cấp và xây dựng kinh tế, nhưng trên thực tế là đặt cách mạng lên trên, không cho phép bất kỳ ai dùng sản xuất để cản trở cách mạng. Vì vậy, cán bộ các cấp dưới sự lãnh đạo của Mao đều hiểu quy luật là "nắm cách mạng thì an toàn, nắm sản xuất thì nguy hiểm". Rất nhiều người vì nắm sản xuất mà mang tội, trở thành phần tử xét lại theo thuyết duy sản xuất. Đặng đương nhiên không thể thay đổi công thức đó của Mao, ông chỉ có thể lặng lẽ chuyển trọng tâm sang phía sản xuất.Ông nói: "Mao Chủ tịch nói: "Phải nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất",... nay có đồng chí chỉ dám nắm khâu cách mạng, không dám nắm sản xuất, như thế là hết sức sai lầm"[2]. Sau đó ông đối chiếu tình trạng sản xuất "đáng được đặc biệt chú ý" với đại cục của toàn dân là mục tiêu hiện đại hóa do kỳ họp quốc hội thứ 4 nêu ra, kêu gọi toàn đảng nắm đại cục, đẩy sản xuất phát triển lên. Hiện đại hóa và xây dựng kinh tế đã là đại cục của toàn đảng thì

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr.9, 4.

cách mạng và đấu tranh giai cấp tự nhiên bị lui xuống hàng thứ hai.

Đặng lấy việc vận chuyển đường sắt làm đột phá khẩu của chỉnh đốn kinh tế, bởi vì đường sắt là mạch máu chính chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân vừa là khu vực chịu nhiều tai họa nhất của tệ bè phái. Hệ thống đường sắt sau hai tháng chỉnh đốn lập tức có hiệu quả. Đặng lấy đó làm căn cứ đầu tiên, lần lượt chỉnh đốn công nghiệp gang thép, công nghiệp quốc phòng và những ngành quan trọng trong hệ thống quân đội. Đến tháng 9 năm đó, công tác chỉnh đốn đã triển khai toàn diện trong công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, nghiên cứu khoa học. Nội dung chỉnh đốn bao gồm khôi phục trật tự trên mọi mặt, giữ nghiêm kỷ luật các mặt, khôi phục, kiện toàn mọi quy định, chế độ, quán triệt thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, điều chỉnh phương châm văn nghệ và chính sách với phần tử trí thức v.v..

Hiệu quả chỉnh đốn là rõ ràng, nghe nói có 9 hạng mục sản xuất tới tháng 6 năm đó đã đạt mức cao nhất trong lịch sử. Việc chỉnh đốn trong quân đội đã kịp thời chặn đứng "nhóm bốn tên" nhúng tay vào công việc của quân đội. Các mặt nghiên cứu khoa học và văn hóa giáo dục chưa đạt hiệu quả lớn vì hậu quả cũ khá nặng nề, chưa thanh toán kịp, nhưng đã sơ bộ đề xuất một số ý kiến rất tốt, thí dụ nếu nghiên cứu khoa học không tiến lên thì sẽ kéo lùi toàn bộ việc xây dựng kinh tế, khoa học kỹ thuật không thể đóng cửa, phải lãnh đạo nghiệp vụ, làm hùng hậu đội ngũ chuyên môn, tăng cường nghiên cứu lý luận, chú trọng chuyên môn còn tốt hơn "chiếm chỗ mà không làm việc" nhiều. Loại trường đại học 21.7 không phải là

hình thức duy nhất... Những ý kiến đó đã có tác dụng giải phóng tư tưởng.

Chỉnh đốn không chỉ giải phóng sức sản xuất, giải phóng tư tưởng, mà còn giải phóng được rất nhiều người. Đặng căn cứ vào ý kiến "phải nhanh chóng kết thúc việc thẩm tra chuyên án để thả người ra" của Mao để tha một lúc hơn 300 cán bộ cao cấp bị giam giữ lâu năm. Đặng còn đưa bức thư của con gái Hà Thành viết cho ông yêu cầu phân công tác cho Hà Thành để Mao Trạch Đông xem, được lời phê "Hà Thành vô tội" của Mao Trạch Đông, Đặng thừa cơ thúc đẩy chính sách sử dụng cán bộ. Những cán bộ được giải phóng lần này là cơ sở quan trọng để Đặng được phục hồi lần thứ ba.

Nhưng trong khi Đặng Tiểu Bình tiến hành chỉnh đốn toàn diện với khẩu hiệu "an định đoàn kết" và "kinh tế quốc dân" thì điều thứ 3 trong chỉ thị của Mao la "học tập lý luận, phòng và chống xét lại" bị "nhóm bốn tên" nắm lấy và phát huy lên. Trước hết, bọn bồi bút đó dấy lên cuộc học tập lý luận chuyên chính vô sản và phong trào bình "Thủy Hử", toan thông qua việc chống chủ nghĩa kinh nghiệm và phê phán chủ nghĩa đầu hàng để đánh đổ Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Song, chúng đã không thành công. Nguyên nhân vì mấy chiếc mũ đó bị Mao Trạch Đông gạt đi. Mao cho rằng những điều đó không nên nêu ra. Điều thực sự mà Mao coi trọng là một vấn đề khác.

Từ cuối tháng 9 tới đầu tháng 11, cháu Mao Trạch Đông là Mao Viễn Tân đã mấy lần báo cáo với Mao về những động hướng đấu tranh giai cấp mới mà anh ta ngửi thấy ở cơ sở. Mấy điểm dưới đây đặc biệt khiến Mao cảm

thấy không yên tâm: Trong năm nay đã có một làn gió nhằm vào đại cách mạng văn hóa, làn gió này còn mạnh hơn làn gió phê phán cực tả năm 1972. Trong những bài nói chuyện của đồng chí Tiểu Bình rất ít đề cập tới thành tích của cách mạng văn hóa, rất ít phê bình đường lối xét lại của Lưu Thiếu Kỳ; có còn cần kiên trì những điều phê phán của cách mạng văn hóa về đường lối xét lại trong 17 năm ở các mặt trận hay không; ba chỉ thị lớn là cương lĩnh, kỳ thực chỉ còn lại một điều là phát triển sản xuất.

Mao Trạch Đông rất nhanh chóng tỏ ra cảnh giác: Thì ra việc chỉnh đốn trong nửa năm nay của Đặng Tiểu Bình là nhằm vào cách mạng văn hóa. Đó chẳng phải là muốn lật bản án 17 năm, muốn tính sổ với cách mạng văn hóa, muốn quay lại con đường cũ hay sao? Mao tuyệt đối không cho phép xảy ra tình hình đó, vì cách mạng văn hóa là một trong hai việc lớn nhất trong suốt cuộc đời ông. Nếu để Đặng Tiểu Bình tiếp tục chỉnh đốn theo hướng đó thì một loạt thành tựu của cách mạng văn hóa sẽ bị xóa bỏ hết. Ông cần phải xoay lại hướng đi. Vì vậy, ông nhanh chóng thay đổi lập trường ủng hộ Đặng Tiểu Bình, và phát động một phong trào phản kích việc lật án, hữu khuynh nhằm bảo vệ thành quả cách mạng văn hóa. Đặng Tiểu Bình tiếp đó bị "nhóm bốn tên" gọi là tên đi đường lối tư bản "chết cũng không chịu hối cải", là "tên đầu sỏ ngóc đầu dậy đòi lật án".

Cuộc thí nghiệm cải cách lần thứ nhất của Đặng Tiểu Bình thất bại, nhưng ông lại thu được lợi lớn. Vì chỉnh đốn mà ông bị va vấp, nhưng cũng vì chỉnh đốn mà ông được đi sâu vào lòng người. Ba văn kiện mà ông vạch ra trong khi

chỉnh đốn[1], sau này bị "nhóm bốn tên" phê phán là "ba cây cỏ độc lớn". Nhưng khi "ba cây cỏ độc lớn" ấy cùng với một số "ngôn luận đòi vùng lên lật án" được đưa ra trước nhân dân, thì nhân dân lại phát hiện thấy những điều mà ông nói đúng là những điều mà họ nghĩ. Những lời nói và việc làm của Đặng đặt ra trước nhân dân vấn đề khẳng định hay phủ định đại cách mạng văn hóa. Qua bản thân Đặng, nhân dân thấy Trung Quốc có hai tiền đồ có thể chọn lựa: Ngoài chủ nghĩa cộng sản kiểu Mao ra, còn có một phương thức sinh hoạt hấp dẫn người ta hơn. Nếu không có cuộc chỉnh đốn toàn diện năm 1975, thì quảng đại nhân dân có lẽ không biết Trung Quốc còn có một vị cứu tinh mới có thể trông cậy. "Trong phong trào ngày 5-4-1976, nhân dân tưởng nhớ Chu Ân Lai, và nhiều người ủng hộ tôi. Điều đó chứng mình, việc cải cách năm 1974 tôi. Điều đó chứng minh, việc cải cách năm 1974 và 1975 rất được lòng người, đã phản ánh đúng nguyện vọng của nhân dân"[2]. Tại sao Đặng sau khi được phục hồi lần thứ ba, dám vận dụng biện pháp mạnh dạn chống lại phái "phàm là" để triệt để phủ định đại cách mạng văn hóa, đẩy mạnh việc cải cách và mở cửa? Chính là vì qua cuộc thí nghiệm năm 1975, ông tin tưởng sâu sắc rằng nhân dân sẽ ủng hộ ông.

1. Tức "Mấy vấn đề đẩy nhanh phát triển công nghiệp", "Đề cương báo cáo công tác của Viện khoa học" và "Bàn về cương lĩnh chung của các công tác của toàn đảng, toàn dân".

2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 255.

1.7. "SAO LẠI: "BA CHỈ THỊ ĐỀU LÀ THEN CHỐT"! AN ĐỊNH ĐOÀN KẾT KHÔNG PHẢI LÀ KHÔNG CẦN ĐẤU TRANH GIAI CẤP. ĐẤU TRANH GIAI CẤP LÀ ĐIỂM THEN CHỐT, MỌI ĐIỀU KHÁC ĐỀU LÀ PHỤ THUỘC" MAO TRẠCH ĐÔNG VẠCH TRẦN "ÂM MƯU" CỦA ĐẶNG DÙNG ĐIỂM PHỤ THUỘC ĐỂ LÀM RỐI ĐIỂM THEN CHỐT

Sau khi Chu Ân Lai mắc bệnh phải nằm viện, Đặng Tiểu Bình nhận nhiệm vụ trong lúc nguy nan, thay thế Chu chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương. Đó là thời cơ tốt để Đặng thực hiện lý tưởng đứng ra cứu nước, đồng thời cũng là một thử thách nghiêm trọng đối với ông. Vấn đề không phải là năng lực và khí phách mà là ở chỗ chiếc nút buộc "cách mạng văn hóa" vẫn chưa được cởi ra. Đặng đứng trước hai vấn đề: Một là, vấn đề ai thắng ai giữa ông và "nhóm bốn tên" vẫn chưa được giải quyết. Hai là, mức độ ủng hộ của Mao với ông tới đâu còn là điều chưa biết. Chìa khoá để giải quyết hai vấn đề đó chỉ có một: đó là nắm ngọn cờ Mao trong tay.

Đặng hiểu rõ rằng, trong khi mạnh dạn tiến hành chỉnh đốn, ông phải chú ý đến sách lược đấu tranh, ở đâu cũng làm việc với danh nghĩa Mao. Điều này không phải là phong cách cố hữu của ông. Nhưng không còn cách nào khác, đối thủ của ông là "chuyên gia" về mặt này, ông phải học tập cách làm này của đối thủ, mới giữ cho tính hợp pháp của mình không bị mất. Vì vậy, trong mỗi cuộc nói chuyện về chỉnh đốn, Đặng đều không quên nói là mình

căn cứ vào một chỉ thị nào đó của Mao và đã được Mao gật đầu đồng ý.

Trong một cuộc nói chuyện vào tháng 7-1975, Đặng nói: "Thời kỳ trước đây, đồng chí Mao Trạch Đông có ba chỉ thị quan trọng: Một là, phải học tập lý luận, phòng và chống chủ nghĩa xét lại. Hai là, phải an định đoàn kết. Ba là, phải đẩy kinh tế quốc dân lên".

Ba chỉ thị đó phản ánh tâm lý mâu thuẫn của Mao Trạch Đông trong thời kỳ sau cách mạng văn hóa: Ông hy vọng kết thúc được sự hỗn loạn của cách mạng văn hóa, nhưng không muốn sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa. Mục đích phát động cách mạng văn hóa là để phòng và chống xét lại, nay cần nắm an định đoàn kết và kinh tế quốc dân để củng cố những thành quả và biện pháp phòng chống xét lại của cách mạng văn hóa và giữ vững nó. Dùng cách nói quen thuộc của Mao thì trong 3 điều, điều thứ nhất là chủ yếu, hai điều sau là phụ thuộc, điều chủ yếu kéo theo điều phụ thuộc, điều phụ thuộc phục vụ cho điều chủ yếu.

Nhưng đối với Đặng, 3 chỉ thị của Mao thì ông hưởng ứng hai điều sau một trăm phần trăm. Sự thực, cương lĩnh cơ sở của Trung Quốc trong thập kỷ 80 vẫn là hai điều đó. Còn điều thứ nhất, dù Đặng không hoàn toàn phản đối, nhưng cũng không tán thành đặt nó ở vị trí chủ yếu. Sự bất đồng chính là ở mối quan hệ giữa 3 chỉ thị trên. Lấy điều nào làm chủ yếu là vấn đề nguyên tắc quan hệ đến toàn cục, Đặng rất khó thỏa hiệp nhượng bộ trên vấn đề nguyên tắc. Nhưng ông biết mình không thể cưỡng lại Mao

Trạch Đông. Điều này không thể không dùng đến trí tuệ mưu lược.

May mà Mao Trạch Đông không quy định rõ điều nào là điều chủ yếu. Đặng lợi dụng "sơ hở" đó, liền gọi cả ba điều trong chỉ thị là chủ yếu. Ông nhấn mạnh: "Ba chỉ thị đó có quan hệ với nhau, là một chỉnh thể, không thể để mất điều nào. Đó là những điều chủ yếu trong công tác của chúng ta thời kỳ này". Trong khẩu hiệu "ba chỉ thị đều là chủ yếu" này, thì điều chủ yếu đối với Mao và điều chủ yếu" đối với Đặng đều được thỏa mãn.

Tiếp sau đó, khi nhấn mạnh đến sự vận dụng cụ thể, Đặng nói: "Năm ngoái, đồng chí Mao Trạch Đông đã nói, đại cách mạng văn hóa đã tám năm rồi, nên an định là tốt. Nay thêm một năm nữa, là chín năm, cần phải đoàn kết lại, an định lại. Chúng ta có rất nhiều việc phải làm. Cuộc đấu tranh trên quốc tế có rất nhiều việc, trong nước cũng có nhiều việc phải làm, đặc biệt là phải đẩy kinh tế quốc dân lên"[1]. Còn việc học tập lý luận, Đặng không phản đối, cũng không nhấn mạnh. Đặng cố ý loại bỏ điều đó trong chỉnh thể.

Nhưng không thể nói an định đoàn kết và kinh tế quốc dân là hai điều "của riêng" Đặng, bởi vì đó cũng là chỉ thị tối cao của Mao. Đặng nắm chặt hai thanh bảo kiếm Thượng Phương có lợi cho mình đó, để thúc đẩy việc chỉnh đốn trên các mặt, khôi phục sản xuất và phát triển kinh tế, dùng để đối phó với mọi đòn công kích công khai và ngấm ngầm của "nhóm bốn tên".

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 12.

"An định đoàn kết", thanh bảo kiếm đó dùng rất thích hợp vào việc dẹp bỏ bệnh bè phái do cách mạng văn hóa để lại. Đặng ra sức dọn dẹp, liền thu được hiệu quả rất tốt. Trật tự mà ông cần có đã được khôi phục rất nhanh. Nhưng bản thân việc thực hiện an định đoàn kết không phải là mục đích, mục đích chính là phải dẹp bỏ mọi sự quấy rối để chuyên tâm vào việc đẩy kinh tế quốc dân lên. Đó là điều sau nhất trong ba chỉ thị của Mao, nhưng đối với Đặng lại là điều quan trọng nhất.

Đến đây, thì Đặng hoàn toàn đảo ngược lại quan hệ giữa ba chỉ thị của Mao. Nhưng ông không thể chỉ đơn độc làm điều chủ yếu là kinh tế quốc dân. Nếu không, thì sẽ chọi lại điều chủ yếu của Mao là đấu tranh giai cấp. Thế là Đặng dùng một từ khác: đại cục. "Hiện nay có một đại cục, toàn đảng phải chú ý nhiều". Đại cục là thế nào? Đặng nói: Thực hiện mục tiêu bốn hiện đại hóa do khóa họp thứ 3 và thứ 4 của Quốc hội đề ra; "đó là đại cục"[1]. Ông tiến hành đối chiếu mục tiêu bốn hiện đại hóa với tình hình sản xuất "rất đáng được nghiêm chỉnh chú ý" lúc đó, hiệu triệu toàn đảng chú trọng đại cục, đẩy kinh tế quốc dân lên.

Công thức của Mao là "nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất", xem qua thì thấy như là coi trọng cả cách mạng và sản xuất, nhưng thực tế là Mao luôn đặt cách mạng lên hàng đầu, không cho phép bất kỳ ai dùng sản xuất để ngăn trở cách mạng. Cho nên những cán bộ các cấp dưới quyền Mao đều hiểu một quy luật: "Nắm cách mạng thì bảo đảm, nắm sản xuất thì nguy hiểm. Rất nhiều người đã vì nắm sản xuất mà mắc tội, bị quy thành kẻ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 4.

"duy lực lượng sản xuất", thành phần tử xét lại. Đặng đương nhiên không thể thay đổi được công thức của Mao, chỉ có thể lặng lẽ chuyển trọng tâm trên thực tế sang sản xuất kinh tế. Ông nói: "Mao Chủ tịch nói, phải nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, nay có đồng chí chỉ dám nắm khâu cách mạng, không dám nắm sản xuất... như thế là hết sức sai lầm"[1]. Không lâu sau, "nhóm bốn tên" gọi bài nói chuyện đó là "cương lĩnh phục hồi".

Phòng nghiên cứu chính trị của Đặng còn soạn riêng một văn kiện "Bàn về cương lĩnh chung của mọi công tác của toàn đảng, toàn quốc". Gọi là "cương lĩnh chung" đương nhiên là chỉ ba chỉ thị của Mao Trạch Đông mà không phải riêng một điều nào. Nhưng trên thực tế, văn kiện đó lại lấy xây dựng kinh tế làm chủ yếu. Văn kiện dẫn lời Mao trong những năm 40: "Tách rời công tác kinh tế mà nói chuyện giáo dục hoặc học tập, thì chẳng qua chỉ là nói suông vô ích. Tách rời công tác kinh tế mà nói cách mạng, thì chỉ là cách cái mạng của sở tài chính, cách cái mạng của bản thân mình, còn kẻ địch thì không bị tổn hại gì". Tiếp đó, văn kiện bác bỏ một cách sắc bén khuynh hướng sai lầm coi nhẹ sản xuất: "Một địa phương, một đơn vị sản xuất rất kém mà cứ nói là cách mạng rất tốt thì chỉ là lời nói lừa bịp. Cách nhìn nhận cho rằng cứ nắm cách mạng là sản xuất tự nhiên đi lên, không cần phải tốn công nắm sản xuất thì chỉ có những người say mê chuyện đồng thoại về phép biến đá thành vàng tin được mà thôi". Sau này khi phê Đặng, văn kiện đó và hai văn kiện khác bị gọi là "ba cây cỏ độc lớn".

Những lời nói của Đặng về phương pháp phát triển sản xuất chủ yếu là xây dựng và kiện toàn quy định chế

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 4.

độ; nâng cao trách nhiệm trong sản xuất và kỷ luật trong lao động, thực hiện chính sách phân phối theo lao động v.v.. không phải là cái gì mới, chẳng qua chỉ là khôi phục lại những trật tự và quy tắc đã bị cách mạng văn hoá phá hoại, vì vậy mới gọi là chỉnh đốn.

Việc chỉnh đốn kinh tế của Đặng lấy ngành vận tải đường sắt làm đột phá khẩu, vì ngành đường sắt vừa là nơi chịu nhiều tai họa của bệnh bè phái, lại vừa là mạch máu chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Ngành đường sắt sau hai tháng chỉnh đốn đã có hiệu quả, Đặng lấy đó làm khởi điểm, lần lượt chỉnh đốn các ngành công nghiệp gang thép, công nghiệp quốc phòng và một số ngành quan trọng trong quân đội. Đến tháng 9, công tác chỉnh đốn được mở rộng sang tất cả các ngành.

Thành tích chỉnh đốn là khả quan. Nghe nói ít nhất có 9 chỉ tiêu sản xuất đến tháng 6 đã đạt được mức cao nhất trong lịch sử. Các ngành nghiên cứu khoa học, văn hóa giáo dục thu được hiệu quả không lớn vì tích luỹ nhiều vấn đề khó thanh toán được nhanh nhưng bước đầu đã nêu ra được một số ý kiến tốt, giải phóng được tư tưởng cho mọi người.

Nhưng chính trong lúc Đặng Tiểu Bình đang nắm an định đoàn kết và kinh tế quốc dân để tiến hành chỉnh đốn, phục hưng đại nghiệp, thì "nhóm bốn tên" đã nắm lấy chỉ thị "học tập lý luận, phòng và chống xét lại" của Mao để làm to chuyện. Nhưng cũng không làm nên chuyện gì. Giang Thanh lại tìm thấy lời Mao trong khi phê phán chuyện Thủy Hử để làm vũ khí. Bà ta nói :"Tống Giang vô hiệu hóa Triều Cái, hiện nay có kẻ nào vô hiệu hóa Chủ tịch không? Tôi thấy là có". "Tống Giang" đó, tất nhiên là

Đặng Tiểu Bình. Nhưng, mũi tên đó không bắn trúng đích. "Triều Cái" hầu như tình nguyện để "Tống Giang" vô hiệu hóa mình vì tin rằng "Tống Giang" không hề có ác ý.

Anh có thể vô hiệu hóa, ta lại không thể vô hiệu hóa sao? Qua việc bàn định kỹ lưỡng, "nhóm bốn tên" tìm ra được một ý tuyệt diệu: đưa Mao Viễn Tân, cháu của Mao vào làm "liên lạc viên" ở cạnh giường bệnh của Mao. Sau khi vào Trung Nam Hải từ tháng 9, Mao Viễn Tân được đặt một máy điện thoại ở cạnh giường ngủ của Mao, một đầu nối với Mao Trạch Đông, một đầu nối với Bộ Chính trị. Những gì nói tới Mao và từ Mao nói đi đều phải qua máy này. Như thế, Mao Trạch Đông hầu như đã bị "nhóm bốn tên" lũng đoạn.

Một ngày đầu tháng 11, Mao Viễn Tân theo lệnh Giang Thanh, rỉ tai với Mao một tin: có người muốn chống lại đại cách mạng văn hóa. Liên lạc viên nói: Làn gió này, khi công tác ở tỉnh tôi đã cảm thấy, hình như còn dữ dội hơn việc phê phán cực tả năm 1972 nữa. Trong những bài nói chuyện của đồng chí Đặng Tiểu Bình, rất ít nói đến thành tích của đại cách mạng văn hóa, rất ít phê phán đường lối xét lại của Lưu Thiếu Kỳ. Việc phê phán đường lối xét lại trong các mặt suốt 17 năm mà đại cách mạng văn hóa nêu ra có cần kiên trì nữa không. Ba chỉ thị lớn là chủ yếu, kỳ thực chỉ còn lại một điều, là đẩy mạnh sản xuất...

Mũi tên về sự "nổi dậy lật án" do "nhóm bốn tên" nêu ra đã bắn trúng đích. Suốt đời Mao Trạch Đông chỉ làm hai việc lớn, trong đó một việc là cuộc đại cách mạng văn hóa. Đó là việc đắc ý cuối đời của Mao, sao có thể cho phép người khác phủ định? Cán cân của Mao lập tức nghiêng sang một bên. Từ 10-1975 đến 1-1976, nhiều chỉ thị tối cao

bất lợi cho Đặng do Mao Viễn Tân ghi lại được chuyển sang Bộ Chính trị.

"Sao lại: "3 chỉ thị đều là chủ yếu", an định đoàn kết không thể không cần đấu tranh giai cấp, đấu tranh giai cấp là chủ yếu, các điều khác đều là phụ thuộc". Mao Trạch Đông vạch trần "âm mưu" của Đặng Tiểu Bình lấy điều phụ thuộc làm loạn điều chủ yếu. "Đại cách mạng văn hóa là để làm gì, là để đấu tranh giai cấp". "Tiểu Bình không nắm đấu tranh giai cấp, không đề ra điều chủ yếu này, vẫn cứ "mèo trắng mèo đen", không phân biệt chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa Mác". "Nói là vĩnh viễn không đòi lật án, không tin được".

Ban đầu, Mao còn nuôi hy vọng là Đặng Tiểu Bình sẽ hồi tâm chuyển ý, trở lại với "đường lối đúng đắn". Mao đề xuất ý kiến là Đặng Tiểu Bình chủ trì thảo một nghị quyết khẳng định thành tích của đại cách mạng văn hóa. Đặng xưa nay vẫn không nhượng bộ về vấn đề nguyên tắc. Ông nói: Tôi là người trong suối hoa đào, "không biết đến triều Hán, không biết thời Ngụy Tấn" tỏ rõ là để ông viết nghị quyết đó là không thích hợp, ông khéo léo từ chối. Tiếp theo đó là cuộc phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh đòi lật án, Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ lần thứ ba.

Parasi Đainâysơ so sánh Đặng Tiểu Bình với Chu Ân Lai. Ông ta nói "Đặng Tiểu Bình không giống Chu Ân Lai, tác phong của ông ta khác. Chu Ân Lai chú ý sách lược, làm cho mình có thể nổi trên mặt nước, nhưng không làm thay đổi được phương hướng chủ yếu của dòng nước xiết. Đặng Tiểu Bình thì không chịu xuôi theo dòng nước xiết,

mà lập tức đắp đập để ngăn dòng chảy. Lúc đầu thành công, nhưng sau vẫn bị nước cuốn đi. Muốn đạt tới mục đích mà sách lược của Chu Ân Lai không đạt được, ông cần có thời gian là năm năm, thậm chí lâu hơn nữa.

1.8. HOA QUỐC PHONG ĐÁNH GIÁ THẤP THỰC LỰC CỦA NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ ĐẶNG TIỂU BÌNH. NGƯỜI THẤP BÉ "ĐÁNH KHÔNG ĐỔ" LẠI VÙNG LÊN TRÊN VŨ ĐÀI CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC. TỪ ĐÂY BẮT ĐẦU MỘT THỜI ĐẠI MỚI

Mao Trạch Đông vì phát hiện thấy trong cuộc chỉnh đốn năm 1975, Đặng Tiểu Bình muốn sửa chữa một cách có hệ thống những sai lầm trong đại cách mạng văn hóa, và không chịu nhượng bộ trên vấn đề khẳng định hoặc phủ định đại cách mạng văn hóa, nên đã quyết định thay ngựa, dùng Hoa Quốc Phong thay Đặng Tiểu Bình chủ trì công việc hàng ngày của trung ương. Ban đầu, Mao còn cho rằng Đặng là vấn đề mâu thuẫn nội bộ, tuy cần phê phán nhưng vẫn không muốn đánh một đòn chết tươi, vừa phê phán vừa bảo vệ, để Đặng "chuyên quản việc bên ngoài". Mấy văn kiện của "nhóm bốn tên" phê phán, phản kích làn gió hữu khuynh đòi lật án cũng đành chỉ nói là họ phê phán "đường lối xét lại của đồng chí Đặng Tiểu Bình". Hai chữ "đồng chí" tỏ rằng Đặng Tiểu Bình vẫn không phải là kẻ thù giai cấp. Nhưng sau này, vào tháng 4-1976, Mao Trạch Đông tin vào sự phản ánh sai tình hình của Mao Viễn Tân, rằng hoạt động kỷ niệm Chu Ân Lai trong "tiết thanh minh", chống lại "nhóm bốn tên" là "sự kiện phản cách mạng" và cho Đặng Tiểu Bình là người đứng sau sự

kiện đó. Căn cứ vào đó, Mao Trạch Đông quyết định triệt tiêu mọi chức vụ trong và ngoài đảng của Đặng Tiểu Bình, bảo lưu đảng tịch để xem xét thêm. Đặng vẫn là đảng viên, và trước tên ông không có hai chữ "đồng chí" nữa, như vậy vấn đề Đặng Tiểu Bình đã chuyển hóa thành tính chất mâu thuẫn đối kháng rồi. Đặng chính thức bị đánh đổ, đây là lần bị đánh đổ thứ hai từ sau khi thành lập nước, và lần thứ ba trong cả cuộc đời ông. Đối thủ của ông hy vọng là lần này ông vĩnh viễn không thể vùng dậy được.

Song việc trúng tên ngã ngựa lần này của Đặng Tiểu Bình không làm ông tỏ ra buồn rầu nản chí và tuyệt vọng. Giống như lần ở trong "chuồng bò" Giang Tây, ông vẫn cứ đi tản bộ vòng quanh sân, vẫn hút thuốc lá điếu này tiếp điếu khác, vẫn kiên trì tắm nước lạnh hàng ngày mặc dù lúc đó ông đã 72 tuổi. Những nhân viên cảnh vệ hồi đó nhớ lại dáng điệu của ông lúc đi tản bộ: "Mỗi khi bước chậm lại, đồng chí Tiểu Bình lại ngẩng đầu, bắt đầu thở sâu, đôi mắt trở nên trầm tĩnh, ánh mắt vẫn như tôi thường thấy, trong sự trang nghiêm lộ ra sự mạnh mẽ, trong sự ôn hòa có dấu vẻ sắc bén[1].

Sự trầm tĩnh tự tin của Đặng xuất phát từ hai điểm: Một là, sự ủng hộ của nhân dân. Điều này đã được tỏ rõ trong ngày 5-4; hai là, sự ủng hộ của các vị nguyên lão. Sau khi Chu Ân Lai qua đời không lâu, Đặng đã có lần trao đổi với nguyên soái Diệp Kiếm Anh. Lúc đó Đặng đã chuẩn bị đầy đủ cho việc bị đánh đổ, nhưng ông tin rằng

1. "Đặng Tiểu Bình ba lần vào ra Trung Nam Hải", NXB Đại Địa Trung Quốc, 1993, tr. 305.

miễn là còn các lão nguyên soái, còn các lão đồng chí khác thì ông không sợ gì bọn xấu nhãi nhép quấy phá! Diệp Kiếm Anh tỏ ý, chỉ cần còn một hơi thở, là còn đấu tranh.

Quy luật đấu tranh chính trị là: khi hai đối thủ đọ sức, thắng lợi lại thường rơi vào kẻ thứ ba. Cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên" rõ ràng có lợi cho Hoa Quốc Phong. Mao Trạch Đông đã không tín nhiệm kẻ muốn lật án là Đặng Tiểu Bình, lại cũng không tin vào "nhóm bốn tên" có dã tâm, thế là ông đưa ra một quyết sách sáng suốt cuối cùng: trao quyền lực cho Hoa Quốc Phong, người không thuộc phái nào. Mao mong muốn Hoa có tác dụng giữ thăng bằng và trung hòa,đồng thời cũng được hai thế lực tiếp nhận. Do tính toán rằng mình không lâu nữa sẽ đi gặp Các Mác, để dự phòng bất trắc, Mao còn có ý xếp đặt sẵn. Ông không những giao rõ ràng chức quyền thủ tướng thay Chu Ân Lai cho Hoa Quốc Phong, mà còn phá lệ, xếp Hoa vào vị trí phó chủ tịch thứ nhất. Nhưng "nhóm bốn tên" không chịu phục sự sắp xếp đó của Mao. Họ dồn hết sức đánh đổ Đặng Tiểu Bình không phải để dọn đường cho người ngoài cuộc là Hoa Quốc Phong lên nắm quyền. "Quả thực thắng lợi" của việc đánh đổ Đặng đáng ra phải thuộc về họ, sao có thể để rơi vào tay Hoa Quốc Phong được? Vì vậy, sau khi Đặng bị đổ, trong tập đoàn lãnh đạo tối cao có sự biến đổi mới, Hoa thay Đặng trở thành đối tượng tranh đoạt quyền lực của "nhóm bốn tên". Mâu thuẫn đó càng nổi bật sau khi Mao chết. Một trong những chứng cớ là bộ máy tuyên truyền trong khi tiếp tục phê phán "tên đi theo đường lối tư bản không chịu hối cải" còn thêm cả "phái đang đi theo đường lối tư bản". Đặng thì không còn có thể "đi" nữa, thì ai là người đang "đi"? Ai cũng rõ đó là chỉ Hoa. Điều kiện có lợi của Hoa là

ông ở vị trí phó chủ tịch và có ba câu nói của Mao bảo đảm tính hợp pháp của ông. Ba câu nói đó là: "Không vội vàng, cứ thong thả", "Đồng chí làm việc, tôi yên tâm" và "Làm theo phương châm trước kia". Trương Xuân Kiều trong "nhóm bốn tên" thấy tính hàm hồ trong ba chỉ thị tối cao đó có rất nhiều điều có thể bàn luận, thế là ông ta đưa ra lời dặn dò trước lúc lâm chung của Mao: "Làm theo phương châm đã định" và ra sức tuyên truyền sau lưng Hoa. "Làm theo phương châm trước kia" và "làm theo phương châm đã định", về hàm nghĩa vốn không có gì khác nhau. Nhưng trong sáu chữ đó lại có ba chữ khác nhau (Nguyên văn: "Chiếu quá khứ phương châm biện" và "án dĩ đinh phương châm biện", khác nhau ba chữ đầu-ND). Những người chú ý đến điểm này lập tức nảy sinh nghi vấn: Di chúc của Mao Chủ tịch lại có hai câu gần giống nhau. Vậy câu nào là đúng? Đặc điểm của việc khống chế dư luận là cái gì đưa ra trước là có ưu thế. Nếu Hoa Quốc Phong có ý đồ sửa ba chữ thì có thể bị coi là sửa chữa chỉ thị tối cao. Lúc này ai thật ai giả lại được quyết định ở chỗ ai nắm được dư luận. Điều quan trọng hơn nữa là, mọi người chỉ biết Mao Chủ tịch dặn họ phải làm theo phương châm đã định, nhưng phương châm đã định rút cục là thế nào? Mao Chủ tịch lại không nói. Như thế có nghĩa là "nhóm bốn tên" muốn nói cái gì thì cái đó là lời dặn của Mao Chủ tịch lúc lâm chung. Điều này tỏ rõ địa vị của Hoa đang bị "nhóm bốn tên" uy hiếp.

Sự đấu đá giữa Hoa Quốc Phong với "nhóm bốn tên" ngược lại, lại có lợi cho phái nguyên lão là Đặng và Diệp. Hiện nay đối với cả Hoa và "nhóm bốn tên", việc phê Đặng hầu như không có gì quan trọng nữa, vì Đặng đã trở thành con hổ bị đánh gục. Như vậy Đặng có khả năng tổ chức lại lực lượng. Theo nói lại, một hôm sau khi Mao chết, Đặng

đang đi dạo trong sân thì có tướng Vương Chấn đến thăm. Đặng gặp Vương liền hỏi xem hiện Diệp Kiếm Anh đang ở đâu. Vương cho Đặng biết Diệp đang ở Tiểu Tường Phượng. Hôm sau, Đặng lấy cớ "đi dạo phố", lặng lẽ đến chỗ Diệp. Đặng và Diệp đều là người gặp nạn, khi Đặng bị cách chức, Diệp cũng bị nghỉ việc vì "tật bệnh", chỉ có điều chưa bị chính thức bãi quan và đó có thể là nguyên nhân để Đặng tìm gặp Diệp. Lần đó Đặng và Diệp bàn luận những gì không ai biết, nhưng có thể khẳng định một điều, là việc trao đổi không thể thiếu đề tài là làm thế nào để đối phó với "nhóm bốn tên". Đặng đương nhiên tin tưởng Diệp có năng lực thanh toán toàn cục. Theo hồi ức của bí thư của Diệp vào năm 1979: "Trong thời kỳ Mao Trạch Đông ốm nặng, Vương Chấn nhiều lần đến bàn bạc bí mật với Diệp. Một lần bàn đến vấn đề, "Vương, Trương, Giang, Diêu", Vương Chấn hỏi Diệp Kiếm Anh: "Tại sao lại để chúng càn rỡ như thế? Tóm chúng nó lại có phải là giải quyết được vấn đề không?" Diệp Kiếm Anh đưa ra nắm đấm tay phải, chĩa ngón cái ra, vòng trên không hai vòng rồi đảo ngược ngón cái xuống, ấn xuống dưới. Vương Chấn nghĩ một chút, cuối cùng hiểu ý: Mao Chủ tịch còn sống, không thể làm liều, để ông ấy chết đi rồi sẽ tính toán, phải chờ thời cơ"[1]. Bây giờ Mao đi rồi, thời cơ đã đến. Vấn đề còn lại chỉ là làm sao được sự ủng hộ của Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng. Do từ ngày Mao mất, xung đột giữa Hoa với "nhóm bốn tên" ngày càng gay gắt, tuy Hoa đối với Giang Thanh có nghĩ đến thể diện của Cố Chủ tịch, nhưng đứng trước cảnh "nhóm bốn tên" ngày càng lấn lướt, ông ta

1. Xem "Dương Thành văn báo", 10-2-1989.

không thể không lo nghĩ tới việc củng cố quyền lực của mình. Như vậy là Hoa, Uông nhanh chóng thống nhất về vấn đề giải quyết "nhóm bốn tên".Kết quả như mọi người đã rõ,ngày 6-10, "nhóm bốn tên" bó tay chịu trói. Ngày 7-10, xuất hiện trung ương mới do Hoa, Diệp, Uông làm chủ.

Bốn ngày sau, khi đang điều trị bệnh viêm tiền liệt tuyến tại bệnh viện 301, Đặng Tiểu Bình nhận được tin này. Nỗi vui mừng của ông không kém gì khi được tin Lâm Bưu bị diệt vong trước đây năm năm. Điều cần nói là có sự khác nhau ở chỗ đối với việc năm năm trước đây ông có phần hơi kinh ngạc, còn lần này thì ít nhiều cũng đã dự tính tới. Đặng thấy rằng lại một thời cơ xuất hiện trước mắt ông. Thế là, giống như năm năm trước đây, việc đầu tiên là ông viết thư cho trung ương để biểu đạt "cảm thụ sâu sắc nhất" trong lúc này. Trong bức thư ngắn gọn này, ngoài việc tỏ rõ "niềm phấn khởi từ nội tâm" trước việc trung ương đảng đứng đầu là Hoa Chủ tịch đã giành được thắng lợi vĩ đại trong việc dẹp tan "nhóm bốn tên", còn tỏ rõ thái độ chính trị không thể thiếu đối với Hoa: "Tôi thành tâm ủng hộ nghị quyết của trung ương, cử đồng chí Hoa Quốc Phong làm chủ tịch Ban chấp hành trung ương và Chủ tịch quân ủy. Tôi hết sức phấn khởi trước nghị quyết đó, nó có ý nghĩa quan trọng không chỉ với Đảng mà với cả sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Về chính trị và tư tưởng, đồng chí Hoa Quốc Phong là người thừa kế thích hợp nhất của Mao Chủ tịch. Tuổi của đồng chí bảo đảm cho sự lãnh đạo của giai cấp vô sản ổn định được trong 15 hoặc 20 năm. Đó là một quyết định sáng suốt

đối với Đảng và nhân dân. Lẽ nào đó không phải là niềm vui chung cho tất cả mọi người?".

Bức thư đó của Đặng Tiểu Bình khiến thế lực yêu cầu phục hồi cho ông ở khắp nơi có được căn cứ. Nhưng trước bức thư tràn đầy nhiệt tình đó, thái độ của Hoa rất lãnh đạm. Theo ông ta, việc đập tan "nhóm bốn tên" là thắng lợi của ông ta - Hoa chủ tịch, chứ không phải là thắng lợi của Đặng Tiểu Bình, "tội lỗi" của "nhóm bốn tên" không có nghĩa là xóa bỏ được "sai lầm" của Đặng Tiểu Bình. Đương nhiên, hai kẻ đối địch hiện nay đều đã bị đánh đổ, vấn đề có phần trở nên phức tạp. Ngày 26-10, sau khi nghe báo cáo về công tác tuyên truyền, Hoa đề xuất 4 ý kiến, sơ bộ tỏ rõ suy nghĩ của ông về cách giải quyết mối quan hệ giữa Đặng Tiểu Bình, "nhóm bốn tên" và Mao Chủ tịch. Một là, tập trung phê phán "nhóm bốn tên", kèm theo phê phán Đặng. Hai là, đường lối của "nhóm bốn tên" là đường lối cực hữu. Ba là, phàm những việc được Mao Chủ tịch đồng ý, đều không được phê bình. Bốn là, không nói về sự kiện Thiên An Môn. Trong hội nghị tháng 12, Hoa tiến thêm, nhấn mạnh sự cần thiết phải phê phán Đặng.

Hoa nắm chặt không buông việc phê Đặng là vì Đặng có uy tín cao hơn Hoa rất nhiều trong các cơ sở đảng, chính quyền và trong giới nhân sĩ khắp nơi. Về mặt năng lực thì sự hơn kém lại càng dễ nhận thấy. Nếu để Đặng được phục hồi thì Hoa sẽ đứng trước vấn đề rất khó giải quyết, tức là sẽ đặt Đặng vào vị trí nào trong chính phủ của Hoa, nếu không khéo xử trí, sẽ gây uy hiếp cho địa vị lãnh đạo mà Hoa vừa giành được. Ngoài ra, Hoa còn lo lắng tới một vấn đề khác: Ông ta nhận chức vụ là theo di chúc của Mao Trạch Đông, mà việc phê Đặng là do Mao

định ra lúc còn sống, nếu ngày nay thay đổi đi thì chẳng phải là làm trái với lời dạy của Mao Chủ tịch hay sao? Dù sau khi được phục hồi, Đặng không có gì uy hiếp tới Hoa thì Hoa cũng không thể làm như vậy. Trong hai sự cân nhắc thì sự cân nhắc sau càng có tính thuyết phục, vì vậy, trong các trường hợp công khai nêu vấn đề phê Đặng, nguyên nhân chủ yếu mà Hoa nêu ra là "hai phàm là", tức là "phàm những quyết sách của Mao Chủ tịch, chúng ta đều kiên quyết ủng hộ; phàm những chỉ thị của Mao Chủ tịch, chúng ta đều triệt để tuân theo". Có hai điều đó, không những có thể ngăn trở việc phục hồi Đặng Tiểu Bình một cách danh chính ngôn thuận, mà còn tỏ rõ cho mọi người thấy rằng ông ta đã chấp hành trung thành ý chí của Mao Chủ tịch. Thực tế đã cho thấy rõ, Hoa đối với Mao không phải cái gì cũng "phàm là" và cũng không thể đối với việc gì cũng "phàm là". Thí dụ có người đã bắt bẻ: Vào thập kỷ 50, Mao Chủ tịch đã dẫn đầu ký vào bản quy định hỏa thiêu và không xây lăng mộ những người lãnh đạo sau khi chết, nhưng Hoa lại không hề do dự trong việc bảo tồn di thể và xây nhà kỷ niệm Mao. Thêm nữa, lúc còn sống Mao không hề nói phải bắt "nhóm bốn tên", nhưng Hoa lại đồng ý bắt chúng. Thuyết "phàm là" không đứng vững được trước những bắt bẻ đó, đã làm lộ tính yếu ớt về địa vị của Hoa.

Rất nhiều dấu hiệu tỏ rõ, sau khi "nhóm bốn tên" không còn thì mâu thuẫn giữa Hoa với các nhân vật phái Đặng lại nổi bật lên. Sự xung đột giữa hai thế lực đã được công khai hóa trong cuộc Hội nghị công tác Trung ương vào tháng 3-1977. Khi dự thảo báo cáo trước cuộc họp, Diệp Kiếm Anh đã nhiều lần nói rằng phần viết về Đặng Tiểu Bình cần

nêu tốt hơn một chút để tạo điều kiện cho Đặng sớm ra công tác trở lại. Nhưng Hoa Quốc Phong lại phát biểu trong hội nghị: Việc phê phán Đặng, phản kích lại làn gió hữu khuynh đòi lật án là do Mao Chủ tịch quyết định, phê là cần thiết, "tội lỗi" của "nhóm bốn tên" chỉ là ở chỗ trong khi phê Đặng, chúng lại có ý đồ khác. Việc tiếp tục phê Đặng sau khi đã đập tan "nhóm bốn tên" là nhằm phá tan về căn bản "nhóm bốn tên" và dư đảng cùng với các thế lực phản cách mạng khác, không cho chúng lợi dụng vấn đề này làm cái cớ để tiến hành xúi giục phản cách mạng. ở đây, rõ ràng là Hoa muốn trói cả Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên" vào một buộc. Cái gọi là "xúi giục phản cách mạng" là chỉ nhóm Lý Đông Dân gồm hơn 10 thanh niên Bắc Kinh đã viết biểu ngữ lớn ở đường Trường An, yêu cầu sửa sai cho Đặng Tiểu Bình, sửa sai với sự kiện Thiên An Môn. Lúc đó, bí thư thị ủy Bắc Kinh Ngô Đức gọi vụ này là "Đề cao Đặng, chống Hoa, bảo vệ Vương Hồng Văn lên đài". Hoa còn nhân đó tăng cường đàn áp, trước sau ban bố ba văn kiện đối phó với sự kiện này. Nhân đó, Hoa nói trong hội nghị: Hiện đã điều tra rõ, có một nhúm nhỏ phản cách mạng, sách lược của chúng là, trước hết giương ngọn cờ yêu cầu đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác, buộc Trung ương phải tỏ thái độ, sau đó công kích chúng ta đi ngược lại di chúc của Mao Chủ tịch, để xúi giục lật đổ Trung ương đảng, bảo vệ cho Vương Hồng Văn lên đài, lật lại bản án "nhóm bốn tên". Vì vậy, nếu chúng ta vội vã để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác thì sẽ mắc lừa kẻ thù giai cấp. Hoa lại đưa ra bảo bối là "hai phàm là". Để tăng thêm sức nặng, Hoa đổi "phàm là" thứ hai sang dạng phủ định: Phàm là những ngôn luận gây tổn hại đến hình tượng Mao Chủ tịch, đều cần phải ngăn chặn".

Nhưng Hoa Quốc Phong đã đánh giá thấp dũng khí của những người ủng hộ Đặng Tiểu Bình. Ngay trong cuộc thảo luận tiểu tổ trong hội nghị đó, Trần Vân, Vương Chấn đã đối chọi lại, công khai đề xuất việc phải sửa sai cho Đặng Tiểu Bình. Trần Vân nói: Tôi cho rằng lúc đó tuyệt đại đa số quần chúng đến Thiên An Môn là để tưởng niệm Thủ tướng Chu Ân Lai, cần phải điều tra xem "nhóm bốn tên" có nhúng tay vào vụ Thiên An Môn không, có quỷ kế gì không. Đặng Tiểu Bình không liên quan gì đến sự kiện Thiên An Môn. Vì nhu cầu của cách mạng Trung Quốc và Đảng cộng sản Trung Quốc, để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết. Vương Chấn nói: Đặng Tiểu Bình có tư tưởng chính trị vững vàng, là nhân tài hiếm có, đó là lời nhận xét của Mao Chủ tịch, được Chu tổng lý truyền đạt. Năm 1975, đồng chí ấy chủ trì công tác của Trung ương và Quốc vụ viện, giành được thành tích rất lớn, đồng chí ấy đã đi tiên phong trong cuộc đấu tranh với "nhóm bốn tên". "Nhóm bốn tên" đã dùng trăm phương ngàn kế để hãm hại đồng chí ấy một cách xấu xa. Sự kiện Thiên An Môn là phong trào chống trả mạnh mẽ của quảng đại quần chúng chống lại "nhóm bốn tên", là niềm tự hào của dân tộc chúng ta. Ai không thừa nhận bản chất và dòng chính của sự kiện Thiên An Môn thì thực tế là biện hộ cho "nhóm bốn tên". Sức mạnh chinh phục của những lời lẽ đó mạnh mẽ hơn thuyết "phàm là" của Hoa rất nhiều, vì vậy, tuy không được đăng lên bản tin tóm tắt của Hội nghị, nhưng vẫn được hưởng ứng rộng rãi, mạnh mẽ trong toàn hội nghị. Sau hội nghị, lời kêu gọi mời Đặng trở lại làm việc càng mạnh. Vì vậy, Hoa Quốc Phong không thể không

nhượng bộ, hứa sẽ để Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc vào thời cơ thích hợp, đồng thời nói rằng việc quần chúng đến Thiên An Môn vào dịp Thanh Minh để tỏ tình cảm tưởng nhớ Chu Ân Lai là hợp tình hợp lý.

Sự đấu tranh của các cán bộ cũ đã giúp cho Đặng rất nhiều. Nhưng ông không chỉ ngồi chờ người khác đến mời mình ra. Ngày 10-4, ông lại chủ động viết một bức thư nữa cho Hoa. Trong thư, Đặng tỏ sự ủng hộ hoàn toàn với lời phát biểu và những hành động gần đây của Hoa. Ông cám ơn Trung ương đã chứng minh là ông không có liên hệ gì với sự kiện Thiên An Môn và tỏ lòng phấn khởi trước ý kiến của Hoa cho hành động của quần chúng trong ngày lễ Thanh minh là chính đáng. Điều đó là sự an ủi lớn đối với Hoa, ít nhiều có thể xua tan mối lo lắng trong Hoa trước sự quay trở lại của Đặng. Nhưng tiếp ngay sau đó, ông lại đề xuất việc dùng tư tưởng Mao Trạch Đông hoàn chỉnh, chuẩn xác để chỉ đạo cho mọi thế hệ. Đó rõ ràng muốn nói tới lá bùa hộ mệnh "hai phàm là" của Hoa. Đặng còn đưa ra sự tự phê bình cần thiết, thừa nhận trong công tác năm 1975 khó tránh khỏi có thiếu sót và sai lầm. Ông chân thành tiếp thu sự phê bình và dạy bảo của lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch.

C. Đácxơ-cho rằng: Sự tự phê bình đó là cần thiết để làm yên lòng những người phản đối ông và những người cho rằng cần phải bảo vệ thích đáng thanh danh của Mao Chủ tịch. Sau cùng Đặng đề nghị cho in bức thư này cùng với bức thư trước để phổ biến trong đảng. Đặng tin rằng sẽ nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong đảng. Khi vấn đề của ông đã được công khai trước mọi người thì một thiểu số sẽ không thể lung lạc dân tâm được nữa.

Ngày 3-5, Trung ương phân phát bức thư của Đặng. Vấn đề Đặng Tiểu Bình trở thành trọng điểm chú ý của toàn đảng. Bây giờ mà còn ngăn trở việc Đặng Tiểu Bình trở lại thì sẽ thành một thiểu số bị cô lập. Hoa Quốc Phong bắt đầu nghĩ tới việc tiếp xúc với Đặng. Mấy hôm sau, ông ta phái Uông Đông Hưng và Lý Hâm đi gặp Đặng. Đặng bắt đầu chủ động phản kích. Trước hết, ông nhằm mục tiêu là bùa hộ mệnh "hai phàm là" của Hoa và Uông, vũ khí mà ông sử dụng là chính hai câu nói của Hoa. Đặng nói: "Hai phàm là" không đúng, nếu theo "hai phàm là" thì không thể nói cho xuôi việc phục hồi cho tôi, cũng không thể nói cho xuôi hành động của quần chúng ở quảng trường Thiên An Môn là hợp tình hợp lý[1]. Hoa không ngờ rằng hai câu nói mà ông buộc phải nói trước hội nghị Trung ương mấy hôm trước lại bị Đặng túm lấy để chứng minh rằng "hai phàm là" có mâu thuẫn. Bây giờ Hoa chỉ giữ thế thủ và trên tay chỉ còn một con bài là sự kiện Thiên An Môn. Ông ta cử người đi gặp Đặng Tiểu Bình nêu điều kiện, yêu cầu Đặng Tiểu Bình làm kiểm thảo, thừa nhận sai lầm, khẳng định sự kiện Thiên An Môn là sự kiện phản cách mạng, thì có thể để Đặng trở lại công tác. Hoa nghĩ rằng có chiếc gông là sự kiện Thiên An Môn thì việc Đặng trở lại sẽ không có gì đáng sợ nữa. Song, câu trả lời của Đặng là: "Việc tôi có trở lại hay không không quan hệ, nhưng sự kiện Thiên An Môn là hành động cách mạng". Sở dĩ Đặng bị đánh đổ là do sự kiện Thiên An Môn, bây giờ ông không chú ý đến vận mệnh của mình mà

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 35.

khẳng khái giữ sự đánh giá trước hành động của quần chúng bị bức hại trong sự kiện Thiên An Môn, như vậy càng làm tăng thêm số người ủng hộ ông. Hoa đã mất trận địa cuối cùng, thì không còn sự lựa chọn nào khác là phục hồi vô điều kiện cho Đặng.

Tháng 7-1977, Hội nghị toàn thể lần thứ ba Trung ương khóa X chính thức quyết định khôi phục lại chức vụ mà Đặng Tiểu Bình đã bị mất 15 tháng trước: ủy viên Trung ương, ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Phó chủ tịch Trung ương đảng, Phó Chủ tịch Quân ủy, Phó Thủ tướng chính phủ, Tổng tham mưu trưởng quân đội. Người thấp bé không thể bị đánh đổ lại một lần nữa vùng lên trên vũ đài chính trị Trung Quốc, một thời đại mới đã bắt đầu.

1.9. CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA PHÁI THỰC TIỄN DO ĐẶNG TIỂU BÌNH - HỒ DIỆU BANG ĐỨNG ĐẦU VỚI PHÁI "PHÀM LÀ" DO HOA QUỐC PHONG - UÔNG ĐÔNG HƯNG ĐỨNG ĐẦU, LÀ CHỦ ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TRONG NĂM 1978

Ông già Đặng Tiểu Bình 73 tuổi, sau khi được phục hồi, không thỏa mãn với việc được khôi phục quan chức, yên hưởng tuổi già. Ông đem hết dũng khí và trí tuệ to lớn vào việc gạt bỏ mọi chướng ngại, để thực hiện đại kế phục hưng đất nước đã ấp ủ từ lâu vào những năm cuối đời. Nhưng, đối thủ lần này của ông không phải là "nhóm bốn tên" nữa mà là Hoa Quốc Phong, người được lợi trong cuộc

đấu tranh giữa ông với "nhóm bốn tên", và Uông Đông Hưng, người đã lập công lớn trong việc đập tan "nhóm bốn tên", những người vẫn tiếp tục theo đuổi đường lối của cách mạng văn hóa.

Có lẽ vì tác dụng quán tính của mô thức cách mạng văn hóa, nên hiệp đấu mới cũng áp dụng phương thức đặc thù, tức là tranh luận một vấn đề thuần túy triết học - Tiêu chuẩn của chân lý rút cục là cái gì. Hai câu trả lời khác nhau với vấn đề này đã hình thành phái thực tiễn do Đặng Tiểu Bình - Hồ Diệu Bang đứng đầu và phái "phàm là" do Hoa Quốc Phong - Uông Đông Hưng đứng đầu. Cuộc đấu tranh giữa phái thực tiễn với phái "phàm là" đã trở thành chủ đề của đời sống chính trị Trung Quốc trong hai năm đầu sau khi đập tan "nhóm bốn tên", đặc biệt là năm 1978.

Cương lĩnh của phái "phàm là" được đưa ra trong bài xã luận "học tốt văn kiện, nắm vững khâu chủ yếu" của "hai báo và một tạp chí", được các báo lớn trong toàn quốc đăng vào 7-2-1977. Bài xã luận do Uông Đông Hưng chủ trì biên soạn đại biểu cho chỉ thị rõ ràng của Trung ương đảng lúc bấy giờ là "Phàm những quyết sách do Mao Chủ tịch đưa ra, chúng ta đều kiên quyết ủng hộ; phàm những chỉ thị của Mao Chủ tịch, chúng ta đều triệt để tuân theo".

Điều "nắm vững khâu chủ yếu", mà bài xã luận nêu ra là đi sâu phê phán "nhóm bốn tên". Nhưng theo thuyết "hai phàm là" thì khi vạch trần "nhóm bốn tên", đầu tiên lại gặp phải vấn đề: Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên trong "nhóm bốn tên" đã viết hai bài văn nổi tiếng: "Bàn về sự chuyên chính toàn diện đối với giai cấp tư sản" và "Bàn về cơ sở xã hội của tập đoàn chống đảng

Lâm Bưu". Vạch trần và phê phán "nhóm bốn tên" có cần phê phán hai bài đó không? Uông Đông Hưng nói: Hai bài đó Mao Chủ tịch đã xem, không được phê. Muốn phê cũng chỉ có thể phê phán không nêu tên một số quan điểm sai lầm trong đó.

Vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" tất nhiên khiến người ta liên tưởng đến cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên". Cần đánh giá thế nào việc chỉnh đốn toàn diện vào năm 1975. Uông Đông Hưng nói, Đặng Tiểu Bình không nghe lời Mao Chủ tịch, vẫn cứ làm theo kiểu của mình. Theo lôgích của họ, đã không nghe lời Mao Chủ tịch thì có đấu tranh với "nhóm bốn tên" thế nào cũng không thể kể là anh hùng, công tác chỉnh đốn dù có thành tích thế nào cũng là sai lầm.

Lúc đó, Đặng Tiểu Bình chưa được phục hồi danh dự. Mọi người hết sức mong mỏi ông được sớm trở lại, trông mong Trung ương Đảng có sự đánh giá công bằng với sự kiện Thiên An Môn. Nhưng theo thuyết "hai phàm là" thì việc phê phán Đặng, phản kích lại làn gió hữu khuynh đòi lật án vẫn phải tiếp tục tiến hành, "sự kiện phản cách mạng" Thiên An Môn không thể được đánh giá lại bởi vì đó là những bản án đã được Mao Chủ tịch xác định.

Mọi người rưng rưng nước mắt hát xong bài "Tú kim biển", lại bắt đầu hát bài "Núi Giao Thành, sông Giao Thành, núi Giao Thành xuất hiện chính ủy Hoa". Việc sùng bái cá nhân với "lãnh tụ anh minh Hoa Chủ tịch" không hề kém sự sùng bái Mao Trạch Đông. Nếu không

giải quyết vấn đề "hai phàm là" thì coi như chỉ đổi thang mà không đổi thuốc.

Mọi người cảm thấy con đường khắc phục rối loạn, trở lại an định chồng chất khó khăn. Bất luận là phần tử trí thức muốn phát huy tài năng, thoát khỏi sức ép nặng nề của đường lối cũ, hay cán bộ các cấp muốn suy nghĩ về mọi chính sách đều cảm thấy e ngại, sợ phạm phải khuyết điểm chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông, phủ định đại cách mạng văn hóa, phủ định sự vật mới, bị chụp cho chiếc mũ muốn lật lại bản án 17 năm.

Còn những vấn đề cụ thể hơn, như mùa xuân năm 1978, hai tỉnh Tứ Xuyên, An Huy truyền về tin tức nông dân khoán sản phẩm đến từng hộ, những nông dân đói khát muốn từ thực tiễn để đột phá vào "hai phàm là". Nhưng Trần Vĩnh Quý, chủ quản về nông nghiệp vội đứng ra ngăn cản, cho rằng nói như vậy là hữu khuynh, là đi ngược lại bài học Đại Trại.

Còn đội quân hàng triệu người về thành phố đợi công ăn việc làm, hàng vạn người có án oan, án giả cần được minh oan, hàng vạn xí nghiệp chờ được khôi phục, hàng chục vạn cán bộ cần được đưa lên hoặc kéo xuống... Tóm lại, là bách phế đãi hưng, bách nghiệp đãi cử. Nếu cứ dựa theo "hai phàm là" thì chỉ có thể "đợi" vĩnh viễn.

Đúng như Cảnh Tiêu, người chủ trì công tác tuyên truyền đã nói: Đăng bài văn đó, coi như "nhóm bốn tên" chưa bị đập tan. Nếu theo "hai phàm là" trong bài văn đó mà thực hiện, thì không làm nổi việc gì.

Cảm tưởng của một nhà báo già là: Giống như lời hoan hô nồng nhiệt về "thắng lợi tháng 10" chưa hô xong,

thì đã bị "hai phàm là" chặn đứng. Ông lo những năm cuối đời của mình sẽ tiếp tục bị "phàm là" làm tiêu tan.

Đại biểu cho hàng vạn con tim lo lắng, Đặng Tiểu Bình là người đầu tiên đứng ra nói chuyện.

Từ tháng 5-1977, khi chưa được phục chức, Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ "hai phàm là" là không đúng. Bởi vì, một là, Hoa Quốc Phong đã nói sẽ khôi phục Đặng vào thời cơ thích hợp và còn nói hành động của quần chúng trong tiết thanh minh là hợp tình hợp lý, nếu theo "hai phàm là" thì những điều đó không xuôi. Hai là, mỗi người đều có thể phạm sai lầm, Mác, Ănghen, Lênin, Xtalin đều không nói "phàm là" bao giờ, bản thân Mao Trạch Đông cũng không nói "phàm là". Phương pháp bác bỏ của Đặng ở đây là "dùng cái mâu của anh để đâm vào cái thuẫn của anh". Điều phản bác thứ nhất nhằm vào mâu thuẫn trong lời nói của Hoa Quốc Phong, làm cho phái "phàm là" không trả lời được. Điều phản bác thứ hai tồn tại một điều giống như là lối lập luận vòng quanh. Nếu phái "phàm là" có đủ tri thức lôgích, họ có thể sẽ hỏi vặn lại: Các anh chẳng đã "phàm là" là gì? Mao Chủ tịch không nói "phàm là", thì tại sao chúng tôi lại không được nói? Mao không nói "phàm là", họ nói "phàm là" như thế là họ nói điều mà Mao Chủ tịch không nói, do đó họ không thuộc phái "phàm là". Mà anh nói là Mao không nói "phàm là" do đó chúng tôi cũng không được nói "phàm là" thì xem ra lại có cái giống với thuyết "phàm là". Điều này tỏ rằng thuyết "phàm là" không dễ bị đánh đổ về mặt lôgích. Không lâu sau, Đặng được phục chức, không có nghĩa là phái "phàm là" bị bác bỏ, mà là kết quả của tác dụng lòng người trong đảng và trong dân.

Trước đó (10-4), Đặng còn đề xuất phải lấy tư tưởng Mao Trạch Đông hoàn chỉnh, chuẩn xác để chỉ đạo, ngầm có ý là phái "phàm là" chỉ lấy từng câu từng đoạn vụn vặt. Sau này, trong hội nghị toàn thể trung ương (21-7) Đặng lại tiến một bước, thay "tư tưởng hoàn chỉnh, chuẩn xác" bằng hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông, muốn dùng "toàn bộ hệ thống" để đối phó với "câu chữ cá biệt" của phái "phàm là". ý của Đặng muốn nói: Toàn bộ hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông là đúng đắn, nhưng không phải câu chữ nào cũng là đúng đắn. Sai lầm của phái "phàm là" là không căn cứ vào điều kiện cụ thể, chỉ khư khư nắm lấy một vài câu chữ với tiền đề cho rằng câu nào của Mao cũng là chân lý. Đặng còn đặc biệt chỉ ra rằng, việc dùng những câu chữ riêng lẻ của Mao để lừa người, dọa người là thủ pháp quen dùng của "nhóm bốn tên". Cách phê phán đó nhằm vạch trần sai lầm của phái "phàm là" đối với hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông rõ ràng là rất có sức mạnh. Nhưng nếu như gặp phải câu "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản" thì sẽ gặp khó khăn vì bản thân lý luận đó là một hệ thống hoàn chỉnh, nhưng dù lý giải thế nào cũng không thấy được sự chính xác của nó. Huống chi, "hệ thống" cũng phải được biểu đạt bằng các câu chữ cá biệt, rút cục câu chữ cá biệt nào đại biểu cho hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông? Xem ra, phân chia hệ thống và câu chữ cá biệt cũng không đánh đổ được "hai phàm là".

Đồng thời với việc phân biệt hệ thống với câu chữ cá biệt, Đặng Tiểu Bình còn nêu ra thực sự cầu thị "là cái căn bản nhất"[1]. "là tinh túy trong tư tưởng chỉ đạo của Mao

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 42.

Trạch Đông"[1]. Cần phải nói là điều này đã chạm tới chỗ cốt yếu của "hai phàm là", bởi vì áp dụng thái độ "phàm là" với tư tưởng Mao Trạch Đông rõ ràng là đi ngược lại điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông là thực sự cầu thị. Vấn đề là dù "thực sự cầu thị" có căn bản đến thế nào cũng vẫn chỉ là "câu chữ cá biệt" của Mao Trạch Đông. Nếu phái "phàm là" tìm một câu chữ cá biệt khác, ví dụ "đấu tranh giai cấp" và nói đó là điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông thì làm thế nào? Có thể là vì ý thức được điểm đó, trước khi đề xuất vấn đề tiêu chuẩn chân lý, Đặng không nói nhiều về "thực sự cầu thị".

Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba khóa X, Đặng Tiểu Bình còn dùng hình thức đưa ví dụ để nói tới vấn đề giới trí thức, một vấn đề mà lúc đó chưa nhạy cảm lắm. Trước hết, ông khẳng định ý kiến đúng đắn của Mao Trạch Đông về vấn đề này, như nhấn mạnh tác dụng của giới trí thức, dùng để làm chỗ dựa cho quan điểm của mình, đồng thời sửa lại cách hiểu một vài quan điểm của Mao, như nói rằng Mao nhấn mạnh việc cải tạo thế giới quan của trí thức là xuất phát từ ái mộ trí thức; đồng thời còn phát huy quan điểm của mình như nói phần tử trí thức là người lao động trí óc. Ngoài ra, Đặng chỉ ra rằng lời Mao Trạch Đông nói giới trí thức ý nói giới trí thức là tư sản, những lời đó hiện nay không thể tiếp tục nói. Phương pháp của Đặng Tiểu Bình dùng ở đây là phân biệt lời của Mao thành loại đúng đắn và loại sai lầm, cho rằng đúng đắn thì phải khẳng định, sai lầm thì phải phủ định. Đặng còn chú ý tới mức

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 64.

độ, tức là mặt đúng đắn của Mao Trạch Đông là chủ yếu, mặt sai lầm là cục bộ. Điều này rõ ràng là sự đột phá lớn vào phái "phàm là" cho rằng câu nào cũng là chân lý. Nhưng nếu về một vấn đề nào đó lời của Mao là sai lầm hoặc đại bộ phận là sai lầm, thì cách "một chia làm hai" đó của Đặng không giải quyết được vấn đề.

Tháng 8 và 9 năm 1977, Đặng Tiểu Bình bắt đầu chĩa mũi nhọn phê phán vào một vấn đề có tính bùng nổ khác, tức là "hai sự đánh giá", cho rằng 17 năm trước cách mạng văn hóa, mặt trận giáo dục bị đường lối đen của giai cấp tư sản chi phối, đại đa số phần tử trí thức là trí thức tư sản. Hai sự đánh giá đó là do Mao đưa ra, theo "hai phàm là" thì không được động tới. Nhưng Đặng nói "Đồng chí Mao Trạch Đông đã nói không có nghĩa là trong đó không có chuyện đúng sai"[1]. Vấn đề nằm ở đâu? "Kỷ yếu" có dẫn rất nhiều lời Mao Trạch Đông, nhưng "có rất nhiều điều là cắt xén"[2] Hai là, "Kỷ yếu" được nhét vào rất nhiều lời của "nhóm bốn tên"[3]. Câu thứ nhất muốn nói lời của Mao ở đây là sai, vì đã bị người khác lý giải một cách cắt xén. Câu thứ hai chỉ rõ có sai lầm không thuộc bản thân Mao Trạch Đông. Đây là vấn đề quan hệ giữa "toàn bộ hệ thống" và "câu chữ cá biệt". Thế thì 17 năm rút cục là sợi chỉ đỏ hay sợi chỉ đen? Đặng Tiểu Bình trả lời quả quyết: "Mặt chủ đạo là sợi chỉ đỏ"[4]. Cần nói rằng: Đánh giá lại 17 năm vào lúc đó là rất dũng cảm, nhưng Đặng "cũng chiếu cố một chút tình hình hiện thực"[5]. Ông chỉ nói sợi chỉ đỏ là chủ đạo, nhưng không nói có tồn tại sợi chỉ đen không. Đặng cho rằng chỉ cần sợi chỉ đỏ là chủ đạo thì bản án đã được lật lại rồi. Ngờ đâu sự "chiếu cố" đó lập tức được phái

1,2,3,4,5. Đặng tuyển, Quyển II, tr. 63, 64, 64, 46, 64.

"phàm là" lợi dụng. Cuối năm 1977, đầu năm 1978, Quang Minh nhật báo và tạp chí Hồng Kỳ đều đăng bài nhắc lại thuyết về sợi chỉ đen, nhưng phương pháp đề cập rất khôn khéo. Họ không phủ nhận đường lối chiếm địa vị chủ đạo trong 17 năm là đường lối cách mạng đúng đắn của Mao Chủ tịch, nhưng sau khi khẳng định điểm đó, họ lại nói như đanh đóng cột "Sợi chỉ đen là có. Đó là đường lối xét lại phản cách mạng của Lưu Thiếu Kỳ. Mười bảy năm không còn là do đường lối đen chi phối nữa, mà biến thành đường lối đúng đắn của Mao Chủ tịch đấu tranh với đường lối đen của Lưu Thiếu Kỳ. Phái "phàm là" ở đây cũng dùng phương pháp "một chia làm hai", kết quả là làm cho phương pháp một chia làm hai của Đặng Tiểu Bình mất hiệu lực: Đường lối đen vẫn là đường lối đen, còn đường lối đỏ bản thân vĩnh viễn vẫn không bao giờ sai lầm.

Việc phê phán "hai phàm là" trong suốt năm 1977 vẫn xoay quanh những câu chữ cá biệt, hoặc dùng "câu chữ cá biệt" đúng đắn để phủ định "câu chữ cá biệt" sai lầm, hoặc chứng minh "câu chữ cá biệt" nào đó vốn không phải là của Mao Chủ tịch. Những thành quả về mặt này cũng không ít. Thí dụ, Nhân Dân nhật báo hồi tháng 5 đã vạch ra: bài văn do "hai tờ báo và một tạp chí" phát biểu về lý luận của Mao Trạch Đông "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản", đăng ngày 6-11-1976, sau khi đối chiếu với bản thảo gốc, thấy cách nói "chuyên chính toàn diện" không phải là lời của Mao Trạch Đông mà là do Trần Bá Đạt, Diêu Văn Nguyên viết thêm vào, xếp chữ đậm trở thành "ngữ lục của Mao Chủ tịch". Người ta liền cho rằng, thế là cơ sở lý luận của cách mạng văn hóa bị lung lay rồi. Nhưng điểm đó cũng không làm phương hại đến "hai phàm

là", ngược lại, còn chứng minh là lời của Mao Chủ tịch là không thể sai, nếu có sai thì nhất định không phải là lời Mao Chủ tịch. Điều quan trọng hơn là, Mao Trạch Đông nói nhiều như vậy, nếu cứ giám định thật giả từng câu một thì đến tháng nào năm nào mới xong.

Tháng 11-1977 Nhân Dân nhật báo và tạp chí Hồng Kỳ lại đưa ra một tin rung động: Trong sổ ghi chép của Trì Quần có tìm thấy một câu nói của Mao Trạch Đông đánh giá về 17 năm: Đánh giá về 17 năm không nên nói quá mức, chấp hành đường lối sai lầm chỉ là một số nhỏ; đa số phần tử trí thức vẫn ủng hộ chủ nghĩa xã hội; người ta là những giáo sư, vẫn cần được tôn trọng... Câu nói này bị "nhóm bốn tên" phong tỏa suốt 6 năm trời, bây giờ mới tìm ra, đa số phần tử trí thức mới thoát ra khỏi sự đè nặng của hai sự đánh giá. Nhưng người ta có thể hỏi: Nếu "nhóm bốn tên" giấu kín hơn câu nói đó, hoặc nếu Trì Quần dứt khoát đốt bỏ cuốn sổ đi, làm cho người đời sau vĩnh viễn không thấy được ánh sáng của chân lý, thì sẽ như thế nào?

Bất kỳ là dùng "câu chữ cá biệt" đúng đắn, hoặc nhấn mạnh "toàn bộ hệ thống", hoặc phân biệt "mặt chủ đạo", đều không buộc được phái "phàm là" nộp súng đầu hàng. Dù rằng nêu ra điểm căn bản "thực sự cầu thị" thì vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Đó chủ yếu là vì phía phê phán vẫn chưa vượt ra khỏi phạm vi của bản thân lý luận. Muốn đè bẹp "hai phàm là" về căn bản, cần phải vượt ra khỏi lý luận từ bên ngoài lý luận để bàn về lý luận, tức là đưa vấn đề chuyển sang tiêu chuẩn của chân lý để bàn.

Người đầu tiên mở ra bước đó không phải là Đặng Tiểu Bình, mà là một người dân thường có cùng cách nghĩ với Đặng Tiểu Bình: Giảng sư Hồ Phúc Minh ở khoa triết học Trường đại học Nam Kinh.

Hồ Phúc Minh từ lâu đã ý thức được rằng phê phán "hai phàm là", mục đích là nhằm phủ định đại cách mạng văn hóa, phê phán sai lầm cuối đời của Mao, nói trắng ra là nhằm phê phán hai chủ tịch, vì vậy tiến công từ chính diện khó thu được kết quả. Ông ta suy nghĩ lao lung, thấy rằng viết từ chính diện, bàn về thực sự cầu thị thì khó trực tiếp tác động được tới "hai phàm là". Phê phán luận điệu "Lời Mao Chủ tịch, câu nào cũng là chân lý do Lâm Bưu nêu ra có phần tác động gần nhưng vẫn chưa nhằm đúng vào điểm cốt tử của "hai phàm là". Điểm cốt tử của "hai phàm là" là: 1) lời Mao Chủ tịch là thiên kinh địa nghĩa, câu nào cũng là chân lý, không cần phải kiểm nghiệm bằng thực tiễn. 2) Những chỉ thị, lời nói chuyện, lời phê, lời khuyên, lời tán thành của Mao Trạch Đông đều tuyệt đối chính xác, không những không cần chứng minh bằng thực tiễn mà còn là công cụ để chứng minh, là tiêu chuẩn của chân lý. Qua một số ngày nghiền ngẫm, cuối cùng Hồ tìm ra được một đột phá khẩu - đó là vấn đề tiêu chuẩn của chân lý. Sự đề xuất này nhằm trúng vào điểm cốt tử của "hai phàm là", mà lại không cần công khai nêu ra "hai phàm là". Vì tìm được cách đề xuất đó, nên Hồ hết sức phấn khởi.

Một ngày tháng 4-1978, bài văn bàn về tiêu chuẩn của chân lý của Hồ Phúc Minh được gửi tới Quang Minh nhật báo, tới tay tổng biên tập mới, Dương Tây Quang. Dương vừa tốt nghiệp Trường Đảng trung ương, được phó hiệu trưởng Hồ Diệu Bang phái tới Quang Minh nhật báo làm việc. Ngay từ tháng 12-1977, Hồ Diệu Bang đã nêu lên hai nguyên tắc nghiên cứu lịch sử đảng: Một là, vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông một cách hoàn chỉnh, đúng

đắn. Hai là, thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Dưới sự chủ trì của Hồ Diệu Bang, Trường Đảng còn tổ chức cuộc thảo luận sôi nổi về một loạt vấn đề nhằm dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định. Dương Tây Quang cũng tham gia các cuộc thảo luận đó, nên khi nhận được bài báo bàn về tiêu chuẩn thực tiễn của Hồ Phúc Minh, liền thấy ngay rằng đây là cái mình đang cần. Ông quyết định không xếp bài báo vào chuyên mục triết học, mà tổ chức lực lượng hiệu đính, tăng cường tính nhằm vào hiện thực, đề cập tới những nội dung cấm kỵ ảnh hưởng tới việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại an định, rồi cho đăng trên trang nhất.

Trong khi tổ chức lực lượng để hiệu đính, sửa chữa, thấy Tôn Trường Giang và Ngô Giang ở phòng nghiên cứu lý luận Trường Đảng trung ương cũng đang viết về đề tài này, liền triệu tập đến để cùng sửa chữa. Bài văn sau khi sửa, đã tập trung phê phán chủ nghĩa giáo điều cho rằng "những điều ghi trong thánh kinh mới là đúng", phê phán khuynh hướng sai lầm chỉ nhằm vào mấy câu chữ trong chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông, thậm chí dùng mấy câu chữ có sẵn đó để hạn chế, cắt gọt, tước bỏ thực tiễn cách mạng vô cùng phong phú và phát triển rất nhanh chóng, đặt tiêu đề là "Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý".

Bài văn sau khi sửa chữa xong, được gửi tới Hồ Diệu Bang để thẩm định. Để mở rộng ảnh hưởng, những người biên tập quyết định, trước hết cho đăng trên tạp chí nội bộ của Trường Đảng trung ương là tờ "Động thái lý luận", hôm sau mới đăng công khai trên Quang Minh nhật báo. Vì mọi bài báo đăng trên "Động thái lý luận" đều phải qua

Hồ Diệu Bang duyệt. Hồ Diệu Bang hoàn toàn đồng ý với phương án này.

Bài báo được sửa đổi mười lần trong 7 tháng, cuối cùng đã được đăng trên Quang Minh nhật báo ngày 11-5-1978, ở vị trí nổi bật trên trang nhất với danh nghĩa bình luận viên đặc biệt. "Bình luận viên đặc biệt", danh nghĩa đó dễ khiến người ta nghĩ đến một bàn tay đầy quyền uy. Kỳ thực, các biên tập viên nghĩ ra cái tên đó là có sự suy xét: Lúc đó, phàm các bài quan trọng trên báo chí trung ương được phát biểu dưới hình thức xã luận hoặc danh nghĩa bình luận viên bản báo, thì đều phải đưa sang cho Uông Đông Hưng, người chủ quản công tác tuyên truyền thẩm duyệt, nếu lấy danh nghĩa bình luận viên đặc biệt thì được miễn.

Qua việc bàn bạc trước, sau khi Quang Minh nhật báo đăng tải, Tân Hoa xã sẽ chuyển phát toàn văn, và hôm sau 12-5-1978, Nhân Dân nhật báo và Giải phóng quân báo sẽ đăng lại toàn văn và có chú rõ "theo tin điện ngày 11-5 của Tân Hoa xã". Trên thực tế, ở các địa phương cũng có hơn 10 tờ báo như "Liêu Ninh nhật báo" đồng thời đăng toàn văn. Như vậy, trái bom nguyên tử xuất phát từ Trường Đảng trung ương và Quang Minh nhật báo đã nhanh chóng phóng tia bức xạ từ Bắc Kinh tỏa đi các nơi. Khi phái "phàm là" chú ý tới thì đã quá muộn.

Theo tin của Chiaxơ Burai:"Trước khi phái thực tiễn phát động cuộc đại biện luận, để bảo đảm bất ngờ, giành thắng lợi, công tác bảo mật đã được tiến hành rất tốt, phái "phàm là" hoàn toàn không hay biết gì. Trong khi Quang

Minh nhật báo phát bài đó, Hoa Quốc Phong đang đi thăm Triều Tiên, nên phái "phàm là" không có được phản ứng kịp thời, có hiệu lực. Sau khi bài báo ra mắt công chúng, Uông Đông Hưng và Kỷ Đăng Khuê liên danh đánh điện cho Hoa Quốc Phong báo cáo tình hình, cho rằng việc này có ảnh hưởng rất rộng, hậu quả rất lớn, xin Hoa Quốc Phong cho phương châm đối phó. Hoa nhận được báo cáo, chủ trương giữ thái độ thận trọng"[1].

Điểm cốt tử của "hai phàm là" bị đánh trúng. Không ai phủ nhận được "thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý". Đó là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác. Mệnh đề này hay ở chỗ nó bác bỏ được từ căn bản mọi khả năng lấy bất kỳ lý luận nào để thay cho chân lý. Thần thoại của phái "phàm là" bị đả phá. Lời Mao Trạch Đông không thể coi là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chân lý. Bản thân nó có là chân lý hay không còn cần được thực tiễn hôm nay phán đoán. Như vậy thì câu nói "phàm là" lời Mao Chủ tịch thì đều không thể thay đổi, là không đứng vững nữa. Từ đó suy rộng ra, Mao Trạch Đông cũng không tránh khỏi có sai lầm, thế thì các án oan, án giả cần được sửa sai. Dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định là cần thiết. Sự suy rộng đó hoàn toàn đáp ứng tâm lý của đông đảo cán bộ bị oan trong thời kỳ cách mạng văn hóa, nên tất nhiên khiến phái "phàm là" lo sợ.

Ngay hôm bài báo xuất hiện, mấy người trong phái "phàm là" phát hiện vấn đề lý luận nêu ra trong đó không phải là mới, nhưng lại rất quan trọng đối với

---

1. "Những ngôi sao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới con mắt người nước ngoài", NXB Nhân Dân Tứ Xuyên, 1991, tr. 311.

tình hình lúc bấy giờ. Tối hôm đó, họ gửi cho Tổng biên tập Nhân Dân nhật báo một bức điện nghiêm khắc, nói bài đó xúi giục người ta sửa chữa lại tư tưởng Mao Trạch Đông, là phản động về mặt chính trị.

Uông Đông Hưng định thần lại, vào ngày 17-5 nói trong một cuộc hội nghị là, bài báo đó "trên thực tế là chĩa mũi nhọn vào tư tưởng Mao Trạch Đông" và trách cứ: "Đó là ý kiến của đồng chí trung ương nào?" . Uông khiển trách những người đăng bài báo đó là "không có tính đảng". Hôm sau, Uông lại tìm người thân tín của Hoa Quốc Phong là bộ trưởng tuyên truyền trung ương Trương Bình Hóa. Trương được lệnh nói với các trưởng đoàn đại biểu tham gia hội nghị giáo dục toàn quốc, yêu cầu họ không nên vì thấy Nhân Dân nhật báo đã đăng, Tân Hoa xã đã phát mà cho là vấn đề đã được xác định, phải nâng cao năng lực phân biệt, không nên chuyển theo chiều gió, và yêu cầu họ trở về báo cáo lại với Thường vụ các tỉnh ủy.

Ngô Giang nói rất đúng: Cuộc thảo luận này nếu không có sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình vừa ra làm việc lại, thì không thể triển khai thắng lợi được. Ngày 19-5, Đặng Tiểu Bình bắt đầu tỏ thái độ. Theo nói lại, khi Quang Minh nhật báo đăng bài này, ông chưa chú ý lắm. Sau nghe nói có người phản đối rất kịch liệt, ông mới tìm xem. Xem xong, Đặng nói thẳng với người phụ trách tiểu tổ lãnh đạo hạt nhân trong bộ Văn hóa cách nhìn nhận của mình: Bài báo phù hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, không thể bác bỏ được. Ngày 30-5, khi nói chuyện với mấy người phụ trách, ông lại nhằm thẳng vào phái "phàm là": chỉ cần anh nói không giống với Mao Chủ tịch, không giống với Hoa Quốc Phong thì là không được. Đây không phải là một

hiện tượng cô lập, đây là sự phản ánh một tư trào hiện nay.

Cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn chính là nhằm chống lại tư trào đó. Từ một năm nay, Đặng Tiểu Bình đang đi tìm vũ khí. Một năm trước, ông đã nhằm vào "hai phàm là" mà hai lần nêu ý kiến rằng "thực sự cầu thị" là điều căn bản và tinh túy của tư tưởng Mao Trạch Đông, nhưng ông chưa triển khai đầy đủ, cũng chưa tạo nên sự uy hiếp với phái "phàm là", là vì thực sự cầu thị vẫn chưa đề cập tới tiêu chuẩn thực tiễn, chưa liên hệ với tiêu chuẩn thực tiễn. Nay từ trí tuệ của nhân dân, Đặng đã phát hiện ra mối liên hệ đó. Do đó, trong hội nghị công tác chính trị toàn quân ngày 2-6, Đặng đã nói về ba vấn đề, dành thời gian dài nói về thực sự cầu thị. Ông chỉ thẳng ra: "Có một số đồng chí ngày nào cũng nói tư tưởng Mao Trạch Đông, nhưng luôn quên mất, vứt bỏ, thậm chí phản đối lại thực sự cầu thị, xuất phát từ thực tế, lý luận kết hợp với thực tiễn là những quan điểm căn bản, phương pháp căn bản của chủ nghĩa Mác. Không những thế, một số người còn cho rằng ai kiên trì thực sự cầu thị, xuất phát từ thực tế, kết hợp lý luận với thực tiễn thì người đó phạm tội lỗi tày trời. Quan điểm của họ, về thực chất là chủ trương chỉ cần sao chép nguyên xi lời của Mác-Lênin, Mao Trạch Đông rồi truyền đi, theo thế mà làm là được. Nếu không như vậy, thì nói là đi ngược lại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, đi ngược lại tinh thần của Trung ương"[1] Văn phong của Đặng là phản đối việc dẫn kinh

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 109.

Nhưng lần này, để luận chứng thực sự cầu thị là điểm xuất phát, điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông, ông đã phá lệ, làm như một nhà khảo chứng nghiêm túc, đã trưng dẫn nguyên lời của Mao Trạch Đông phản đối chủ nghĩa sách vở trong những năm 30, và nhấn mạnh đến thực tiễn xã hội trong những năm 60, trong 3 trang của bài nói, đã dẫn tới 17 đoạn. Đây là lần duy nhất thấy trong toàn bộ trước tác và nói chuyện của Đặng Tiểu Bình. Việc trích dẫn của Đặng được làm một cách rất có nghệ thuật, ông hầu như đưa ra hết những lời sắc bén và nổi bật của Mao Trạch Đông về chống chủ nghĩa giáo điều, như chủ nghĩa giáo điều là anh lười biếng, là kẻ thù của Đảng Cộng sản, là biểu hiện tính đảng không trong sáng, là phương pháp khéo léo để không thi hành chỉ thị cấp trên, là coi chủ nghĩa Mác là thần đan tiên dược trị bách bệnh. Những cái đó đem ra chỉ đạo cách mạng thì nếu không phạm cơ hội chủ nghĩa, cũng phạm manh động chủ nghĩa, vừa làm hại mình, vừa làm hại đồng chí. Dẫn chứng của Đặng còn đặc biệt chú ý mở rộng từ thực sự cầu thị sang tiêu chuẩn thực tiễn, như "chỉ có thực tiễn xã hội của người ta mới là tiêu chuẩn chân lý để người ta nhận thức thế giới bên ngoài"; chỉ có qua sự khảo nghiệm của thực tiễn mới chứng minh được tư tưởng "rút cục là đúng đắn hay là sai lầm, ngoài ra không có phương pháp kiểm nghiệm chân lý nào khác"; tư tưởng cần được "kiểm nghiệm trong thực tế khách quan, chứng minh là chân lý, như vậy mới được tính là chân lý, không như vậy, không được tính là chân lý"[1], cuối cùng Đặng đi vào vận dụng thực tế, nhắc nhở cán bộ lãnh đạo các cấp, đối với chỉ thị của trung ương hoặc cấp trên "không nên coi như pháp bảo, sao chép và truyền đi một cách giản đơn"[2] . Theo thống kê, trong cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 110,112,113.

năm 1978, trong toàn quốc có tới 650 bài văn. Bài này của Đặng Tiểu Bình là một trong số đó, và là bài xuất sắc nhất, có trọng lượng nhất.

Bài nói chuyện ngày 2-6 của Đặng Tiểu Bình đã ủng hộ tích cực cho cuộc thảo luận về tiêu chuẩn chân lý, nhưng phái "phàm là" vẫn không chịu thua. Ngày 15-6, Uông Đông Hưng triệu tập cuộc họp người phụ trách các đơn vị tuyên truyền, vẫn phê phán những bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Lúc đó, ngoài xã hội truyền lan tin đồn là Nhân Dân nhật báo phạm sai lầm, đã bị cải tổ. Có người còn công kích tờ "Động thái lý luận", nói: thời "nhóm bốn tên" có "hai trường", nay có Trường Đảng trung ương, giờ thì hết. Một số nhà lý luận phe tả ra sức phản công. Họ nói nhấn mạnh thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý tức là phủ nhận tác dụng chỉ đạo của lý luận. Họ chất vấn, nói chủ nghĩa cộng sản đến tương lai mới thực hiện được, hiện nay vẫn chưa được thực tiễn chứng minh, chẳng lẽ không được tính là chân lý hay sao? Để trả lời những sự thách thức đó, Hồ Diệu Bang lại tổ chức cho Ngô Giang và một số người nữa viết bài báo trọng điểm thứ hai "Nguyên tắc căn bản nhất của chủ nghĩa Mác". Bài này không thể đăng trên Quang Minh nhật báo và Nhân Dân nhật báo mà dùng phương thức quanh co, trước hết đăng trên Giải phóng quân báo với hình thức bình luận viên đặc biệt. Phương án này được La Thụy Khanh, bí thư quân ủy ủng hộ và giúp đỡ, vì bài báo này, La đã 6 lần trao đổi qua điện thoại với Hồ Diệu Bang. Ông còn nói rằng nếu bài báo này bị đánh, ông sẽ đứng ra chịu trách nhiệm. Bài này ngoài việc luận chứng rằng quá trình lý luận chỉ đạo thực tiễn cũng là quá trình kiểm nghiệm chân lý phát triển lý luận, còn chỉ rõ

một số người sở dĩ muốn kiên trì "hai phàm là" bởi vì lợi ích của họ ít nhiều có liên hệ với khẩu hiệu cũ đó.

Việc công bố bài báo thứ hai khiến cho cao trào thảo luận về vấn đề tiêu chuẩn chân lý lại dâng lên. Trong tháng 7, giới khoa học và giới lý luận triệu tập hai cuộc thảo luận sôi nổi về vấn đề quan hệ giữa lý luận với thực tiễn, đưa cuộc thảo luận về tiêu chuẩn chân lý mở rộng ra toàn quốc. Lúc này Uông Đông Hưng cuống quít, ông ta giao ước với tỉnh ủy Sơn Đông ba điều: Một là, không được hạ cờ; hai là, không được vứt bỏ vũ khí; ba là, không được quay ngoắt 180°. Đặng Tiểu Bình tìm Trương Bình Hóa, nói thẳng thắn: anh đừng có "ra lệnh cấm", "vạch khu cấm" nữa, đừng có kéo lùi phong trào chính trị vừa mới bắt đầu được sốc nổi sống động trở lại. Trung tuần tháng 9, Đặng Tiểu Bình thị sát vùng Đông Bắc, nhằm vào thuyết "hạ cờ", nói làm thế nào giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Ông nói rõ: "hai phàm là" không phải là giương cao thật, mà là giương cao giả, giương cao một cách hình thức. Giương cao một cách thực sự là thực hiện di nguyện của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, nhằm mục tiêu bốn hiện đại hóa. Chủ bài của phái "phàm là" là "giương cao", Đặng dùng giương cao thật và giương cao giả để phân biệt và giành lại lá cờ.

Phái thực tiễn hầu như khống chế được trận địa dư luận, phái "phàm là" chỉ còn lại trong tay tờ tạp chí Hồng Kỳ. Uông Đông Hưng trao phương châm cho tờ Hồng Kỳ là đứng một mình, không tham gia vào cuộc thảo luận. Với sự khống chế của Uông, Hồng Kỳ im lặng mất 5 tháng, không hề đăng bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Sau không thể im

lặng mãi được, liền tổ chức đăng một bài về "thực tiễn luận". Ngay trong bài này, Uông cũng yêu cầu chỉ hạn chế trong việc thảo luận học thuật. Điều này hoàn toàn ngược với cách làm của "nhóm bốn tên" quen đi từ vấn đề học thuật tiến sang vấn đề chính trị. Điều đó tỏ rằng phái "phàm là" ở vào địa vị thế thủ, Uông hy vọng giữ vững được trận địa cuối cùng là tờ Hồng Kỳ, nhưng sau lại bị Đàm Chấn Lâm tiến công nên không giữ vững được. Nguyên là Hồng Kỳ dự định viết mấy bài nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày sinh Mao Trạch Đông, hẹn Đàm Chấn Lâm viết về việc Mao Trạch Đông lãnh đạo cuộc đấu tranh ở Tỉnh Cương Sơn như thế nào. Ngờ đâu, Đàm viết thành bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Ban biên tập yêu cầu ông sửa lại, ông không những không sửa, còn đề ra hai cái "phàm là" mới: phàm thực tiễn đã chứng minh là đúng, thì phải kiên trì; phàm thực tiễn đã chứng minh là sai, thì phải sửa chữa. Đàm nói hai câu đó cũng là kết quả suy nghĩ trong hai tháng. Sau đó việc kiện cáo đưa lên tới Bộ Chính trị, Đặng Tiểu Bình phê như sau: Tôi thấy bài này tốt, ít nhất là không có sai lầm. Sửa đi một chút, nếu Hồng Kỳ không chịu đăng thì chuyển sang Nhân Dân nhật báo đăng. Tại sao Hồng Kỳ lại không tham gia vào cuộc thảo luận? Nên tham gia. Xem ra bản thân việc không tham gia, lại là một cách tham gia. Việc tham gia này khiến phái "phàm là" mất đi trận địa cuối cùng. Chỉ thị của Hoa Quốc Phong cho người lãnh đạo các tỉnh, thành phố cũng là không tham gia, không tỏ thái độ. Ông ta còn phê bình các tỉnh, thành phố đã tỏ thái độ. Nhưng ông ta cũng không có cách nào dập tắt đám lửa. Từ tháng 8, các tỉnh, thành phố, khu tự trị sôi nổi tỏ thái độ ủng hộ cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn. Chỉ có tỉnh Hồ Nam là nghe lời Hoa, nhưng cuối cùng cũng

phải tỏ thái độ. Đây là một loại tỏ thái độ chính trị đặc biệt. Tán thành tiêu chuẩn thực tiễn thực chất là tán thành phái thực tiễn của Đặng Tiểu Bình. Vì vậy việc tỏ thái độ của các tỉnh có nghĩa là phái "phàm là" rơi vào cô lập, phái thực tiễn thừa thắng truy kích. Trong hội nghị công tác trung ương kéo dài 36 ngày từ 10-11 đến 15-12, phái thực tiễn hoàn toàn nắm vững quyền chủ động, làm đảo lộn hết chương trình nghị sự đã định của Hoa Quốc Phong, hình thành một loạt 8 quyết định quan trọng: 1) Sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn; 2) Hủy bỏ văn kiện phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng Tiểu Bình; 3) Sửa sai cho vụ án oan tập đoàn Bạc Nhất Ba gồm 61 người; 4) Sửa sai cho "dòng nước ngược tháng hai"; 5) Sửa đổi những kết luận sai lầm về Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn; 6) Bỏ tổ chuyên án trung ương; 7) Thẩm tra các tội ác của Khang Sinh, Tạ Phú Trị; 8) Chỉ thị cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị căn cứ vào nguyên tắc thực sự cầu thị, xử lý một số việc quan trọng nảy sinh trong cách mạng văn hóa. Những người và việc nêu ra trong 8 quyết định này đều là những vụ án quan trọng do Mao Trạch Đông nêu ra hoặc đồng ý. Nay đã lật lại toàn bộ, tỏ rằng phái "phàm là" thất bại hoàn toàn.

Ngày 13-12, Hoa Quốc Phong bị buộc phải kiểm thảo trong phiên họp bế mạc về "hai phàm là". Ông ta nói: cách đề xuất "hai phàm là" là qúa tuyệt đối, nó đã trói buộc tư tưởng mọi người ở các trình độ khác nhau, không có lợi cho việc vận dụng các chính sách của đảng một cách thực sự cầu thị, không có lợi cho việc làm sống động tư tưởng trong đảng. Lúc đó chưa suy xét được chu đáo về hai câu nói đó, ngày nay nhìn lại, không đề ra "hai phàm là" thì tốt hơn. Uông Đông Hưng cũng phải nói mấy câu kiểm thảo và

thuyết minh qua quít. Dù thế nào, phái "phàm là" đã chịu thua, phái thực tiễn giành được thắng lợi có tính quyết định.

Trong buổi bế mạc, Đặng Tiểu Bình đã đọc bài nói "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước". Bài nói này thực tế là báo cáo chủ đề cho Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI sau này. Hội nghị Trung ương lần thứ ba đã xác lập toàn diện đường lối tư tưởng, đường lối chính trị và đường lối tổ chức của phái thực tiễn, đánh dấu sự bắt đầu của thời đại Đặng Tiểu Bình. Hội nghị miễn trừ các chức vụ kiêm nhiệm của Uông Đông Hưng, khiến ông ta không có cách nào can thiệp vào công tác tuyên truyền, đồng thời bổ nhiệm Hồ Diệu Bang làm Bí thư trưởng trung ương kiêm trưởng ban tuyên truyền trung ương. Vị trí đó sẽ nhanh chóng phát triển sang thay thế chức vụ của Hoa Quốc Phong.

Trong lúc thành công, Đặng Tiểu Bình không quên vấn đề then chốt là cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn. Ông nói: Ý nghĩa của cuộc tranh luận này rất lớn, càng xem xét càng thấy quan trọng, bởi vì nó giải quyết vấn đề đường lối tư tưởng, là một việc "xây dựng cơ bản, không giải quyết vấn đề đường lối tư tưởng, không giải quyết tư tưởng thì không thể định ra được đường lối chính trị đúng đắn, dù có định ra được cũng không thể quán triệt được"[1]. Rõ ràng cuộc thảo luận này khiến Đặng Tiểu Bình thu được lòng đảng, lòng dân, chuẩn bị về tư tưởng và lý luận cho việc chuyển biến của Hội nghị toàn thể Trung

1. Đặng Tuyển. Quyển II, tr. 176.

ương lần thứ ba, mở đường cho Đặng Tiểu Bình triệt để sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa, tiến hành đường lối đổi mới, cải cách.

1.10. MỤC TIÊU CỦA ĐẶNG KHÔNG NHỮNG CHỈ LÀ ĐẢO NGƯỢC LẠI SỰ ĐÁNH GIÁ "BA SAI BẢY ĐÚNG" CỦA MAO, MÀ CÒN PHỦ ĐỊNH VỀ CĂN BẢN "CÁCH MẠNG VĂN HÓA", PHỦ ĐỊNH MỘT LOẠT SAI LẦM VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Đặng Tiểu Bình vì muốn phủ định "đại cách mạng văn hóa" mà bị Mao Trạch Đông cách chức lần thứ hai. Bất đồng căn bản giữa Đặng và Mao là ở đâu? ở sự nhìn nhận cách mạng văn hóa. Mao giữ vững ý kiến cho là cách mạng văn hoá có 7 phần thành tích, 3 phần sai lầm. Ba phần sai lầm, theo Mao là "đả đảo tất cả, nội chiến toàn diện". Đặng nói: "Tám chữ đó làm sao phù hợp được với bảy phần thành tích?"[1]. Theo ông, đả đảo tất cả, toàn diện nội chiến là một sai lầm rất lớn. Mà trên thực tế, cái mà ông muốn phủ định không chỉ là tám chữ đó. Mục tiêu của ông không chỉ là muốn đảo ngược lại sự đánh giá ba phần sai lầm bảy phần thành tích của Mao, mà căn bản phủ định cách mạng văn hóa, phủ định một loạt lý luận và thực tiễn sai lầm của cách mạng văn hóa, phủ định việc lớn thứ hai trong cuộc đời Mao Trạch Đông.

Năm 1977, sau khi được trở lại làm việc, việc thứ nhất mà Đặng Tiểu Bình muốn làm là thanh trừ hậu quả của cách mạng văn hóa. Điều đó không phải xuất phát từ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr.265.

ý chí cá nhân, và cũng không thể giải thích bằng tính cách quật cường của Đặng. Nguyên nhân căn bản là Đặng có cả một hệ thống phương lược từ trước hoàn toàn khác với Mao, từ mục tiêu "bốn hiện đại hóa" đến phương pháp cải cách mở cửa, Đặng hiểu rõ rằng, nếu cứ kế thừa nguyên xi toàn bộ hậu quả của cách mạng văn hóa mà Mao Trạch Đông để lại thì sẽ là chướng ngại không thể vượt qua được để ông thực hiện lý tưởng của mình. Ngược lại, nếu ông bắt tay vào việc thanh trừ những hậu quả đó thì trở ngại sẽ biến thành động lực to lớn.

Đặng Tiểu Bình quyết tâm sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa, là chủ đề xung đột giữa ông với phái "phàm là". Toàn bộ công việc của Hoa Quốc Phong, thủ lĩnh phái "phàm là" sau khi đập tan "nhóm bốn tên" là tuyên bố "cuộc đại cách mạng văn hóa vĩ đại" đã kết thúc "thắng lợi". Phương châm "nắm khâu chủ yếu, trị lý quốc gia" tiếp sau của ông ta là: 1) Tập trung phê phán "nhóm bốn tên", 2) Tiếp tục phê Đặng, 3) Yêu cầu cán bộ và quần chúng đông đảo đối xử đúng đắn với "cách mạng văn hóa". Khi bàn về vấn đề Đặng Tiểu Bình, cách nói của Uông Đông Hưng là Đặng không hiểu cách mạng văn hóa, không đối xử đúng đắn với ba việc (đối xử đúng đắn với cách mạng văn hóa, đối xử đúng đắn với phong trào quần chúng, đối xử đúng đắn với sự vật mới). Thậm chí còn có người coi ngang bằng giữa Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên". Phái "phàm là" không biết rằng việc họ vừa phê phán "nhóm bốn tên", vừa phê phán Đặng Tiểu Bình có chứa đựng một mâu thuẫn không thể khắc phục nổi, và rất nhiều người bị hại trong cách mạng văn hóa, bao gồm cả Đặng Tiểu Bình

liền lợi dụng chính ngay mâu thuẫn đó để đưa Trung Quốc sang một hướng khác.

Đặng Tiểu Bình và các chiến hữu của ông dự tính bắt đầu từ việc vạch trần phê phán "nhóm bốn tên". Dù thế nào, thì đó cũng là điểm chung giữa họ với phái "phàm là" lúc đó đang giữ vị trí chủ đạo. Nhưng việc vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" của những người lãnh đạo phái "phàm là", lại có điểm khiến người ta thất vọng. Trước hết họ gọi đường lối của "nhóm bốn tên" là cực hữu mà không phải là cực tả. Theo tiêu chuẩn định tính đó, ba tài liệu phê phán được liên tiếp đưa ra không đả động đến thực chất cực tả của "nhóm bốn tên". Mục đích làm như vậy của phái "phàm là" là buộc lẫn Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên" làm một, hai là bảo vệ đường lối cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông. Bởi vì họ biết rằng hễ phê phán cực tả thì sẽ chạm tới sai lầm của Mao Trạch Đông. Nếu như cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông phát động là sai thì địa vị của họ, những người được lợi nhờ cách mạng văn hóa và là những người kế thừa hợp pháp của Mao Trạch Đông sẽ bị lung lay.

Để đánh bại chiến thuật của phái "phàm là", Đặng Tiểu Bình nghĩ ra một diệu kế: liên hệ "nhóm bốn tên" với Lâm Bưu. Tháng 6-1978, ông chỉ rõ: "Muốn vạch trần sâu sắc, phê phán thấu triệt "nhóm bốn tên", thì không thể không vạch trần, phê phán Lâm Bưu"[1]. Mối liên hệ giữa "nhóm bốn tên" với Lâm Bưu là sự thực mà ai cũng biết, đặc biệt là trong "Kỷ yếu tọa đàm về công tác văn nghệ trong quân đội do đồng chí Lâm Bưu ủy nhiệm cho đồng

1. Đặng tuyển, Quyển II, tr. 117.

chí Giang Thanh triệu tập" năm 1966. Khi còn sống, Mao Trạch Đông luôn cho rằng "nhóm bốn tên" có công phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu. Phê Lưu Thiếu Kỳ "có công" là đúng, phê Lâm Bưu có công thì rất thành vấn đề. Một là vì, lúc Lâm Bưu bị phê thì đã thân bại danh liệt, không cần phê cũng đã xấu xa. "Nhóm bốn tên" phê Lâm là có dụng ý, là phê Lâm và phê Chu Ân Lai. Còn phê bản thân Lâm, chúng chỉ hạn chế vào việc phê hai đầu mà không phê đoạn giữa, tức là chỉ phê lịch sử của Lâm Bưu trước kia và cuộc chính biến phản cách mạng "Kỷ yếu công trình 571", mà để nguyên không phê phán đường lối cực tả của Lâm Bưu, sợ phê cái cực tả của Lâm thì lại lộ ra cái thực chất của họ. Năm 1972, Mao đã từng có chỉ thị về việc phê cái cực tả của Lâm, nhưng sau đó lại bị Mao dùng chủ trương"phản hồi trào" để ngăn lại. Trong vấn đề phê cực tả, Mao Trạch Đông và "nhóm bốn tên" đều có sự lo lắng giống nhau, chỉ khác nhau về tính chất và trình độ. Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" chính đã lợi dụng sai lầm tả khuynh của Mao Trạch Đông mà hoành hành 10 năm trong cách mạng văn hóa, đất trời, và lòng người đều oán giận, làm đủ việc xấu xa. Do đó Đặng nói: "Vạch trần phê phán "nhóm bốn tên" liên hệ với vạch trần phê phán Lâm Bưu là việc hết sức hợp tình hợp lý, không có vấn đề vướng mắc không rõ ràng về lịch sử"[1]. Nhìn trở lại, dù đó là chuyện cũ, cũng không thể không gỡ ra. Vì khi "gỡ", thế tất sẽ động chạm tới thực chất cực tả của "nhóm bốn tên", động chạm tới toàn bộ lịch sử mười năm cách mạng văn hoá, và do đó động chạm tới sai lầm phát động cách mạng văn hóa trong những năm cuối đời của Mao Trạch Đông.

1.Đặng tuyển. Quyển II, tr.117, 209.

Việc "gỡ" như thế sẽ hoàn toàn làm rối loạn sự bố trí của phái "phàm là", làm cho cuộc phê phán "nhóm bốn tên" chuyển sang chủ đề mà Đặng mong muốn: Trong thời kỳ "đại cách mạng văn hóa", sự hoành hành của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" đã làm cho tất cả đều rối loạn. "Ngày nay chúng ta dẹp yên rối loạn khôi phục an định, chính là dẹp yên cái rối loạn do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" gây ra, phê bình sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông, trở lại con đường đúng đắn của tư tưởng Mao Trạch Đông"[1].

Đặng Tiểu Bình biết rằng muốn phủ định cách mạng văn hóa mà chỉ phê phán Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" thì không đủ, còn cần phải phê bình sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông nữa. Điều cuối cùng này rất khó thông qua trước mặt phái "phàm là". Nhưng cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý được triển khai rộng rãi từ trên xuống dưới trong toàn quốc vào nửa cuối năm 1978 đã mở đường cho Đặng Tiểu Bình. Chính cuộc thảo luận lớn đó đã cung cấp vũ khí sắc bén để đánh giá lại những đúng sai của mười năm cách mạng văn hóa, đó là: Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Theo tiêu chuẩn đó, mọi quyết sách mà Mao Trạch Đông đưa ra trong cách mạng văn hóa rút cục là đúng hay sai, cũng phải được kết quả thực tiễn là hậu quả của cách mạng văn hóa kiểm nghiệm. Vũ khí đó đã đưa lại kết quả trong Hội nghị công tác Trung ương cuối năm 1978 và trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI.

Hội nghị công tác Trung ương đã đưa ra tám quyết định quan trọng: 1) Sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn;

1.Đặng tuyển. Quyển II, tr. 264.

2) Hủy bỏ văn kiện do trung ương thông qua trước kia về "phê phán làn gió hữu khuynh lật án của Đặng"; 3) Sửa sai đối với cái gọi là tập đoàn chống Đảng Bạc Nhất Ba gồm 61 người; 4) Sửa sai cho cái gọi là "dòng nước ngược tháng hai"; 5) Sửa lại những kết luận sai lầm với các đồng chí Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn; 6) Triệt tiêu tổ chuyên án Trung ương, toàn bộ án kiện chuyển giao cho Ban tổ chức trung ương; 7) Vạch tội lỗi của các "công thần" trong cách mạng văn hóa là Khang Sinh, Tạ Phú Trị; 8) Một số việc quan trọng trong cách mạng văn hóa, giao cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị giải quyết theo tình hình thực tế. Những quyết định đó, tuy chưa phải là toàn bộ, nhưng đã lật lại nhiều vụ án quan trọng trong cách mạng văn hóa. Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba đã ra quyết sách quan trọng di chuyển trọng điểm chiến lược, tức là chuyển trọng tâm công tác của toàn đảng toàn dân sang công cuộc xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là việc lập lại trật tự căn bản nhất, vì đó có ý nghĩa là triệt để vứt bỏ tư tưởng chỉ đạo cách mạng văn hóa "lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu" của Mao Trạch Đông.

Lúc đó, Đặng Tiểu Bình đã nắm vững quyền chủ động ra quyết sách, ông hoàn toàn có thể làm như Khơrútsốp đánh giá thời đại Xtalin, thả sức chửi rủa Mao Trạch Đông, vạch mọi tội trạng của cách mạng văn hóa. Nhưng Đặng đã không làm thế. Ông biết rằng việc phủ định trừu tượng trên lý luận không những không thể thực sự đạt tới mục đích triệt để thanh trừ hậu quả của cách mạng văn hóa, mà lại còn tạo ra nhiều phiền phức mới không cần thiết, do đó sẽ gây ra trở lực trên đường tiến lên. Vì vậy, Đặng đặt trọng điểm chú ý vào việc phủ định cụ thể, dốc sức vào việc sửa chữa những sai lầm cụ thể của cách mạng

văn hóa, từng việc từng việc một, mà không vội đưa ra những kết luận chính trị, tranh cãi về sai đúng. Đình chỉ coi đấu tranh giai cấp là chủ yếu, chuyển trọng điểm công tác sang xây dựng kinh tế, đã là một việc phủ định cụ thể có sức mạnh nhất. Còn sự đánh giá tổng thể giai đoạn lịch sử cách mạng văn hóa, trong hội nghị toàn thể trung ương, Đặng vẫn giữ một thái độ tương đối thận trọng, chủ trương "không cần vội vã tiến hành", "cần tiến hành công tác nghiên cứu nghiêm túc", "cần qua một thời gian dài hơn mới có thể hiểu đầy đủ và đưa ra lời đánh giá"[1]. Sau này, việc đánh giá đó trải qua ba năm, sáu tháng, đến Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, mới đưa ra dưới hình thức "Nghị quyết về một vài vấn đề lịch sử của đảng từ ngày lập nước đến nay". Khi đề cập đến tính hợp pháp của Đại hội lần thứ IX, Đặng cũng có sự khẳng định trừu tượng để nói rõ "Trong đại cách mạng văn hóa vẫn có sự tồn tại của Đảng"[2]. Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, Đặng thậm chí còn khẳng định Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa với động cơ "phòng và chống xét lại", tựa hồ như Mao làm việc xấu với "dụng ý tốt". "Dụng ý tốt" có thể an ủi được nhiều người, còn "việc xấu" (sau khi sửa chữa) có thể cứu được nhiều người.

Khi phủ định cụ thể cách mạng văn hóa, ngoài việc nắm vững việc di chuyển trọng điểm công tác, Đặng còn chọn việc bình phản án oan, án giả cho hàng chục triệu người đã chịu đau khổ làm đột phá khẩu. Đặc điểm của chiếc cửa mở này là khi đã đột phá thì không thể ngăn cản nổi, nên đã nhanh chóng làm trôi con đê của phái "phàm là", giúp Đặng giành được sự ủng hộ rộng rãi trong xã hội,

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 139, 269.

khiến cho sai lầm của Mao Trạch Đông, tội lỗi của "nhóm bốn tên" biến thành thành tích của Đặng Tiểu Bình, hậu quả tai nạn của cách mạng văn hóa biến thành động lực cho cuộc trường chinh mới. Đó là sự phủ định thực tế nhất, cụ thể nhất, có sức mạnh nhất đối với lý luận và thực tiễn của cách mạng văn hóa.

Đặng nhằm vào các bước đi cụ thể của việc sửa sai, án oan, án giả trong cách mạng văn hóa, vận dụng phương pháp lật lại từ gần đến xa. Trước hết tiến hành sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn và "làn gió lật án hữu khuynh" sau cách mạng văn hóa, sau đó thâm nhập vào những vấn đề quan trọng trong 10 năm cách mạng văn hóa, lật lại các bản án mà Mao Trạch Đông đã định đối với một số nhân vật, một số ngành, một số sự kiện, một số văn kiện. Thí dụ như lật lại bản án cho Bộ liên lạc đối ngoại là "tam hòa nhất thiểu", "tam hàng nhất diệt"[1], cho Bộ mặt trận thống nhất là chấp hành đường lối đầu hàng, cho Bộ tuyên truyền trung ương là điện Diêm Vương, cho Bộ văn hóa là Bộ đế vương khanh tướng, tài tử giai nhân v.v..; sửa sai cho cái gọi là "dòng nước ngược tháng hai" và cho "thôn ba nhà"; hủy bỏ "kỷ yếu tọa đàm về công tác văn nghệ quân đội" năm 1966, "kỷ yếu tọa đàm về công tác giáo dục toàn quốc" năm 1971; lật lại "hai sự đánh giá" về mặt trận giáo dục và phần tử trí thức trong 17 năm v.v..

Mục tiêu chủ yếu và thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông phát động là phê phán

1. Tam hòa nhất thiểu: tức hòa hoãn với đế quốc, chủ nghĩa xét lại và thế lực phản động các nước; giảm bớt sự ủng hộ với phong trào giải phóng dân tộc. Tam hoàng nhất diệt: Đầu hàng 3 lực lượng trên, tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc.

đường lối xét lại do Lưu Thiếu Kỳ làm đại biểu, đánh đổ bộ tư lệnh tư sản do Lưu Thiếu Kỳ làm thủ lĩnh. Nếu sửa sai và minh oan cho Lưu Thiếu Kỳ thì có nghĩa là toàn bộ bản án của cách mạng văn hóa đã được lật lại. Nhưng Đặng Tiểu Bình không vội đi bước đó. Trước hết, ông lợi dụng thắng lợi của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, sửa sai cho nhóm Bạc Nhất Ba gồm 61 người có trực tiếp ảnh hưởng tới Lưu Thiếu Kỳ. Trong "phái đi theo con đường tư bản" Lưu, Đặng, Đào, Vương, trước hết ông minh oan cho ba người có vai trò thứ yếu đã. Đợi tới khi mọi công tác ngoại vi đã làm xong, đến 2-1980, Đặng cho rằng thời cơ đã thành thục, mới quyết định sửa sai cho Lưu Thiếu Kỳ.

19-9-1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri: nhất luật sửa sai cho những người bị nhận lầm và bị phê phán trong cách mạng văn hóa, bỏ hết những lời lẽ không đúng với họ. Như vậy, cách mạng văn hóa còn lại cái gì? Một loạt các "sự vật mới" nảy sinh trong cách mạng văn hóa dần dần biến mất trong làn sóng cải cách của Đặng. Biện pháp mang tính chiến lược của Mao Trạch Đông để phòng và chống xét lại là đưa thanh niên trí thức lên vùng núi và về nông thôn cũng bị đình chỉ vào năm 1979, hàng chục triệu thanh niên trí thức từ nông thôn ùa về thành phố. Phong trào quần chúng, hình thức chủ yếu để Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa đã bị Đặng Tiểu Bình dùng hình thức hiến pháp để cấm chỉ. Cuối cùng, cơ sở lý luận của cách mạng văn hóa "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản" cũng được bản"nghị quyết lịch sử" chấn chỉnh làm rõ. Theo cách nhìn của Mác Phaxiơ, cách mạng văn hóa bắt nguồn từ năm 1957, có lẽ Đặng cũng đồng ý với cách nhìn nhận này,

nên ông đã đưa việc phủ định cách mạng văn hóa tới phong trào "tứ thanh"[1] trước cách mạng văn hóa, phong trào chống hữu khuynh mấy lần vào năm 1959, phong trào đại nhảy vọt năm 1958, phong trào chống phái hữu năm 1957. Tóm lại, suốt cuộc đời Mao Trạch Đông làm hai việc lớn, thì việc thứ hai đã bị Đặng phủ nhận sạch trơn. Mặc dù như vậy, Đặng vẫn đồng ý để cho Mao danh hiệu "nhà cách mạng vô sản vĩ đại", "nhà mác xít vĩ đại".

Kết thúc việc phủ định đại cách mạng văn hóa trên thực tế là kết thúc thời đại Mao Trạch Đông và mở đầuthời đại Đặng Tiểu Bình. Đặng thường coi Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI là điểm ngoặt của hai thời đại, bởi vì "Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 3 không những đã giải quyết vấn đề của 10 năm cách mạng văn hóa, mà ở trình độ rất lớn, cũng giải quyết những vấn đề của hơn 20 năm"[2].

1.11. MỌI NGƯỜI TRÀN ĐẦY LÒNG TIẾC THƯƠNG, LIÊN TIẾP TỔ CHỨC ĐẠI HỘI TRUY ĐIỆU NHỮNG TINH ANH DÂN TỘC ĐÃ BỊ LÂM BƯU VÀ "NHÓM BỐN TÊN" BỨC HẠI. ĐIỆU NHẠC CỬ AI ĐÃ NHIỀU LẦN CẤT LÊN TRÊN ĐẤT NƯỚC TRUNG HOA

Trong lịch sử, phàm những người có tài năng trị thế, buổi mở đầu lập quốc bao giờ cũng đại xá thiên hạ, lấy đó làm nhân chính để cố kết lòng dân.

1. Tứ thanh: thanh lý công điểm, nợ nần, tài sản và kho tàng của công xã nhân dân. Đề ra vào năm 1963.

2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 206

Giáo sư khoa lịch sử Trường đại học bang Wisconsin của Mỹ là Morixơ Maixna đã bình luận về cơ sở chính trị của Đặng Tiểu Bình như sau:

"Cái đem lại động lực mạnh mẽ cho liên minh chính trị của Đặng Tiểu Bình là hậu quả của cách mạng văn hóa, là những nạn nhân của cách mạng văn hóa, là nguyện vọng mạnh mẽ yêu cầu làm rõ chính nghĩa, trừng trị gian ác. Ông đã giành được sự đồng tình và ủng hộ của hàng chục triệu người bị bức hại trong 10 năm động loạn. Những cán bộ đảng bị thanh trừ và làm nhục trong cách mạng văn hóa, những trí thức bị phê phán và bức hại, 17 triệu thanh niên trí thức bị đuổi về nông thôn, những Hồng vệ binh trước đó đã cảm thấy bị Mao bán rẻ, và hàng triệu người dân bình thường bị phê phán về chính trị do đó mà bị chà đạp về thể xác và tinh thần. Tất cả những người đó đều gửi gắm hy vọng, mong Đặng Tiểu Bình dẹp bỏ rối loạn, trở lại an định". Hành động cụ thể cho việc đó là sửa sai án oan, án giả cho hàng chục triệu người.

Khẩu hiệu "đánh đổ tất cả", "toàn diện chuyên chính" mà Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" thi hành trong thời kỳ cách mạng văn hóa làm cho oan ngục đầy rẫy, khủng khiếp đau thương. Theo thống kê chưa đầy đủ, trong toàn quốc có hơn hai triệu vụ án oan, án lầm; mấy triệu người bị xử lý sai, cộng thêm những người liên đới ở những mức độ khác nhau có tới 100 triệu người. Trong hệ thống văn hóa có 11 ngàn người, đã có 2900 vụ án oan, án sai, xấp xỉ 4 người có một vụ. Tỉnh Quảng Đông có 28.000 vụ án phản cách mạng, tỉnh Hà Bắc có vụ án "Quốc dân đảng mới" ở một huyện, trong 12 vạn nhân khẩu của huyện có 4.400 người bị quy là Quốc dân đảng, hơn 2.200 người bị giam giữ lâu dài, có hơn 400 người bị bức hại đến chết, 530

người bị tàn tật, 1.500 người phải bỏ đi nơi khác. Ngoài ra, trong mấy cuộc vận động trước cách mạng văn hóa còn có hơn 1 triệu người bị đả kích bức hại.

Muốn sửa sai, khôi phục danh dự cho một số lớn người như thế thì lực lượng xã hội cần động viên quyết không ít hơn khi Mao Trạch Đông đánh thổ hào chia ruộng đất năm nào. Khó khăn và trở ngại trong việc đó là có thể thấy được. Trước hết, khó khăn đến từ phái "phàm là" và tư trào cực tả. Trong tình hình phái "phàm là" chiếm địa vị chủ đạo, Đặng chỉ có thể lợi dụng khẩu hiệu chống "nhóm bốn tên" để bắt đầu việc sửa sai và minh oan. Do sự thúc đẩy của ông, cuối năm 1971, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri: "Phàm những ai chống lại "nhóm bốn tên" bị bắt, cần được thả ra; đã lập án, cần được hủy bỏ; đang thẩm tra, cần đình chỉ; đã thi hành án, cần thủ tiêu hình phạt và thả ra; đã bị xử lý về đảng tịch, đoàn tịch, cần xoá bỏ".

Những người đó sở dĩ được giải thoát trước vì họ chỉ thuần tuý phản đối "nhóm bốn tên". Nếu liên quan đến phản đối những người khác, đặc biệt là phản đối lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch, thì muốn giải thoát rất khó khăn, vì bị "hai phàm là" cản đường. Để vượt khỏi vật cản "hai phàm là", Đặng Tiểu Bình ra sức thúc đẩy cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn chân lý trong phạm vi cả nước, làm cho tư tưởng người ta được giải phóng từng bước. Ngày 20-9-1978, người phụ trách công tác sửa sai cụ thể là Hồ Diệu Bang đã đề ra "hai mặc dù" để đối chọi với "hai phàm là". Tức là căn cứ vào nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai là sửa, tiến hành điều tra, xem xét những vụ án trong lịch sử, nếu có những lời quy kết không đúng, những kết luận và xử lý không chính xác thì mặc dù xảy ra vào lúc nào, trong tình

huống nào, mặc dù tổ chức nào, cá nhân nào định ra hoặc phê duyệt cũng đều phải sửa lại. Dưới sự thúc đẩy của Hồ Diệu Bang, cuối năm 1978, cùng với sự đi sâu thảo luận tiêu chuẩn thực tiễn, việc sửa án oan, án giả, án sai đã thu được ba thành quả quan trọng: Một là, với những vụ án được gọi là "công kích độc ác", tức được coi là công kích vào chủ nghĩa xã hội, công kích Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao Trạch Đông thì xem xét nghiêm túc, căn cứ vào sự thực mà sửa sai. Hai là, trong phong trào "tứ thanh", địa phương và đơn vị nào có sự quy kết sai lầm và xử lý sai lầm đối với cán bộ thì căn cứ vào sự thực mà sửa sai. Ba là, đối với những người bị quy là phần tử phái hữu trong phong trào chống phái hữu năm 1957, thì bỏ toàn bộ chiếc mũ phái hữu, sửa sai hết những xử trí sai lầm.

Hội nghị công tác Trung ương cuối năm 1978 và Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI là thắng lợi quan trọng của cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn, đồng thời cũng là sự đột phá quan trọng về việc sửa sai án oan, án giả, án sai. Hội nghị đã "giải quyết một số vấn đề do quá khứ để lại, làm rõ công lao và sai lầm của một số người, sửa lại một số vụ án oan, án giả, án sai quan trọng[1]. Thí dụ, đã sửa sai cho những người bị bức hại trong sự kiện Thiên An Môn, trong số 388 người bị bắt đã kiểm tra thấy không có một người phản cách mạng nào và đã thả ra và khôi phục danh dự cho toàn bộ; còn sửa sai cho những người bị xử lý sai trong cái gọi là "làn gió đòi lật án hữu khuynh", cho cái gọi là "tập đoàn chống đảng" Bạc Nhất Ba gồm 61 người, cho "dòng nước ngược tháng hai, cho Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn.

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 137.

Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, Đặng Tiểu Bình kêu gọi: "Nguyên tắc của chúng ta là có sai thì sửa. Phàm những điều trước đây đã làm sai, đều phải sửa lại hết, có những vấn đề không thể giải quyết ngay thì để sau hội nghị sẽ tiếp tục giải quyết. Nhưng cần phải nhanh chóng giải quyết một cách thực sự cầu thị, phải giải quyết dứt khoát gọn gàng, không được lề mề chậm chạp"[1]. Dưới sự đôn đốc mạnh mẽ của Đặng Tiểu Bình, việc sửa án oan, án giả, án sai sau hội nghị được làm rầm rộ, chỉ trong một năm, đã sửa sai minh oan cho hai triệu 90 vạn người, những người chưa bị định án mà được sửa sai còn nhiều hơn rất nhiều. Những nhân vật quan trọng được sửa sai trong năm đó gồm có Bành Chân, Tập Trọng Huân, Vương Nhậm Trọng, Hoàng Khắc Thành, Lục Đinh Nhất, Chu Dương. Những vụ án lớn được sửa sai gồm: Những người bị quy là phần tử hữu khuynh cơ hội chủ nghĩa hoặc phạm sai lầm hữu khuynh trong mấy cuộc chống hữu khuynh năm 1959 đều nhất loạt được sửa sai; năm sáu trăm người được gọi là học sinh phản động ở các trường cao đẳng năm 1963 đến 1965 đều được phúc tra và sửa sai; hàng vạn vụ bị giết oan vì mang tội phản cách mạng trong 10 năm cách mạng văn hóa cũng được phúc tra và sửa sai.

Tháng 2-1980, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ năm,khóa XI đã sửa sai minh oan cho vụ án lớn nhất trong cách mạng văn hóa - vụ án Lưu Thiếu Kỳ, hủy bỏ lời kết án của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 12, khóa VIII với Lưu Thiếu Kỳ là "phản bội, nội gian, công đoàn vàng, đi đường lối tư bản", khôi phục danh dự cho ông là "nhà mác xít và cách mạng vô sản vĩ đại, một trong những

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 137.

người lãnh đạo đảng và nhà nước". Đến đây, những vụ án trong cách mạng văn hóa đã được lật lại hết, nhưng nguyên tắc có sai là sửa do Đặng đề ra chưa phải đã ngừng lại, mà còn áp dụng ngược lên các vụ án trước cách mạng văn hóa, thậm chí trước thời kỳ giải phóng. Ông lần lượt sửa sai cho các vụ án tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong, cho các vụ án sai ở Diên An những năm 40, cho các vụ án thanh trừ phản cách mạng ở khu căn cứ những năm 1930, còn đánh giá lại công lao và sai lầm của những người lãnh đạo thời kỳ đầu như Cù Thu Bạch, Trương Văn Thiên, Lý Lập Tam và khôi phục danh dự cho họ. Tóm lại, hầu như Đặng đã viết lại toàn bộ lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đến tháng 9-1982, trước Đại hội lần thứ 12, công tác sửa sai cho các án oan, án giả, án sai trong toàn quốc đã kết thúc về cơ bản, tất cả những người và việc cần được sửa sai và minh oan đều đã làm xong.

Trong những ngày đó, với tấm lòng tiếc thương vô hạn, người ta đã lần lượt tiến hành lễ truy điệu cho những tinh anh của dân tộc đã bị Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" bức hại. Điệu nhạc cử ai đã nhiều lần cất lên trên đất nước Trung Hoa. Những người đã ngậm oan lìa đời đó đã đổ mồ hôi và máu cho sự ra đời của nước Trung Hoa mới. Họ là những cán bộ cao cấp của Trung ương và một số nhân sĩ ngoài đảng. Bình tro thi hài của họ đã được đưa vào nghĩa trang cách mạng Bát Bảo Sơn. Vong linh người chết được an ủi, những người sống hân hoan đón mừng lần được giải phóng thứ hai trong đời họ. Những điều đó đã nói với mọi người là, chính nghĩa do Đặng Tiểu Bình làm tiêu biểu đã

chiến thắng tà ác. Chỉ sau ba năm Đặng được phục chức, đã khiến cho mấy chục triệu người được rửa sạch nỗi oan, khôi phục danh dự. Những người may mắn còn sống lại được nhận công tác, có người còn được đền bù về kinh tế. Những tội ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", kể cả những sai lầm của Mao Trạch Đông đều biến thành việc tốt với Đặng Tiểu Bình, biến thành động lực thúc đẩy mọi người tiến theo Đặng Tiểu Bình. Do đó, không có gì là khó hiểu đối với việc Đặng Tiểu Bình, sau hai lần bị Mao Trạch Đông cách chức, trở lại thay thế địa vị lãnh đạo của Mao Trạch Đông.

Người Trung Quốc xưa nay vẫn tin tưởng là lịch sử rất công bằng. Việc những người sau sửa lại án oan, án giả, án sai đã có từ thời cổ. Theo quy luật đó, những án oan, án giả, án sai từ thời Mao Trạch Đông để lại, sao cũng có ngày được sửa sai, minh oan, chỉ còn vấn đề thời gian và phương thức mà thôi. Nếu Đặng Tiểu Bình không chủ động sửa sai cho những người đó, thì sẽ có người khác, lực lượng chính trị khác đứng ra sửa sai, hoặc do nhân dân tự sửa sai về tâm lý, theo cách của mình, nhưng việc sửa sai như vậy sẽ hết sức bất lợi đối với Đảng Cộng sản. Việc sửa sai của Đặng cũng có thể không dùng danh nghĩa Đảng mà dùng một danh nghĩa khác, ví dụ như danh nghĩa cá nhân. Như vậy thì Đảng sẽ đứng về phía đối lập với công việc sửa sai. Đặng tránh kết quả đó, và đã lấy danh nghĩa Đảng để tiến hành công việc sửa sai, minh oan cho những người bị hại. Làm như vậy thì tuy vạch ra những sai lầm mà Đảng đã phạm, nhưng đồng thời chứng minh rằng Đảng có dũng khí nhận khuyết điểm và có năng lực sửa chữa

sai lầm. Đảng đã có năng lực sửa chữa sai lầm lớn trong cách mạng văn hóa, thì sai lầm giống như sai lầm đã phạm trong cách mạng văn hóa có gì đáng sợ đâu? Từ ý nghĩa đó, hành động sửa sai cho các án oan, án giả, án sai không những chỉ cứu vớt cho hàng triệu người mà còn cứu cho một Đảng đã có 60 năm lịch sử, khiến nó tránh khỏi số phận như Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng Cộng sản ở các nước Đông Âu.

1.12. ĐẶNG ĐÃ DỰA VÀO NHỮNG CÁN BỘ TỪNG CHỊU ĐÀY ẢI TRONG "CHUỒNG BÒ" THỜI CÁCH MẠNG VĂN HÓA ĐỂ CHỐNG LẠI PHÁI "PHÀM LÀ"

Cán bộ trong thời đại Mao Trạch Đông tuy được ưu đãi, nhưng rất dễ phạm sai lầm. Cán bộ không phải là những người quản lý làm việc theo pháp luật, mà là công cụ chấp hành đường lối đúng đắn của Mao. Mà đường lối đúng đắn tồn tại trong sự so sánh với đường lối sai lầm, cùng đấu tranh để phát triển lên. Vì vậy, vĩnh viễn đứng về phía đúng đắn trong cuộc đấu tranh đường lối vô cùng phức tạp, không bao giờ phạm sai lầm hầu như là việc không thể làm được. Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị cấp trên để làm việc cũng không giải quyết được vấn đề, vì "đường lối sai lầm" bao giờ cũng từ cấp trên đưa xuống. Mỗi cuộc "đấu tranh đường lối" trong nội bộ tập đoàn lãnh đạo tối cao, thậm chí mỗi cuộc suy nghĩ biện chứng trong đầu óc Mao đều có thể ảnh hưởng đến số phận của mấy chục triệu cán bộ lớn nhỏ. Cán bộ có quyền lợi phục vụ nhân dân suốt đời, họ không phải lo lắng về trình độ chuyên môn không phù hợp với chức vụ, cũng không phải

lo lúc nào về hưu, mà chỉ sợ phạm sai lầm, đặc biệt là các loại sai lầm về chính trị, bởi vì loại sai lầm này không thể tránh được bằng cách giữ nghiêm kỷ luật. May mắn là chính sách của Mao Trạch Đông với những người phạm sai lầm là sử dụng cách phê bình, đoàn kết. Mỗi cuộc vận động chính trị đều không tránh khỏi việc chỉnh một loạt cán bộ phạm sai lầm. Việc chỉnh này tất nhiên do những cán bộ không phạm sai lầm tiến hành. Việc chỉnh của cán bộ tốt với cán bộ xấu cũng khó tránh khỏi sai lầm, vì vậy ít lâu sau lại cần sửa chữa những sai lầm đó. Điều đó đã hình thành quy luật dưới thời Mao Trạch Đông là lần lượt chỉnh cán bộ và giải phóng cán bộ. Mao Trạch Đông hy vọng những người đã phạm sai lầm sau khi bị chỉnh, dù rằng chỉnh sai, có thể rút ra bài học, sau khi được giải phóng, sẽ ít có khả năng tái phạm sai lầm.

Đặng Tiểu Bình không chủ trương dùng phong trào chính trị để chỉnh cán bộ, nhưng khi Mao Trạch Đông còn cầm quyền, ông chỉ có thể phát huy tác dụng trong trình tự giải phóng cán bộ. Năm 1962, với tư cách là Tổng bí thư Ban bí thư Trung ương, Đặng Tiểu Bình đã căn cứ vào tinh thần phân biệt để sửa sai cho cán bộ của Mao Trạch Đông, chủ trì một cuộc giải phóng cán bộ đại quy mô lần thứ nhất kể từ khi lập nước. Tháng 4 năm đó, Ban bí thư Trung ương ra thông tri: "Phàm những cán bộ đảng viên bị nhận xét và xử lý hoàn toàn sai hoặc cơ bản là sai trong các phong trào nhổ cờ trắng, chống hữu khuynh, chỉnh phong chỉnh xã, học tập cách mạng dân chủ v.v.. phải dùng phương pháp gọn nhẹ, nghiêm túc, nhanh chóng phân biệt và sửa sai". Gọi là "phương pháp gọn nhẹ" tức là do cấp trên một cấp đứng ra tổ chức đại hội cán bộ hoặc đại hội đảng viên, quần chúng, công khai tuyên bố nhất

loạt sửa sai. Đặng yêu cầu với cán bộ từ huyện trở xuống "thì giải quyết cả gói tức là trước kia đã làm sai hoặc cơ bản là sai, thì đều bỏ mũ đã chụp, không bảo lưu gì, giải quyết một lần cho xong. "Lý do là, cán bộ từ cấp huyện trở xuống đều là cán bộ cơ sở, vấn đề không lớn, trình độ hữu khuynh cũng có hạn, tả khuynh cũng có hạn"[1]. Lúc đó, sự đánh giá và sửa sai có tới 10 triệu người. Ông dự tính sau khi giải quyết cho các cán bộ từ cấp huyện trở xuống, sẽ giải quyết cho cán bộ trên cấp huyện. Nào ngờ, tháng 8,9 năm đó, tại Hội nghị Bắc Đới Hà và Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 10, khóa VIII, Chủ tịch Đảng Mao Trạch Đông lại thay đổi giọng điệu, phê bình việc sửa sai gần đây không đúng, nói việc chống hữu khuynh năm 1959 không thể cho qua. Mao nhắc lại phải nắm đấu tranh giai cấp. Vì vậy, công tác giải phóng cán bộ của Đặng phải dừng lại.

Năm 1975, Đặng Tiểu Bình thay thế Chu Ân Lai đang nằm viện chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương và Quốc vụ viện, bắt tay vào việc chỉnh đốn các mặt công tác, lại có dịp động chạm tới vấn đề cán bộ. Nhưng lần này khó khăn lớn hơn nhiều. Có người nói, trong cách mạng văn hóa, số cán bộ cao cấp từ thứ trưởng trở lên có tới 75% bị lập hồ sơ thẩm tra, chỉ riêng cán bộ cấp trung ương và bộ đã có gần 3 vạn người bị thẩm tra. Số cán bộ nhà nước trong toàn quốc bị thẩm tra lên tới hơn hai triệu. Con số này là chưa kể tới đông đảo cán bộ cơ sở bị thẩm tra và những cán bộ chưa bị lập án và bị xử lý sai. Lúc này, Mao Trạch Đông còn sống, Đặng muốn giải quyết cả gói cho

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 301.

xong vấn đề này, rõ ràng là không thể được. Ông chỉ có thể tùy cơ hội mà hành động, tiến hành đột phá trọng điểm. Tháng 4 năm đó, Đặng căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông là cần nhanh chóng kết thúc việc thẩm tra chuyên án để thả người ra, đã lấy danh nghĩa Trung ương ra quyết định: Trừ những đối tượng thẩm tra có liên quan đến tập đoàn Lâm Bưu và một số rất ít khác, còn đều thả hết tuyệt đa số người bị giam giữ thẩm tra. Đặng không thể phủ nhận là trong số những người được thả ra, có người thuộc mâu thuẫn địch ta, nhưng ông chủ trương với loại người đó, ai có năng lực lao động thì cần phân phối công tác hoặc lao động, ai mất sức lao động thì cần được nuôi dưỡng, ai có bệnh thì cần cho đi y viện điều trị. Đối với những trường hợp thuộc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân càng phải được sắp xếp thỏa đáng, phát bù tiền lương, phân phối công tác, khôi phục sinh hoạt trong tổ chức, những người bị xử trí sai cần được sửa sai, những người chưa kết luận được thì gác vấn đề lại. Với sự nỗ lực của Đặng, có hơn 300 cán bộ cao cấp bị giam giữ lâu ngày được thả ra, có một số lần lượt được phân phối công tác. Đặng còn đưa bức thư của con gái Hà Thành gửi cho ông, yêu cầu phân phối công tác cho Hà Thành chuyển cho Mao Trạch Đông xem. Mao Trạch Đông xem xong liền phê: "Hà Thành vô tội, đương nhiên cần được phân phối công tác, những lời vu cáo không đúng trước kia, cần được xóa bỏ". "Phó Liên Chương bị bức hại đến chết, cần được minh oan". Đặng căn cứ lời phê đó, lại đẩy mạnh một bước chính sách cán bộ. Nhưng không lâu, Mao Trạch Đông phát hiện cách làm của Đặng là muốn xóa bỏ cách mạng văn hóa nên

còn nhiều cán bộ chưa được giải phóng thì bản thân Đặng đã bị Mao Trạch Đông cách chức.

Sau khi được phục chức, Đặng Tiểu Bình quyết tâm tiến hành việc giải phóng cán bộ tới cùng. Ông dùng hơn ba năm để làm việc sửa án oan, án giả, án sai trong toàn quốc, trong đó đại bộ phận là dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn trong chính sách cán bộ. Vì trong cách mạng văn hóa có tới mấy triệu án oan, án giả, án sai, rất ít vụ án được xử lý theo trình tự pháp luật, tuyệt đại bộ phận là các vụ án chính trị ngoài pháp luật. Loại án này có rất ít rơi vào công nhân nông dân bình thường mà tuyệt đại đa số rơi vào cán bộ ăn lương nhà nước, trong đó phần nhiều là các cán bộ dễ phạm sai lầm về đường lối. Vì vậy, trong đa số tình huống nội dung cụ thể của việc sửa án oan, án giả, án sai là việc áp dụng chính sách cán bộ, giải phóng cán bộ.

Lần nỗ lực giải phóng cán bộ này của Đặng được Hồ Diệu Bang tích cực phối hợp. Cuối năm 1977, đầu năm 1978, Hồ liên tiếp cho đăng bốn bài trên "Nhân Dân nhật báo, ra sức tạo dư luận cho việc vận dụng đúng đắn chính sách cán bộ. Dư luận đó làm cho những người bị hại phải trào nước mắt, nhưng lại bị một số người phản đối. Nguyên Trưởng ban tổ chức trung ương coi những bài của Hồ là cây cỏ độc lớn và nói đó là ý kiến của một đồng chí lãnh đạo trung ương. Rất rõ ràng biết được đồng chí lãnh đạo trung ương đó là ai. Trở lực đã xuất hiện từ Ban tổ chức trung ương thì chỉ có dùng thủ đoạn tổ chức để giải quyết. Ngày 10-12-1977, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc bổ nhiệm Hồ Diệu Bang làm Trưởng ban tổ chức trung ương, triệt tiêu chức vụ của vị Trưởng ban cũ đó. Cải tổ Ban tổ chức trung ương đương nhiên cũng là ý kiến của đồng chí lãnh đạo trung ương. Mới được phục

chức một nửa năm, Đặng Tiểu Bình biết rõ muốn đối phó với phái "phàm là" thì trước hết phải bắt tay vào đường lối tổ chức, cơ quan tổ chức.

Hồ Diệu Bang không phụ lòng mong đợi, sau khi nhậm chức đã làm thay đổi Ban tổ chức trung ương. Nhưng công tác thực sự của Hồ vẫn chưa triển khai được vì có tổ chuyên án trung ương từ trên cao ngăn trở. Ba văn phòng của Tổ chuyên án nắm hết các hồ sơ thẩm tra và tố cáo của các vụ án, không cho phép sửa sai, minh oan.

Có người còn nói "Làn gió lật án của Hồ Diệu Bang dữ dội thế này, có thể động chạm tới bản thân ta nữa!". Tổ chuyên án này là một quái thai của cách mạng văn hóa, nó gạt bỏ các ngành chức năng của đảng và chính quyền sang một bên, có quyền lực siêu pháp luật trong việc lập án, thẩm tra cán bộ; những án oan, án giả, án sai của các cán bộ trong cách mạng văn hóa đều là kiệt tác của nó. Trong thời kỳ chủ trì công tác trung ương năm 1975, Đặng Tiểu Bình đã muốn triệt tiêu tổ chuyên án trung ương, nhưng chưa thực hiện được. Nay Đặng lại trở lại trung ương, nhất thời chưa nhổ được cái đinh đó, chỉ có dùng Ban tổ chức trung ương để kiềm chế nó. Với sự ủng hộ của Đặng, Hồ Diệu Bang quyết định vượt qua tổ chuyên án, trực tiếp phụ trách với trung ương, trực tiếp thỉnh thị báo cáo công tác. Ban tổ chức trung ương đã có tác dụng xung phong hãm trận trong việc sửa lại án oan, án giả, án sai, vận dụng chính sách cán bộ, giải phóng, xếp sắp công tác cho cán bộ.

Hồ Diệu Bang đề ra tiêu chuẩn của việc vận dụng chính sách cán bộ là: 1) Nếu chưa có kết luận thì cần nhanh chóng đi tới kết luận, kết luận không chính xác thì

phải sửa chữa lại trên tinh thần thực sự cầu thị; 2) Nếu chưa phân phối công tác thì phải phân phối công tác phù hợp, tuổi già sức yếu không làm việc được bình thường thì có sự sắp xếp thỏa đáng; 3) Những người đã chết, cần có kết luận đúng đắn, làm tốt việc giải quyết những vấn đề còn để lại; 4) Phải giải quyết tốt những gia đình, con cái liên quan.

Dưới sự đốc thúc của Hồ, từ tháng 1-1978, Ban tổ chức trung ương liên tiếp mở các cuộc họp nghiên cứu vấn đề sửa sai và sắp xếp công tác. Đến tháng 7, đã xếp sắp công tác cho 5344 người. Nửa cuối năm, theo sự thâm nhập của cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn, chính sách cán bộ đã được vận dụng với khí thế mạnh mẽ, đến cuối năm đã có số lớn cán bộ bị bức hại được sửa sai minh oan, khôi phục công tác hoặc danh dự. Trong hội nghị công tác trung ương hồi cuối năm đã giành được thắng lợi lớn làm nức lòng người, tức chính thức triệt tiêu tổ chuyên án, toàn bộ văn kiện các vụ án được chuyển giao cho Ban tổ chức trung ương, đồng thời quyết định từ sau không tổ chức tổ chuyên án để thẩm tra cán bộ nữa.

Từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, công tác giải phóng cán bộ được đẩy mạnh, lần lượt áp dụng những biện pháp quan trọng, như nhất loạt sửa sai cho những ai đã bị quy là phần tử cơ hội hữu khuynh hoặc phạm sai lầm cơ hội hữu khuynh trong các cuộc vận động chống hữu khuynh từ 1959 đến nay; tiến hành thanh lý và tiêu hủy hồ sơ cho hai triệu cán bộ bị lập án trong cách mạng văn hóa; nhất loạt sửa sai cho những cán bộ đã bị báo chí, đài truyền thanh chỉ tên phê phán. Đến cuối năm 1982, toàn quốc đã sửa sai cho 3 triệu cán bộ bị kết án oan, án giả, án sai, những người còn sống

được khôi phục hoặc xếp sắp lại công tác, khôi phục đãi ngộ, trả bù tiền lương. Những người đã chết được truy điệu, khôi phục danh dự, giải quyết công việc cho con cái. Công việc giải phóng cán bộ trên quy mô lớn tới đây đã hoàn thành về cơ bản.

Những cán bộ này đã chịu oan khuất trong vài chục năm. Họ cũng giống như Đặng Tiểu Bình, từng bị nếm quả đắng của cách mạng văn hóa trong các loại "chuồng bò". Do đó, khi may mắn được giải phóng lần thứ hai, lại được trở lại cương vị lãnh đạo, đã phát huy tinh thần tích cực tiến hành công tác dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định do Đặng Tiểu Bình đề xướng. Điều đáng tiếc là những cán bộ đó đã ở những năm xế chiều, khi Đặng Tiểu Bình phát hiện tuổi tác và trình độ chuyên môn của họ không thích ứng với yêu cầu hiện đại hóa, liền thuyết phục họ rút khỏi các cương vị công tác với điều kiện giữ nguyên đãi ngộ. Việc trở lại và rút lui tuy chỉ trong mấy năm, nhưng rất cần thiết cho việc khai sáng thời đại Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình chính là đã dựa vào lực lượng cán bộ đó để đối phó với phái "phàm là", để thay thế "ba loại người" trong cách mạng văn hoá, để thanh toán có hệ thống những hậu qủa của cách mạng văn hóa.

1.13."CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁI HỮU TƯ SẢN NĂM 1957, CÓ CHỖ THÁI QUÁ, CẦN SỬA SAI. NHƯNG CHÚNG TA KHÔNG PHỦ ĐỊNH TOÀN BỘ CUỘC ĐẤU TRANH ĐÓ"

Trong một loạt hành động của Đặng Tiểu Bình khi sửa các vụ án oan, án giả, án sai, giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, điều biểu hiện nổi bật nhất về mưu lược

của một chính khách là phương pháp xử lý với các phần tử phái hữu.

Vào năm 1957, Mao Trạch Đông đã quy khoảng 55 vạn người là phái hữu. Căn cứ định nghĩa của Mao, phái hữu về hình thức thuộc nội bộ nhân dân, nhưng thực tế là kẻ địch. Trong "cách mạng văn hóa", họ được xếp sau địa chủ, phú nông, phản động, phần tử xấu, thành một trong "hắc ngũ loại", như vậy đội chiếc mũ đó thật không dễ chịu chút nào.

Từ 1959 đến 1964, qua việc tranh thủ của Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, lần lượt trong năm đợt, đã bỏ mũ cho 30 vạn người. Nhưng 30 vạn người đó cũng không được hưởng niềm sung sướng được bỏ mũ, trong những tháng năm sau đó, họ vẫn phải mang một chiếc mũ vô hình, với danh hiệu "phái hữu đã bỏ mũ".

Tại sao sau khi được bỏ mũ lại vẫn phải mang chiếc mũ vô hình? Có thể giải thích như sau: Việc bỏ mũ không có ý nghĩa phủ nhận việc đội mũ trước đó là sai. Anh vốn đã bị đội chiếc mũ đó, nay bỏ mũ, cho anh trở về hàng ngũ nhân dân, đó là sự khoan hồng của đảng và nhân dân. Nếu anh không thấy sự khoan dung đó mà lại cong đuôi lên thì chiếc mũ đó lại có khả năng đội lại lên đầu anh.

Vì vậy, Đặng Tiểu Bình không những đứng trước vấn đề bỏ mũ, mà còn có vấn đề cải chính, tức là xét lại việc đội mũ lúc đầu là đúng hay sai. Chỉ khi nói rằng chiếc mũ đó vốn được đội sai thì chiếc mũ mới thực sự được gỡ bỏ.

Ngày 5-4-1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phê chuẩn báo cáo của Bộ Mặt trận thống nhất và Bộ Công an "về việc bỏ hết mũ phái hữu". Ngày 19-7, lại có phương án hướng dẫn thực hiện việc bỏ mũ. Việc làm này

có hai điểm khác với trước kia: Một là, bỏ hoàn toàn không kể là trước đã chụp đúng hay chụp sai. Hai là, cải chính. Phàm những người không đáng vạch là phái hữu mà đã vạch sai thì đều cải chính, khôi phục danh dự chính trị, phân phối công tác thích đáng, khôi phục lương bổng. Còn nếu không vạch sai, thì không cải chính.

Đặng hết sức coi trọng công việc này, góc độ là "một biện pháp chính trị rất cần thiết và rất quan trọng"[1]. Vì trong số người đó có nhiều nhân tài, theo thống kê của hai ngành công nghiệp và văn giáo, trong số những người bị quy là phái hữu, số trí thức, nhân viên kỹ thuật và chuyên gia chiếm trên 60% ở một số đơn vị đạt 80%. Đặng đánh giá tác dụng của tri thức có phần cao hơn Mao Trạch Đông. Mao tuy cũng biết phần tử trí thức là quý báu đối với nước Trung Hoa mới còn lạc hậu về kinh tế, văn hóa, nhưng khi ông phát hiện thấy những người đó còn cong cái đuôi tư sản lên, muốn đọ sức với giai cấp vô sản, thì ông liền đánh không thương tiếc, và định sẽ thay thế bằng đội ngũ trí thức của giai cấp vô sản. Đặng thì cảm thấy có chút tiếc nuối: "Họ đã phải chịu oan khuất bao nhiêu năm, không được đem tài trí thông minh ra cống hiến cho nhân dân, đấy không chỉ là tổn thất của cá nhân họ, mà còn là tổn thất của cả quốc gia"[2]. Đủ thấy Đặng quyết tâm giải phóng những người đó, không phải chỉ là trả cho họ sự công bằng, hoặc không chỉ nghĩ đến sinh kế của họ, mà chủ yếu hơn là vì toàn bộ kế hoạch hiện đại hóa của ông bức thiết cần có những nhân tài đó. Những người đó đã bị o ép suốt hai mươi năm, hầu như đã hoàn toàn mất hết hy vọng, nay lại được giải phóng, tự nhiên sẽ biết cái ơn tri

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 208, 207.

ngộ của Đặng, tuy họ không còn tham gia được lâu vào cuộc trường chinh mới, nhưng hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ, là họ hết lòng ủng hộ chính quyền của Đặng.

Nhưng giải phóng những người đó, lại liên quan đến việc đánh giá phong trào chống phái hữu năm 1957. Lời đánh giá của Đặng nằm trong hai câu: "Đó là cần thiết. Nhưng đã mở rộng quá"[1]. Nói cách khác là: Đấu tranh chống phái hữu không phải là sai. Sai là ở chỗ đã mở rộng quá.

Đặng nhiều lần nhắc lại: Sau khi hoàn thành ba cải tạo lớn, chế độ xã hội chủ nghĩa vừa được xây dựng, lúc đó xuất hiện một thế lực, một tư trào mang tính chất tư sản. Có một số người đằng đằng sát khí muốn phủ định sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, xoay chuyển lại phương hướng xã hội chủ nghĩa. Ông nói: "Lúc đó không thể không phản kích lại tư trào đó". "Không phản kích, thì chúng ta không thể tiến lên"[2].

Không sai mà tuyên bố bỏ mũ toàn bộ, điều đó không khó giải thích, bởi vì bỏ mũ và có nên đội mũ không là hai vấn đề khác nhau, giống như tội phạm đã hết hạn tù thì được thả, không còn là phạm nhân nữa. Nhưng, không sai, sao lại nói "sửa chữa"? Đặng trả lời: Vấn đề là theo sự phát triển của phong trào, đã mở rộng ra, nới rộng diện đả kích ra, mức độ đả kích cũng quá nặng"[3]. Như vậy, "sửa chữa" là sửa những bộ phận đã làm quá, đã mở rộng. Đã mở rộng bao nhiêu? Con số công bố năm 1980 về số lượng sửa chữa là gần 55 vạn người, còn chỉ bỏ mũ, giữ nguyên án phái hữu, không "sửa chữa" chỉ có không tới 100 người.

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 335, 207-208, 207.

Như vậy, trong một vạn người bị đội mũ, không tới 2 người không bị chụp sai, cuộc đấu tranh chống phái hữu đã mở rộng sai lầm tới 5 ngàn lần. Kết luận của Đặng Tiểu Bình là bản thân việc chống phái hữu không sai là căn cứ vào tỷ lệ một phần năm ngàn "không sai" đó.

Người ta còn nhớ tiến trình của công tác bỏ mũ và sửa sai là: 17-9 ban bố văn kiện, trung tuần tháng 11, tức là chỉ hai tháng sau, đã hoàn thành việc bỏ mũ cho 55 vạn người trong toàn quốc. Còn việc sửa sai đã vạch lầm phái hữu thì tốn nhiều thời gian, đến tháng 5-1980 tức sau hơn 20 tháng mới cơ bản kết thúc. Sửa sai cần có tài liệu thẩm tra, nhưng quan trọng hơn là xác định có bao nhiêu người, những người nào cần duy trì nguyên án. Điều đó cần cân nhắc tỉ mỉ hai ba lần. Sau cùng, tìm ra năm người trong số nhân sĩ yêu nước ở cấp trung ương là phái hữu không bị vạch sai, nên không sửa sai. Năm người đó là: Chương Bá Quân, La Long Cơ, Bành Văn ứng, Chử An Bình, Trần Nhân Bình. Đối với năm người phái hữu không được sửa sai đó, Đặng cũng rất đồng tình, ông yêu cầu: "Khi kết luận về những người đó, cũng cần nói mấy câu: Trước khi đấu tranh chống phái hữu, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng dân chủ, họ đã từng làm việc tốt. Với gia đình họ, cần coi như mọi người, có chiếu cố thỏa đáng về đời sống, công tác và chính trị"[1]. Theo nói lại trong số năm nhân vật phái hữu thực sự đó, thì vào mùa thu năm 1982, bình tro thi hài của "đồng chí Chương Bá Quân" đã được trịnh trọng chuyển vào nghĩa trang liệt sĩ cách mạng Bát Bảo Sơn. Còn "đồng chí La Long Cơ" thì vào dịp sinh nhật lần thứ 90 vào năm 1987, đã được nhà nước đứng ra tổ chức lễ sinh nhật.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 258.

Đặng Tiểu Bình đối đãi với hơn 50 vạn người phái hữu đó không giống như biện pháp chỉ bỏ mũ chứ không sửa sai như với địa chủ phú nông, vì làm như thế không phù hợp với nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai là sửa. Thế thì tại sao không làm như phương pháp giải phóng cán bộ một cách dứt khoát triệt để. Lại chỉ sửa sai cho 99,98% phái hữu, còn để lại cái đuôi 0,02% (Kỳ thực cái đuôi nhỏ xíu đó chỉ cần sơ sài một chút là cho qua) không sửa? Nói giản đơn, là để chứng minh việc chống phái hữu không phải là sai. Nhưng lại hỏi thêm nữa, tại sao ông lại tốn công để giữ vững kết luận là chống phái hữu không phải là sai? Có phải để chiếu cố đến hình ảnh Mao không? Không phải. Bởi vì Đặng đã phủ định hoàn toàn "bản án tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong" vào trước đó. Có phải để tránh trách nhiệm bản thân không? Cũng không phải. Vì Đặng không phải là con người sợ trách nhiệm. Ông từng nói công khai: "Việc chống phái hữu năm 1957, chúng tôi là những người chấp hành tích cực, tôi có trách nhiệm với việc mở rộng cuộc đấu tranh, vì tôi là Tổng bí thư mà"[1]. Nếu phủ định hoàn toàn cuộc đấu tranh chống phái hữu, thì sẽ tạo thành một ấn tượng trong giới trí thức: Đảng Cộng sản sẽ không vạch phái hữu nữa, sau này muốn làm gì cũng chẳng sao. Như thế thì chẳng phải là tự do hóa sao?

Cuối năm 1986, phát sinh sự kiện học sinh gây rối, Đặng đã phát biểu bài nói "Phải có lập trường rõ ràng chống lại tự do hóa tư sản ", chỉ tên phê phán Vương Lệ Chi, Lưu Tân Nhạn, Vương Nhược Vọng. Ba người này năm 1957 đã từng là phái hữu, đã từng được sửa sai mấy năm trước. Lần này "họ cuồng vọng đến cực điểm muốn

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 241.

biến đổi Đảng Cộng sản". Đặng nhắc lại quan điểm của mình:"Cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, có chỗ thái quá, cần sửa sai. Nhưng chúng ta không phủ định hoàn toàn cuộc đấu tranh đó". "Không dùng thủ đoạn chuyên chính là không được. Với thủ đoạn chuyên chính, không những cần nói, mà khi cần, phải sử dụng"[1]. Có thể thấy, trong việc sửa sai với phái hữu, Đặng còn giữ lại cái đuôi là rất có viễn kiến[2].

1.14. ĐỊA CHỦ,PHÚ NÔNG XƯA NAY VẪN ĐƯỢC COI LÀ MÂU THUẪN ĐỊCH TA CHÍNH THỨC.NHƯNG ĐẶNG VẪN DỨT KHOÁT, QUẢ QUYẾT CHO BỎ NHỮNG CÁI MŨ ĐÓ

Thời đại Mao Trạch Đông có rất nhiều mũ. Người ta chia mũ đó lần lượt làm chín loại: Địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu, phái hữu, phản bội, đặc vụ, đi theo đường lối tư bản, lão chín thối (phần tử trí thức). Sau khi nắm quyền, Đặng Tiểu Bình lần lượt bỏ năm loại mũ sau, chủ yếu là những mũ chụp trên đầu cán bộ và giới trí thức, tức mũ "kẻ đi theo đường lối tư bản", "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh" cho cán bộ, mũ "phái hữu", "lão chín thối" cho giới trí thức, làm cho hai bộ phận tinh anh của xã hội có thể thấy được ánh mặt trời, ngóc được đầu lên, phát huy tính tích cực của họ trong xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Còn bốn loại mũ địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu đã có từ trước cách mạng văn hóa và

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 196.
2. Viễn kiến: tầm nhìn xa.

được cho là mâu thuẫn địch ta chính thức. Đặng Tiểu Bình không có ý thay đổi tính chất mâu thuẫn đó, nhưng ông vẫn dứt khoát, quả quyết bỏ những cái mũ đó.

Ngày11-1-1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định: Phàm những địa chủ, phú nông, phần tử phản cách mạng và phần tử xấu trong nhiều năm vẫn tuân thủ pháp luật, thật thà lao động, không làm việc xấu, thì nhất loạt cho bỏ mũ, đãi ngộ như xã viên công xã nhân dân ở nông thôn. Theo tin tức, toàn quốc trước sau có 4,4 triệu người do đó mà được bỏ mũ địa chủ, phú nông.

Mũ còn được gọi là thành phần, thực tế là một dấu hiệu phân loại mang tính chính trị. Trong cách mạng văn hóa, để làm nổi bật dấu hiệu đó, nhiều địa phương còn đeo cho mỗi người thuộc bốn loại đó một phù hiệu mầu trắng trên vai phải, trên đó có ghi bằng chữ đen thành phần của mỗi người. Có sự tồn tại rõ ràng của kẻ thù giai cấp đó, có lúc giúp ích cho các cán bộ cơ sở. Mỗi khi cấp trên có chỉ thị về nắm đấu tranh giai cấp, nếu họ không tìm thấy kẻ thù giai cấp mới thì họ liền gọi những phần tử thuộc bốn loại trên ra đấu một trận, để tỏ rằng họ vẫn nắm chắc sợi dây đấu tranh giai cấp. Khi gặp công việc sai dịch nặng nề, không tiện gọi bần nông và trung nông lớp dưới đi làm, các cán bộ liền gọi "4 loại phần tử" đi lập công chuộc tội. Những người đó rất dễ sai bảo, muốn bắt họ làm gì cũng được. Nếu thôn nào không có "bốn loại phần tử" lại cảm thấy có những công việc khó thực hiện. Những người đó chỉ cho phép tuân theo khuôn phép, không cho phép nói năng bừa bãi, trước sự chuyên chính không thương tiếc của quần chúng, không nói tới chuyện làm chuyện phi pháp,

ngay đến lời của đại đội trưởng dân quân cũng không hề dám coi thường. Những người đó là đối tượng của cách mạng dân chủ. Nhưng cách mạng của Mao Trạch Đông khác với các cuộc cách mạng khác trong lịch sử, sau khi đã tước đoạt những phương tiện tước đoạt của giai cấp bóc lột - là tư liệu sản xuất, vẫn không buông tha phần xác thịt của giai cấp bóc lột để tránh một ngày nào đó họ lại vùng lên. Qua hơn 20 năm chuyên chính vô sản,những người đó chỉ còn có việc than thở cho số phận kiếp trước, còn những người muốn tiếp tục làm việc xấu, mang ý định ngóc đầu dậy, nếu có thì cũng chẳng có mấy người nữa. Đặng cảm thấy cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử này nên sớm kết thúc và bây giờ chính là lúc nên kết thúc. Kết thúc nó không có hại gì cho giai cấp vô sản, chẳng cần phải thẩm tra tài liệu, khôi phục danh dự, phát bù tiền lương, phân phối công tác, chỉ cần tuyên bố không còn mũ nữa, để họ có tư cách của xã viên công xã là được. Nhưng đối với những người đó, thì như thế đã là một ân huệ lớn. Vì họ cho rằng chiếc phù hiệu đeo trên thân thể họ sẽ theo họ suốt đời cho tới lúc xuống mồ, mà còn truyền lại tới con cháu đời sau, nay bỗng nhiên được ông Đặng vứt bỏ đi, thì có cảm giác được vươn mình giải phóng, mà việc vươn mình giải phóng của họ không hề phủ định việc vươn mình giải phóng của bần nông và trung nông lớp dưới đi theo Đảng Cộng sản vừa giành được trước đây.

Bỏ chiếc mũ "địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu", được giải phóng không chỉ có "bốn loại phần tử" mà còn đời con họ, đời cháu họ. Con cái địa chủ, phú

nông đều vốn có "thành phần xuất thân" là địa chủ, phú nông. Tuy không ai nói rằng con cái có "thành phần xuất thân" là địa chủ, phú nông, thì "thành phần bản thân" cũng là địa chủ, phú nông, nhưng trong xã hội đã phổ biến tin rằng: "Rồng sinh ra rồng, phượng sinh ra phượng, còn chuột vẫn cứ sinh ra giống đào hang". Trong con mắt mọi người "thành phần xuất thân" vẫn là một loại "thành phần giai cấp". Vấn đề xuất thân khiến con cái địa chủ, phú nông không có các quyền lợi chính trị vào Đoàn, vào Đảng, vào quân đội, không được vào đại học, vào nhà máy; điều nguy hiểm chết người đối với họ là không tìm được đối tượng yêu đương, kết hôn, đứng trước nguy cơ "tuyệt chủng". Con cái bần nông và trung nông lớp dưới dù có không tìm được chồng là đảng viên, cán bộ, quân nhân, cũng quyết không chịu đến làm dâu nhà phú nông, địa chủ. Con cái phú nông, địa chủ cũng đành vơ bèo vạt tép, bởi vì mọi người sợ lây dòng máu giai cấp phản động, lập trường giai cấp không vững vàng. Đảng viên, cán bộ nếu lấy con gái địa chủ, phú nông làm vợ thì coi như kết liễu tiền đồ chính trị. Thành phần giai cấp xuất thân không tốt không những chỉ là tai họa cho con cái, mà là tai họa cho cả đời sau nữa. Con cái địa chủ phú nông có may mắn được sinh con đẻ cái, thì con cái do họ sinh ra, do có cha mẹ xuất thân địa chủ phú nông, nhiễm phải dòng máu phản động nên thành phần xuất thân của chúng vẫn là địa chủ phú nông. Đặng Tiểu Bình khi tuyên bố nhất loạt bỏ mũ cho địa chủ phú nông cũng đã sửa đổi về căn bản thành phần xuất thân của con và cháu địa chủ, phú nông. Điều đó có nghĩa là ít nhất cũng kết thúc cuộc sống bị phân biệt

đối xử của 10 triệu người, cho họ được hưởng quyền lợi công dân, bắt đầu cuộc sống mới về chính trị, bắt đầu được xã hội thừa nhận là người. Vì họ đã từng không được là người, mà.Đặng Tiểu Bình đã biến họ thành người nên họ không thể không cám ơn ông Đặng đã cho họ cuộc sống thứ hai.

Sau khi địa chủ, phú nông ở nông thôn được bỏ mũ không lâu, tháng 11-1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lại ra một quyết định: Phân biệt những người lao động trong giới công thương nghiệp chủ. Điều đó thực tế là bỏ mũ, sửa sai cho một số nhà tư bản. Năm 1956, khi tiến hành công tư hợp doanh theo từng ngành nghề có một số lớn tiểu thương, tiểu chủ, tiểu thủ công nghiệp và một số người lao động khác bị đưa vào xí nghiệp công tư hợp doanh. Tất cả họ đều bị gọi là nhân viên tư doanh, bị đối đãi như những nhà tư sản công thương nghiệp, tức là những nhà tư bản hoặc lớn, hoặc nhỏ, nằm trong phạm trù giai cấp tư sản. Trên thực tế, có một số "nhà tư bản" đáng thương tới mức mỗi tháng nhận được lợi tức "bóc lột" chỉ mua nổi một, hai bao thuốc lá. Trong số họ từ lâu đã có người đề xuất không nhận phần "thu nhập bóc lột" đó nữa, xin ra khỏi hàng ngũ giai cấp tư sản. Không hiểu tại sao, yêu cầu đó vẫn không được thực hiện, để đến lượt Đặng Tiểu Bình phải xử lý. Chính phủ của Đặng qua hơn một năm công tác, đến năm 1981, đã đưa hơn 70 vạn tiểu thương tiểu chủ và tiểu thủ công nghiệp từ vị trí nhà công thương nghiệp, tức giai cấp tư sản, khôi phục lại bộ mặt vốn có là thành phần lao động. Sự chuyển biến từ tiểu thương tiểu chủ đến người lao động đã phải trải qua thời gian hơn 20 năm. May mà nhờ có Đặng Tiểu Bình.

Trong thời gian này, Đặng Tiểu Bình đã sửa sai cho những án oan, án giả trong số những người Quốc dân đảng đầu hàng Quân giải phóng.

Học giả Đài Loan Đinh Vọng đã gọi biện pháp bỏ mũ cho phái hữu, địa chủ, phú nông của Đặng Tiểu Bình là "chính sách giai cấp mềm dẻo"[1]. Chính sách giai cấp của chủ nghĩa Mác chia xã hội thành các giai cấp khác nhau để xác định đối tượng và động lực cách mạng. Mao Trạch Đông dựa vào pháp bảo đó, giành được thắng lợi trên toàn quốc. Sau khi giành được chính quyền, vì lo sợ giai cấp bóc lột bị đánh đổ chưa chịu thôi, Mao Trạch Đông lại xiết chặt sợi dây đấu tranh giai cấp gần 30 năm nữa. Qua 30 năm đó, dù các phần tử thuộc giai cấp bóc lột cũ có chưa chịu, thì cũng sắp chết cả rồi. Đặng không đợi những phần tử thuộc giai cấp bóc lột bị tiêu diệt toàn bộ về thể xác, liền cất toàn bộ mũ đi cho họ. Hành động đó, như Đinh Vọng đã nói: Làm hòa dịu hận thù giai cấp trong xã hội, dần dần hướng sức mạnh của dân chúng vào phát triển sản xuất.

Bỏ mũ là việc "chính danh". Danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành. Đặng Tiểu Bình vứt bỏ hết các mũ từ thời Mao Trạch Đông lưu lại. Làm như vậy khiến cho, ngoài những phần tử phạm pháp được trừng trị theo pháp luật, mọi người đều là các công dân bình đẳng. Đó là điều vô cùng cần thiết để huy động mọi nhân tố tích cực vào công cuộc bốn hiện đại hóa, xây dựng dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

---

1. " Đặng Tiểu Bình" trong lòng các nhân sĩ hải ngoại, Nhà xuất bản Hồng Kỳ, 1993, tr. 235.

1.15. NHỮNG THANH NIÊN TRÍ THỨC TỪ ĐỒNG RUỘNG TRỞ VỀ ĐÃ BỔ SUNG VÀO SỰ THIẾU HỤT NHÂN TÀI GIỮA BUỔI GIAO THỜI, KHI ĐẶNG TIẾN HÀNH SỰ NGHIỆP CẢI CÁCH

Trong cách mạng văn hóa, Mao Trạch Đông đã nghĩ ra một "bách niên đại kế" để phòng và chống xét lại: Cho những học sinh tốt nghiệp trung học mới mười mấy tuổi ở các thành phố lên vùng rừng núi và về nông thôn, tổ chức thành đội thành hộ, tiếp thu sự tái giáo dục của bần nông và trung nông lớp dưới. Trải qua việc đấu tranh nhổ rễ và cắm rễ, chỉ trong mấy năm đã có mấy chục triệu thanh niên trí thức phân bố khắp nông thôn và biên giới, không ít người quyết tâm lăn lộn trong trời cao đất rộng để rèn luyện một trái tim hồng. Nhưng từ năm 1977 khôi phục chế độ thi tuyển vào đại học, thực hiện chính sách tuyển chọn trực tiếp học sinh tốt nghiệp trung học vào đại học, thì quyết tâm cắm rễ ở nông thôn của họ bắt đầu lung lay. Họ sôi nổi tìm cách trở lại thành phố. Người thi vào đại học, người xin vào nhà máy. Nếu không vào được đại học và nhà máy thì họ ở lỳ thành phố để chờ đợi. Những người lãnh đạo nước cộng hòa mới không ra sức ngăn cản "phong trào về thành phố" như trước kia, mà để cho nó diễn ra tự nhiên. Những học sinh tốt nghiệp trung học mười mấy tuổi vào học tập ở Trường đại học thì có ý nghĩa hơn là về nông thôn. Năm 1979 Đặng Tiểu Bình dứt khoát đình chỉ việc đưa học sinh tốt nghiệp trung học về nông thôn và đặt dấu chấm hết cho "sự vật mới": Đưa thanh niên trí thức lên

miền núi, về nông thôn, một việc làm thất nhân tâm, làm lỡ dở con cái người ta.

Nhưng ngay mùa xuân năm đó, Đặng đứng trước một thử thách mới: Mấy chục triệu thanh niên xuống nông thôn trước kia ùa về thành phố, đòi công tác, đòi đi học, hình thành một sức ép xã hội rất lớn. Một số thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải còn có hiện tượng thanh niên xuống đường tuần hành, thậm chí xông vào cơ quan, làm gián đoạn giao thông. Việc tuần hành đó đương nhiên không nhằm đánh đổ ai, mà chỉ là đòi lợi ích, đòi những cái đã bị mất của một thời đã qua. Nhưng nếu cứ để hiện tượng đó phát triển, rất có thể gây nguy hại cho cục diện an định đoàn kết vừa hình thành, thậm chí gây uy hiếp cho chính quyền quá độ mà Đặng vừa khôi phục. May mắn là Đặng không xử lý theo cách của cách mạng văn hóa, giản đơn coi đó là "động hướng mới của đấu tranh giai cấp", mà bình tĩnh phân tích tình hình, áp dụng phương châm hướng dẫn tích cực. Một mặt lắng nghe tìm hiểu mọi khó khăn của thanh niên, bền bỉ thuyết phục giáo dục, khẳng định yêu cầu hợp lý của họ, và phê bình cách làm không thích đáng của họ, làm cho thanh niên được cảm hóa, thông cảm lại với những khó khăn của nhà nước. Mặt khác, áp dụng những biện pháp quả đoán, tích cực giải quyết những vấn đề trong quản lý thanh niên, giải quyết những khó khăn cụ thể trong đời sống thanh niên, đối với những vấn đề không có cách nào giải quyết được thì đưa ra lời giải thích thỏa đáng.

Việc gây rối của thanh niên trí thức cuối cùng đã dẹp yên được. Nhưng muốn giải quyết về căn bản đội quân thất nghiệp to lớn ở thành thị thì phải tìm được con đường sinh tồn và phát triển cho họ. Vào đại học là một con

đường, nhưng không thể giải quyết cho cả mấy chục triệu người. Muốn giải quyết cho một số người đông như thế, cộng thêm việc vận dụng chính sách cán bộ, chính sách đối với trí thức, đối với những người mới được giải phóng thì phải bắt tay vào việc tạo công ăn việc làm. Để làm việc đó, giữa mùa hè 1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập hội nghị chuyên đề về giải quyết công ăn việc làm, định ra phương châm mới là "giải phóng tư tưởng", nới rộng chính sách, phát triển sản xuất, tạo nhiều công việc làm, thực hiện việc giới thiệu công việc, tự nguyện tổ chức lại tìm công việc và tự tổ chức ngành nghề làm việc.

Đó là phương châm phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội bằng biện pháp kinh tế. Mà phương châm đó lại tương hỗ tác dụng với chính sách xây dựng hiện đại hóa và cải cách mở cửa do Đặng Tiểu Bình đề xướng. Vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp xuất hiện trong việc cải cách chế độ chiêu sinh của nhà trường lại được giải quyết thông qua con đường cải cách chế độ tìm công việc làm. Nói theo cách nói sau này, đó là dùng biện pháp cải cách để giải quyết những vấn đề xuất hiện trong cải cách. Vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp trong một trình độ nhất định, lại thúc đẩy Đảng Cộng sản mở rộng chính sách kinh tế và chính sách giải quyết việc làm, trong đó chính sách tự nguyện tổ chức lại để tìm việc và tự tìm ra công việc, trên thực tế là đã gieo hạt giống cho lớp kinh tế cá thể đầu tiên trong nền kinh tế thành thị.

Căn cứ vào phương châm giải quyết công ăn việc làm mới, các địa phương trong toàn quốc đã giải phóng tư tưởng, mở ra nhiều con đường giải quyết công ăn việc làm. Đến cuối năm 1981, toàn quốc đã xếp sắp cho 26 triệu

người đi làm việc, cơ bản giải quyết vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp do cách mạng văn hóa để lại.

Đặng Tiểu Bình giải quyết vấn đề cho thanh niên trí thức đi học và làm việc coi như đồng thời giải quyết một lúc hai vấn đề hết sức quan trọng. Một là, giải quyết xong việc lên miền núi và về nông thôn của thanh niên trí thức mà cách mạng văn hóa đã đưa lên rất cao. Việc làm đó được đánh giá là đã làm lãng phí tuổi thanh xuân và làm lỡ dở việc học hành. Nay kịp thời chấm dứt việc đó, coi như đã kịp thời cứu vớt một thế hệ. Hai là, đã tìm ra con đường lý tưởng để phát huy tác dụng của cả một thế hệ thanh niên trí thức. Hơn mười năm sau, người ta thấy những con người năng động trong đời sống kinh tế thành thị, đại bộ phận là những người từng xuống nông thôn năm xưa. Những thanh niên có cơ hội vào học đại học, sau này đã lần lượt trở thành lực lượng trung kiên trong các lĩnh vực khoa học, nhất là lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Chỉ nói về mặt văn học nghệ thuật, những tác giả ưu tú trên văn đàn những năm 80, có mấy người chưa từng xuống nông thôn? Những người có cơ hội tiến vào tầng lớp lãnh đạo, cũng đã dần dần làm chủ được trên các lĩnh vực. Thế hệ đó từng than tiếc về việc lỡ dở tuổi thanh xuân vì phải lên núi, xuống nông thôn, nhưng chính vì họ đã từng xuống nông thôn, nên có được cảm nhận sâu sắc khi so sánh hai thời đại cũ mới, vì vậy rất dễ nhận thức và tiếp thu tư tưởng mới về cải cách và mở cửa của Đặng Tiểu Bình. Trên thực tế, họ đã dần trở thành quân chủ lực trên các mặt trận cải cách và mở cửa.

Cuộc trường chinh mới của Đặng Tiểu Bình tiến hành đến giữa những năm 80 thì bắt đầu xuất hiện sự hẫng hụt, gián đoạn về nhân tài trong các mặt, Cách mạng văn hóa đã làm lỡ làng cả một thế hệ. Những cán bộ cũ và phần tử trí thức từ

"chuồng bò" trở về (họ đều là tinh anh của xã hội trước thời cách mạng văn hóa) đã lần lượt đến tuổi về hưu. Nếu không có những thanh niên trí thức từ "đồng ruộng" trở về bù đắp vào thì tình hình đó sẽ nghiêm trọng lên rất nhiều. Đến lúc đó, người ta mới thấy việc các thanh niên trí thức trở về thành phố là tốt nhường nào. Trên một ý nghĩa nhất định, sự nghiệp cách mạng lớn lao mà Đặng Tiểu Bình khai thác, đã phải dựa vào thế hệ đó để truyền tới thế hệ thứ ba.

1.16. BA KIM ĐỀ NGHỊ LẬP"NHÀ BẢO TÀNG VỀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA". ĐẶNG RÕ RÀNG LÀ KHÔNG TÁN THÀNH, BỞI VÌ NÓ QUÁ ĐI VÀO CHI TIẾT. VÌ VẬY, ÔNG NHIỀU LẦN NHẮC LẠI LÀ XỬ LÝ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ NÊN KHÁI LƯỢC MÀ KHÔNG NÊN ĐI VÀO CHI TIẾT

Benedetto Croce (nhà triết học Italia, 1866-1952 - ND) từng nói: Mọi lịch sử chân chính đều là lịch sử hiện đại.

Những người hiện đại muốn sáng tạo tương lai, đều phải xem xét lại, thậm chí phải viết lại lịch sử quá khứ. Chỉ có như thế, người hiện đại mới không thấy khoảng cách về không gian giữa mình với thế hệ trước: ở nguyên vị trí cũ hay đã tiến lên một bước? Đã đi một bước nhỏ hay tiến một bước lớn?

Người ta có thể sáng tạo lịch sử, nhưng không người nào có thể vượt khỏi lịch sử. Một cá nhân càng muốn sáng tạo những trang sử mới, thì càng đứng trước nhiều vấn đề lịch sử.

Khi Đặng Tiểu Bình xuất hiện trên vũ đài lịch sử Trung Quốc với tư thế người cải cách, mở cửa, điều trước

hết ông gặp phải không phải là cải cách như thế nào và phân tích việc mở cửa như thế nào mà là một đống những vấn đề lịch sử do thời đại Mao Trạch Đông để lại, đòi hỏi ông phải giải quyết, phải thanh lý.

Những vấn đề lịch sử mà Đặng gặp phải có thể phân làm hai loại: Một loại là sự đúng sai, công tội của những sự kiện lịch sử lớn và những nhân vật lịch sử quan trọng, cần được đánh giá lại theo những tiêu chuẩn giá trị hiện tại, thí dụ vấn đề đúng sai của đại cách mạng văn hóa, vấn đề công lao và sai lầm của Mao Trạch Đông. Loại thứ hai là việc sửa chữa lại những việc mà thực tiễn đã chứng minh là trước kia làm sai, thí dụ, một số án oan, án giả, án sai trong cách mạng văn hóa, thậm chí trước cách mạng văn hóa và trước giải phóng còn để lại.

Đặng ý thức đầy đủ rằng, không giải quyết những vấn đề đó thì Trung Quốc sẽ không thể nào tiến lên được. Không làm rõ những việc đúng sai lớn trong lịch sử, thì không thể tổng kết đúng đắn kinh nghiệm lịch sử, học được bài học lịch sử, không thể biết được Trung Quốc nên đi theo hướng nào. Một số lớn án oan, án giả, án sai, nếu không kịp thời sửa chữa thì không thuận lòng dân, thông suốt ý dân, không phát huy được mọi nhân tố tích cực, thực hiện được cục diện chính trị ổn định đoàn kết, sinh động sôi nổi. Đặng Tiểu Bình muốn đưa Trung Quốc tiến sang thời đại lịch sử mới thì trước hết phải giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại đặt ra trước mắt ông.

Nhưng khi người ta lật giở các trang lịch sử nặng trĩu, những người lãnh đạo mới đứng trước vấn đề: Biết bao chuyện ân oán, đúng sai, thật giả do lịch sử để lại, biết đến năm tháng nào mới làm cho rõ hết được. Đặng Tiểu

Bình tỉnh táo nhận ra rằng: Nếu lật giở những món nợ cũ của lịch sử thì có thể dẫn tới hai hậu quả: Một là, giải phóng được một năng lượng to lớn, đưa Trung Quốc tới phồn vinh thịnh vượng; hai là, bới ra rất nhiều chuyện phiền phức, đưa nhân dân tới những cuộc tranh cãi không bao giờ dứt.

Do đó, khi Đặng Tiểu Bình bắt tay vào việc giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, ngoài việc đề ra nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai thì sửa, còn nhiều lần nhắc lại vấn đề mức độ, giải quyết vấn đề lịch sử nên khái lược chứ không nên quá chi tiết.

Theo nguyên tắc thực sự cầu thị để giải quyết vấn đề do lịch sử để lại, cái gì nên khái lược thì khái lược, nên chi tiết thì chi tiết. Đặng lại thêm là nên khái lược, không nên chi tiết, có nghĩa là, với những vấn đề có khái lược, có chi tiết thì nên chọn thái độ nên khái lược mà không nên chi tiết. Khái lược tốt hơn là chi tiết, quá chi tiết thì không thỏa đáng.

Sự phân biệt khái lược, chi tiết thể hiện cá tính độc đáo của ông Đặng và tầm nhìn chiến lược của một chính khách. Khái lược không phải là giản đơn, qua loa, mà là yêu cầu nắm những vấn đề đúng sai lớn có quan hệ rộng và ảnh hưởng lớn, chứ không đi sâu vào những vấn đề chi tiết về những món nợ cũ trong lịch sử. Đồng thời, giải quyết những vấn đề lịch sử lớn đó, cần khái quát một chút, chú trọng đến cái lớn, làm rõ cái đúng sai lớn chứ không cần làm rõ mọi chi tiết, cũng không nên yêu cầu vấn đề nào cũng phải giải quyết thật trọn vẹn.

Tại sao khái lược lại tốt hơn chi tiết? Đặng nói rất rõ ràng: Giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, mục đích là để kết thúc quá khứ, mở ra tương lai, dẫn mọi người

đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước. Với vấn đề lịch sử, cần chú ý vào điểm lớn, cũng có nghĩa là chú ý vào hiện tại, chú ý tới tương lai. Ngược lại, với món nợ cũ lâu năm, tính toán quá chi tiết, chỉ dẫn sức chú ý của người ta về phía sau, quanh quẩn mãi với món nợ cũ trong lịch sử. Như vậy, không những không có lợi cho xây dựng bốn hiện đại hóa mà còn ảnh hưởng đến an định đoàn kết, hoàn toàn đi ngược lại mong muốn đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước.

Nên khái lược, không nên chi tiết còn có một lý do nữa. Những vấn đề lịch sử mà Đặng muốn bắt tay vào giải quyết, đều là những vấn đề phát sinh trong bản thân Đảng Cộng sản Trung Quốc. Những vấn đề đó nếu không giải quyết thì không có cách nào tiến lên; nếu giải quyết quá chi tiết, lại không có lợi cho hình tượng vẻ vang của Đảng. Bởi vậy, chỉ nên giải quyết khái lược, khái quát một chút. Thí dụ như đối với sai lầm có tính toàn cục của cách mạng văn hóa, Đặng chủ trương nhất định phải sửa, nhất định phải phân rõ đúng sai lớn, không làm như vậy thì không thể có cục diện mới cải cách mở cửa như sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba. Nhưng, nếu làm như đề nghị của Ba Kim, lập một "nhà bảo tàng cách mạng văn hóa" thì rõ ràng là Đặng không tán thành. Bởi vì, trong cách mạng văn hóa, rút cục vẫn tồn tại một đảng, phương thức trưng bày trong nhà bảo tàng, cố nhiên có lợi cho con cháu đời sau rút ra bài học, nhưng nó không tránh khỏi quá đi vào chi tiết, không thỏa đáng.

1.17. ĐỊNH LUẬN VỀ MAO TRẠCH ĐÔNG SAU KHI CHẾT

Người Trung Quốc xưa nay vẫn cho rằng, một con người chỉ sau khi chết mới có thể đưa ra lời đánh giá thật

công bằng. Lời nói đó không phải là không có lý. Bởi vì con người còn sống thì còn thay đổi, khó có thể có kết luận ổn định. Sau khi chết, không còn thay đổi nữa, thì mới có thể "định luận" được. Song đối với nhân vật có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử như Mao Trạch Đông, thì đậy nắp áo quan rồi cũng chưa hẳn đã "định luận" được.

Sau khi Mao Trạch Đông mất, mọi việc làm của Đặng Tiểu Bình nhằm dẹp yên rối loạn, trở lại ổn định có thể khái quát thành một câu: Thông qua những sai lầm cuối đời Mao để cứu vớt cuộc cách mạng Trung Quốc mà Mao đã khai sáng. Song quá trình biện chứng phủ định cái phủ định ấy lại phải thông qua sự vận động có quan hệ tương hỗ giữa Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Mao Trạch Đông. Mỗi thay đổi nhỏ nhặt trong quan hệ giữa Đặng và Hoa đều liên quan đến sự đánh giá người đã mất là Mao Trạch Đông. Linh hồn của Mao Trạch Đông vẫn tác động tới mỗi bước lịch sử của thời đại hậu Mao Trạch Đông.

Tiên sinh Lỗ Phàm Chi đã chỉ ra: "Trung Quốc muốn chấm dứt (cái "chấm dứt" này bao hàm sự vứt bỏ và phát triển một cách biện chứng chứ không có nghĩa phủ định toàn bộ) "thời đại Mao Trạch Đông" thì lại phải thông qua tiến trình có thể gọi là "phi Mao hóa" để phối hợp"[1]. Cái gọi là "phi Mao hóa" không có gì khác hơn là phá bỏ thần thoại về Mao Trạch Đông, phê phán những sai lầm cuối đời của Mao, không gì khác hơn là xác lập tính hợp pháp của chính quyền mới do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo và chứng minh tính không hợp lý của sự lãnh đạo cứng nhắc của Hoa Quốc Phong, đều cần được hoàn thành với sự làm

1. Lỗ Phàm Chi "Luận Trung Quốc - Thần Châu cự biến", NXB Quảng Giác kính Hương Cảng, 1984, tr.29.

yếu hình tượng hoàn mỹ của lãnh tụ vĩ đại, phê phán những sai lầm cuối đời của Mao. Nhưng ai nấy đều biết rằng "trước khi xóa bỏ ảnh hưởng của những kẻ theo đuôi Mao và "bọn bốn tên" về mặt chính trị và trong tầng lớp lãnh đạo, thì bất kỳ ai muốn phê phán Mao một cách dứt khoát và thiếu nghệ thuật, coi như là tự sát về chính trị hoặc ít nhất cũng là rất nguy hiểm"[1].

Đặng Tiểu Bình thấy được sự nguy hiểm đó, nên trong cuộc đọ sức với các đối thủ chính trị, ban đầu bao giờ ông cũng thận trọng, gắng hết sức tránh đề cập tới đúng sai công tội của Mao Trạch Đông và nỗ lực áp dụng những cái đúng đắn của Mao để biện hộ cho mình. Ví dụ, khi phản bác "hai phàm là" Đặng chỉ nhấn mạnh việc phải "phàm là" chỉ biết nắm mấy câu chữ cá biệt mà không suy nghĩ tìm hiểu đúng đắn tư tưởng Mao Trạch Đông; khi thanh toán sai lầm trong "cách mạng văn hóa", ông ra sức quy trách nhiệm vào sự phá hoại của hai tập đoàn phản cách mạng là Lâm Bưu và "nhóm bốn tên". Đến Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng đã nắm được chính quyền trên thực tế, nhưng ôngvẫn dồn sức vào sửa chữa từng sai lầm một trong"cách mạng văn hóa", thí dụ như sửa sai từng bước cho các vụ án oan, án giả, án sai, chứ không vội kết luận về toàn bộ cách mạng văn hóa, đặc biệt là về Mao Trạch Đông.

Nhưng đến năm 1980, khi Đặng quyết định sửa sai cho án oan lớn nhất - án của Lưu Thiếu Kỳ, thì đã không thể tránh được việc đánh giá công khai toàn diện về Mao Trạch Đông. Mục đích phát động cách mạng văn hoá của

---

2. (Mỹ)Đavít.W. Trương "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 59.

Mao Trạch Đông là nhằm phê phán "đường lối xét lại phản cách mạng" do Lưu Thiếu Kỳ làm đại biểu, mà việc đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ là cái mốc chủ yếu của "thắng lợi vĩ đại" có tính lịch sử của cách mạng văn hóa. Nếu Lưu Thiếu Kỳ là đúng đắn, bị oan, thì đủ chứng minh rằng đại cách mạng văn hóa từ điểm xuất phát tới tư tưởng chỉ đạo căn bản đều là sai lầm, chứng minh rằng trong hai việc lớn của cuộc đời Mao Trạch Đông thì một việc là sai lầm.

Đặng bình tĩnh phân tích tình hình lúc đó: "Sau khi nghị quyết của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ năm về sửa sai cho đồng chí Lưu Thiếu Kỳ được truyền đạt xuống dưới, tư tưởng trong một số người khá hỗn loạn. Có người phản đối việc sửa sai cho Lưu Thiếu Kỳ, cho rằng làm như thế là đi ngược lại tư tưởng Mao Trạch Đông; một số người khác cho rằng đã sửa sai cho đồng chí Lưu Thiếu Kỳ thì tức là tư tưởng Mao Trạch Đông đã sai"[1]. Đặng cho rằng "cả hai cách nhìn nhận đó đều sai". Rõ ràng, muốn khắc phục sự hỗn loạn tư tưởng đó, cần phải có cách nói có quyền uy đối với một số vấn đề lịch sử quan trọng, đặc biệt là đối với đại cách mạng văn hóa và tư tưởng Mao Trạch Đông. Đó là nguyên nhân vì sao Đặng quyết tâm viết "Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử của Đảng từ ngày lập nước đến nay".

Thấy sự phức tạp của việc phê phán Mao lúc đó có người đề xuất: Nghị quyết này đã vội đưa ra chưa? Đặng nói: "Không nên để chậm nữa. Để chậm không có lợi cho chúng ta. Bởi vì trong đảng ngoài đảng "đều đang viết", "đều đang chú ý xem chúng ta nói thế nào". Anh không đưa ra một nhận định gì thì những vấn đề quan trọng sẽ

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 255-256.

không có cách nhìn nhận thống nhất"[1]. Đúng như vậy, không có cách nhìn nhận thống nhất, thì sẽ có các kiểu nói khác nhau. Như vậy, ở mức độ nhẹ thì gây nên hỗn loạn tư tưởng, ở mức độ nặng thì ảnh hưởng tới an định đoàn kết. Vả lại, lúc đó Đặng đã giành được thắng lợi quyết định đối với Hoa, cũng tức là đã giành được quyền tuyệt đối trong việc giải thích tư tưởng Mao Trạch Đông, còn cần thiết gì phải né tránh vấn đề phê phán Mao nữa?

Công việc phê phán Mao của Đặng Tiểu Bình gồm hai ý cơ bản không dễ nhất trí với nhau: Vừa kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông, lại vừa phê phán sai lầm cuối đời của Mao. Đặng hy vọng thông qua sự biện luận tổng hợp về hai mặt đó để tỏ rõ cho người đời biết tư tưởng Mao Trạch Đông mà người lãnh đạo mới kiên trì là cái gì. Trên thực tế, đó là dùng hình thức nghị quyết của Đảng để trịnh trọng cáo biệt một thời đại cũ, trang nghiêm tuyên cáo về sự ra đời của một thời đại mới. Đó đương nhiên là một nhiệm vụ chính trị hết sức nghiêm túc và cũng hết sức khó khăn, chỉ được phép làm tốt, không được làm hỏng.

Văn kiện sắp ra đời, về nhiều mặt có thể được coi là đỉnh cao nhất trong lịch sử văn chương thế giới. Đặng tự cầm đầu, Hồ Diệu Bang chủ trì, Hồ Kiều Mộc chủ bút, bên dưới có ủy ban khởi thảo gồm hơn hai mươi thành viên. Trong quá trình khởi thảo văn kiện, qua việc thảo luận trong bốn người, cuối cùng là thảo luận trong mấy chục người, trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, trong Hội nghị trù bị của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, khóa XI, riêng việc thảo luận quy mô đã có bốn lần như vậy. Văn kiện viết xong chỉ có hơn hai vạn chữ, mà khởi

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 256-268.

thảo mất 15 tháng (từ 3-1980 đến 6-1981), qua không biết bao nhiêu lần dự thảo. Trình độ thận trọng đó vượt hơn việc khởi thảo hiến pháp của nhà nước.

Đặng quan tâm đến mỗi chi tiết nhỏ trong bài văn như quan tâm đến một chiến dịch lớn quyết định việc mất còn sống chết. ít nhất ông đã 9 lần nói chuyện về công việc khởi thảo văn kiện, tự mình nêu ra sự đánh giá và mức độ cần nắm vững cho từng sự kiện lịch sử, từng nhân vật lịch sử quan trọng. Đặng đã chỉ đạo tỷ mỉ về tư tưởng chỉ đạo của toàn văn, về nguyên tắc cơ bản, thậm chí cả đặc sắc ngữ khí của văn chương và sự dài ngắn của từng đoạn. Trong cuộc đời, Đặng đã viết nhiều văn kiện, song văn kiện này có thể là văn kiện được viết nghiêm túc, tỉ mỉ nhất.

Tại sao lại coi trọng như vậy? Bởi vì Đặng mong muốn văn kiện này "có thể có tác dụng như Nghị quyết lịch sử năm 1945"[1]. Năm 1945, Mao Trạch Đông chủ trì khởi thảo "Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử trong đảng", khiến tư tưởng của toàn đảng thống nhất với tư tưởng Mao Trạch Đông, từ đó đã đặt nền móng cho thời đại Mao Trạch Đông. Nghị quyết lịch sử do Đặng Tiểu Bình chủ trì lần này thêm vào bản Nghị quyết 35 năm trước mấy chữ "từ ngày lập nước đến nay". Mục đích của nó là nhằm thống nhất tư tưởng toàn đảng với tư tưởng Đặng Tiểu Bình, hoặc thống nhất với tư tưởng Mao Trạch Đông đã được Đặng Tiểu Bình giải thích lại, để xác định phương vị của thời đại hậu Mao Trạch Đông tức là thời đại Đặng Tiểu Bình.

Tháng 6-1981, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, khóa XI, đồng

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 217.

thời hoàn thành bốn nhiệm vụ. Một là, thông qua "nghị quyết lịch sử", hoàn thành việc đánh giá lịch sử với Mao Trạch Đông. Hai là, bầu Hồ Diệu Bang làm chủ tịch Đảng, Hoa Quốc Phong chính thức rút khỏi vũ đài lịch sử. Đây là mốc đánh dấu ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông đã chuyển từ tay Hoa Quốc Phong sang tay Đặng Tiểu Bình.

Trong phiên họp bế mạc, Đặng nhấn mạnh, bản nghị quyết lịch sử "có tác dụng rất quan trọng đối với việc thống nhất tư tưởng trong đảng ta", "Từ nay, với tư cách một đảng viên cộng sản, phải phát biểu trong tinh thần thống nhất đó, dù tư tưởng không thông cũng phải phục tùng tổ chức"[1].

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6 họp đúng trước dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Đảng. Đặng cảm thấy vào dịp kỷ niệm 60 năm này, không cần làm cái gì thêm, có bản nghị quyết này là quá đủ rồi. Ông hy vọng sau khi nghị quyết công bố "Tư tưởng trong đảng và trong nhân dân được rõ ràng, nhận thức đạt tới nhất trí, việc tranh luận về các vấn đề lịch sử quan trọng tới đây kết thúc"[2] Công việc còn lại là một lòng một dạ xây dựng bốn hiện đại hóa, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương mới.

1.18. "MUỐN TIẾN HÀNH SỰ ĐÁNH GIÁ LỊCH SỬ NGHIÊM TÚC VỚI MAO TRẠCH ĐÔNG, LÀ MỘT VIỆC LÀM CHÍNH TRỊ VÔ CÙNG NGUY HIỂM"

"Muốn tiến hành sự đánh giá lịch sử nghiêm túc với

1, 2 . Đặng tuyển. Quyển II, tr. 338, 256.

Mao Trạch Đông, là một việc làm chính trị vô cùng nguy hiểm"[1]. Nguy hiểm lớn nhất là phải gánh lấy trách nhiệm "làm gãy cờ".

Năm 1978, khi phái thực tiễn muốn "thông qua việc xác nhận tiêu chuẩn thực tiễn của chân lý để phá bỏ thần thoại về Mao Trạch Đông, thì Uông Đông Hưng đã uy hiếp bằng tội danh "làm gẫy cờ" và "vứt bỏ kiếm". Phái thực tiễn chỉ có thể đối phó bằng chiến thuật anh giương cao, tôi cũng giương cao. Đặng Tiểu Bình đã nhằm vào thuyết "làm gãy cờ", đề ra vấn đề "thế nào là giương cao", "làm thế nào để giương cao"[2] Ông không bàn tới việc có cần giương cao ngọn cờ đỏ vĩ đại là tư tưởng Mao Trạch Đông không, mà chia vấn đề giương cao thành hai loại, là giương cao thật một cách thực sự cầu thị, giương cao giả một cách hình thức chủ nghĩa? để kịp thời hất cái mũ mà phái "phàm là" chụp cho mình. Lúc đó phái "phàm là" chiếm ưu thế, nên việc "bảo vệ cờ" của Đặng mang tính sách lược, để đáp lại sự khiêu chiến chứ không phải là sự đề xuất vấn đề xuất phát từ nhu cầu tự thân của chính quyền mới.

Đến khi Đặng Tiểu Bình không bị sự kiềm chế của phái "phàm là", có quyền cái quan định luận với Mao Trạch Đông, liền tự giác nhận thấy rằng không thể để mất ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Đương nhiên đây là một sự suy xét về chiến lược. Người cộng sản lão luyện này không quên bài học trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế: Những năm 50, Khơrutsôp hoàn toàn phủ định Xtalin,

1. (Mỹ). Môrixơ Maixơna: " Trung Quốc thời Mao Trạch Đông và Trung Quốc sau thời Mao Trạch Đông ", NXB Nhân Dân Tứ Xuyên, 1990, tr. 565.

2.Đặng tuyển. Quyển II, tr. 121.

kết quả có gì tốt đâu? Bất kỳ đối với Đảng Cộng sản Liên Xô, với phong trào cộng sản quốc tế hay với bản thân Khơrutsôp, đều không có gì tốt. Đặng công khai tuyên bố: "Tôi sẽ không đối xử với Mao Trạch Đông như Khơrutsôp đã đối xử với Xtalin"[1]. Điều đó không chỉ do giữa Mao Trạch Đông và Xtalin có nhiều mặt khác nhau, mà chủ yếu hơn là cách làm đó của Khơrutsôp rất không khôn ngoan. Khẳng định Xtalin là có sai lầm. Đặng đã từng phê phán nghiêm khắc trong Đại hội VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc rằng việc sùng bái cá nhân do Xtalin gây ra đã đưa tới "hậu quả xấu nghiêm trọng"[2].. Nhưng, muốn phê phán sai lầm của Xtalin, cần gì phải phủ định toàn bộ Xtalin? Dù có phủ định toàn bộ đối với Xtalin thì cũng không cần thiết phải kêu gào theo tình cảm kiểu Khơrutsôp.

Năm 1980, căn cứ nhu cầu phát triển của tình hình, Đặng quyết định chính thức đưa ra lời đánh giá lịch sử với Mao Trạch Đông. Sự đánh giá này đương nhiên không phải nhằm đưa Mao Trạch Đông đã xuống khỏi thần đàn trở lại thần vị, mà mục đích cuối cùng là Đặng muốn thông qua việc đánh giá Mao Trạch Đông để tỏ cho người đời biết rằng thế hệ lãnh đạo mới có cách làm khác Mao Trạch Đông ở những mặt nào, mà muốn chứng minh tính hợp lý của sự khác nhau đó, cần phải vạch ra những việc làm sai lầm không thích hợp của Mao Trạch Đông trước kia. So sánh sự đánh giá đó với việc ca tụng công đức của Mao Trạch Đông trong mấy chục năm qua, có đặc điểm nổi bật là chỉ ra rằng Mao Trạch Đông có khuyết điểm sai lầm, mà có những sai lầm nghiêm trọng. Nhưng mặc dù như vậy, khi khởi thảo nghị quyết đánh giá Mao, Đặng vẫn đề xuất

1, 2. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 306, 223.

ba nguyên tắc lớn, trong đó điều "quan trọng nhất, căn bản nhất, then chốt nhất", mà trung tâm nhất lại là "giữ vững và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông"[1]. Ông thẳng thắn chỉ ra rằng: "Bộ phận trình bày tư tưởng Mao Trạch Đông trong nghị quyết không thể không có. Đó không chỉ là vấn đề lý luận, mà quan trọng hơn là vấn đề chính trị, là vấn đề chính trị lớn trong nước và trên quốc tế. Nếu không viết hoặc viết không tốt phần đó thì chi bằng không ra nghị quyết"[2].

Tại sao "không viết hoặc không giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông, chúng ta sẽ phạm sai lầm lớn có tính lịch sử"?[3].

Một là,"không đề ra tư tưởng Mao Trạch Đông, đánh giá không thỏa đáng về công lao và sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông thì giai cấp công nhân không chấp nhận, bần nông và trung nông lớp dưới thời cải cách ruộng đất không chấp nhận, đông đảo cán bộ có liên hệ với họ cũng không chấp nhận"[4]. Ba bộ phận đó là quần chúng cơ bản của Mao Trạch Đông. Trong lòng họ, Mao Trạch Đông là đại cứu tinh giúp họ vươn mình giải phóng. Nhất là trong lòng nông dân, hàng triệu, hàng chục triệu nông dân đối với hình ảnh Mao Trạch Đông đã được thần thoại hóa như là đối tượng sùng bái. Những chính khách dù to gan thế nào cũng không thể không suy xét tình hình thực tế đó. Đặng tỉnh táo nhận rõ, nếu hủy hoại hình tượng Mao Trạch Đông trong lòng dân, thì chính quyền mới của ông coi như xây dựng trên bãi cát, những chính sách mang lại

---

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 255, 263, 164, 262.

nhiều lợi ích cho nhân dân của ông sẽ không được nhân dân coi là phúc lành mà sẽ được coi là tà ác.

Hai là, lúc đó có một động thái chính trị rất đáng chú ý. Đặng đã nhắc nhở: "Hiện nay tàn dư của "nhóm bốn tên" và một số người có dụng tâm khác đang giương ngọn cờ của ai?" "đó là ngọn cờ Hoa Quốc Phong, ủng hộ Hoa Quốc Phong"[1]. Ngọn cờ Hoa Quốc Phong có gì để giương? Bởi vì Hoa là người thừa kế được đích thân Mao Trạch Đông sắp xếp, trên vai vác lá cờ của Mao Trạch Đông. Đặng không đồng ý việc Hoa bảo vệ cách làm sai lầm cuối đời của Mao, nhưng nếu trong khi phê phán sai lầm của Mao, ông hoàn toàn phủ nhận Mao thì coi như đã trao lá cờ đỏ của Mao Trạch Đông cho đối thủ chính trị của mình. Một số người có dụng tâm khác sẽ dùng khẩu hiệu bảo vệ Mao Chủ tịch, ủng hộ Hoa Chủ tịch để thách thức tính hợp pháp của sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình.

Ba là, đúng như Morixơ Maixơna đã nói, Đặng Tiểu Bình và những người cộng tác của ông tuy có thấy sự cần thiết về chính trị là đưa Mao Trạch Đông làm tượng trưng cho sự hợp pháp cách mạng, "nhưng sự tán dương Mao Trạch Đông của họ quyết không chỉ là sự suy xét về hiện thực chính trị"[2]. Tư tưởng Mao Trạch Đông đã giáo dục cả một thế hệ. Cả một thế hệ người cách mạng có Đặng Tiểu Bình trong đó đều đã bước lên vũ đài lịch sử dưới ngọn cờ tư tưởng của Mao Trạch Đông. Vận mệnh chính trị của họ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 274.

2. "Trung Quốc thời Mao Trạch Đông và Trung Quốc sau thời Mao Trạch Đông ", tr. 571, 573.

có mối liên hệ tự nhiên với tên tuổi Mao Trạch Đông, cho nên dù trong "cách mạng văn hóa" họ có bị phê phán vì sự sai lầm của Mao Trạch Đông, họ cũng không thể không tha thứ cho lãnh tụ vĩ đại. Lại bước lên vũ đài chính trị sau cách mạng văn hóa, dù đường lối mà họ chấp hành có khác với Mao Trạch Đông thế nào, họ cũng đều nhớ tới Mao Trạch Đông trong lịch sử. Nếu hoàn toàn phủ định Mao Trạch Đông thì ắt sẽ làm tổn thương đến cuộc cách mạng đã xây dựng trước đây và từ nay về sau của Trung Quốc, và cuối cùng lại như Khơrutsôp, sẽ phủ định luôn cả chính mình nữa. Đặng rất tỉnh táo khi ý thức điều đó, nên ông nói "Bất kỳ lúc nào chúng ta cũng không được làm tổn hại đến hình tượng đồng chí Mao Trạch Đông trong toàn bộ lịch sử cách mạng huy hoàng của Trung Quốc, không được dao động trong nguyên tắc giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Chúng ta cần có sự giác ngộ đó, cần có nhận thức đó. Đó không chỉ là vì lợi ích của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vì lợi ích của dân tộc Trung Hoa, mà còn vì lợi ích của phong trào cộng sản quốc tế"[1].

Theo nhu cầu của thực tiễn chính trị hiện hành, vừa cần phê phán sai lầm của Mao, vừa không thể vứt bỏ tưtưởng Mao Trạch Đông, công việc đó thật không dễ thực hiện. Nhưng Đặng vẫn thực hiện được và thực hiện thật tốt đẹp. Cách làm của ông là trước hết phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông và tư tưởng của bản thân Mao Trạch Đông. Tư tưởng Mao Trạch Đông là kết tinh trí tuệ tập thể, trong đó có phần cống hiến của Mao Trạch Đông nhưng không ngang bằng với tư tưởng của cá nhân Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông là người chứ không phải

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 243.

thần thánh, tư tưởng của bản thân ông có đúng đắn, nhưng cũng không tránh khỏi sai lầm. Thế là, Đặng tiến lên một bước, phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với những sai lầm cuối đời Mao, "Tư tưởng Mao Trạch Đông là phần đúng đắn trong cuộc đời Mao Chủ tịch", "Sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là ở chỗ đã đi ngược lại phần đúng đắn trong tư tưởng của mình"[1]. Do đó, tư tưởng sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông không nằm trong tư tưởng Mao Trạch Đông. Nói ngược lại, kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông thì tất phải phê phán, sửa chữa những tư tưởng sai lầm cuối đời Mao. Phê phán những sai lầm cuối đời Mao, không những không phải là chặt gãy cờ mà là thực sự giương cao lá cờ tư tưởng Mao Trạch Đông.

Đặng nói:"Phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với những tư tưởng sai lầm cuối đời Mao như vậy có thể tránh được rất nhiều hỗn loạn"[2]. Ông dùng phương pháp đó để giải thích việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định lúc đó, "tức là dẹp bỏ rối loạn do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" gây ra, phê phán sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông, trở về quỹ đạo của tư tưởng Mao Trạch Đông"[3]. Hoa Quốc Phong chủ trương "hai phàm là", "tức kiên trì tư tưởng sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông một cách nguyên xi, không thay đổi"[4]. Tóm lại, Đặng nói: "Đường lối mà Trung ương mới kiên trì, là tư tưởng Mao Trạch Đông"[5]. Nếu nói hiện nay và trước kia có gì khác nhau thì đó chỉ là sự phát triển của tư tưởng Mao Trạch Đông.

1, 2,3,4,5. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 306., 262, 325, 264, 264, 262.

1.19. LÊN ÁN "NHÓM BỐN TÊN" KHÔNG THỂ KHÔNG NHẮC TỚI TÊN TUỔI MAO TRẠCH ĐÔNG, NHƯNG "SAI LẦM CỦA MAO CHỦ TỊCH CÓ SỰ KHÁC NHAU VỀ TÍNH CHẤT VỚI VẤN ĐỀ LÂM BƯU VÀ "NHÓM BỐN TÊN"

Trong khi Đặng Tiểu Bình đánh giá về đúng sai, công tội của Mao Trạch Đông, còn kéo theo một quá trình khiến mọi người chú ý, tức là việc xử án công khai những tội lỗi của các thành viên chủ yếu trong hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh đã phạm phải trong thời kỳ "cách mạng văn hóa".

Trước kia, từ đầu 1979, Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố "Phong trào quần chúng đã vạch trần và phê phán Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" đã kết thúc thắng lợi trên phạm vi toàn quốc"[1]. Sau hơn hai năm rưỡi, lại đưa hai tập đoàn phản cách mạng đó ra tòa án lịch sử, hành động đó rõ ràng có liên quan đến việc đánh giá Mao Trạch Đông đang được tiến hành lúc đó.

Đồng thời, Đặng còn triển khai hành động thứ ba, tức khai trừ đảng tịch của Khang Sinh, Tạ Phú Trị, và xóa bỏ lời điếu trước kia đối với họ, công bố cho quần chúng biết những tội trạng nghiêm trọng mà họ đã phạm phải trong thời kỳ cách mạng văn hóa. Hai người đó đã chết như Lâm Bưu là những bị cáo vắng mặt, xuất hiện trong cuộc xử hai vụ án đó vì họ được coi là những thành viên quan trọng của hai tập đoàn phản cách mạng, trực tiếp tham gia những âm mưu hoạt động thoán đảng đoạt quyền của Lâm Bưu, Giang Thanh.

---

1. Đặng tuyển. Quyển II. tr. 144.

Phê phán sai lầm cuối đời của Mao, xử án hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh, công bố hành vi nghiêm trọng của Khang Sinh, Tạ Phú Trị đều là những việc từ thời cách mạng văn hóa, là việc triệt để thanh toán hậu quả của cách mạng văn hóa, đồng thời cũng là để xác lập quyền uy lãnh đạo của thế hệ mới. Đó là những biện pháp cần thiết không thể không làm. Đặng Tiểu Bình phối hợp ba hành động đó với nhau, rõ ràng là có sức mạnh hơn việc chỉ đơn độc phê phán sai lầm của Mao Trạch Đông, mà làm như thế cũng tránh được sự quá tập trung sức chú ý của mọi người vào bi kịch cuối đời của Mao Trạch Đông.

Từ 26-9-1980, ngày Ban chấp hành trung ương thông tri về việc xử án hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh. Bộ Chính trị đã chỉ huy sát sao toàn bộ quá trình xét xử từ khi khởi tố đến khi tuyên án. Cục trưởng cục kiểm sát đặc biệt thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hoàng Hóa Thanh đã đọc bản khởi tố dài trước tòa án nhân dân tối cao, vạch rõ 4 tội trạng lớn của Lâm, Giang và 48 tội cụ thể, gồm có âm mưu thoán đảng, đoạt quyền mưu toan ám hại Mao Chủ tịch, bắt bớ và tra tấn phi pháp, bức hại hơn 70 vạn người, bức hại đến chết ba, bốn vạn người. Đặng Tiểu Bình cho rằng định tội như thế với Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" cũng không quá đáng, nhưng việc phê phán Mao Trạch Đông thì cần nắm vững mức độ. Công khai tố cáo những tội ác trên, gán tất cả tội lỗi cho hai tập đoàn phản cách mạng, rõ ràng là làm nhẹ đi trách nhiệm của Mao đối với trận hào kiếp của "cách mạng văn hóa", gây cho người ta một ấn tượng: So sánh với tội ác tày trời của Lâm Bưu, Giang Thanh, những sai lầm của Mao chỉ là sai lầm nhỏ của một nhà mácxít vĩ đại. Hai phương

thức "đấu tranh" khác nhau: Phê phán trong đảng và xét xử công khai tự bản thân chúng đã nói rõ: "Sai lầm của Mao Chủ tịch và vấn đề Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" là khác nhau về tính chất"[1]. Đặng nói với nhà báo Ý Pharaxi: Dù việc xét xử "nhóm bốn tên" không thể không nhắc tới tên tuổi Mao Chủ tịch, "nhưng xét xử "nhóm bốn tên" không thể ảnh hưởng tới Mao Chủ tịch"[2].

Mặc dù như vậy, muốn "tách rời hoàn toàn Lâm Bưu, đặc biệt là "nhóm bốn tên" ra khỏi Mao Trạch Đông vẫn có khó khăn. Nói tới "nhóm bốn tên", trong nước có người giơ lên 8 ngón tay, ngoài nước có người nói Mao Trạch Đông là bị cáo không được nêu tên; trong quá trình xét xử Giang Thanh càng không ngừng dựa vào quyền uy của ông chồng đã quá cố để biện hộ cho mình. Thậm chí bà ta còn nói: "Tôi chỉ là một con chó của Mao Chủ tịch, Chủ tịch bảo tôi cắn ai thì tôi cắn người đó".

Mọi loại dư luận và bóng gió đã ít nhiều có ảnh hưởng tới danh dự Mao Trạch Đông. Nhưng nếu xét tới việc trong Đảng vẫn còn một số người thấy không nên đánh giá đúng sai, công tội của Mao Trạch Đông một cách thực sự cầu thị, thì những ảnh hưởng ấy lại phục vụ tốt cho mục đích của Đặng Tiểu Bình là phê phán sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông. Làm xấu Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", dù rằng có lợi hay không có lợi cho danh dự của Mao Trạch Đông nhưng đều có lợi cho uy tín của Đặng Tiểu Bình.

Dù rằng trên thực tế không dễ phân biệt, Đặng vẫn tuyên bố "cần phân biệt sai lầm của Mao Chủ tịch với tội

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 303, 306.

ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên"[1]. Việc phân biệt của Đặng đại thể có mấy mặt sau:

1) Mao đã phạm những sai lầm chính trị không nhỏ, nhưng mặt khác, những sai lầm ấy lại bị Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" lợi dụng.

2) "Nhóm bốn tên" giương cờ Mao để làm việc xấu, nhưng Mao bất lực trong việc can thiệp, điều đó ông cũng có trách nhiệm.

3) Bi kịch của "cách mạng văn hóa" không thể do một mình Mao chịu trách nhiệm, có một số việc do Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" tạo nên việc đã rồi, có một số là chúng làm nhân danh Mao, nhưng Mao có trách nhiệm trong việc sử dụng chúng.

Dựa trên sự phân biệt đó, 5 tháng sau khi tuyên án bọn đầu sỏ trong "cách mạng văn hóa" Lâm Bưu, Giang Thanh, Đặng công khai phát biểu kết luận lịch sử về Mao Trạch Đông. Bản án "cách mạng văn hóa" đã được định như vậy.

1.20. ĐÁNH GIÁ MAO TRẠCH ĐÔNG, VỪA THỰC SỰ CẦU THỊ, VỪA CÓ MỨC ĐỘ, PHÊ PHÁN SAI LẦM CUỐI ĐỜI CỦA MAO KHÔNG NÊN QUÁ PHẠM VI

Hai khó khăn mà Đặng Tiểu Bình gặp phải khi đánh giá Mao Trạch Đông là: Vừa phải kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông, lại phải phê bình sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông. Rõ ràng là, muốn cho "hai khó khăn" đạt tới

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 305.

"hai toàn vẹn", thì việc chỉ phân biệt trên nguyên tắc sai lầm nhảy cuối đời của Mao Trạch Đông với tư tưởng Mao Trạch Đông là không đủ, còn cần nắm vững vấn đề mức độ mang tính kỹ thuật nữa.

Khi bắt đầu nghĩ đến việc đánh giá Mao, Đặng chủ trương cần thực sự cầu thị, đánh giá công tội đúng sai của Mao một cách khách quan như thực. Kết quả phát hiện thấy trước năm 1957, sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông là chính xác, từ sau cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, sai lầm càng ngày càng lớn: Sai lầm mở rộng cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, sai lầm đại nhảy vọt năm 1958, sai lầm trong Hội nghị Lư Sơn năm 1959 và cuộc chống hữu khuynh sau đó, Mao Trạch Đông đều chịu trách nhiệm chính. Sai lầm trong mười năm "cách mạng văn hóa" so sánh với sai lầm trong mười năm trước "cách mạng văn hóa" là sai lầm nghiêm trọng mang tính toàn cục, đương nhiên Mao Trạch Đông cũng phải chịu trách nhiệm chủ yếu. Phân tích như thế, thì thấy trong hơn 40 năm lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông, sai lầm đã chiếm 20 năm. Đặng dần dần thấy nói hết ra như thế thì quá nghiêm trọng. Sai lầm của Mao Trạch Đông có thể nói hết ra, nhưng làm sao còn giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông được nữa? Vì vậy, cùng với nguyên tắc thực sự cầu thị, Đặng lại bổ sung thêm một nguyên tắc: Có mức độ.

Có mức độ tức là vấn đề độ, triết học gọi là giới hạn quyết định chất của lượng. Giống như nông dân đánh giá mùa màng, nếu năm nào thu hoạch được từ 5/10 trở xuống thì không thể gọi là năm được mùa. Đánh giá một nhân vật, nếu là người tốt, thì người đó có thể có sai lầm, khuyết điểm, nhưng không thể vượt quá 5/10. Thí dụ như

7/3 (7 phần thành tích, 3 phần sai lầm), 8/2, 6/4 thì coi là người tốt, còn như 3/7 chẳng hạn thì cơ bản là sự đánh giá phủ định. Với một người tốt, nếu đánh giá sai lầm vượt quá thành tích thì là sự đánh giá quá mức độ, quá phạm vi.

Đánh giá Mao Trạch Đông, vừa phải thực sự cầu thị, lại vừa phải có mức độ, có nghĩa là: Vừa phải chỉ ra đúng sự thực những sai lầm mà Mao Trạch Đông đã phạm phải, để chứng minh rằng hiện nay không làm theo như thế là đúng; lại phải nắm đúng tỷ lệ giữa đúng đắn và sai lầm, làm cho công lao chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai. Nếu lại tính sai lầm lớn hơn công lao thì là quá mức độ, "sẽ tạo nên sự hỗn loạn về tư tưởng, dẫn tới sự không ổn định về chính trị" gây hậu quả nghiêm trọng[1].

Đặng hiểu rõ rằng đánh giá Mao Trạch Đông khác với đánh giá những người khác, nếu không nắm vững mức độ, viết quá mức về sai lầm của Mao "bôi nhọ đồng chí Mao Trạch Đông,thì cũng tức là bôi nhọ đảng ta, nhà nước ta"[2]. Làm như vậy "chỉ gây tổn thương đến hình tượng Đảng và Nhà nước ta, chỉ gây tổn thương cho uy tín của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, chỉ làm tan rã khối đoàn kết của toàn đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trong toàn quốc"[3].

Để nói có mức độ, không quá phạm vi về sai lầm của Mao, bảo đảm công lao chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai, Đặng Tiểu Bình hầu như đã vận dụng mọi kỹ xảo văn chương.

1) "Nghị quyết" đánh giá Mao vốn dự định chỉ đề cập

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 284, 266, 325.

đến đoạn lịch sử 27 năm từ ngày lập nước. 27 năm đó theo sự đánh giá đã được công nhận, thì 7 năm đầu là đúng đắn, 10 năm trước "cách mạng văn hóa" thì đúng đắn và sai lầm ngang nhau, 10 năm "cách mạng văn hóa" là sai lầm mang tính toàn cục. Những sai lầm đó không thể không viết, nhưng viết như thế rất khó thể hiện là công lao của Mao Trạch Đông chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai. Sau Trần Vân đề nghị thêm vào một chương nói về lịch sử đảng trước giải phóng, viết gộp cả 60 năm. Đặng thấy ý kiến đó rất tốt. Viết gộp cả 60 năm tuy vượt khỏi hạn chế của tiêu đề "từ ngày lập nước đến nay", nhưng "công lao và cống hiến của đồng chí Mao Trạch Đông sẽ được khái quát toàn diện hơn"[1]. Làm như vậy có thể làm nhạt bớt sai lầm của 20 năm sau, khiến công lao của Mao Trạch Đông lớn hơn sai lầm rất nhiều.

2) Sai lầm viết một cách khái quát, trọng điểm đặt ở phần công lao. 20 năm sau, đặc biệt là 10 năm "cách mạng văn hóa" sai lầm không phải là nhỏ. Nếu viết ra tất cả, e rằng khó bảo đảm công lao là hàng đầu, nhưng lại không thể không viết. Thế là, Đặng đành tập trung giải quyết phương pháp viết, yêu cầu "viết một cách khái quát" về sai lầm, "nội dung chủ yếu, tập trung dành cho phần công lao". "Trọng điểm đặt trong phần tư tưởng Mao Trạch Đông là thế nào, những điều đúng đắn của đồng chí Mao Trạch Đông là gì"[2]. Đặng phát hiện, cũng là viết về sai lầm, nhưng cách thể hiện thì nhiều. Thí dụ, cách viết miêu tả có lợi về phản ánh sự thực khách quan, nhưng khó bảo đảm có mức độ, nên ông chủ trương tránh lối viết miêu tả, mà tăng cường lối viết nghị luận. Ngay khi miêu tả sự

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr.267. 261.

thực, cũng chú ý lựa chọn phương pháp, thứ tự, đặc biệt là lời lẽ khi miêu tả, cách miêu tả thuần khách quan và trung tính rõ ràng là không thỏa đáng.

3) Sai lầm cũng có phần của người khác nữa. "Nói sai lầm, không nên chỉ nói đồng chí Mao Trạch Đông, những đồng chí phụ trách chủ yếu trong Trung ương cũng có sai lầm không nên tạo thành ấn tượng là mọi người đều đúng đắn, chỉ có một người sai lầm[1]. Dù Mao phải chịu trách nhiệm chính về sai lầm, nhưng "không nên né tránh phần của chúng ta. Đưa cả "chúng ta" vào, làm cho số người phạm sai lầm nhiều lên, nhưng "chúng ta nhận một phần trách nhiệm, không có gì là xấu, mà lại có điểm tốt"[2]. Một trong những điểm tốt, là để những người khác chia một phần trách nhiệm có thể làm giảm bớt phần sai lầm của Mao Trạch Đông. Hai là, những người lãnh đạo hiện nay chủ động nhận phần trách nhiệm, phê bình những sai lầm trước kia, thì càng đứng vững. Ba là, chúng ta có thể rút ra bài học từ đó, biến việc phê phán sai lầm của Mao thành việc tự phê bình trên một mức độ nhất định, để từ nay vĩnh viễn không tái phạm.

4) "Sai lầm đã bị hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" lợi dụng"[3]. Để đoạt quyền, Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" đã lợi dụng sai lầm của Mao, đưa nhiều vấn đề đến chỗ cực đoan, hoặc giương lá cờ Mao để làm việc xấu, như vậy đã tạo nên hậu quả nghiêm trọng cho "cách mạng văn hóa". Hậu quả của "cách mạng văn hóa" không thể nói là Mao Trạch Đông không có trách nhiệm, "nhưng không phải chỉ do một mình đồng chí chịu trách nhiệm. Có một số việc do Lâm Bưu và "nhóm bốn

---

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 260, 273, 305.

trách nhiệm. Có một số việc do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" tạo thành chuyện đã rồi, có một số việc chúng làm sau lưng Mao"[1]. Vì vậy muốn tính sổ, trước hết phải tính sổ với bọn phá hoại bên trong.

5) "Không nên quy kết mọi vấn đề vào phẩm chất cá nhân", "chế độ là nhân tố quyết định"[2]. Người Trung Quốc khi đánh giá người, thường chú trọng nhân phẩm. Quyền uy của Mao Trạch Đông trong lòng nhân dân Trung Quốc chủ yếu là do cá tính và nghị lực của ông. Nếu quy kết sai lầm của Mao vào phẩm chất kém cỏi của ông thì sẽ rất dễ làm xấu Mao Trạch Đông, đồng thời cũng không có lợi cho việc chỉ ra sai lầm, hấp thu bài học. Đặng nhấn mạnh chế độ có tác dụng quyết định, nhấn mạnh phản tác dụng của hoàn cảnh đối với cá nhân, một mặt có thể làm nhạt bớt phần sai lầm của Mao Trạch Đông, giữ gìn được hình tượng của Mao, mặt khác có thể tổng kết những bài học của cách mạng văn hóa cho những người sau Mao, chuẩn bị cho việc triển khai cải cách thể chế kinh tế chính trị sau này.

6) "Sai lầm của Mao Chủ tịch là sai lầm về chính trị. Sai lầm đó không phải là nhỏ". Nhưng "không nêu sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là sai lầm về đường lối"[3]. Đó cũng là vấn đề mức độ.

7) "Sai lầm mà đồng chí Mao Trạch Đông phạm phải, là sai lầm của một nhà cách mạng vĩ đại, sai lầm của một nhà mác xít vĩ đại"[4] khác về nguyên tắc với tội ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên".

8) "Sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là ở chỗ đã

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 265, 271, 305, 271.

đi ngược lại tư tưởng đúng đắn của mình"[1]. Như vậy, dù Mao có phạm sai lầm nghiêm trọng cũng không phương hại đến tính đúng đắn của tư tưởng Mao Trạch Đông, không ảnh hưởng đến việc những người lãnh đạo hiện nay giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông.

Qua những công việc tỉ mỉ đó, cuối cùng Đặng đã đạt tới mục đích của mình: Vừa phê bình nghiêm túc những sai lầm của Mao Trạch Đông, vừa không vượt quá giới hạn, tức là khẳng định trong cuộc đời Mao Trạch Đông thì công lao lớn hơn sai lầm rất nhiều.

1.21. TẠI SAO TRUNG QUỐC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẶNG KHÁC VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA MAO? ĐẶNG NÓI: "CÓ NHỮNG ĐIỂM KHÁC, NHƯNG CÓ NHỮNG ĐIỂM VỀ NGUYÊN TẮC KHÔNG KHÁC"

Tháng 9-1986, nhà báo Mỹ Maicơ Oaxiutxơ nêu câu hỏi với Đặng Tiểu Bình: Tại sao Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình khác với Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông? Đặng trả lời: "Có một số điểm khác, nhưng có những điểm về nguyên tắc không khác"[2].

Giải thích mối quan hệ giữa chính sách hiện hành với chính sách trước kia, thường có 3 phương pháp: Một là, khẳng định toàn bộ, tuyên bố mọi cái đều giống như cũ. Hai là, phủ định toàn bộ, tuyên bố mọi cái đều khác. Hai phương pháp trên dễ đưa mình vào chỗ bí. Phái "phàm là" của Hoa Quốc Phong dùng phương pháp mọi cái đều giống

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 262, 174.

như cũ, nhưng sự thực họ không thể làm được mọi cái đều giống như Mao Trạch Đông, kết quả là tự mình mâu thuẫn với mình và lâm vào bị động. Trong lịch sử cũng không phải không có người tuyên bố là mọi cái đều khác trước. Cách làm đó ra vẻ rất cách mạng, nhưng không thể theo mãi được. Vì như thế có nghĩa là cách làm cũ từ nay sẽ đều không làm, cách nói cũ từ nay sẽ đều không nói. Mỗi cách làm, cách nói hiện nay đều ngược lại với trước kia. Nếu anh không thực hiện được như vậy thì sẽ tự mâu thuẫn; nếu anh gắng gượng thực hiện như vậy, thì khẳng định là sẽ rất nực cười. Nếu anh cứ lừa dối để làm cho được như thế, thì kết quả sẽ tuyệt đối bất lợi vì anh buộc phải cự tuyệt tiếp thu mọi cái trước kia.

Cách làm thứ ba tương đối thông minh là phủ định biện chứng, thừa nhận có những điểm khác, có những điểm không khác, không đối đãi một cách tuyệt đối, cần làm giống thì làm giống, cần làm khác thì làm khác, tất cả đều xuất phát từ nhu cầu thực tế của mình. Biện pháp này có thể giữ cho mình tính linh hoạt cực đại. Đặng Tiểu Bình dùng phương pháp này. Về mặt thực tiễn, ông nhấn mạnh sự khác nhau, trong công tác chính phủ, ông ra sức giữ sự nhất trí.

Muốn thực hiện được trong sự khác nhau có sự nhất trí cần phải thay đổi linh hoạt những di sản tư tưởng trước kia, có sự giải thích năng động, khiến nhu cầu của hiện thực ăn khớp với chính sách hiện hành.

Cuộc đấu tranh của Đặng Tiểu Bình với phái "phàm là" từ đầu đến cuối đều xoay quanh vấn đề hiểu tư tưởng Mao Trạch Đông như thế nào. Theo ý định của Đặng, phải giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông. Nhưng giữ vững như thế nào, giữ vững cái gì? Đặng nhấn mạnh phải hiểu tư

tưởng Mao Trạch Đông một cách hoàn chỉnh đúng đắn, rồi đi sâu giải thích toàn bộ hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông thành 3 điểm cơ bản: Thực sự cầu thị, đường lối quần chúng, độc lập tự chủ. Đặng cho rằng như vậy là "giả thiết đúng đắn về tư tưởng Mao Trạch Đông, khôi phục bộ mặt vốn có của tư tưởng Mao Trạch Đông"[1].

Ba điểm trên đúng là những cái rất cơ bản trong tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng không hề tùy ý khuếch đại hay thu hẹp. Nhưng trong tư tưởng Mao Trạch Đông, những cái cơ bản phải chăng chỉ có ba điểm đó? "Đấu tranh giai cấp", bốn chữ đó là cái căn bản để Mao Trạch Đông bình thiên hạ, so với "đường lối quần chúng", vị tất đã kém căn bản, nhưng Đặng lại chỉ để ở một vị trí rất thứ yếu. Điều này rõ ràng là tính năng động chủ quan của người giải thích. Từ trong tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng tuyển chọn một cách năng động ba điểm căn bản để giữ vững, ba điểm đó là điểm cơ bản trong tư tưởng Mao Trạch Đông, đồng thời lại nhất trí với toàn bộ chính sách của Đặng Tiểu Bình. Điều đó thể hiện trong sự khác nhau có một số nguyên tắc không khác nhau.

Theo sự giải thích của Đặng Tiểu Bình, trong ba điểm cơ bản của tư tưởng Mao Trạch Đông, cái căn bản nhất lại là thực sự cầu thị. Gọi là thực sự cầu thị, tức là tất cả đều xuất phát từ thực tế, lý luận liên hệ với thực tế, kiểm nghiệm chân lý và phát triển chân lý trong thực tiễn. Bốn chữ đó cung cấp tính năng động rất lớn để Đặng Tiểu Bình linh hoạt vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông. Giữ vững nguyên tắc thực sự cầu thị coi như giữ vững sự cần thiết phải giữ vững, lại có sự cần thiết không giữ vững, tức là

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 208.

phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông. Như vậy sẽ bảo đảm. Phàm những cái mà Đặng cần giữ vững thì đều là tư tưởng Mao Trạch Đông; phàm những cái Đặng phản đối thì đều không phải là tư tưởng Mao Trạch Đông.

Sau khi giải thích lại nội dung tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng tiến thêm một bước, phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với tư tưởng của bản thân Mao và với tư tưởng cuối đời Mao. Tư tưởng Mao Trạch Đông với tính cách là tư tưởng chỉ đạo mà đảng cần giữ vững là kết tinh trí tuệ tập thể những nhà cách mạng lớp trước trong đó có Mao. Tư tưởng bản thân Mao Trạch Đông chia làm hai phần đúng đắn và sai lầm, phần đúng đắn nằm trong nội dung tư tưởng Mao Trạch Đông, phần sai lầm không nằm trong tư tưởng Mao Trạch Đông, bởi vì sai lầm của Mao chính là vì ông đã đi ngược lại sự đúng đắn của mình. Như vậy, giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông thì cần phải phê phán một cách hợp lý những sai lầm của Mao. Phê phán sai lầm của Mao, không phải là phủ định tư tưởng Mao Trạch Đông, mà là phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông.

Mô thức vừa giữ vững vừa phát triển ưu việt hơn thuyết "phàm là" rất nhiều. Thuyết "phàm là" trong khi cấm người ta động đến tư tưởng Mao Trạch Đông, cũng tự trói buộc chân tay mình. Nó không thể giải thích được tại sao có lúc không làm giống như Mao Trạch Đông, một khi xuất hiện sự khác nhau thì lại tự xung đột với nguyên tắc của mình. Thuyết "phàm là" chỉ nói giữ vững, nên chỉ có một công năng phòng thủ. Vừa giữ vững vừa phát triển, thì có hai công năng vừa công vừa thủ, có thể tiến có thể lui. Nếu cách làm của mình giống với Mao thì có thể nói giữ vững, nếu không giống thì có thể nói phát triển. Đối

phó với sự tiến công từ phía hữu, thì dùng giữ vững đối với sự tiến công từ phía tả, thì dùng phát triển. Tóm lại là thuận cả hai tay, hoàn toàn chủ động theo ý mình.

Theo mô thức vừa giữ vững vừa phát triển thì cái gọi là "giữ vững" của phái "phàm là" chỉ là "giữ nguyên xi những tư tưởng sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông"[1]. Đó là sự giương cao giả một cách hình thức. "Còn cái mà trung ương chúng ta hiện nay giữ vững là tư tưởng Mao Trạch Đông" (như trên). Đó là sự giương cao thật, thực sự cầu thị. Đặng đã giải thích như sau về mối quan hệ giữa đường lối của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba về sau với tư tưởng Mao Trạch Đông: "Nói về rất nhiều mặt, hiện nay chúng ta vẫn đang làm những việc mà đồng chí Mao Trạch Đông đã nói, nhưng chưa làm, sửa lại những việc mà đồng chí đã phản đối một cách sai lầm, làm tốt những việc mà đồng chí chưa làm. Trong một thời kỳ khá dài từ nay về sau, vẫn còn làm những việc đó. Đương nhiên chúng ta cũng có phát triển, và còn tiếp tục phát triển"[2].

Trong khi khởi thảo nghị quyết đánh giá Mao Trạch Đông, Đặng yêu cầu trong phần kết luận "viết một đoạn về tư tưởng Mao Trạch Đông mà chúng ta còn tiếp tục phát triển"[3]. Còn phát triển như thế nào, phát triển cái gì, cần dùng những lời lẽ có tính luận đoán để thể hiện trong toàn bộ nghị quyết. Cụ thể là, cần phải "viết vào trong nghị quyết là coi tư tưởng Mao Trạch Đông, tức những cái đã qua thực nghiệm và chứng minh là đúng, là kim chỉ nam

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr.262, 264, 267.

cho công tác của chúng ta từ nay về sau", "Cần dùng những lời lẽ tương đối khái quát để viết về những nội dung chủ yếu của tư tưởng Mao Trạch Đông, đặc biệt là những nội dung mà từ nay về sau chúng ta còn cần tiếp tục quán triệt chấp hành "để tiện" cho người ta có ấn tượng thật rõ ràng là chúng ta giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông là gồm những nội dung gì"[1].

1.22. TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ XII, HOA BIẾN THÀNH MỘT ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG LẶNG LẼ KHÔNG TÊN TUỔI TRONG SỐ 348 ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG, VÀ ĐÃ HÌNH THÀNH THỂ CHẾ HỒ, TRIỆU, ĐẶNG, BA NGƯỜI CHIA NẮM ĐẠI QUYỀN VỀ ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, QUÂN ĐỘI

Vừa đập tan xong "nhóm bốn tên", những ngôi vị cao nhất trong ban lãnh đạo tối cao Đảng Cộng sản Trung Quốc lần lượt là Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Uông Đông Hưng, Lý Tiên Niệm. Trong bốn người thì Hoa và Uông là kiên trì phê phán Đặng. Diệp và Lý là những người đồng tình với Đặng. Những lực lượng chủ yếu thúc đẩy Đặng trở lại chính trường chủ yếu là những người ngoài Bộ Chính trị như Trần Vân, Vương Chấn. Qua việc đấu tranh của Trần, Vương, cộng thêm sự nỗ lực của bản thân Đặng, 9 tháng sau khi đập tan "nhóm bốn tên", Đặng được khôi phục các chức vụ trong Đảng, chính quyền và quân đội, chỉ có trong chức vụ Phó Chủ tịch Đảng không có

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 264. 256. 261.

hai chữ "thứ nhất". Vì vậy, vào tháng 8-1977, khi triệu tập Đại hội Đảng lần thứ XI, Đặng được xếp ở vị trí thứ ba trong năm ủy viên thường vụ. Hoa, Diệp, Đặng, Lý, Uông. Kết cấu quyền lực của Đại hội XI, đương nhiên không có cách nào thực hiện được nguyện vọng của Đặng.

Từ khi được phục chức vào tháng 7-1977 đến khi triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, trong thời gian hơn một năm đó "Đặng Tiểu Bình hầu như tiến lên rất chậm, nhưng mỗi bước tiến lên là một dấu chân. Đặng đã dần tập hợp được một lực lượng không thể đánh giá thấp"[1]. Trong thời gian này, về chức vụ chính thức, phái "phàm là" của Hoa Quốc Phong rõ ràng chiếm ưu thế. Thể chế lãnh đạo truyền thống của Trung Quốc là chủ tịch đảng có quyền uy tuyệt đối, bất kỳ phó chủ tịch nào cũng không thể đọ sức được. Những người mà Đặng dựa vào là ảnh hưởng thực tế trong Đảng, chính quyền, quân đội mạnh hơn Hoa rất nhiều, đặc biệt là sự phối hợp mạnh mẽ của Hồ Diệu Bang. Năm 1978, Đặng, Hồ liên kết phát động cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn chân lý. Cuộc thảo luận này và thành quả do nó đưa lại - hàng loạt cán bộ được giải phóng và sửa án oan, án giả, án sai. Những cán bộ bị bức hại trong cách mạng văn hóa và những tinh anh của giới trí thức đã trở thành những người kiên quyết ủng hộ Đặng.

Đến cuối năm 1978, lực lượng đã tập hợp được của Đặng đủ để phát động phản công vào phái "phàm là". Trước Hội nghị toàn thể Trung ương ba, khóa XI có một

1. (Mỹ) Đavít Trương "Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình cây cột chống giữa dòng, tiếng tăm muôn đời", NXB Phát Thanh Trung Quốc,1988, tr.140.

Hội nghị công tác trung ương, coi như hội nghị trù bị. Trần Vân đã phát ngôn đầu tiên, nhằm vào cách mạng văn hóa, đã giành được sự hưởng ứng mạnh mẽ trong hội nghị. Chương trình làm việc của hội nghị đã phát triển theo phương hướng Đặng đã dự tính sẵn, từ chỗ phê phán sai lầm cuối đời của Mao đến chỗ chỉ trích sai lầm của Hoa Quốc Phong đã nêu ra "hai phàm là". Hoa Quốc Phong buộc phải tự phê bình, bắt đầu chuyển sang thế bị động về chính trị. Đặng đã đoàn kết và phân hóa phái nguyên lão có thực lực bên cạnh Hoa Quốc Phong, thậm chí Diệp Kiếm Anh và Lý Tiên Niệm cũng tham gia vào hàng ngũ Đặng.

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI đã tiến lên, quyết định việc Hoa xuống Đặng lên. Một loạt người ủng hộ Đặng được vào Bộ Chính trị và Trung ương. Hội nghị bầu thêm Trần Vân là ủy viên Bộ Chính trị, thường vụ Bộ Chính trị và Phó Chủ tịch Đảng. Đặng có thêm một người bạn đồng minh đắc lực trong tầng lớp ra quyết sách. Hội nghị còn bầu thêm Đặng Dĩnh Siêu, Hồ Diệu Bang, Vương Chấn làm ủy viên Bộ Chính trị, bầu thêm Hoàng Khắc Thành, Tống Nhậm Cùng, Hồ Kiều Mộc, Tập Trọng Huân, Vương Nhâm Trọng làm ủy viên trung ương. Những người ủng hộ Đặng chiếm đại đa số trong ban lãnh đạo Đảng. So sánh lực lượng hai phái Hoa - Đặng đã thay đổi căn bản. Đa số thành viên của phái "phàm là" tuy chưa chính thức bị giải trừ chức vụ trong Đảng, nhưng thực quyền do họ khống chế đã lặng lẽ bị chuyển sang tay người khác. Uông Đông Hưng, người có thực quyền lớn nhất bị miễn các chức vụ kiêm nhiệm, chỉ còn lại chức vị phó chủ tịch. Hoa Quốc Phong vẫn là Chủ tịch Đảng, nhưng phải để cho Hồ Diệu Bang, trợ thủ đắc lực của Đặng Tiểu Bình làm Chánh văn

phòng trung ương, phụ trách giải quyết công việc hàng ngày của Trung ương, khiến chức chủ tịch của Hoa trở thành hữu danh vô thực. Bản thân Đặng không thêm chức vụ nào, vẫn là Phó Chủ tịch, Phó thủ tướng, xếp sau Hoa. Nhưng Đặng đã nắm chắc quyền ra quyết sách về đại đa số vấn đề trong Đảng, đã trở thành người lãnh đạo tối cao trên thực tế của Đảng và Nhà nước.

Thời điểm Hoa Quốc Phong rời khỏi chức Chủ tịch Đảng và Thủ tướng Chính phủ xem ra chỉ còn là chuyện ngày tháng, nhưng Đặng chưa làm vội việc đó. Ông cứ giữ quan hệ với Hoa như Mao Trạch Đông với Trương Văn Thiên sau Hội nghị Tuân Nghĩa. Đó là vì Hoa Quốc Phong vẫn còn hợp tác về mặt chính trị, để ông ta giữ thêm một thời gian nữa chức vụ tối cao do Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai để lại cũng không có hại gì lớn, mà còn có điểm tốt. Trong Đảng Cộng sản Trung Quốc người nào cũng có thể bất thần rời khỏi chức vụ, riêng chỉ có Chủ tịch Đảng là không thể tuỳ tiện thay đổi. Thay đổi Chủ tịch sẽ rất dễ xuất hiện nguy cơ về tính hợp pháp, dẫn tới hậu quả chính trị khó lường. Vì vậy, Đặng phải áp dụng phương châm quá độ dần dần, để quần chúng trong và ngoài Đảng có một quá trình thích ứng tâm lý dần dần, để điều kiện chín muồi rồi sẽ thay đổi.

Sau Hội nghị toàn thể Trung ương 3, công tác dẹp loạn trở lại ổn định tiếp tục một năm nữa, phái "phàm là" chẳng còn bao nhiêu trận địa. Đến 2-1980, khi triệu tập Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ tư, đa số thành viên phái "phàm là" bị triệt chức. Uông Đông Hưng phải buộc rời khỏi ghế phó chủ tịch, tiếp đến thị trưởng Bắc Kinh Ngô Đức, Phó Thủ tướng Trần Vĩnh Quý, Kỷ Đăng Khuê.

Chức vụ của họ được giao cho những người mà Đặng tín nhiệm. Hoa Quốc Phong vẫn là Chủ tịch Đảng, nhưng Đặng lại áp dụng một loạt biện pháp để tước bỏ thực quyền của Hoa. Đó là việc thành lập Ban Bí thư Trung ương, để Hồ Diệu Bang làm Tổng Bí thư. Tổng Bí thư thay thế chức vụ Chủ tịch Đảng. Chức vị Chủ tịch của Hoa Quốc Phong vốn không có bao nhiêu thực quyền - đến nay chỉ còn lại cái hư danh.

Mục tiêu tiếp sau là chức vụ Thủ tướng của Hoa. Tháng 8-1980, Hội nghị Quốc hội lần thứ 3 , khóa V tiến hành điều chỉnh nhân sự, quyết định Hoa Quốc Phong thôi kiêm nhiệm Thủ tướng Chính phủ. Chức vụ Chủ tịch Đảng của Hoa vẫn được giữ nên mới có thể nói "thôi kiêm nhiệm" chức Thủ tướng. Để làm cho công việc hết sức quan trọng này không tỏ ra là việc triệt chức Hoa, mà chỉ là việc Hoa "thôi kiêm nhiệm", bản thân Đặng Tiểu Bình cũng làm một việc tương tự: ông và Trần Vân, Lý Tiên Niệm đồng thời tuyên bố thôi kiêm nhiệm chức vụ phó thủ tướng. Hoa và Đặng đồng thời bỏ chức vụ chính quyền, nhưng chức vụ Thủ tướng được chuyển sang tay Triệu Tử Dương, người thừa kế do Đặng Tiểu Bình tự tay lựa chọn.

Đavít Trương nói: "Đặng giành được thắng lợi về chính trị, nguyên nhân then chốt nhất là vì ông ta đã khuyến khích việc đánh giá lại Mao trong phong trào cách mạng cộng sản. Nếu không có bước quan trọng đó, thì phái ôn hòa thực tế của Đặng Tiểu Bình và đồng bọn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thay thế Hoa Quốc Phong"[1]. Quá trình phê phán Mao cũng là quá trình phê phán Hoa.

1. "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 33.

vì tính hợp pháp của Hoa phản ánh tính hợp pháp của Mao. Trong quá trình đang khởi thảo nghị quyết phê phán Mao, Đặng đã công khai nói với nhà báo ý Pharaxơ: Là một người lãnh đạo, Mao Trạch Đông "đã tự chọn người kế tục của mình, đó là cách làm theo kiểu phong kiến"[1] Đặng còn yêu cầu chép cả mấy năm sau khi đập tan " nhóm bốn tên" vào trong nghị quyết và phải chỉ tên Hoa Quốc Phong để chứng minh rằng thay đổi chức vụ của Hoa là có lý do.

Từ tháng 11 đến tháng 12-1980, chính đang ở cao trào phê phán Mao, Bộ Chính trị liên tục triệu tập 9 cuộc họp, kịch liệt phê phán những sai lầm có tính nguyên tắc của Hoa sau khi đập tan "nhóm bốn tên" và đề xuất ý kiến là năng lực của Hoa không đảm đương nổi chức vụ Chủ tịch Đảng. Hoa chịu sức ép nặng nề, buộc phải đưa ý kiến xin từ chức. Bộ Chính trị quyết định kiến nghị với Trung ương: đồng ý cho Hoa từ chức Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quân ủy, bầu Hồ Diệu Bang làm Chủ tịch Đảng, Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch Quân ủy. Tháng 6-1981, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6 được triệu tập, điểm đầu tiên trong chương trình là thông qua "nghị quyết lịch sử" phê phán Mao, điểm thứ hai trong chương trình là thông qua đơn xin từ chức của Hoa, Hoa lặng lẽ rời khỏi chức vị Chủ tịch Đảng, nhưng Đặng vẫn giữ ông ta lại ở chức Phó Chủ tịch, để ông ta xuống từng nấc một. Một năm sau, trong Đại hội Đảng lần thứ XII, Hoa lại mất chức ủy viên Bộ Chính trị, trở thành một ủy viên trung ương lặng lẽ vô danh trong số 348 ủy viên trung ương. Cho tới tận bây giờ Hoa vẫn giữ vị trí danh dự đó.

Khi rời khỏi hai ghế Chủ tịch, Hoa đã đề nghị Đặng

---

2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 306.

làm Chủ tịch Đảng. Nếu Đặng muốn làm, thì đương nhiên không có ai phản đối. Nhưng Đặng đã chủ động từ chối chức vụ đó, mà đưa trợ thủ đắc lực Hồ Diệu Bang lên đảm nhiệm. Theo nói lại, việc Hồ làm Chủ tịch Đảng, có sự dị nghị của những người lãnh đạo cao cấp trong Đảng và quân đội. Đặng không thể không ra sức thuyết phục các thành viên trong Bộ Chính trị và các cán bộ cao cấp của quân đội tiếp nhận sự sắp xếp đó. Điều này tỏ rõ, việc trúng tuyển của Hồ "phản ánh tính hợp pháp của Đặng chứ không phải tính hợp pháp của Hồ là người nấp sau Đặng"[1]. Hồ vừa làm Tổng bí thư vừa kiêm chức Chủ tịch Đảng trong hơn một năm, đến tháng 9-1982, đại hội lần thứ XII quyết định chỉ đặt chức Tổng Bí thư, không đặt chức Chủ tịch Đảng. Hồ Diệu Bang liền lấy danh nghĩa Tổng Bí thư xuất hiện trong vị trí lãnh tụ Đảng.

Bộ Chính trị do Đại hội thứ XII bầu ra, theo thứ tự Hồ Diệu Bang, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Triệu Tử Dương, Lý Tiên Niệm, Trần Vân. Đại hội này còn đồng thời lập ra ba cơ cấu trung ương: ủy Ban Trung ương đảng do Hồ Diệu Bang làm Tổng Bí thư; ủy Ban kiểm tra kỷ luật Trung ương do Trần Vân làm bí thư thứ nhất; ủy Ban cố vấn trung ương do Đặng Tiểu Bình làm chủ nhiệm. Tiếp sau đó, Quốc hội khóa VI nhóm họp, ủy viên trưởng Diệp Kiếm Anh nhường chức cho Bành Chân, Lý Tiên Niệm làm Chủ tịch nước, Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch Hội đồng quân sự nhà nước, Triệu Tử Dương chính thức làm Thủ tướng Chính phủ. Đến đây, đã hình thành thể chế Hồ, Triệu, Đặng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc trong những năm 80. Ba người chia nhau

1.Phơridơrich C, Tai Phâyxơ: "Từ Mao Trạch Đông đến Đặng Tiểu Bình", NXB trường đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, 1991, tr. 135.

nắm giữ đại quyền về đảng, chính quyền, quân đội, mà Chủ tịch Quân ủy Đặng Tiểu Bình được công nhận là "hạt nhân lãnh đạo tập thể của thế hệ này"[1].

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ ngày do Mao Trạch Đông sáng lập, Chủ tịch đảng bao giờ cũng là Chủ tịch quân ủy. Cách làm một người hai chức đó xưa nay vẫn được coi là sự thể hiện nguyên tắc đảng chỉ huy súng. Đặng Tiểu Bình phân hai chức vụ Chủ tịch do Hoa Quốc Phong đảm nhiệm cho hai người, mà bản thân mình làm Chủ tịch Quân ủy chứ không làm chủ tịch Đảng. Làm như vậy để tỏ rõ, ông lôi Hoa Quốc Phong, người được Mao Trạch Đông chọn làm người thừa kế, xuống đài không phải là nhằm ngồi vào chiếc ghế Chủ tịch đảng cao vót. Đặng để chiếc ghế đó cho Hồ Diệu Bang, đương nhiên là do tin rằng Hồ sẽ trung thành thực hiện đường lối của mình. Nhưng Đặng phải đảm nhiệm chức Chủ tịch Quân ủy, để dễ phát huy tác dụng cầm lái, càng có quyền khống chế toàn cục diện.

Tổng Bí thư Đảng và Thủ tướng Chính phủ là công việc ở tuyến một. Đặng để cho hai người trẻ hơn là Hồ và Triệu đảm nhiệm hai công việc này, còn ông thì ngồi ở tuyến hai với cương vị là Chủ tịch Quân ủy, chỉ huy toàn bộ sự vận hành của Đảng và Chính phủ. Hình thức đó đối với Đặng tuy có chút danh bất chính, ngôn bất thuận, nhưng lại có hai điểm tốt. Trước hết là có lợi cho việc cân nhắc trẻ hóa trong tương lai. Hai là, vì đứng ở phía sau, có thể tránh được mọi nguy hiểm trong cuộc thí nghiệm vĩ đại là cải cách và mở cửa. Mỗi khi xuất hiện sóng to, gió lớn, toàn bộ ban lãnh đạo mới khỏi bị cuốn vào, người ở phía sau có thể phát huy tác dụng ổn định cục diện.

---

1. Hồ Thàng chủ biên "Bảy mươi năm Đảng Cộng sản Trung Quốc", NXB Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, 1991, tr. 510.

Phần thứ hai

MƯU LƯỢC PHÁT TRIỂN

2.1. "BẤT KỲ MÈO TRẮNG MÈO ĐEN, HỄ BẮT ĐƯỢC CHUỘT THÌ ĐỀU LÀ MÈO TỐT". THEO NÓI LẠI, ĐÓ LÀ CÂU MÀ LƯU BÁ THỪA, NGƯỜI CỘNG TÁC CŨ CỦA ĐẶNG THƯỜNG NÓI TRONG CHIẾN TRANH

Đầu thập kỷ 60, đại nhảy vọt, công xã nhân dân, ba phần thiên tai, bảy phần nhân họa, làm cho đời sống nhân dân toàn Trung Quốc điêu linh. Trong hội nghị Lư Sơn, Bành Đức Hoài nói: Nếu nhân dân Trung Quốc không tốt, thì họ đã vùng lên. Chính quyền mới chưa được củng cố, đứng trước một vấn đề vô cùng nghiêm trọng: Làm thế nào để khôi phục và phát triển sản xuất trong một thời gian ngắn?

Lúc đó Mao Trạch Đông đã rút về tuyến hai. Khó khăn đặt ra trước những người lãnh đạo tuyến một. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình đề xuất: Vấn đề "vẫn là phải giải quyết từ quan hệ sản xuất, đó là phải phát huy tính tích cực của nông dân".

Thế thì "quan hệ sản xuất nên áp dụng hình thức nào là tốt nhất"? Đặng đề ra hai tiêu chuẩn: Một là, "Hình thức nào ở địa phương nào có thể khôi phục và phát triển sản xuất tương đối dễ dàng và nhanh chóng thì dùng hình thức đó". Hai là, "quần chúng muốn dùng hình thức nào thì áp dụng hình thức đó. Nếu không hợp pháp thì làm cho nó hợp pháp".

Để nói rõ ràng, thấu triệt lý lẽ về quan hệ sản xuất phải thích ứng với yêu cầu của lực lượng sản xuất, Đặng dùng một câu ngạn ngữ của nông dân Tứ Xuyên: "Bất kỳ mèo trắng mèo đen, hễ bắt được chuột thì đều là mèo tốt".

Theo nói lại, thì câu nói chân thực đó được Lưu Bá Thừa, người cộng tác cũ của Đặng thường nói trong chiến tranh. Trước kia đại quân Lưu - Đặng đánh đâu thắng đó, không có bí quyết gì "chỉ là không theo khuôn phép cũ, không theo cách thức cũ, mọi việc căn cứ vào tình hình, cốt đánh thắng là được".

Đặng rút ra kết luận hợp lôgích: "Nay muốn khôi phục sản xuất nông nghiệp, cũng phải xem tình hình, tức là về quan hệ sản xuất không thể chỉ hoàn toàn áp dụng một hình thức cố định, xem hình thức nào phát huy được tính tích cực của quần chúng thì áp dụng hình thức đó"[1].

"Lý luận con mèo" lần đầu tiên thách thức với tư tưởng chính thống: Tại sao cứ nhất định phải giữ hình thức cố định là công xã nhân dân? Khoán sản phẩm đến hộ, quy trách nhiệm đến từng thửa ruộng có thể phát huy tính tích cực của quần chúng, có lợi cho phát triển sản xuất, thì tại sao không áp dụng?

1.Đặng tuyển. Quyển I, tr. 305.

Khi nói câu đó, Đặng cũng cho rằng những ý kiến sơ bộ đó về sau có khả năng không áp dụng nữa. Trên thực tế, về sau không những không áp dụng, mà còn là chứng cớ tội trạng để bị đánh đổ hai lần. Những năm 60, bị quy thành "tên đầu sỏ thứ hai đi theo đường lối tư bản", những năm 70 biến thành "tên đi theo đường lối tư bản không chịu hối cải" đều có quan hệ đến "lý luận con mèo" đó.

Tháng 2-1976, từ miệng Mao Trạch Đông phát ra "chỉ thị tối cao", phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng: "Con người đó không nắm đấu tranh giai cấp, xưa nay không đề xuất vấn đề chủ yếu đó, vẫn cứ mèo trắng mèo đen, bất kể chủ nghĩa đế quốc hay chủ nghĩa Mác-Lênin".

Mao Trạch Đông vì "lý luận con mèo" của Đặng mà giam con người có tài trị nước đó vào lãnh cung, cũng không có gì lạ. Thực chất tinh thần của "lý luận con mèo" đã tỏ rõ sự khác biệt lớn về phương thức tư duy giưã Mao và Đặng.

Nhà nông nuôi mèo để bắt chuột. Trong con mắt vụ thực của nông dân Trung Quốc, miễn là bắt được chuột, thì mầu lông của mèo dù trắng hay đen không có gì quan trọng. Lý lẽ giản đơn đó có thể gợi ý cho rất nhiều nhà lý luận xuất sắc về mối quan hệ giữa mục đích, thủ đoạn và hiệu quả. Bắt chuột là mục đích, số chuột bắt được là hiệu quả. Giữa mục đích và hiệu quả, có thể lựa chọn rất nhiều thủ đoạn, phương pháp, con đường. Mao Trạch Đông chỉ tin vào con đường cũ, không "nhất đại, nhị công" (lời khai quát của Mao, ý nói: một là quy mô lớn, hai là công hữu hoá - ND) thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Thay đổi thủ đoạn coi như vứt bỏ mục tiêu xã hội chủ

nghĩa. Đặng thì cho rằng để đạt tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa có nhiều thủ đoạn, rút cục thủ đoạn nào là tốt nhất, cần xem hiệu quả thực tế của nó.

Có người chỉ trích "lý luận con mèo" không chọn thủ đoạn. Sao "lý luận con mèo" lại không chọn thủ đoạn? Chọn mèo thì xem nó có bắt được chuột không, đó chẳng phải là chọn thủ đoạn sao? Về mặt bắt chuột, thì mầu lông và tiếng kêu của Mèo không cần phải lựa chọn. Có thể là trong những trường hợp khác, mầu lông quan trọng hơn là bắt được chuột, thí dụ tầng lớp giàu có nhàn hạ nuôi vật cảnh thì cần chọn mầu lông.Nhưng đó lại thuộc hệ thống đánh giá khác. Điều quan trọng là nông dân Trung Quốc hiện thời chưa có cơ sở vật chất để nuôi mèo từ góc độ thẩm mỹ, cái cấp bách trước mắt là giành lại lương thực khỏi miệng chuột, chứ không phải để nuôi mèo nhàn, mèo lười.

"Lý luận con mèo" thể hiện quy luật sinh tồn thiêng liêng: Chú trọng thực tế. Dù người khác hiểu thế nào, tình đời lúc hưởng ứng, lúc dè bỉu ra sao, "lý luận con mèo" vẫn giữ nguyên bản sắc: "Chúng ta suốt đời nói chủ nghĩa Mác, kỳ thực chủ nghĩa Mác không có gì huyền bí, chủ nghĩa Mác là cái rất đơn giản, là lý lẽ rất đơn giản"[1].

"Lý luận con mèo" với sức mạnh lô gích đơn giản, sáng rõ không gì chống nổi đã mở rộng cánh cửa giải phóng tư tưởng, cải cách và mở cửa.

"Lý luận con mèo" tuyên bố thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm tra chân lý: Loại mèo nào đó có đáng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 382.

nuôi không, then chốt không phải là xem nó có mầu lông gì, cũng không phải xem nó do ai chọn, mà xem thực tiễn bắt chuột của nó. Thực tiễn chứng minh nó bắt được chuột thì nó là mèo tốt, đáng nuôi; thực tiễn chứng minh nó không bắt được chuột thì cho qủy tha ma bắt nó đi.

"Lý luận con mèo" tuyên bố: Có lợi hay không có lợi cho phát triển sức sản xuất, là tiêu chuẩn chủ yếu để phán đoán là xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phát triển sức sản xuất xã hội, mọi phương pháp có lợi cho phát triển sức sản xuất xã hội, bao gồm lợi dụng nguồn vốn và kỹ thuật nước ngoài, chúng ta đều áp dụng[1]. "Rất nhiều người trong số họ (chỉ thế giới thứ ba) muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, tôi khuyên họ nên căn cứ vào tình hình của mình mà làm, muốn gọi là gì cũng được, miễn sao phát triển được sức sản xuất là tốt" (Ngày 16-9-1989, Đặng nói chuyện với vợ chồng Lý Chính Đạo).

Phóng viên Thời báo New York Bua Xơphi cho rằng "Lý luận con mèo" rõ ràng có nghĩa là "Để cho Trung Quốc năm 2000 đạt tới kỹ thuật hợp lý hóa, chuẩn bị tiếp thu kỹ thuật biện pháp, phát minh sáng tạo và ý kiến bất kỳ từ đâu tới nếu phương pháp đó yêu cầu vứt bỏ công xã của Mao và thay vào đó là phương pháp canh tác và thu hoạch cá nhân, thì cũng làm như vậy"[2].

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 130

2."Đặng Tiểu Bình, qua con mắt nhân sĩ nước ngoài", NXB Hồng Kỳ, 1993, tr.29.

"Lý luận con mèo" là cơ sở lý luận để Đặng thiết kế chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc, cũng là xuất phát điểm toàn bộ trí tuệ mưu lược của ông.

2.2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MANG MẦU SẮC TRUNG QUỐC

Sau khi thời đại Đặng Tiểu Bình được xác định, vẫn tồn tại hai vấn đề: Có cần xây dựng chủ nghĩa xã hội không và xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào.

Đặng "nhiều lần nhắc lại là phải kiên trì chủ nghĩa Mác, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng chủ nghĩa Mác phải là chủ nghĩa Mác được kết hợp với thực tế Trung Quốc, chủ nghĩa xã hội phải là chủ nghĩa thích hợp với thực tế Trung Quốc, mang mầu sắc Trung Quốc"[1].

Đặng cho rằng con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng của Trung Quốc do ông đề ra và con đường lấy nông thôn bao vây thành thị do Mao Trạch Đông đề ra đều là kết quả việc kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với thực tế Trung Quốc đi theo con đường của mình. Để tăng thêm sức nặng cho lý luận mới, Đặng còn so sánh một cách sâu xa Đại hội VII đã xác định địa vị lịch sử của Mao Trạch Đông với Đại hội XII đã xác lập địa vị lịch sử của Đặng Tiểu Bình.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần đi theo con đường của mình, xây dựng một chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 63.

của Trung Quốc, có căn cứ lập luận rằng chủ nghĩa xã hội không có một mô thức cố định. Đặng từng nói với Tổng thống Môdămbích Xila Nua: "Mọi vấn đề trên thế giới không thể chỉ dùng một mô thức để giải quyết. Trung Quốc có mô thức của riêng Trung Quốc, Môdămbích cũng nên có mô thức của riêng Môdămbích. Nói một cách thẳng thắn, trước kia chúng tôi học theo mô thức chủ nghĩa xã hội của Liên Xô, đã gây ra rất nhiều chuyện"[1]. Ở một mức độ nhất định, Mao Trạch Đông vì muốn tránh mô thức của Liên Xô nên đã làm cách mạng văn hóa. Đại cách mạng văn hóa cũng là một mô thức xã hội chủ nghĩa, nhưng nó là một mô thức "tả" nhất trong phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới. Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, đã triệt để vứt bỏ mô thức cách mạng văn hóa.

Sau khi phủ định mô hình cách mạng văn hóa, thì hoàn toàn khôi phục mô hình Liên Xô hay sẽ đi tìm con đường mới, cũng vứt bỏ mô hình Liên Xô. Đó là một vấn đề lớn. Hai phái cải cách và thủ cựu trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc trên thực tế đã tranh luận về việc tiếp tục đi theo mô hình Liên Xô hay đi theo con đường của mình. Tư tưởng tả lúc đầu giữ khư khư mô hình cách mạng văn hóa, sau lại cố chấp duy trì mô hình Liên Xô. Đặng Tiểu Bình cho rằng dù mô hình Mao Trạch Đông hay mô hình Xtalin, sự thực chứng minh rằng đều không thành công. Sau khi đã chia tay với mô thức cách mạng văn hóa, lại chia tay với mô hình Liên Xô, cuối cùng đã đưa ra được một loạt chính sách cải cách và mở cửa.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 261.

Chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc đã khái quát toàn bộ hoạt động thực tiễn của người Trung Quốc trong thời đại Đặng Tiểu Bình và đã trở thành tên gọi lý luận của Đặng. Nhưng rút cục thế nào là chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc? Ngoài việc nhấn mạnh việc phát triển sức sản xuất, Đặng không đưa ra nhiều quy định khác. Điều này tỏ rõ bản thân chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc cũng không có mô hình cố định bất biến, nếu cứ muốn gọi là mô hình , thì có thể nói đó là một loại mô hình không cần có mô hình cố định nào. Điều theo đuổi duy nhất của nó là phát triển sức sản xuất hết sức nhanh, còn mọi điều khác đều có thể bàn. Dung lượng của mô hình đó đủ để dung nạp mọi cái có ích cho chúng ta từ trong chủ nghĩa tư bản thậm chí có thể giao thoa với khái niệm "chủ nghĩa tư bản mang mầu sắc riêng của Trung Quốc".

Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc không phải ở chỗ nó phát minh một định nghĩa gì mới về chủ nghĩa xã hội, mà ở chỗ nó là một ngọn cờ độc lập tự chủ, không bị bất kỳ sự gò bó nào, tự đi theo con đường phát triển riêng của người Trung Quốc. Giương cao ngọn cờ đó có thể khiến Trung Quốc không bị phụ thuộc vào cực nào trong thế giới hai cực, giữ được cá tính trong hành động của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc vứt bỏ chủ nghĩa xã hội mà xây dựng chủ nghĩa tư bản thì như Đặng đã nói, Trung Quốc sẽ trở thành nước phụ thuộc vào các quốc gia phương Tây, vì chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc phát triển sau phương Tây. Mặt khác, nếu chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc không có mầu sắc riêng của mình mà sao chép ở Liên Xô, thì Trung Quốc sẽ là vật phụ thuộc của

Liên Xô, vì chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc được xây dựng sau Liên Xô, Vừa kiên trì chủ nghĩa xã hội, lại vừa nhấn mạnh mầu sắc riêng của Trung Quốc, có thể khiến Trung Quốc không bị phía nào chi phối, đồng thời lại có thể tiếp xúc với hạn độ lớn nhất với một khía cạnh nào đó; trong khi tiếp xúc có thể từ chối mọi cái bất lợi cho mình và tiếp nhận mọi cái có lợi cho mình.

Chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc không những có tính tự chủ cao độ, mà còn có tính linh hoạt cực lớn có thể đối phó với khó khăn từ hai phía tả hữu. Nếu các vị ở phía tả chất vấn: Các anh làm thế này rút cục là chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản? Đặng có thể trả lời: Là chủ nghĩa xã hội, nhưng mang mầu sắc Trung Quốc. Nếu phần tử tự do chủ nghĩa muốn mượn cớ mầu sắc riêng của Trung Quốc để làm bậy, Đặng có thể nhắc nhở: Chúng tôi là chủ nghĩa xã hội, không cho phép tự do hóa tư sản.

2.3. ĐẶNG KHÁI QUÁT NHIỆM VỤ CỦA TRUNG QUỐC TRONG MỘT THỜI GIAN LỊCH SỬ TƯƠNG ĐỐI DÀI TỪ NAY VỀ SAU BẰNG MỘT CÂU NÓI, ĐÓ LÀ: XÂY DỰNG HIỆN ĐẠI HÓA

Đầu năm 1979, cuộc đấu tranh với phái "phàm là" giành được thắng lợi quyết định, Đặng Tiểu Bình không để lỡ thời cơ, tuyên bố: Phong trào quần chúng vạch trần phê phán Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" "đã kết thúc thắng lợi", trọng điểm công tác của toàn đảng và sức chú ý của toàn dân "từ năm nay nên chuyển sang xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa"[1].

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 144.

Việc di chuyển lớn về trọng tâm chiến lược là thành quả to lớn của việc triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI và hội nghị công tác trung ương trước đó. Chương trình làm việc của hội nghị công tác trung ương do Hoa Quốc Phong định ra trước đó là bàn về công tác kinh tế. Đặng đề xuất vấn đề di chuyển trọng điểm được các ủy viên thường vụ nhất trí tán thành. Hoa không thể không đồng ý. Hoa thậm chí cho rằng tập trung tinh lực làm kinh tế càng tiện cho việc nêu chỉ tiêu cao mà ông ta từng ôm ấp, nên đề nghị của Đặng được coi là tư tưởng trung tâm của hội nghị và được thảo luận trước trong ba vấn đề kinh tế. Hoa không hiểu được rằng đề nghị về di chuyển trọng tâm của Đặng chỉ có thể thực hiện được khi phải sửa chữa sai lầm tả khuynh tồn tại từ nhiều năm nay. Kết quả là việc thảo luận về trọng điểm công tác đã dẫn tới những ý kiến gay gắt của các nhân vật cũ như Trần Vân là người kịch liệt phê phán sai lầm của cách mạng văn hóa và sai lầm cuối đời Mao Trạch Đông, do đó mà làm xoay chuyển phương hướng của hội nghị, biến hội nghị từ chỗ chỉ đơn thuần thảo luận vấn đề kinh tế sang chỗ bàn về dẹp loạn, trở lại ổn định và mở ra cục diện mới trên toàn cục. Trong phiên bế mạc, Đặng đã phát biểu bài nói mang tính kết luận là "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước".

Tiếp ngay sau đó, hội nghị toàn thể Trung ương được triệu tập đã căn cứ tinh thần bài nói của Đặng, nghiêm túc thanh toán sai lầm tả khuynh trong tư tưởng chỉ đạo của Mao Trạch Đông từ 1957 đến nay, đặc biệt là trong cách mạng văn hóa. Sai lầm tả khuynh của Hoa từ sau khi đập

tan "nhóm bốn tên" tự nhiên cũng nằm trong số bị phê phán. Trên cơ sở tổng kết bài học lịch sử, Hội nghị toàn thể đã đề ra phương châm cải cách mở cửa trong thời kỳ mới, xác định địa vị chỉ đạo của tư tưởng Đặng Tiểu Bình. Chính trên cơ sở đó, hội nghị toàn thể đã đưa ra quyết sách chuyển trọng điểm chiến lược từ vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" sang xây dựng hiện đại hóa.

Đặng coi Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba là bước ngoặt lịch sử. Ông nói: "Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ ba không những đã giải quyết vấn đề 10 năm cách mạng văn hóa, mà trên một trình độ cao, đã giải quyết vấn đề trong hơn hai mươi năm"[1]. Từ Đại hội VIII, đã đề ra mâu thuẫn giữa chế độ xã hội tiên tiến và sức sản xuất lạc hậu là mâu thuẫn chủ yếu, thực chất đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển kinh tế văn hóa với tốc độ nhanh với tình trạng kinh tế văn hóa không thỏa mãn được nhu cầu của nhân dân. Xác định mâu thuẫn chủ yếu như vậy, thì nhiệm vụ trung tâm của toàn dân tự nhiên là phát triển sức sản xuất, nâng cao mức sống của nhân dân. Nhưng đường lối của Đại hội VIII không được quán triệt chấp hành. Nguyên nhân là do chủ tịch đảng Mao Trạch Đông từ cuộc chống phái hữu năm 1957 không ngừng nêu bật tầm quan trọng của cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, hai đường lối. Phong trào công xã nhân dân là cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, đại cách mạng văn hóa là cuộc đại cách mạng trong lĩnh vực thượng tầng kiến trúc, việc phát triển sức sản xuất bị coi nhẹ trong một thời gian dài. Trong cách mạng văn hóa, "phái tả luôn coi việc giảiphóng toàn nhân loại là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 206.

nhưng Đặng Tiểu Bình lại nhấn mạnh việc giải phóng sức sản xuất là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng"[1]. Cuộc đấu tranh giữa hai đường lối mà Mao Trạch Đông đẩy lên rất cao trên thực tế là sự bất đồng giữa chủ trương coi đấu tranh giai cấp là chủ yếu hay lấy việc phát triển sức sản xuất là trung tâm. Vì vậy, bước ngoặt mà Hội nghị toàn thể Trung ương ba hoàn thành, không phải là sự di chuyển trọng điểm công tác nói chung, mà là "sự chuyển đổi từ lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu chuyển sang lấy phát triển sức sản xuất làm trung tâm, từ đóng cửa chuyển sang mở cửa, từ bảo thủ cứng nhắc chuyển sang cải cách về các mặt"[2]. Nói đó là bước ngoặt có tính chất vạch thời đại cũng không có gì là quá đáng.

Sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba, Đặng Tiểu Bình khái quát nhiệm vụ chủ yếu của Trung Quốc trước mắt và trong một thời kỳ lịch sử tương đối dài bằng một câu, đó là: xây dựng hiện đại hóa, là nhiệm vụ chính trị lớn nhất trước mặt của chúng ta[3]. Đặng áp dụng phương pháp truyền thống để luận chứng về cương lĩnh mới của ông: "Trình độ phát triển sức sản xuất của chúng ta rất thấp, còn xa mới thoả mãn được nhu cầu của nhân dân và nhà nước, đó là mâu thuẫn chủ yếu trước mắt của chúng ta, giải quyết mâu thuẫn chủ yếu này là nhiệm vụ trung tâm của chúng ta"[4]. Do đó, nhân dân Trung Quốc đã kết thúc thờ đại hàng ngày, hàng tháng, hàng năm đều nói

1. (Anh) Giôncatna " Người thừa kế Mao Trạch Đông" từ "Những ngôi sao của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong con mắt người nước ngoài". NXB Nhân Dân Tứ Xuyên, 1991, tr. 302.

2. Đặng tuyển. Quyển III. tr. 269.

3, 4. Đặng tuyển. Quyển II. tr. 148-149, tr.168.

đấu tranh giai cấp, bắt đầu thời đại dĩ hoà vi quý, dĩ dân vi bản, dĩ thực vi tiên.

2.4. SAU KHI XEM XONG "DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TRƯỚC ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII", ĐẶNG ĐÃ PHÊ: "BẢN THIẾT KẾ NÀY TỐT"

Nếu nói "chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc" là định vị không gian của Đặng về chủ nghĩa xã hội, thì "giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội" là định vị thời gian của Đặng về chủ nghĩa xã hội.

Ngày 21-3-1987, những người khởi thảo báo cáo Đại hội lần thứ XIII đưa trình Đặng bản "Dự thảo đề cương báo cáo trước Đại hội lần thứ XIII", đã lấy giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội làm căn cứ lập luận cho toàn bộ báo cáo, để thuyết minh chiến lược phát triển kinh tế và cải cách thể chế kinh tế, chính trị. Đặng xem xong liền phê: "Bản thiết kế này tốt".

Bản thiết kế này tốt, giống như "chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc" là vừa có hiệu lực chống tả, vừa có hiệu lực chống hữu. Giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, khái niệm ấy có hai hàm nghĩa:

Một là, Trung Quốc đã là một xã hội xã hội chủ nghĩa, không thể tách rời con đường xã hội chủ nghĩa. Hai là, Trung Quốc vẫn còn trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, không thể vượt khỏi thực tế của giai đoạn đầu.

Đặng từng phát hiện: "Có một số ít đồng chí cho rằng, xã hội của chúng ta có phải là xã hội xã hội chủ nghĩa

không, có nên và có thể thực hiện chủ nghĩa xã hội không, thậm chí đảng chúng ta có phải là đảng vô sản không. Tất cả đều là vấn đề"[1]. Trả lời ý đầu tiên trong cách đề xuất trên là không khó. Chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc dù thấp như thế nào thì vẫn là chủ nghĩa xã hội, dù nó có thấp hơn chủ nghĩa tư bản một bước, thì Đặng vẫn bảo lưu sự khác nhau đó, nếu không như vậy thì đề xuất giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ không có ý nghĩa gì.

Các đồng chí đó thấy sự miêu tả về giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội trong báo cáo không khác bao nhiêu với chủ nghĩa dân chủ mới của Mao Trạch Đông thì thất vọng, than thở: "Vất vả mấy chục năm, lại trở về thời kỳ trước cải tạo". Kỳ thực, đó cũng là một sự hiểu sai. Lùi hay không không phải ở tên gọi, mà giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội chỉ là gọi đúng tên chủ nghĩa xã hội hiện thực. Danh không chính thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì việc không thành. Chỉ có dùng giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội để xác định tính chất và trình độ phát triển hiện nay của xã hội Trung Quốc thì mới có thể kiên trì một cách danh chính ngôn thuận việc cải cách và mở cửa trong gần 10 năm nay.

"Bản thân chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, mà Trung Quốc chúng ta lại ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội"[2] Đề xuất vấn đề như vậy, chủ yếu là nhằm vào bệnh nóng vội tả khuynh muốn đốt cháy giai đoạn tồn tại trong một thời gian dài. Đặng phát hiện những người cách mạng rất dễ mắc bệnh nôn nóng, Trung Quốc trước kia đã phạm sai lầm nôn nóng, từ năm

1.2. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 42, 252.

1957 đã bắt đầu tả, đại cách mạng văn hoá là cực tả. Một trong những biểu hiện tả là "những chính sách định ra đã vượt khỏi giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội"[1].

Tại sao Trung Quốc xây dựng chủ nghiã xã hội mấy chục mà vẫn trong giai đoạn đầu? Là bởi vì sức sản xuất không phát triển, một nghèo hai trắng. Nghèo khổ tuyệt đối không phải là chủ nghĩa xã hội. "Tuy nói chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng thực tế vẫn chưa đúng". "Cho tới tận cuối thế kỷ này, chúng ta vẫn ở trong giai đoạn thoát ra khỏi nghèo nàn"[2]. Chỉ tới giữa thế kỷ sau, đạt tới trình độ một nước phát triển trung bình, mới có thể nói là thực sự có chủ nghĩa xã hội[3].

Giai đoạn chưa phát triển là giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, đạt tới trình độ nước phát triển trung bình, đại thể có thể tính là giai đoạn giữa của chủ nghĩa xã hội, muốn đạt tới trình độ nước phát triển, còn cần bao nhiêu năm nữa? Lúc đó sẽ là giai đoạn cao của chủ nghĩa xã hội. Mà đạt tới giai đoạn cao của chủ nghĩa xã hội, cũng vẫn là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, chứ chưa phải là xã hội cộng sản. Xem ra, lý tưởng cộng sản vẫn ở bờ bên kia, điều đó làm cho người ta thấy quá mệt mỏi. Nhưng cũng có điểm tốt: Không bị những nguyên tắc của xã hội lý tưởng còn lâu mới đạt tới được ấy làm nhiễu mà đứng vững chân trên mảnh đất hiện thực. Vì hiện nay vẫn còn ở giai đoạn đầu của giai đoạn thấp, nên mọi nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản chủ nghĩa, nếu có lợi cho việc phát triển sức sản xuất thì đều có lý do tồn tại. Điều này rõ

1, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr.269, 225.

2. Đặng Tiểu Bình "Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc", Nhân Dân xuất bản xã, 1987, tr. 159.

chân trên mảnh đất hiện thực. Vì hiện nay vẫn còn ở giai đoạn đầu của giai đoạn thấp, nên mọi nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản chủ nghĩa, nếu có lợi cho việc phát triển sức sản xuất thì đều có lý do tồn tại. Điều này rõ ràng là sự phủ định căn bản đối với mô hình thuần túy xã hội chủ nghĩa mà trước kia đã cố tình theo đuổi trong một thời gian dài.

2.5. VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, TRƯỚC KIA CHÚNG TA KHÔNG LÀM RÕ. NAY ĐẶNG ĐÃ LÀM RÕ: "ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG PHẢI LÀ NGHÈO, MÀ LÀ GIÀU"

Đặng nói, với chủ nghĩa xã hội, trước kia chúng ta không làm rõ. Nay Đặng đã làm rõ: "Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không phải là nghèo, mà là giàu"[1].

Đặng có thể dùng một chữ "giàu" để định nghĩa chủ nghĩa xã hội, cương lĩnh thực hành chính trị của ông là trị tận gốc bệnh nghèo nàn, làm cho nước giàu, dân giàu. Khi phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng, "nhóm bốn tên" vu cáo một cách ghê sợ: "Đặng Tiểu Bình lên đài thì hàng triệu, hàng chục triệu đầu người sẽ rơi xuống đất". Quần chúng hiểu rõ Đặng liền đổi "đầu người" thành "đầu lợn", đổi câu nói thành: "Đặng Tiểu Bình lên đài thì hàng triệu, hàng chục triệu đầu lợn sẽ rơi xuống đất", ý nói Đặng lên đài thì nhân dân sẽ có thịt ăn, đời sống sẽ giàu có lên. Tại sao Đặng bị đánh hai lần mà không đổ? Bởi vì

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 265.

lý luận về làm cho nước giàu, dân giàu đã đi sâu vào lòng người.

Sự phát triển lớn nhất của Đặng đối với tư tưởng Mao Trạch Đông là đã liên hệ chặt chẽ chữ "giàu" với nguyên tắc thiêng liêng của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình cách mạng văn hóa, nói toạc ra là "muốn mọi người yên tâm với nghèo nàn lạc hậu"[1]. Phái tả tạo nên một không khí: Nghèo là vinh dự, giàu là có tội. Họ cho rằng nghèo tốt hơn giàu. Đương nhiên, không phải là chống lại việc đất nước giàu mạnh, nhưng họ cảm thấy nhân dân không nên giàu quá. Lý do là con người, loại quái vật đó càng nghèo thì càng cách mạng, càng giàu thì càng phản động (biến thành xét lại). Để bảo đảm cho tiềm lực cách mạng vĩnh viễn không bị khô kiệt, cần phải thực hiện chính sách làm nghèo dân. Kết quả là càng nghèo càng cách mạng, càng cách mạng càng nghèo, cách mạng khiến dân nghèo, nước cũng nghèo. Đặng tin rằng dân giàu thì nước mới mạnh, vì vậy ông không sợ dân giàu lên mà khuyến khích nhân dân làm giàu, tuyên bố "làm giàu không phải là tội lỗi"[2]. Chính sách làm cho dân giàu đó, chưa nói tới việc làm cho một số người giàu lên trước, mà chỉ "cho nhân dân giàu" cũng đã là một sự đổi mới quan trọng, là sự phủ định căn bản với mô hình chủ nghĩa xã hội nghèo nàn của "cách mạng văn hóa", là sự đoạn tuyệt triệt để với quan điểm giá trị an bần lạc đạo từ mấy ngàn năm nay.

"Từ kinh nghiệm 20 năm 1958-1978, chúng ta được biết: "Nghèo nàn không phải là chủ nghĩa xã hội, chủ

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 228, tr. 172.

nghĩa xã hội cần tiêu diệt nghèo nàn"[1]. Những lý lẽ mà ông Đặng nhắc đến, có thể tìm thấy trong giáo trình của học sinh trung học: Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa cộng sản là xã hội mà sản phẩm vật chất cực kỳ dồi dào. Vì vậy, nhiệm vụ chủ yếu của chủ nghĩa xã hội là phát triển sức sản xuất, làm cho sản phẩm xã hội không ngừng tăng lên, đời sống của nhân dân ngày càng tốt lên, tạo điều kiện để tiến sang xã hội cộng sản. Thời kỳ cách mạng văn hóa, "nhóm bốn tên" đề xuất thà là chủ nghĩa xã hội nghèo nàn, còn hơn chủ nghĩa tư bản giàu có. Đặng giận dữ bài xích: "Thật là cực kỳ nhảm nhí! Sao có thể có thứ chủ nghĩa xã hội nghèo?"

"Nếu chủ nghĩa xã hội cứ nghèo nàn mãi thì nó không thể đứng vững được"[2] Theo Đặng, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trước hết biểu hiện ở tốc độ và hiệu quả phát triển kinh tế. Không có điều đó, thì khoác lác cũng không có tác dụng gì. "Nếu trong một thời kỳ lịch sử rất dài, tốc độ phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa chậm hơn các nước tư bản chủ nghĩa, thì còn nói gì đến tính ưu việt nữa"[3]

Đặng cảm thấy đau lòng trước tình trạng Trung Quốc trong một thời gian dài ở trong cảnh nghèo nàn, đình trệ. Một lần, ông nói với Kim Nhật Thành: "Chúng ta đã làm cách mạng mấy chục năm, xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 30 năm, mãi tới năm 1978, lương tháng bình quân của công nhân chỉ có 40,50 đồng, đại đa số nông thôn vẫn trong tình trạng nghèo nàn, thì gọi thế nào là tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội"[4]. Ngược lại với cách làm của Mao Trạch Đông luôn động viên các nước thuộc thế giới thứ ba

1, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 116, tr.10.
2, 3. Đặng tuyển. Quyển II. tr. 176, 123.

xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đặng nhiều lần khuyến cáo người lãnh đạo các nước đó: "Ngày nay, không nên vội xây dựng chủ nghĩa xã hội", sau khi cách mạng thắng lợi, không nên xây dựng ngay chủ nghĩa xã hội[1]. Xem ra, Đặng tán thành quan điểm của Lưu Thiếu Kỳ là "củng cố trật tự chủ nghĩa dân chủ mới". Sau khi cách mạng thắng lợi, Trung Quốc không dừng bao lâu ở giai đoạn dân chủ mới mà vội vàng tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đặng tỏ ra ít nhiều hối tiếc. Nay Trung Quốc đã xây dựng chủ nghĩa xã hội hai ba mươi năm, dù làm không tốt, cũng không thể lui lại được. Biện pháp duy nhất là trong cái khung xã hội chủ nghĩa, phải phát triển sức sản xuất, nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn, tiến lên giàu sang, làm cho chủ nghĩa xã hội còn chưa hợp cách trở thành hợp cách. Cho nên Đặng nhấn mạnh nhiều lần: Phát triển sức sản xuất là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chủ nghĩa xã hội, là "nhiệm vụ trung tâm trong toàn bộ giai đoạn lịch sử của chủ nghĩa xã hội"[2].

Đặng còn vô cùng đau đớn phê bình Mao Trạch Đông là một lãnh tụ vĩ đại "có một khuyết điểm lớn, là coi nhẹ phát triển sức sản xuất"[3].

2.6. TRONG MƯỜI MẤY NĂM NAY, TỔNG THIẾT KẾ SƯ ĐÃ KHÉO LÉO THIẾT KẾ RA NHIỀU TÁC PHẨM HẤP DẪN TRONG ĐÓ TÁC PHẨM HÙNG VĨ NHẤT LÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC "ĐI LÀM BA BƯỚC"

Từ ngày nắm chính quyền đến nay, ông Đặng không tiếp nhận một danh hiệu nào kiểu như người cầm cờ, người

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 290, 255, 225.

cầm lái, thống soái, người thầy, mà chỉ giữ một tên gọi có tính kỹ thuật là tổng thiết kế sư. Nếu nói rằng việc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc là một công trình về hệ thống xã hội phức tạp cần có một người bố cục tổng thể về chiến lược, thì tác dụng của ông Đặng đúng là tương đương với vị tổng thiết kế sư đó.

Trong mười mấy năm nay, tổng thiết kế sư đã khéo léo thiết kế ra nhiều tác phẩm hấp dẫn trong đó tác phẩm hùng vĩ nhất là mục tiêu chiến lược "đi làm ba bước". Bước thứ nhất, những năm 80 sẽ tăng gấp đôi tổng sản lượng, sản phẩm quốc dân bình quân đầu người đạt tới 500 đôla. Bước thứ hai, đến cuối thế kỷ, lại tăng gấp đôi tổng sản lượng sản phẩm quốc dân bình quân đạt 1000 đôla. Bước thứ ba, đến giữa thế kỷ sau, lại tăng gấp bốn lần, đạt tới 4000 đôla.

Ba bước cần tới 70 năm, tính từ cơ số ban đầu tăng lên 16 lần, sản phẩm bình quân tăng 16 lần, 16 lần là một con số kinh người. Bấy nhiêu đôla có nghĩa thế nào? Đặng diễn đạt hàm nghĩa của những con số bằng hình thức mà những người dân bình thường thích nghe: Bước thứ nhất giải quyết vấn đề ăn no mặc ấm. Bước thứ hai là xã hội ở mức trung lưu có mức sống thoải mái. Bước thứ ba đạt tới trình độ nước phát triển trung bình, có một vai trò nhất định trên thế giới.

Thiết kế tổng thể về chiến lược có tầm quan trọng lớn lao đối với việc tiếp cận giá trị của hệ thống lớn phức tạp. Nhiều thiết kế khác của ông đều lấy tổng thiết kế này làm căn cứ, thí dụ như Hương Cảng trở về với Trung Quốc trong 50 năm không thay đổi, chống tự do hóa tư sản ít nhất phải tiến hành 50 năm, đường lối cơ bản 100 năm

không thay đổi, giáo dục phải "hướng về ba mặt" (tức: hướng về hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng về tương lai - ND), khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất...

Thiết kế của Đặng lấy "giá trị sản lượng quốc dân" tính theo đồng đôla làm chỉ tiêu. Do đó bức vẽ được đưa ra khác với trước nhiều. Chiến lược phát triển trước kia dùng "giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp", đơn thuần nhấn mạnh sản lượng của sản phẩm chủ yếu và thứ tự của nó trên thế giới, coi thường hai tham số quan trọng là hiệu quả kinh tế và mức sống nhân dân, có lúc giá trị sản lượng tăng lên nhưng không tiến được bao nhiêu về hiện đại hóa, có lúc còn không phát triển theo hướng hiện đại hóa. "Tổng giá trị sản lượng tính theo đầu người" phản ánh toàn diện tổng thể đời sống nhân dân bao gồm phúc lợi vật chất và phúc lợi phi vật chất như giáo dục văn hóa tinh thần và sử dụng thời gian nhàn rỗi. Quan trọng hơn là phương pháp này "đã liên hệ chặt chẽ giá trị sản lượng bình quân đầu người và hệ số tăng trưởng cao với sự cải biến kết cấu kinh tế"[1]. Đặng dùng "tổng giá trị sản lượng bình quân đầu người "làm thước đo đánh giá trình độ phát triển hiện đại hóa của Trung Quốc, coi như đã coi hiệu quả kinh tế và mức sống của nhân dân chiếm địa vị chiến lược. Trung Quốc đáng tự hào vì có sản phẩm phong phú, nhưng vì nhân khẩu đông nên trữ lượng tài nguyên bình quân đầu người kém xa các nước phát triển, do đó biện pháp không tính đến lượng tiêu hao đơn thuần đưa vào sản xuất dù sao cũng không theo kịp các nước phát triển, chỉ có việc

1. (Mỹ) Simon Cudơniep "Tăng trưởng kinh tế của các nước", NXB Thương Vụ, 1985, tr.371.

nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật và cải cách cơ cấu mới mong đưa thực lực kinh tế của Trung Quốc vào hàng ngũ các nước tiên tiến trên thế giới. Ông đặc biệt chú trọng nhân tố hiệu quả kinh tế, có thể coi là đã tìm thấy phương pháp duy nhất để hiện đại hóa Trung Quốc. Định ra nhân tố mức sống nhân dân, phản ánh mục tiêu cuối cùng của ông Đặng là phú quốc lợi dân trong đồ án hiện đại hóa của mình, để có thể động viên tới hạn độ lớn nhất tính tích cực và tính sáng tạo của nhân dân. Nhấn mạnh "bình quân đầu người" là đã suy nghĩ đầy đủ về đặc điểm đông dân của Trung Quốc; còn tính toán theo đồng đôla để càng tiện cho việc so sánh trên quốc tế. Chiến lược phát triển được thiết kế như thế, lấy việc hiện đại hóa trên thế giới làm hệ tham chiếu, khiến cho Trung Quốc tự định vị được rõ ràng và mục tiêu phấn đấu rõ ràng, đó đúng là một tác phẩm thượng thặng.

Dự thảo chiến lược "hiện đại hóa trong 70 năm" so sánh với khẩu hiệu hùng tâm tráng chí "vượt Anh kịp Mỹ trong 15 năm" đề ra vào thập kỷ 50, không biết là "bảo thủ" hơn bao nhiêu lần. So với mục tiêu hùng vĩ của thập kỷ 60 là hoàn thành hiện đại hóa trong thế kỷ này thì thời gian biểu của Đặng vừa đúng chậm một nửa thế kỷ. Trong quá trình thiết kế, Đặng đã sửa "tiếp cận trình độ các nước phát triển" thành "đạt mức các nước phát triển trung bình, dự tính "từ 30 đến 50 năm" thành "50 năm". "Giọng điệu thấp" đó của Đặng là rút từ bài học kinh tế hiện đại hóa của Trung Quốc, tính toán đầy đủ đến tình hình thực tế Trung Quốc: "Trung Quốc lạc hậu về khoa học kỹ thuật, có nhiều khó khăn, đặc biệt là nhân khẩu qúa đông, hiện tại đã là 1.050 triệu, rất khó tăng thu nhập, rất khó thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu trong một thời gian ngắn, tất cả

phải xuất phát từ thực tế, không nên đặt mục tiêu không phù hợp thực tế, cũng không nên định trong một thời gian quá ngắn"[1]. Đặng có nguyên tắc làm quy hoạch: Với kế hoạch dài hạn 70 năm cần có khoảng cơ động, với kế hoạch ngắn hạn và trung hạn 10 năm, 20 năm có thể tích cực hơn, nhưng cũng cần có khoảng cơ động. Giữ khoảng cơ động là để giữ "ổn định, vững chắc" là một trận pháp giữ chắc, đánh chắc.

Thiết kế của Đặng vốn dự định "đi làm hai bước", lấy năm 2000 làm điểm khởi đầu, 20 năm trước để đặt cơ sở cho nửa thế kỷ sau. Để cho bước thứ nhất được chặt chẽ, gấp rút, chắc chắn, Đặng chia bước thứ nhất ban đầu thành hai bước nhỏ, để không thể chần chừ "ngày mai rồi lại ngày mai". Bước thứ nhất giải quyết vấn đề cơm no áo ấm, câu nói đó nghe ra như "bôi nhọ" chủ nghĩa xã hội, đã xây dựng chủ nghĩa xã hội 30 năm mà đến vấn đề cơm no áo ấm cũng chưa giải quyết xong. Nhưng Đặng dám nhìn thẳng vào sự thật, thừa nhận lạc hậu vì chỉ có như vậy mới có cảm giác cần gấp rút. Giải quyết vấn đề cơm no áo ấm phải mất thời gian 10 năm. 10 năm này là để đặt cơ sở cho 10 năm sau, trước hết phải no bụng đã rồi mới mong phát triển được. Mục tiêu 10 năm sau là sống đời sống no đủ và có chút dư thừa. Hai bước đầu đó đều chỉ để giải quyết nghèo nàn, tiến tới giàu có. Còn cần trên cơ sở đó, phấn đấu thêm 50 năm nữa để đạt tới trình độ của nước phát triển trung bình. Viễn cảnh của ba bước đó thật xa vời và gian khổ, nhưng Đặng đã xác định mục tiêu gắn nó với cuộc sống no ấm, thoải mái. Nhân dân đã nghe chán

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 224.

khẩu hiệu "Giải phóng toàn nhân loại", nay nghe thấy chuyện "no ấm", "thoải mái " thì không thể không cảm thấy gần gũi, hấp dẫn.

Đến nửa thế kỷ sau, nếu Trung Quốc đạt tới trình dọ của một nước phát triển trung bình như lời ông Đặng nói, thì sẽ có nghĩa thế nào. ông Đặng đưa ra hai cách tính toán. Một là, sản lượng bình quân đầu người là 4000 đôla, con số này đối với các nước phát triển thì chưa đáng kể gì, nhưng Trung Quốc thực hiện chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa, số 4000 đôla bình quân đầu người sẽ khiến cuộc sống của mỗi người khá hơn ở các nước tư bản nhiều. Hai là, Trung Quốc đông dân, lúc đó có thể có tới 1,5 tỷ người. Bình quân 4000 đôla, tổng số sẽ là 6 nghìn tỷ đô la, chiếm hàng đầu thế giới. Bất kỳ là về bình quân đầu người hay về sức mạnh tổng hợp của quốc gia, đạt tới trình độ phát triển trung bình, dù còn kém các nước phát triển, nhưng công cuộc hiện đại hóa mang mầu sắc Trung Quốc vẫn là hợp cách. Đi tới bước đó phải mất 70 năm, nếu tính từ khi Đảng Cộng sản cầm quyền, vừa chẵn 100 năm, nếu tính từ khi bắt đầu thời cận đại của Trung Quốc, thì là 200 năm. Đặng quyết tâm biến mộng tưởng phục hưng Trung Quốc từ 200 năm nay thành hiện thực, ý nghĩa của nó khẳng định không thua kém việc lật đổ ba trái núi lớn (chỉ đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu, ba đối tượng của giai đoạn cách mạng dân chủ Trung Quốc - ND).

2.7. CÔNG VIỆC NÀY PHẢI CỐ BÁM CHẮC KHÔNG BUÔNG, KHÔNG ĐƯỢC ĐỂ LỠ MỘT NGÀY NÀO

Bốn hiện đại hóa, xây dựng kinh tế, sức sản xuất, ba cái đó thường được ông Đặng nhấn mạnh như một. Những từ mà ông Đặng dùng để nhấn mạnh thường là: Trung

tâm, hạt nhân, trọng điểm, đại cục, tổng nhiệm vụ, nhiệm vụ chủ yếu, mâu thuẫn chủ yếu, khâu căn bản v.v...

Còn đối với nhiệm vụ trung tâm như thế nào thì những từ mà Đặng dùng càng phong phú: "Coi xây dựng hiện đại hóa, nỗ lực phát triển sức sản xuất xã hội là nhiệm vụ trung tâm nổi bật tất cả. Đường lối chính trị trong giai đoạn hiện nay của đảng ta, nói khái quát, là một lòng một dạ làm bốn hiện đại hóa".

"Việc đó, không lúc nào được làm nhiều, cần phải kiên định, một lòng một dạ làm cho được.

"Việc đó, nhất định phải bám chắc không buông, không được để lỡ một ngày nào".

"Trước sau phải bám chắc khâu này không buông."

"Bám chắc không buông. Cần ngoan cường, không được dao động".

"Bám chắc", lời đó phản ánh đúng nhất tính cách của ông Đặng: Đã nhìn rõ rồi thì bám chắc không buông.

Tại sao không nói "nắm chắc" mà lại nói "bám chắc"?. Có người tra từ điển phát hiện thấy "nắm chắc" chỉ có nghĩa là "cầm chắc", còn "bám chắc" thi ngoài ý nghĩa "cầm chắc", còn có ý nghĩa sâu hơn, là mặc cho người khác phản đối, vẫn cứ "níu lấy" "giữ chặt lấy" không buông.

Xây dựng hiện đại hóa, phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống giàu có, vốn là điều ai cũng muốn, là điều mọi người trên thế giới đều tự giác theo đuổi. Trung Quốc phải mang hết sức ra bám chắc, nếu không việc đó sẽ tuột mất. Điều "mang mầu sắc Trung Quốc" đó khiến cho vận mạng nửa cuộc đời sau của ông Đặng liên hệ chặt chẽ với chữ "bám".

Đầu thập kỷ 60, ông đề xuất "lý luận con mèo" nổi tiếng, nhấn mạnh quan hệ sản xuất nào có lợi nhất cho việc phát triển sức sản xuất thì nên áp dụng quan hệ sản xuất đó. Đó có thể là sự đề xướng đầu tiên về "lý luận sức sản xuất là trung tâm", hoàn toàn đối lập với thuyết "đấu tranh giai cấp là chủ yếu" của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông không thể chấp nhận quan điểm đó nên đã phát động "cách mạng văn hóa", đánh đổ Lưu, Đặng. Lưu, Đặng có tội gì? Tội cổ vũ cho thuyết "duy sức sản xuất".

Đặng không tiếp thu bài học "phạm sai lầm". Sau khi suy xét 3 năm ở "chuồng bò" Giang Tây, được phục chức trong cách mạng văn hóa, liền lớn tiếng kêu gọi: "Toàn Đảng cần nắm chắc đại cục, đẩy kinh tế quốc dân lên". Đặng hiểu rất rõ "điều chủ yếu" trong ý Mao rất khác với ông. Nhưng tầm vóc của ông quá nhỏ, không níu được người khổng lồ Mao Trạch Đông, chỉ có thể "đánh tráo", đề ra "ba chỉ thị đều là chủ yếu", lặng lẽ đưa kinh tế quốc dân lên vị trí chủ yếu, nhưng cuối cùng vẫn bị Mao Trạch Đông phá "thiên cơ": "Sao lại ba chỉ thị là chủ yếu? Đấu tranh giai cấp là chủ yếu, còn lại đều là thứ yếu". Mao phê phán Đặng "con người này xưa nay không đề xuất đấu tranh giai cấp". Do đó Đặng trở thành "kẻ đi theo con đường tư bản đến chết không chịu hối cải".

Đặng hai lần bị đánh đổ đều do vấn đề bám chắc trung tâm là phát triển kinh tế. Được khôi phục lần thứ ba, ông lại càng "ngoan cố". Khi vừa đấu tranh thắng lợi với phái "phàm là", Đặng đã vội vã tuyên bố:

Phải di chuyển trọng điểm công tác của Đảng sang xây dựng hiện đại hóa. Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền hơn 30 năm, chưa bao giờ di chuyển trọng tâm công

tác sang xây dựng kinh tế, vì vậy bỏ lỡ mất rất nhiều cơ hội, lỡ mất rất nhiều thời gian. Đặng vì vậy rất đau lòng. "Bây giờ phải quyết tâm", "thủy chung như nhất quán triệt thực hiện công việc này, mọi điều phải xoay quanh việc này, không được để có bất cứ sự nhiễu loạn nào"[1].

Đầu thập kỷ 80, Đặng tuyên bố cần làm tốt 3 việc lớn, trong đó "hạt nhân là xây dựng hiện đại hóa", bởi vì "đó là điều kiện chủ yếu nhất để chúng ta giải quyết vấn đề quốc tế, vấn đề trong nước"[2]. Trong công việc quốc tế, chống chủ nghĩa bá quyền, Đài Loan trở về với Trung Quốc, thực hiện thống nhất Tổ quốc, hai việc đó đều được quyết định bởi thành tựu xây dựng kinh tế của Trung Quốc. Kinh tế không lên được, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ không có cách nào củng cố, an toàn của đất nước sẽ không được bảo đảm. "Cho nên, ngay từ năm đầu của thập kỷ 80, phải không được bỏ lỡ ngày nào, chuyên tâm, tập trung tinh thần xây dựng bốn hiện đại hóa", "quyết không cho phép phân tán tinh lực"[3].

Chuyên tâm, không để lỡ một ngày nào, không để cái gì gây nhiễu loạn cũng có một ngoại lệ, là xảy ra chiến tranh ở quy mô toàn thế giới. Điều đó thì Đặng không níu giữ được. Cho nên phải tính toán thế này: đánh trận xong lại xây dựng. Nhưng Đặng rất hy vọng không vì chiến tranh mà để gián đoạn việc xây dựng, bỏ lỡ quá nhiều thời gian. Điều này thúc đẩy ông đặt điểm cơ bản trong chính sách đối ngoại vào việc tranh thủ hoàn cảnh quốc tế thuận lợi để xây dựng hòa bình.

Toàn tâm toàn ý xây dựng kinh tế, thì xây dựng quốc

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 213, 203, 205.

phòng thế nào? Đây là một trong bốn điểm xây dựng hiện đại hóa, Đặng không hề coi nhẹ, nhưng ông cho rằng xây dựng quốc phòng cũng phải lấy kinh tế làm cơ sở. Ông khuyên quân đội "Cần nhẫn nại trong mấy năm", "gắng sức đưa kinh tế lên"[1]. Trước hết đưa kinh tế lên thì mọi việc sẽ dễ giải quyết. Kinh tế là đại cục, mọi cái đều phải phục tùng đại cục đó.

Trung tâm, đại cục, nếu không "bám" thì không giữ được, điều đó chứng tỏ rằng có rất nhiều trở lực và nhiễu loạn phá hoại công việc đó. Những sự nhiễu loạn mà Đặng gặp phải là từ hai phía: tả và hữu.

Cái "hữu" mà Đặng gặp phải không giống với thời Mao, không phải là phục hồi chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực kinh tế, mà là gây rối về chính trị, là tự do hóa tư sản. Thái độ của Đặng đối với phong trào học sinh sinh viên năm 1986 là "gạt bỏ nhiễu loạn", tiếp tục tiến lên. Với cuộc động loạn năm 1989, Đặng tuyên bố rõ ràng: "Trung Quốc không cho phép làm loạn". Lý do không cho phép làm loạn là: Một khi rối loạn thì mục tiêu bốn hiện đại sẽ bị tiêu tan. Để tránh hậu quả, Đặng thà chịu nguy hiểm mất danh dự trên quốc tế, quả đoán cho dẹp cuộc làm loạn đó.

Sau khi dẹp loạn, Đặng an ủi các chiến sĩ giải phóng quân đã hoàn thành nhiệm vụ và đề xuất một loạt vấn đề: chiến lược phát triển đi làm ba bước của chúng ta có đúng đắn không? Một trung tâm, hai điểm cơ bản có đúng không? Cải cách và mở cửa có cần giữ vững không?... Ông sợ lần động loạn này làm cho đường lối, phương châm chính sách do ông định ra bị dao động, khiến điều mà ông

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 129.

cố giữ trong mười năm bị tuột khỏi tay.

Đúng là suýt nữa thì tuột mất. Những người không hứng thú với cải cách mở cửa, vừa nghe thấy phải chống tự do hóa, chống diễn biến hòa bình, liền lập tức hoạt động. Họ cảm thấy nên trở về với những năm lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu, tuyên bố là cải cách mở cửa sẽ để chủ nghĩa tư bản tràn vào, căn nguyên chủ yếu của diễn biến hòa bình là ở trong lĩnh vực kinh tế. Những câu chữ như "đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực hình thái ý thức", "Đấu tranh giai cấp trong nội bộ nhân dân" của thời cách mạng văn hóa lại xuất hiện. Vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa lại được lặp đi lặp lại.

Hiện nay, đã qua thập kỷ 80 và bước sang thập kỷ 90 được hai năm rồi. Trong giờ phút then chốt này, ông Đặng lại đứng trên con tàu lớn trước tảng đá ngầm lớn tiếng tuyên bố: Đường lối cơ bản phải giữ vững trong 100 năm, không được dao động. Ai muốn thay đổi, người đó sẽ bị đánh đổ. Lòng dũng cảm đối với cải cách, mở cửa cần được tăng cường, bước đi của phát triển kinh tế cần nhanh thêm một chút. Không tranh luận, tranh luận sẽ bỏ lỡ thời gian. Phát triển là lý lẽ vững chắc. Nắm chắc thời cơ, phát triển lên, then chốt là phát triển kinh tế.

"Có thực hiện được bốn hiện đại hóa hay không là vấn đề quyết định số mệnh của nhà nước ta, của dân tộc ta"[1]. Vận mạng của 1 tỷ dân Trung Quốc đòi hỏi ông Đặng nắm chặt tay lái của con tàu Trung Quốc. Hễ có sự nhiễu loạn, ông lập tức đứng ra dẹp ngay, chỉnh tàu đi đúng hướng.

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 149.

Mấy câu thơ nổi tiếng của Trịnh Bản Kiều hầu như viết riêng dành cho ông Đặng:

"Bám chắc chiến trường chẳng chịu buông
Lập trường vững chắc tựa kim cương
Muôn ngàn xô đập không sờn chí
Chẳng quản đông tây trận gió cuồng."

2.8. MỘT TRUNG TÂM, HAI ĐIỂM CƠ BẢN

Một trung tâm là lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Hai cơ bản: Một là giữ vững cải cách mở cửa, hai là giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản.

Ông Đặng cầm lái con tàu hơn mười năm, đề xuất rất nhiều chính sách hưng bang trị quốc, bí quyết cơ bản đều nằm trong "một trung tâm, hai điểm cơ bản" đó.

Tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng thực hiện việc đại di chuyển trung tâm chiến lược và định ra tổng phương châm cải cách mở cửa. Hai điều đó đã dẫn con tàu Trung Quốc đi vào lĩnh vực mới. Nhưng Đặng cảm thấy hình như còn thiếu một cái gì đó. Chỉ dựa vào cải cách mở cửa, không có sự hạn chế nào, thì có nguy cơ lật thuyền. Vì vậy, trong hội nghị công tác lý luận tiếp ngay sau đó, Đặng kịp thời đề ra cần nắm vững bốn nguyên tắc cơ bản.

Đầu thập kỷ 80, Đặng liên tục ba lần nói tới: Thực hiện bốn hiện đại phải giữ vững bốn điều bảo đảm: 1) Cải cách thể chế. 2) Xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. 3) Tiến công các hoạt động phạm pháp.4) Chỉnh

đốn tổ chức và tác phong của đảng. Bốn điều bảo đảm đó quy nạp lại là hai điểm cơ bản: 1) Là cải cách mở cửa. 2) bao gồm bốn điểm 1,2,3,4 trên. Đặng nói, bốn việc đó cần làm trong suốt quá trình hiện đại hóa.

Về sau, trong khi bám chắc khâu trung tâm là xây dựng kinh tế, lúc thì Đặng nhấn mạnh bốn nguyên tắc cơ bản, lúc thì nhấn mạnh cải cách mở cửa, và nhiều hơn là nhấn mạnh cả hai, dần dần thành nếp. Đến 1987, cách suy nghĩ trên của Đặng được Đại hội lần thứ XIII tiếp nhận, xác nhận là đường lối cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, biểu đạt rõ ràng thành "một trung tâm, hai điểm cơ bản".

Sự khác nhau giữa Mao và Đặng chỉ ở chỗ "trung tâm" không giống nhau. Khuôn mẫu chính trị của Mao là do "hai quan hệ" tạo thành, như cách mạng và sản xuất, chính trị và kinh tế. Hai điểm lần lượt là sức sản xuất và quan hệ sản xuất, hai lĩnh vực của thượng tầng kiến trúc. Đặng phân hai điểm của Mao thành ba điểm. Một trung tâm cộng với hai điểm cơ bản. Một trung tâm là sức sản xuất, tức lĩnh vực kinh tế theo nghĩa hẹp; hai điểm cơ bản đồng thời thuộc quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc, tức lĩnh vực chính trị theo nghĩa rộng.

Mao và Đặng đều sở trường về "một chia làm hai", nhưng một đằng là "một chia làm hai" không có trung tâm (Mao đặt trọng tâm vào một trong hai điểm), một đằng là "một chia làm hai" có trung tâm. "Một chia làm hai" của Mao là giữa chính trị và kinh tế, "một chia làm hai" của Đặng là trong bản thân chính trị. Kinh tế với tính cách là trung tâm hoặc trọng điểm thì ở một tầng cao hơn. Như vậy, không những trung tâm của Mao bị đảo ngược, mà

"một chia làm hai" của Mao trong tay Đặng cũng phát sinh sự chuyển hóa công năng, biến thành thủ đoạn sách lược phục vụ cho trung tâm chiến lược, nên càng có tính sách lược.

Mao không tách rời vấn đề chiến lược với sách lược, mục đích và thủ đoạn thường lẫn lộn nhau không rõ ràng. Ông coi chính trị là sản phẩm bao gồm yêu cầu kinh tế phục vụ cho chính trị, cách làm nổi bật chính trị đó thế tất làm yếu địa vị của kinh tế, kết quả không phải là chính trị và kinh tế đều được mùa mà là đều bị thiệt. Đặng phân biệt rõ ràng chiến lược và sách lược, mục đích; và thủ đoạn; phát triển kinh tế là mục đích; hai điểm cơ bản là cải cách mở cửa và "bốn kiên trì" trên mặt chính trị đều để phục vụ cho kinh tế. Như vậy, không những bảo đảm cho địa vị chiến lược của "một trung tâm" không bị dao động, mà "hai điểm cơ bản" về mặt chính trị cũng có tính linh hoạt.

Lưỡng điểm luận (tức một chia làm hai - ND) có trung tâm, thực tế là tam điểm luận. Tam điểm luận hơn lưỡng điểm luận ở chỗ nó có tính ổn định hơn. Mao Trạch Đông vẫn muốn thống nhất chính trị với kinh tế, nhưng lại thiếu một yếu tố thứ ba để làm căn cứ thống nhất hai cái đó. Ông cố gắng thống nhất hai cái đó nhưng đều dẫn tới lúc tả lúc hữu, dao động qua lại.

Thí dụ ông vừa muốn tập trung thống nhất lại vừa muốn sinh động hoạt bát. Để đạt tới sinh động hoạt bát, phải phát huy tính tích cực của các bộ phận. Năm 1957, ông dùng phương châm cởi mở, kết quả là xuất hiện rất nhiều đầu trâu mặt ngựa, ông lại vội đóng lại, đóng đến mức không ai dám nói nữa. Đóng hay mở là phương pháp

trị nước. Nhưng cái gì cần đóng, cái gì cần mở, đóng và mở đến trình độ nào là thích hợp, Mao không có một căn cứ nhất quán, chỉ làm việc theo cảm giác chủ quan. Đặc điểm lớn nhất của sự vận hành chính trị của Trung Quốc thời Mao Trạch Đông là dao động qua lại giữa hai chính sách cực đoan, lúc tả lúc hữu, lúc lên lúc xuống, luôn luôn vấp váp. Nguyên nhân căn bản là giữa sự chuyển động của hai cực thiếu một nhân tố trung tâm để điều tiết.

Đặng vì có "một trung tâm" nên giữ được một sức căng cần thiết giữa "hai điểm cơ bản". Trung tâm là phát triển sức sản xuất, vì nó, quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc có lúc bị tổn hại có lúc được lợi, đều lấy yêu cầu khách quan là phát triển sức sản xuất làm chuẩn. "Bốn kiên trì" (tức kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông - ND) và cải cách mở cửa, hai điểm cơ bản đó không phân biệt nặng nhẹ, chủ thứ, nhưng có thể căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế mà đặc biệt nhấn mạnh một điểm nào đó. Rút cục là hai điểm đều ngang nhau hay nặng về điểm nào, hoặc nặng đến mức độ nào, đều được quyết định bởi nhu cầu của "một trung tâm". Quá tả, quá hữu đương nhiên là khó tránh, nhưng do có một trung tâm giữ tác dụng điều tiết, tả cũng không thể quá tả, hữu cũng không thể quá hữu. Như vậy, "hai điểm cơ bản" giống như hai cánh của một bộ máy, giữ tác dụng thăng bằng cho thân máy ở vị trí trung tâm. Hai cánh giữ thăng bằng cho thân máy, thân máy lại giữ thăng bằng cho hai cánh, khiến cho hai cánh xòe cụp thoải mái nhưng không bị nghiêng lệch.

Phương pháp mà ông Đặng mong muốn là từ tổng thể giữ cho xã hội ổn định, tiếp tục phát triển. Lúc đầu cải cách mở cửa, hiện tượng chao đảo tả hữu có lúc phát sinh, nhưng theo quá trình làm rõ "một trung tâm hai điểm cơ bản", độ chao đảo ngày càng nhỏ. Có thể dự đoán từ nay vẫn khó tránh khỏi rung động, nhưng chỉ cần một trung tâm không thay đổi, thì tuyệt đối không thể xuất hiện hiện tượng trồi sụt lớn.

Hai điểm cơ bản trong khi chịu sự điều tiết của một trung tâm, tự thân cũng điều tiết lẫn nhau. Đặng từ đó đề ra một loạt "lưỡng điểm luận", như kiên trì và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ và cải cách chế độ xã hội chủ nghĩa v.v..

Chuyên chính dân chủ nhân dân bản thân cũng có sức căng giữa dân chủ và chuyên chính. Trong thực hiện cũng có một loạt chính sách "nắm cả hai tay".

2.9. KHÔNG CẢI CÁCH THÌ KHÔNG CÓ ĐƯỜNG RA. KHÔNG CẢI CÁCH THÌ CHỈ CÓ ĐƯỜNG CHẾT

Trong văn hóa chính trị Trung Quốc cổ đại đã có một lý luận cải cách "cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu". Có nghĩa là: Những quốc gia lâm vào tuyệt cảnh cần phải cải cách, chỉ có cải cách mới có hy vọng.

Kinh nghiệm hai mươi năm nhất là bài học của cách mạng văn hóa cho Đặng Tiểu Bình thấy rằng: Trung Quốc

"không cải cách thì không có đường ra[1]. "Không cải cách...thì chỉ có con đường chết"[2].

Xã hội Trung Quốc trong thời gian 20 năm từ 1958 đến 1978, trên thực tế ở vào trạng thái đình trệ và quanh quẩn. Nền kinh tế nhà nước và đời sống nhân dân không phát triển và nâng cao được bao nhiêu, khoảng cách với các nước phát triển trên thế giới ngày càng xa. Đặng nói: "Tình hình này mà không cải cách thì có được không?"[3]

Nếu không có sự cực đoan của cách mạng văn hóa thì khó nói có sự cải cách của Đặng Tiểu Bình hay không. Dù cho có, thì e rằng cũng không thể có quyết tâm và hành động mạnh như vậy. Tai nạn của "cách mạng văn hóa" đã tạo nên trong ý thức người ta cái cảm giác về nguy cơ "không cải cách không được". Đặng đáp ứng yêu cầu của lịch sử, "lợi dụng những động lực to lớn do phản tác dụng của cách mạng văn hoá đem lại, lựa theo tình thế xoay chuyển toàn bộ tình hình, dứt khoát tiến hành một loạt biện pháp cải cách cực kỳ phong phú trong mấy năm ngắn ngủi đã khai sáng nên một cục diện khởi sắc"[4].

Cục diện mới đã tạo ra thời cơ chuyển biến mà Hội nghị Trung ương lần thứ 3, khoá XI là cột mốc. Hội nghị này đã hoàn thành cuộc chuyển biến lần thứ ba trong lịch sử đương đại Trung Quốc: "Từ lấy đấu tranh giai cấp là chủ yếu đến lấy phát triển lực lượng sản xuất làm trung tâm, từ đóng cửa chuyển sang mở cửa, từ bảo thủ sang cải cách về các mặt"[5].

1, 2,3, 5. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 237, 370, 237, 269.

1. (Singapo) Lâm Chú Quân: "ý nghĩa và ảnh hưởng quốc tế của công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc",NXB Đại học Bắc Kinh,1990,tr.50.

Đặng đã khái quát chính sách mới từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba bằng 8 chữ: "Đối nội cải cách, đối ngoại mở cửa", gọi chung là cải cách.

Cuộc cải cách về hai mặt: Đối nội cải cách (làm sống động) và đối ngoại cải cách (mở cửa) là kết quả tất nhiên của việc di chuyển trọng điểm chiến lược, lại là biện pháp tất yếu bảo đảm cho sự di chuyển đó.

Tại sao Trung Quốc phải cải cách và mở cửa? Đó là kết luận tổng kết từ quá khứ của Đặng, cũng là căn cứ để ông thiết kế cho tương lai. Đến cuối thế kỷ này sẽ tăng gấp 4 lần, đạt tới trình độ vừa phải, đến giữa thế kỷ sau lại tăng gấp 4 lần nữa đạt tới trình độ một nước phát triển trung bình, trong 70 năm vượt qua hai bước lớn, giá trị sản lượng bình quân đầu người tăng 16 lần. Mục tiêu hùng vĩ đó, dựa vào cái gì? Dựa vào cải cách mở cửa. Không có sự bảo đảm của cải cách mở cửa, thì hiện đại hóa chỉ là lời nói suông.

Dùng con mắt của thế giới để nhìn khoảng cách và mục tiêu của Trung Quốc, lại càng thấy như vậy. Trung Quốc đạt tới trình độ của nước phát triển trung bình, có nghĩa là đã bước vào hàng ngũ tiên tiến của thế giới, trở thành một vai trò chính trong hoạt động kinh tế thế giới. Nhưng trước mắt, thị trường thế giới đã bị những nước phát triển và tương đối phát triển chiếm lĩnh. Những nước lạc hậu như Trung Quốc, muốn phấn đấu vượt lên thật không dễ dàng. Nếu không có những biện pháp đặc biệt làm sống động kinh tế bên trong và mở cửa ra bên ngoài thì không thể cạnh tranh với người ta được.

Ông Đặng hy vọng cải cách mở cửa có thể đưa tới một nước Trung Quốc mới dân chủ giàu mạnh. Ông gắng sức thực hiện cải cách mở cửa để biến giấc mộng cường quốc

thành hiện thực, gọi cải cách và mở cửa "là cái quyết định vận mệnh của Trung Quốc"[1]. Những chữ đó đúng là có một ma lực to lớn.

Đặng dự tính: Thông qua cải cách nội bộ, sẽ quét sạch mọi chướng ngại trên đường phát triển sức sản xuất, phát huy tính tích cực của một tỷ dân, đó là khai thác tiềm lực nội bộ. Thông qua mở cửa ra bên ngoài, tiếp thu khoa học kỹ thuật cũng như kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới,tiếp thu thành quả của nhân loại. Ông tin rằng: Nhiệt tình sáng tạo của một tỷ dân Trung Quốc cộng với kinh nghiệm thành công của toàn nhân loại, nhất định sẽ làm cho kinh tế Trung Quốc xuất hiện kỳ tích.

Mấy chục năm trước cải cách đã hình thành thể chế kinh tế, chính trị và quan niệm tư tưởng cứng nhắc, có nghĩa là sự cải cách của Đặng không những phải giải phóng sức sản xuất mà còn động chạm tới quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc xã hội chủ nghĩa. Về sứ mạng của cải cách Đa vít Trương nói: "So với các nhà cải cách của các Vương triều thời cổ, chế độ xã hội chủ nghĩa của Đặng Tiểu Bình đã khôi phục sức sống ở Trung Quốc. Muốn cho Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội tồn tại ở Trung Quốc, thì không thể thiếu sự cải cách của Đặng"[2].

Cuộc cải cách và mở cửa trong mười mấy năm đã giành được thành tựu khiến thế giới chăm chú theo dõi. Tổng sản phẩm quốc dân năm 1991 là 1958 tỷ nhân dân tệ tính theo tỷ giá, bằng 2,92 lần năm 1978, bình quân mỗi

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 368.

2. "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình ", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 64.

năm tăng 8,6%. Tốc độ này bằng tốc độ của "bốn con rồng nhỏ" châu Á trong những năm 80, bằng tốc độ của Nhật Bản trong thời kỳ 1956 đến 1977. Như vậy, việc cải cách mở cửa của Đặng đúng là con đường cường quốc hưng bang.

2.10. GIỮ VỮNG BỐN NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Ngày 13-12-1978, tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu bài nói quan trọng đánh dấu việc Trung Quốc bước vào thời kỳ mới với nhan đề: "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước". Nội dung chính là kêu gọi giải phóng tư tưởng, phát huy dân chủ, cải cách mở cửa. Ba tháng rưỡi sau, ngày 30-3-1979, Đặng lại nói trong hội nghị công tác lý luận một bài nói quan trọng "Giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản" dài gấp đôi bài nói lần trước, trung tâm là nhấn mạnh bốn điều:

Một là, phải giữ vững con đường xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phải giữ vững chuyên chính vô sản.

Ba là, phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Bốn là, phải giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

Đặng nói, bốn nguyên tắc đó "không phải là cái gì mới". Năm 1957, Mao Trạch Đông trong một bài nói nổi tiếng bàn về xử lý đúng đắn mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân đã trịnh trọng nêu ra phương châm "trăm hoa đua nở". Khoảng 4 tháng sau, tình hình phát sinh biến hóa,

nảy ra rất nhiều cỏ độc. Thế là Mao lại công bố bài nói đã được sửa đổi, đặc biệt nhấn mạnh sáu tiêu chuẩn chính trị để phân biệt hoa thơm và cỏ độc. Bốn nguyên tắc của Đặng có ba nguyên tắc rút từ 6 tiêu chuẩn của Mao Trạch Đông, chỉ có nguyên tắc giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông là do Đặng mới thêm vào. Nguyên nhân xuất hiện sự khác biệt đó là do Mao và Đặng đứng trước tình hình khác nhau. Sáu tiêu chuẩn của Mao là nhằm vào phái hữu, và bản thân Mao đã là tư tưởng Mao Trạch Đông, không cần đề giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng ngoài việc phải phản kích lại sự thách thức của phái hữu, còn phải đối phó với sự gây khó khăn của phái tả. Phái tả chỉ trích chính sách cải cách của Đặng từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba là đi ngược lại chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng coi chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông là một trong bốn nguyên tắc phải giữ vững, không những là cần thiết để đối phó với phái hữu, mà cũng là để tước vũ khí của phái tả. Nếu không đề ra điều đó, thì phái tả sẽ lấy nguy cơ tấn công của phái hữu trong xã hội ép Đặng: Hãy xem, đấy là những việc nảy sinh do việc cải cách mở cửa của anh. Thậm chí họ còn có thể ghép những quan điểm chống Mao Trạch Đông trong xã hội vào với Đặng, khiến Đặng không gỡ ra được.

Đương nhiên, Đặng ra sức nhấn mạnh những điều không có gì là mới đó, chủ yếu là để đối phó với phái hữu đã hoài nghi, thậm chí công khai phản đối bốn nguyên tắc cơ bản từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba. Về sau, Đặng gọi tư trào đó là tự do hóa tư sản, cho rằng mấy

lần học sinh gây rối và làm rung chuyển chính trị đó là tự do hóa chính trị, nếu không chế áp thì sẽ phát triển rất mạnh, đến lúc đó sẽ khó dẹp được, có khả năng đưa Trung Quốc trở lại thời động loạn của cách mạng văn hóa. Như vậy, thì con tàu hiện đại hóa do Đặng cầm lái không thể cập bến, và e rằng vừa khởi hành đã bị lật. Đặng hy vọng dùng bốn nguyên tắc cơ bản để ngăn cản tự do hóa tư sản và tránh khỏi nguy cơ đó.

Cần giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, điểm này không có gì phải bàn cãi. Nhưng giữ vững như thế nào, lại cần phải nghiên cứu. Đặng chống lại việc giữ vững theo lối tả, vì lối "giữ vững" đó, chủ trương rập khuôn như cũ, bảo thủ mọi cách làm cũ, chỉ là con đường chết. Sự giữ vững của Đặng là giữ vững và phát triển, giữ vững và cải cách, là sự tổng hợp hai mặt giữ vững và sửa đổi nâng cao. Theo phương pháp "giữ vững" đó, Đặng nhấn mạnh giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản không phải là muốn thu hẹp cải cách và mở cửa. Mà ngược lại, ông cho rằng làm như vậy là để quán triệt chấp hành chính sách cải cách và mở cửa được thuận lợi, là "chính sách cần thiết phải áp dụng"[1]. Đặng nhấn mạnh, nếu không thực hiện những nguyên tắc đó thì cải cách mở cửa, chiến lược đi ba bước, bốn hiện đại hóa, tất cả đều tan thành mây khói. Đặng hiểu rằng nếu cải cách càng mạnh thì chấn động xã hội sẽ càng lớn, do đó càng cần có một nhân tố điều tiết, khống chế. So sánh với cải cách của Goócbachốp ở Liên Xô, những mưu lược đó của Đặng tỏ rõ sự sáng suốt của một chính khách lão luyện.

Cần "giữ vững" là điều không có gì phải nghi ngờ,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 164.

nhưng giữ vững những nội dung cụ thể gì thì lại cần căn cứ vào tình hình cụ thể. Đặng nói "một loạt các phương châm chính sách từ Hội nghị toàn thể Trung ương ba đến nay là giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản" để ngầm nói: Giữ vững chính sách trung tâm mà Đặng đề ra từ Hội nghị toàn thể Trung ương ba là giữ vững cải cách mở cửa. Giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản như vậy, không những không hạn chế cải cách mở cửa mà còn có tác dụng tích cực đối với cải cách mở cửa. Phương thức xử lý đó của Đặng so với phương pháp sai của Mao là "thu" sau khi "phóng", có sức thuyết phục lớn hơn nhiều.

Xem ra, mục đích đề ra "bốn giữ vững" của Đặng không phải nhằm quy định có những mặt nào không được thay đổi, mà là để tỏ rõ một thái độ: Cải cách của chúng ta là có nguyên tắc, không được làm lộn xộn. Còn bản thân nguyên tắc là thế nào, có những nội dung cụ thể gì, thì là thứ yếu. Trên thực tế, rất ít có nguyên tắc nào quy định rõ là không được thay đổi.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông cần phải giữ vững, nhưng cần thực sự cầu thị, theo nguyên tắc thực sự cầu thị thì không có khuôn mẫu cứng nhắc nào không cho phép thay đổi. Chủ nghĩa xã hội, theo Đặng, có hai điều không được dao động, tức chế độ công hữu và cùng giàu có, nhưng giữ vững chế độ công hữu là chủ yếu không bài trừ sự tồn tại của các thành phần phi công hữu như "xí nghiệp tam tư" (tức ba loại xí nghiệp: Trung Quốc và nước ngoài chung vốn đầu tư, Trung Quốc và nước ngoài hợp tác kinh doanh, nước ngoài bỏ vốn toàn bộ - ND) và xí nghiệp tư doanh. Giữ vững cùng làm giàu cần phải cho phép một số người làm giàu trước. Chuyên chính vô sản chỉ hạn chế

đối tượng vào những kẻ phạm pháp theo pháp luật hiện hành, thì rất dễ giữ vững.

Cuối cùng Đặng đã nói ra điều bí mật của mình: "Hạt nhân của bốn giữ vững là giữ vững sự lãnh đạo của Đảng"[1]. Điều này được coi là chỉ thị cương quyết. Đặng còn nhớ rất rõ hậu quả nghiêm trọng do cơ quan lãnh đạo đảng các cấp lâm vào tình trạng tê liệt trong cách mạng văn hóa. Ông lo lắng tư trào tự do hoá lại làm cho các cấp đảng và chính quyền rơi vào tình trạng không thể hành động được, kiên quyết phản đối tách rời sự lãnh đạo của đảng mà ca ngợi tính tự phát của quần chúng, công kích mạnh mẽ hành vi đòi dân chủ bỏ qua các đảng ủy. "Nếu lại cho phép một số người bỏ qua các đảng ủy, gây rối khắp nơi thì sẽ làm cho bốn hiện đại tiêu tan"[2]. Đương nhiên, cần cải tiến sự lãnh đạo của đảng, nhưng làm thế nào, làm những cái gì cũng đều phải tiến hành dưới sự lãnh đạo của đảng.

Đặng nêu nổi bật chính sách của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 và sự lãnh đạo của đảng, hai điểm đó tỏ rõ mục đích ông nêu bốn giữ vững là để bảo vệ tính quyền uy của chính sách hiện hành và lãnh đạo hiện hành, tỏ rõ việc cải cách của Đặng là cuộc cải cách có lãnh đạo, có trật tự, từ trên xuống dưới, tỏ rõ ông muốn dựa vào quyền uy chính trị mạnh mẽ để thúc đẩy cải cách, đồng thời bảo đảm cho cải cách không bị lực cản của thực tiễn cải cách phá hoại. Theo cách suy nghĩ của Đặng, bản thân cải cách là không hạn chế, cái gì cũng có thể cải cách, nhưng chỉ có một điều: Phải tiến hành có sự lãnh đạo, có kế hoạch, không được làm liều, không được rối loạn. Sự làm liều

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 230, 157.

không lãnh đạo là tự do hóa tư sản. Mọi người dần dần hiểu rõ hai điểm chủ yếu của Đặng: "Một là, những vấn đề quan trọng phải nhất trí với Trung ương (cuối cùng là với Đặng). Hai là, nói ít làm nhiều, hoặc chỉ làm mà không nói. Như vậy, sẽ thỏa mãn yêu cầu của Đặng đối với giữ vững 4 nguyên tắc cơ bản.

Tác dụng tương hỗ giữa 4 giữ vững với cải cách mở cửa dần dần hiện ra một xu thế: Về chính trị phải ổn định đoàn kết, về kinh tế tận lượng mở cửa. Đó là nguyên nhân để công cuộc cải cách của Trung Quốc không đi theo con đường của Liên Xô, nhưng cũng tích luỹ một vấn đề, khiến cải cách thể chế chính trị đi chậm hơn cải cách kinh tế, thậm chí hạn chế tiến trình cải cách kinh tế. Đặng hy vọng dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng sẽ tiến hành toàn diện việc cải cách xã hội, bao gồm việc cải cách thể chế lãnh đạo của đảng. Thành quả cuối cùng của toàn bộ cuộc cải cách đều quyết định bởi bước đi này sẽ diễn ra như thế nào.

2.11. TẢ VÀ HỮU ĐỀU CÓ THỂ LÀM MẤT CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. TRUNG QUỐC CẦN CẢNH GIÁC VỚI HỮU, NHƯNG CHỦ YẾU LÀ PHÒNG TẢ

Trong 14 năm từ 1978 đến 1992, chống tả phòng hữu đã trải qua nhiều cuộc đấu. Trong khi luôn nhắc lại không được nghiêng hoặc bỏ mặt nào trong hai điểm cơ bản, không được thiếu cả chống tả và phòng hữu, ít nhất đã ba lần Đặng nói là tả nguy hiểm hơn hữu.

Lần thứ nhất, ngày 30-4-1987, nói với phó thủ tướng Tây Ban Nha Cơla khi ông này thăm Trung Quốc: "Chúng tôi nói có sự quấy rối từ phía tả, cũng có sự quấy rối từ phía hữu, nhưng nguy hiểm lớn nhất vẫn là tả"[1].

Lần thứ hai, ngày 4-7-1987, Đặng nói với Tổng Thống Băngla Đét, Ecsát: "Xây dựng hiện đại hóa, thực hiện cải cách mở cửa, tồn tại vấn đề quấy rối của tả và hữu... Chủ yếu nhất là quấy rối của phía tả"[2].

Lần thứ 3, năm 1992, nói trong khi đi thăm miền nam: "Ngày nay, có ảnh hưởng của phía hữu đối với chúng ta, cũng có ảnh hưởng của phía tả đối với chúng ta, nhưng thâm căn cố đế nhất vẫn là phía tả... Trong lịch sử đảng ta, tả thật đáng sợ! Một tình hình rất tốt, trong phút chốc bị nó làm biến mất. Hữu có thể làm mất chủ nghĩa xã hội, tả cũng có thể làm mất chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc cần cảnh giác với hữu. Nhưng chủ yếu là phải phòng tả"[3].

Tả nguy hiểm hơn hữu, không phải là hậu quả của chúng khác nhau (tả và hữu đều có thể làm mất chủ nghĩa xã hội), cũng không phải do hậu quả do tả gây nên trong lịch sử khiến người ta sợ, càng không phải do Đặng ba lần bị oan uổng đều do tả gây nên, mà là do: Tả ngoan cố hơn hữu, khó trị hơn hữu, chống tả gặp khó khăn hơn chống hữu.

Tại sao tả khó trị hơn hữu? Đặng nói là vì tả đã hình thành một thế lực của thói quen, có rễ sâu, sửa chữa rất không dễ.

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 229, 249, 375.

Nếu theo chủ trương của Đặng, tiến hành phân tích cụ thể về tả và hữu, thì còn có thể phát hiện việc tả khó trị hơn hữu có một nguyên nhân sâu xa: Hàm nghĩa của tả và hữu, tính chất chống tả và chống hữu có nội dung rất khác nhau trước và sau khi Đảng Cộng sản cầm quyền.

Tả là đứng về lập trường của ta để nói, mục tiêu chống tả nhằm vào nội bộ; hữu là đứng về lập trường đối lập để nói, mục tiêu chống hữu nhằm vào bên ngoài. Cái trước là tự phủ định, cái sau là khẳng định mình.

Trước khi cầm quyền, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng Cộng sản là giành chính quyền, là tiêu diệt địch, bảo tồn mình. Lúc đó quan hệ bên trong bên ngoài, trên trình độ rất lớn là quan hệ địch ta, do đó chống hữu có ý nghĩa cách mạng tự bảo tồn. Sai lầm hữu là vấn đề lập trường, phương hướng, thuộc về mâu thuẫn địch ta. Sai lầm tả là vấn đề phương pháp, sách lược, thuộc về mâu thuẫn nội bộ. Thường chữ "tả" được đặt trong ngoặc kép, có hàm nghĩa là khác với hữu. Tả tỏ ra đáng yêu hơn hữu, phạm sai lầm tả dễ được thông cảm, phạm sai lầm hữu thì khó tha thứ. Dần dần, hình thành một thói quen tư duy: Tả tốt hơn hữu, thà tả chứ đừng hữu.

Sau khi cầm quyền, Đảng Cộng sản trở thành chúa tể trong nước, các lực lượng khác đều ở địa vị bị lãnh đạo. Lúc đó, quan hệ nội ngoại là quan hệ giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, thay thế cho quan hệ hoặc đại bộ phận thay thế cho quan hệ địch ta trước kia. Do đó lúc ấy hành động chống hữu trong nội bộ có hai tính chất. Một là, khi sự đả kích thực sự thuộc về hoạt động lật đổ của thế lực đối địch, thì chống hữu là nhu cầu củng cố chính quyền, vẫn có tính cách mạng. Ngoài phạm vi đó, thì thuộc

về tình huống thứ hai, tức bài xích lực lượng khác mình, bảo hộ quyền lợi của mình. Sự chống hữu lúc đó hoàn toàn không mang tính cách mạng, mà là bảo thủ, hẹp hòi, tự ti. Hai tính chất chống hữu đó có thể định theo thời gian như sau: Lúc mới giành được chính quyền, nhiều tính cách mạng; sau khi chính quyền đã được củng cố, nhiều tính bảo thủ. Nhưng muốn phán định được thật chính xác cần nhờ tới pháp luật. Trong tình hình chưa có pháp luật hoặc pháp luật không đầy đủ, thì chống hữu phần nhiều thuộc tính chất thứ hai. Đương nhiên không loại trừ hoạt động chống hữu đồng thời có hai tính chất. Nhưng từ cuộc chống hữu năm 1957 đến cuộc chống hữu trong các giai đoạn cách mạng văn hóa, phái tả cách mạng ra sức chống hữu , người ta càng thấy phần nhiều là bài xích những người khác phái trong đảng để giữ gìn lợi ích của mình.

Ngược lại, sau khi nắm chính quyền, chống tả cần có tinh thần tiến thủ cách mạng dũng cảm. Vì tinh thần cách mạng đó là nhằm vào bản thân. Có thể chống tả không, có dám chống tả không, qua đó có thể phán định một tập đoàn lãnh đạo có năng lực tự đổi mới không. Nhiều năm nay, chống hữu thường bị mở rộng mà chống tả không bao giờ được triệt để, nguyên nhân căn bản là vì chống tả cần có tinh thần tự làm cách mạng. Ai cũng biết rằng cách cái mạng của mình khó hơn cách cái mạng của người khác rất nhiều. Chính sách cải cách mở cửa của Đặng lấy chống tả làm tư tưởng chủ đạo là một cuộc tự cách mạng trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó gặp phải sự phản đối kịch liệt của những người ký sinh trong thể chế cũ là điều tất nhiên. Những vị phái tả chống lại việc chống tả hô những khẩu hiệu rất cách

mạng, nhưng trong gan ruột lại chính là bảo thủ, sợ hãi cách mạng cách mất lợi ích và quyền thế mà họ đang có.

Trong chế độ tập quyền, chống hữu dễ hơn chống tả cũng cùng ý nghĩa đó. Mối nguy tả chủ yếu đến từ cấp trên, mối nguy hữu chủ yếu đến từ cấp dưới. Từ trên xuống dưới chống hữu đương nhiên là rất dễ dàng. Đặng nhấn mạnh chống tả, trọng điểm là sửa khuynh hướng tả trong tư tưởng chỉ đạo, chính là nói tới lãnh đạo cấp trên. Nói về cấp trên, tả dễ hơn hữu. Cấp trên mà tả, thì toàn bộ kế hoạch cải cách của Đặng sẽ hỏng. Cấp trên cũng có mối nguy hữu, nhưng chỉ cần người lãnh đạo tối cao không tự vứt bỏ quyền lãnh đạo như Goócbachốp, thì cũng không thể hữu tới mức độ đó được.

2.12. CHỐNG TẢ PHÒNG HỮU, PHẢI NẮM CẢ HAI MẶT

Đặng Tiểu Bình không chỉ nói một lần, là sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa mà ông lãnh đạo gặp phải sự quấy nhiễu của cả hai mặt tả và hữu. Sự quấy nhiễu từ phía tả như công kích đường lối của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba là đi ngược lại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, gọi cải cách mở cửa là du nhập và phát triển chủ nghĩa tư bản v.v.. Sự quấy nhiễu từ phía hữu là chỉ yêu cầu tự do hóa tư sản, muốn tây hóa toàn bộ, gây động loạn, đưa Trung Quốc tiến sang chủ nghĩa tư bản. Đặng cho rằng tả và hữu đều có thể làm mất chủ nghĩa xã hội, làm hỏng công cuộc hiện đại hoá. Muốn làm cho hiện đại hóa thuận lợi, cần phải dẹp bỏ hai loại quấy nhiễu đó, chống lại hai khuynh hướng sai lầm tả và hữu. Tả và hữu

là hai cực. Vừa chống tả vừa chống hữu khó ở chỗ, chống tả không được làm lợi cho hữu, chống hữu không được làm lợi cho tả. Cần có một loại vũ khí đặc biệt, nó phải có hai lưỡi, có thể đồng thời đón đánh sự tiến công của hai bên tả hữu mà không tự mâu thuẫn.

Đặng rất nhanh chóng tìm thấy loại vũ khí đó, đó là "một trung tâm, hai điểm cơ bản". Hai điểm cơ bản cũng dựa vào nhau mà tồn tại: Cải cách mở cửa là để đối phó với tả, bốn kiên trì là để đối phó với hữu. Bản thân hai điểm cũng đều có tính hai mặt: Bốn giữ vững là sự thống nhất giữa giữ vững và phát triển, giữ vững và cải cách. Chỉ giữ vững mà không phát triển, không cải cách, là tả; tách rời giữ vững mà phát triển bừa, cải cách bừa, là hữu; cải cách mở cửa là sự thống nhất giữa mở và quản lý, bảo thủ không mở là tả, vứt bỏ nguyên tắc mà mở bừa là hữu. Mười mấy năm nay, Đặng dựa vào vũ khí hai lưỡi đó, đối phó với cả tả và hữu, xông xáo mở đường, mới có được cục diện ngày hôm nay.

Trước sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba, khẩu hiệu chủ yếu của Đặng là dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định, giải phóng tư tưởng. Cải cách mở cửa, trọng điểm là sửa chữa, thanh trừ tai họa tả khuynh có gốc rễ sâu vững từ 20 năm trước, đưa Trung Quốc trở lại quỹ đạo lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Con tàu cải cách khởi hành không lâu, liền xuất hiện tư trào hữu, đưa tới rất nhiều hỗn loạn, quấy nhiễu làm cho các cơ quan đảng, chính quyền không có cách gì làm việc được. Đặng lại nêu ra phải kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, chống tự do hóa tư sản. Tháng 9-1985, Đặng tổng kết cuộc đấu tranh đó: "Không triệt để sửa chữa sai lầm tả khuynh, kiên quyết chuyển trọng điểm công tác, thì không thể có tình hình tốt hôm nay. Cũng như nếu

không giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, thì không thể giữ được cục diện ổn định đoàn kết, còn có thể biến việc sửa chữa thành sửa chữa chủ nghĩa xã hội và tư tưởng Mác-Lênin, cũng không thể có được tình hình tốt như hôm nay"[1].

Sự quấy nhiễu của hữu có khi cũng tạo điều kiện cho tả. Năm 1989 xảy ra động loạn, sau khi đánh đòn hủy diệt vào tự do hóa tư sản, tiếng kêu gọi bốn giữ vững nhất thời lấn át cả bốn hiện đại. Một số nhà lý luận, nhà chính trị nhân cơ hội đó biến việc chống hữu thành việc sửa chữa đường lối của Hội nghị Trung ương ba, trở lại với những năm tháng tả. Bước đi của cải cách mở cửa không nhích lên được, thậm chí còn bị thụt lùi. Chính trong lúc các vị phái tả đắc ý, ông Đặng lại phát biểu: "Trung Quốc cần cảnh giác với hữu, nhưng chủ yếu là phòng tả". Chủ yếu phòng tả, phát pháo bắn vào phái tả, con tàu cải cách mở cửa phải dừng lại một dạo, nay lại khởi động và càng chạy nhanh hơn.

Đặng từng nói: Với tư cách là tổng thiết kế sư của cải cách mở cửa, công tác chủ yếu của ông là phát hiện thấy sự gây rối thì gạt bỏ. Đầu những năm 80, chống ô nhiễm tinh thần, giữa những năm 80 chống tự do hóa tư sản, cuối những năm 80 dẹp loạn, đều là dẹp bỏ những quấy nhiễu của hữu. Sau mỗi lần dẹp hữu, lại xuất hiện khuynh hướng tả, Đặng lại phải đứng ra dẹp bỏ những quấy nhiễu của tả, để giữ sự thăng bằng. Như vậy là đã có mấy trận đấu rồi. Người ta phát hiện thấy con tàu Trung Quốc hầu như đi theo sự chỉ huy của người cầm lái. Nó lệch sang tả,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 141.

được sửa lại, nó lại lệch sang hữu, sửa lệch hữu, nó lại lệch sang tả, làm cho ông Đặng luôn phải sửa chữa không được nghỉ ngơi.

Giả thử một ngày nào đó, không có người cầm lái mạnh mẽ như ông Đặng thì Trung Quốc sẽ ra sao? Lại trở về với những năm tháng dao động lúc tả, lúc hữu luôn luôn va vấp chăng? Ông già Đặng Tiểu Bình rất lo lắng vì điều đó, nhân lúc mình còn tác dụng ông luôn nhấn mạnh: Một trung tâm hai điểm cơ bản cần giữ vững một trăm năm không dao động, ai dao động người đó sẽ xuống đài. Tiếp đến, thông qua Đại hội XIV, tiến hành sắp xếp nhân sự để bảo đảm cải cách mở cửa cho thế kỷ sau, hy vọng người cầm lái thay ông sẽ học được cách dùng hai điểm cơ bản để không ngừng dẹp bỏ sự quấy nhiễu của hai mặt tả hữu, nắm vững bí quyết giữ thăng bằng. Dù sau khi ông mất đi, sự nghiệp cải cách mở cửa cũng không được bỏ dở, không bị chìm tàu. Giữ vững như vậy một trăm năm, đến khi thực hiện được bốn hiện đại, có thể xuất hiện tình hình mới: Trung Quốc sẽ đi trên con đường phát triển ổn định, qua khỏi mọi thác ghềnh, hai điểm cơ bản quy về một trung tâm, không còn mất sức chống tả phòng hữu, sửa đi sửa lại nữa.

2.13. NẮM HAI TAY. TAY NÀO CŨNG PHẢI CỨNG

Đặng Tiểu Bình có một loại phương châm "nắm hai tay".

- Một tay nắm văn minh vật chất, một tay nắm văn minh tinh thần.

- Một tay nắm công tác kinh tế, một tay nắm công tác tư tưởng, chính trị.

là càng ngày càng dân chủ mà là càng ngày càng tập trung.

Trong giới lý luận có người toàn dùng chữ "chủ nghĩa quyền uy mới" để giải thích mâu thuẫn mà Đặng Tiểu Bình gặp phải, là mâu thuẫn giữa sự phụ thuộc của cải cách chính trị đối với điều kiện kinh tế. Trên cơ sở và tính toán đầy đủ đến tính phức tạp và khó khăn của công cuộc cải cách kinh tế của Trung Quốc, mà chủ trương dùng sức tập trung mạnh của chính trị để thúc đẩy từng bước cải cách kinh tế. Như vậy, dù tạm thời hy sinh dân chủ, nhưng đã chuẩn bị điều kiện để cuối cùng thực hiện chính trị dân chủ.

Những người phản đối lại cho rằng con đường đó là không thông. Bởi vì muốn chính trị tập trung không gây trở ngại cho tự do hóa kinh tế thì cần có một điều kiện tiền đề, là sự tách rời giữa chính trị và kinh tế. Không có tiền đề đó, chính trị tập trung chỉ hạn chế cải cách kinh tế và làm cho cải cách kinh tế ngày càng phụ thuộc sâu sắc vào chính trị tập trung, đẩy mục tiêu dân chủ về chính trị ngày càng xa vời.

Đặng không tham dự tranh luận, nhưng thiết kế tổng thể về cải cách Trung Quốc của ông hầu như đã ủng hộ cho chủ nghĩa quyền uy mới. Đặng coi việc tách riêng đảng và chính quyền, tách riêng chính quyền và xí nghiệp là mục tiêu trong thời kỳ thứ nhất của cải cách thể chế kinh tế, chính trị. Nếu biện pháp phân quyền đó hoàn thành thuận lợi, thì chẳng phải là đã tạo tiền đề cho sự tách riêng chính trị và kinh tế hay sao?

Sự nghiệp cải cách kinh tế mà Đặng quan tâm, đã đề ra cho chính trị hai yêu cầu: Một là, yêu cầu cải cách về

chính trị thích ứng với cải cách kinh tế, nới lỏng từng bước theo sự nới lỏng của kinh tế; nếu không như vậy thì cải cách kinh tế sẽ bị thể chế chính trị gò bó mà không có cách nào đi sâu được. Hai là, yêu cầu thượng tầng kiến trúc chính trị có sự bảo đảm cho cải cách kinh tế, đồng thời với việc làm sống động kinh tế, tăng cường sự khống chế tập trung; nếu không như vậy, thì cải cách kinh tế sẽ bị sự biến động xã hội làm cho khó tiến hành thuận lợi được.

Theo Đặng, biện pháp duy nhất để thoát khỏi mâu thuẫn là tách rời một cách tương đối chính trị với kinh tế. Một mặt, ra sức giảm bớt sự khống chế của chính trị tập trung đối với cải cách kinh tế, để cho con chim kinh tế có thể bay nhảy trong một cái lồng rộng rãi hơn; mặt khác, phải gia cố lồng chim, để bảo đảm cho xã hội, về chỉnh thể, không vì cải cách mạnh mẽ mà dẫn đến hỗn loạn.

Vì vậy, với cải cách kinh tế, Đặng luôn cổ võ phải mạnh dạn, nhưng đối với cải cách chính trị Đặng lại có thái độ vô cùng thận trọng.

2.15. ĐỐI VỚI KẺ THÙ, MAO TRẠCH ĐÔNG CHỦ TRƯƠNG COI THƯỜNG VỀ CHIẾN LƯỢC, COI TRỌNG VỀ CHIẾN THUẬT; ĐỐI VỚI CẢI CÁCH, ĐẶNG TIỂU BÌNH CHỦ TRƯƠNG PHẢI DŨNG CẢM, NHƯNG BƯỚC ĐI PHẢI CHẮC CHẮN

Cuộc cải cách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, nhìn về tổng thể, là một cuộc thí nghiệm xã hội vĩ đại. Việc cải cách nông thôn là thí nghiệm dần dần. Đặng nói, quyền đề ra chế độ trách nhiệm trong sản xuất nông nghiệp là thuộc về nông dân. Việc mà ông làm chẳng qua là hợp pháp hóa

trước kia, do chính sách được mở rộng mà trở thành hợp pháp, lực lượng hành chính không thể can thiệp. Những hành vi phi pháp mới, lực lượng hành chính cũng không có cách gì can thiệp, chỉ có khởi tố ra pháp luật. Đồng thời với việc thu hẹp phạm vi can thiệp hành chính thì phạm vi tác dụng của pháp chế lại mở rộng ra. Một trong những phương hướng cải cách là giảm dần sự can thiệp của hành chính, đưa đời sống kinh tế của xã hội đi dần vào quỹ đạo pháp luật. Nếu giảm dần sự can thiệp của hành chính mà không có sự kiện toàn tương ứng về pháp chế, thì toàn xã hội sẽ vô trật tự. Do đó, xây dựng kinh tế cần có sự phối hợp với xây dựng pháp chế.

Đặng nhấn mạnh không những phải nắm hai tay, mà cả hai tay đều phải cứng. Hai tay, có lúc có thể căn cứ tình hình mà dùng sức không đều nhau, thậm chí lần lượt sử dụng nhưng không thể một tay cứng một tay mềm. "Tay cứng tay mềm không tương xứng thì phối hợp sẽ không tốt"[1], có thể mất thăng bằng dẫn đến lật xe. Đặng hầu như thấy được kinh tế phát triển nhanh, cải cách mở cửa ngày càng đi sâu có mối liên hệ tất nhiên với không khí xã hội, làm cho trật tự xã hội ngày càng kém. Càng cải cách mở cửa, các nhân tố vi phạm quy tắc ngày càng nhiều. Cải cách mở cửa không thể dừng, không thể chậm, thì chỉ có cách vừa tập trung tinh lực xây dựng kinh tế, vừa dành ra một tay để quét dọn chiến trường, sửa sang đường tiến lên. Hai tay phối hợp với nhau, đồng thời dùng sức, vừa đánh vừa tiến, mở ra một con đường máu đi lên.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 307.

2.14. VỚI CẢI CÁCH KINH TẾ, ĐẶNG LUÔN CỔ VŨ PHẢI MẠNH DẠN. VỚI CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ, ĐẶNG LẠI ÁP DỤNG THÁI ĐỘ VÔ CÙNG THẬN TRỌNG

Một trung tâm, hai điểm cơ bản cùng một loạt phương châm nắm bắt hai tay của Đặng cuối cùng có ý nghĩa thế nào?

Chính trị và kinh tế có sự khác nhau về quản lý. Kinh tế ra sức mở rộng, làm sống động, còn thượng tầng kiến trúc tư tưởng và chính trị thì theo một chính sách khác, nhấn mạnh tập trung, thống nhất và khống chế.

Chính đề (kinh tế tự do) và phản đề (chính trị tập quyền) đều đồng thời được đặt ra: Không cải cách mở cửa, thì sức sản xuất xã hội và tính tích cực của nhân dân đều không thể giải phóng với mức độ lớn nhất; nhưng nếu không có sự lãnh đạo tập quyền mạnh mẽ thì sức sống do cải cách mở cửa đem lại có khả năng làm cho xã hội mất sự điều khiển.

Thế thì, có cần dân chủ về chính trị không? Cần. Đặng công nhận dân chủ là một trong những mục tiêu tổng thể của cải cách. Không có dân chủ về chính trị, thì sẽ không có giải phóng tư tưởng và cải cách mở cửa. Có điều ông nhấn mạnh, trong tình hình hiện nay của Trung Quốc, dân chủ chỉ có thể làm từng bước, trước hết phải có biện pháp đẩy kinh tế tiến nhanh.

Nhưng, để đẩy kinh tế tiến nhanh, lại cần phải đi sâu cải cách và mở cửa rộng rãi, mà cải cách càng đi sâu, kinh tế càng mở rộng, thì càng cần có sự tập trung thống nhất mạnh mẽ để bảo đảm xã hội ổn định. Như vậy, không phải

- Một tay nắm cải cách mở cửa, một tay nắm việc trừng trị tội phạm kinh tế và các tội phạm khác.

- Một tay nắm cải cách mở cửa, một tay nắm việc trừng trị hủ bại, bao gồm sửa chữa tác phong bất chính.

- Một tay nắm xây dựng, một tay nắm pháp chế.

Rất nhiều loại "nắm hai tay đó", đều là sự cụ thể hóa của "một trung tâm, hai điểm cơ bản" trong thực tiễn.

Theo dự tính của Đặng, xây dựng văn minh tinh thần, công tác chính trị tư tưởng, trừng trị hoạt động tội phạm, trừng trị hiện tượng hủ bại, bốn điều đó đều là biện pháp cụ thể để giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, có điều hai điểm trên là mềm, chú ý đến phòng; hai điểm sau là cứng, chú ý đến ngăn chặn.

Xây dựng kinh tế đã trở thành trung tâm, điều này khẳng định không thể bỏ. ý nghĩa của việc nhấn mạnh "nắm hai tay" là ở chỗ tại sao trong khi nắm công tác kinh tế lại phải dành ra một tay nắm công tác chính trị, tư tưởng và văn minh tinh thần? Với tính cách là một nhà chính trị thực tế Đặng tin rằng kinh tế là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề bao gồm cả giải quyết vấn đề chính trị,tư tưởng. Nhưng kinh nghiệm công tác đảng trong nhiều năm cho ông biết, công tác chính trị, tư tưởng dù không giải quyết vấn đề căn bản nhưng lại là thủ đoạn tất yếu để bảo đảm cho công tác kinh tế phát triển ổn định. Lại thêm, nó là ưu thế cơ bản của Đảng Cộng sản trong mấy chục năm. Vứt bỏ ưu thế đó không dùng thì chiếc xe kinh tế một bánh rất dễ bị nghiêng đổ, không có cách gì vượt qua được con đường nhỏ bùn lầy của Trung Quốc, dễ trượt vào tà lộ của tự do hóa.

Đặng không tin vào thần thoại "tinh thần vạn năng" chủ trương cho rằng cơ sở vật chất cuối cùng sẽ quyết định tất cả. Ông nhắc lại nhiều lần là nghèo nàn có phải là chủ nghĩa xã hội không, và giàu có đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội không? Đặng không trả lời rõ ràng. Nhưng có thể khẳng định một điểm, ông tin rằng nắm văn minh tinh thần có thể ngăn chặn, thậm chí triệt tiêu tác dụng của những mặt trái xảy ra trong quá trình kinh tế phát triển với tốc độ cao. Như vậy có thể đề ra con đường hiện đại hóa mang mầu sắc Trung Quốc, tránh được hiện tượng tương phản giữa vật chất phồn vinh và tinh thần sa đọa trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

Phương pháp chủ yếu của Đặng để kích thích kinh tế là cải cách mở cửa. Thúc đẩy toàn diện cải cách mở cửa, đã truyền sức sống cho kinh tế phát triển, đồng thời cũng kéo theo nhiều tội ác. Các hoạt động phạm tội trong xã hội tăng lên, trong đảng nảy nở hiện tượng hủ bại, không thể nói là không có quan hệ với việc nới rộng chính trị. Muốn giảm bớt hoặc tiêu diệt những tội ác đó, theo ý kiến của phái chống cải cách thì rất giản đơn: Chỉ cần ngừng cải cách mở cửa là xong. Phái Đặng cho rằng đó là ý kiến ngu xuẩn "bị nghẹn thì bỏ cơm". Cải cách mở cửa quan hệ đến tiền đồ vận mạng của Trung Quốc, không thể không làm. Vì vậy chỉ có một biện pháp: Vừa cải cách mở cửa, vừa trừng trị nghiêm khắc các loại tội phạm và hiện tượng hủ bại, dùng biện pháp đó để điều tiết cải cách mở cửa, làm cho cải cách mở cửa không bị rối loạn.

Thế là ranh giới giữa phạm pháp và hợp pháp cũng thay đổi, rất nhiều hành động đi ngược lại chính sách

những việc mà nông dân đã lặng lẽ làm trong nhiều năm. Đặc khu kinh tế là một thí nghiệm dũng cảm rất giàu sức tưởng tượng. Đặng nghĩ ra điều đó, chỉ có đối tượng so sánh duy nhất là Biên khu Thiểm Cam Ninh trong thập kỷ 30, 40. Thí nghiệm lớn nhất, phải kể đến việc cải cách thể chế kinh tế ở thành thị, nhất là cải cách thể chế chính trị, là những việc hoàn toàn mới mà người trước chưa từng làm bao giờ, chưa có cuốn sách của tác giả nào viết là cải cách thế nào, cải cách những gì, chỉ có một cách là lần mò vào các tảng đá để lội sông, thử làm trong thực tiễn.

Thí nghiệm, vốn có tính không xác định, có thể thành công, cũng có thể thất bại. Đối với sự việc khó lường được thành bại, trí tuệ Trung Quốc cung cấp một biện pháp: Dũng cảm và thận trọng. Năm xưa Mao Trạch Đông đã dùng cách đó đối với kẻ thù: Coi thường về chiến lược, coi trọng về chiến thuật. Còn nay Đặng Tiểu Bình dùng nó đối với cải cách: Phải dũng cảm, nhưng bước đi cần chắc chắn.

Phải dũng cảm, tức là quyết tâm, xông xuống dòng sông, không sợ sóng gió, kiên định làm tới. Bước đi cần chắc chắn, tức là thận trọng trong những vấn đề cụ thể, đi bước nào, nhìn bước ấy, phát hiện vấn đề để kịp thời sửa, không làm liều. Đặng tổng hợp nguyên tắc dũng cảm với nguyên tắc thận trọng, dám xông vào sóng gió nhưng cố gắng ít phạm sai lầm, không sợ thất bại, nhưng cố gắng giành lấy thành công.

Không cải cách thì không có đường ra, Đặng thấy rất rõ điều đó. Nhưng con đường cải cách cũng không dễ! Trung Quốc lớn thế này, đông người thế này, khởi điểm thấp, lại còn một đống những vấn đề lịch sử, tình hình vô cùng phức tạp. Cải cách thế nào, bắt đầu từ đâu, Trung

Quốc có đặc điểm của mình, không thể học theo kinh nghiệm thành công của các nước tư bản, chủ nghĩa xã hội cũng đã có những mô thức không thực hiện được. Chỉ có một con đường: Xuất phát từ thực tế của mình, dũng cảm làm thử, dũng cảm xông vào cuộc. Đặng tổng kết kinh nghiệm thành công của đặc khu Thẩm Quyến là dũng cảm xông vào cuộc.Ông thể hội sâu sắc: "Không có tinh thần dám xông vào cuộc, không có tinh thần mạo hiểm, không có dũng khí, sức lực, thì không thể tìm ra con đường tốt, con đường mới, thì không thể làm nên sự nghiệp mới"[1].

Đặng gọi cuộc cải cách của mình là cuộc cách mạng lần thứ hai của Trung Quốc. Cuộc cách mạng lần thứ nhất tuy lực lượng địch hơn ta rất nhiều, nhưng lại giản đơn, chỉ cần động viên nhân dân, lật đổ chính quyền cũ, phá hoại mọi trật tự xã hội hiện có là được. Còn cuộc cách mạng lần thứ hai của Đặng, về tính sâu sắc thì không kém cuộc cách mạng lần thứ nhất. Cái khó là ở chỗ trong cuộc cách mạng xã hội sâu sắc này, phải tiến hành dưới tiền đề giữ tính ổn định của kết cấu xã hội hiện có. Cải cách sẽ động chạm tới lợi ích thiết thân của nhân dân, mỗi bước đi đều ảnh hưởng tới hàng trăm triệu người, còn gặp phải những sự quấy nhiễu và trở lực không dự kiến hết, làm không tốt sẽ bị chìm tàu. Khi xác định làm những việc đó, Đặng đã ý thức đến việc phải xông pha sóng gió. Thái độ của ông là không thể hoàn toàn không có sóng gió, có sóng gió cũng không sợ. "Không xông pha sóng gió, làm sao công việc có thể chắc chắn được trăm phần trăm, không có vấp váp nào, ai mà dám nói điều đó?. Đặng nói: "Mới bắt đầu đã cho mình là đúng, cho rằng trăm phần trăm chính

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

thậm chí dùng biện pháp trưng mua để đưa tài sản các nông hộ vào sở hữu tập thể. Các cơ quan hành chính đưa các xí nghiệp tập thể ở thành phố, thị trấn để sinh lợi thành sở hữu của mình, thậm chí xâm chiếm quỹ tập thể. Xí nghiệp tư doanh và kinh tế cá thể lại trở thành cái gai trong mắt, thành "cái đuôi tư bản" cần phải cắt bỏ, nếu cắt không được thì xếp thành "công dân loại ba", dùng mọi thủ đoạn để hạn chế sự phát triển. Những quyền lực của một số ngành trong xí nghiệp quốc doanh được giao xuống dưới lại lặng lẽ thu về, nội bộ xí nghiệp lại ăn "nồi cơm to", chế độ biên chế ăn lương lại tăng lên, cơ cấu ngày càng phình ra, việc cơ quan hóa xí nghiệp lại nghiêm trọng. Cứ như vậy, chẳng bao lâu thành quả cải cách mười năm sẽ tan biến hết.

Hậu quả lùi bước là rất nghiêm trọng: Diện thua lỗ mở rộng, xí nghiệp quốc doanh loại lớn và vừa có 1/3 lỗ thực, 1/3 lỗ ngầm, chỉ có 1/3 có lãi. So sánh năm 1990 với 1988, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và xí nghiệp thương nghiệp quốc doanh bị giảm lợi nhuận lần lượt là 56,5% và 94,6%, số thua lỗ tăng lên 4,3 lần và 2,08 lần. Thị trường xuất hiện sự trì trệ, trong khi nhiều sản phẩm thừa ứ trong kho thì lại thiếu nhiều mặt hàng khác, đòn bẩy giá cả mất tác dụng, bán đấu giá hàng loạt cũng không giải quyết được vấn đề, rất nhiều xí nghiệp ở vào tình trạng đình chỉ sản xuất toàn bộ hoặc một nửa, giữa các xí nghiệp hình thành món nợ vòng quanh, mất rất nhiều sức lực vận động thanh toán nợ. Chính phủ can thiệp, đổ vốn ra cho vay, vẫn cứ thiếu đầu thiếu đuôi, càng thiếu nhiều hơn. Năm 1990 là 130 tỷ, đến 1991 tăng lên 300 tỷ. Trong cải cách cơ cấu đảng và chính quyền, chính sách đề ra một thì biện pháp ngầm chống lại lớn tới mười, cơ cấu chính trị đồ sộ cộng thêm hiệu quả kinh tế thấp làm cho nền tài chính quốc gia không kham nổi. Năm 1989 và

1990, chi tiêu tài chính vượt hơn năm trước lần lượt là 12,2% và 13,6%, bội chi 5 tỷ 800 triệu, nếu tính cả thu nhập quốc trái thì còn vượt con số trên rất nhiều. Nền kinh tế Trung Quốc một lần nữa lại rơi vào trạng thái dẫm chân ở mức thấp.

Trong khi đó, các nước xung quanh lại tiến mạnh, tuy trong những năm 80, Trung Quốc đã giành được thành tựu khiến toàn thế giới chú ý, nhưng khoảng cách với các nước phát triển vẫn lớn và ngày càng mở rộng, thậm chí so sánh với các nước đang phát triển, cũng có xu thế lạc hậu. Mười năm cải cách mới giải quyết về căn bản vấn đề cơm no áo ấm, tổng sản lượng quốc dân tính theo đầu người vẫn quanh quẩn ở vị trí thứ 20 tính từ dưới lên trong số 128 nước trên thế giới, gần sát với Xômali, Tandania. Cuối những năm 80 khi từ chức chủ tịch quân ủy trung ương, Đặng đã gửi gắm hy vọng vào tập thể thế hệ lãnh đạo thứ ba: "Cuối thế kỷ này có thể tăng gấp 4 lần không? Tôi hy vọng sống đến lúc đó để thấy việc tăng gấp 4 lần được thực hiện. Then chốt của chiến lược đi ba bước là bước thứ hai, bước thứ hai đặt cơ sở cho bước thứ ba"[1]. Đặng cảm thấy thời gian rất gấp rút. Sau khi thành lập nước, đã mất 30 năm vào đấu tranh giai cấp, phải rất khó khăn mới dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định và chuyển hướng lại, hiện nay lại cãi cọ nhau về vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Còn lại chuyến xe của những năm 90, xem ra lại mất một, hai năm. Nếu cứ bỏ lỡ như thế, thì bước hai sẽ hỏng, và bước thứ ba cũng sẽ thành ảo vọng. Đặng thấy rõ tính chất nghiêm trọng của vấn đề, dân tộc Trung Hoa

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 321.

rộng cải cách để hoàn thành việc chuyển đổi về căn bản giữa thể chế cũ và thể chế mới. Thế là xuất hiện hiện tượng "đổi quỹ đạo" trong thời kỳ chuyển đổi. Việc cải cách thể chế chính trị chậm hơn cải cách kinh tế đã hình thành chế độ hai quỹ đạo giữa chính trị và kinh tế. Trong lĩnh vực kinh tế, kế hoạch và thị trường lại là một chế độ hai quỹ đạo. Người làm quyết sách cảm thấy tiến thoái lưỡng nan. Thoái, thì lo kinh tế xuống dốc; tiến, thì lo xã hội mất điều khiển. Chế độ cũ và mới lùng nhùng dẫn tới ba vấn đề xã hội lớn: Lạm phát, phân phối không công bằng và quan chức hủ bại, cuối cùng tạo thành nguy cơ vào xuân hè năm 1989.

Nhìn thấy nguy cơ đổ xe, Đặng vội vàng sửa hướng sang tả, chuyển một vòng gấp. "Tính chất của sự kiện lần này là sự đối lập giữa tự do hoá tư sản với bốn giữ vững"[1]. Sai lầm lớn nhất của 10 năm cải cách là sự bất lực của việc giáo dục tư tưởng chính trị, như không giáo dục tốt nhân dân, thanh niên và đông đảo cán bộ đảng viên về bốn nguyên tắc cơ bản. "Một trung tâm, hai điểm cơ bản" không sai, sai là ở chỗ một tay tương đối cứng, một tay tương đối mềm. Cứng mềm không tương xứng, không phối hợp tốt với nhau. Lại một vị tổng bí thư trượt ngã trên vấn đề chống tự do hóa.

Đương nhiên Đặng không muốn chuyển sang tả, vì chuyển sang tả là coi như quay trở lại trước năm 1978, coi như đánh dấu hỏi về thời đại Đặng Tiểu Bình. Nhưng, có thể là, lúc khẩn cấp, ông đã chuyển hướng quá mạnh, khi

1.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 305.

chuyển gấp đã hình thành một lực quán tính mà ông không cưỡng lại được. Dù rằng Đặng nhấn mạnh điểm cơ bản cải cách mở cửa không vì sự kiện năm 1989 mà lại chứng minh là sai, nhưng trọng tâm dư luận sau năm 1989 vẫn nghiêng rõ về một bên. Những nhân sĩ phái tả từ lâu đã bất mãn với cải cách, nhân thời cơ hành động. Họ quy mọi trách nhiệm về tội ác lan tràn cho chính sách cải cách mở cửa, nói nào là: cải cách mở cửa là du nhập chủ nghĩa tư bản, nào là: mối nguy hiểm chủ yếu về diễn biến hoà bình đến từ lĩnh vực kinh tế. Họ muốn thay thế xây dựng kinh tế là chủ yếu bằng chống diễn biến hòa bình là chủ yếu, coi đường lối chính sách từ sau Hội nghị Trung ương ba là sản phẩm phục hồi chủ nghĩa tư bản để phủ định nó.

Một số nhà lý luận bắt đầu viết những bài mới về "dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định", về "xây dựng những tường thành bằng thép chống diễn biến hoà bình", về "tiến hành một cuộc chiến đấu lâu dài trên lĩnh vực hình thái ý thức", về "cần nhận định cái nghèo của Trung Quốc thế nào", về "mười biểu hiện lớn của tự do hoá kinh tế", về "cải cách mở cửa phải phân rõ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản". Có người nói: "Khoán ở nông thôn là thực hiện tư hữu hóa phá vỡ kinh tế tập thể ở nông thôn", "lập đặc khu kinh tế là mời chủ nghĩa đế quốc trở lại, lập thành tô giới". Có người còn cao giọng: "Busơ còn nham hiểm hơn những người phản đối Trung Quốc hưởng chế độ tối huệ quốc.Ông ta cho Trung Quốc hưởng chế độ tối huệ quốc là để thực hiện sách lược diễn biến hòa bình".

Lực lượng tả dần dần trỗi dậy, cải cách mở cửa xuất hiện hiện tượng lùi bước. Cán bộ nông thôn bắt đầu lấy lý do tăng cường kinh tế tập thể, thu lại đất đai đã khoán,

xác. Không có điều đó được. Xưa nay, tôi chưa từng nghĩ như vậy"[1]. Đặng từng thẳng thắn nói với những người coi là dễ dàng: "Việc cải cách mà chúng ta đang tiến hành là rất dũng cảm". Dũng cảm chỉ là một mặt của vấn đề."Không có lòng dũng cảm thì không thể thực hiện được hiện đại hóa, nhưng giải quyết công việc cụ thể cần thận trọng, kịp thời tổng kết kinh nghiệm"[2].

Tổng kết kinh nghiệm giúp giải quyết hai vấn đề. Một là, xác định về chất xám việc nào làm được, việc nào không làm được. Làm được thì làm tiếp, mở rộng ra, phát hiện bước nào không thích đáng, không đi được, thì lập tức sửa. Phương pháp thí nghiệm đó của ông Đặng đã giải quyết được nhiều vấn đề. Bước thứ nhất của cải cách kinh tế là bắt đầu từ nông thôn. Bước thứ hai là cải cách ở thành thị. Cải cách ở thành thị thực tế là toàn bộ việc cải cách thể chế kinh tế, phức tạp hơn cải cách ở nông thôn rất nhiều, phải gặp nhiều sóng gió hơn. Đến khi cải cách nông thôn sau ba năm có hiệu quả, có được kinh nghiệm thành công, Đặng mới bắt tay vào cải cách ở thành thị. Việc "bắt tay vào" cũng rất thận trọng. Tháng 10-1984, trước khi ra quyết định về cải cách toàn diện thể chế kinh tế, Đặng cho mấy trăm xí nghiệp thí nghiệm cải cách trước, sau khi có kinh nghiệm, mới mở rộng từng bước. Việc cải cách ở thành thị từ mấy đặc khu kinh tế đến một loạt thành phốmở cửa ven biển, cũng là một quá trình mở rộng từng bước.

Vấn đề thứ hai cần giải quyết khi tổng kết kinh nghiệm là xác định về lượng xem việc nào cần làm nhanh hơn, việc nào cần làm chậm hơn một chút, việc nào cần

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr.372, 229.

thu hẹp lại. Ngay từ đầu những năm 80, Đặng đã đề xuất nên cải cách thể chế chính trị, dự kiến việc cải cách thể chế kinh tế cần phối hợp đồng bộ với cải cách thể chế chính trị. Nhưng mãi đến giữa những năm 80, khi người trong nước thấy rằng nếu không cải cách thể chế chính trị thì cải cách kinh tế sẽ khó tiến hành triệt để, Đặng vẫn giữ thái độ rất thận trọng, và nhấn mạnh: "Quyết sách nhất định cần thận trọng, sau khi thấy có khả năng thành công tương đối lớn mới hạ quyết tâm"[1]. Nói tới thể chế kinh tế,Đặng bao giờ cũng nói cải cách phải có dũng khí lớn, bước đi nhanh, nhưng khi nói tới thể chế chính trị, chủ trương của ông là: "Trước hết hãy bắt tay vào một vài việc, không thể làm ào ạt ngay, như thế sẽ loạn"[2]. Cách làm: Cải cách kinh tế trước, cải cách chính trị sau, cải cách thể chế kinh tế tận khả năng mở rộng, cải cách thể chế chính trị thì thận trọng, hình thái ý thức lúc mở, lúc thu, rõ ràng là tỷ lệ nghịch với cách làm của Góocbachốp ngay từ đầu đã chủ trương "dân chủ hóa" về chính trị và "công khai hóa" về hình thái ý thức. Sự thực chứng minh, cách làm nào lão luyện hơn.

2.6. "QUYẾT SÁCH CỦA TÔI VẪN CÓ TÁC DỤNG. TÁC DỤNG CHỦ YẾU LÀ KHÔNG DAO ĐỘNG". ĐẶNG THỰC HIỆN VIỆC SỬA SAI LỊCH SỬ LẦN THỨ HAI Ở TRUNG QUỐC

Năm 1988, tình hình cải cách ở Trung Quốc đầy rẫy nguy hiểm. Tiềm lực khai thác quyền lợi trong thể chế cũ đã tới cùng tận. Nay cần phải bỏ công sức, đi sâu và mở

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 177.

lại đứng trước thời khắc rất nguy hiểm. Ông cần phải đứng ra, lại dẹp bỏ rối loạn, đưa lại ổn định, một lần nữa chỉnh lại hướng đi của con tàu. Ông có trách nhiệm đó và cũng chỉ có ông mới có năng lực đó.

Nhưng hai năm trước ông đã tuyên bố nghỉ hưu. Khi rút khỏi chức vụ cuối cùng là chủ tịch quân ủy trung ương, ông đã nói "Sau này tôi sẽ không hỏi han đến công việc của trung ương nữa", may mà ông có nói thêm "trừ phi có vấn đề đặc biệt lớn"[1]. Vấn đề hiện nay đã khá lớn, ông không thể không hỏi han tới. Nhưng, ông đã không còn ở chức vụ, không điều khiển công việc, thì lời nói còn có tác dụng không?

Đặng biết rõ trở ngại nằm ở đâu. Ông áp dụng cách làm tương tự như khi Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa, bỏ qua Bắc Kinh, đi tới tuyến đầu của cải cách mở cửa, nơi nhân dân cần tới ông nhất, để giành ưu thế về dư luận, từ ngoại vi đột phá vào trung tâm. Thế là một cơn gió lốc lặng lẽ cuốn theo tuyến đường sắt Kinh - Quảng, từ Vũ Hán đến Thẩm Quyến, Chu Hải là hai đặc khu kinh tế. Ông đi thăm nơi đây hai vòng, rồi theo bờ biển Đông Nam đi vào Thượng Hải, đem tới cho nhân dân Thượng Hải không khí xuân năm 1992.Đặng đã ăn Tết âm lịch bốn năm liền ở Thượng Hải, lần này, người Bắc Kinh cũng cho là ông xuống Thượng Hải ăn Tết, nhưng trong dân gian và từ nước ngoài đã lan truyền tin tức và lời lẽ của ông trong cuộc tuần du phương Nam.

Ở ga Thẩm Quyến, người ta phát hiện ở trung tâm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.371.

của cơn lốc, ngoài Đặng Tiểu Bình, còn có một nhân vật nữa là Dương Thượng Côn. Lúc đó Dương còn là Chủ tịch nước kiêm phó chủ tịch quân ủy, là thủ lĩnh của "Dương gia tướng" chứ không phải chỉ là đảng viên thường như Đặng. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đặng rút khỏi các chức vụ khác, chỉ còn giữ chức chủ tịch quân ủy để tiếp tục yểm trợ tay lái cho con tàu cải cách. Nay ông không còn là chủ tịch quân ủy nữa thì nhân danh gì để nói chuyện đây?. Ngoài việc ủng hộ của nhân dân về tình cảm, còn cần có một chỗ dựa vững vàng nữa. Có "Dương gia tướng" ở bên cạnh, lời của Đặng càng thêm sức thuyết phục.

Một tuần sau, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri số 2, phổ biến những điểm chủ yếu trong bài nói của Đặng tại cuộc tuần du phương Nam.

Cải cách là giải phóng sức sản xuất, không cải cách là đi vào đường chết; đường lối cơ bản cần giữ 100 năm, ai thay đổi người đó sẽ bị đánh đổ; cải cách mở cửa không tiến lên được, chủ yếu là vướng cãi cọ về tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa; kế hoạch và thị trường đều là những thủ đoạn để phát triển kinh tế; Trung Quốc cần cảnh giác hữu, nhưng chủ yếu là phòng chống tả; cần nắm vững thời cơ, ra sức trong mấy năm tiến lên một bước nữa.

Về tin tức liên quan đến việc tuần du phương Nam của ông Đặng, còn có một câu nói: "Quyết sách của tôi còn có một tác dụng. Tác dụng chủ yếu là không dao động". Câu nói này không phải không có mục đích, vì mấy năm gần đây đúng là có một số người dao động. Vì vậy có người nói, trong giờ phút then chốt, Đặng lại một lần nữa có một câu nói cần thiết nhất.

Có người còn xuất phát từ độ cao lịch sử, gọi cuộc nói chuyện trong chuyến tuần du phương Nam của Đặng là lần sửa chữa có tính lịch sử lần thứ hai. Lần thứ nhất, vào cuối năm 1978, đã sửa chữa đường lối lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt, đưa Trung Quốc vào quỹ đạo lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Lần thứ hai là vào đầu năm 1992, sửa chữa đường lối lấy chống diễn biến hòa bình làm trung tâm, làm cho Trung Quốc lại trở lại quỹ đạo chuyến tàu nhanh cải cách và mở cửa.

Những người đã một thời than vãn về mười năm cải cách, lo lắng cho tiền đồ của Trung Quốc, thì nay lại thấy trước mắt chăng đầy biểu ngữ về đi sâu cải cách, mở cửa mạnh mẽ. Ngành thương nghiệp vừa nghiêm cấm cửa hàng nhà nước cho thuê quầy, nay lại thông tri cho phép các cửa hàng nhỏ có thể dùng hình thức hộ cá thể để mở rộng kinh doanh. ở một số nơi, quy định hạn chế kinh doanh cá thể còn chưa ráo mực, đã lập tức công bố các điều khoản ủng hộ và nâng đỡ kinh doanh cá thể. Cách đó không lâu, còn có lời chỉ trích xí nghiệp hương trấn làm loạn trật tự kinh tế, kiến nghị đưa xí nghiệp hương trấn vào quỹ đạo kế hoạch nhà nước, thì nay lại tán dương tác dụng của xí nghiệp hương trấn "chiếm 1/3 sản lượng xã hội", yêu cầu tạo cho nó tính linh hoạt cao hơn. Cách đề xuất "nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội" nay đã đổi thành "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Hôm qua còn xảy ra tranh chấp giữa bí thư và giám đốc về địa vị trong xí nghiệp, không biết phối hợp thế nào giữa "hạt nhân" và "trung tâm", thì hôm nay đã đề xướng "một vai gánh hai trung tâm" (một người kiêm hai chức), giải quyết được

mâu thuẫn. Một xí nghiệp xin phép cổ phần hoá, chạy chọt hơn một năm không ai dám tỏ thái độ, nay thì được lãnh đạo các cấp đua nhau ký tên tán thành. Đoàn công tác "giáo dục xã hội chủ nghĩa" ở một địa phương chưa hoàn thành nhiệm vụ, nay đã đổi thành tổ công tác "phá bỏ chướng ngại". Có đơn vị, ban lãnh đạo vừa biên soạn xong mấy chục điều quy định chống biểu hiện hữu khuynh, chưa kịp trình lên cấp trên, lại đã bắt đầu thanh toán nguy cơ tả khuynh. Còn rất nhiều đơn vị đề xuất cách làm khác hẳn hôm qua. Giá cả từ chế độ hai giá tiến tới thống nhất với giá thị trường, triệt để đả phá chế độ bám giữ chức vụ, tiền lương, bao cấp, đưa các xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa tiến ra thị trường, cho thương gia nước ngoài thuê đất. Chu Hải khen thưởng cho cán bộ khoa học kỹ thuật hàng triệu đồng. Vũ Hán bán đấu giá xí nghiệp quốc doanh nhỏ. Huyện Trác Tư đổi cơ cấu hành chính thành thực thể kinh tế. Bộ tư pháp cho phép luật sư nước ngoài hành nghề tại đại lục. Hải Nam lại mở Dương Phố, Thượng Hải thăng cấp cho Phố Đông, Thiên Tân nói họ mở cửa còn hơn các đặc khu, Sơn Đông vội tăng quyền lực cho Thanh Đảo, Nội Mông Cổ tuyên bố chính sách của họ còn ưu đãi hơn các vùng duyên hải. Từ duyên hải đến vùng sâu, hầu như tỉnh nào cũng có vùng mang tính đặc khu, hình thành cục diện mở cửa toàn bộ khắp duyên hải, dọc biên giới, dọc triền sông. Có người tổng kết năm 1992 có rất nhiều "cơn sốt": Sốt nhân tài, sốt đầu tư, nổi lên hết cơn này đến cơn khác. Nhiều biện pháp cải cách ngày hôm qua còn chưa dám nghĩ tới, hôm nay đã được thực hiện. Người ta nhận xét một cách trực quan: Làn sóng cải cách lần thứ hai của

Trung Quốc đã tới! Mặc dù mỗi đợt sóng chưa hẳn đã chịu được thử thách của thời gian, nhưng người ta thấy hứng thú là ông Đặng nói vẫn có tác dụng. Nếu Đặng Tiểu Bình không tiến hành cuộc tuần du phương Nam vào dịp Tết âm lịch năm 1992, thì quyết không thể ra đời nhiều biện pháp cải cách rộng lớn, dũng cảm như vậy.

2.17. SAU NGÀY 4-6, ĐẶNG NÓI VỚI NHÂN DÂN HAI CÂU: DẸP ĐỘNG LOẠN LÀ HOÀN TOÀN CẦN THIẾT; CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH MỞ CỬA GIỮ VỮNG KHÔNG THAY ĐỔI

Ngày 4-6-1989, Đặng Tiểu Bình dùng biện pháp đặc biệt dẹp bỏ cuộc động loạn kéo dài 50 ngày. Biện pháp này xét về ổn định việc cải cách, đúng là đã dẹp bỏ được sự quấy nhiễu cải cách, nhưng đồng thời cũng đặt Đặng trước sự chỉ trích về đạo đức. Trước hết là nói với nhân dân thế nào đây.

Đặng đã nói hai câu: 1) Dẹp tan động loạn là hoàn toàn cần thiết. 2) Chính sách cải cách mở cửa giữ vững không thay đổi. Hai câu nói trên là nhân quả của nhau. Dẹp động loạn để giữ sự ổn định, vì Trung Quốc không cho phép làm loạn, làm loạn thì không thể làm được việc gì nữa, cải cách mở cửa có thể tiêu tan. Như vậy cần đẩy mạnh cải cách mở cửa để chứng minh dẹp động loạn là cần thiết. Vì vậy, Đặng phải gấp rút dựng nên hình tượng cải cách mở cửa, làm mấy việc cải cách mở cửa để nhân dân thấy, khiến nhân dân yên tâm.Đặng hy vọng dùng biện pháp đó để vượt qua chướng ngại, vì ông phát hiện thấy trong động loạn có đủ thứ khẩu hiệu, nhưng không có khẩu hiệu chống cải cách mở cửa. "Học sinh chẳng qua chỉ

đề ra yêu cầu tiếp tục cải cách, mà chúng ta thì cải cách thực sự. Như vậy là hợp, mọi vướng mắc sẽ tự nhiên tiêu tan"[1].

Có những người nghĩ khác. Họ cho rằng động loạn là do cải cách mở cửa tạo nên, nên chủ trương áp dụng phương châm thu hẹp cải cách. Sau ngày 4-6, bận vào việc thanh trừ, vận chuyển, xử lý, tăng cường khống chế, không đi sâu tìm căn nguyên của diễn biến hòa bình và tự do hoá từ trong lĩnh vực kinh tế. Theo nếp nghĩ đó, chỉ có đình chỉ cải cách mở cửa, quay về những năm tháng đấu tranh giai cấp, mới tiêu trừ được động loạn về căn bản. Rõ ràng, đó không phải là cách dẹp bỏ chướng ngại, mà là càng đào sâu hố ngăn cách.

Đặng không phủ nhận quan hệ nhất định giữa cải cách và động loạn, nhưng ông không quy động loạn cho cải cách, mà chỉ tìm nguyên nhân ở những sai lầm trong cải cách. Sai lầm lớn nhất của mười năm cải cách là ở giáo dục: Không giáo dục tốt bốn nguyên tắc cơ bản cho nhân dân, cho thanh niên và đảng viên. Như vậy, hiện nay bên tay đó cần phải cứng lên. Nhưng không thể vì bài học động loạn mà rút ra kết luận phủ nhận cải cách.

Cái thông minh của Đặng là chú ý tìm nguyên nhân từ trong đảng. Một trong những nguyên nhân phát sinh động loạn là hiện tượng hủ bại nảy sinh. "Những kẻ có dụng tâm riêng, đã đề ra khẩu hiệu chống hủ bại, chúng ta cũng cần tiếp thu những lời đó như những ý tốt"[2]. Đặng đốc thúc ban lãnh đạo mới cần nhanh chóng làm một số việc chống hủ bại, làm cho rõ ràng để tâm lý nhân dân

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 300, 303.

thăng bằng lại. Với những quần chúng tham gia gây rối, Đặng chủ trương thông cảm, chỉ truy cứu những kẻ cầm đầu vi phạm pháp luật.

Sự kiện ngày 4-6 đã ghi một dấu ấn sâu sắc trong tâm lý hai bên tham gia. Hai việc nắm vững cải cách mở cửa và trừng trị hủ bại mà Đặng tiến hành xuất phát từ chỗ thuận và mở chứ không phải là ép và đóng. Lúc mới dẹp loạn xong, để ổn định cục thế, có tăng cường khống chế và đàn áp cũng là cần thiết. Nhưng đó chỉ giải quyết vấn đề tạm thời, chỉ giành được sự yên ổn bên ngoài. Đặng hiểu rõ vấn đề ở chiều sâu, muốn yên ổn lâu dài thì phải thông qua mở rộng cải cách mở cửa mới giải quyết được. Nếu chỉ có ép, một mực ép, mà không mở, không cải cách mở cửa, thì cái nút ngày 4-6 càng ngày sẽ càng chặt, càng không thể gỡ ra được.

Những nhà phân tích cho rằng, "cái nút ngày 4-6" là một hố sâu lớn, xem ra không phải là nói quá. Tại sao Đặng nói là nếu không cải cách thì chỉ có đường chết? Một là, vứt bỏ cải cách coi như tuyên bố Đảng Cộng sản đã mất năng lực tự đổi mới. Như vậy sẽ khiến cho sự thất vọng làm nảy sinh tâm lý bất mãn phổ biến. Hai là, không cải cách thì không thể giải quyết nổi vấn đề kinh tế, và theo đó là các vấn đề xã hội khác. Hai hậu quả đó sẽ tác động lẫn nhau. Sự bất mãn ngấm ngầm sẽ do sự nổi bật của vấn đề kinh tế mà nổi lên. Như vậy, "cái nút ngày 4-6" sẽ biến thành một thùng thuốc súng cho lần động loạn sau: Nếu xung đột lại phát sinh, thì do không có cơ sở vật chất, sẽ không dễ dàng dẹp yên được.

Đặng thấy rõ mối nguy hiểm đó, nên biện pháp giải quyết sự kiện ngày 4-6 không phải là cứ nhấn mạnh mãi,

mà làm cho nó nhạt dần đi, tới chỗ hoàn toàn bỏ qua nó mà chuyển qua ra sức cải cách mở cửa. Bởi vì ông biết rằng chỉ có cải cách mở cửa mới xóa bỏ được mâu thuẫn, vượt qua được hố ngăn cách. Biện pháp đó của Đặng đã phát huy tới điểm cao nhất vào dịp tuần du phương Nam năm 1992.

Người ta chỉ chú ý tới cao trào cải cách mở cửa mới do cuộc tuần du phương Nam đem lại, nhưng không biết rằng dưới làn sóng đó còn có bao nhiêu biến đổi. Những người trước kia lo lắng cải cách thất bại nên sản sinh nhiều nghi hoặc, thậm chí thất vọng, nay thấy đất nước lại đi vào quỹ đạo phát triển nhanh về kinh tế thì yên tâm trở lại. Những người bất mãn, thậm chí chống đối việc đàn áp động loạn, thấy dũng khí cải cách của Đảng Cộng sản không giảm, thì cũng dẹp dần nỗi giận dữ. Ngay những người chưa nguôi giận, cũng có sự lựa chọn mới: Xuống đường biểu tình chẳng bằng xông pha kiếm tiền. Làn sóng cải cách mới đưa người ta vào cuộc cạnh tranh sôi động trên thị trường. Điểm chú ý của mọi người đã thay đổi và phân tán không còn thời gian nhớ lại những việc đã qua, dần dần phai nhạt ký ức về ngày 4-6. Cải cách càng đi sâu, sự kiện ngày 4-6 càng không có gì để nói nữa. Như vậy, những "chiến sĩ dân chủ" ở phái đối lập lưu vong ở nước ngoài dần dần mất sức hấp dẫn, ở vào tình thế lúng túng. Điều đó, chẳng phải là tốt hơn việc lăm lăm vũ khí trấn áp động loạn hay sao?

Bài học động loạn là sâu sắc, nhưng việc đàn áp, truy tố mãi cũng chẳng có gì tốt. Vì vậy, những biện pháp sau đã được ban bố: Tính chất động loạn không thay đổi, nhưng những người bị bắt dần được thả ra. Những người bị xử lý không được sửa sai, nhưng không phân biệt trong

sử dụng. Những người chạy ra ngoài, dù thái độ chính trị trước kia ra sao, đều cho phép được trở về, không truy tố chuyện cũ.

Khi cần cứng rắn thì kiên quyết, khi cần nới lỏng thì tận lượng cởi mở. Thái độ kiên quyết khi dẹp loạn ngày 4-6 khiến những người không chịu an phận cảm thấy:Đảng Cộng sản làm như vậy là thỏa đáng. Hai điểm trên khiến người ta thấy có thể đòi cái gì và không thể đòi cái gì. Từ đó, nhận thức về chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc càng rõ hơn. Đối đầu với nó không bằng thuận theo nó. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tình hình dần dần biến đổi từng bước có trật tự vẫn là hiện thực hơn.

Năm 1957, Mao Trạch Đông kêu gọi "trăm hoa đua nở" vốn nhằm sáng tạo cục diện chính trị sinh động sôi nổi. Nhưng không lâu sau liền xuất hiện rất nhiều "đầu trâu mặt ngựa". Theo cách nhìn của Đặng, lúc đó tiến hành phản kích là hoàn toàn cần thiết. Nhưng sau khi chống hữu, Mao không kịp thời ngừng lại, kịp thời chuyển biến, mà cứ đi theo con đường đấu tranh giai cấp, đi tới chỗ ngược lại với đường lối do Đại hội VIII định ra, cũng là ngược lại với mục đích của chính mình. Sợi dây đấu tranh càng giương càng căng, không những tạo nên tai họa cho đất nước mà biến mình thành cô gia, quả phụ. Đặng lúc căng, lúc cứng, có thể nói cũng không kém Mao Trạch Đông, nhưng ông khéo kịp thời chuyển biến, căng nới đúng lúc, căng đến một lúc nhất định thì nới ra và mở rộng, giữa mở và thu có một khoảng cơ động rất rộng. Mưu lược vừa cứng rắn vừa mềm dẻo đó của Đặng khiến cho không vì cải cách có sai lầm mà dẫn tới động loạn, vứt bỏ cải cách mở cửa.

Dù có vấp váp, nhưng con tàu vẫn tiến lên như trước kia.

2.18. TÍNH CHẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HAY TÍNH CHẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA, VẤN ĐỀ NÀY LUÔN QUẤY RỐI PHÁI CẢI CÁCH. QUA ĐIỂM HUYỆT CỦA ÔNG ĐẶNG, TẤT CẢ ĐỀU THÔNG SUỐT

Bước đi của cải cách mở cửa vừa tới thập kỷ 90, thì xuất hiện phái "phàm là" mới, chủ trương mọi việc đều cần hỏi xem là tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa. Câu hỏi đó làm bối rối biết bao người, họ sợ mắc phải bệnh "phục hồi chủ nghĩa tư bản", và phổ biến mắc chứng "sợ chủ nghĩa tư bản". Bước đi cải cách mở cửa bỗng chốc bị chùn lại.

Ông Đặng thân đến hiện trường xem mạch chữa bệnh: "Cải cách mở cửa không tiến lên được, không dám xông xáo, nói đi nói lại là sợ chủ nghĩa tư bản, sợ đi theo con đường tư bản. Cái chủ yếu là vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa"[1].

Gặp việc gì cũng hỏi tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa, có hai tiền đề: Một là, có một tiêu chuẩn kiểm nghiệm để vạch rõ tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa, nó vô cùng hoàn chỉnh, đủ để bao trùm mọi mặt trong đời sống xã hội, dùng để đo lường mọi sự vật. Hai là, đời sống hiện thực, dù phong phú phức tạp thế nào, đều có thể cắt như bánh ga tô thành hai màu đen trắng, không là mèo trắng, thì là mèo

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

đen, không tồn tại loại xen kẽ như mèo hoa,mèo vàng, mèo xám. Hai tiền đề đó đều không thể có được.

Nó bao hàm một lôgích hoang đường: Việc gì cũng có tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, từ kiểu quần áo, kiểu tóc đều không có ngoại lệ. Theo lôgích đó, những gì các vị phái tả nhìn không thuận mắt, đều bị gọi là tư bản chủ nghĩa. Kết quả tất yếu của lôgích đó là, thành quả mười năm cải cách mở cửa đều đáng coi là cái đuôi tư bản và nên cắt bỏ. Ai còn dám mạnh dạn xông xáo để thí nghiệm nữa?

Biện pháp trị bệnh tả khuynh đó của ông Đặng thật là tuyệt đỉnh cao minh. Ông giống như một đại sư khí công, không dùng thuốc, không dùng châm, chỉ dùng ý niệm, điểm đúng huyệt vị quan trọng của những cái trói buộc chân tay người ta: "Tiêu chuẩn để phán đoán tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, cần chủ yếu xem nó có lợi cho phát triển sức sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa không; có lợi cho tăng cường sức mạnh tổng hợp của nhà nước xã hội chủ nghĩa không; có lợi cho việc nâng cao mức sống nhân dân không"[1].

Vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa là có thật, nhưng phương pháp phán đoán thay đổi: Từ chỗ phân biệt màu sắc trước - là mèo trắng hay mèo đen, đổi thành đánh giá kết quả sau công việc - có bắt được chuột hay không?

Điểm quan trọng không sao giải quyết được ấy, qua sự điểm huyệt của ông Đặng, trở thành thông suốt dễ dàng.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

Có một số việc, như thị trường, cổ phần, xưa nay một mực quy là tư bản chủ nghĩa, nay xem ra chỉ là thủ đoạn để phát triển kinh tế, chứ không phải là của riêng của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể dùng nó phục vụ cho mình, cho nó mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Có một số việc, như chứng khoán, thị trường cổ phiếu rất khó nói là mang tính chất gì, trước hết không vội nói, hãy làm thử xem đã. Làm được, thấy có lợi, nó sẽ mang tính chất xã hội chủ nghĩa; làm không thấy có lợi, hãy gọi nó là tính chất tư bản chủ nghĩa cũng không muộn.

Có một số việc, như đặc khu kinh tế, xí nghiệp tam tư (đã chú - ND), có cả tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nhưng thành phần xã hội chủ nghĩa là chủ thể, lại thêm chính quyền trong tay Đảng Cộng sản - chủ thể mang tính chất xã hội chủ nghĩa, một bộ phận nhỏ chủ nghĩa tư bản bổ sung cần thiết cho chủ nghĩa xã hội, thì có gì đáng sợ?

Còn một số nữa, như thương gia nước ngoài hoàn toàn kinh doanh, kinh tế tư doanh nói về chế độ sở hữu thì đúng là mang tính chất tư bản chủ nghĩa, nhưng lại ở vào địa vị phụ thuộc trong toàn bộ hệ thống chính trị kinh tế xã hội chủ nghĩa, dù rằng mang tính chất tư bản chủ nghĩa, nhưng không có hại gì, mà chỉ có lợi cho chủ nghĩa xã hội, thì tại sao lại phải cấm?

"Ba điều có lợi hay không có lợi" khác với cách phân biệt hoa thơm cỏ độc của Mao Trạch Đông, nó không dán nhãn hiệu mà xem kết quả. Một sự vật, chưa biết tính chất gì thì phân định thế nào? Đặng nói, nếu có lợi cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa (sức sản xuất, sức mạnh tổng hợp

của quốc gia, mức sống nhân dân) thì nó mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Nếu không, thì là tính chất tư bản chủ nghĩa.

Nói ngược lại, bất kể là tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, chỉ cần có lợi cho sự phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa, thì đều nên mạnh dạn sử dụng để phục vụ cho mình.

"Ba điều có lợi" đối với tất cả những người cải cách là dựa vào thực tiễn mà không dựa vào khẩu hiệu, đó là lời giải đáp:Đó là tính chất xã hội chủ nghĩa.

Những chiếc mũ trên tay các vị phái tả chuẩn bị chụp xuống đầu phái cải cách đã giống như những quả bóng xì hơi.

Còn sợ gì nữa. Anh em hãy mạnh dạn tiến lên.

2.19. TRÍ TUỆ KHÔNG TRANH LUẬN

Nhà văn Vương Mông, trong tác phẩm "Trí tuệ không tranh luận" (xem "Độc thư" năm 1994 số 6), giới thiệu một chuyện hài hước: Hai người tranh luận một vấn đề số học: Một người nói bốn lần bảy là hai mươi tám, người kia nói bốn lần bảy là hai mươi bảy. Tranh luận không ngã ngũ, phải kéo nhau lên quan, xin quan huyện xét xử. Kết quả huyện lệnh đánh đòn người nói bốn lần bảy là hai mươi tám và phán xử người nói bốn lần bảy là hai mươi bảy vô tội.

Viên huyện lệnh kia đúng là xử án hồ đồ. Người giữ vững chân lý thì bị đánh, kẻ sai lầm lại không bị phạt.

Nhưng xét kỹ thì thấy trong cái hồ đồ đó lại có phần trí tuệ. Một người cứ tranh luận sống chết với một kẻ cho bốn lần bảy là hai mươi bảy lại không đáng đánh sao? Dù anh có đúng, thì cứ giữ ý kiến của mình, việc gì phải đi tranh luận với một kẻ không hiểu biết về một vấn đề đã rõ rành rành. Vương Mông cho rằng, đó là trí tuệ về cái "vô" của triết học mang màu sắc phương Đông.

Hơn hai ngàn năm trước, một bậc đại trí giả Trung Quốc là Lão Tử đã nói: "Cái đạo của thánh nhân, làm mà không tranh. Anh đã không tranh, thì thiên hạ không có thể tranh với anh". Đạo lý hết sức tuyệt diệu đó, nay được Đặng Tiểu Bình phát huy thành một mưu lược trị quốc an bang, thúc đẩy chính sách cải cách. Ông nói: "Không tranh luận là một phát minh của tôi. Không tranh luận là để tranh thủ thời gian làm. Hễ tranh luận là sẽ phức tạp, dùng hết thời gian vào tranh luận, không làm được việc gì nữa. Không tranh luận, dũng cảm làm thử, dũng cảm xông xáo. Cải cách nông thôn là như vậy, cải cách ở thành thị cũng nên như vậy"[1].

Ông Đặng hiểu sâu sắc cái trí tuệ không tranh luận.

Một là, tranh luận sẽ làm hỏng đại sự. Hai mươi năm qua là 20 năm lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu, cũng là 20 năm dồn dập tranh luận. Bắt đầu từ cuộc đại biện luận về đường lối chung trong thời kỳ quá độ ở thập kỷ 50, dần dần hình thành một tác phong, việc lớn cũng vậy, việc nhỏ cũng vậy đều tổ chức đại tranh luận trong toàn dân. Trong cách mạng văn hoá, cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, giữa hai con đường, giữa hai đường lối, về mặt "văn đấu" cũng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 374.

là tranh luận: Nhất cử nhất động, mỗi ý nghĩ, mỗi câu nói của một tỷ người đều là cái cớ để tranh luận về chủ nghĩa, cả nước mê muội sa vào vũng xoáy tranh luận không gỡ ra được. Người mở đầu tranh luận tin rằng chân lý càng tranh luận càng sáng rõ. Nhưng sự thực hoàn toàn ngược lại, càng tranh luận, ranh giới giữa chân lý và sai lầm càng mờ mịt, càng điên đảo. Những kẻ kiên trì bốn lần bảy là hai mươi bảy được vào đảng, được thăng quan, những người cho rằng bốn lần bảy là hai mươi tám thì chịu oan khuất. Kết quả ra sao? Lý không còn nữa. Sách cũng phế bỏ. Nói dối, nói khoác, nói suông đã chiếm kỷ lục thế giới, còn sản xuất, sức mạnh quốc gia, đời sống nhân dân thì tụt xa sau người khác. Cuộc tranh luận hai mươi năm để lại một bài học: Nói suông làm hại nước, tranh luận làm hỏng việc. Đặng đã từng thử xoay lại cục diện đó, dùng trí thức chân thực, lời lẽ xác đáng để chống lại những lời lòe bịp và khoác lác, kết quả lại bị những kẻ nói dối, nói suông đánh đổ. Lần được phục hồi thứ ba, Đặng dùng cách rút củi khỏi đáy nồi: Đóng cửa thị trường tranh luận, toàn tâm toàn ý xây dựng kinh tế, cấm chỉ mọi văn chương hời hợt, hình thức, tuyên bố: "Các thói xấu nói suông, nói khoác, nói dối cần phải chấm dứt"[1].

Hai là, có một số việc không nên tranh luận "nói nhiều nói lắm, không bằng im lặng" (Lão Tử). Thí dụ, sau dẹp loạn năm 1989, không ít người nảy sinh nghi vấn đối với các phương châm chính sách từ sau Hội nghị Trung ương ba, một số nhà lý luận, nhà chính trị chuẩn bị một cuộc đại biện luận về tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa. Đặng giữ riêng con mắt sáng suốt.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 97.

Ông nói: "Nếu trong lúc này mà tiến hành cuộc thảo luận có tính chất lý luận như thị trường, kế hoạch v.v.. thì chẳng những không có lợi cho ổn định, mà còn có thể lỡ việc"[1].

Ba là, có một số vấn đề không cần thiết phải tranh luận, thí dụ, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cái nào ưu việt hơn không thể giải quyết bằng tranh luận, mà để sự thực nói lên, thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phải thể hiện ở sự phát triển sức sản xuất nhanh và cao. Không làm được điều đó, khoác lác bao nhiêu cũng là vô ích. Vấn đề chọn người, dùng người cũng vậy, con mèo dễ sai bảo không nhất định sẽ bắt được chuột, mèo tốt hay mèo xấu, phải nhìn ở chỗ nó có bắt được chuột không, bắt được nhiều hay ít.

Bốn là, thời gian không cho phép tranh luận. Đã có 20 năm quý giá bị mất đi do tranh luận về chủ nghĩa, còn lại 20 năm của thế kỷ này dùng để vượt lên 4 lần, thời gian gấp rút không thể để lỡ một ngày nào. Có rất nhiều vấn đề, không tranh luận thì thôi, hễ tranh luận là sinh phức tạp, không đưa tới một kết quả gì, mà mất toi thời gian và tinh lực, còn làm cho người ta nảy sinh lo lắng, không làm nổi việc gì nữa. Không tranh luận thì có thể mạnh dạn làm thử, mạnh dạn xông xáo, dành ra nhiều thời gian làm việc có ích, nghiên cứu nhiều vấn đề cụ thể.

Năm là, với một số người, không đáng phải tranh luận. Nếu có một nhà lý luận nào đó tìm đến đòi tranh luận rằng bốn lần bảy là 29 thì làm thế nào? Biện pháp tốt

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 312.

nhất là không thèm đếm xỉa đến, cứ vùi đầu làm việc, mặc kệ hắn ta khua chiêng đánh trống. Nếu hắn ta mang chiếc mũ ra dọa, muốn quét sạch những người cho rằng bốn lần bảy là 28, thì cần trả lời qua quýt rằng là hắn ta nói bốn lần bảy bằng 29 là đúng, để hắn ta đắc ý mà cút đi. Như thế tức là làm nhiều nói ít, hoặc chỉ làm mà không nói. Không thèm tranh luận, để cho những kẻ chuyên sống bằng tranh luận mất thị trường, đó là thượng thượng sách.

Bản thân "Đức tính không tranh luận" cũng là một loại tranh luận, tranh vĩnh viễn chứ không tranh nhất thời. ít nói suông, làm nhiều việc thực tế, tự phát triển một cách chắc chắn, tự tăng cường mình, dấu bớt ánh sáng, không để lộ ra, còn việc ai phải ai trái, ai được ai thua, thì lịch sử sẽ kết luận, hoàn toàn không cần thiết tranh hơn thua trong một lúc.

2.20. ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO DO ĐẠI HỘI XIV XÁC ĐỊNH RẤT TỀ CHỈNH, TOÀN LÀ PHÁI CẢI CÁCH. ĐẶNG YÊU CẦU ĐƯỜNG LỐI CƠ BẢN PHẢI GIỮ MỘT TRĂM NĂM

Lời Đặng nói trong cuộc tuần du phương Nam năm 1992:

"Cần giữ vững đường lối phương châm, chính sách của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI, then chốt là giữ vững "một trung tâm, hai điểm cơ bản". Không giữ vững chủ nghĩa xã hội, không cải cách mở cửa, không phát triển kinh tế, không cải thiện đời sống nhân dân, thì chỉ có con đường chết. Đường lối cơ bản cần giữ một trăm năm, không được dao động. Chỉ có giữ vững đường lối đó

thì nhân dân mới tin anh, ủng hộ anh. Ai muốn thay đổi đường lối, phương châm, chính sách từ Hội nghị Trung ương ba đến nay thì nhân dân sẽ không cho phép, người đó sẽ bị đánh đổ. Về điểm này tôi đã nói mấy lần rồi"[1].

Câu đó, đúng là ông Đặng đã nói nhiều lần. Từ khi xác lập đường lối cải cách mở cửa vào năm 1978, đã mấy lần gặp trắc trở, luôn xuất hiện "tự do hóa tư sản". Mỗi lần đó, Đặng đều đứng ra dẹp bỏ mọi quấy nhiễu, nhấn mạnh bốn nguyên tắc cơ bản. Nhưng nhấn mạnh bốn giữ vững, lại lo làm yếu cải cách mở cửa, lại phải nhắc lại là cải cách mở cửa không thể dừng lại, không thể thu hẹp, lòng dũng cảm phải lớn, bước đi phải nhanh. Năm 1989, sau khi dẹp loạn, điều làm Đặng lo lắng nhất là sự dao động đối với cải cách, mở cửa. Qủa nhiên là có sự dao động, chao đảo trong hai năm,Đặng không thể không tiến hành việc sửa chữa mang tính lịch sử lần thứ hai. Những tin tức về cuộc tuần du phương Nam còn ghi chép một câu nói của Đặng: "Quyết sách của tôi còn có một tác dụng. Tác dụng chủ yếu là không dao động".

Nhưng câu nói đó, Đặng hầu như không muốn nhắc lại nữa. Trên thực tế cũng không có sự cần thiết phải nhắc lại. Vì ông đã đến tuổi 90, không thể sống được 90 hoặc 100 năm nữa. Lúc sống. còn có ông bám chắc không buông, nên mới không dao động, sau này làm thế nào? Ai sẽ thay thế giữ vững đây?

"Nhân dân không cho phép" cũng không giải quyết được vấn đề. Trong nhân dân liệu có bao nhiêu phần trăm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 370.

có thể chấp nhận để tổng hợp hai mặt đối lập mâu thuẫn với nhau. Ban lãnh đạo do Đại hội XIV xác định rất tề chỉnh, toàn thuộc phái cải cách, không có người nào không thuộc phái cải cách. Những người nào dao động về đường lối cơ bản, có lòng dạ phân vân với cải cách mở cửa, đúng như Đặng nói, đều bị nhân dân "đánh đổ". Những người từng coi là tả bảo đảm hơn hữu, lần này đều tính sai, có người không còn giữ được địa vị, có người tạm thời còn giữ được.

Điều thông minh khác của Đặng là không gửi gắm việc lâu dài vào cho một người. Một cá nhân không thể dựa được, mà phải dựa vào một tập thể lãnh đạo, từ trên xuống dưới, từ hạt nhân đến xung quanh, đều là người cải cách. Nhân lúc mình còn phát huy được tác dụng, tổ chức một ban lãnh đạo gồm những người chân tâm thành ý ủng hộ cải cách nắm các mạch máu của đất nước. Như vậy, khả năng xuất hiện hiện tượng quay ngược trở lại sẽ rất ít. Vấn đề mà Mao Trạch Đông hao tổn tâm trí lúc cuối đời không giải quyết được, thì Đặng có cơ giải quyết được.

Ban lãnh đạo thuộc thế hệ thứ ba đã chọn xong, có thể bảo đảm chính sách của thế hệ này không thay đổi. Thế hệ thứ tư, thứ năm thì sao? Lúc đó thì quản không nổi, Đặng cũng không có ý định dùng tư tưởng của mình để quy định việc tuyển lựa người cho mấy thế hệ sau. Nhưng Đặng có một suy nghĩ sâu sắc: sau khi giữ vững mấy chục năm tới một trăm năm, sẽ dần dần hình thành một chế độ điển hình. Lúc đó, chế độ sẽ có tác dụng quyết định, nhân tố con người không còn quá quan trọng nữa, một thiểu số muốn thay đổi cũng không thay đổi được, muốn lay chuyển cũng không có khả năng.

2.21. CÁCH MẤY NĂM LẠI TIẾN LÊN MỘT BẬC

Đặng Tiểu Bình lấy thí dụ chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc như đi lên bậc thềm, cứ lên từng bậc, từng bậc. Đến một giai đoạn nào đó, nắm vững thời cơ, tăng tốc trong mấy năm để nhảy lên một bậc mới. Sau khi lên, phát hiện có vấn đề thì kịp thời giải quyết, rồi tiếp tục tiến lên, ra sức phấn đấu; cứ cách mấy năm lại lên một bậc.

Nắm thời cơ tiến lên bậc trên là nhấn mạnh vấn đề tốc độ. Tại sao tốc độ cao lại theo hình thức nhảy? Giáo sư khoa kinh tế chính trị trường đại học Havớt Đoaitơ.H. Phadimxơ cung cấp luận chứng cho Đặng: "Trong thời kỳ kinh tế phát triển với tốc độ cao, biên độ dao động của tốc độ tăng trưởng công nghiệp, là rất bình thường. Những năm 70, hệ số tăng trưởng công nghiệp của Đài Loan thấp nhất là 6,3% (1974), cao nhất là 25,6% (1976). Cùng thời kỳ đó hệ số tăng trưởng công nghiệp của Hàn Quốc là 11,6% (1970) và 35,7% (1973). Nhật Bản trong những năm 50,60, trước khi giành được số xuất siêu liền trong nhiều năm, việc tăng trưởng công nghiệp xen kẽ với những kỳ tăng trưởng thấp do nhập siêu thường xuất hiện. Do đó, tốc độ phát triển công nghiệp Trung Quốc lúc lên lúc xuống cần được coi là sản phẩm tất nhiên của sự phát triển tốc độ cao về kinh tế"[1].

Nhưng sự phát triển theo bước nhảy như vậy rất dễ khiến người ta nghĩ tới cuộc đại nhảy vọt trong thập kỷ 50.

---

1. "Lịch sử Trung Quốc" Cambridge, Quyển 15, tr. 508.

Trong hai năm 1958 và 1959, sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tăng 110%. Kết quả là gân xương đau mỏi, phải mất ba năm điều chỉnh mới phục hồi được sức lực ban đầu. Trong thập kỷ 80, kinh tế Trung Quốc cũng phát triển theo bước nhảy như vậy, trong 5 năm từ 1984-1988, tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng hàng năm 21,7%. Kết quả, nền kinh tế "quá nóng", phải mất ba năm chỉnh đốn. Hai lần "nhảy vọt" đó phải chăng có chỗ giống nhau? Đặng đã trả lời phủ định: Việc gia tốc phát triển trong năm năm sau tuy có đưa tới một số vấn đề, nhưng khác về tính chất với thời đại nhảy vọt, không làm hại đến toàn bộ, cơ thể, cơ chế, đúng là giấy bạc có phát hành nhiều hơn, giá cả có thay đổi một chút nhưng thành tựu giành được là toàn bộ nền kinh tế lên một bậc thềm mới.

Kinh tế tiến lên một bậc mới, rất tốt. Nhưng những vấn đề đó có thể tránh được không? Cách nhìn của Đặng là, đối với một nước lớn đang phát triển như Trung Quốc, muốn phát triển kinh tế nhanh một chút, thì không thể cứ bình ổn, không xảy ra bất cứ vấn đề gì. Muốn thật bình ổn, không xảy ra vấn đề gì thì chỉ có cách không nghĩ tới việc phát triển nhanh. Nhưng tốc độ không tăng, thì lại cũng xuất hiện nhiều vấn đề hơn.

Theo Đặng có thể phát triển thì cố phát triển nhanhmột chút, nảy sinh vấn đề thì chỉnh đốn. Như vậy, so với phát triển, tốc độ thấp để giữ bình ổn, không xảy ra vấn đề thì vẫn tốt hơn. Căn cứ của sự suy nghĩ đó có 3 điểm:

Một là, nảy sinh vấn đề thì chỉnh đốn, chỉ cần vấn đề đó không làm thương tổn gân cốt, thì sẽ không thể rơi trở

lại khởi điểm, mà là giành được một khởi điểm mới, tiến lên một bậc thềm mới, việc lên xuống không làm tổn thương đến chỉnh thể.

Hai là, kinh tế lên một bậc mới, trong tay có nhiều lực lượng, nảy sinh vấn đề cũng dễ giải quyết. Đặng nói quả quyết, nếu 5 năm trước không nhảy vượt lên, đưa toàn bộ nền kinh tế quốc dân lên một bậc mới, thì việc chỉnh đốn ba năm sau không thể tiến hành thuận lợi.

Ba là, tốc độ thấp không làm nảy sinh vấn đề trong nước nhưng lại nảy sinh một vấn đề lớn: "Các nước và khu vực xung quanh phát triển nhanh hơn chúng ta, nếu chúng ta không phát triển hoặc phát triển chậm, nhân dân sẽ so sánh và vấn đề lớn sẽ nảy ra"[1]. Mà vấn đề đó, không chỉ là vấn đề kinh tế, mà sẽ là vấn đề chính trị.

Tốc độ cao làm nảy sinh vấn đề vẫn tốt hơn tốc độ thấp mà không có vấn đề. Điều đó phản ánh đầy đủ tinh thần "mở ra con đường máu" để hiện đại hóa của ông Đặng.

2.22. KHI GẶP VẤN ĐỀ KINH TẾ NGHIÊM TRỌNG THÌ LƯỠI LÊ SẼ TRỞ NÊN MỀM NHŨN NHƯ BẤC ĐÈN. PHÁT TRIỂN MỚI LÀ "LÝ LẼ CỨNG"

Trên thế giới có rất nhiều lý lẽ. Đặng Tiểu Bình phát hiện ra một lý lẽ không phải bằng cách "nói" ra, cũng không phải là hùng biện có thể đánh đổ được, có thể gọi đó là "lý lẽ cứng".

---

1. Đặng tuyển. Quyển III. Tr. 375.

Trong thế giới ngày nay, đối với một nước, cái có sức thuyết phục và sức chinh phục nhất, không phải là khẩu hiệu chính trị hoặc uy hiếp vũ trang, mà là tốc độ và trình độ phát triển kinh tế.

Ổn định áp đảo tất cả, theo Đặng, đó là một lý lẽ lớn của Trung Quốc. Nào là những dân chủ, tự do, nhân quyền, đều không chi phối được lý lẽ lớn đó. Những lý lẽ lớn đó lại chịu sự chi phối của "lý lẽ cứng".

Năm 1991, Đặng tổng kết kinh nghiệm cải cách mở cửa nhiều năm, phát hiện "ổn định là cần thiết, nhưng không thể giải quyết được mọi vấn đề"[1]. Việc trị an trường cửu thực sự, vẫn phải dựa vào phát triển kinh tế. "Xét về căn bản, lực lượng trong tay có nhiều, chúng ta sẽ ở địa vị chủ động khi giải quyết các loại mâu thuẫn và vấn đề"[2].

Nói tới việc chỉnh đốn, Đặng thừa nhận: "Có thành tích, nhưng đánh giá công lao, chỉ tính là công lao ổn định". "Cần chú ý ổn định kinh tế, phát triển nhịp nhàng, nhưng ổn định và nhịp nhàng cũng là tương đối, không phải là tuyệt đối. Phát triển mới là "lý lẽ cứng"[3].

Sau sự kiện ngày 4-6, vấn đề Đặng lo lắng nhất không phải là phương Tây trừng phạt kinh tế, mà là kinh tế xuống dốc, gọi đó là "vấn đề mà ông ngủ không yên giấc". "Vì đó không phải là vấn đề kinh tế, mà là vấn đề chính trị"[4].

Những lời nói vào năm 1990 đó là có căn cứ. Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu tại sao lại sụp đổ dễ dàng như vậy? "Xét từ căn bản, đều là do kinh tế không

---

1,2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 368, 377, 377, 354.

lên được, không có cơm ăn, không có áo mặc, lương tăng lại bị lạm phát triệt tiêu, mức sống xuống thấp, khó khăn trong thời gian dài"[1].

Ngược lại, "tại sao sau ngày 4-6, đất nước chúng ta lại có thể ổn định? Vì chúng ta tiến hành cải cách mở cửa, đẩy mạnh kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện"[2].

Đối với sự trừng phạt kinh tế của 7 nước phương Tây, Đặng nói một câu rất "cứng": "Chúng tôi không giỏi giang gì, nhưng đủ sức chống-lại sự trừng phạt"[3]. Nhưng khi nói chuyện trong nội bộ, Đặng nhấn mạnh "Trung Quốc có thể chống lại áp lực của chủ nghĩa bá quyền, của chính trị cường quyền hay không, then chốt là ở chỗ chúng ta có giành được tốc độ tăng trưởng nhanh, thực hiện được chiến lược phát triển của chúng ta hay không"[4].

"Cứng", vẫn cần có một nhân tố cứng.

Đối với lý lẽ "Phát triển mới là một lý lẽ cứng", Đặng nói rất nhiều, rất thấu triệt, nên ghi lại từng câu để chứng minh mưu lược căn bản để trị quốc an bang của ông:

"Chủ nghĩa xã hội ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản, trước hết cần biểu hiện ở tốc độ phát triển kinh tế và mặt trình độ. Không có điều đó, thì có khoác lác thế nào cũng không có tác dụng gì".

"Chống lại tự do hóa tư sản vừa là quá trình đấu tranh, vừa là quá trình thuyết phục giáo dục, nhưng cái cuối cùng thuyết phục những người không tin tưởng chủ

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 354. 371, 359, 356.

nghĩa xã hội vẫn phải dựa vào sự phát triển của chúng ta"[1].

"Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nói gian khổ phấn đấu đều là cần thiết, nhưng chỉ dựa vào những cái đó vẫn chưa đủ. Nhân tố căn bản nhất vẫn là tốc độ tăng trưởng kinh tế, mà cần thể hiện ở mức sống nhân dân dần dần khá lên"[2].

"Khi thực sự đã tới mức tiểu khang, bộ mặt tinh thần của con người sẽ khác đi. Vật chất là cơ sở, đời sống vật chất của nhân dân khá lên, trình độ văn hóa nâng cao, bộ mặt tinh thần sẽ thay đổi lớn"[3].

Chúng ta chống lại hoạt động tội phạm hình sự là cần thiết, từ nay về sau còn cần tiếp tục chống. Nhưng chỉ dựa vào chống sẽ không giải quyết được vấn đề căn bản. Phải tăng gấp 4 lần, đưa kinh tế phát triển lên mới là con đường giải quyết tận gốc"[4].

Chủ nghĩa Mác có một danh ngôn: Lưỡi lê khi gặp phải vấn đề kinh tế nghiêm trọng sẽ có thể trở nên mềm nhũn như bấc đèn. "Quyết định luận kinh tế" đối với nhà sử học, nhà xã hội học thì chưa hẳn đã là chân lý, nhưng đối với nhà chính trị thì là danh ngôn chí lý.

1, 2, 3,4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 204, 355, 89.

Phần thứ ba

MƯU LƯỢC KINH TẾ

3.1. CẢI CÁCH CŨNG LÀ GIẢI PHÓNG SỨC SẢN XUẤT

"Cách mạng là giải phóng sức sản xuất, cải cách cũng là giải phóng sức sản xuất. Lật đổ nền thống trị phản động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến, và chủ nghĩa tư bản quan liêu, làm cho sức sản xuất của nhân dân Trung Quốc được giải phóng, đó là cách mạng, cho nên nói cách mạng giải phóng sức sản xuất. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập về cơ bản, còn cần biến đổi về căn bản thể chế kinh tế trói buộc sự phát triển của sức sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, đó là cải cách. Cho nên cải cách cũng giải phóng sức sản xuất. Trước kia chỉ nói phát triển sức sản xuất trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, chưa nói đến cần thông qua cải cách để giải phóng sức sản xuất, như vậy chưa đầy đủ. Cần phải nói đầy đủ cả giải phóng sức sản xuất và phát triển sức sản xuất nữa"[1].

1.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 370.

Có người nói cải cách của Đặng Tiểu Bình chỉ là mò theo đá để lội sông, không có lý luận gì. Lời nói đó là sai. Những câu nói dẫn trên đủ chỉ rõ quan hệ giữa lý luận về cải cách luận của Đặng và lý luận về cách mạng của Mao.

Mới xem qua, cải cách xã hội chủ nghĩa của Đặng và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Mao xuất phát từ cùng một lý luận, là kiến giải về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội xã hội chủ nghĩa mà Mao Trạch Đông nêu lên năm 1957. Lý luận trên của Mao là nói trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giữa quan hệ sản xuất và sức sản xuất, giữa thượng tầng kiến trúc và cơ sở kinh tế, tồn tại tình trạng vừa thích ứng, vừa mâu thuẫn (không thích ứng). Đối với cách đề xuất đó, trong Hội nghị Trung ương 3, Đặng không chủ trương thay đổi, cho rằng"cách nêu vấn đề đó thỏa đáng hơn một số cách nêu vấn đề khác"[1].

Vấn đề là lý giải thế nào đối với "mâu thuẫn" hoặc "không thích ứng". Sự thực, Mao, Lưu và Đặng mỗi người đều có cách lý giải khác nhau. Chính sự khác nhau đó tạo nên bất đồng giữa Mao và Lưu trước cách mạng văn hóa và giữa Mao và Đặng sau cách mạng văn hóa.

Mao Trạch Đông phân quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc trong xã hội xã hội chủ nghĩa thành hai bộ phận: Một bộ phận tiên tiến, có tính chất xã hội chủ nghĩa, như chế độ kinh tế công hữu, chế độ và pháp luật của nhà nước chuyên chính vô sản, hình thái ý thức mácxít. Bộ phận này không có mâu thuẫn hoặc không thích ứng với sức sản xuất. Ngược lại, nó cung cấp động lực mạnh mẽ

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 168.

cho sự phát triển sức sản xuất, làm cho sức sản xuất phát triển nhanh hơn so với xã hội cũ. Bộ phận khác là nhân tố lạc hậu thuộc nửa xã hội chủ nghĩa hoặc phi xã hội chủ nghĩa, như trong xí nghiệp công tư hợp doanh, nhà tư bản còn nhận lãi, trong hợp tác xã nông nghiệp còn một bộ phận nửa xã hội chủ nghĩa, xí nghiệp sở hữu tập thể cũng không hoàn toàn là xã hội chủ nghĩa, trong thượng tầng kiến trúc còn tồn tại hình thái ý thức tư sản, trong bộ máy nhà nước còn tồn tại tác phong quan liêu v.v.. Bộ phận này mâu thuẫn không thích ứng với sự phát triển sức sản xuất, cần phải thông qua sự không ngừng cách mạng trong quan hệ sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực kiến trúc thượng tầng để giải quyết mâu thuẫn.

Trước cách mạng văn hóa, cái gọi là phái chính thống, giữ vững đường lối của Đại hội VIII do Lưu Thiếu Kỳ làm đại biểu, cũng thừa nhận hai cặp mâu thuẫn cơ bản mà Mao Trạch Đông nói. Nhưng họ lặng lẽ thay đổi sự phân biệt giữa tiên tiến và lạc hậu thành mâu thuẫn giữa chế độ xã hội tiên tiến với sức sản xuất lạc hậu, do đó, phương pháp giải quyết mâu thuẫn, nếu không thể kéo lùi chế độ xã hội tiên tiến lại thì chỉ có cách phát triển thật nhanh sức sản xuất, khiến cho vế mâu thuẫn này có thể đuổi kịp vế kia. Mao Trạch Đông thấy cách đề xuất của các đồng chí ở tuyến một có vấn đề, hình như là cho rằng quan hệ sản xuất đã tiến vượt sức sản xuất. Như thế chẳng phải là vi phạm nguyên tắc của chủ nghĩa Mác cho rằng quan hệ sản xuất phải thích ứng với tình hình của sức sản xuất sao? Trên thực tế, Lưu, Đặng đề ra như thế chỉ là một sách lược để giữ vững đường lối nguyên tắc của Đại hội VIII, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển sức sản xuất. Đương nhiên, tiền đề lý luận của cách đề

xuất đó cũng là thừa nhận quan hệ sản xuất của thượng tầng kiến trúc tiên tiến, xã hội chủ nghĩa không làm trở ngại cho sự phát triển sức sản xuất.

Sáng tạo của Đặng không chỉ ở chỗ, ông cũng đặt sức sản xuất lên vị trí hàng đầu như Lưu, mà trong việc giải quyết quan hệ giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất, ông có sự suy nghĩ khác Mao.

Ngay từ đầu thập kỷ 60, khi suy nghĩ về phương pháp khôi phục và phát triển sản xuất ở nông thôn, Đặng đã đề ra ý kiến nên giải quyết vấn đề về quan hệ sản xuất và thể chế[1]. Cuối thập kỷ 70, khi phát động lại phong trào bốn hiện đại hóa, Đặng đã đề xuất rõ ràng hơn: "Muốn thay đổi mạnh mẽ sức sản xuất lạc hậu hiện nay thì tất nhiên phải thay đổi quan hệ sản xuất về nhiều mặt, thay đổi kiến trúc thượng tầng, thay đổi phương thức quản lý xí nghiệp công nông nghiệp và phương thức quản lý của nhà nước đối với xí nghiệp công nông nghiệp"[2].

Nhìn bề ngoài, như vậy là trở về với cách nghĩ của Mao, nhấn mạnh tác dụng trở lại của quan hệ sản xuất đối với sức sản xuất. Nhưng phân tích kỹ một chút, sẽ phát hiện thấy trong khi trở về với cách nghĩ của Mao, Đặng đã có sự phát triển có tính đột phá.

Mao Trạch Đông cho rằng, chỉ những nhân tố lạc hậu, phi xã hội chủ nghĩa mới mâu thuẫn với sức sản xuất. Như thế coi như thừa nhận: 1) Một loại quan hệ sản xuất, nếu được coi là có tính chất xã hội chủ nghĩa, thì tuyệt đối không thể gây trở ngại cho sự phát triển sức sản xuất. 2) Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, dù có vượt quá trình

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 305, 307, 125.

độ phát triển hiện nay của sức sản xuất, cũng không thể gò bó sự phát triển của sức sản xuất. Theo đó suy ra, bản thân chế độ xã hội chủ nghĩa không cần đến cách mạng, cách mạng chỉ cần đối với chủ nghĩa tư bản.

Đặng thì cho rằng, phán đoán một quan hệ sản xuất có phải là xã hội chủ nghĩa không, cần xét xem nó có lợi cho sự phát triển sức sản xuất không. Nếu không lợi cho sự phát triển sức sản xuất, thì sẽ là trở ngại, dù rằng về chủ quan cho nó mang tính chất gì, lạc hậu hay tiên tiến hơn sức sản xuất, cũng đều nằm trong diện phải cải cách.

Tại sao trước kia chỉ nói phát triển sức sản xuất trong điều kiện chủ nghĩa xã hội mà không nói giải phóng sức sản xuất? Nguyên nhân là trong một thời gian dài người ta hình thành một thói quen suy nghĩ, cho rằng chủ nghĩa xã hội là tiên tiến, không thể lạc hậu hơn sức sản xuất, chỉ có thể đi trước sức sản xuất, mà đi trước thì không thể gò bó sự phát triển của sức sản xuất được, mà ngược lại, sẽ mở con đường rộng rãi cho sức sản xuất phát triển một cách thoải mái. Như vậy thì, đương nhiên không cần bàn tới việc giải phóng sức sản xuất nữa.

Vấn đề là cái gọi là quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa tiên tiến, trên một trình độ rất lớn, là mô thức của Liên Xô. Rõ ràng cái đó gây trở ngại cho sự phát triển sức sản xuất, nhưng cứ đổ cho chủ nghĩa tư bản gây trở ngại và một mực muốn nâng cao trình độ công hữu hóa, nâng cao sự thuần khiết của chủ nghĩa xã hội. Loại cách mạng xã hội chủ nghĩa như vậy thế tất đi ngược lại yêu cầu khách quan phải phát triển của sức sản xuất. Càng cách mạng, mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và sức sản xuất càng lớn.

Tại sao cải cách cũng là giải phóng sức sản xuất? Đặng nói: "Mọi cải cách của chúng ta đều nhằm một mục đích là quét sạch trở ngại trên con đường phát triển sức sản xuất"[1]. Trở ngại là trở ngại, không phân biệt tiên tiến hay lạc hậu, xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, chỉ biết rằng (qua thực tiễn chứng minh trong 20 năm) nó gò bó nghiêm trọng sự phát triển của sức sản xuất. Có trở ngại thì phải dẹp bỏ, có gò bó thì phải giải phóng. Không làm như vậy, sức sản xuất không thể phát triển được. Lý luận về cải cách của Đặng đơn giản và rõ ràng như vậy, nhằm trúng điều chủ chốt. Đương nhiên, ông biết rõ rằng dẹp bỏ trở ngại cho sức sản xuất phát triển không phải là việc dễ dàng, cho nên "tính chất của cải cách giống như cách mạng trước kia", cũng là để giải phóng sức sản xuất.

Đặng cho rằng muốn phát triển sức sản xuất thì phải đi theo con đường cải cách thể chế kinh tế. Với việc cải cách, ông khái quát thành 10 chữ: Mở cửa ra bên ngoài, làm sống động bên trong. Mở cửa ra bên ngoài, chống lại việc khư khư đóng kín; làm sống động bên trong phát huy tính tích cực của nhân dân cả nước. 10 chữ đó, chẳng phải là giải phóng và phát triển sức sản xuất hay sao? Thực tiễn sau Hội nghị Trung ương ba đã trả lời khẳng định về câu hỏi đó.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 134.

3.2. ĐIỆU "HOA CỔ PHƯỢNG DƯƠNG" CA NGỢI VIỆC KHOÁN TẠI HUYỆN PHƯỢNG DƯƠNG, CHỈ MỘT NĂM LÀ VƯƠN MÌNH. CÁI KHÔNG HỢP PHÁP, SẼ HỢP PHÁP HÓA CHO NÓ

Đầu những năm 60, đứng trước vấn đề khó khăn là làm sao khôi phục sản xuất nông nghiệp, Đặng Tiểu Bình đề ra ý kiến: "Quần chúng muốn áp dụng hình thức sản xuất nào, thì nên áp dụng hình thức đó, nếu không hợp pháp, sẽ hợp pháp hóa cho nó"[1]. Đặng muốn đem đến cho hình thức "khoán sản phẩm đến hộ" một danh nghĩa chính thức, hợp pháp hóa cho nó.

Nhưng lời của Đặng không thực hiện được. Việc "khoán" phải làm chui khổ sở trong 20 năm, qua các thời kỳ công xã nhân dân, nhất đại nhị công (tức: một là quy mô lớn, hai là mức độ công hữu hoá cao - ND), nông nghiệp học Đại Trại, cắt đuôi tư bản, cắt hết đợt này đến đợt khác. Nhưng rút cục là cái mà nông dân đã muốn thì đốt cũng không hết, đến thập kỷ 70, làn gió xuân lại trỗi dậy.

Một ngày mùa đông năm 1978, phó đội trưởng đội sản xuất Tiểu Cương ở huyện Phượng Dương tỉnh An Huy là Nghiêm Hùng Xương triệu tập 21 người thuộc 18 hộ nông dân đến bàn việc làm thế nào để sản xuất tự cứu. Nghiêm đề ra chủ trương chia ruộng đến từng hộ. Lúc đó, làn gió của Hội nghị Trung ương ba chưa thổi tới Tiểu Cương, ở Phượng Dương việc "chia ruộng", "khoán sản phẩm" vẫn còn là việc phi pháp. 21 vị nông dân trong lòng đều tán

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 305.

thành sự đề xuất của Nghiêm, nhưng không ai không lo lắng, lỡ lúc lộ ra thì tai họa đến nơi, sẽ làm thế nào? Những nông dân chất phác trung hậu nghĩ ra một biện pháp, họ lập ra một khế ước: "Chúng tôi phân ruộng đến hộ. Các chủ hộ đều ký tên. Nếu làm được, mỗi hộ bảo đảm sẽ hoàn thành việc nộp lương thực cả năm cho nhà nước, không ngửa tay xin tiền và lương thực của nhà nước. Nếu không làm được, cán bộ chúng tôi xin cam chịu tù tội, chém đầu, mọi xã viên bảo đảm sẽ nuôi con nhỏ cho tới khi 18 tuổi". Bản khế ước đó, nay được lưu giữ tại nhà bảo tàng lịch sử Trung Quốc, vì nó đã ghi lại một cách chân thực sự gian nan và sợ hãi của thời bắt đầu cải cách ở nông thôn.

Phượng Dương là quê hương của Chu Nguyên Chương, hoàng đế khai quốc triều Minh, nổi tiếng về điệu múa "Phượng Dương Hoa Cổ", có một lời ca kèm điệu múa lưu truyền rất rộng: "Nói Phượng Dương, kể Phượng Dương. Phượng Dương thật là nơi đất tốt, từ ngày Chu Hoàng đế ra đời, mười năm thì có chín năm đói". Vì vậy, người Phượng Dương bất đắc dĩ phải "mang trống Hoa Cổ đi tha hương". Sau giải phóng, hơn 30 năm, người Phượng Dương sống nhờ vào cứu tế. Thời kỳ cách mạng văn hóa, có lưu hành lời hát Hoa Cổ mới:

"Phượng Dương đất rộng, không đủ lương.
Người dân lũ lượt đi tha hương.
Con gái đều lấy chồng xứ khác.
Không nàng dâu nào về Phượng Dương"

Có người thống kê, đầu năm 1978, có tới 3 vạn người Phượng Dương rời quê hương đi kiếm sống. Tiểu Cương là đội sản xuất nghèo nhất ở Phượng Dương. Năm 1976, sản

lượng lương thực chỉ bằng 1/3 năm 1955. Cùng thì nghĩ tới biến, đó là nguyên nhân vì sao nông dân Phượng Dương cam chịu tù tội, mất đầu để dẫn đầu thực hiện chia ruộng tự cứu.

Trước khi Tiểu Cương chia ruộng đến hộ, công xã Mã Hồ ở Phượng Dương đã thí nghiệm khoán sản phẩm đến tổ, được Vạn Lý là bí thư tỉnh ủy lúc bấy giờ ủng hộ. Có được chỗ dựa, đ,ốm lửa cải cách ở Phượng Dương nhanh chóng lan khắp toàn huyện. Năm 1979, toàn huyện thực hiện khoán sản phẩm đến tổ. Năm 1980, tiến lên thực hiện khoán sản phẩm đến hộ. Từ khoán tổ đến khoán hộ, chế độ khoán liên gia đình dần hình thành và mới bắt đầu đã tỏ ra có sức mạnh. Đội sản xuất Tiểu Cương trong năm đầu khoán sản phẩm đến hộ đã có hiệu quả rõ rệt: Thu nhập theo đầu người tăng gấp 7 lần, sản lượng lương thực bằng bảy năm trước cộng lại. Người Phượng Dương từ chỗ bỏ quê hương đi kiếm ăn đến chỗ thừa lương thực không bán được. Nông dân phấn khởi, lại sáng tác lời ca mới: "Khoán sản phẩm, khoán sản phẩm; cứ thẳng đường đi không quanh quẩn; nộp xong cho nhà nước và tập thể; thóc còn lại chứa đầy kho lẫm".

Trong khi Phượng Dương, An Huy thí điểm khoán sản phẩm đến tổ, thì nông dân ở Quảng Hán, Tứ Xuyên cũng hành động. Quảng Hán cũng là huyện nổi tiếng về "ba dựa": Lương thực dựa vào đi mua, sản xuất dựa vào vay vốn, đời sống dựa vào cứu tế. Thời kỳ cuối của cách mạng văn hóa, người nơi khác chỉ cần mấy chục cân phiếu lương thực là có thể mua được một cô gái ở đây. Việc khoán sản phẩm đến tổ ở Quảng Hán thu được thành tích rõ rệt, sau này trở thành một huyện tiên tiến về cải cách nông thôn dẫn đầu cả nước.

Song hành động sáng tạo của nông dân An Huy, Tứ Xuyên khiến một số vị ở Bắc Kinh không yên tâm. Phó thủ tướng Trần Vĩnh Quý phụ trách về nông nghiệp vội vã nói: Như thế là hữu khuynh, là đi ngược lại việc học Đại Trại. Có người còn nói: "Khoán sản phẩm đến hộ là đánh vào chế độ công hữu, là phục hồi chủ nghĩa tư bản". Ngày 15-3-1979, Nhân Dân nhật báo đăng trên cột một trang nhất, một "bức thư của quần chúng" mượn lời quần chúng nói: Chế độ sở hữu ba cấp lấy đội làm cơ sở của cộng xã nhân dân không thể lùi lại việc chia ruộng đến tổ, khoán sản phẩm đến hộ. Giữ vững không phân là đúng. Ngày 28-9, "Quyết định về một số vấn đề đẩy nhanh phát triển nông nghiệp" của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc còn nói như sau: "Có thể khoán công điểm đến tổ trên tiền đề đội sản xuất thống nhất hạch toán phân phối", nhưng "không cho phép chia ruộng, làm riêng lẻ". "Trừ những nhu cầu đặc biệt của một số nghề phụ và vùng núi xa xôi, giao thông bất tiện có một vài hộ lẻ, còn thì không được khoán sản phẩm đến hộ".

Nước bẩn và nước lạnh bắt đầu dội vào đầu cán bộ và quần chúng thực hiện khoán sản phẩm đến hộ. Huyện ủy huyện Phì Tây tỉnh An Huy là một trong những nơi thực hiện khoán sản phẩm đến hộ đầu tiên nhìn thấy hướng gió không thuận lợi từ bên trên, chuẩn bị sửa lại việc khoán sản phẩm đến hộ. Vừa vặn lúc đó, An Huy lại gặp phải cơn đại hạn chưa từng có từ hàng trăm năm, có người mỉa mai, có người vui mừng muốn nhân dịp này tính sổ với họ.

Nhưng, những người đó đã tính sai. Vụ thu hoạch năm 1979, An Huy và Tứ Xuyên đều được mùa lớn. Tỉnh An Huy có 60 triệu mẫu bị hạn, nhiều nơi thiếu cả nước uống cho người và gia súc, dự tính nếu chống hạn tốt cũng

bị giảm 50 vạn cân lương thực. Nhưng tình hình thực tế lại là, sản lượng lúa mì trong toàn tỉnh lại tăng thêm 4 trăm triệu cân so với mức cao nhất trong lịch sử, lương thực cả năm xấp xỉ những năm bình thường. Tỉnh Tứ Xuyên liên tục hai năm tăng sản lượng tổng cộng hơn mười tỷ cân.

Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Bây giờ là lúc Đặng Tiểu Bình "tính sổ". Ngày 31-5-1980, Đặng mời một số đồng chí phụ trách trung ương bảo với họ: Sau khi chính sách ở nông thôn được nới rộng, một số nơi khoán sản phẩm đến hộ, hiệu quả rất tốt, thay đổi rất nhanh. Ông đặc biệt nhắc tới huyện Phượng Dương, nơi có điệu "Phượng Dương Hoa Cổ", thực hiện khoán sản phẩm, một năm đã vươn mình.

Đặng thong thả nói tới vấn đề chính: "Có đồng chí lo lắng, làm như vậy có ảnh hưởng tới kinh tế tập thể không". Ông luận chứng: "Tôi thấy sự lo lắng đó là không cần thiết. Phương hướng chung của chúng ta là phát triển kinh tế tập thể. Những nơi thực hiện khoán sản phẩm đến hộ, chủ thể kinh tế hiện nay vẫn là đội sản xuất. Những nơi đó tương lai sẽ ra sao? Có thể khẳng định, chỉ cần sản xuất phát triển, sự phân công xã hội và kinh tế hàng hóa ở nông thôn phát triển, thì tập thể hóa ở cấp thấp sẽ có thể phát triển lên tập thể hóa ở mức cao. Những nơi kinh tế tập thể chưa được củng cố cũng sẽ được củng cố. Vấn đề then chốt là phát triển sức sản xuất, cần sáng tạo điều kiện để tập thể hóa về mặt này phát triển một bước"[1].

Một là, khoán sản phẩm đến hộ không làm thay đổi tính chất của chế độ sở hữu tập thể. Hai là, phát triển

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 275.

kinh tế tập thể trước hết cần phát triển sức sản xuất. Chỉ hai điều đó, Đặng đã gạt bỏ dòng nước bẩn mà người ta hắt lên chế độ khoán sản phẩm đến hộ. Tháng 9 năm đó, Trung ương Đảng lại ra một văn kiện, chính thức định danh cho chế độ khoán sản phẩm đến hộ. Những tỉnh còn nghe ngóng cũng bắt đầu chuyển động. Đến đầu năm 1983, trong toàn quốc, số đội sản xuất thực hiện khoán sản phẩm đến hộ đạt 93%. Theo đó, phân chia chính quyền và công xã, bỏ chế độ công xã nhân dân, khôi phục thể chế quản lý hương (trấn) thôn.

Lịch sử diễn ra không ai dự đoán được. Nếu những lời Đặng nói đầu thập kỷ 60 được thực hiện, thì việc cải cách nông thôn ở thập kỷ 80 không còn cần thiết nữa. Đặng thừa nhận quyền phát minh chế độ khoán trách nhiệm thuộc về nông dân. Công việc mà ông làm chẳng qua chỉ là cấp cho đứa trẻ khó sinh đó một giấy chứng sinh khiến nó trở thành một "công dân hợp pháp" trong lãnh thổ quốc gia xã hội chủ nghĩa.

Tổng thiết kế sư đặc biệt quan tâm tới "đứa trẻ mới sinh" đó và gửi gắm hy vọng rất lớn vào nó. Từ 1982 đến 1986 trong năm năm liền, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc liên tục dùng văn kiện đầu năm để chỉ đạo việc cải cách nông thôn. Năm 1984, trung ương quyết định kéo dài thời gian khoán tới 15 năm trở lên. Tháng 10 năm đó, chính thức thông qua quyết định cải cách thể chế kinh tế. Chữ "khoán" do nông dân phát minh ra đã như cơn gió lốc thổi vào thành thị, từ đó Trung Quốc tiến lên con đường cải cách thể chế kinh tế toàn diện.

3.3. ĐỨNG TRƯỚC NÔNG DÂN NGÀY CÀNG GIÀU LÊN, NGƯỜI THÀNH PHỐ MẤT DẦN CẢM GIÁC ƯU VIỆT. LẠI MỘT LẦN NÔNG THÔN BAO VÂY THÀNH THỊ

Rất nhiều vấn đề lớn của Trung Quốc đều tìm thấy biện pháp giải quyết từ nông thôn. Cuộc cách mạng long trời lở đất do Mao Trạch Đông lãnh đạo đã đi theo con đường lấy nông thôn bao vây thành thị; thập kỷ 50, thực hiện "ba cải tạo lớn" cũng là trước hết hoàn thành hợp tác hóa ở nông thôn, buộc công thương nghiệp ở thành thị trong một thời gian rất ngắn đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng lần thứ hai - cải cách do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo cũng bắt đầu từ nông thôn, cải cách nông thôn đi trước rồi mới đến cải cách ở thành thị và toàn bộ thể chế kinh tế.

Tại sao cải cách phải bắt đầu từ nông thôn? Đặng nói: "Bởi vì nhân khẩu nông thôn chiếm 80% cả nước, nông thôn không ổn định thì toàn bộ tình hình chính trị sẽ không ổn định, nông dân không thoát khỏi nghèo nàn thì nước ta chưa thoát khỏi nghèo nàn"[1].

Về tầm quan trọng của nông nghiệp, Đặng còn nói: "Không nắm nông nghiệp sẽ có ngày thiên hạ đại loạn. Bất kỳ thiên hạ xảy ra chuyện gì, chỉ cần nhân dân no bụng, thì mọi việc sẽ dễ giải quyết. Trong lịch sử Trung Quốc, tại sao khởi nghĩa và bạo động của nông dân liên tục không dứt? Xét cho đến cùng, đều là do dân không sống nổi. Dân lấy ăn làm trời, nhưng đến năm 1979, Trung Quốc vẫn có 1/4 số đội sản xuất, tức khoảng hai trăm triệu xã viên thu

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 238.

nhập bình quân hàng năm từ 40 đồng trở xuống, mỗi người mỗi ngày chỉ có 0,11 đồng. Đặng tính toán trước cải cách "đại đa số nông dân đều trong tình trạng rất nghèo khổ". Nông dân phổ biến nghèo nàn, nghèo tới mức không đủ no ấm, tính nghiêm trọng của vấn đề đó buộc những người lãnh đạo mới trước hết làm cho nông dân chóng giàu lên. Nông dân không giàu, bốn hiện đại hóa không thể bàn tới được. Sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp và các hoạt động kinh tế khác không thể xây dựng trên cơ sở 80% nhân khẩu nghèo nàn. Thực hiện mục tiêu đưa thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 4 lần, điều người ta lo lắng nhất là 80% nhân khẩu có đạt được không.

Đương nhiên, Đặng chọn nông thôn làm đột phá khẩu của cải cách, không chỉ là vì nông thôn nghèo hơn thành thị, cần cải cách hơn, mà còn vì trở lực của cải cách ở nông thôn nhỏ hơn ở thành thị. Nói cách khác, cải cách ở thành thị khó khăn phức tạp hơn cải cách ở nông thôn rất nhiều. Tránh thực đánh hư, trước dễ sau khó, đẩy lên từng bước, mưu lược đó rất giống với sự suy nghĩ của Mao Trạch Đông khi đặt trọng tâm của cách mạng ở nông thôn.

Cải cách chẳng phải là vứt bỏ thể chế quản lý theo mô hình Liên Xô sao? Mô hình Liên Xô ở nông thôn thành công kém xa ở thành thị. Chính sách nông nghiệp của Trung Quốc chịu ảnh hưởng của Liên Xô không lớn, ngay dù công xã nhân dân "nhất đại nhị công" cũng không tập trung thống nhất như nông trang tập thể của Liên Xô. Phương thức kinh doanh truyền thống lấy gia đình làm đơn vị có sức sống dai dẳng. Dù có phê phán 20 năm về "khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa" ở nông thôn, quan niệm làm giàu ở nông thôn trước sau vẫn không

chấm dứt. Vì nông thôn không được hưởng "tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội" nhiều như người thành phố, nông dân không có tiền lương như công nhân, "nồi cơm to" (tức chế độ bao cấp - ND) ở nông thôn cũng không bằng ở thành phố. Nông dân không thể không tự chịu lỗ lãi, họ không thể dựa vào sự trợ cấp tiền vốn của nhà nước để kinh doanh, trừ những khi bị mất mùa, mới được nhà nước cứu tế. Kinh tế tự nhiên ở nông thôn dù "lạc hậu" hơn kinh tế kế hoạch ở thành phố, nhưng khi cải cách theo hướng thị trường,thì nông thôn lại "tiên tiến " hơn thành phố. Để nông dân chuyển hướng theo kinh tế thị trường hầu như là việc tự nhiên, chỉ cần nới lỏng khống chế là thực hiện được. Nhưng muốn đưa một xí nghiệp do nhà nước quản lý và công nhân của nó hướng theo thị trường thì lại là một cuộc cách mạng sâu sắc, trở lực sẽ lớn rất nhiều.

Từ đầu thập kỷ 60, khi Đặng đề ra "lý luận con mèo", đã ý thức thấy trong nông dân có khuynh hướng khoán sản phẩm tới hộ và kinh tế thị trường. Chính sách cải cách mở cửa do Hội nghị Trung ương lần thứ ba đề ra, không có điểm ưu tiên nào với nông dân, nhưng những người đầu tiên hưởng ứng, đầu tiên được lợi lại là đông đảo nông dân. Khi cuộc cải cách ở thành thị còn trong giai đoạn thí điểm thận trọng, thì gió bão cải cách nông thôn đã thổi khắp lục địa Trung Hoa. Thành tựu cải cách nông thôn đã tạo nên một sức ép vô hình với thành thị. Sản phẩm nông nghiệp phong phú đa dạng đã từ nông thôn tràn vào thành thị, khiến người thành thị bỗng cảm thấy tiền lương của nhà nước không đủ chi tiêu. Xí nghiệp hương trấn liên tục mấy năm đã phát triển với tốc độ hơn 20%, làm cho hình tượng các xí nghiệp lớn và vừa ở thành thị trở nên mờ nhạt.

Đứng trước nông dân ngày càng giàu lên, cảm giác về tính ưu việt vốn có của người thành phố dần dần tan biến. Họ cảm thấy "quân đã đến trước thành", bị làn sóng cải cách của nông thôn "bao vây" rồi.

Sự thành công của cải cách nông thôn chứng minh là Đặng đúng. Những người chống lại cải cách dần dần ít đi. Cuộc chỉnh đốn kinh tế bắt đầu từ năm 1979, do hình thế cải cách ở nông thôn phát triển, đã kết thúc sớm vào năm 1981. Đến đầu năm 1983, nông thôn toàn quốc đã phế bỏ chế độ công xã nhân dân, thực hiện sự chuyển biến lịch sử quan trọng sang khoán sản phẩm đến hộ. Quyền uy của Đặng với tính cách là tổng thiết kế sư của sự nghiệp cải cách mở cửa Trung Quốc đã được xác lập. Bức tranh tổng thể về cải cách Trung Quốc ngày càng rõ ràng trong tâm trí ông.

Hội nghị toàn thể Trung ương ba chỉ nêu những nét chính về cải cách mở cửa, cụ thể cải cách mở cửa thế nào còn rất nhiều điều chưa rõ, những vấn đề liên quan đến chủ thể kinh tế xã hội chủ nghĩa tức xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa, lại càng như vậy. Chữ "khoán" của nông thôn đã gợi ý rất nhiều. Mở rộng quyền tự chủ cho xí nghiệp có ảnh hưởng đến tính chất sở hữu toàn dân không? Chế độ nhận khoán gia đình đã phân riêng quyền sở hữu và quyền kinh doanh, đã giải quyết dễ dàng vấn đề này. Chế độ khoán ở nông thôn đã kết hợp rất tốt trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích; xí nghiệp ở thành thị theo đó mà giải quyết ba mặt nhà nước, xí nghiệp và cá nhân lâu nay vẫn không giải quyết được chẳng thuận hay sao? Nông dân lấy hộ làm đơn vị để nhận khoán, làm nhiều được nhiều, làm ít được ít, không làm không được, nếu xí nghiệp ở thành thị cũng làm như vậy, thì những trở ngại như chế độ bao cấp, tiền

lương cố định gây ảnh hưởng đến tính tích cực sẽ chẳng tự động bị phế bỏ sao?

Đặng cao hứng nói với khách nước ngoài: "Thành quả cải cách nông thôn đã làm tăng lòng tin của chúng tôi. Chúng tôi đã vận dụng kinh nghiệm cải cách nông thôn vào việc cải cách thể chế kinh tế ở thành thị"[1]. Kỳ thực, cải cách ở thành thị đã bắt đầu thí điểm vào năm 1978, dưới sự cổ vũ của cải cách nông thôn, mới tiến lên được một bước quyết định. Tháng 10-1984, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XII chính thức thông qua "Quyết định về cải cách thể chế kinh tế" bắt đầu cuộc cải cách thể chế kinh tế toàn diện lấy thành thị làm trọng điểm. Người ta gọi quá trình nông thôn bao vây thành thị đó bằng hình tượng "chữ Khoán vào thành phố".

3.4. NHIỀU THÀNH PHẦN KINH TẾ CÙNG TỒN TẠI

Tiền đề của sự làm sống động là cho phép tồn tại tính đa dạng. Giống như trước kia, nền kinh tế công hữu đơn nhất, cộng thêm sự quản lý theo kế hoạch tập trung thống nhất cao độ, khiến cả đất nước tương đương với một xí nghiệp, vừa không có cạnh tranh nội bộ, vừa không có sức ép bên ngoài, hình thành một kết cấu siêu ổn định, đương nhiên không thể nói đến sức sống và hiệu suất.

Mưu lược làm sống động kinh tế của Đặng Tiểu Bình chia làm hai loại, một là, những biện pháp mở rộng quyền tự chủ và du nhập cơ chế cạnh tranh từ nội bộ làm sống

1.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 238.

động kinh tế công hữu. Hai là, từ bên ngoài chủ thể kinh tế, cho phép các thành phần kinh tế phi công hữu tồn tại hợp pháp.

1) Cho phép kinh tế cá thể và kinh tế tư doanh (hai cái đó chỉ khác nhau ở chỗ có thuê mướn nhân công và thuê mướn nhiều ít) tồn tại.

2) Cho phép "xí nghiệp tam tư" (bao gồm Trung Quốc và nước ngoài chung vốn, Trung Quốc và nước ngoài hợp tác, thương gia nước ngoài hoàn toàn đầu tư) tồn tại.

Chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc vẫn lấy chế độ công hữu làm một trong những nguyên tắc cơ bản, tại sao lại cho phép những thành phần phi công hữu như cá thể, tư doanh, tư bản nước ngoài (một phần và toàn bộ) tồn tại?

Đặng trả lời: Đó là sự cần thiết để làm cho kinh tế sống động, "là làm sống động chủ nghĩa xã hội, không hại gì đến bản chất của chủ nghĩa xã hội"[1]. Cho phép những cái đó tồn tại trong một phạm vi nhất định, không có hại mà chỉ có lợi cho chủ nghĩa xã hội, ít ra thì cũng lợi nhiều hơn hại.

Kinh tế cá thể ít nhất có thể giải quyết công việc làm cho một số lớn người. Tuy (theo kinh tế chính trị học truyền thống) chủ nghĩa xã hội mất đi trận địa đó, nhưng nhà nước không phải lo nuôi số người đó. Khi những người đó giàu lên, nhà nước còn có thể thu được một số thuế. Ngoài ra, rất nhiều việc nhỏ về lưu thông trong chủ nghĩa xã hội cũng cần đến kinh tế tư doanh cá thể. Nhưng Đặng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 135.

không nói như thế, mà vẫn gọi là kinh tế cá thể. Gọi gộp cả hộ cá thể và kinh doanh tư bản vào với nhau như thế cũng cần qua suy lý lô gích: Phân biệt cá thể với tập thể, thực tế là tư nhân, và tư thì đối lập với công, cho nên nó mang tính chất tư bản chủ nghĩa. Vấn đề cho phép thuê mướn nhân công, gây chấn động tương đối lớn. Có người rất lo lắng: Đó chẳng phải chủ nghĩa tư bản là gì? Và chủ trương cần ngăn cấm. Thái độ của Đặng là: Không việc gì phải giải quyết vội vàng, cứ để vài năm xem, cho họ kinh doanh vài năm, chẳng ảnh hưởng gì đến đại cục, không tổn hại gì cho chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, nếu ngăn cấm, sẽ làm xao xuyến nhân tâm, cho là chính sách thay đổi, sẽ chẳng có lợi gì[1]. Đương nhiên, hạn chế một chút cũng là cần thiết. Thế là giữa thập kỷ 80 ban bố quy định: Nông dân và hộ cá thể không được thuê mướn quá 8 người. Nhưng, trên thực tế, sau này kinh tế tư nhân phát triển lên, số người được thuê mướn tăng vọt. Ở Ôn Châu, Triết Giang, số xí nghiệp tư nhân đặc biệt nhiều, phát triển thành "mô hình Ôn Châu" của các xí nghiệp tư doanh. "Mô hình Ôn Châu" không hề làm tổn hại cho chủ nghĩa xã hội, mà còn trở thành tấm gương cho các tỉnh nghèo noi theo.

Chấp nhận "xí nghiệp tam tư" lại càng khó khăn. Có người cho rằng, thêm một phần vốn nước ngoài là thêm một phần tư bản chủ nghĩa, nhiều xí nghiệp tam tư tức là nhiều nhân tố tư bản chủ nghĩa, là phát triển chủ nghĩa tư bản. Đặng phê bình những người đó, ngay đến kiến thức phổ thông cơ bản cũng không có. Những xí nghiệp chung vốn với nước ngoài, có một nửa là xã hội chủ nghĩa; thu phần nộp vào sở hữu xã hội chủ nghĩa. Ngay cả bộ phận

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.91.

vốn nước ngoài, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, chủ nghĩa xã hội cũng thu được lợi từ nguồn thuế và sử dụng lao động. Còn có thể học từ đó kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, từ đó nhận được thông tin, khai thác thị trường. Ngoài ra còn kéo theo một số ngành phục vụ cho những xí nghiệp đó phát triển lên, xây dựng gần đó một số xí nghiệp có lợi. Như vậy, sẽ làm sống động nền kinh tế.

Kinh tế phi công hữu đem lại cái lợi lớn nhất cho chủ nghĩa xã hội là bổ sung cho tài nguyên quốc gia. Theo thống kê, từ ngày cải cách, những xí nghiệp lớn và vừa của quốc doanh đem lại hiệu quả là "3 cái 1/3", tức 1/3 có lãi, 1/3 hòa vốn, 1/3 lỗ vốn, như vậy gộp lại là hòa vốn. Như vậy, nguồn tài chính quốc gia hàng năm trông vào đâu? Cho nên Đặng nói: "Chúng ta tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài, cho phép kinh tế cá thể phát triển, không làm ảnh hưởng đến điểm cơ bản là lấy kinh tế theo chế độ công hữu làm chủ thể. Ngược lại, tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài và cho phép kinh tế cá thể tồn tại và phát triển xét cho cùng là để phát triển sức sản xuất một cách mạnh mẽ, tăng cường nền kinh tế theo chế độ công hữu"[1].

Đương nhiên, Đặng biết rằng muốn bảo đảm cho kinh tế phi công hữu không làm hại chủ nghĩa xã hội hoặc làm cho lợi nhiều hơn hại, thì cần có 2 điều kiện: Một là, kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa trước sau chiếm địa vị chủ đạo; hai là, chính quyền của nhà nước vô sản cần mạnh mẽ.

Kinh tế công hữu chiếm địa vị chủ thể (từ 90% trở lên), kinh tế phi công hữu chỉ có tác dụng bổ sung, nó làm kinh tế xã hội chủ nghĩa sống động, nhưng không thể tấn

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 149.

công vào kinh tế xã hội chủ nghĩa, không thể làm phương hại bản chất chủ nghĩa xã hội.

"Điều quan trọng hơn là chính quyền nằm trong tay chúng ta"[1]. Cho phép kinh tế tư doanh, xí nghiệp tam tư tồn tại và phát triển, đương nhiên cũng đem lại một số bất lợi và tiêu cực, Đặng không phủ nhận điều đó, nhưng ông tin rằng: "Bộ máy nhà nước của chúng ta là có tính chất xã hội chủ nghĩa, nó có sức mạnh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa"[2]. "Một khi phát hiện thấy tình trạng đi chệch khỏi phương hướng xã hội chủ nghĩa, bộ máy nhà nước sẽ ra tay can thiệp, sửa chữa lại tình trạng đó"[3].

3.5. ÔNG ĐẶNG CHO XÍ NGHIỆP TÁCH KHỎI CHÍNH QUYỀN, TỰ MÌNH PHÁT TRIỂN; ĐỂ CHO CHÍNH QUYỀN THANH TỊNH VÔ VI, GIỮ MÌNH TRONG SẠCH

Nền kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là bộ phận công hữu, và đặc biệt hơn là các xí nghiệp lớn và vừa, trong một thời gian rất dài không sống động, nguyên nhân căn bản không phải là người Trung Quốc thiếu tính tích cực trong kinh doanh, mà là do chính quyền quản lý nhiều quá, chặt quá, làm cho các xí nghiệp bị bóp nghẹt.

Người ta lấy làm lạ: Tại sao cần quản lý nhiều thế? Quản lý ít đi một chút chẳng phải là đỡ việc hơn sao?

Vấn đề nếu giản đơn như thế, thì việc cải cách kinh tế của Đặng Tiểu Bình sẽ không cần thiết nữa, mà dù có cần thiết, cũng không thể gọi là một cuộc cách mạng.

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 373, 135, 139.

Quản lý hay không quản lý, quản lý nhiều hay ít, quản lý như thế nào, đều là do thể chế quyết định, mà không phụ thuộc vào ý chí cá nhân, ngay đến người lãnh đạo tối cao cũng không dễ thay đổi.

Thể chế quân sự do những năm chiến tranh để lại cộng thêm mô hình Liên Xô được du nhập từ sau ngày lập nước khiến cho Trung Quốc hình thành một nền chính trị toàn năng, đời sống xã hội được chính trị hóa toàn diện. Biểu hiện trong lĩnh vực kinh tế là chính quyền và xí nghiệp không tách rời. Chính quyền coi xí nghiệp là đơn vị thuộc quyền mình, việc sản xuất của xí nghiệp được coi như hoàn thành nhiệm vụ chính trị do cấp trên trao cho. Quan hệ giữa chính quyền và xí nghiệp là quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, Đặng đặt tên là quan hệ "mẹ chồng nàng dâu".

Đặng đã tóm tắt đặc điểm của thể chế quản lý kinh tế đó là: Bộ máy cồng kềnh, nhiều ngành, nhiều cấp, thủ tục rườm rà, hiệu suất cực thấp.

Bộ máy cồng kềnh tới mức nào? Có những bộ ở trung ương có hơn một vạn người. Nhiều ngành, một số tỉnh, thành phố, các ngành đảng và chính quyền có tới hơn một trăm. Nhiều cấp là vì từ trung ương đến cơ sở có rất nhiều nấc. Có nhiều ngành như thế, nhiều mẹ chồng như thế, trên dưới chen chúc cùng quản lý thì xí nghiệp làm sao mà không chết?

Nhiều mẹ chồng thì sẽ lạm quyền, kiếm việc để quản lý, kiếm cơm ăn. Anh quản lý, tôi cũng quản lý, kết quả là mọi việc của xí nghiệp từ người, tiền bạc, vật tư, sản xuất, cung ứng, tiêu thụ đều bị quản lý hết. Nếu quả thật họ đều quản lý thì xí nghiệp sẽ rảnh được nhiều. Kỳ thực

không phải như vậy, mọi việc từ cung ứng vật tư, nguồn vốn, nhân sự, giá cả sản phẩm, đối tượng phục vụ, đều do các "mẹ chồng" làm chủ, gật đầu thì mới được. Mỗi ngành một con dấu, mỗi vị bồ tát một tuần nhang, các xí nghiệp phụ thuộc không hề dám coi thường, nếu không anh sẽ bị kiềm chế không cựa quậy được. Hoạt động kinh doanh của xí nghiệp không xoay quanh nhu cầu của thị trường mà xoay quanh sắc mặt của thủ trưởng các ngành chủ quản. Như vậy thì làm sao có thể nói đến hiệu suất !

Xí nghiệp thiếu sức sống, không có hiệu quả, rút cục là do con lừa không chịu đi, hay cối xay không chịu quay? Trước đây vẫn có nhận xét cho rằng các ngành quản lý chưa đủ mức, lãnh đạo chưa đắc lực, cách nói điển hình là "nắm mà không chặt, coi như không nắm. Xòe bàn tay, tưởng như là nắm, nhưng thực ra không nắm được gì". Chẩn đoán của Đặng là quản lý quá nhiều, quá chết cứng. Lãnh đạo và ngành chủ quản cấp trên quản lý quá nhiều việc đáng ra không nên quản lý, quản lý không tốt và cũng không quản lý được, khiến cho tính tích cực, tính chủ động và tính sáng tạo của các địa phương, xí nghiệp và công nhân viên chức không thể phát huy được.

"Mục đích hợp pháp của sự tồn tại của chính quyền là làm những việc mà nhân dân cần làm, làm những việc mà nhân dân không làm được hoặc năng lực của họ không thể làm tốt. Còn những việc mà nhân dân có thể làm tốt, thì chính quyền không nên can thiệp". Căn cứ vào điều đó Tômát Giépphécsơn cho rằng: "Một chính phủ quản lý ít nhất là một chính phủ tốt nhất". Hăngri Đavít Sule cho rằng: "Chính phủ tốt nhất là chính phủ căn bản không phải làm gì cả".

Căn bản không quản lý thì e rằng không được, nhưng cố gắng quản lý ít đi thì khẳng định là có thể được. Điều đó cũng phù hợp với trí tuệ truyền thống của Trung Quốc là vô vi nhi trị.

Nhưng xét về tình hình Trung Quốc, từ chỗ "quản lý quá nhiều" đến "cố gắng quản lý ít đi" đòi hỏi một cuộc cách mạng về thể chế, cải cách thể chế quản lý kinh tế truyền thống.

Cuộc cải cách thể chế kinh tế do Đặng Tiểu Bình thiết kế, bước thứ nhất là tách riêng chính quyền và xí nghiệp (trong cải cách nông thôn thì là tách riêng chính quyền và công xã), để cho xí nghiệp thoát ly khỏi chính quyền, tự mình phát triển; để cho chính phủ thanh tịnh vô vi, giữ mình trong sạch.

Tách rời chính quyền và xí nghiệp là cuộc vận động theo hai hướng. Tách hay không tách, tách thế nào là do chính quyền quyết định. Vì vậy trước hết yêu cầu chính phủ phải tự giác, sáng suốt một chút, biết cái gì cần quản lý, cái gì không cần quản lý. Cái gì không cần quản lý thì trao xuống dưới, cái gì cần quản lý thì phải giải quyết vấn đề quản lý như thế nào.

Phương pháp cơ bản để giải quyết vấn đề "mẹ chồng" lạm quyền là "dỡ miếu đuổi thần", tinh giản cơ cấu chính quyền và nhân viên hành chính. Giảm bớt một ngành là giảm được 1 con dấu, giảm bớt một vị bồ tát là giảm được một tuần nhang. Có người dự tính nếu thực sự quán triệt "luật xí nghiệp", để xí nghiệp có quyền độc lập kinh doanh, thì các cấp chính quyền có thể giảm 30% cơ cấu và trên 50% nhân viên. Những cơ cấu thừa ra, có thể triệt tiêu hoặc biến thành thực thể kinh tế, tự mình lo toan lấy

mình. Những nhân viên thừa ra, Đặng khuyến khích họ xuống cơ sở ứng cử làm xưởng trưởng , giám đốc để phát huy bản lĩnh của mình.

Những ngành chức năng còn lại cũng cần thay đổi chức năng, giải quyết vấn đề quản lý như thế nào. Đặng yêu cầu thay đổi biện pháp dùng phương pháp hành chính để trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh tế như trước kia, mong các ngành quản lý học phương pháp quản lý kinh tế bằng các biện pháp kinh tế. Có người căn cứ vào nguyên tắc quản lý chặt vĩ mô và buông phần vi mô, nghiên cứu đề xuất công năng của các ngành chính quyền thu hẹp trong 8 chữ: Quy hoạch, điều hòa, đôn đốc, phục vụ. 8 chữ đó xét cho cùng đều mang tính phục vụ. Do đó có người chủ trương phương hướng thay đổi chức năng của chính quyền là giảm bớt chức năng hành chính, tăng thêm chức năng phục vụ. Điều này phù hợp với cách nghĩ "lãnh đạo tức là phục vụ" của Đặng.

Tinh giản cơ cấu chính quyền và thay đổi chức năng của chính quyền đều thuộc về nội dung cải cách thể chế chính trị, cho nên Đặng nói: "Xí nghiệp trao xuống dưới, tách rời chính quyền và xí nghiệp là cải cách thể chế kinh tế, cũng là cải cách thể chế chính trị"[1]. Nhưng dù nói thế nào, chỉ có làm tốt hai việc đó, xí nghiệp mới được cởi trói, quyền lực mới được trao xuống dưới, quan hệ giữa chính quyền và xí nghiệp mới hợp lý.

Năm 1984, quốc vụ viện đi bước thứ nhất, quyết định trao xuống dưới toàn bộ các xí nghiệp thuộc bộ cơ khí, các xí nghiệp công nghiệp cơ khí độc lập khác cũng trao xuống dưới. Các sở và phòng công nghiệp cơ khí của tỉnh và khu

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 193.

tự trị cũng không trực tiếp quản lý xí nghiệp. Các ngành giao thông, hàng không dân dụng và bưu điện cũng dần nới rộng việc quản lý các xí nghiệp. Các xí nghiệp bắt đầu trở thành các thực thể kinh tế độc lập, tự chủ kinh doanh. Từ năm 1986, từng bước thực hiện chế độ khoán trách nhiệm cho xí nghiệp, tiến một bước biến đổi quan hệ giữa chính quyền và xí nghiệp từ chỗ là quan hệ giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo sang quan hệ hợp đồng giữa người ủy thác và người nhận khoán.

3.6. MỞ RỘNG QUYỀN TỰ CHỦ

Phương hướng chung của việc cải cách thể chế kinh tế truyền thống của Đặng Tiểu Bình, biểu đạt bằng một câu là: Mở rộng quyền tự chủ. Đồng thời cũng là mưu lược cơ bản của ông để làm sống động nền kinh tế.

Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, Đặng chú trọng nói về vấn đề phát huy dân chủ kinh tế. Ông nói: "Hiện nay, thể chế quản lý kinh tế của nước ta là quyền lực quá tập trung, cần phải mạnh dạn và có kế hoạch trao xuống dưới, nếu không sẽ không có lợi cho việc phát huy tính tích cực của cả nhà nước, các địa phương, các xí nghiệp và người lao động, cũng không có lợi cho việc thực hiện quản lý kinh tế hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất. Cần để cho địa phương và xí nghiệp, đội sản xuất có nhiều quyền tự chủ trong quản lý kinh doanh hơn nữa"[1].

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 135.

Quyền quản lý tập trung rất cao cũng có chỗ tốt là có thể tập trung nhân lực, vật lực, tài lực, tiến hành xếp sắp thống nhất, xây dựng kinh tế quy mô lớn. Nhưng, sau 30 năm từ ngày lập nước, được hưởng đủ những cái tốt đó, những mặt xấu cũng thể hiện đầy đủ, mặt xấu là hạn chế tính tích cực của "hệ thống con", làm cho tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội không sao biểu hiện ra được.

Cái sáng suốt của Đặng là ở chỗ ông hiểu được nhân dân, đặc biệt là nhân dân Trung Quốc vốn cần cù lao động, có một tính tích cực bản năng với hoạt động kinh doanh. Do đó, bí quyết để làm tốt kinh tế, làm sống động xí nghiệp không phải là rót cho xí nghiệp bao nhiêu tiền, phái cho họ bao nhiêu cán bộ, dựng nên bao nhiêu cơ cấu phát xuống bao nhiêu chỉ thị, mà chỉ cần một cái, đó là cho họ đầy đủ quyền tự chủ.

Cái hay của quyền tự chủ là làm cho người sản xuất có được ý thức về mình trong trách nhiệm và lợi ích. Người sản xuất có quyền tự chủ kinh doanh, cũng sẽ chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, vì kinh doanh tốt hay xấu có quan hệ đến lợi ích thiết thân của họ. Có được cái ý thức về bản thân mình, người sản xuất sẽ tìm trăm phương ngàn kế để phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, không cần đến lực lượng bên ngoài quản lý họ.

Mở rộng quyền tự chủ chính là dùng mưu lược để phát huy tính tích cực. Đặng lấy thí dụ: "Một đội sản xuất có quyền tự chủ kinh doanh, thì một mảnh đất nhỏ chưa được trồng trọt, một mặt nước nhỏ chưa được sử dụng, xã viên và cán bộ cũng ngủ không yên, tìm mọi biện pháp để tận dụng. Toàn quốc có mấy chục vạn xí nghiệp, mấy triệu đội

sản xuất đều ra sức suy nghĩ, thì có thể làm ra được biết bao tiền của!"[1].

Biện pháp của Đặng rất nhanh chóng mang lại hiệu quả ở nông thôn. Sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba "cho nông dân quyền tự chủ, cho cơ sở quyền tự chủ, như vậy đã phát huy tính tích cực của nông dân, tính tích cực của cơ sở rất nhanh chóng, bộ mặt nhanh chóng thay đổi"[2]. Đặng nói, tốc độ đạt hiệu quả trong cải cách nông thôn là điều ông cũng không ngờ tới. Năm 1986, khi đi thị sát ở Thiên Tân, Đặng lại một lần nữa thấy rõ uy lực của quyền tự chủ. Cảng Thiên Tân mới được trao xuống dưới trong hai năm mà hiệu quả kinh tế đã tăng lên rõ rệt. Vẫn là những con người đó, vẫn là mảnh đất đó, mà vừa cải cách, hiệu quả đã lên ngay. Đặng nói: "Không có gì khác là trao quyền cho họ, trong đó quan trọng nhất là quyền dùng người"[3].

Nhằm vào hiện tượng quá tập trung quyền lực, Đặng mở rộng quyền tự chủ trên ba cấp: 1) Mở rộng quyền tự chủ cho địa phương, điều chỉnh quan hệ giữa trung ương và địa phương, phát huy tính tích cực của địa phương. 2) Mở rộng quyền tự chủ cho xí nghiệp (và đội sản xuất), điều chỉnh quan hệ giữa nhà nước và đội sản xuất, phát huy tính tích cực của các đơn vị sản xuất. 3) Mở rộng quyền tự chủ của cá nhân người sản xuất, điều chỉnh mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, phát huy tính tích cực của các cá nhân.

Quyền tự chủ kinh doanh của người sản xuất (tập thể và cá nhân), theo quan niệm của xã hội phương Tây hầu

1, 2, 3.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 136, 238, 116.

như là một quyền lợi tự nhiên trời cho. Người sản xuất không phụ trách và hưởng lợi về việc sản xuất của mình thì còn ai phụ trách và hưởng lợi? Ở Trung Quốc cần phát động cuộc cải cách để mở rộng quyền tự chủ là vì những quyền lợi đó đã bị tập trung không thoả đáng trong tay nhà nước và một số quan lớn thay mặt cho nhà nước. Do đó, mở rộng quyền tự chủ có nghĩa là thông qua cải cách thể chế tiến hành một lần phân phối lại quyền lực. Nghĩ đến sự gian khổ của công việc này, cuộc vận động mở rộng quyền của Đặng đã áp dụng sách lược tiến hành từng bước:

Bước thứ nhất là mở rộng chính sách kinh tế nông thôn, thực hiện chế độ trách nhiệm trong sản xuất nông nghiệp, mở rộng quyền tự chủ đến đơn vị sản xuất cá thể lấy cơ sở là gia đình. Bước thứ hai là bắt đầu mở rộng quyền cho các xí nghiệp công nghiệp thuộc sở hữu toàn dân. Bước này phức tạp hơn, nên lại phải chia làm ba bước nhỏ:

Tháng 7-1979, Quốc vụ viện có thông tri mở rộng quyền làm kế hoạch, quyền tài vụ, quyền tiêu thụ, quyền buôn bán với nước ngoài, quyền lao động cho các xí nghiệp.

Tháng 5-1984, lại mở rộng thêm các quyền kinh doanh sản xuất, tiêu thụ, định giá sản phẩm, mua vật tư, sử dụng vốn, xử lý tài sản, sắp xếp bộ máy, nhân sự lao động, khen thưởng nâng lương, liên hợp kinh doanh cho các xí nghiệp.

Tháng 4-1988, thông qua "Luật xí nghiệp công nghiệp thuộc sở hữu toàn dân của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa", quy định rõ thêm một bước về quyền tự chủ của xí nghiệp, phạm vi của nó về cơ bản đạt tới cao độ của khuôn

khổ kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nếu những quyền đó được thực hiện toàn bộ, thì sẽ đánh dấu việc các xí nghiệp quốc hữu của Trung Quốc thực sự thoát ly được sự can thiệp không bình thường của các cơ quan chính quyền và trở thành thực thể kinh tế kinh doanh tự chủ, tiến lên con đường tự chịu lỗ lãi, tự mình điều khiển và tự phát triển. ý nghĩa của việc đó không thể đánh giá thấp.

3.7. ĐẶNG NHƯ MỘT CÔNG TRÌNH SƯ TÀI GIỎI, THÚC ĐẨY VIỆC PHÂN HÓA TỔ HỢP QUYỀN LỰC, ĐÁNG PHÂN THÌ PHÂN, ĐÁNG HỢP THÌ HỢP, KHÔNG CHÚT HÀM HỒ

Toàn bộ cuộc cải cách là sự phân phối lại quyền lực. Đặng như một công trình sư tài giỏi, thúc đẩy việc phân hóa tổ hợp quyền lực, đáng phân thì phân, đáng hợp thì hợp, không chút hàm hồ.

Ở nông thôn, thực hiện chế độ khoán trách nhiệm theo ruộng đất, ở thành thị thực hiện chế độ khoán trách nhiệm kinh doanh, nẩy ra một vấn đề: Đất đai và xí nghiệp đều là của công, đem giao cho cá nhân (nông hộ và người kinh doanh) sử dụng, như thế không phải là làm yếu, làm tan rã chế độ công hữu hay sao?

Những vị phái tả phản đối cải cách đã đánh đồng chế độ khoán với tư hữu hoá. Chiếc mũ đó thật không nhỏ. Hãy nghĩ một chút về châm ngôn của Các Mác: Cương lĩnh của những người cộng sản, nói khái quát thành một câu, là tiêu diệt chế độ tư hữu. Mà ở Trung Quốc, vô số tiên liệt cách mạng đã đổ máu hy sinh cũng chính vì mục đích đó. Vấn đề thực sự nghiêm trọng.

Khoán sản phẩm đến hộ đã xuất hiện từ thập kỷ 60, sự thực chứng minh nó rất có hiệu quả đối với việc nâng cao hiệu suất lao động, tại sao lại coi nó ngang như "chia ruộng làm riêng lẻ" mà ra sức phê phán? Nguyên nhân căn bản là sợ nó phá hoại chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa. Nay tuy không giống như những năm trước, nhưng nếu không giải quyết vấn đề từ căn bản, thì việc phân tách chính quyền và xí nghiệp, mở rộng quyền tự chủ chỉ là nói suông, chế độ trách nhiệm cũng không có tác dụng gì.

Đặng gặp phải thách thức. Chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc cũng thừa nhận chế độ công hữu là một trong những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội. Chỉ riêng điểm đó, ông cũng không thể không sử dụng kỹ xảo biến báo để giải quyết vấn đề khó khăn này.

Biến báo trước hết cần làm rõ nguồn gốc. Các Mác đã từng coi quyền sở hữu tư liệu sản xuất bao gồm đất đai gồm có quyền chiếm hữu, quyền chi phối, quyền sử dụng. Quyền sở hữu đương nhiên phải thông qua quyền chi phối, quyền sử dụng để thể hiện, nhưng quyền chi phối, quyền sử dụng có thể tách rời tương đối với quyền chiếm hữu được không? Lịch sử đã có câu trả lời: Theo sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa, người sở hữu không trực tiếp chiếm hữu, chi phối và sử dụng tư liệu sản xuất ngày càng trở nên phổ biến.

Dù đó là thành quả của nền văn minh tư bản, Đặng vẫn tìm được những gợi ý. Đất đai và xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Nhưng nhà nước là ai? Là bộ máy nhà nước và tập thể. Bộ máy nhà nước và tập thể sử dụng những thứ đó thế nào? Vẫn là thông qua quốc dân, tức thông qua những cá nhân cụ thể.

Phương pháp biến thông đã tìm được, Đặng bắt đầu phê bình những người có tư tưởng không thông suốt: "Cải cách xí nghiệp chủ yếu là vấn đề làm sống động những xí nghiệp lớn và vừa của nhà nước. Dùng nhiều hình thức, tách riêng quyền sở hữu và quyền kinh doanh để phát huy tính tích cực của xí nghiệp, đó là một mặt rất quan trọng của cải cách. Vấn đề này chưa được giải quyết trong tư tưởng của một số đồng chí. Chủ yếu họ bị gò bó bởi khuôn sáo cũ. Kỳ thực, rất nhiều hình thức kinh doanh đều thuộc về phương pháp phát triển sức sản xuất, tức là có thể dùng cho chủ nghĩa tư bản, cũng có thể dùng cho chủ nghĩa xã hội, ai dùng tốt, sẽ có lợi cho người đó"[1].

Tách rời hai quyền, làm thông suốt mọi vấn đề: Chế độ khoán, chế độ thuê mướn, chế độ cổ phần đều thông suốt. Quyền sở hữu thuộc nhà nước và tập thể, người kinh doanh xí nghiệp chỉ có quyền kinh doanh, sử dụng, không làm thay đổi được tính chất của chế độ công hữu. Nếu anh muốn coi quyền sử dụng, kinh doanh là "bộ phận tổ thành hữu cơ" của quyền sở hữu thì cũng không có quan hệ gì, người kinh doanh xí nghiệp chỉ có "quyền sở hữu tương đối", "quyền sở hữu cuối cùng vẫn thuộc về nhà nước và tập thể".

Người sáng lập chủ nghĩa cộng sản đề xuất việc tiêu diệt chế độ tư hữu từng có một tâm nguyện tốt đẹp là giải quyết vấn đề tách rời giữa người sản xuất và tư liệu sản xuất. Song chế độ công hữu trước cải cách lại không thực hiện tâm nguyện đó, bởi vì khái niệm mơ hồ, gọi là công

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 192.

hữu, ai cũng có phần, nhưng lại không thuộc về sở hữu của bất cứ ai. Đặng tách rời hai quyền, cho người nhận khoán có quyền tự chủ kinh doanh, tìm ra con đường ngược lại để kết hợp người lao động với tư liệu sản xuất.

Việc tách rời hai quyền đã giải quyết được vấn đề khó khăn lớn xưa nay là không phân tách riêng chính quyền với xí nghiệp. Giữa chính quyền và xí nghiệp từ chỗ là quan hệ cấp trên cấp dưới chuyển sang quan hệ hợp đồng giữa người ủy thác và người nhận khoán. Hợp đồng chi phối xí nghiệp, cũng chi phối cả các ngành chính quyền. Xí nghiệp có thể có quyền tự chủ kinh doanh trong phạm vi quy định của hợp đồng nên không còn cần cầu xin "mẹ chồng" và sợ "mẹ chồng" nữa.

Nhà nước, tập thể, cá nhân đều có phần quyền lực là bao nhiêu, điều này là căn cứ vào ước định trong hợp đồng giữa hai bên. Thí dụ, quyền sử dụng ruộng đất, vốn quy định không được chuyển nhượng, cho thuê, mua đi bán lại. Đặc khu Thẩm Quyến đã dẫn đầu phá quy định đó, năm 1982, bắt đầu thu thuế sử dụng đất, năm 1987 lại bắt đầu thực hiện chế độ cho thuê đất đai. Nhà nước, người sở hữu 960 vạn km^2 đất đai, cuối cùng đã thấy ra. Năm 1988 liền sửa đổi hiến pháp, quy định có thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai theo pháp luật. Do đó, có chế độ khoán ruộng đất phải nộp tiền ở nông thôn, có thị trường cho thuê nhà cửa đất đai ở thành thị. Người ta bỗng phát hiện ra rằng đất đai có thể bán được tiền. Nhà nước kiếm được nhiều tiền, theo tin tức, năm 1992, một số thành phố có thu nhập tài chính từ nguồn cho thuê đất lên tới 36% tổng thu nhập. Ngành tài chính nhà nước đặt kế hoạch mỗi năm về sau sẽ thu từ nguồn chuyển nhượng, cho thuê, thế

chấp đất đai một khoản tiền là 3 tỷ đồng để bổ sung vào quỹ nhà nước. Nhà nước từ bỏ một vài quyền lực, lại thu được mối lợi rất lớn: Nền kinh tế sống động lên, tài chính có thêm thu nhập.

3.8. VÉ VÀO CỬA CỦA XÃ HỘI CỘNG SẢN RẤT ĐẮT GIÁ, KHÔNG THỂ MỌI NGƯỜI CÙNG MỘT LÚC VÀO ĐƯỢC THIÊN ĐƯỜNG GIÀU CÓ. CẦN PHẢI NGƯỜI TRƯỚC NGƯỜI SAU, LẦN LƯỢT TIẾN VÀO

Giống như Mao, Đặng theo đuổi lý tưởng đại đồng của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng ông có hai điểm khác với Mao: Một là, vé vào cửa của xã hội cộng sản rất đắt giá, cần có cơ sở vật chất là sự phát triển cao độ của sức sản xuất. Hai là, không thể mọi người cùng một lúc vào được thiên đường giàu có. Cần phải người trước người sau, lần lượt tiến vào.

Chủ nghĩa xã hội của Đặng vẫn giữ mục tiêu lý tưởng cùng giàu có như Mao, nhưng từ bỏ chính sách xã hội bình quân chủ nghĩa của Mao. Theo Đặng, phát triển bình quân, cùng giàu có một lúc là không có khả năng. Trước kia, Mao Trạch Đông thực hiện chủ nghĩa bình quân, ăn nồi cơm to, làm mất tính tích cực và hiệu suất, khiến toàn xã hội mất hết động lực,kết quả không phải là cùng giàu có, mà là cùng nghèo khổ.

Đặng rút ra bài học từ thất bại của Mao, thà kéo dãn cự ly, để từng người từng người một giàu có, còn hơn là để tất cả mọi người chen lấn nhau ngoài cửa, mà không ai vào được vương quốc giàu có. Do đó, Đặng đề ra chính sách lớn chống bình quân: Cho phép và khuyến khích một số

địa phương, một số xí nghiệp, một số cá nhân làm giàu trước.

Đặng gọi đó "là con đường ngắn nhất để tăng tốc độ phát triển, đạt tới cùng giàu có"[1]. Sự suy nghĩ của Đặng là: Một số người, một số

địa phương giàu lên trước, rồi sau sẽ thông qua các hình thức kích thích tinh thần, truyền bá kỹ thuật và giúp đỡ vật chất để gây ảnh hưởng và dẫn dắt những cá nhân khác, địa phương khác, thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế phát triển lên theo đợt sóng, cuối cùng đạt tới mục tiêu cùng giàu có.

Xem ra, Đặng tin rằng việc phân hóa theo hai cực là động lực của tiến bộ. Muốn làm cho mọi người đều giàu có, thì cần làm cho một số người giầu lên trước. Nhưng sự phân hóa theo hai cực mà Đặng cho phép là có giới hạn, không thể dẫn tới sự phân hóa người nghèo càng nghèo đi, người giàu càng giàu lên. Nếu như vậy, xã hội sẽ xuất hiện hậu quả tai hại: "Mâu thuẫn giữa các dân tộc, giữa các địa phương, giữa các giai cấp ngày càng phát triển tương ứng với nó, mâu thuẫn giữa trung ương và địa phương cũng sẽ phát triển, thì sẽ xuất hiện rối loạn"[2]. Đặng ý thức được rằng nếu chính sách của ông dẫn tới chỗ đó thì ông sẽ thất bại.

Làm thế nào để tránh được sự phân hóa mạnh theo hai cực? Đặng đề ra phương án như sau: Những địa phương và đơn vị giàu lên trước, sẽ thông qua nộp nhiều thuế và chuyển nhượng kỹ thuật để chi viện cho các địa

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 166, 364.

phương và đơn vị lạc hậu; những cá nhân giàu lên trước, sẽ thông qua nộp thuế và quyên góp để giúp những người khác.

Khi suy xét về những biện pháp đó, Đặng đề ra ba điểm hạn chế:

Phương thức: Đặng nhấn mạnh biện pháp thu thuế, rõ ràng không phải là chủ trương dùng lực lượng chính trị để "giết người giàu chia cho người nghèo", "rút của anh béo đem cho anh gầy", cho số người nghèo hưởng sản vật của người giàu; mà là khuyến khích những người giàu bỏ tiền ra làm các phúc lợi công cộng như giáo dục, nhưng phải là tự nguyện, chứ không được cưỡng ép, làm cho không ai dám làm giàu, thấy giàu lên sẽ bị thiệt, giàu lên sẽ phiền phức.

Thời hạn: Đặng nhấn mạnh không được làm quá sớm. Thí dụ: Số người giàu trước có thể nộp thuế nhiều hơn, nhưng không thể gánh vác quá nặng, làm hao mòn sức phát triển. Lúc bắt đầu có thể chuyển nhượng kỹ thuật. Còn biện pháp tăng thuế, Đặng dự tính đợi đến trình độ no đủ mới thực hiện. Lúc đó, bộ phận tiến trước có bỏ ra một ít tiền để chi viện cho bộ phận lạc hậu cũng không gây ảnh hưởng đến sự phát triển của mình.

Trình độ: Chủ trương cùng giàu của Đặng khác với quan niệm bình quân giàu nghèo truyền thống. Cùng giàu có không loại trừ sự khác nhau về mức độ giàu. Phương hướng giải quyết sự chênh lệch giàu nghèo là người giàu trước dắt dẫn người giàu sau mà không phải là ăn nồi cơm to, san bằng giàu nghèo. Làm như thế tưởng như rất công bằng, nhưng lại hy sinh hiệu suất. Đặng yêu cầu ưu tiên cho hiệu suất, chú ý công bằng cả hai phía, thực hiện

chính sách bảo hộ chứ không phải là ức chế sức phát triển của bộ phận giàu trước. Như vậy, bộ phận giàu sẽ ngày càng giàu thêm. Nhưng phần tài sản cá nhân vượt quá mức tiêu phí cho bản thân, thực chất là tài sản xã hội. Do tổng lượng tài sản xã hội tăng lên, nên bộ phận nghèo cũng giàu lên tương ứng.

3.9. "ĐỒNG CHÍ XEM, NGAY ĐẾN ĐỨA TRẺ NHỎ THẾ NÀY CŨNG BIẾT THẾ NÀO LÀ KÍCH THÍCH VẬT CHẤT"

Nghe nói có một hôm, ông Đặng dẫn đứa cháu đến thăm ông Mao. Mao Trạch Đông muốn đứa nhỏ gọi mình là ông, đứa nhỏ không làm theo. Mao thay đổi sách lược đưa ra một cái kẹo và tỏ ý: Nếu gọi là ông thì sẽ được ăn kẹo. Chú bé thấy kẹo, liền nổi ngay lòng hăng hái, nói ngọt xớt: "Cháu chào ông Mao". Đặng Tiểu Bình nhân cơ hội gợi ý Mao Trạch Đông: "Đồng chí xem, ngay đến đứa trẻ nhỏ thế này cũng biết thế nào là kích thích vật chất".

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba, Đặng đề xuất việc dùng biện pháp kinh tế để quản lý kinh tế, đưa ra một loạt đòn bẩy kinh tế. Cái quan trọng nhất để làm sống động xí nghiệp là lợi nhuận: Cho phép xí nghiệp có quyền chi phối lợi nhuận sau khi nộp thuế, toàn bộ quỹ lương của xí nghiệp phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế (lợi nhuận), xí nghiệp cần phải học buôn bán, phấn đấu giành lợi nhuận lớn nhất... Với những đòn bẩy về tiền lương, tiền thưởng, Đặng nói rõ: Bình bậc lương của công nhân viên chức chỉ có thể căn cứ vào kết quả công việc, trình độ kỹ thuật, cống hiến nhiều ít... mà không nên căn cứ vào thái độ

chính trị hoặc tư cách thế nào. Nếu làm tốt, có cống hiến nhiều, thì ngoài giấy khen, huy hiệu, động viên về tinh thần, còn cần phát tiền thưởng, nâng lương, khuyến khích về vật chất. Trước kia, thường phê phán những cái đó là "lợi nhuận dẫn đầu", "kích thích vật chất" là pháp quyền tư sản, là cái tồi tệ của chủ nghĩa xét lại. Đặng lại cho rằng làm như thế vừa thể hiện nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều của chủ nghĩa xã hội, vừa phát huy được tinh thần tích cực sản xuất của người ta, kết quả là cả cá nhân, tập thể và nhà nước đều có lợi.

Tác dụng của những đòn bẩy kinh tế đó kỳ thực rất giản đơn: Mỗi người đều có bản tính xuất phát từ lợi ích bản thân mà quan tâm đến thành quả lao động của mình. Đặng tin rằng kích thích vật chất càng phát huy được tính tích cực của người ta hơn là cổ vũ về tinh thần. "Không nói làm nhiều hưởng nhiều, không coi trọng lợi ích vật chất, đối với một thiểu số phần tử tiên tiến thì còn được, đối với đông đảo quần chúng thì không được, trong một thời gian ngắn thì còn được, trong thời gian dài thì không được". Ông thừa nhận tinh thần cách mạng là vô cùng đáng quý, nhưng "nếu chỉ nói về tinh thần hy sinh, không nói lợi ích vật chất, thì đó là duy tâm"[1].

3.10. NÍCHXƠN TIN RẰNG "NỒI CƠM NHỎ" CỦA ĐẶNG RÕ RÀNG NUÔI ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI HƠN LÀ "NỒI CƠM TO"

"Nồi cơm to" là chữ Đặng dùng để chỉ chính sách phân

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 136.

phối bình quân: Ở Trung Quốc, người phát minh sớm nhất về "nồi cơm to" có thể là Trương Lỗ thời Hán. Trương Lỗ lập nên tôn giáo "Ngũ đấu mễ" (năm đấu gạo), trong đó có một biện pháp xã hội gọi là "Trí nghĩa xá", tức ăn cơm không mất tiền. Mao Trạch Đông lập công xã nhân dân, nhất đại nhị công, là được gợi ý từ Trương Lỗ. Từ đó, cho rằng ăn "nồi cơm to" là tính ưu việt lớn của chủ nghĩa xã hội. Thế là xí nghiệp ăn "nồi cơm to" cuả Nhà nước, công nhân viên chức lại ăn "nồi cơm to" của xí nghiệp, ăn suốt trong hơn hai mươi năm.

Đặng nhận định dứt khoát: "Thực hiện chủ nghĩa bình quân, ăn "nồi cơm to" thì mức sống của nhân dân vĩnh viễn không thể cải thiện được, tính tích cực vĩnh viễn không thể phát huy được"[1] "Nồi cơm to" có hai cái xấu: Một là, "nồi cơm to" nuôi anh lười. Hai là, "nồi cơm to" càng ăn càng nghèo.

Lý luận "nồi cơm to" dựa vào vào nguyên tắc bình đẳng đáng sợ: Mọi người cùng ăn chung một nồi cơm to, trong nồi có cái gì thì mọi người ăn cái đó, không ai được đặc biệt hơn người khác, có phúc cùng hưởng, có khổ cùng chịu. Có điều, loại "bình đẳng" đó chỉ có lợi cho anh lười, là lôgích của anh lười. Anh lười không làm gì cả, cũng được ăn một phần như người khác, còn người lao động làm nhiều làm tốt bao nhiêu cũng chỉ được một phần như vậy, thế thì sao gọi được là bình đẳng? Chủ nghĩa bình quân, theo Đặng là không công bằng, vì nó quy định những mức lao động khác nhau đều được phần thù lao như nhau.

Biện pháp chống "nồi cơm to" là khoán, chia nồi ra mà

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 157.

ăn, làm bao nhiêu, ăn bao nhiêu do từng người tự phụ trách, hình thành một cơ chế cạnh tranh, phát huy tính tích cực của mỗi người để tăng tổng lượng sản phẩm xã hội. Níchxơn cho rằng đó là kết quả "của việc chọn lựa giữa chủ nghĩa bình quân phải trả giá bằng nghèo nàn và sự tiến bộ trả giá bằng sự không bình quân".Đất đai canh tác của Trung Quốc chỉ chiếm 6% của thế giới, mà hiện nay có thể nuôi sống số dân bằng 22% dân số thế giới. Ngược lại, nông dân Liên xô vẫn lao động trong mô hình nông trang tập thể của Xtalin vẫn không sản xuất đủ sản phẩm để nuôi sống 250 triệu người Liên Xô. Nghe sự so sánh đó của đại sứ Trung Quốc Hàn Tự, Níchxơn tin rằng "nồi cơm nhỏ" (phân phối theo lao động) của Đặng nuôi được nhiều người hơn là "nồi cơm to".

3.11. KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG ĐỀU LÀ THỦ ĐOẠN, TRONG BÀI NÓI CHUYỆN TẠI CUỘC TUẦN DU PHƯƠNG NAM NĂM 1992, ĐẶNG KHÔNG THỂ KHÔNG CHỌC THỦNG LỚP GIẤY BỌC CỬA SỔ CUỐI CÙNG

Đặng Tiểu Bình làm hai cuộc cách mạng quan trọng về kinh tế - chính trị học xã hội chủ nghĩa truyền thống: Một là, coi việc "phát triển sức sản xuất" lâu nay vẫn được coi không phải là bản chất của chủ nghĩa xã hội, giờ đây được xác định là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Hai là, đưa "kinh tế có kế hoạch" lâu nay được coi là quy định bản chất của chủ nghĩa xã hội, nay được coi là ngoài bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Không có thị trường thì việc làm sống động kinh tế, phát triển sức sản xuất đều trở thành lời nói suông. Cuộc cách mạng thứ hai của Đặng là sự phát triển lôgích của cuộc cách mạng thứ nhất, và có sức cuốn hút mạnh mẽ hơn cuộc cách mạng thứ nhất, vì nó động chạm đến thực chất của thể chế kinh tế truyền thống.

Đặc trưng căn bản của thể chế truyền thống là bài xích tác dụng của thị trường, coi chủ nghĩa xã hội và thị trường như nước với lửa, kinh tế thị trường là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản. Muốn phân rõ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản thì chỉ có thể làm kinh tế có kế hoạch. Giáo điều đó đã thống trị ở Trung Quốc hơn 20 năm. Thập kỷ 50, Trần Vân đề xuất khẩu hiệu "kế hoạch là chủ, thị trường là phụ", coi như đã mở một cửa nhỏ trong nền kinh tế kế hoạch đơn nhất, nhưng đã rất nhanh chóng bị phủ định trong thực tiễn. Lúc đầu cải cách, trước hết, Đặng nói lại cách đề xuất của thập kỷ 50, được phản ánh trong báo cáo tại Đại hội lần thứ XII (1982) là "kinh tế kế hoạch làm chủ, thị trường điều tiết làm phụ". Cách đề xuất trên, trong khi giải thích cụ thể có tiến bộ hơn thập kỷ 50, vì nó phân kế hoạch làm hai loại, là loại có tính pháp lệnh và loại có tính chỉ đạo, nhấn mạnh cần mở rộng phần kế hoạch mang tính chỉ đạo, giảm bớt phần kế hoạch mang tính pháp lệnh; bất luận là thực hiện loại kế hoạch nào cũng đều phải xét tới yêu cầu khách quan của phát triển kinh tế.

Nhưng, khi đi sâu vào thể chế kinh tế thành thị, đặc biệt là khi động chạm tới việc làm thế nào để làm sống động xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa (đây là lãnh địa chủ yếu của kinh tế có kế hoạch), thì khuôn khổ tư duy "kế

hoạch làm chủ, thị trường làm phụ" tỏ ra không đủ nữa. Đặng phải suy nghĩ xem làm thế nào để thúc đẩy kinh tế thị trường. Ông hiểu rõ ràng cần phải gạt bỏ trở ngại cho rằng kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội là hai thứ không thể dung hoà với nhau. Tháng 10-1985, trong khi tiếp đoàn đại biểu các nhà doanh nghiệp Mỹ, Đặng nói: "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường không có mâu thuẫn căn bản", vì thế chủ trương "kết hợp kinh tế có kế hoạch với kinh tế thị trường", xuất phát điểm của sự kết hợp là "dùng phương pháp nào để có thể phát triển sức sản xuất xã hội mạnh mẽ hơn"[1]. Nếu chỉ để phát triển sức sản xuất, thì giữa kế hoạch và thị trường bất tất phải xem xét cái nào là chủ, cái nào là phụ nữa. Đó là sách lược của Đặng. Vấn đề đã được ông làm nổi bật lên, nhưng ông vẫn chưa trực tiếp chỉ rõ ra.

Sự nói ngầm đó cũng tạo thuận lợi cho những người phản đối: Kết hợp kế hoạch với thị trường vẫn cần phải có chủ và thứ (các mặt đối lập của mâu thuẫn bao giờ cũng có chủ có thứ, đó là một phương pháp cơ bản khi phân tích vấn đề mà Mao Trạch Đông đã dạy người ta). Tất nhiên không thể nói thị trường là chủ (hàm ý thị trường không thể không có quan hệ với chủ nghĩa tư bản). Như vậy sẽ làm cho việc phát huy tác dụng của thị trường bị hạn chế rất nhiều. Đặng hiểu rõ vấn đề vẫn là ở chỗ chưa phân tách quan hệ giữa kế hoạch và thị trường với tính chất của chế độ xã hội. Tháng 2-1987, Đặng nêu rõ cốt lõi của vấn đề với mấy đồng chí lãnh đạo trung ương: "Tại sao cứ nói tới thị trường thì bị coi là tư bản, chỉ có kế hoạch mới là xã

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 148.

hội chủ nghĩa? Kế hoạch và thị trường đều là phương pháp cả mà!" Là phương pháp thì dễ giải quyết, không tồn tại vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa với tính chất tư bản chủ nghĩa. Phục vụ cho ai thì có tính chất đó. Đặng còn đặc biệt chỉ rõ "không nên nói lại kinh tế kế hoạch làm chủ"[1] Tư duy đó, mấy tháng sau biến thành khái niệm hạt nhân trong báo cáo tại Đại hội XIII: "Kinh tế hàng hóa có kế hoạch". Như vậy, kế hoạch chỉ là một từ hạn định, chủ thể là kinh tế hàng hóa, mà kinh tế hàng hóa thì không thể cự tuyệt thị trường được.

Như vậy, quan hệ giữa kế hoạch và thị trường đã được làm rõ, sự suy nghĩ về kinh tế thị trường nhanh chóng được rõ ràng. Nhưng năm 1989 khi dẹp động loạn lại dấy lên cuộc thảo luận. Động loạn, sự lan tràn của tự do hóa có quan hệ gì đối với việc xem nhẹ quản lý theo kế hoạch và đề cao tác dụng của thị trường không? Đặng rất lo ngại việc trở lại với thể chế kế hoạch trước kia, làm cho kinh tế mất sức sống. Vì vậy, ông nhấn mạnh vẫn phải "kiên trì tiếp tục kết hợp kinh tế có kế hoạch với kinh tế thị trường. Điều đó không thể thay đổi"[2]. Còn như trong thực tế công tác cái nào nhiều hơn hay ít hơn một chút, thì có thể linh hoạt, nhưng khẳng định sẽ không coi "kế hoạch làm chủ" nữa. Nhưng câu nói đó khi phát biểu chính thức có sửa đi hai chữ là: Kết hợp kinh tế kế hoạch với điều tiết thị trường. Môn tu từ trong chính trị Trung Quốc thật là chu đáo: Thị trường chỉ là thủ đoạn điều tiết, có tác dụng bổ sung kèm theo, đương nhiên không thể xếp ngang hàng với cái chủ thể là "kinh tế có kế hoạch". Sự biến động hai từ ấy tỏ rõ tư tưởng chỉ đạo lại quay về với "kế hoạch làm

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 203, 306.

chủ, thị trường làm phụ". Đặng không thể không tốn nhiều sức lực để làm một cuộc sửa chữa mang tính lịch sử lần thứ hai vào vài ba năm sau.

Chứng bệnh vẫn là do quan niệm cũ, vẫn cảm thấy ẩn núp sau kinh tế thị trường có ma quỷ của chủ nghĩa tư bản. Tháng 12-1990, Đặng nói với mấy đồng chí phụ trách trung ương: "Chúng ta cần phải làm rõ về lý luận sự khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản không phải là vấn đề kế hoạch hay thị trường". Khi thị sát Thượng Hải vào tháng 1-1951, ông lại nói: "Không nên cho rằng cứ nói kinh tế có kế hoạch là chủ nghĩa xã hội, cứ nói kinh tế thị trường là chủ nghĩa tư bản".Đặng còn nói, Báo cáo của Đại hội XIII có nêu ra câu "nhà nước chỉ đạo thị trường, thị trường dẫn đường xí nghiệp", ông không thấy có vấn đề gì. Cách nói đó hầu như trở lại quan điểm năm 1987, nhưng nó không có tác dụng gì lớn. Đặng không thể không làm một động tác lớn, và phát biểu trong cuộc tuần du phương Nam năm 1992, chọc thủng lớp giấy bọc cửa sổ cuối cùng; tiêu chuẩn căn bản để phán đoán tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa là xét xem có lợi cho phát triển sức sản xuất hay không, nâng cao sức mạnh tổng hợp của cả nước, cải thiện mức sống nhân dân hay không. Kế hoạch và thị trường chẳng qua chỉ là phương pháp để phát triển sức sản xuất, cho nên "kế hoạch nhiều hơn một chút hay thị trường nhiều hơn một chút không phải là sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội". Lần này thì lời của Đặng có tác dụng, cách đề xuất của báo cáo trong Đại hội XIV về mô thức và mục tiêu của thể chế kinh tế không có hai chữ "kế hoạch" nữa, mà là "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Cải cách là để xây dựng thể chế kinh tế thị

trường đơn nhất. Dù loại kinh tế thị trường đó không bài xích kế hoạch và trước nó còn có từ hạn định "xã hội chủ nghĩa", nhưng có một điều có thể khẳng định là người ta không còn phải lo về chuyện kế hoạch nhiều hay thị trường nhiều nữa. Đặng đã hoàn thành một kỳ tích trong lịch sử phát triển chủ nghĩa Mác: Đưa kinh tế thị trường vào chủ nghĩa xã hội. Kỹ thuật đưa vào của ông tương đối cao: Trước hết, chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch, điều đó không ai phủ nhận được, cho nên kinh tế có kế hoạch không có nghĩa là chủ nghĩa xã hội. Ngược lại cũng như vậy, kinh tế thị trường cũng không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản. Thế là quan hệ giưã kế hoạch và thị trường không liên quan gì đến tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cả. Hai cái đó đều là thủ đoạn kinh tế. Đã là thủ đoạn thì hễ có lợi cho phát triển sức sản xuất, đều có thể lợi dụng. Thị trường có thể phục vụ cho chủ nghĩa tư bản, tại sao lại không phục vụ được cho chủ nghĩa xã hội? Nó đã phục vụ cho chủ nghĩa xã hội, thì nó là xã hội chủ nghĩa.

3.12. NÂNG NGƯỜI KHỎE TRƯỚC, NÂNG NGƯỜI YẾU SAU, NÂNG NGƯỜI YẾU NHƯNG KHÔNG CHẶN NGƯỜI KHỎE, ĐỂ CHO NGƯỜI KHỎE CÀNG KHỎE LÊN, NGƯỜI YẾU CŨNG KHỎE LÊN. ĐÓ LÀ MƯU LƯỢC "ƯU TIÊN HIỆU QUẢ", "CHÚ Ý CÔNG BẰNG CẢ HAI PHÍA" CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

Cho phép một số người giàu lên trước bằng cách cần cù lao động; căn cứ vào lao động và cống hiến nhiều hay ít mà kéo dài khoảng cách lương bổng; phần tử trí thức được dựa theo năng lực mà giao chức cấp khác nhau, hưởng thụ

và đãi ngộ khác nhau; cán bộ hành chính dựa vào năng lực và thành tích mà sử dụng và thăng giáng, có năng lực thì ở trên, kém năng lực thì ở dưới; tuyển sinh vào đại học chọn người giỏi, thậm chí trung tiểu học cũng khuyến khích học giỏi, mở trường trọng điểm, lớp học nhanh, lớp học chậm, những học sinh có thành tích học tập tốt được hưởng điều kiện ưu đãi. Một loạt chính sách đó của Đặng Tiểu Bình, về ý nghĩa mưu lược ngoài việc thưởng chăm phạt lười, còn có một điều: Nâng đỡ người khỏe chứ không nâng đỡ người yếu.

"Tạo hóa" phân năng lực con người thành người khỏe và người yếu. Vì vậy, có hai loại lôgích khác nhau: Chủ nghĩa bình quân và chính sách ưu đãi. Có người nói chủ nghĩa cộng sản là sáng tạo của kẻ yếu. Nếu giải thích chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa bình quân, thì đúng là có lợi cho người yếu: Người yếu cống hiến cho xã hội ít hơn người khỏe, nhưng lại được thù lao ngang với người khỏe. Chính sách đó phù hợp với đạo đức truyền thống của Trung Quốc: Đồng tình, chiếu cố, ưu đãi người yếu. Nhưng nó làm cho người khỏe bị thiệt, hình thành cơ chế "đánh roi vào con trâu đi nhanh".....

3.13. ĐẶNG TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM CHO XIXANUA: CẦN COI TRỌNG GIAO LƯU QUỐC TẾ RỘNG RÃI. CÓ THỂ GIAO DỊCH VỚI BẤT KỲ AI, TRONG QUÁ TRÌNH GIAO DỊCH PHẢI TÌM LỢI TRÁNH HẠI. THEO CÁCH NÓI CỦA CHÚNG TÔI, ĐÓ LÀ MỞ CỬA VỚI BÊN NGOÀI

Mưu lược kinh tế của Đặng Tiểu Bình khái quát lại chẳng qua có hai điều: cải cách bên trong, mở cửa với bên ngoài.

Đặng trao đổi kinh nghiệm cho Xixanua (Tổng thống Môdămbích): "Xây dựng một đất nước, không nên đặt mình vào trạng thái đóng kín và địa vị cô lập. Cần coi trọng giao lưu quốc tế rộng rãi. Có thể giao dịch với bất kỳ ai, trong quá trình giao dịch phải tìm lợi tránh hại. Theo cách nói của chúng tôi, đó là mở cửa với bên ngoài"[1].

Đặng coi việc mở cửa với bên ngoài là một quốc sách căn bản để mưu cầu phát triển cho Trung Quốc, là xuất phát từ tầm nhìn "kinh tế thế giới". Khoảng từ sau cách mạng công nghiệp, sự phát triển kinh tế của các nước trên thế giới ngày càng nhất thể hoá, khiến bất kỳ nước nào muốn phát triển đều không thể đóng kín cửa. Trung Quốc trong một thời gian dài ở vào trạng thái đình trệ, lạc hậu, theo Đặng, một nguyên nhân quan trọng là đóng kín cửa. Tính từ giữa triều Minh đến chiến tranh nha phiến, có tới hơn ba trăm năm đóng kín cửa. Chiến tranh nha phiến đã khiến người Trung Quốc phải nếm quả đắng của việc đóng cửa, thế là có cuộc vận động học tập phương Tây. Nhưng cuộc vận động này lại phá sản sau thất bại của cuộc chiến tranh trên biển năm Giáp Ngọ (tức chiến tranh Trung-Nhật 1894 - ND). Từ đó, người Trung Quốc ôm mối hận bị ngoại bang đè nén thay cho việc suy nghĩ phải học tập nước ngoài. Thắng lợi năm 1949 có thể coi là giành được độc lập dân tộc, nhưng con đường đi ra thế giới hầu như càng quanh co hơn. Các nước phương Tây không thừa nhận nước Trung Hoa mới xã hội chủ nghĩa, Mao Trạch Đông đành ngả hẳn về phía Liên Xô. Như vậy cũng coi

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 260.

là mở cửa, nhưng mới mở hé được một nửa. Không lâu sau Trung - Xô phân liệt, nửa cánh cửa đó cũng bị đóng lại. Theo cách nói của Đặng, hơn 30 năm sau khi lập nước, trên một trình độ nhất định, vẫn là đóng cửa. Trong đó có nguyên nhân bên ngoài, tức "người ta phong toả chúng ta", cũng có nguyên nhân bản thân, là quá tin vào kỳ tích tự lực cánh sinh. Trong đại cách mạng văn hóa, "nhóm bốn tên" mượn sự kiện tàu Phong Khánh, phê phán việc "sùng bái nịnh nọt phương Tây". Đặng Tiểu Bình tranh cãi với họ: "Mới có một vạn tấn đã làm rùm beng. Năm 1920, khi sang Pháp du học tôi đã đi tàu ngoại quốc 5 vạn tấn"[1].

Đặng đã tổng kết nỗi đắng cay của việc đóng cửa lâu dài sau cuộc đi Tây Dương của Trịnh Hòa: "Làm cho Trung Quốc nghèo nàn lạc hậu, ngu muội vô tri"[2].

Lại tổng kết bài học hơn 30 năm từ khi Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền: "Đóng cửa lại xây dựng là không được, không thể phát triển lên được"[3].

Kết luận là "Trung Quốc muốn mưu cầu phát triển, thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, thì phải mở cửa"[4].

Đặng làm công tác tư tưởng với các lão đồng chí gần gũi với mình: "Nếu không mở cửa, mà lại đóng cửa như cũ, mà muốn trong 50 năm tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới, khẳng định là không thể được"[5].

Hiện nay thị trường thế giới đều bị các nước phát triển chiếm hết, một nước chưa phát triển như Trung Quốc mà giao dịch với họ thì thu được lợi gì?

Đặng có cách nhìn của mình, nhìn vào ba vấn đề: tiền

1, 2, 3, 4, 5. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 367, 90, 64, 266, 90.

vốn, kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý của nước ngoài. Những cái mà các nước phương Tây có, đó là điều vô cùng cần thiết cho Trung Quốc.

Trung Quốc muốn hiện đại hóa, nhưng vốn liếng mỏng, tiền bạc ít. Tiếp nhận và lợi dụng tiền vốn nước ngoài, theo Đặng, "là nguồn bổ sung không thể thiếu được".

Nói tới khoa học kỹ thuật, Đặng nói: "Nếu không mở cửa, chúng ta chế tạo xe hơi, sẽ vẫn cứ phải dùng búa nện chí chát như trước kia sao?". Ngày nay tuy không phải dùng búa nữa, nhưng khoảng cách với các nước tiên tiến, theo Đặng, ít nhất cũng phải 30 năm nữa.

Mở cửa với bên ngoài là nhu cầu nội tại của kinh tế Trung Quốc để hướng ra thế giới. Đặng làm một con toán, thực hiện mục tiêu chiến lược của bước thứ ba, tổng giá trị sản lượng quốc gia cả năm sẽ đạt 1000 tỷ đôla. Đến lúc đó "Sản phẩm của chúng ta sẽ làm thế nào? Hoàn toàn tiêu thụ trong nước chăng? Cái gì cũng tự làm lấy sao? Vẫn cứ phải nhập từ ngoài một số và bán ra ngoài một số".

Cho nên Đặng nói: "Nếu không có chính sách mở cửa, thì tăng lên gấp bốn lần rất khó, và sau đó tiếp tục tiến lên lại càng khó hơn". Theo thiết kế của ông, Trung Quốc ít nhất trong 50 năm cũng không bỏ được chính sách mở cửa[1].

Việc mở cửa của Đặng không chỉ là nghiêng về một nước nào, mà là mở cửa toàn diện với mọi nước trên thế giới, bao gồm ba mặt:

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 90.

Một là, mở cửa với các nước phát triển phương Tây. Đặng chủ yếu nhằm vào vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước đó.

Hai là, mở cửa với các nước thuộc Liên Xô cũ và các nước Đông Âu. Với những nước này, không trông mong gì có vốn, nhưng có thể buôn bán, hợp tác kỹ thuật, đổi mới kỹ thuật hoặc góp vốn kinh doanh.

Ba là, mở cửa với các nước đang phát triển trong thế giới thứ ba. Những nước này còn chưa phát triển bằng Trung Quốc, giao dịch với họ không bị thiệt, nên Đặng nói là có thể hợp tác về nhiều mặt.

Mở cửa về ba mặt đó, Đặng nhằm mục tiêu chủ yếu là các nước phát triển phương Tây, vì họ có cái mà công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc cần tới, nhất là vốn và kỹ thuật. Đương nhiên, nhà tư bản không thể cho không vốn và kỹ thuật, Đặng chỉ cần tuân thủ quy tắc của chủ nghĩa tư bản, cho phép "những người giúp chúng ta về vốn và kỹ thuật sẽ thu được lợi ích không nhỏ hơn phần họ đã giúp đỡ chúng ta"[1]. Cho người ta được lợi, được ăn quả ngọt, là nhằm mục đích lấy được vốn và kỹ thuật của họ để làm lợi cho ta.

Các nước phương Tây chiếm ưu thế về vốn và kỹ thuật, Trung Quốc giao dịch với họ, rõ ràng là chịu thiệt, vậy phải làm thế nào? Đặng không thể không chấp nhận điều đó, ông tính toán được mất, tạm thời chịu thiệt một chút, thậm chí chịu bóc lột một chút, chỉ cần để đổi lấy sự phát triển cho Trung Quốc, đặt cơ sở để sau này trong giao lưu trên thế giới, Trung Quốc sẽ có sức mạnh để không chịu thiệt nữa. Như vậy cũng đáng để trả giá rồi.

1.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 80.

Ngoài ra, còn phải xét tới mặt chính trị: Tiếp nhận vốn nước ngoài, có thể làm mất cái gốc là chủ nghĩa xã hội không? Đặng tin rằng không thể, dù có tiếp nhận mấy chục tỷ, mấy trăm tỷ tiền vốn nước ngoài cũng không thể làm tan rã được cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì cơ sở đó rất lớn, dù mở cửa thế nào, dù vốn nước ngoài đổ vào bao nhiêu, thì tỷ lệ cũng vẫn là rất nhỏ, không thể gây ảnh hưởng đến chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa.

Với "những cái của phương Tây", Đặng đã lựa chọn theo nguyên tắc tìm lợi tránh hại. Khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của phương Tây là sản phẩm của nền sản xuất lớn xã hội hóa, bản thân không có tính giai cấp, có thể mạnh dạn tiếp nhận để dùng cho mình. Còn chế độ chính trị và quan niệm giá trị phương Tây thì Đặng cho rằng không nên du nhập, nếu du nhập thì sẽ không có lợi cho ổn định xã hội và xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, trong hiện thực, rất khó mà tách biệt hoàn toàn mặt lợi và hại. Đặng thừa nhận rằng trong khi tiếp nhận vốn và kỹ thuật phương Tây, khẳng định rằng có thể kèm theo những nhân tố tiêu cực. Có nhân tố tiêu cực thì đóng cửa lại chăng? Không, Đặng cân nhắc lợi hại, thấy rằng "những nhân tố tiêu cực xen vào, so với hiệu quả tích cực mà vốn nước ngoài giúp đẩy nhanh tốc độ phát triển, thì ít hơn rất nhiều"[1]. Ngoài ra, nhân tố tiêu cực cũng không khó khắc phục. Đặng đã có biện pháp, đó là biện pháp Đặng đã dùng để kiềm chế mặt cải cách mở cửa: Giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, trừng trị nghiêm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 65.

khắc các hoạt động phạm tội, tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước v.v..

Trải qua hơn 10 năm cố gắng, Đặng đã đưa nước Trung Hoa già nua từng bước, từng bước tiến ra thế giới. Trước mắt đã hình thành việc mở cửa toàn diện đi từ bước mở cửa ở các đặc khu kinh tế, các thành phố ven biển, các khu vực mở cửa đến việc mở cửa trên toàn lục địa.

3.14. CÓ THỂ KHOANH MỘT VÙNG GỌI LÀ ĐẶC KHU. THIỂM-CAM-NINH LÀ MỘT ĐẶC KHU. TRUNG ƯƠNG KHÔNG CÓ TIỀN CÁC ĐỒNG CHÍ HÃY TỰ LÀM, MỞ MỘT CON ĐƯỜNG MÁU TIẾN LÊN

Đặng Tiểu Bình đã nghĩ tới đặc khu kinh tế như thế nào? Theo nói lại, ý nghĩ nảy ra tại hội nghị công tác trung ương vào tháng 4-1979. Trong hội nghị, những người phụ trách tỉnh ủy Quảng Đông là Tập Trọng Huân, Dương Thượng Côn nói tới việc cần phát huy ưu thế của Quảng Đông, Đặng luôn tiện đề ra ý tưởng lập đặc khu kinh tế: Có thể khoanh một vùng gọi là đặc khu. Thiểm - Cam - Ninh là một đặc khu. Trung ương không có tiền. Các đồng chí hãy tự làm, mở một con đường máu tiến lên. Sau, cử Cốc Mục dẫn một tổ công tác đến Quảng Đông, Phúc Kiến khảo sát, chọn Thẩm Quyến, Chu Hải, Sáu Đầu và Hạ Môn làm đặc khu. Kiến nghị đó được chấp thuận vào tháng 7 trong năm. Từ đó, trên bản đồ xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc nảy ra bốn bông hoa có mầu sắc đặc biệt.

Đặc khu là cửa sổ mở ra bên ngoài, cần móc nối với thế giới tư bản, cho phép tồn tại một số nhân tố tư bản chủ

nghĩa. Như vậy là không giống với chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn đại lục.

Trên thế giới, chưa có nước xã hội chủ nghĩa nào tiến hành cuộc thí nghiệm như vậy. Đặng dùng một chữ "đặc" để giải thích: Chính sách ở đặc khu khác với các khu vực khác, không như thế thì sao gọi là đặc khu? Ông nhớ tới biên khu Thiểm - Cam - Ninh năm nào, đó là một khu vực đặc biệt trong thời Quốc dân đảng. Ông và Mao Trạch Đông cùng những đồng chí khác chính là đã từ khu Xô viết Trung ương - biên khu Thiểm - Cam - Ninh - khu giải phóng Hoa Bắc đó để mở một con đường máu tiến lên. Ngày nay, vì sự nghiệp hiện đại hóa, tại sao lại không làm một lần nữa?

Trung ương không có tiền, nhưng có chính sách. Hạt nhân của chính sách đó là trao quyền tự chủ cho địa phương. Còn đặc khu, thì cần phải đặc biệt, để cho họ tự làm lấy. Tháng 7-1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện cho phép hai tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến thực hiện chính sách đặc biệt, áp dụng những biện pháp đặc biệt trong hoạt động kinh tế. Hai tỉnh lại mở rộng mô hình đó, thực hiện chính sách đặc biệt trong bốn đặc khu thuộc vùng của mình. Có người so sánh: Những đặc khu trong lục địa cho phép tư bản nước ngoài lợi dụng sức lao động và tài nguyên thiên nhiên còn ưu đãi hơn cả Hương Cảng và Đài Loan nữa.

Trung ương chỉ cho chính sách mà không cho tiền, đặc khu liền biến chính sách thành tiền, dựa vào tiền vốn đầu tư, trước hết là tiền vốn của Hoa kiều và của Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan để tự phát triển. Thẩm Quyến giáp với

Hương Cảng, Chu Hải giáp với Áo Môn, Sáu Đầu thì vì có nhiều người Triều Châu ở các nước Đông-Nam Á, Hạ Môn thì vì có rất nhiều người nam Phúc Kiến buôn bán ở ngoại quốc. Đặng tin rằng chỉ cần nới rộng chính sách, cung cấp nhiều ưu đãi, cho người ta mối lợi, đồng thời chú ý đến tín dụng, thì người Hoa ở nước ngoài, thương gia Hoa kiều sẽ ưu tiên đầu tư vào đại lục, thương nhân nước ngoài cũng sẽ nối gót, như vậy đặc khu sẽ giống như hồ chứa nước, thu hút vốn nước ngoài đổ vào. Mưu lược đó quả nhiên đem lại hiệu quả. Theo thống kê, hai tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến thông qua đặc khu, trong 6 năm đầu đã thu hút được khoản đầu tư là 1,7 tỷ đô la, chiếm 43,5% tổng số vốn đầu tư trong cả nước cùng thời gian đó.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng thu nhập ngoại tệ, tăng thêm việc làm, làm kinh tế địa phương phồn vinh là một trong những mục đích lập đặc khu của Đặng Tiểu Bình, nhưng không phải là tất cả, thậm chí không phải là mục tiêu chủ yếu. Theo nhận xét của Đặng, đặc khu không phải là kho vàng, mà là cửa sổ: "Cửa sổ về kỹ thuật, cửa sổ về quản lý, cửa sổ về tri thức, cửa sổ về chính sách đối ngoại. Từ đặc khu có thể nhập kỹ thuật, học được tri thức, học được cách quản lý". Đó mới là những cái có ý nghĩa chiến lược giúp cho kinh tế Trung Quốc cất cánh. Rõ ràng Đặng dùng đặc khu làm cầu nhảy để đưa Trung Quốc tiến ra thế giới, qua cầu nhảy đó mà tiếp cận khoa học kỹ thuật và phương thức quản lý tiên tiến trên thế giới, mở một con đường máu tiến ra vũ đài kinh tế thế giới.

Đặng đặc biệt đề cập tới cửa sổ về chính sách đối ngoại: "Đặc khu trở thành căn cứ địa để mở cửa, không

những về mặt kinh tế, bồi dưỡng nhân tài đều có lợi cho ta, mà còn mở rộng ảnh hưởng đối ngoại của chúng ta"[1]. Bốn đặc khu mở tại vùng tiếp giáp Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan là thiết kế khôn khéo của Đặng. Theo nói lại, trước kia có người đã dựng một kính viễn vọng trên cao ở Hương Cảng để cho du khách quan sát tình trạng "nước sôi lửa bỏng"ở đại lục Trung Quốc. Đặng hô khẩu hiệu, lập thêm mấy "Hương Cảng" mới, tức là mở thêm mấy cửa sổ để cho người ngoài xem thấy đại lục cũng có cái hấp dẫn, Đảng Cộng sản cũng có thể tạo được phồn vinh, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc không hề thua kém chủ nghĩa tư bản. Năm 1984, Đặng đến thăm Thẩm Quyến, thấy có người trước đã kia xông pha nguy hiểm từ Bảo An chạy ra Hương Cảng, nay lại bị thu hút trở về. Đặng tin tưởng sự phát triển của đặc khu sẽ có tác dụng làm ổn định lòng người Hương Cảng, Áo Môn, thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng, Áo Môn và thúc đẩy Đài Loan trở về với Tổ quốc. Năm 1997, Hương Cảng sẽ trở về với Tổ quốc, lúc đó tuyến biên giới giữa Hương Cảng và Thẩm Quyến sẽ không còn nữa, nhưng sự khác nhau giữa hai chế độ vẫn tồn tại. Nếu Thẩm Quyến vẫn là một thị trấn nhỏ lèo tèo như trước kia, thì thu hồi Hương Cảng lại chẳng thành một tai nạn hay sao?

Tác dụng của đặc khu không phải chỉ có một chiều, đối ngoại, nó là cửa sổ mở ra bên ngoài, đối nội, nó lại là một hình mẫu cải cách. Về cải cách thể chế kinh tế ở thành thị, ngay từ năm 1979 đã có rất nhiều thành phố

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 52.

làm thí điểm, nhưng rất kỳ quái là những điểm đó mãi tới đầu năm 1984 vẫn không dựng lên được. May mà Đặng Tiểu Bình còn có nước cờ khác, dùng mở cửa để thúc đẩy cải cách, ông đưa rất nhiều biện pháp cải cách áp dụng ở đặc khu. Thí nghiệm cải cách ở đặc khu thuận lợi hơn ở các nơi khác rất nhiều. Vì đây là đặc khu, có thể phóng tay làm. Đây lại là khu vực nhỏ, có thất bại cũng không quan trọng lắm. Lúc đầu thí nghiệm, những người có thái độ hoài nghi, phản đối cũng không ít, nhưng lý do của họ không chống lại được sự phản bác: Đây là đặc khu, là thí nghiệm mà, để xem xem rồi hãy nói. Thành công của đặc khu coi như mở ra con đường máu trong thể chế kinh tế cứng nhắc từ bao lâu nay, cung cấp một khuôn mẫu cho cải cách thể chế kinh tế. Những năm 80, người đến Thẩm Quyến học tập kinh nghiệm cũng như những năm 70 người ta tấp nập đến học tập Đại Trại. Bản thân Đặng cũng không bỏ lỡ thời cơ, lợi dụng đặc khu làm nơi diễn giảng về cải cách mở cửa. Trước sau, ông tiến hành hai chuyến đi nổi tiếng tới đặc khu, mỗi lần đến đây cải cách tiến lên một bước lớn. Chuyến đi Thẩm Quyến năm 1984 đã mở ra màn đầu cho cải cách ở thành thị. Chuyến tuần du phương Nam năm 1992 lại xúc tiến cương lĩnh kinh tế thị trường cho Đại hội lần thứ XIV Đavít Trương bình luận: "Thí nghiệm về đặc khu kinh tế phù hợp với hai mục tiêu cách mạng của Đặng: Một là, mở cửa với bên ngoài. Hai là, làm sống động bên trong".

3.15. NẾU VÍ 18.000 KM BỜ BIỂN Ở ĐÔNG NAM TRUNG QUỐC LÀ MỘT CÁI CUNG, THÌ TRƯỜNG GIANG CHẢY NGANG TỪ TÂY SANG ĐÔNG QUA 8 TỈNH ĐẠI LỤC SẼ LÀ MỘT MŨI TÊN, MỤC TIÊU LÀ THẾ KỶ THÁI BÌNH DƯƠNG

Sự phát triển của Trung Quốc không thể tách rời khỏi thế giới. Với sự chỉ đạo bằng tư tưởng đó, Đặng Tiểu Bình

đã biến đổi một cách có kế hoạch nền kinh tế hướng nội truyền thống thành nền kinh tế hướng ngoại. Trước kia vì lo ngại miền duyên hải không an toàn nên đã đặt các hạng mục trọng điểm ở hậu tuyến chiến lược gọi là "phòng tuyến thứ ba". Đặng lại đưa tầm mắt nhằm vào "tiền tuyến"ven biển, dồn sức vào phát huy ưu thế của miền ven biển để dẫn dắt nội địa phát triển, mưu cầu sự mở cửa từng cấp từ duyên hải đến nội địa.

Đầu năm 1984, Đặng đi khắp ba đặc khu ven biển, sau khi trở về Bắc Kinh, triệu tập mấy đồng chí lãnh đạo trung ương, yêu cầu họ làm rõ tư tưởng chỉ đạo của cải cách mở cửa "không phải là đóng, mà là mở". Đặng cảm thấy đặc khu Hạ Môn khoanh vùng hẹp quá, cần phải để cho toàn đảo Hạ Môn thành đặc khu. Đặc khu Hạ Môn không gọi là cảng tự do, nhưng có thực hiện một số chính sách của cảng tự do. Hành động mạnh dạn nhất của Đặng trong năm đó là mở cửa 14 thành phố cảng ven biển. Những thành phố này không gọi là đặc khu nhưng có thực hiện một số chính sách của đặc khu, thí dụ như cung cấp một số ưu đãi cho những thương gia nước ngoài đầu tư và cung cấp kỹ thuật, khiến cho họ có lợi; mở rộng quyền tự chủ cho những thành phố mở cửa đó, khiến họ có đầy đủ sức sống để triển khai hoạt động kinh tế. Làm như vậy thực tế là mở đường cho việc bắt đầu cải cách thể chế kinh tế toàn diện, thể hiện mưu lược của Đặng dùng mở cửa để thúc đẩy cải cách.

Bốn đặc khu kinh tế cộng thêm 14 thành phố mở cửa, gần như là đã xuyên suốt toàn bộ miền ven biển. Theo luồng suy nghĩ đó, Đặng lại đề xuất ý tưởng lập các khu khai phát kinh tế ven biển. ý tưởng đó vào đầu năm 1985 đã hình thành phác thảo, đặt kế hoạch đi làm hai bước,

trước hết làm ở các vùng tam giác châu Trường Giang, tam giác châu Chu Giang và vùng tam giác Hạ Chương Truyền ở nam Phúc Kiến, sau đó sẽ làm ở bán đảo Liêu Đông và bán đảo Giao Đông. Đặng dự kiến năm "khu" đó cộng thêm 18 "điểm" có trước thì có thể tạo thành một dải mở cửa từ Nam lên Bắc đủ để gây ảnh hưởng ra khắp nước và tiến vào thế giới.

Miền ven biển (đặc khu kinh tế, thành phố mở cửa, khu khai phát) muốn có tác dụng tiến ra thế giới và dẫn dắt toàn quốc, thì phải đứng chân ở kinh tế hướng ngoại, vốn liếng, kỹ thuật và sản phẩm đều "từ bên ngoài và ra bên ngoài", tham dự vào quá trình giao lưu quốc tế, mở rộng xuất khẩu, đồng thời tăng cường liên hệ với nội địa, như cùng khai thác tài nguyên, liên hợp sản xuất sản phẩm chất lượng cao, trao đổi kỹ thuật và nhân tài. Nhưng, những dự kiến đó mấy năm trước chưa thể hiện ở các đặc khu như Thẩm Quyến. Các đặc khu lợi dụng ưu thế của họ, bán đại bộ phận sản phẩm vào nội địa. Như vậy, đặc khu trở thành cầu nối để thương nhân nước ngoài nhảy vào nội địa Trung Quốc, chứ không phải là cầu nối để Trung Quốc nhảy ra nước ngoài. Năm 1984, khi khảo sát Thẩm Quyến, Đặng đã phát hiện ra vấn đề đó, đề ra yêu cầu chuyển từ hướng nội sang hướng ngoại, cho rằng nếu Thẩm Quyến chưa làm được như thế thì chưa thể chứng minh được rằng sự phát triển của nó là lành mạnh. Sau đó, đặc khu trải qua một cuộc chuyển đổi, lợi dụng vốn và kỹ thuật nước ngoài, xây dựng hệ thống sản xuất tư sản - công nhân - nông dân, tức là căn cứ vào nhu cầu xuất khẩu, phát triển công nghiệp gia công, căn cứ vào nhu cầu gia công để phát triển nông nghiệp và các ngành sản xuất khác. Đến năm 1987, đặc khu đã có trên 50% sản phẩm

bán ra thị trường thế giới (Ngày nay, hàng của Quảng Đông đã bán trong tỉnh, trong nước và ngoài nước, mỗi nơi 1/3).

Sau khi mọi hoài nghi với đặc khu đã tiêu tan, Đặng bắt đầu nghĩ tới việc mở mang đảo Hải Nam, để xây dựng Hải Nam thành một đặc khu lớn nhất nước. Từ nhãn quan kinh tế hướng ngoại mà xem xét, Hải Nam là một mảnh đất qúy. Hải Nam và Đài Loan có diện tích xấp xỉ nhau, điều kiện tự nhiên cũng tương tự, giống như hai con mắt của Trung Quốc ngoài biển Đông. Không hiểu tại sao trước kia chỉ nghĩ đến việc giải phóng Đài Loan mà để Hải Nam hoang phế lâu dài, khiến cho hai con mắt, một thì sáng long lanh, còn một thì mờ đục. So với thành tựu kinh tế của Đài Loan thì hiện trạng đảo Hải Nam thật bất lợi cho thanh danh của chủ nghĩa xã hội, và cũng là một thất sách lớn đối với việc mở mang vùng biển Trung Quốc ở miền Nam và việc củng cố biên phòng ở vùng biển phía Nam. Theo tính toán của chuyên gia, vùng biển truyền thống của Trung Quốc ở biển Nam có trữ lượng dầu khí khoảng 45 tỷ tấn, giá trị khoảng 1500 tỷ đô la. Các nước lân cận đã lần lượt khoan 500 giếng ở vùng này, mỗi năm lấy đi hàng trăm triệu tấn dầu khí, mà Trung Quốc mãi tới năm 1990 mới có một mỏ chính thức có dầu. Hải Nam còn có 38% vùng biển đạt 80 vạn km^2 diện tích bị nước láng giềng vạch làm của họ, Trường Sa (nguyên văn gọi là Nam Sa-ND) có hơn 320 đảo, trừ đảo Thái Bình do Quốc dân đảng chiếm cứ và đảo Thủy Thử do quân đội đại lục chiếm được năm 1988, còn lại đều trong tay nước ngoài[1]. Tạo thành cục diện bị động đó là do kinh tế Trung Quốc lạc hậu và

1. Đây là lập trường của tác giả cuốn sách này.

hướng nội, con mắt chỉ nhìn vào lục địa, coi nhẹ lâu dài việc khai thác ven biển và trên biển, chỉ sợ nông dân có thêm một chút đất phần trăm mà để một vùng biển lớn rơi vào tay nước ngoài. Đặng ý thức rằng việc khai thác đảo Hải Nam sẽ là một thắng lợi quan trọng, vì đó sẽ là trạm thứ nhất để Trung Quốc tiến ra toàn bộ vùng biển Nam[1]. Nhưng mở mang Hải Nam, trung ương càng không có tiền, biện pháp vẫn là mượn gà đẻ trứng, dùng biện pháp mở cửa để thúc đẩy việc khai thác đảo. Kỳ thực, các nước xung quanh sở dĩ chiếm trước vùng biển Nam cũng là dùng biện pháp đó. Thí dụ như Việt Nam ngay từ thập kỷ 70 đã ký kết với Liên Xô hiệp định hợp tác khai thác dầu khí ven biển. Mời nước ngoài đến khai thác thì tất phải để họ hưởng một số lợi, nhưng vẫn còn tốt hơn là để người chiếm mất. Bản thân mình được lợi một phần, và quan trọng hơn là có sự bảo đảm về chủ quyền. Năm 1988, Hải Nam chính thức được lập thành tỉnh. Nay việc mở cửa và khai phát trong đảo đã vươn tới Dương Phố ở bờ Tây và Tam Á ở mũi cực Nam.

Đầu năm 1992 ông Đặng tuần du phương Nam đã đề xuất khẩu hiệu "đại khai phóng", hình thành phong trào sôi nổi mở cửa ở "ba vùng ven": Ven biển, ven biên giới và ven sông. Dọc theo hơn hai vạn km^2 biên giới trên bộ trong đại lục, vốn là vùng cấm, đóng cửa, nay là một loạt cửa khẩu buôn bán và trao đổi hàng hóa nối tiếp nhau, việc buôn bán vùng biên giới phát triển rầm rộ. Lần mở cửa

---

1. Xin lưu ý bạn đọc: Khu vực biển Đông hiện đang có tranh chấp về chủ quyền giữa một số nước và lãnh thổ. Việt Nam luôn luôn khẳng định và có đầy đủ cơ sở cả lịch sử cũng như pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở biển Đông. (B.T.).

này được người ta quan tâm nhất là việc mở cửa ven sông, mà Thượng Hải là một cái đầu rồng. Trong một thời gian ngắn đã mở 12 cửa khẩu ven sông, và mở hơn 100 khu khai phát ở 23 thành phố ven sông. Đặng đặc biệt nhấn mạnh tác dụng của Thượng Hải. Ông nói khi đề ra làm bốn đặc khu kinh tế mà quên nghĩ tới Thượng Hải là "một sai lầm lớn", hối hận đã không mở Phố Đông sớm mấy năm như Thẩm Quyến. Năm 1984, xếp Thượng Hải vào số thành phố mở cửa miền ven biển, nhưng đó mới coi như một thành phố thông thường thôi. Thượng Hải có cơ sở hùng hậu, có ưu thế về nhân tài vật lực. Nay Đặng muốn đưa con chủ bài này ra, khai phát Phố Đông, lợi dụng Thượng Hải làm căn cứ phát triển tam giác châu Trường Giang và toàn bộ lưu vực Trường Giang. Đặng cho rằng đó là dùng việc khai phát ven biển làm một con đường ngắn để dẫn dắt việc phát triển nội địa. Nếu ví 18.000 km ven biển Đông Nam Trung Quốc là một chiếc cung, thì sông Trường Giang chảy từ Tây sang Đông ngang qua 8 tỉnh nội địa sẽ là một mũi tên. Tên được lắp lên cung, mục tiêu tất nhiên là thế kỷ Thái Bình Dương.

Tháng 10-1991, báo "nhà kinh tế học" của Anh đã ca ngợi chiến lược mở cửa từ ven biển đến nội địa của Đặng: "Hiện nay vùng ven biển phía nam Trung Quốc không những sống động về kinh tế mà còn là hạt nhân của màng lưới của dân tộc Trung Hoa vươn từ Đông Á đến Đông-Nam Á. Màng lưới người Hoa này đã khiến cho Hoa kiều hải ngoại trở thành một lực lượng thương nghiệp chỉ kém có Nhật Bản. Tiền bạc, nhà máy, nhân viên quản lý và việc buôn bán đều thông qua con đường ngôn ngữ và huyết thống, không ngừng chảy vào Trung Quốc". Đặc khu ven biển, thành phố mở cửa và khu khai phát đã trở thành sợi

dây nối liền Trung Quốc với thế giới phương Tây, đồng thời lại trở thành một dây xích để kéo nền kinh tế nội địa Trung Quốc phát triển.

3.16. TRONG THIÊN HẠ, KHÔNG CÓ AI KHÔNG SỢ BỊ THIỆT. CHỈ NHỮNG NGƯỜI HIỂU RÕ MỐI QUAN HỆ GIỮA BỊ THIỆT VÀ KHÔNG BỊ THIỆT, MỚI DÁM NÓI LÀ KHÔNG SỢ BỊ THIỆT

Trong thiên hạ, không có ai không sợ bị thiệt. Chỉ những người hiểu rõ mối quan hệ giữa bị thiệt và không bị thiệt, mới dám nói là không sợ bị thiệt.

Mở cửa với bên ngoài, thu hút vốn nước ngoài, lập "xí nghiệp tam tư", thậm chí cho phép tư bản nước ngoài hoàn toàn bỏ vốn lập nhà máy ở Trung Quốc, có một số người không thông, sợ bị thiệt. Không phải là sợ mình không được gì mà sợ người ta kiếm lợi mang về. Cho phép kinh tế cá thể, xí nghiệp tư nhân tồn tại và phát triển, cho một số người giàu lên trước, tuy cũng có chút đỏ mắt cay cú, nhưng những mối lợi đó cũng không phải dành cho người nước ngoài. Còn để cho người nước ngoài kiếm tiền mang về, thì nghĩ không thông. Đặc biệt là khi liên hệ những tư bản với thương gia nước ngoài đó với bọn đế quốc trong ký ức. Cho "bọn đế quốc" được hưởng cái mà chúng dùng chiến tranh cũng khó đạt được chẳng phải là tạo thuận lợi cho chúng nhiều quá sao? Sợ người khác được lợi, nên cảm thấy mình bị thiệt.

Đặng Tiểu Bình nghĩ được: Đầu tư mà không có lợi thì ai còn muốn đến? Nguyên tắc của kinh tế hàng hóa là tự

nguyện và cùng có lợi, thương gia nước ngoài được lợi không có gì quan trọng, điều then chốt là xem ta có được lợi không, được lợi nhiều hay ít. "Thu hút nhiều vốn nước ngoài, nước ngoài cố nhiên được lợi, cuối cùng tất nhiên vẫn là chúng ta được lợi"[1]. "Người được lợi nhiều là nhà nước, là nhân dân, chứ không phải là chủ nghĩa tư bản"[2].

Đặng tính toán từng khoản một:

Thu hút vốn nước ngoài qua xí nghiệp tam tư, giải quyết được vấn đề vốn cấp thiết cho xây dựng. Biện pháp giải quyết đó tốt hơn là đi vay nợ. Vay nợ thì phải trả, còn thêm cả tiền lãi nữa. Chung vốn kinh doanh, không mất tiền, không mang nợ, lại còn kiếm thêm được một ít, tại sao lại không làm?

Thương gia nước ngoài có kiếm một số tiền mang về, nhưng chúng ta cũng không bị thiệt! Bản thân thu nhập của các xí nghiệp hợp tư hợp tác cũng thuộc về chúng ta một phần, ngoài ra chúng ta còn được thu thuế, được lợi về sức lao động nữa. Cộng cả lại, hiệu quả thực tế của kinh doanh hợp tư, quá nửa là thuộc về chúng ta. Ngay cả xí nghiệp do người nước ngoài hoàn toàn bỏ vốn, nhà nước cũng vẫn thu được thuế, công nhân cũng được lĩnh tiền lương, cũng không bị thiệt.

Còn có thể qua đó, học được khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, bồi dưỡng được nhân tài chuyên môn cần thiết cho hiện đại hóa. Đó là một thứ trao đổi không mất tiền học phí cũng học được, sao không tính đến điều đó?

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 313, 91.

Ta còn thông qua việc trao đổi buôn bán với nước ngoài mà tìm hiểu thông tin ở bên ngoài, hiểu rõ hiện tình thế giới, chuẩn bị cho việc đưa hàng hóa của chúng ta tiến vào thị trường quốc tế còn có thể phát triển một số ngành phục vụ cho tư bản nước ngoài, lập một số xí nghiệp kiếm lợi xung quanh các xí nghiệp nước ngoài, làm sống động nền kinh tế của chúng ta.

Người nước ngoài dùng tiền vốn và ưu thế kỹ thuật, lợi dụng giá sức lao động và tài nguyên rẻ của Trung Quốc, kiếm tiền của chúng ta đem về. Về điểm đó, rõ ràng là chúng ta bị thiệt, bị thiệt do nghèo nàn lạc hậu. Nhưng để thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, "cần cho phép bị thiệt, không sợ bị thiệt, chỉ cần về lâu dài có lợi là có thể làm"[1]. Trước mắt chịu thiệt một ít chính vì để sau này khỏi bị thiệt nhiều.

Có nhà bình luận nước ngoài nói Đặng Tiểu Bình là một người buôn bán sành sỏi. Đúng vậy, xuất phát điểm tính toán của người buôn bán không phải là sợ người khác được lợi mà là xem đối với mình có lợi không, có lợi nhiều hay ít. Nếu có lợi, hoặc được lợi lớn, hoặc được lợi về sau, thì có thể làm, hà tất phải sợ người khác được lợi? Lo người khác được lợi, kết quả lại là làm khổ mình.

3.17. NGƯỜI TA BỎ TIỀN RA CHO CHÚNG TA VAY CÒN KHÔNG SỢ, CHÚNG TA SỢ CÁI GÌ?

Bao nhiêu năm nay, người Trung Quốc tự hào vì không nợ nước ngoài, cũng không có nợ trong nước. Đặng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 313.

Tiểu Bình thì không như thế, ông nói: "Có một số nước vay nợ nước ngoài rất nhiều, không thể nói họ đều thất bại cả. Họ đã từ những nước lạc hậu về kinh tế nhanh chóng tiến lên thành những nước phát triển trung bình"[1].

Trung Quốc cũng là một nước lạc hậu. Có thể vay nợ nước ngoài một ít không? Đặng chủ trương ba điều:

Một là, để tăng tốc độ phát triển, phải mạnh dạn vay nợ nước ngoài. Năm 1986, thành phố Thiên Tân chuẩn bị vay 10 tỷ đô la, sau khi được biết, Đặng không những không phê bình, mà còn động viên họ không nên sợ. "Người ta bỏ tiền ra cho chúng ta vay còn không sợ, chúng ta sợ cái gì?" Có lần Goócbachốp xin 7 nước phương Tây cấp viện trợ, họ còn không cho nữa là.

Hai là, vay nợ cần vừa mức, không nên vay quá nhiều. Đó là một nguyên tắc hiện thực. Vay nợ cần suy nghĩ tới khả năng trả nợ, nếu vay nhiều quá, trong một thời gian nhất định, tăng trưởng kinh tế không bù được tiền lãi, thì sẽ mang gánh nặng nợ nần, ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển, đi ngược lại mục đích vay nợ.

Ba là, vay nợ phải dùng để phát triển sản xuất, mà không phải để bù vào khoản thiếu hụt tài chính. Vay nợ không đáng sợ là vì nó có thể giúp phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng quốc gia, bây giờ tạm thời vay nợ là để sau này khỏi phải vay nợ. Nếu vay nợ để giải quyết vấn đề ăn, thì càng vay càng bị động, rất khó thoát khỏi được thân phận nước đi vay nợ.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 193.

3.18. PHÊ BÌNH CẦN ĐÚNG VÀO CON NGƯỜI CỤ THỂ MỚI ĐƯỢC

Năm 1960, đúng là "bốn năm ba hạn" ở huyện Túc tỉnh An Huy có một kỳ tích: Một nông dân đã 70 tuổi vì phải chăm sóc người con có bệnh phổi nên không tham gia lao động tập thể, nên đương nhiên không được chia chút lương thực nào. Ông già không chịu chết đói, cũng không xin công xã cứu tế, ông chỉ xin cán bộ công xã mở ra một mắt lưới, cho phép ông mang con trai vào vùng núi dưỡng bệnh đồng thời sản xuất tự cứu. Hai cha con một già một ốm, rời khỏi "nồi cơm to" xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự sống chết của mình. Ông già chỉ có một cái cuốc, một cái cào bốn răng, khai khẩn được 16 mẫu đất hoang. Đến cuối năm, ông không những đủ lương ăn, hạt giống, thức ăn gia súc, mà còn nộp cho công xã được 1800 cân lương thực và nuôi gà bán được 60 đồng. Thu hoạch của ông thật khác hẳn tình hình trong toàn tỉnh An Huy lúc đó là khắp nơi đói khát không có lương thực. Việc đó đã gợi mở cho cán bộ và quần chúng: Chia ruộng cho các cá nhân phụ trách có thể nâng cao hiệu suất, thoát được cảnh khó khăn. Lời kêu gọi khoán ruộng cho từng hộ bay khắp An Huy. Mùa xuân năm sau, bí thư tỉnh ủy Tăng Hy Thánh viết thư cho Mao Trạch Đông, ra sức trình bày chỗ lợi của việc phân ruộng, giao trách nhiệm cho nông dân. Mao đồng ý làm thử, nhưng chỉ cho thử một năm. Mùa xuân năm 1962, liền phê phán là "làm riêng lẻ" và đình chỉ.

Việc đúng sai của chế độ phân ruộng theo trách nhiệm ở An Huy, Đặng biết rất rõ. Chính vì ông đã biện hộ cho

việc khoán sản phẩm đến hộ bằng "lý luận con mèo" mà nảy sinh bất đồng với Mao về việc làm thế nào để cho chủ nghĩa xã hội sống động. Sau này, tuy Đặng bị đánh đổ hai lần, nhưng trước sau ông vẫn tin vào chế độ khoán trách nhiệm. Ông tin rằng chế độ khoán trách nhiệm sẽ làm thay đổi bộ mặt Trung Quốc. Năm 1978, trong đồ án cải cách lần thứ nhất của Đặng, chế độ khoán trách nhiệm chiếm một vị trí nổi bật. Những biện pháp tách riêng chính quyền và xí nghiệp, giao quyền xuống dưới, tách riêng hai quyền theo Đặng, đều thực hiện thông qua chế độ khoán trách nhiệm. Việc cải cách thành thị, nông thôn có năm trăm ngàn việc cụ thể, Đặng nắm vững sợi dây chính là khoán trách nhiệm. "Nội dung cải cách ở nông thôn nói tóm lại là thực hiện chế độ khoán trách nhiệm, vứt bỏ biện pháp "nồi cơm to", phát huy tính tích cực của nông dân". Còn cải cách ở thành thị? Đặng nói: "Nguyên tắc cơ bản là thực hiện chế độ trách nhiệm, điều này là khẳng định", chế độ trách nhiệm trong kinh tế mà Đặng thiết kế là hình thức quản lý kinh tế thống nhất giữa ba mặt: trách nhiệm (cần làm cái gì), quyền lực (có thể làm cái gì) và lợi ích (sẽ được cái gì). Trong mô hình "nồi cơm to", cũng có ba loại, nhưng không thống nhất, không cụ thể. Chế độ trách nhiệm của Đặng kết hợp chặt chẽ ba mặt đó với nhau, và cụ thể hóa chúng, cụ thể tới đơn vị kinh tế ở cấp thấp nhất, cuối cùng cụ thể tới từng cá nhân.

Trách nhiệm tới từng người, nói theo cách nói của Đặng, là: Phê bình cần đúng vào con người cụ thể mới được. Một ông sư gánh nước, hai ông sư múc nước uống, tại sao cả ba ông sư đều không có nước dùng? Bởi vì trách nhiệm không rõ ràng, không có ai chịu trách nhiệm, ai cũng nghĩ là "rút cục không phải chỉ có một mình mình

chịu khát", "tại sao mình vất vả để họ dùng hết cả", "mình gánh được tại sao họ không gánh được". Đặng phát hiện trong các xí nghiệp, các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan hành chính nhà nước trong chế độ xã hội chủ nghĩa, hiện tượng không có người phụ trách là rất nghiêm trọng. Gọi là tập thể phụ trách, mọi người phụ trách, nhưng trên thực tế là không ai phụ trách. Có người không có việc làm, có việc lại không có người làm, người và việc không được ghép với nhau, nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất. Biện pháp xóa bỏ hiện tượng đó là xây dựng chế độ trách nhiệm nghiêm ngặt, thực hiện quy định nhiệm vụ, quy định người, quy định số lượng, quy định chất lượng, quy định thời gian, cũng tức là "khoán". Ai làm việc gì và làm bao nhiêu được quy định rõ, ai làm chức vụ gì, có trách nhiệm gì, không dựa dẫm, không đùn đẩy cho người khác, khiến mọi người đều lo toan, chứ không phải chỉ một số người lo toan, càng không có người không lo toan gì.

"Trách nhiệm đến từng người thì quyền lực cũng phải đến từng người". Mỗi người có trách nhiệm của mình, mỗi người cũng có quyền lực của mình, người khác không được xâm phạm. Quan hệ quyền lực và trách nhiệm cũng giống như quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ trong pháp luật. Tôi có nghĩa vụ hoàn thành nhiệm vụ mà anh giao, nhưng tôi có quyền lực tìm cách hoàn thành nhiệm vụ. Nếu anh quy định tôi chỉ được làm thế này mà không được làm thế kia, thì kết quả ra sao sẽ do anh chịu trách nhiệm, đó là thiên kinh địa nghĩa. Nhưng trong thể chế kinh tế truyền thống, quyền lực càng mơ hồ hơn trách nhiệm, thường thường xuất hiện hiện tượng kỳ quái thế này: cấp trên đề ra chủ ý nhưng lại bắt cấp dưới chịu trách nhiệm. Như vậy, không thể giải thích được, và cấp dưới cũng không thể

chịu trách nhiệm được. Đặng nhiều lần nhấn mạnh cần mở rộng quyền tự chủ cho các cấp chính là nhằm vào hiện tượng đó. Ông nói quả quyết: "Chỉ giao trách nhiệm, không giao quyền lực, thì chế độ trách nhiệm không thể thực hiện được"[1].

Khâu cuối cùng của chế độ trách nhiệm là kiểm tra nghiêm túc, thưởng phạt phân minh. Đảm nhận trách nhiệm nhất định thì được quyền có thù lao tương ứng, điều này cũng là thiên kinh địa nghĩa, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Đặng hy vọng liên hệ chặt chẽ giữa cống hiến với hưởng thụ, khắc phục hiện tượng làm nhiều làm ít, làm tốt làm xấu đều như nhau. Cán bộ nhà nước, căn cứ vào thành tích công tác nhiều ít, tốt xấu đều có thưởng phạt, thăng giáng. Cũng như vậy, nhân viên chuyên môn và phần tử trí thức cũng được trao chức vụ kỹ thuật và học vị tương xứng với năng lực và cống hiến. Đồng thời, chức vụ và cấp bậc cũng liên quan với lợi ích vật chất. Còn về người lao động bình thường, càng cần có sự gắn bó trực tiếp giữa cống hiến lao động và lợi ích vật chất. Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, có thưởng có phạt, thưởng phạt phân minh. Chế độ trách nhiệm như vậy mới có thể đưa vào thực tiễn và có tác dụng phát huy tính tích cực của con người.

Xét từ góc độ người lãnh đạo, người quản lý, chế độ trách nhiệm cũng có thể gọi là "chuyển hóa mâu thuẫn": để mọi người đều lo toan, đều chịu trách nhiệm, đều chịu sức ép. Nhưng sau khi phụ trách và đem sức ra, thì làm nhiều hưởng nhiều, làm tốt, làm nhiều đều có lợi cho

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 141.

mình, như vậy thì ai mà không tình nguyện chịu trách nhiệm? Ngược lại, người lãnh đạo tuy mất một phần quyền lực, nhưng có thể bớt phải lo toan, không cần tốn sức lo những việc như trên mảnh ruộng của nông dân đang trồng thứ gì. Có được tính tích cực của toàn thể nhân dân và cán bộ, sản xuất được nhiều lương thực, nhiều sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, nhà nước cũng không bị thiệt. Như vậy, là tốt cho tất cả.

Trước hết, Đặng nhìn thấy cái hay của chế độ trách nhiệm trong cải cách nông thôn. Nông thôn thực hiện chế độ khoán trách nhiệm sản phẩm đến gia đình trong một thời gian ngắn đã phát huy tính tích cực của mấy trăm triệu nông dân, làm thay đổi rất nhanh chóng bộ mặt của nông thôn. Năm 1984, Đặng đi thăm các đặc khu ở miền Nam, lại phát hiện việc xây dựng của Thẩm Quyến "có hiệu suất cao là nhờ nguyên nhân đã thực hiện chế độ khoán, thưởng phạt phân minh"[1].

Chế độ khoán trách nhiệm ở nông thôn được nhen nhóm trong một số ít khu vực vào cuối những năm 70, đến đầu năm 1983 đã bao trùm hơn 90% nông hộ và ruộng đất. Năm 1984, chữ "khoán" vào thành phố, đến cuối năm 1988, toàn quốc dự tính trong các xí nghiệp công nghiệp có trên 80% thực hiện khoán, trong đó số xí nghiệp lớn và vừa đạt tới 85% trở lên. Dưới sự thúc đẩy mạnh mẽ của Đặng, toàn bộ Trung Quốc đều đã "khoán".

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 51.

Phần thứ tư

MƯU LƯỢC CHÍNH TRỊ

4.1. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TỪ CHẾ ĐỘ

Mùa thu năm 1980, Đặng Tiểu Bình đang bận vào việc đánh giá Mao Trạch Đông, nhà báo Ý Pharaxi đề ra một câu hỏi với ông: "Làm thế nào để tránh sai lầm giống như cuộc cách mạng văn hóa?"

Đặng trả lời: "Điều đó phải giải quyết từ mặt chế độ. Chúng tôi chuẩn bị bắt tay vào cải cách chế độ".

Cũng khoảng dịp đó, Đặng nói trong Hội nghị Chính trị mở rộng: Xtalin đã phá hoại nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Mao Trạch Đông đã nói, những việc như thế không thể xảy ra ở các nước phương Tây như Anh, Pháp, Mỹ. Đặng nói, tuy Mao nhận thức được điểm đó, nhưng do không giải quyết thực tế vấn đề từ chế độ, nên vẫn dẫn tới mười năm tai nạn cách mạng văn hóa, bài học đó là cực kỳ sâu sắc[1].

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 293.

Đại cách mạng văn hoá nếu có một chút pháp độ, thì không thể xảy ra bi kịch với chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ. Nghe nói khi bị phê đấu, Lưu từng đưa bản "Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa" ra để biện hộ cho mình: "Tôi là chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Các anh đối đãi với cá nhân tôi thế nào không quan trọng, nhưng tôi phải bảo vệ sự tôn nghiêm của chức vụ Chủ tịch nước. Cá nhân tôi cũng là một công dân, tại sao không để tôi được nói? Hiến pháp bảo đảm cho quyền lợi về thân thể của mỗi người không bị xâm phạm. Những người vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc!". Nhưng trong những ngày tháng vô pháp vô thiên đó, hiến pháp không thể ngăn chặn phong trào quần chúng của Mao Trạch Đông. Trong ngày sinh lần thứ 70, ông bị "khai trừ vĩnh viễn khỏi đảng". Ngày 12-11-1969, ở Khai Phong, nơi từng lưu truyền câu chuyện về Bao Công, trái tim Lưu đã ngừng đập. Trong biên bản hỏa thiêu, vị chủ tịch nước từng chủ trì và tham dự việc soạn thảo hiến pháp được ghi trong cột nghề nghiệp là "vô nghề nghiệp".

Khi tổng kết có hệ thống và đánh giá công lao và sai lầm cuối đời của Mao, Đặng đưa ra một kết luận: "Chế độ là nhân tố quyết định"[1]. Ông nói: "Các loại sai lầm trước kia của chúng ta, tất nhiên có liên quan tới tư tưởng, tác phong của người lãnh đạo nào đó, nhưng càng quan trọng hơn là chế độ tổ chức, chế độ công tác. Nếu chế độ về những mặt đó tốt thì kẻ xấu không thể tùy ý hoành hành, nếu chế độ không tốt thì làm cho người tốt không thể làm việc tốt, mà thậm chí ngược lại"[2]

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 273, 293.

Quy bi kịch của cách mạng văn hóa vào "chế độ không tốt" không chỉ giúp giải quyết thuận lợi việc "tổng kết quá khứ", đặc biệt là vấn đề khó khăn như đánh giá Mao Trạch Đông, mà còn có thể chỉ đạo cho những kết luận mang tính cách mạng trong tương lai. Mưu lược của Đặng về cải cách thể chế chính trị, trước hết được bắt đầu từ đây. Năm 1980, Đặng phân tích một số cái xấu chủ yếu trong đời sống chính trị Trung Quốc, thấy gốc rễ không có cái nào không từ mặt chế độ. Hoặc là chế độ không tốt, hoặc là không có chế độ tốt, hoặc là có nhưng không hoàn thiện. Thí dụ chế độ gia trưởng và chế độ lãnh đạo suốt đời tuy không có quy định bằng văn bản rõ ràng nhưng thực tế là có tồn tại hai chế độ không tốt đó. Tệ quan liêu và đặc quyền, trước kia chỉ coi là vấn đề tư tưởng và tác phong, Đặng cho rằng cái quan trọng chính là vấn đề chế độ, đặc quyền chẳng phải là quyền lợi vượt khỏi pháp luật và chế độ hay sao?

Chỉnh người không có kết quả bằng thay đổi chế độ. Giải quyết vấn đề tư tưởng tác phong chỉ là trị cái ngọn, giải quyết vấn đề từ chế độ mới là từ gốc. Vì vấn đề chế độ có tính căn bản, tính toàn cục, tính ổn định và tính lâu dài, do đó, ông Đặng nói quả quyết: Nếu không kiên quyết cải cách những tệ đoan trong chế độ hiện hành, thì một số vấn đề nghiêm trọng trước kia có khả năng xuất hiện trở lại, đến mức không có cách nào trả lời nỗi nghi vấn của người ta: Tại sao một số vấn đề chủ nghĩa tư bản giải quyết được mà chế độ xã hội chủ nghĩa lại không giải quyết được?

Giải quyết vấn đề từ chế độ và giải quyết vấn đề bằng tư tưởng tác phong nhằm đường hướng khác nhau nên phương pháp cũng khác nhau. Đặng dứt khoát phản đối

dùng phong trào chính trị và phê phán cách mạng để giải quyết vấn đề chế độ và tư tưởng. Có bốn lý do: 1) Nhân dân trải qua nhiều cuộc vận động chính trị, sinh ra chán ghét các cuộc vận động lớn. 2) Phàm những cuộc vận động như thế đều gây tổn hại cho một số không ít người. 3) Thường xuyên tổ chức phong trào thì không yên tâm được để xây dựng. 4) Kinh nghiệm lịch sử chứng minh, dùng biện pháp tổ chức phong trào chính trị rầm rộ để cải cách chế độ hiện hành và xây dựng chế độ mới, xưa nay đều không thành công.

Những tật bệnh về chế độ phải được chữa bằng cách cải cách chế độ, phương lược cải cách nhằm vào chế độ không phải nhằm vào con người mà nhìn bề ngoài thì không "cách mạng", nhưng thực chất lại có nhiều tính cách mạng và mang tính thách thức, đúng như một nhà bình luận đã nói, là một loại "cách mạng hòa bình".

4.2. PHÍ CHÍNH THANH NÓI: ĐẶNG HIỆN ĐANG ĐI THEO MỘT CON ĐƯỜNG MỚI: VỪA MUỐN NÂNG ĐỠ TINH THẦN SÁNG TẠO, VỪA MUỐN XÂY DỰNG LẠI ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ.

Năm 1957, khi còn làm Tổng Bí thư, Đặng đề xuất một vấn đề: "Ở Trung Quốc, ai có điều kiện phạm sai lầm lớn? Đó là Đảng Cộng sản Trung Quốc"[1].

Điều đó ít nhiều có thể giải thích quan điểm của Đặng đầu thập kỷ 80: sự cải cách chế độ về mọi mặt, trong đó then chốt là cải cách chế độ lãnh đạo đảng và nhà nước.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 258.

Đảng Cộng sản nắm vận mạng một tỉ người, ở vào trung tâm của đời sống chính trị quốc gia. Việc cải cách chế độ quốc gia, đương nhiên phải bắt đầu từ cải cách bản thân mình. Bản thân không chủ động cải cách, chẳng lẽ lại đợi người khác đứng lên làm cách mạng hay sao?

Ngày 18-8-1980, Đặng có một bài nói nổi tiếng trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng: "Cải cách chế độ lãnh đạo đảng và nhà nước". Bài nói đó được coi là văn kiện có tính cương lĩnh về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc.

Đặng đã phân tích có hệ thống về bộ máy nhà nước mà ông mới tiếp nhận, chỉ ra năm điều tệ hại trong chế độ lãnh đạo đảng, nhà nước và chế độ cán bộ:

1) Trong đời sống chính trị, nhà nước đã tồn tại phổ biến hiện tượng quan liêu đến mức không thể chấp nhận được.

2) tác phong gia trưởng, một người nói là quyết định, một người quyết định mọi vấn đề quan trọng, sùng bái cá nhân, cá nhân lấn lướt tổ chức, tổ chức thành công cụ của cá nhân.

3) Quyền lực quá tập trung, mọi quyền lực đều tập trung vào đảng ủy, quyền lực của đảng ủy lại tập trung vào số ít người, thậm chí vào một cá nhân. Cấp trên quản lý cấp dưới quá nhiều, thống nhất một cách chết cứng.

4) Chức vụ lãnh đạo trên thực tế đã tồn tại chế độ suốt đời.

5) Hiện tượng đặc quyền của cán bộ dưới mọi hình thức và mầu sắc.

Đặng cho rằng những tệ hại đó ít nhiều đều mang mầu sắc của chế độ phong kiến. Mà biện pháp trọng điểm

để quét sạch ảnh hưởng phong kiến là phải thiết thực cải cách và hoàn thiện chế độ của đảng và nhà nước, từ mặt chế độ, bảo đảm dân chủ hóa trong đời sống chính trị của đảng và nhà nước, dân chủ hóa trong quản lý kinh tế, dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội, thúc đẩy việc xây dựng hiện đại hóa phát triển thuận lợi.

Bệnh tật đã tìm đúng. Nhưng còn sửa thế nào, thì trong một thời gian dài Đặng chưa tìm ra đầu mối. Ông chỉ đề ra ba kinh nghiệm làm tiêu chuẩn phân biệt tốt xấu trong chế độ lãnh đạo đảng và nhà nước: 1) Về kinh tế, có lợi cho phát triển sức sản xuất. 2) Về chính trị, có lợi cho việc phát huy đầy đủ dân chủ. 3) Về tổ chức, có lợi cho việc lựa chọn, bồi dưỡng nhân tài ưu tú.

Đầu những năm 80, Đặng cho rằng điều kiện và thời cơ để cải cách chế độ lãnh đạo đảng và nhà nước đã chín muồi đồng thời tiến hành thành lập ban bí thư trung ương; bỏ chức chủ tịch đảng; giải quyết việc kiêm chức và quá nhiều chức phó ở trung ương; thiết lập ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương và ủy ban cố vấn trung ương... Sau đó, Đặng tập trung toàn bộ tâm sức làm cải cách kinh tế.

Nhưng đến giữa thập kỷ 80, Đặng phát hiện thấy việc cải cách thể chế chính trị lạc hậu nghiêm trọng so với cải cách thể chế kinh tế, càng ngày càng thấy sự cần thiết và tính bức thiêt của cải cách thể chế chính trị, nếu không cải cách thể chế chính trị thì cải cách kinh tế không thể đi sâu được, những thành công đã giành được cũng khó lòng giữ vững. Năm 1986, nhiều lần Đặng đều nhắc đi nhắc lại về mục tiêu và phương pháp cải cách thể chế chính trị. Đến trước khi triệu tập Đại hội lần thứ XIII, Đặng đã hình thành ý tưởng về cải cách như sau:

Mục tiêu thứ nhất là cơ cấu hành chính của đảng và toàn bộ thể chế nhà nước phải tăng cường sức sống.

Mục tiêu thứ hai là khắc phục chủ nghĩa quan liêu, nâng cao hiệu suất công tác.

Mục tiêu thứ ba là phát huy tính tích cực của cơ sở và công nhân, nông dân trí thức.

Phương pháp để tìm thuận lợi, bỏ tệ hại cũng có ba điều: 1) Tách riêng đảng và chính quyền. 2) Quyền lực trao xuống dưới. 3) Tinh giản cơ cấu.

Trong điều kiện Đảng Cộng sản cầm quyền, cải cách thể chế lãnh đạo đảng và nhà nước rất dễ dẫn tới những nghi ngờ, lo lắng : Có còn cần sự lãnh đạo của đảng không? Sự lãnh đạo của đảng cần phải mạnh lên hay yếu đi? Những vị quan liêu sợ cải cách thường xuyên đưa những vấn đề này ra trước Đặng. Đặng trả lời: cải cách chế độ lãnh đạo của đảng và nhà nước chính là để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của đảng, vì chỉ có "tiến hành cải cách triệt để" những tệ hại trên thì "nhân dân mới tín nhiệm sự lãnh đạo của chúng ta."

Nếu nói một số biện pháp cải cách của Đặng (như chống lại việc đảng can thiệp quá nhiều) là "làm yếu" sự lãnh đạo của đảng, thì mưu lược của Đặng là "muốn cho mạnh lên, tất phải làm yếu đi". Có nghĩa là, Đặng muốn thông qua cải cách để chủ động sửa chữa những sai lầm của đảng phạm phải trước kia, tránh sau này lại tái phạm, làm cho sự lãnh đạo có được sức sống mới. Nếu không có những cải cách đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc có thể sẽ đi theo vết xe đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng Cộng sản Đông Âu.

Đặng cho rằng cải cách thể chế chính trị "không thể không làm", sự lãnh đạo của đảng cần phải giữ vững, vấn đề là đảng phải giỏi lãnh đạo. Phải không ngừng cải thiện sự lãnh đạo thì mới tăng cường được sự lãnh đạo. Mô hình vừa giữ vững vừa cải thiện (cải cách) đó là toàn bộ không gian tư duy mà Đặng vạch ra cho cải cách thể chế.

Vấn đề là hai quá trình giữ vững và cải cách không thể tiến hành tách rời nhau. Không thể dự tính là trước hết hãy cải cách tốt sự lãnh đạo của đảng rồi sau mới giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, mà phải đồng thời tiến hành cả hai tay, nghĩa là đối với việc cải cách thể chế lãnh đạo của đảng và nhà nước, Đặng áp dụng biện pháp sau: cải cách việc lãnh đạo của đảng dưới sự lãnh đạo của đảng. Có lúc có thể xuất hiện tình huống sau đây: càng cải cách mở cửa, càng cảm thấy phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của đảng.

Loại cải cách như vậy của Đặng tất nhiên là làm từ trên xuống dưới, tự mình sửa mình và tất phải theo hình thức tiệm tiến. Ưu điểm của cách làm đó là không dẫn tới sự mất điều khiển trong xã hội, nhưng cũng có thể thấy được sự phức tạp của nó. Đúng như Phí Chính Thanh đã nói: "Hiện nay Đặng đang đi theo một con đường mới, vừa nâng đỡ tinh thần sáng tạo, vừa xây dựng lại đảng và chính phủ. Ông ý thức được rằng sự tiến bộ của Trung Quốc cần phải thông qua một bộ máy quan liêu được huấn luyện chứ không phải là bỏ qua nó. Đó là cách nhìn thiết thực, khác với chủ nghĩa duy ý chí của Mao, nhưng đồng thời cũng là một nhiệm vụ phức tạp hơn nhiều"[1].

1. "Cuộc cách mạng vĩ đại 1980-1985 ở Trung Quốc".

4.3. NGƯỜI TA KHÔNG THỂ KHÔNG KHÂM PHỤC TRÍ TUỆ VÀ MƯU LƯỢC CỦA ĐẶNG TRONG VIỆC "TÁCH RIÊNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN". NHƯNG "THUẬT VÁ TRỜI" ĐÓ CỦA ÔNG KHI ĐEM THỰC HIỆN VẪN GẶP PHẢI RẤT NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ MÂU THUẪN

Đầu thập kỷ 40, Đặng Tiểu Bình đã phản đối khẩu hiệu "lấy đảng trị nước", ngày 15-4-1941, ông đã viết bài trên tạp chí "Sinh hoạt đảng", chỉ ra những biểu hiện và tai hại của việc "lấy đảng trị nước".

Những người theo thuyết lấy đảng trị nước "đã giải thích sự lãnh đạo của đảng là "quyền của đảng cao hơn tất cả", tùy ý can thiệp vào công tác của chính phủ, tùy tiện thay đổi pháp lệnh của chính quyền cấp trên; không qua thủ tục hành chính, tùy tiện điều động cán bộ công tác trong chính quyền; có một số địa phương nếu không có thông tri của đảng thì pháp lệnh của chính quyền không thực hiện được, gây nên hiện tượng hỗn loạn trong hệ thống chính quyền. Thậm chí biến "quyền của đảng cao hơn tất cả" thành "đảng viên cao hơn tất cả", đảng viên có thể làm điều sai trái, đảng viên phạm pháp có thể tha thứ. Kết quả như thế nào? Kết quả là cán bộ ngoài đảng gọi đảng là "nhà đương cục tối cao" (đó là lời châm biếm sâu cay, thế mà có đảng viên nghe thấy lại lấy làm mừng!). Có người tiêu cực không phát biểu ý kiến , có người xa rời chúng ta thậm chí chống lại chúng ta, những người tiến bộ thì lo lắng cho chúng ta. Kết quả, quần chúng cho rằng chính phủ không có tác dụng gì, mọi việc đều do Đảng Cộng sản quyết định. Thế là cần tiền cũng hỏi Đảng Cộng sản, cần lương thực cũng hỏi Đảng Cộng sản. Mọi pháp

lệnh của chính phủ đều là pháp lệnh của Đảng Cộng sản, mọi sai lầm của chính phủ đều là sai lầm của Đảng Cộng sản, chính phủ không có uy tín, đảng cũng xa rời quần chúng. Đó thực là một sự ngu ngốc lớn! Kết quả là cơ quan chỉ đạo các cấp của đảng đều tê liệt, không đi sâu vào nghiên cứu chính sách, bận rộn với việc can thiệp vào công tác sự vụ của chính quyền, buông lỏng lãnh đạo chính trị. Kết quả là đảng viên "cậy thế đảng mà kiêu ngạo", những đảng viên công tác trong chính quyền thì tự cao tự đại, cậy thế lấn lướt người, tự cho là đúng, coi thường người ngoài đảng, tự mình có thể không tuân theo pháp luật, không tuân thủ kỷ luật và trật tự của chính quyền". "Tóm lại, cái độc hại "lấy đảng trị nước" do Quốc dân đảng để lại đã làm tê liệt đảng, hủ hóa đảng, phá hoại đảng, là biện pháp có hiệu quả nhất khiến đảng tách rời quần chúng. Chúng ta chống lại sự chuyên chính một đảng, "lấy đảng trị nước" của Quốc dân Đảng, chúng ta lại càng phải phản đối cái độc hại do Quốc dân đảng truyền bá vào trong đảng ta"[1].

Điều mà Đặng phản đối trong thập kỷ 80 là "đảng và chính quyền không tách biệt", "lấy đảng thay thế chính quyền" có gì khác với cái mà ông đã bài xích trong thập kỷ 40 là "lấy đảng trị nước"? Cái độc hại "lấy đảng trị nước" để lại trong những năm chiến tranh cộng thêm địa vị cầm quyền từ năm 1949, sao chẳng khiến cho quyền của đảng cao hơn tất cả?

Đặng cho rằng quyền lực quá tập trung là một điều tệ hại lớn của thể chế truyền thống, và là gốc của mọi điều tệ hại khác. Quyền lực đã được tập trung như thế nào? Tức là đã mượn cớ tăng cường sự lãnh đạo nhất nguyên hóa, tập

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 11, 12.

trung mọi quyền lực (công nông thương học binh, đảng chính quân dân học, đông tây nam bắc trung) một cách không thỏa đáng vào đảng ủy các cấp, mà quyền lực của đảng ủy, lại tập trung vào mấy bí thư, đặc biệt là tập trung vào bí thư thứ nhất, ở trung ương thì tập trung vào chủ tịch đảng. Kết quả cái gọi là sự lãnh đạo của đảng biến thành sự lãnh đạo của cá nhân. Thời Mao Trạch Đông, cũng đã nhìn thấy quyền lực quá tập trung không lợi cho việc phát huy tính tích cực của địa phương và cấp dưới, đã mấy lần làm việc phân quyền, nhưng lần nào cũng không động chạm tới vấn đề quan trọng là đảng và chính quyền, không tách bạch, dùng đảng thay cho chính quyền, cho nên phân quyền chỉ là câu nói suông, tệ hại tập trung quyền lực càng ngày càng lớn.

Nay Đặng nắm lấy điểm quan trọng: mục tiêu cải cách thể chế chính trị là phát huy tính tích cực, nâng cao hiệu suất, khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Hiệu suất không cao chủ yếu là do đảng và chính quyền không tách bạch, trong rất nhiều việc, đảng đã làm thay chính quyền. Cho nên "nội dung cải cách trước hết là phải tách riêng đảng và chính quyền" giải quyết "vấn đề vạch phạm vi chức quyền giữa đảng với chính phủ, tổ chức kinh tế, đoàn thể quần chúng" Đặng cho đó là then chốt của phương lược cải cách chính trị, "cần đặt lên hàng đầu".

Tại sao Đặng không thể bao biện mọi việc? Trước hết vẫn là vấn đề cũ này: Ngoài ngành có thể lãnh đạo trong ngành được không?

Một hôm, Đặng hỏi trong hội nghị cán bộ đảng: "Trong đảng viên cộng sản rút cục có bao nhiêu người có chuyên môn và tri thức? đặc biệt là trong cán bộ lãnh đạo

có bao nhiêu người có chuyên môn và tri thức?" Câu hỏi đó rõ ràng làm nhiều người phải đỏ mặt. Theo thống kê của Cục thống kê nhà nước vào năm 1982, trong 22 triệu cán bộ có 21% có trình độ đại học, 42% có trình độ phổ thông, trong số lãnh đạo cấp cao có một nửa có trình độ văn hóa thấp, số đông cán bộ lớp giữa và dưới càng thấp hơn. Song tiếp đó, Đặng nói: "Dù đảng viên có đủ tri thức chuyên môn, đảng cũng không thể làm thay tất cả, bao biện tất cả. Ngày nay lại càng không thể như vậy"[1].

Năm 1980, Đặng ban bố một quy định: "Từ nay, phàm các công việc thuộc phạm vi chức trách của chính quyền, đều do quốc vụ viện và chính quyền địa phương thảo luận, quyết định và ban bố văn kiện, không do Trung ương đảng và các cấp bộ đảng phát chỉ thị, ra quyết định nữa", để "thực sự xây dựng một hệ thống công tác mạnh mẽ từ Quốc Vụ viện đến chính quyền địa phương"[2].

Quan hệ giữa đảng và chính quyền ra sao, hoàn toàn quyết định ở đảng. Đặng tiếp tục áp dụng một số biện pháp về thể chế tổ chức, thí dụ bắt đầu từ trung ương; người lãnh đạo chủ yếu không kiêm chức trong chính phủ, đảng ủy các cấp không phân công bí thư theo dõi công tác chính quyền; triệt tiêu đảng đoàn trong các ngành chính quyền; triệt tiêu các ngành quản lý kinh tế trong đảng ủy tương ứng với các ngành trong chính quyền; công việc thuộc phạm vi pháp luật do nhà nước và chính phủ quản lý, không do đảng trực tiếp quản lý.

Ở cơ sở thì phổ biến thực hiện chế độ trách nhiệm của xưởng trưởng (thủ trưởng quân đội, hiệu trưởng nhà

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 234, 299.

trường) dưới sự lãnh đạo của đảng ủy. Đảng ủy chỉ quản những vấn đề chính trị lớn, có tính nguyên tắc, còn những vấn đề sản xuất, quản trị hành chính trong nhà máy đều do xưởng trưởng thống nhất chỉ huy. Thể chế lãnh đạo của đảng đại thể chỉ đến đó thôi, còn các phân xưởng thuộc nhà máy, khoa thuộc nhà trường, Đặng không chủ trương do tổ chức đảng lãnh đạo.

Những điều trên là sự phân biệt giữa đảng và chính quyền của Đặng. Đặng quyết định như vậy không phải là muốn làm yếu quyền lực tối cao của đảng mà là hạn chế việc đảng can thiệp vào công tác hàng ngày và công việc kinh tế. Theo ông "can dự nhiều quá, làm không tốt lại có thể làm yếu sự lãnh đạo của đảng"[1]. Đặng cần ở địa vị lãnh đạo, vấn đề là ở chỗ đảng quản lý chính quyền như thế nào, đảng thực hiện sự lãnh đạo bằng biện pháp gì? Phương pháp quản lý như trước kia không giữ vững được sự lãnh đạo của đảng, không nâng cao được uy tín của đảng. Phương pháp quản lý của Đặng khá cao tay: đảng chỉ nắm phương châm chính sách và quyết định việc sử dụng cán bộ quan trọng; chủ trương của đảng thông qua trình tự pháp luật biến thành ý chí của quốc gia và pháp lệnh của chính phủ; sau đó, đảng thông qua công tác chính trị tư tưởng và tác dụng dẫn đầu gương mẫu của đảng viên mà bảo đảm sự thực hiện.

Đặng đặt rất nhiều hy vọng vào những biện pháp cải cách của ông. Ông mong muốn thông qua những biện pháp đó để khôi phục địa vị và tác dụng của Đảng Cộng sản trong nhân dân các dân tộc và trên quốc tế. Liên hệ tới

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 164.

vận mạng của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu, người ta không thể không khâm phục tài trí và mưu lược "vá trời" của ông Đặng. Song "thuật vá trời" của ông trong quá trình thực hiện, vẫn gặp phải rất nhiều mâu thuẫn khó khắc phục: một mặt không cho phép đảng lạm dụng quyền lực, mặt khác lại không làm cho đảng mất đi năng lực khống chế cục diện. Đảng vừa phải ở vào địa vị lãnh đạo, lại vừa không được can thiệp quá nhiều. Những nghệ thuật như vậy thật không dễ nắm. Do đó, ở các địa phương vẫn tồn tại phổ biến hiện tượng không ăn khớp giữa đảng, chính quyền và hội đồng nhân dân, ở nhà máy thì nổ ra mâu thuẫn lúc thì bí thư là "hạt nhân", lúc thì giám đốc (xưởng trưởng) là "trung tâm".

4.4. PHÀM NHỮNG VIỆC THÍCH HỢP ĐỂ CẤP DƯỚI LÀM, THÌ ĐỂ CHO CẤP DƯỚI QUYẾT ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN.

Trao quyền lực xuống dưới là nhằm giải quyết tình trạng quyền lực quá tập trung.

Quyền lực quá tập trung là do đảng và chính quyền không tách bạch, đảng làm thay chính quyền gây ra. Song biện pháp khắc phục điều tệ hại này, ngoài việc tách riêng đảng và chính quyền, còn phải trao quyền xuống dưới, giải quyết mối quan hệ giữa trung ương với địa phương, chính quyền với xí nghiệp, nhà nước với nhân dân. Phân tách đảng và chính quyền chỉ là sự phân phối lại quyền lực giữa đảng và chính quyền, vấn đề thực sự là phải định vị lại quyền lực giữa chính trị (đảng và chính quyền) với xã hội (tổ chức kinh tế, đoàn thể nhân dân), thông qua việc phân

phối quyền lực theo chiều dọc, làm cho xã hội giành được không gian tự do phát triển. Như vậy, mới đạt tới mục đích cải cách và làm sống động.

Việc phân phối quyền lực theo chiều dọc sẽ động chạm tới thần kinh trung ương của thể chế truyền thống. Sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền từng nhấn mạnh hết lần này tới lần khác việc tập trung thống nhất, rất ít nói tới phân quyền cho đối tượng bị lãnh đạo có quyền tự chủ. Cấp trên với cấp dưới, lãnh đạo với quần chúng quản rất nhiều việc không nên quản, do đó quản không nổi, quản không tốt. Đặng đưa ra một thí dụ về "quản quá nhiều": Thập kỷ 50, cơ quan lãnh đạo nam Sơn Tây quy định vào mồng 5 tháng Tám âm lịch thì ngắt ngọn cây bông, nếu không đủ kích thước thì không được ngắt ngọn. Cán bộ liền mang thước ra đồng để đo chiều cao và cho ngắt ngọn. Ai làm theo đúng thì mỗi mẫu nộp 40 cân bông, nếu không làm theo, mỗi mẫu phải nộp 50 cân bông. Cán bộ cho rằng làm như vậy thì sẽ kết nhiều bông và coi đó là kinh nghiệm tiên tiến để truyền bá đi. Đặng nói: "như thế là lạm dụng uy tín của đảng".

Quyền lực quá tập trung, gây trở ngại cho việc thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và chế độ tập trung dân chủ trong đảng, gây trở ngại cho việc phát huy trí tuệ tập thể, dễ tạo thành tệ độc đoán cá nhân, phá hoại chế độ lãnh đạo tập thể. Đặng cho đó là một nguyên nhân quan trọng "sinh ra chủ nghĩa quan liêu", làm nảy sinh đại cách mạng văn hóa, khiến chúng ta phải trả giá rất đắt. Hiện nay không thể không giải quyết.

Quyền lực tập trung cao độ còn một tệ hại nữa: cái gì cũng do cấp trên ôm đồm, địa phương và xí nghiệp không có quyền tự chủ, cũng không chịu trách nhiệm, làm tốt hay

không tốt do cấp trên chịu. Cấp trên nắm chắc quyền lực không buông ra, cấp dưới không có tính tích cực, không sống động, thế tất sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế.

Nguyên tắc chung về trao quyền, Đại hội XIII khái quát thành: Phàm việc thích hợp để dưới làm thì để cho dưới quyết định và thực hiện. Việc của địa phương do địa phương quản, trách nhiệm của trung ương chỉ là đề xuất phương châm chính trị lớn và đôn đốc; quyền quản lý kinh doanh trao cho đơn vị xí nghiệp và sự nghiệp; việc của các đơn vị do đơn vị quản, trách nhiệm của chính quyền chỉ là dựa theo luật pháp và chính sách để phục vụ cho xí nghiệp và tiến hành giám sát đôn đốc; việc của quần chúng do đoàn thể quần chúng và tổ chức tự trị ở cơ sở căn cứ vào pháp luật tổ chức thực hiện.

Đặng muốn đạt tới 3 mục đích nâng cao hiệu suất công tác, phát huy tính tích cực và giải phóng sức sản xuất, đều dựa vào hai biện pháp phân quyền và trao quyền. Nhưng việc phân quyền theo chiều dọc giữa chính quyền và xí nghiệp, nhà nước và xã hội khó hơn việc phân quyền theo chiều ngang giữa đảng và chính quyền rất nhiều. Vì quyền lực có nhiều tác dụng, bảo những người có quyền trao quyền lực thì giống như đập vỡ nồi cơm của họ. Vì vậy, trong quá trình cải cách thể chế, thường xuất hiện hiện tượng: anh trao quyền lực này xuống dưới, thì lại tìm trăm phương ngàn kế thu hồi quyền lực kia về. Một mặt khác, sau khi trao quyền lực xuống dưới, lại xuất hiện hiện tượng đối kháng: "Trên có chính sách, dưới có đối sách", có lệnh không làm theo, có điều cấm vẫn không thôi, dẫn tới mối nguy hiểm mất sự điều khiển của trung ương. Từ đó, lại thấy rằng không nên buông quá nhiều. Đương nhiên, điều này phù hợp với sách lược có buông có nắm của

ông Đặng. Xu thế chung của cải cách là buông, nhưng ở từng bước cụ thể lại vừa buông vừa nắm. Công việc của Trung Quốc chỉ có thể tiến hành theo phương thức từng đợt sóng như vậy.

4.5. CÓ MỘT CUỐN "DANH BẠ CÁC CƠ QUAN CỦA TRUNG QUỐC" GIÁ SÁCH ĐÃ TỚI MẤY TRĂM ĐỒNG. ĐỦ THẤY TRUNG QUỐC CÓ QUÁ NHIỀU CƠ QUAN, ĐẶNG ĐÀNH PHẢI "DỠ MIẾU TỐNG THẦN"

Mục tiêu trung tâm của cải cách thể chế là trao quyền lực xuống dưới. Đặng Tiểu Bình cảm thấy khó xử là trao quyền thường gặp trở ngại về nhân sự. Trao quyền gây uy hiếp cho quyền lực và địa vị của quan chức đảng và chính quyền các cấp, mà công việc lại phải do họ tiến hành. Thế là xuất hiện tình hình: Ở đây anh trao quyền thì ở chỗ kia tôi thu quyền. Anh có biện pháp gì?

Biện pháp của Đặng là bớt củi khỏi đáy nồi, tinh giản cơ cấu, dỡ miếu tống thần. Nhiều "mẹ chồng" quá thì tìm việc làm cho họ xóa bỏ sự khác biệt giữa "mẹ chồng", "nàng dâu". Anh thích quản việc, anh hãy tự quản lấy mình.

Như vậy là động chạm tới gốc của vấn đề, không những là với chế độ, mà là với con người. Do đó công việc rất bề bộn.

Có một cuốn "Danh bạ các cơ quan của Trung Quốc", chỉ giá tiền đã tới mấy trăm đồng,đủ thấy Trung Quốc có quá nhiều cơ quan. Theo nguyên tắc tinh giản, có hơn 3

vạn cơ quan đảng, chính quyền từ cấp huyện trở lên bị dôi ra. Lại còn số cơ cấu bên trong và cơ cấu lâm thời không thể thống kê hết. Tại một thành phố thuộc tỉnh nọ đã có 131 cơ quan lâm thời, có cái đã được lập ra mười năm, thực chất là một cơ quan chính thức.

Có người nói vui: Ở Bắc Kinh, lên xe công cộng nếu không cẩn thận sẽ giẫm phải ba ông cục trưởng. Bắc Kinh là thủ đô, tất nhiên nhiều quan hơn. Nhưng một huyện nghèo ở tỉnh nọ, nhân khẩu chỉ có hơn 30 vạn, mà cán bộ cơ quan đã có 1600 người, tỷ lệ giữa quan và dân thật khá cao. Theo thống kê năm 1979, cán bộ đảng và chính quyền trong cả nước có 279 vạn người, năm 1988 tăng tới 543,5 vạn người. Trong mười năm tăng gấp đôi, vượt quá tốc độ tăng dân số rất nhiều, mà gần sát với tốc độ tăng trưởng thu nhập quốc dân. Điều đó có nghĩa là thành quả cải cách trong mười năm đã bị triệt tiêu một phần lớn.

Quan nhiều phủ lớn đã là nguyên nhân quan trọng khiến tài chính kiệt quệ. Số chi phí về hành chính sự nghiệp trong toàn quốc chiếm trên 40% thu nhập tài chính, nhiều tỉnh chiếm tới trên 65%, đại đa số huyện chiếm 80 - 90%. Năm 1990, cả nước bội chi tài chính 7 tỷ đồng, trong đó 3,6 tỷ là chi về hành chính quản lý. Cả nước có hơn 2100 huyện, tức khoảng 5,5% số huyện sống dựa vào trợ cấp tài chính. Trợ cấp dùng không đủ thì lấy cả quỹ chống nghèo, quỹ sinh đẻ có kế hoạch và quỹ phòng thiên tai cho nhân viên cơ quan sống. Nếu tính cả các khoản thu nhập ngoài tiền lương, ngoài chính sách thì mỗi năm đã ăn đi mất bao nhiêu tài sản xã hội! Người ta thường nói, để cho 1 tỷ người có đủ cơm ăn đã là khó, với trình độ sản xuất hiện nay mà nuôi bộ máy quan liêu khổng lồ như vậy thì càng khó hơn.

Mỗi năm tiêu mất mấy chục tỷ đồng trong thu nhập quốc dân còn chưa phải là cái quan trọng nhất, cái quan trọng hơn là bộ máy phình to, nhiều ngành chen chúc, tầng thứ đè lên nhau, nhân viên đông đúc, chức trách không rõ ràng, tạo thành hai hậu quả: Hiệu suất công tác của cơ quan rất thấp, không làm hết chức trách; mặt khác, quan nhiều sinh lạm quyền, gây trở ngại nghiêm trọng cho việc phát huy tính tích cực trong xã hội. Điều này lại ảnh hưởng rất nhiều đến thu nhập quốc dân.

Còn một hậu quả nghiêm trọng nữa: "Hiện nay có rất nhiều miếu, mỗi miếu lại có rất nhiều bồ tát. Người cũ chiếm hết chỗ,người trẻ không có đường tiến lên"[1]. Cứ tiếp tục như thế, "không những bốn hiện đại hóa không có hy vọng, mà thậm chí còn dẫn tới nguy cơ mất đảng, mất nước nữa"[2].

Đứng trước tình hình không thể để tiếp tục mãi, không thể chấp nhận này, Đặng không còn cách lựa chọn nào khác, quyết tâm tiến hành cuộc cách mạng tinh giản cơ cấu.

Đặng có kế hoạch để ra hai năm từ năm 1982, để giảm bớt từ 1/3 đến 1/4 cán bộ, tức từ 5 triệu tới 7 triệu. Biện pháp là khống chế biên chế, giới hạn nhân viên, chỉ cho phép lập từng ấy miếu, không cho tăng biên chế; chỉ cho phép kê bấy nhiêu ghế, không cho tăng số người. Những cán bộ thừa ra và số nhân viên được giải chức thì cho đi học nghiệp vụ, hoặc xếp sắp vào các ngành khác. Những cán bộ chưa đến tuổi về hưu thì cho về hưu sớm hoặc đi học, một số khác được điều tới những cương vị

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 198, 352.

không có quyền ra quyết sách. Những cán bộ cũ có kinh nghiệm thì xếp sắp vào một số chức vụ danh dự.

Đặng muốn thông qua biện pháp đó để cho bộ máy không phình, ra đưa ra một loạt người già, người ốm, người kém, đồng thời đưa thêm vào một số người mới, người trẻ, người có năng lực, để tăng sức sống, nhằm mục đích nâng cao hiệu suất. Nhưng, dỡ miếu thì dễ, đuổi thần mới khó. Những người đi học rồi sẽ trở về,điều động chỉ là chuyển sang miếu khác, những người thực sự từ giã quan trường không nhiều, người mới được đưa vào lại không ít. Cứ ra một vào hai như thế,miếu càng thêm chật chội. Miếu nhỏ chứa không đủ, lại tìm cách mở rộng miếu. Thành thử miếu được dỡ rồi lại dựng trở lại, hình thành tình trạng tuần hoàn ác tính: phình ra - tinh giản - lại phình ra.

Để chống tình trạng luẩn quẩn trên, Đại hội lần thứ XIII nắm lấy khâu then chốt là thay đổi chức năng, gộp lại theo yêu cầu cải cách kinh tế đồng thời tách riêng chính quyền và xí nghiệp, giảm bớt bộ máy trong quản lý chuyên môn và ngành tổng hợp, biến việc quản lý trực tiếp thành quản lý gián tiếp. Những ngành quản lý thừa ra đều biến thành thực thể kinh tế, đi theo con đường của đảo Hải Nam là chính quyền nhỏ, xã hội lớn. Nhưng hiệu quả vẫn không tốt, do đuổi thần rất khó. Anh không cho ghế thì họ đứng trong miếu, đứng cũng vẫn mất một tuần nhang. Lại vì không có chỗ nên lại càng cần lạm quyền. Nếu để họ ra ngoài làm kinh tế, thì họ vốn có chức, có uy, có nhiều mối "quan hệ", nên lại lập ra rất nhiều công ty mang tính hành chính. "Công ty đổi biển" cũng coi như một tòa miếu mới, hương khói càng nghi ngút. Cơ cấu của Quốc Vụ viện từ 45 giảm xuống còn 41, nhân viên giảm được 1/5, so với số đề ra năm 1982 là giảm 1/3 thì còn kém xa. Dù như

vậy, đó cũng chỉ là ở cấp trung ương, còn ở địa phương thì tiến triển rất chậm. Công việc vẫn cần do những người đó làm, mấy vạn cán bộ mà nhất tề bãi công thì xã hội sẽ loạn...

Đến đầu thập kỷ 90, trong cơ quan đảng và chính quyền toàn quốc, bình quân mỗi tỉnh, địa khu, thành phố cấp địa khu và huyện lần lượt có 15, 20, 15 và 10 cơ cấu vượt biên chế. Tuy có thêm được nhiều người mới, nhưng tổng số "bồ tát" cũng tăng lên gấp đôi. Đặng chỉ còn gửi gắm hy vọng vào biện pháp kinh tế thị trường thôi.

4.6. PHUARƠ BÌNH LUẬN: "VIỆC THAY ĐỔI CŨ MỚI DO ĐẶNG TIỂU BÌNH TIẾN HÀNH HẦU NHƯ CHỨNG MINH RẰNG CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN ĐÃ TÌM RA PHƯƠNG PHÁP, VỪA THAY ĐỔI BAN LÃNH ĐẠO CŨ - MỚI MỘT CÁCH CÓ TRẬT TỰ, VỪA LÀM CHO BỘ MÁY ĐỒ SỘ KHÔI PHỤC ĐƯỢC SỨC SỐNG THANH XUÂN

Theo thiết kế của Đặng Tiểu Bình, mục đích của cải cách cơ cấu là để tăng cường sức sống, nâng cao hiệu suất. Mà sức sống của bộ máy đảng và nhà nước là ở sự thay đổi cũ mới trong thành viên lãnh đạo. Như vậy đẻ ra một vấn đề: Làm thế nào để giải quyết hiện tượng lão hoá nghiêm trọng trong tầng lớp lãnh đạo Trung Quốc từ sau thập kỷ 80.

Vấn đề này không thể xuất hiện nếu có chế độ nghỉ hưu, mà nếu có xuất hiện thì cũng dễ giải quyết. Vấn đề là Trung Quốc từ xưa chưa có chế độ đó. Trung Quốc có một quan niệm cũ thâm căn cố đế, tức là cho rằng tuổi tác càng cao thì càng sáng suốt, 50 tuổi là biết mệnh trời, bảy mươi

tuổi thì tùy theo ý muốn mà không vượt khỏi khuôn phép. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa trong thế kỷ 20 lại thêm một niềm tin mới, cho rằng người cách mạng chân chính thì không thể xuống đài, phải phấn đấu suốt đời vì lý tưởng. Lại thêm sự suy nghĩ thực tế là có quyền mới dễ làm việc, nên có rất ít người tự nguyện xuống đài. Trừ phi phạm sai lầm về chính trị bị cách chức, hoặc trong đấu tranh đường lối bị đả đảo, mọi cán bộ lãnh đạo đều giữ cương vị "cúc cung tận tụy cho đến hết đời". Loại chế độ giữ chức suốt đời đó là nguyên nhân căn bản khiến cho tầng lớp lãnh đạo bị lão hóa.

Nói một cách khách quan, khi Đảng Cộng sản Trung Quốc mới xây dựng nước,hiện tượng lão hóa trong cán bộ chưa nổi bật, vì những cán bộ đã tham gia trường chinh cũng chưa quá bốn, năm mươi tuổi. Thời kỳ cách mạng văn hóa tạo phản, đoạt quyền, đánh đổ hàng loạt cán bộ cũ, cũng có thể gọi là thay cũ đổi mới, đáng tiếc là lại đổi sai người và phương pháp đổi cũng sai. Sau khi đập tan "nhóm bốn tên", đại đa số quan được về nguyên chức cũ, nhưng Đặng rất nhanh chóng thấy rằng thành công đó chỉ là tạm thời. Năm 1975, khi Đặng chủ trì công tác Trung ương, Vương Hồng Văn đã nói: "Để mười năm nữa rồi xem". Câu nói đó nhắc nhở Đặng: "Về tuổi tác, chúng ta không đấu nổi bọn họ"[1]. Mời các đồng chí cũ trở lại, lại gặp phải vấn đề lão hóa và đứt đoạn. "Nếu chúng ta không giải quyết vấn đề trong vài ba năm, thì mười năm sau không biết sẽ dẫn tới chuyện gì"[2]. Do đó, vừa giải quyết xong chuyện phái phàm là. Đặng liền đề xuất: "nhất định phải

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr.244.
2. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 194.

nhân lúc chúng ta còn sống, chọn lựa đúng được người kế tục", "các đồng chí cũ còn sống, vấn đề còn dễ giải quyết, nếu chúng ta đã mất mà vấn đề vẫn chưa được giải quyết thì thiên hạ sẽ đại loạn"[1].

Theo Đặng, hoàn thành thuận lợi việc thay đổi cũ mới trong tầng lớp lãnh đạo là một biện pháp chiến lược quan trọng bảo đảm về mặt tổ chức cho tính liên tục của chính sách cải cách mở cửa và cho đất nước được ổn định lâu dài. Quyết tâm hoàn thành công việc này của Đặng là rất kiên quyết, nhưng hành động mà ông áp dụng lại rất thận trọng. Ông hiểu rõ then chốt của bước thay cũ đổi mới là vấn đề những đồng chí cũ cản đường, mà số đông cán bộ cũ lại luyến tiếc quyền vị, không chịu bàn giao. Những đồng chí cũ lại là cốt cán của chính quyền hiện nay, không thể thiếu họ được. Do đó giải quyết không thể quá gấp, quá gấp sẽ không thực hiện được, cần phải cố gắng giảm bớt trở lực, liệu chiều mà làm tuần tự tiệm tiến.

Năm 1980, từ việc Trung ương giải quyết vấn đề kiêm chức, chức phó quá nhiều, có một ý đồ: để những người chiếm nhiều chỗ quá nhường bớt ra một số chỗ để đưa người mới vào. Phương pháp này thu được hiệu quả trong việc bài xích phái "phàm là".

Chính nhờ phương pháp này mà Triệu Tử Dương đã tiếp quản được chức thủ tướng từ sự thôi kiêm chức của Hoa Quốc Phong. Nhưng cánh cửa của phương pháp này rất hẹp, không đưa vào được mấy người, mà những người cũ vẫn ở lại, tên tuổi của những người trẻ vẫn xếp ở phía sau. Làm như vậy thì việc thay cũ đổi mới trong tầng lớp lãnh đạo sẽ quá kéo dài.

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 177, 178.

Để đẩy nhanh việc thay đổi, năm 1982, Đặng phát động một cuộc cách mạng trong tinh giản cơ cấu, muốn hoàn thành ngay việc thay đổi trong một lần, thông qua phương thức định biên chế, hạn số người mà rút bớt một loạt người già, người kém, thay vào một loạt người trẻ, người giỏi. Không ngờ, trong khi thực hiện lại gặp phải cái phiền phức là dỡ miếu thì dễ, tống thần thì khó. Kết quả là người mới vào được khá nhiều, nhưng người cũ chỉ ra được số ít, vào nhiều hơn ra, làm cho cơ cấu càng phình to. Muốn đẩy nhanh việc tinh giản cơ cấu mà không (hoặc cố gắng ít) phải hy sinh nguyên tắc tinh giản, chỉ có dựa trên tiền đề là những người cũ thực sự rút lui. Chỗ ngồi chỉ có bấy nhiêu, lại còn tinh binh giản chính, người cũ không rút lui, thì người mới vào làm sao được?

Biện pháp giải quyết về căn bản là từng bước hình thành chế độ nghỉ hưu của cán bộ. Đặng dự tính dùng thời gian 10-15 năm để hoàn thành cuộc cách mạng thể chế này. Lúc đó, không những số lượng cán bộ bị hạn chế, mà nhiệm kỳ, tuổi tác, cũng được quy định rõ ràng. Hết nhiệm kỳ, tự động xuống đài; đến độ tuổi, tự động về hưu, như vậy thì người trẻ mới có thể tuần tự tiến vào trung tâm lãnh đạo, giải quyết về căn bản hiện tượng lão hóa và gián đoạn. Nhưng kế hoạch đó không đáp ứng được nhu cầu bức thiết trước mắt, huống hồ trước đó còn cần có một giai đoạn quá độ. Cái khó là ở chỗ trong thời kỳ quá độ trước mắt làm sao để cán bộ cũ rút lui được?

Đặng nghĩ ra hai biện pháp, một là "khuyên nên rút", ông dùng tiền đồ quốc gia và đại nghĩa của hiện đại hóa để ra sức khuyên cán bộ cũ rút lui tự nguyện. Đồng thời, Đặng nghĩ tới việc cán bộ cũ không muốn rút lui vì sợ mất quyền lợi, nên đã quy định sau khi rút lui vẫn được hưởng

mọi đãi ngộ và đặc quyền như khi tại chức, những người chưa đến tuổi mà nghỉ hưu, còn được một khoản ưu đãi. Phương pháp dùng ưu đãi để đổi lấy quyền lực như vậy cố nhiên làm tăng sự gánh vác của nhà nước, nhưng người già, người ốm nhường chỗ để người khác làm việc vẫn tốt hơn là chiếm địa vị mà không làm việc.

Đặng còn có một biện pháp "nửa rút lui", tức là lập ra một số chức vị danh dự, để cán bộ cũ rút về "tuyến hai". Năm 1981, khi tiếp nhận đơn từ chức của Hoa Quốc Phong, Đặng đã đề xuất: "ngoài ủy ban trung ương mới, còn đặt thêm hai ủy ban là ủy ban cố vấn và ủy ban kiểm tra kỷ luật gồm một số lão đồng chí. Thành viên Ban chấp hành trung ương cần trẻ một chút, đó là để lo về sau"[1]. Điều được nhiều người khen nhất là chế độ cố vấn. Đặng có ý thức sử dụng biện pháp chưa từng có đó nhằm mục đích giữ yên trong thời kỳ quá độ. Cố vấn không nhận chức vụ cụ thể, như vậy, có thể nhường chỗ cho người trẻ tuổi trung thành với bốn hiện đại . Cố vấn lại có chức vị ngang như ủy viên trung ương, để các lão đồng chí vào vị trí đó, thì dễ làm việc. Song làm cố vấn không phải chỉ có tác dụng an ủi mà còn có trách nhiệm "dẫn dắt". Mưu lược đó của Đặng có dụng ý rất sâu, vì ban lãnh đạo Trung Quốc không chỉ có vấn đề lão hóa, mà còn có vấn đề gián đoạn. "Cách mạng văn hóa" làm ảnh hưởng đến một thế hệ, rất nhiều người trẻ tuổi không đáng tin cậy, người đáng tin cậy lại không được bồi dưỡng kịp thời. Trong tình hình đó, những người già bỏ ngay không dùng cũng không được, cần phải chọn tốt người thay thế trước khi rời chức vụ và bồi dưỡng họ trên cương vị lãnh đạo. Người kế tục làm việc

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 3 - 40.

trên tuyến một, các lão đồng chí thì dùng kinh nghiệm của mình làm tham mưu ở tuyến sau, khi cần thiết thì chỉ đạo, phát hiện thấy chọn lựa không thỏa đáng thì đổi người. Khi lớp người trẻ đã thành thục, các lão đồng chí sẽ yên tâm và sẽ lần lượt từ giã cõi đời, chế độ cố vấn sẽ tự động thủ tiêu. Chế độ làm việc suốt đời tới đó là hết, và sẽ thay thế bằng chế độ nghỉ hưu, việc thay cũ đổi mới sẽ hoàn thành.

Tháng 9-1982, ủy ban cố vấn trung ương thành lập, Đặng tuyên bố ngay lúc đó: "Nhiều nhất cũng không tới 15 năm, ủy ban này sẽ được thủ tiêu". Đặng nói với các ủy viên: "Chúng ta cần tôn trọng cuộc sống này và biện chứng của lịch sử"[1]. Do có cơ sở đó, tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ tư, khóa XII, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc và Hội nghị Trung ương lần thứ năm, đã diễn ra cao trào thay ban, nhiều người ra, nhiều người vào. Đến Đại hội XIII, năm 1987, Đặng đã hoàn thành cơ bản việc thay cũ đổi mới, quyền lãnh đạo tối cao đã trao vào tay thế hệ sau trường chinh.

Báo "Người hướng dẫn khoa học đạo Cơ đốc" của Mỹ đăng bình luận của Tổng biên tập Phuarơ: "Việc thay cũ đổi mới do Đặng Tiểu Bình thực hiện tựa hồ đã chứng minh rằng chính quyền cộng sản đã tìm ra được một phương pháp, vừa chuyển giao quyền lực một cách có trật tự, lại vừa làm cho bộ máy đồ sộ khôi phục được sức sống thanh xuân".

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 6.

4.7. KHÔNG ÍT NGƯỜI CHỈ MỚI HAI, BA MƯƠI TUỔI ĐÃ LÀM TRUNG ĐOÀN TRƯỞNG, SƯ ĐOÀN TRƯỞNG, THẬM CHÍ CÓ NGƯỜI LÀM QUÂN ĐOÀN TRƯỞNG. CHẲNG LẼ NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI BÂY GIỜ DỐT NÁT HƠN NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI TRƯỚC KIA HAY SAO?

Rất nhiều cuộc cách mạng xưa nay đều không dùng người trẻ tuổi. Cách mạng của Đặng Tiểu Bình lại khác hẳn, đó là nhường lối cho người trẻ tuổi.Đó là cảm tưởng của một nhà bình luận phương Tây.

"Trẻ hóa cán bộ phải được coi là mục tiêu trung tâm của cải cách thể chế, quận đội, địa phương, đảng và chính quyền đều như vậy[1]. Đặng nói như vậy không phải là bồng bột, mà có suy nghĩ sâu xa.

Cơ sở để lập nên chính quyền của Đặng là các cán bộ đã bị cách mạng văn hóa đánh đổ. Sau khi lên cầm quyền, Đặng lần lượt mời họ về. Nhưng ông biết rõ rằng, thế hệ chinh chiến này có thể làm công tác chính trị, nhưng đối với hiện đại hóa thì rất lạ lẫm. Họ thiếu tri thức chuyên môn để lãnh đạo, hiện đại hóa, lại thêm tuổi đã nhiều, muốn làm cũng không còn sức. Cán bộ cũ không thể đảm đương được sự nghiệp hiện đại hóa vượt thế kỷ, cho nên sau khi họ "về nắm cương vị, Đặng một mặt lo lắng vì cán bộ quá nhiều, một mặt lại cảm thấy rất thiếu cán bộ: "Thiếu lớp cán bộ này, bốn hiện đại hóa không thể thực hiện được"[2].

Việc thay đổi quyền lực vốn là một việc tự nhiên,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 366, 193.

người già nghỉ thế người trẻ lên, sông Trường Giang sóng sau xô sóng trước, không việc gì phải lo lắng. Song Đặng đứng trước một tình hình đặc biệt: "Thế hệ trẻ thời cách mạng văn hóa đều chịu ảnh hưởng tư tưởng tả khuynh ở các trình độ khác nhau, có người có tư tưởng bè phái nghiêm trọng, lại rất giỏi đục nước béo cò. Đặng suy nghĩ kỹ đến chuyện các phần tử thuộc phái Lâm Bưu - Giang Thanh thừa cơ vùng dậy. "Hiện nay, chẳng phải ta đã lật lại các vụ án từ thời kỳ bọn Lâm Bưu, Giang Thanh đó sao? Nếu để bọn ấy thừa kế, cầm quyền, chúng lại có thể lật lại các vụ án ấy"[1].

Điều đó khiến các cán bộ cũ phải lo sao trước khi rời khỏi chính quyền, sắp xếp tốt công việc về sau. Nhân lúc còn quản lý công việc, phải thanh trừ hết các phần tử cách mạng văn hóa, đồng thời lựa chọn những người trẻ tuổi đáng tin cậy và có trình độ để bạt lên, cho rèn luyện trên cương vị lãnh đạo, xem xét sự trưởng thành của họ, tới khi cán bộ cũ đã già yếu thì đủ sức nắm quyền. Đặng cho rằng chỉ có như vậy, mới bảo đảm được tính liên tục của cải cách mở cửa, bảo đảm có người kế tục làm bốn hiện đại hóa.

Đặng yêu cầu các cán bộ cũ coi việc chọn người kế tục là nhiệm vụ hàng đầu. Những việc khác có thể làm kém một chút, còn việc này thì không thể sơ xuất, nếu không sẽ chết không nhắm mắt được.

Có cán bộ cũ sợ người trẻ không đủ kinh nghiệm, không làm nổi nhiệm vụ. Đặng nói, các cán bộ cũ cũng không có bao nhiêu kinh nghiệm hiện đại hóa: không ít

---

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 194.

người mới hai ba mươi tuổi đã làm trung đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, thậm chí quân đoàn trưởng. Chẳng lẽ những người trẻ tuổi ngày nay lại dốt nát hơn những người trẻ tuổi trước kia hay sao?

Lại có người ngại cán bộ trẻ hay "kiêu ngạo".Đặng có phần hoài nghi về hai chữ "kiêu ngạo". Phàm người ta có chút năng lực, có lòng hăng hái thì thường có chủ kiến, tự tin, điều đó không có gì xấu. Nếu quả có chút kiêu ngạo, được đặt vào cương vị mới, cũng sẽ biết tự mình khiêm tốn thôi.

Lại có người lo cán bộ trẻ không giữ được cương vị, Đặng nói, không giữ được thì cán bộ cũ giúp họ. Giúp đỡ, ủng hộ cán bộ trẻ là trách nhiệm của cán bộ cũ.

Tiêu chuẩn chọn người, ngoài tuổi trẻ, còn có hai điều: một là, phải có tri thức chuyên môn và nghiệp vụ, như các cán bộ đã tốt nghiệp đại học những năm 60. Hai là trung thành với đường lối chính sách từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba. Những người đã bị đả kích trong cách mạng văn hóa, bất mãn với Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", đã chống đối lại chúng bằng biện pháp tích cực hoặc tiêu cực. Đó là tiêu chuẩn chính trị. Những người có thời đã bị lừa dối, nhưng sau đã giác ngộ và có chân tài thực học cũng có thể sử dụng. Đặng đặc biệt nhắc nhở cán bộ cũ, không nên coi việc có ủng hộ mình hay không là một tiêu chuẩn. Các phần tử Lâm Bưu, Giang Thanh đều rất giỏi nịnh nọt, bợ đỡ, khéo chống chế, cán bộ cũ không nên mắc lừa chúng.

Đặng dự tính dùng thời gian 10 năm, tức hai kế hoạch năm năm để trẻ hóa cán bộ, 5 năm đầu chọn ra 5 vạn gồm những người dưới 50 tuổi, khoảng 40 tuổi và dưới 40 tuổi

theo tỷ lệ nhất định, hình thành kết cấu bậc thang. Chuẩn bị trong năm ba năm, bảy tám năm đưa họ lên cơ quan lãnh đạo tỉnh, người tỏ ra đột xuất thì đưa lên trung ương. Phương thức chuyển giao quyền lực là: cơ quan lãnh đạo cấp dưới và cấp trung để người trẻ trực tiếp giữ cương vị thứ nhất, thứ hai; cơ quan lãnh đạo cao cấp, để họ giữ cương vị thứ hai, thứ ba. Sau ba tới năm năm lại trao quyền, nếu phát hiện chọn lầm thì đổi vẫn còn kịp. Năm năm đầu, thành viên lãnh đạo cấp tỉnh gồm một tỷ lệ cán bộ trẻ nhất định, năm năm sau, trừ tình hình đặc biệt, đều không được vượt quá độ tuổi quy định, giải quyết luôn cả vấn đề tuổi và vấn đề hạn chế số người.

Năm 1982, khi triệu tập Đại hội lần thứ XII, tình hình chính trị buộc Đặng phải đưa các cán bộ cũ đã được sửa sai vào Bộ Chính trị và các cơ quan lãnh đạo, đồng thời, cũng có một số ít cán bộ trẻ vào các cơ quan đó.Đó là bước đầu trẻ hoá. Nhưng Đặng thấy thành viên lãnh đạo của Đại hội XII vẫn còn cao tuổi, nên đã quyết định triệu tập một hội nghị đại biểu giữa hai lần đại hội, trọng điểm để giải quyết vấn đề trẻ hóa. Năm 1985, triệu tập hội nghị đặc biệt đó, có người nói đó là hội nghị thay thế cũ mới chưa từng có trong lịch sử.131 cán bộ cũ rút về các cơ quan lãnh đạo khác, 179 cán bộ lãnh đạo mới được tuyển chọn. Những ủy viên trung ương mới, bộ trưởng mới, bí thư tỉnh ủy mới có người hơn 50 tuổi, có người chỉ hơn 40. Đặng nói, điều này đáng được ghi chép nổi bật trong lịch sử đảng. Đại hội lần thứ XIII năm 1987 là một đại hội thay đổi thế hệ, quyền lãnh đạo trao vào tay những người sau thế hệ trường chinh. Trong năm năm, Đặng đã tiến ba bước lớn, thực hiện thành công việc trẻ hóa ban lãnh đạo. Trong việc chuyển giao quyền lực lớn đó, không có ai bị

giết, bị bắt, chính sách cơ bản không có sự thay đổi lớn. Điều đó, trong lịch sử Trung Quốc chỉ có Đặng Tiểu Bình làm được mà thôi.

4.8. NHỮNG BẬC CẦN THIẾT CỘNG THÊM CHIẾC THANG GỌN NHẸ LÀ PHƯƠNG LƯỢC CƠ BẢN ĐỂ ĐẶNG SỬ DỤNG RỘNG RÃI CÁN BỘ TRẺ TRONG THẬP KỶ 80

Cán bộ phải tiến lên từng bậc theo thể chế tập quyền hình kim tự tháp. "Tể tướng từ châu bộ mà lên, mãnh tướng từ tốt, ngũ mà lên", không thể vượt cấp - đó là chế độ tuyển quan theo từng cấp vốn có của Trung Quốc.

Chế độ tập quyền tiến theo từng cấp có lợi nhưng cũng có hại. Lợi là, cán bộ được thử thách lâu dài, được tôi luyện, có thể bảo đảm sự tin cậy tuyệt đối. Hai là, xếp theo thâm niên, người già luôn cản ở phía trước, những người trẻ có tài không thể vượt lên; đến lúc tiến lên cao thì đã quá mệt mỏi; càng lên cao tuổi càng nhiều, khiến cán bộ, đặc biệt là lớp giữa và lớp trên càng ngày càng lão hóa, thiếu hẳn sức sống thanh xuân.

Trong thời gian "cách mạng văn hóa", Đặng Tiểu Bình cũng chủ trương theo từng bậc chống lại kẻ cầm đầu phái tạo phản là Vương Hồng Văn ngồi máy bay trực thăng, thậm chí ngồi tên lửa tiến lên vùn vụt, ngang hàng với thế hệ cán bộ trường chinh. Đến thập kỷ 80, đội ngũ cán bộ phổ biến lão hóa, không đảm đương nổi sự nghiệp hiện đại hóa, nếu cứ theo từng bậc thì không thể kịp. Để đẩy nhanh tốc độ trẻ hóa, Đặng sửa lại thuyết tiến từng bậc. Những bậc cần thiết (như chức danh chuyên môn, thông thuộc cơ

sở, tích luỹ kinh nghiệm) vẫn cần đặt, vì nếu bỏ thì không có cách gì thử thách, rèn luyện cán bộ, nhưng cần phải phế bỏ quan niệm lỗi thời về bậc, sáng tạo một số bậc mới phù hợp với nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời mạnh dạn phá cách, đề bạt nhanh một số cán bộ ưu tú thuộc tuổi trung niên và thanh niên. Số đặc biệt ưu tú trong đó, theo Đặng "Phải bắc cho họ chiếc thang gọn nhẹ để họ tiến vượt lên"[1].

Những bậc cần thiết (như kết cấu thê đội cho ban lãnh đạo trẻ hóa) cộng thêm chiếc thang gọn nhẹ - đề bạt vượt cấp, tạo thành phương lược cơ bản để Đặng sử dụng rộng rãi cán bộ trẻ trong thập kỷ 80.

Những bậc thềm dài dặc và chiếc thang gọn nhẹ đều có cái lợi, hại của nó. Loại trước lên chậm, nhưng thời gian thử thách dài, có cái lợi là ổn định. Loại sau lên nhanh thời gian thử thách ngắn, trong một số ngành như quân đội cần đặc biệt thận trọng. Đặng phân biệt quân đội và địa phương. Quân đội có tính đặc thù của nó, tuy cũng cần chọn một số cán bộ tương đối trẻ, nhưng vẫn phải đề bạt theo từng bậc từng bậc một, không thể nhảy quá nhanh. Nhưng "địa phương khác với quân đội, xí nghiệp cũng khác với quân đội, trường học và cơ quan nghiên cứu khoa học càng khác với quân đội, chọn lựa và đề bạt nhân tài có thể phá cách"[2]. Đặng làm mẫu về mặt này. Năm 1980, ông đi thị sát nhà máy chế tạo ô tô số 2, phát hiện phó giám đốc nhà máy là một nhân tài: tốt nghiệp đại học từ trước "cách mạng văn hóa", bị đả kích trong "cách mạng văn hóa", bất

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 284, 195.

mãn với việc chống làn gió lật án hữu khuynh, tuổi mới 38, lại là cốt cán về kỹ thuật. Thế là ông bắc cho anh ta một cái thang, đưa lên làm cán bộ cấp tỉnh.

4.9. DÙ LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU, LỜI NÓI CŨNG KHÔNG PHẢI LÀ QUYẾT ĐỊNH

Một trong những bài học của "cách mạng văn hóa" là biến sự lãnh đạo nhất nguyên thành sự lãnh đạo của một người, cá nhân quyết định vấn đề quan trọng, cá nhân lấn lướt tất cả tổ chức, tổ chức trở thành công cụ của cá nhân, tạo thành chế độ gia trưởng, một lời nói là quyết định.

Đối sách của Đặng Tiểu Bình với cái tệ đó là nhấn mạnh trở lại chế độ lãnh đạo tập thể.

Quy tắc lãnh đạo tập thể là chế độ tập trung dân chủ, mỗi người, dù là người đứng đầu, lời nói cũng không phải là quyết định.

Làm thế nào để thực hiện lãnh đạo tập thể? Đặng lại vẫn bắt đầu từ chế độ. Đại hội XII, sửa đổi điều lệ đảng, bỏ chức Chủ tịch đảng và khôi phục chức Tổng bí thư. Đó là bước thứ nhất. Sự sùng bái cá nhân với Mao Trạch Đông là do ông nắm trong tay chức Chủ tịch đảng đầy uy vọng và quyền lực trong một thời gian dài. Còn chức Tổng bí thư đảng chỉ là một chức vụ hành chính quan trọng. Về lý luận thì như vậy, người nhậm chức chỉ là người số một trong số những người có địa vị giống nhau mà thôi.

Thứ hai là, tách biệt một cách tương đối việc ra quyết sách và việc chấp hành. Tổng bí thư và ban bí thư do ông

ta lãnh đạo chỉ là một cơ quan thực hiện, không phải ở địa vị ra quyết sách. Bộ máy tối cao ra quyết sách là ủy ban thường vụ Bộ Chính trị, những vấn đề quan trọng đều do ủy ban thường vụ thảo luận tập thể và quyết định, sau đó giao cho Ban bí thư thực hiện. Tổng bí thư là người đứng đầu Ban bí thư, nhưng trong thường vụ Bộ Chính trị chỉ có một phiếu biểu quyết, không thể ở vị trí như "chủ tịch", Như vậy sẽ chấm dứt được hiện tượng một người nói là quyết định.

"Lãnh đạo tập thể cũng cần có một cái đầu"[1]. Tổng bí thư trung ương và bí thư thứ nhất các cấp giữ tác dụng "cái đầu" đó, chịu trách nhiệm hàng đầu về công việc hàng ngày, hoặc gọi là chịu trách nhiệm chung. Làm như vậy để tránh hiện tượng vin cớ lãnh đạo tập thể mà không có người chịu trách nhiệm.

Thời gian Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương làm Tổng bí thư, bản thân Đặng không bao giờ chính thức đứng ra, ông chỉ làm tổng thiết kế sư. Tại sao thiết kế và quyết sách của ông lại có tác dụng chủ yếu? Đó là vì trong bộ máy ra quyết sách (ủy ban thường vụ Bộ Chính trị) không có chiếc ghế số một. Mà Đặng, do quá trình và uy tín, có thể có tác dụng trội hơn. Gặp phải vấn đề quan trọng cần có người cốt cán, đặc biệt là trong tình huống ban thường vụ bàn mà không quyết được, thì nhất định phải thỉnh giáo ông.

Sau khi xuất hiện thế hệ lãnh đạo thứ ba, Đặng trao đổi nhiệm vụ chính trị với họ: "Bất kỳ tập thể lãnh đạo nào cũng phải có hạt nhân, sự lãnh đạo không có hạt nhân

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr.300.

thì không thể tin cậy được"[1]. Mao Trạch Đông là hạt nhân lãnh đạo của thế hệ thứ nhất. Đặng nói "thế hệ thứ hai, tôi là hạt nhân trên thực tế". Nay Đặng quyết định rút lui toàn bộ. Cho nên tập thể lãnh đạo cũng phải có một hạt nhân, và yêu cầu mọi người có ý thức ủng hộ hạt nhân đó.

Có lãnh đạo tập thể là được, thiểu số phục tùng đa số, tại sao lại cần chỉ rõ một hạt nhân? Bản thân Đặng không đóng vai trò hạt nhân nữa, sau khi ông buông ra, nếu không chỉ rõ một nhân vật hạt nhân, thì có khả năng vì không có trung tâm mà xuất hiện nhiều trung tâm, khắc phục nhất nguyên hóa lại xuất hiện đa nguyên hóa. Để mọi người tự giác ủng hộ một hạt nhân, có nghĩa là ngoài người đó, không ai được coi mình là trung tâm. Ngoài ra, trong một số tình huống đặc biệt, nếu trong nội bộ nảy sinh ý kiến bất đồng, nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số mất hiệu lực, hoặc gặp phải lúc có biến cố về nhân sự, vẫn cần có một nhân vật chủ yếu đứng ra gánh vác. Nếu không, sự lãnh đạo tập thể sẽ dễ dàng bị tê liệt, thậm chí chia rẽ, tan rã. Đương nhiên, hạt nhân hoặc đầu không nên quá nặng, nếu không, sẽ lại đi vào con đường độc đoán cá nhân.

Nhấn mạnh lãnh đạo tập thể có lợi cho phát huy dân chủ, ngăn ngừa cá nhân độc đoán, nhưng nếu làm không tốt sẽ xảy ra một khuynh hướng khác. Mượn cớ lãnh đạo tập thể, mỗi người đều có phần mà đùn đẩy lẫn nhau, không ai chịu trách nhiệm. Để phòng điều tệ hại đó, ngoài nguyên tắc tập thể lãnh đạo, Đặng còn đề ra quy định về "phân công phụ trách" và mong muốn thống nhất hai cái

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 310.

đó lại. Lãnh đạo tập thể thể hiện trong trình tự ra quyết sách, mỗi bí thư chỉ có một phiếu, không thể do bí thư thứ nhất hoặc Tổng bí thư nói là coi như quyết định. Phân công phụ trách thể hiện trong quá trình, chấp hành, những việc do tập thể đã quyết định, phân công rõ ràng cho ai làm việc gì, người đó chịu trách nhiệm, không được đùn đẩy. Nếu làm hỏng, cần truy cứu trách nhiệm.

4.10. GỌI LÀ "ĐẤU TRANH VỀ ĐƯỜNG LỐI" KHÔNG NHỮNG LÀ MỘT CÁCH GỌI SAI, MÀ CÒN KÉO THEO MỘT LOẠT HẬU QUẢ KHÁC. GỌI LÀ ĐẤU TRANH GIỮA HAI ĐƯỜNG LỐI TỨC LÀ MÔ HÌNH CHO RẰNG MỘT LÀ ĐÚNG ĐẮN, MỘT LÀ SAI LẦM

Pháp bảo Mao Trạch Đông để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong đảng là triển khai cuộc đấu tranh giữa hai đường lối. Hai đường lối, Mao Trạch Đông tự nhiên là đại biểu cho đường lối đúng đắn, nếu anh muốn không gạt sang đường lối sai lầm thì chỉ có một cách lựa chọn là việc gì cũng tán thành Mao Trạch Đông (không theo chủ nghĩa xét lại, chỗ nào cũng lấy Mao làm trung tâm (không chia rẽ), tất cả đều công khai với Mao (không tiến hành âm mưu quỷ kế). Đấu tranh đường lối không có đất điều hòa, một khi đã phạm vào sai lầm về đường lối thì tiền đồ chính trị coi như hết: người đứng đầu của đường lối sai lầm, khó tránh khỏi kết cục là, thân bại danh liệt. "Nhóm bốn tên" nắm rất vững cách làm này, đáng gọi là những cao thủ về việc tạo ra đấu tranh đường lối. Thí dụ, thời kỳ sau "cách

mạng văn hóa", để đánh đổ Chu Ân Lai, chúng dùng trăm phương ngàn kế bới móc những điểm khác nhau giữa Chu với Mao để gọi đó là đấu tranh về đường lối lần thứ mười một. Chúng biết rằng, chỉ cần kéo Chu Ân Lai vào đấu tranh đường lối, thì dù có bao nhiêu công lao, trung thành rất mực, cũng không tránh khỏi tai họa bị đánh đổ.

Đầu thập niên 80, khi xử lý mọi đúng sai, trong lịch sử, Đặng Tiểu Bình gặp phải một vấn đề: rất nhiều vấn đề trước kia không thể giải thích bằng "đấu tranh đường lối". Trước hết là Bành Đức Hoài và Lưu Thiếu Kỳ không thể gọi là đấu tranh đường lối. Việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn yêu cầu phải xoá bỏ những kết luận trước kia đối với họ. Nếu theo mô hình đấu tranh giữa hai đường lối, Bành, Lưu là đúng đắn thì ai sẽ là đại biểu cho đường lối sai lầm? Đối với Lưu thì còn có thể đổ cho Lâm Bưu, còn với Bành Đức Hoài thì sẽ đổ cho Mao Trạch Đông mất. Đại cách mạng văn hóa là một sai lầm mang tính toàn cục, làm thế nào để chứng minh được công lao của Mao lớn hơn sai lầm? Ngoài ra, đường lối sai lầm thống trị nhiều năm như thế thì sự lãnh đạo của đảng ở đâu? Còn mấy nhân vật không cần thiết phải minh oan nữa, dùng đấu tranh đường lối để buộc cho họ cũng rất gượng ép. Vấn đề Cao Cương, Nhiêu Thấu Thạch, Đặng hiểu rất rõ: "Cao Cương có đường lối gì? theo tôi, đúng là chẳng có đường lối gì cả". Theo Đặng, Cao Cương, Trương Quốc Đào, cả Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" đều là tiến hành âm mưu quỷ kế. Nói La Chương Long là sai lầm về đường lối cũng không thỏa đáng. La có lỗi là chia rẽ đảng, lập riêng trung ương. Sai lầm của Cù Thu Bạch chỉ có 3 tháng, của Lý Lập Tam chưa tới nửa năm. Ngoài Trần Độc Tú và Vương Minh, Đặng thấy những cuộc đấu tranh khác gọi là đấu tranh

đường lối là không đúng. Do đó, ông chủ trương bỏ mô hình quy vào đấu tranh đường lối, cuộc đấu tranh mang tính chất gì thì gọi đúng tính chất đó, phân tích đúng thực chất của nó, phạm sai lầm gì thì gọi là sai lầm đó, nói đúng nội dung của nó, về nguyên tắc không dùng cách gọi là đấu tranh đường lối nữa.

Gọi là đấu tranh đường lối không những là cách gọi không đúng, mà còn dẫn tới một loạt hậu quả. Đấu tranh giữa hai đường lối là một mô hình không cái này thì là cái kia, đơn giản quy mọi ý kiến trong đảng thành hai loại: chính xác và sai lầm, buộc các đồng chí trong đảng phải chọn lấy một. Ai muốn chọn phía sai lầm? Thế là trong đảng chỉ còn nghe thấy một tiếng nói luôn luôn đúng đắn. Người phát ra tiếng nói đó dù phạm sai lầm nghiêm trọng cũng không có ý kiến dám phản đối lại. Chưa cần nói ý kiến phản đối, ngay đến ý kiến khác cũng không được phép tồn tại. Bởi vì trong mô hình lưỡng cực hoá "khác" tức là "ngược lại". Việc quy kết thành cương lĩnh và đường lối do đó mà ra. Một câu nói, một cách nhìn, một ý kiến, chỉ cần hơi khác với đường lối đúng đắn, thì theo lôgích "không phải cái này tức là cái kia", sẽ rất dễ bị quy vào đường lối, làm nảy sinh ra một phong trào chính trị phê phán đường lối sai lầm. Trong tình hình đó, làm sao có được sinh hoạt dân chủ bình thường trong đảng, làm sao có được sự phê bình và tự phê bình trên tình đồng chí? Làm sao mà không nảy sinh tệ sùng bái cá nhân và cá nhân chuyên quyền? Mỗi lần đấu tranh về đường lối là làm hại rất nhiều người, rất ít khi không bị mở rộng ra. Không như vậy thì làm gì có nhiều án oan, án giả, án sai đến thế? Bản thân Đặng đã nếm trải sâu sắc điều đó. Sau khi được phục chức trong cách mạng văn hóa, chẳng phải ông đã linh hoạt vận dụng

ba chỉ thị của Mao đó sao? Xét từ toàn bộ thực tiễn cải cách mở cửa sau này của ông, ông cũng không đi ra khỏi phạm vi của "ba chỉ thị, chỉ có khác về phương pháp thực hiện. Mà vì sự khác nhau đó, ông bị đánh đổ lần thứ hai. Theo Đặng, cuộc đấu tranh trong đảng cần chống lại các hoạt động phi tổ chức và âm mưu quỷ kế như "bè phái", "chia rẽ", còn như theo chủ nghĩa Mác hay theo chủ nghĩa gì khác, chẳng qua là một số ý kiến bất đồng. Ý kiến đương nhiên là có đúng đắn, có sai lầm, nhưng phương pháp giải quyết nó không phải là phê phán, đấu tranh, vận động mà phải vận dụng phương pháp sáng suốt hơn để thuyết phục giáo dục. Chân lý đi khắp thiên hạ, nhất thời chưa thông cũng không quan trọng, cần cho phép người ta xem xét, đối chiếu với sự thực, cuối cùng rồi sẽ thông.

Cuộc đấu tranh đường lối kiểu phong trào nếu diễn ra rộng rãi thì giành thắng lợi không thể không bài trừ những người đứng về phía đối lập với mình, dù không thanh trừ về mặt tổ chức cũng tiến hành thanh lọc về tinh thần từng người một. Điều đó tạo cơ hội cho những kẻ có tâm địa bất chính bài xích những người khác mình. Ngoài ra, còn phủ định toàn bộ việc làm và lời nói của người thất bại, hôm qua là công thần, hôm nay trở thành kẻ đầu sỏ có tội, gộp hết cả việc cũ việc mới, mỗi lời nói đều thành phản động, mỗi hành động đều thành dã tâm. Mỗi lần xuất hiện một người cầm đầu đường lối sai lầm, là phát động toàn đảng, toàn quốc phê phán, phải chữa lại lịch sử đảng, kiểm tra lại mọi xuất bản phẩm. Những chính sách chấp hành trước kia phải đổi lại tất cả để tỏ ra tẩy trừ độc hại, phê phán thật xấu xa. Không biết rằng làm như vậy sẽ gây rất nhiều phiền phức cho người thắng lợi. Thậm chí ngay việc

chọn một khẩu hiệu chính trị cũng rất khó khăn. Bởi vì kẻ bị đánh đổ đã nói như thế thì không nên nói lại như thế. Nếu quả thật không nghĩ ra được cương lĩnh mới, khẩu hiệu mới, bất đắc dĩ phải dùng lại, thì cũng phải thay đổi cách nói. Sau khi thay đổi, lại sợ nhân dân cho như thế là đi theo con đường cũ, thì phải điều động một số bồi bút đứng ra đóng vai trò nhà lý luận, chứng minh rằng hai cách nói tương tự đó là có sự khác nhau "về bản chất". Thế là hình thành rất nhiều trò chơi chữ vô bổ nực cười! Ngoài việc giả dối về chính trị, còn dẫn tới sự cực đoan hóa về chính sách. Vì phải làm ngược lại với đường lối sai lầm, nên về nguyên tắc phải bỏ hết những nhân tố hợp lý trong chính sách của người bị đánh đổ, mọi chính sách phải quay ngoắt lại 180°. Cực đoan hóa tất nhiên phải thất bại, nên lại đến lượt trở thành đối tượng bị đánh đổ. Loại đấu tranh đường lối lặp đi lặp lại đó gây hậu quả cho đất nước, làm cho chính sách không ổn định, chính trị không ổn định. Hoàng đế nào có bày tôi đó, mỗi vua tôi mới lại có pháp luật mới, phương châm chính trị của quốc gia không có tiêu chuẩn, nay thế này, mai thế khác, nghiên cứu đi nghiên cứu lại, lúc tả lúc hữu, nhân dân không biết theo đường nào. Đất nước bị hãm vào cơn rung chuyển theo chu kỳ, không ngày nào yên ổn, còn lòng dạ nào làm việc xây dựng và các công việc có ích khác? Đặng quyết tâm không thực hiện các cuộc vận động chính trị, không tiến hành đấu tranh đường lối về cơ bản là xuất phát từ sự suy nghĩ đó.

Đấu tranh trong đảng bao giờ cũng có, nhưng không cần thiết phải giải quyết bằng đấu tranh đường lối. Biện pháp của Đặng đối phó với mặt đối lập và phái phản đối là

giải quyết vấn đề bằng tổ chức, thay đổi người và quy tắc. Những người thực hiện đường lối sai lầm, nếu phạm pháp thì xử trí bằng pháp luật, nếu không thì không cần truy kích, phê phán. Người ta khi đã không còn tại chức nữa thì không thể làm được gì, có đường lối thì cũng không có tác dụng. Còn những vấn đề tư tưởng, thì để giữ đường lối đúng đắn chỉ cần đưa những sự thực trong thực tiễn cho mọi người xem, là tự nhiên tư tưởng sẽ thay đổi, không cần phải phát động đấu tố rầm rộ. Phương pháp giải quyết đó tỏ ra ôn hòa, chính sách thay đổi được bình ổn.

Cuối năm 1978, vừa mới nắm quyền lực, Đặng lập tức tuyên bố chấm dứt cuộc phê phán "nhóm bốn tên" bằng phong trào quần chúng (đây là hình thức chủ yếu của đấu tranh đường lối trước kia) trên phạm vi toàn quốc. Sau đó, Đặng giao "nhóm bốn tên" cho pháp luật xét xử công khai, mà không giao cho quần chúng phê phán. Tội ác của "nhóm bốn tên" do pháp luật xử lý, tội thế nào xử thế ấy, không tiến hành phê phán bằng hình thức quy kết và biếm họa. Với hệ thống băng nhóm và tay chân của "nhóm bốn tên", Đặng chú trọng giải quyết về mặt tổ chức, do đảng ủy đứng ra triệt chức và điều động, tước đoạt quyền lực mà không tiến hành phong trào phê phán của quần chúng. Sức mạnh của biện pháp này không hề kém phong trào quần chúng, nhưng tỏ ra tương đối có lý trí, không làm nảy ra tình cảm vô chính phủ và tránh được hiện tượng khuếch đại. Trước kia, khi phát động quần chúng tiến hành đấu tranh đường lối, thường miêu tả một cách hay ho là quần chúng qua đấu tranh sẽ được rèn luyện, tăng cường năng lực nhận rõ đường lối sai lầm, nâng cao giác ngộ trong chấp hành đường lối đúng đắn. Kết quả thực tế hoàn toàn ngược lại, đã làm rối loạn tư tưởng quần chúng

và trật tự xã hội, làm rối loạn "kẻ địch" và làm rối loạn cả ta.

Đối phó với phái "phàm là" càng cần phải ôn hòa và có lý trí. Đặng tước đoạt quyền lực của họ từng bước, khiến họ dù còn tại chức cũng không có cách nào phát huy được tác dụng, cuối cùng phải xuống đài. Xuống đài cũng để cho họ có chút thể diện, để họ làm đơn xin từ chức, sau đó mở cuộc họp để phê chuẩn việc từ chức, mọi việc kết thúc êm đẹp. Hoa Quốc Phong đã phạm sai lầm nghiêm trọng khi dẹp bỏ rối loạn, khi trở lại đúng đắn, không bị chụp chiếc mũ đại loại "chống đảng", "chống chủ nghĩa xã hội" (Những loại mũ này trước kia khi đánh đổ một người bao giờ cũng được mang ra) mà chỉ bị xử theo đúng sai lầm, càng không tổ chức quần chúng đấu tranh phê phán để đánh đổ, bêu xấu. Đặng lại còn khẳng định tác dụng tích cực của ông ta trong việc đập tan "nhóm bốn tên" khi ông ta bị hạ khỏi quyền lực tối cao, Đặng không đánh tiếp người đã thất thế còn xếp cho ông ta một chức vị vô hại, lúc đầu là ủy viên Bộ Chính trị, sau giáng làm ủy viên trung ương, đến hiện nay vẫn giữ làm ủy viên trung ương. Đặng làm như vậy không phải là để tỏ lòng nhân từ với đối thủ, mà vì ông thấy rằng đấu tranh chính trị không nhất định phải một sống một chết, chỉ cần giành lại quyền lực là được. Sự đúng sai về đường lối sẽ do thực tiễn chứng minh, không cần phải làm to chuyện. Đặng không tin rằng "Lấy phá làm đầu, xây đã nằm trong đó". Phương pháp của ông ngược lại: Lấy xây làm đầu, coi trọng việc kiến thiết việc xác lập quy tắc mới, quan điểm mới, từng bước loại bỏ ảnh hưởng của đường lối sai lầm.

Đặng không tiến hành đấu tranh đường lối, trong việc xử lý vấn đề Mao Trạch Đông càng tỏ ra tinh tế, sáng suốt.

Sau khi trở lại cầm quyền, Đặng đã sửa chữa có hệ thống sai lầm của Mao Trạch Đông, đường lối cải cách mà ông đề ra so với đường lối truyền thống hoàn toàn khác biệt, không kém bất kỳ lần đấu tranh đường lối nào trong lịch sử. Nếu theo phương pháp truyền thống tiến hành cuộc đấu tranh đường lối thì có đầy đủ nội dung. Nhưng làm như thế thì kết quả sẽ ra sao? Trước hết, nếu dùng đấu tranh đường lối để định nghĩa sự chuyển biến lịch sử từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, thì thế tất phải đặt Mao Trạch Đông vào thế đối lập. Như vậy, sẽ rất có khả năng không phải là hoàn toàn phủ định Mao Trạch Đông, mà là Đặng bị đánh đổ. Hai là, dù có không bị đánh đổ, nhưng do đã cắt đứt mối liên hệ truyền thống trong Đảng Cộng sản,tính hợp pháp của chính quyền mới rất khó giữ được. Đặng sẽ có thể bị bươu đầu sứt trán, Goócbachốp đã là một thí dụ. Ba là, đường lối từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba rất có khả năng chuyển sang một cực đoan khác. Vì không có nhân tố hợp lý là kế thừa thời Mao Trạch Đông, thì cải cách tất sẽ dẫn tới sự rối loạn xã hội rất khó khống chế. Đặng không tiến hành đấu tranh đường lối mà dùng phương pháp ra "nghị quyết về những vấn đề lịch sử", tránh việc tự mình đứng ra. Trong khi vạch ra một loạt sai lầm nghiêm trọng của Mao lúc cuối đời, đã đồng thời khẳng định công lao vĩ đại của Mao và sau đó đã thông qua các biện pháp cải cách để khắc phục những sai lầm của Mao. Kết quả, ông đã né tránh được cái hố sâu chính trị và đã đưa tới sự chuyển biến cách mạng vượt khỏi bất kỳ cuộc đấu tranh đường lối nào trong lịch sử.

Việc xử lý với Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương là thí dụ tốt nhất về việc Đặng đã từ bỏ phương pháp đấu tranh

đường lối, cũng có thể nói đó là mẫu mực của phương thức đấu tranh mới trong đảng mà Đặng đã sáng tạo ra trong tình hình mới. Hồ, Triệu đều đã bị vấp ngã về vấn đề tự do hóa, hai điểm cơ bản, họ đã tay chặt tay lỏng, theo cách quy kết cũ, hoàn toàn có thể gọi là "sai lầm về đường lối". Mà Hồ, Triệu đều là nhân vật số một trong đảng, theo lô gích trước kia, nếu không phạm sai lầm về đường lối thì khó mà bị đánh đổ. Đặng lại áp dụng biện pháp rất ôn hòa, chỉ không cho họ làm tổng bí thư nữa, cũng không gọi là "cách chức", chỉ gọi là "từ chức". Hồ sau khi từ chức, còn được làm ủy viên Bộ Chính trị. Trong cuộc động loạn, Triệu đã phạm sai lầm "chia rẽ sự lãnh đạo của đảng", trước kia, với loại sai lầm đó, thì khi thay thế, còn bị phê phán về đường lối sai lầm. Đặng không những không cho phê phán, mà còn nhấn mạnh là đường lối cũ không thay đổi một chữ nào, người tiếp thu chức vụ cần rút bài học của người trước là đủ. Nếu cho phép phê phán "đường lối sai lầm" của Hồ, Triệu, thì kết quả sẽ ra sao? Những thế lực chống chính sách sẽ thừa cơ phản công, bài xích, đả kích thế lực cải cách, cuối cùng sẽ chĩa mũi nhọn vào bản thân Đặng. Ngoài ra, nó còn làm mất hai nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tiền đồ, vận mạng quốc gia: Đó là tính liên tục về chính sách và sự ổn định về chính trị.

4.11. TRONG CON MẮT NÍCHXƠN, VIỆC ĐẶNG RÚT LUI THÀNH CÔNG TRONG DANH DỰ LÀ KHÔNG GIỐNG VỚI BẤT KỲ CHÍNH PHỦ NÀO

Sau khi triệu tập Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ ba, uy tín và quyền lực khống chế Trung Quốc trên

thực tế của Đặng Tiểu Bình ngày càng lên cao. Đồng thời, ông không ngừng rút dần khỏi các chức vụ trên vũ đài quyền lực. Năm 1980, từ chối chức Phó Thủ tướng, năm 1981, từ chối chức Chủ tịch Đảng và Nhà nước, năm 1987, rút khỏi chức ủy viên trung ương, năm 1989, rút khỏi chức Chủ tịch Quân ủy.

Cái đạo tiến lui đó không phải nhà chính trị nào cũng hiểu được. Theo nhận xét của Níchxơn, việc Đặng rút lui thành công trong danh dự là không giống với bất kỳ chính phủ nào. Đờ Gôn kiên trì chống lại người kế tục đương nhiên của mình là Pompiđu; Sớcsin kiên trì chống lại Iđơn; Ađênauơ kiên trì chống lại Bộ trưởng tài chính tài giỏi của mình là Erhát.

Mỗi lần rút lui của Đặng đều là một lần tiến lên thành công. Hoặc có thể nói, ông đã lùi để tiến, và lùi trong quá trình tiến lên, kết hợp khéo léo giữa tiến và lui. Những nhà chính trị kể trên thiếu cái phong độ khi rút lui, chính vì họ đã thiếu mưu lược để tiến lên.

Mùa thu năm 1980, các thành viên trong Quốc vụ viện (tức chính phủ - ND) có sự thay đổi lớn: Hoa Quốc Phong, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Trần Vân, Từ Hướng Tiền, Vương Chấn, Vương Nhâm Trọng và Trần Vĩnh Quý, tất cả 8 người đồng thời rút khỏi các cương vị lãnh đạo trong chính phủ. Đặng giải thích sự rút lui đó là để giải quyết vấn đề kiêm chức và chức phó quá nhiều, quyền lực quá tập trung và tệ không phân tách giữa đảng và chính quyền, và để chuẩn bị cho việc bàn giao già - trẻ. Đúng như vậy, ngoài Trần Vĩnh Quý "từ chức", 7 người còn lại đều là thôi kiêm chức. Sau khi được phục chức năm 1977, Đặng không tăng thêm chức vụ nào, vẫn giữ những

chức Mao trao cho từ cuối năm 1974, trong đó chức "phó chủ tịch đảng thứ nhất" còn lui xuống, đứng sau Hoa Quốc Phong và Diệp Kiếm Anh, chỉ ở vị trí thứ ba. Lần này, ông lại từ chức Phó Thủ tướng. Hoa Quốc Phong không nên buồn vì mất chức Thủ tướng, vì đồng thời rút khỏi chính phủ còn có Đặng và một số lão đồng chí khác. Nhưng, người tiến lên tiếp thu chức Thủ tướng là Triệu Tử Dương, người kế thừa do Đặng tự tay lựa chọn. Như vậy, trong chính phủ, Đặng không còn chức Phó Thủ tướng nhưng lại thêm một trợ thủ đắc lực làm Thủ tướng. Còn Hoa rút lui thì thua hoàn toàn, chỉ còn chức Chủ tịch Đảng hữu danh vô thực, thực quyền đã bị Hồ Diệu Bang, một người thừa kế khác của Đặng thay thế với chức Tổng bí thư. Lần rút này của Đặng, không những đã thanh trừ được phái "phàm là", mà còn đưa một số lão đồng chí có thể gây trở ngại cho cải cách ra ngoài chính phủ. Thật là khôn khéo!

Tháng 6-1981, Hoa Quốc Phong chính thức từ chức khỏi chức Chủ tịch Đảng và Chủ tịch Quân ủy. Chức vụ này tượng trưng quyền lực tối cao của Trung Quốc, trước kia thuộc về Mao Trạch Đông. Xét về mọi điều kiện, từ quá trình, uy tín, năng lực, cống hiến, mọi người đều cho rằng từ nay không ai xứng với chức ấy hơn Đặng. Nhưng Đặng kiên trì từ chối làm như vậy. Ông để Hồ Diệu Bang làm Chủ tịch Đảng, Diệp Kiếm Anh làm Chủ tịch nước, bản thân chỉ nhận làm Chủ tịch Quân ủy, chức vụ trong Đảng vẫn ở vị trí thứ ba, sau Hồ và Diệp. Tại sao lại sắp xếp như vậy?

Mọi người đều biết, công đầu trong việc thanh trừ phái "phàm là" thuộc về Đặng. Theo quy tắc di chuyển quyền lực trước kia, Hoa xuống đài thì người thay thế sẽ là Đặng. Đặng không tiếp thu toàn bộ quyền lực của Hoa

theo lệ cũ, là để cho mọi người thấy rằng việc ông đấu tranh với phái "phàm là" không phải là việc tranh giành quyền lực, mà là vì tiền đồ và vận mệnh quốc gia. Nếu lúc đó Đặng chính thức ngồi vào vị trí quyền lực tối cao của đảng và nhà nước, thì uy tín và hình tượng của ông có thể bị ảnh hưởng lớn.

Ý nghĩ mưu lược có tính tích cực khác là để lưu một ấn tượng cho các vị nguyên lão trong đảng: Những đồng chí già nên tự giác nhường đường cho lớp người trẻ. Khi Hoa từ chức, bản thân Đặng cũng đã 80 tuổi, thuộc lớp già. Từ thập kỷ 80, ông đã nêu ra việc phế bỏ chế độ tại chức suốt đời, khuyên các đồng chí già tự động nhường chỗ, để cống hiến vào việc trẻ hóa ban lãnh đạo. Làm sao có thể khuyên người khác lui mà mình lại cứ tiến lên? Nay Đặng không còn giữ địa vị cao trong đảng và chính phủ, thì việc khuyên các đồng chí khác nhường chức mới có sức thuyết phục.

Ba chức chủ tịch Đảng, chính quyền, quân đội, theo thể chế chính trị Trung Quốc chức thứ nhất và thứ ba là quan trọng nhất, trước kia đều do một người đảm nhiệm, để bảo đảm việc đảng lãnh đạo tuyệt đối đối với quân đội, nay do Hồ và Đặng chia nhau giữ. Hồ giữ chức Chủ tịch đảng (Tổng bí thư) có hai điều kiện: Một là, Hồ là chủ tướng của phái thực tiễn, là tiên phong trong việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn, có thể hoàn toàn nhất trí với Đặng về những vấn đề quan trọng. Hai là, Hồ còn tương đối trẻ, lên nhận chức phù hợp với yêu cầu trẻ hóa ban lãnh đạo, các lão đồng chí cùng lứa với Đặng không thể dị nghị. Người có quá trình lâu dài và uy tín trong đảng tương đương với Đặng chỉ có nguyên soái Diệp Kiếm Anh, nhưng Diệp đã quá nhiều tuổi, sức khỏe lại không tốt, nên

đảm nhiệm chức Chủ tịch nước là chức vụ có tính chất lễ nghi là thích hợp.

Lui lại một bước có khoảng trời rộng rãi. Sau Đại hội XII, Đặng luôn để hai trợ thủ chủ yếu là Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương đóng vai trò chủ yếu ở phía trước, giữ hai mặt đảng và chính quyền. Đặng không giữ một chức vụ nào trong chính phủ, và xếp vị trí thứ ba trong đảng. Song thường vụ Bộ Chính trị của Đại hội XII có 6 người, Hồ, Triệu, Đặng chiếm ba vị trí, Đặng đã đủ để nắm vững bộ máy ra quyết sách này. Ngoài ra, ông vẫn nắm chức Chủ tịch Quân ủy, nắm lực lượng trụ cột là Quân Giải Phóng Nhân Dân. Do đó, dù sau này Hồ, Triệu có xuất hiện vấn đề, Đặng vẫn khống chế được tình hình một cách có hiệu quả. Sau này Đặng có nói biện pháp đó không được coi là thành công (như từng nói: "Buông rèm nghe chính sự", "danh bất chính, ngôn bất thuận" v.v..) nhưng Đặng không nói biện pháp thành công hơn là thế nào.

Năm 1987, tại Đại hội XIII, Đặng lại lui một bước nữa, rút khỏi ủy viên trung ương (ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên thường vụ Bộ Chính trị) và ủy viên cố vấn, chỉ giữ chức Chủ tịch Quân ủy. Do ông dẫn đầu, còn có một số lão đồng chí như Trần Vân, Lý Tiên Niệm, Bành Chân, Đặng Dĩnh Siêu, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vĩnh Trăn. Lý và Bành sau đó còn rút khỏi chức Chủ tịch nước và Chủ tịch quốc hội. Năm 1985, các lão đồng chí đã lui gần hết, lần này là tốp cuối cùng. Cuối cùng còn có Trần Vân (chủ nhiệm ủy ban cố vấn khóa cuối), Dương Thượng Côn và Vương Chấn (Chủ tịch và Phó chủ tịch nước), và bản thân Đặng. Đặng tuyên bố mình chỉ là Chủ tịch Quân ủy, kiên trì không hỏi han tới việc hàng ngày của Trung ương. Nhưng Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ nhất cũng lại tuyên bố: Đặng

Tiểu Bình tuy đã rút khỏi trung ương, nhưng địa vị tác dụng của ông với tính cách là người ra quyết sách về những vấn đề quan trọng của đảng và nhà nước thì vẫn không thay đổi, vì đảng và nhà nước vẫn cần ông cầm lái.

Đặng biết rõ rằng sau khi phái "phàm là" xuống đài vào cuối những năm 70 thì trở lực chủ yếu đối với cải cách sẽ xuất phát từ sự lo lắng của các đồng chí cũ, mà trở lực đó chỉ có ông mới khắc phục được. Phương pháp căn bản để khắc phục là để các đồng chí cũ nhường chỗ. Nếu các đồng chí còn ở chức vụ thì ông cũng phải ở chức vụ, mới có thể đối phó được. Với sự khuyên nhủ và dẫn đầu của Đặng, các đồng chí cũ lần lượt rút lui, bản thân ông đương nhiên cũng rút lui, nhưng sự rút lui của ông có khác với người khác. Người khác rút lui thì phần nhiều không còn ảnh hưởng, còn phía sau ông vẫn để lại người và chính sách. Rút về phía sau, những thế lực chống cải cách không còn nữa, còn lại đều là người tích cực ủng hộ chính sách cải cách. Kết quả, tuy ông ở "tuyến hai", nhưng vẫn sử dụng được quyền lực tốt hơn Mao Trạch Đông năm nào. Chức vụ từng bước lùi về sau, nhưng chính sách lại từng bước đi lên, dù ông rút lui hay không rút lui, lui toàn bộ hay lui một nửa, bánh xe cải cách vẫn đi trên quỹ đạo do ông thiết kế, nếu có sai lệch, người khác sẽ mời ông ra hoặc thậm chí khiêng ông ra.

4.12. NHỮNG NGƯỜI THỐNG TRỊ XƯA NAY ĐỀU MUỐN MÌNH SỐNG MÃI TRÊN VŨ ĐÀI CHÍNH TRỊ, NHƯNG ÔNG LẠI "MUỐN MÌNH DẦN DẦN MẤT ĐI TRÊN VŨ ĐÀI CHÍNH TRỊ"

Ngày 5-9-1988, Đặng Tiểu Bình thổ lộ tâm tư với tổng thống Tiệp Khắc Huxắc: ông mong muốn mình dần dần vắng mặt trên vũ đài chính trị.

Những người thống trị xưa nay đều muốn mình sống mãi trên vũ đài chính trị, tại sao Đặng lại muốn mình mất đi?

Danh dự cao quá là một gánh nặng đối với mình, đó chỉ là một trong những suy nghĩ. Quan trọng hơn là Đặng nhận thức rằng , vai trò của mình quá lớn sẽ không có lợi cho Đảng và Nhà nước.

Ngay từ năm 1984, Đặng đã yêu cầu không nên tuyên truyền tác dụng của mình một cách ghê gớm quá. Ông nói, đó không phải là khiêm tốn, mà là việc lớn quan hệ tới an toàn của quốc gia. Năm 1989, ông chú ý đến tin đồn ở Hồng Kông nói rằng ông bị bắt hoặc ốm đau, dẫn tới xao động trong thị trường cổ phiếu. Còn rất nhiều quốc gia đặt chính sách với Trung Quốc của họ tùy thuộc vào tình hình bệnh tật hoặc cái chết của ông. Uy tín to lớn đó dễ khiến người ta say sưa, nhưng Đặng rất không yên tâm. Ông ý thức một cách tỉnh táo rằng đặt vận mệnh của một quốc gia vào uy tín của một người là một hiện tượng không bình thường và cũng là rất nguy hiểm. Như vậy, hễ bản thân người đó có thay đổi là sẽ gây ra biến động; có việc gì sẽ rất khó giải quyết. Ông không mong muốn có tình hình là: một ngày nào đó ông mất đi, Trung Quốc sẽ như người mất hồn, hoặc hình thành một ấn tượng với bên ngoài Đặng không còn thì chính sách của Trung Quốc có thể sẽ thay đổi. Đó sẽ là bi kịch của cả cá nhân và đất nước. Đặng thấy không nên để mình phải gánh vác trách nhiệm đó, nên cần tìm cách tránh.

Phương pháp tránh là nhân lúc mình còn khỏe mạnh, rút khỏi vũ đài quyền lực. Song ở một nước có truyền thống rất sâu về nhân trị như Trung Quốc, việc rời khỏi Kim Tự Tháp quyền lực không dễ dàng như việc leo lên.

Ý muốn thành thật muốn rút lui của Đặng là không có gì phải nghi ngờ, nhưng lần nào cũng có nhân tố cho rằng người khác có thể rút nhưng Đặng không thể rút. Ông thấy mình cũng ở trong trạng thái lúng túng: Một mặt, xuất phát từ việc phế bỏ chế độ làm việc suốt đời, ông cần phải làm gương rút trước; mặt khác ông lại cần là người lui sau cùng để tiện đôn đốc quá trình bàn giao quyền lực, giữ tác dụng điều hòa trong khi chuyển đổi thể chế. Năm 1980, Pharaxi hỏi ông bao giờ thì rút lui, ông hứa tới năm 1985. Đặng dự kiến đến năm 1985, sẽ cơ bản hoàn thành việc bàn giao cũ mới, ông không cần thiết ở lại chức vụ nữa. Nhưng sự thực lại không như vậy, đến năm 1986 đã muộn một năm, Oalaisơ lại hỏi ông đến bao giờ thì rút, ông hứa tới Đại hội XIII vào năm sau. Đặng phát hiện mọi người rất quan tâm tới việc tiến lui của ông, có người mong ông sớm rút để hoàn thành thể chế hưu trí; có người lại nói ông không thể lui, Trung Quốc vẫn cần có ông cầm lái. Hai cách nói đều có lý. Thế là tại Đại hội XIII, ông áp dụng biện pháp chiết trung: lui một nửa; lui khỏi ban chấp hành trung ương, chỉ còn làm Chủ tịch Quân ủy, kiên trì không hỏi han tới công việc hàng ngày để dần dần mất hẳn, quá độ tới rút lui hoàn toàn.

Không lâu sau khi "rút một nửa", Tuynidi truyền tới tin chính biến: Tổng thống Buốcghiba, người lãnh đạo lâu năm của phong trào giải phóng dân tộc Tuynidi đột nhiên bị phế truất thẳng thừng vào 7-11-1987. Theo nói lại, mấy ngày đó Đặng vô cùng chú ý đến sự phát triển của tình hình và các nguồn tin từ các phía, tâm tình rất không bình tĩnh. Ông rút ra một bài học từ cảnh ngộ của Buốcghiba: Không thể thi hành được chế độ "người già nắm quyền". Uy tín của Buốcghiba tại Tuynidi vốn rất cao, nhưng ông

ta không sắp xếp tốt việc về sau, nên để người khác sắp xếp số mệnh của ông. Cách làm của Đặng đương nhiên sáng suốt hơn nhiều, từ năm 1980, đã đem hết tâm sức lo việc về sau. Nhưng cho tới lúc đó vẫn chưa sắp xếp xong, vẫn chưa hoàn toàn rút được, điều đó làm ông rất lo lắng.

Bao giờ sẽ rút lui hoàn toàn? Theo bài học của Buốcghiba, Đặng muốn rút trước khi đầu óc kém minh mẫn, để tránh sau này lẩm cẩm, dễ phạm sai lầm, sẽ gặp cảnh bị phế truất như Buốcghiba. Đặng có thể nói ra điều đó, chứng tỏ đầu óc của ông còn rất sáng suốt, sáng suốt hơn các lãnh tụ những nước cộng sản khác.

Đương nhiên, tốt nhất là rút lúc sức khỏe còn tốt. Như vậy, có đầy đủ tinh lực để sắp xếp việc giao nhận, bảo đảm tốt tính liên tục của chính sách. Ngoài ra, sau khi rút lui, hoàn toàn không làm việc nữa, sức khỏe vẫn tốt, có thể có tác dụng ổn định nhân tâm.

Trong lúc ông còn sống, nhân tố quyết định việc ông có thể rút là chính sách hiện hành có thể tiếp tục khi ông không còn giữ chức. Không cần ông quản lý mà vẫn tiến hành được không có sai lầm thì ông có thể yên tâm rút để ảnh hưởng cá nhân của mình lặng lẽ tan biến vào lịch sử. Nếu vẫn còn sống, mà thấy có sai lầm, lẽ nào ông không quản được?

"Rút một nửa" chính là ông xuất phát từ sự suy nghĩ này: Chưa thật yên tâm. Là một hình thức quá độ, Đặng kiên trì không hỏi han công việc hàng ngày, nhưng việc lớn như "cơn bão táp năm 1989", ông không thể không quản. Đặng đã nói: Cơn sóng gió đó sớm muộn cũng sẽ tới, nhưng đến sớm thì tốt hơn, vì có các lão đồng chí còn sống nên có thể chặn được. Nếu không, tính chất của sự kiện sẽ rất khó xác định.

Sau việc đó, kế hoạch rút lui hoàn toàn lại phải xem xét lại. Sau khi sự kiện phát sinh, Đặng thấy rút ngay thì chưa được. Nhưng đợi đến lúc nào thích hợp mới rút cũng rất khó. Nếu chưa rút, sẽ rất khó bảo đảm rút trước khi đầu óc kém minh mẫn. Do đó, ba tháng sau sự kiện trên, Đặng thấy tình hình đã bình ổn, liền hạ quyết tâm, nhân lúc này hoàn toàn rút khỏi vũ đài.

Lần này là rút lui hoàn toàn. Đặng hy vọng ban lãnh đạo mới không trao cho ông chức gì nữa. Ông không muốn có tác dụng gì nữa. Đương nhiên, ông vẫn nói nếu có việc gì cần thì cứ tìm đến ông, ông sẽ không từ chối, vì còn có thể đứng bên cạnh để giúp đỡ, dù sẽ không còn như trước nữa.

Đặng quyết tâm từ đó thôi không can dự gì nữa. Nhưng đến đầu thập kỷ 90, kinh tế xuống dốc, chính sách gặp trở ngại, nhân tố "tả" lại nổi lên, trước mắt có nguy cơ không quản được. Đặng lại phải ra mặt đi tuần du phương Nam và phát biểu ý kiến. Ông vốn đã tưởng có thể lánh mặt đi, nhưng lúc này lại trở thành trung tâm chú ý của mọi người. Song, Đặng hầu như tính toán làm "một lần cuối cùng", nói hết những điều cần nói, làm hết những việc cần làm (như sắp xếp nhân sự), cố gắng cứ thế 100 năm sau không thay đổi, hình thành cục diện mới cho Đại hội XIV.

Một trăm năm không dám nói, nhưng ít nhất sau đó hai ba năm, Đặng không quản nữa, mà mọi việc vẫn như ý. Thế là được. Không có ông quản nhưng vẫn làm theo phương châm do ông đề ra. Như thế, cũng coi như làm cho mình hoàn toàn biến mất khỏi vũ đài, hòa tan vào lịch sử.

4.13. NGƯỜI TA CHỈ BIẾT ĐÓ LÀ KHIÊM TỐN, MÀ KHÔNG BIẾT ĐÓ LÀ TRÍ TUỆ

Tháng 9-1989, Đặng Tiểu Bình quyết định rút khỏi chức vụ cuối cùng để tiện vắng mặt trên vũ đài chính trị. Khi trao đổi về chính trị với những người lãnh đạo thế hệ mới, Đặng còn nói tới việc về sau của bản thân mình. Phương thức rút lui càng giản đơn càng tốt, không cần làm chuyện ca tụng công đức, tang lễ khi chết cũng nên giản đơn. "Đánh giá về tôi cũng không nên quá ca ngợi, không nên coi vai trò của tôi quá lớn. Có người đặt tôi lên trên Mao Chủ tịch, như thế không tốt. Tôi rất sợ có những việc đó, danh dự quá cao cũng là một gánh nặng"[1].

Người ta chỉ biết đó là khiêm tốn, mà không biết đó là trí tuệ, và là điển hình của trí tuệ phương Đông, là bí quyết làm người và cũng là đạo của người quân tử. Ngạn ngữ A Rập nói: Một cây càng có nhiều quả thì người mang đá đến ném càng nhiều. Trung Quốc cũng có những câu như: Càng trắng thì càng dễ bẩn, càng cao thì càng dễ gẫy, cây lớn chịu gió nhiều, người không dễ thành phật... Trong một đất nước cần có anh hùng, nhân dân không cho phép người anh hùng mà mình sùng bái có một chút thiếu sót nào. Đặng biết mình không làm nổi người anh hùng như thế. Ông thẳng thắn thừa nhận mình trong mấy chục năm cách mạng, tuy cũng có chút công lao, nhưng cũng có nhiều khuyết điểm, sai lầm, Đặng không tin rằng có người hoàn mỹ như thánh nhân. Với Mao, ông đánh giá cơ bản là 7 ưu 3 khuyết. Còn với bản thân,ông nói nếu được 6 ưu. 4

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 317.

khuyết là thỏa mãn rồi. Mỗi cá nhân đều có tính cục hạn khó tránh khỏi. Vì vậy, ca ngợi quá mức sẽ trở thành một nhân vật mang tính biếm họa, trở thành bất lợi.

Ngoài ra, Đặng còn nghĩ tới việc danh vọng cá nhân quá quan trọng sẽ bất lợi cho nhà nước, tập thể và quần chúng. Có nhà triết học, sử học từng nhắc nhở người ta đề phòng các anh hùng trong lịch sử, địa vị của anh hùng quá cao sẽ làm chìm quần chúng, làm chìm tổ chức, gây họa lớn cho quốc gia. Béctôn Brétsơ người Đức trong vở kịch Galilê đã có hai câu nói mở đầu, một câu là lời của 1 học trò Galilê: "Một nước không có anh hùng thì thật bất hạnh biết bao". Một câu là lời đáp của Galilê: "Không! Một nước cần có anh hùng mới là bất hạnh!". Mao Trạch Đông tuy biết rằng "cây tốt hơn rừng thì gió sẽ làm đổ", nhưng về cuối đời, ông lại vui vẻ tiếp nhận sự sùng bái của người khác đối với mình, kết quả tạo nên hậu quả đầy tai họa. Trong khi lịch sử chuyển từ thời đại anh hùng sang thời đại dân chủ, đó không chỉ là bi kịch cá nhân mà còn là bi kịch của một dân tộc.

Đặng không muốn làm một Mao Trạch Đông thứ hai. Ông luôn giữ thái độ phản đối việc sùng bái anh hùng, vì ông thấy rõ rằng gửi gắm số mệnh của một quốc gia vào uy tín của một hai người thì rất nguy hiểm. Ông nhiều lần từ chối yêu cầu của người nước ngoài về viết tự truyện, và cũng phản đối việc nói quá mức về tác dụng của mình, chứ hoàn toàn không phải là kiêng kỵ gì. Tuy ông rất coi trọng sự nghiệp, sứ mệnh và hành động, nhưng không muốn làm nổi bật mình mà nghiêng về đặt mình trong tập thể. Thí dụ ông không chạy theo ngôi vị "đứng đầu" một cách hình thức mà muốn đặt mình ở vị trí thích hợp. Ông sửa chữa có hệ thống những sai lầm cuối đời của Mao, mở ra cục

diện phục hưng cho nước cộng hòa nhân dân, nhưng không quên xếp mình sau Mao. Chỉ căn cứ vào điểm đó, người ta cũng đã có thể quả quyết: Hình tượng lịch sử của Đặng Tiểu Bình sẽ có khả năng vượt hơn Mao Trạch Đông. Đương nhiên điều đó phụ thuộc vào trình độ đánh giá của nhân dân.

4.14. CỐ GẮNG BỚT LÀM VIỆC ĐỂ CÓ THỂ SỐNG THÊM MẤY NĂM NỮA, CÓ LỢI CHO SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA THẾ HỆ TRẺ

Một lần nữa, Đặng Tiểu Bình giới thiệu phương pháp làm việc của mình cho các lão đồng chí trong ủy ban cố vấn, đó là cố gắng bớt làm việc.

Bớt làm việc, đối với mọi người nói chung thì đâu có phải là một phương pháp làm việc, chỉ giản đơn là tiêu cực hoặc lười biếng. Nhưng đối với Đặng, bớt làm việc có rất nhiều cái hay, ông nêu ra hai điểm:

Một là, để mình có thể sống thêm mấy năm. Đó là một kiểu "uy mua" điển hình của Đặng Tiểu Bình: Sống thêm mấy năm là yêu cầu của việc ổn định quốc gia, cũng là nguyện vọng của bản thân ông.

Hai là, có lợi cho sự trưởng thành của thế hệ trẻ. Điểm này có ý nghĩa phổ biến với các lão đồng chí trong ủy ban cố vấn. Đặng từng nhắc nhở là làm cố vấn không nên can dự, gây trở ngại cho các đồng chí trẻ làm việc trên tuyến một. Đặc điểm của các lão đồng chí là có cương vị vững chắc, uy tín cao. Đặng lại càng như thế. Nếu ông làm việc quá nhiều, thì người xung quanh không thể độc lập

triển khai công việc, làm trở ngại đến tính tích cực của bên dưới, khiến họ không phát huy được tính sáng tạo và gây thành thói quen ỷ lại, khó tự mình đảm đương hoàn toàn mọi mặt công tác. Ngược lại, nếu mình bớt làm việc, phóng tay cho những người trẻ tuổi làm thì họ vốn có tinh lực dồi dào, đầu óc linh hoạt, sẽ có thể làm được tốt.

Đầu thời kỳ dựng nước, Chu Ân Lai đã từng đánh giá về phương pháp làm việc của Đặng Tiểu Bình và Lưu Bá Thừa, rằng Đặng "nâng vật nặng như nâng vật nhẹ", còn Lưu thì "nâng vật nhẹ như nâng vật nặng". Một cán bộ cũ nói với giọng đầy cảm thán: Có một số việc, đồng chí Tiểu Bình hoàn toàn có thể rảnh tay. Buông tay không quản, để người khác quản, nên Chu phải khen Đặng có tài chỉ huy "nâng vật nặng như nâng vật nhẹ" còn mình chỉ có tài thực hiện, "nâng vật nhẹ như nâng vật nặng".

Vào thập kỷ 80, khi Đặng trở thành người ra quyết sách tối cao, phong cách lãnh đạo "nắm đường hướng chính" của ông càng nổi bật. Ông một mực chỉ quản phương châm lớn về chính trị, nắm phương hướng con tàu cải cách, và khi cần thiết thì đưa ra quyết sách quan trọng. Còn những việc cụ thể hàng ngày, những quy tắc về chính sách tỷ mỉ, việc thực hiện, đôn đốc và đánh giá, ông đều giao cho người khác, mạnh dạn để những người trẻ tuổi dưới quyền thực hiện.

Bớt làm việc cũng có một loại nguy hiểm là dẫn tới việc tuột mất đại quyền. Vào thập kỷ 60, sau khi Mao Trạch Đông lui về tuyến hai đã từng có cảm giác ấy. Nhưng Đặng không gặp nguy cơ đó, ông làm rất ít việc nhưng khống chế được đại cục. Bí quyết là ở chỗ Đặng nắm vững đường lối tổ chức. Những người làm việc cụ thể đều

do ông tự tay chọn lên. Đương nhiên, người do mình chọn chưa hẳn đã nghe theo mình. Vấn đề là những người đó đều thuộc thế hệ sau. Đặc điểm chính sách của Trung Quốc là càng già thì uy tín càng cao. Trong khi các đồng chí già còn sống, thế hệ trẻ gặp vấn đề quan trọng chưa quyết định được, bao giờ cũng nhường quyền quyết định cho thế hệ già. Nhưng trong phong trào cải cách thể chế, thế hệ già lần lượt được Đặng khuyên rút lui. Bản thân Đặng cũng đang rút, song Trung Quốc cần ông cầm lái và kiểm tra việc bàn giao quyền lực, nên ông là người lui cuối cùng. Đặng hiểu rõ trở lực cải cách không ở thế hệ trẻ, thế hệ trẻ không thể tạo nên sự uy hiếp với thế hệ già, sự uy hiếp chính là từ những người già cùng thế hệ với ông. Cho nên, sau khi những người già đã rút, dù Đặng chỉ đứng ở bên cạnh cũng đủ để gây ảnh hưởng, có thể ung dung cùng với những người trẻ chia quyền ra quyết sách. Dù trên hình thức, ông không ở chức vụ lãnh đạo tối cao, thế hệ trẻ vẫn vui lòng để ông ở vị trí ra quyết sách tối cao, để ông làm trọng tài cuối cùng trong những vấn đề quan trọng nhất. Một số vấn đề quyết sách không phải là chuyện ông có cần quản hay không, mà là người khác không thể không mời ông quản. Vì vậy, Đặng quản ít mà vẫn quản chặt, quản tốt.

Từ đó có thể thấy, bớt làm việc không phải chỉ có hai điều tốt đó, mà ít nhất còn có hai điều sau đây nữa:

Bớt làm việc, ngược lại, lại có tác dụng. Công lao chính trị không quyết định bởi việc quản nhiều hay ít, những người cầm quyền vùi đầu vào công việc không phải là những người có nhiều tác dụng trong lịch sử. Đặng chỉ

quản việc lớn, không bận rộn với những việc cụ thể, phương thức lãnh đạo ưu việt đó khiến ông có thể nhìn xa trông rộng, nắm được toàn cục, giành được nhiều thời gian cho việc suy nghĩ về chiến lược, nhân sự, mục tiêu cải cách, điều chỉnh cơ cấu và tìm các phương pháp mới để giải quyết vấn đề, thu được hiệu quả".

Nhiều người chỉ biết lạm quyền, mà không biết rằng quyền lực gắn liền với trách nhiệm; chỉ biết tranh công, mà không biết rằng công lao thường kèm theo sai lầm. Những người quản mọi việc, sẽ chịu trách nhiệm về mọi việc. Nếu việc có kết quả, họ sẽ chiếm toàn bộ công lao, nhưng khi có sai sót, họ cũng chịu toàn bộ trách nhiệm.Đó là nguyên lý làm việc nhiều thì phạm sai lầm nhiều, làm việc ít thì phạm sai lầm ít. Cải cách của Trung Quốc là một cuộc thí nghiệm lớn, nhiều sóng gió, lúc nào cũng có thể bị lật thuyền. Hễ có sai sót là nhất định chịu sự công kích của thế lực đối lập. Nếu Đặng ôm đồm mọi việc, thì rất có thể ông chống đỡ được năm 1986, nhưng không chống đỡ được năm 1989. Ngược lại, ông chỉ quản phương châm chính trị lớn mà không hỏi tới việc cụ thể thì có thể tránh được nhiều mũi nhọn công kích, thoát khỏi vũng xoáy, tận dụng ưu thế, lúc thì tả xung hữu đột, lúc thì đứng giữa điều hòa, tiến lui chủ động trong sóng gió cải cách.

Đương nhiên, Đặng không thể như Trương Lương, mưu thần của Hán Cao Tổ, sau khi công thành danh toại thì nhẹ nhàng rời bỏ, không hỏi han đến thế sự. Đặng bớt làm việc, chỉ là cố gắng làm ít, chứ không phải không làm gì. Thí dụ, phát hiện thấy cải cách bị quấy phá, ông phải đứng ra dẹp, tư tưởng của mọi người bị gò bó, ông phải đứng ra giúp giải phóng tư tưởng v.v..

Phần thứ năm

MƯU LƯỢC QUÂN SỰ

5.1. QUÂN ĐỘI CẦN NHẪN NẠI

Tháng 6-1985, Đặng Tiểu Bình nói chuyện với các cán bộ quân đội về các mối quan hệ trong bốn hiện đại hóa, yêu cầu quân đội nhẫn nại trong mấy năm để tập trung sức xây dựng kinh tế. Nhẫn nại nói ở đây là phải giảm chi tiêu quân sự. Năm 1971, chi phí quân sự của Trung Quốc chiếm 17,4% giá trị tổng sản lượng kinh tế quốc dân, năm 1985, rút xuống còn 7,5%.

Giảm chi tiêu quân sự dễ dẫn tới sự oán trách trong quân đội. Nhà chiến lược Mỹ Giôn Klinxơ nói: "Nhu cầu về tài lực, nhân lực, vật lực cho an toàn quốc gia không tránh khỏi xung đột với các nhu cầu khác trong đối nội và đối ngoại", "làm thế nào phân phối hợp lý chiếc bánh kinh tế, luôn luôn và vĩnh viễn là một đề tài tranh luận không thôi".

Biện pháp căn bản để giải quyết là làm cho chiếc bánh kinh tế đó to lên một chút. Chi phí quân sự cả năm

1992 của Trung Quốc vẫn chưa đủ để mua một tàu chở máy bay chạy bằng năng lượng hạt nhân. Nếu nâng cao tới 15% hoặc 20% cũng không giải quyết được vấn đề gì. Cho nên Đặng nói: "Trang bị quân đội muốn thực sự hiện đại hóa, chỉ có thể xây dựng trên cơ sở một nền kinh tế tương đối mạnh"[1].

Đặng thấy, trước mắt, chính vì chiếc bánh quá nhỏ, nên dùng số tiền có hạn đó vào xây dựng kinh tế và phát triển khoa học là việc quan trọng. Việc bảo đảm an toàn cho quốc gia cuối cùng quyết định ở thực lực kinh tế. Trong đại chiến thứ hai, một thiếu tướng lục quân Nhật trước khi chết có hối tiếc: Nhật thắng vào buổi đầu chiến tranh, nhưng sau đó đã bị lực lượng vật chất của Mỹ áp đảo. Một số tướng lĩnh cao cấp của Đức cũng nói: Thất bại của Đức trước hết là thất bại trong chiến tranh kinh tế. Vào thập kỷ 60 - 70, Liên Xô sở dĩ có thể tranh được quyền bá chủ toàn cầu với Mỹ là vì trong thời kỳ đó, hệ số tăng trưởng kinh tế của Liên Xô cao hơn Mỹ. Cũng với lý lẽ đó, sự thua sút của Liên Xô trong thập kỷ 80 là do nguyên nhân kinh tế không theo kịp Mỹ.

Kennơđi nói: "Đặt chỉ tiêu quốc phòng xuống vị trí thứ hai là một thí dụ có sức thuyết phục trong việc Trung Quốc, quyết tâm đưa toàn lực vào phát triển kinh tế. Nó hoàn toàn khác với tư tưởng của Liên Xô liều mạng chạy đua quân sự và với hành động của Chính phủ Rigân dốc số lớn tiền của vào xây dựng vũ trang". Rất nhiều nhà phân tích cho rằng, căn cứ vào giá trị tổng sản lượng quốc dân hiện

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 128.

nay, trước mắt Trung Quốc có tiêu nhiều tiền hơn một chút cũng không sao, nhưng Trung Quốc không làm như vậy. Điều này phản ánh lòng tin của Bắc Kinh: Chỉ sau khi tổng sản lượng và tiền của tăng gấp nhiều lần hiện nay thì việc an toàn lâu dài mới bảo đảm.

Đúng là Đặng đã nghĩ như vậy. Giữa thập kỷ 80, quan hệ Đông - Tây bắt đầu dịu đi, trước mắt chưa thể có đại chiến thế giới, việc suy thoái của Liên Xô đã cởi bỏ cho Trung Quốc sức ép ở biên giới, Trung Quốc cần nhân cơ hội đó, tập trung tiền của và vật lực vào xây dựng kinh tế, tăng cường quốc lực, đặt cơ sở cho thế kỷ 21. "Đến lúc đó, lực lượng kinh tế của chúng ta đã mạnh, sẽ có thể dùng nhiều tiền hơn để đổi mới trang bị"[1]. "Quốc lực được tăng cường mạnh mẽ, làm thêm một số bom nguyên tử, tên lửa, đổi mới một số trang bị, cả trên không, trên biển và mặt đất, đến lúc đó sẽ dễ dàng thực hiện"[2].

Một tạp chí phương Tây bình luận về mưu lược nhẫn nại của Đặng: Với quân đội (Trung Quốc), họ dùng sự nhẫn nại cực lớn để vượt qua quá trình cải cách. Việc làm đó sẽ được đền đáp. Có nghĩa là, nếu kế hoạch phát triển tổng thể về kinh tế của Đặng hoàn thành thuận lợi, tổng giá trị sản lượng của Trung Quốc vào năm 2000 gấp bốn lần năm 1980, thì trong thời gian từ 10 đến 15 năm, kinh tế dân dụng có thể tích luỹ đủ lực lượng, ra sức thúc đẩy quân sự tiến nhanh. Đến lúc đó, các nước láng giềng của Trung Quốc và các nước lớn sẽ phải thực sự lo lắng trước quân

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 129, 99.

đội Trung Quốc.Đó chẳng qua chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi.

5.2. VỪA "GIẢM PHÙ" VỪA "TIẾP MÁU" - MỘT VIỆC LÀM ĐẠT HAI HIỆU QUẢ CỦA ÔNG ĐẶNG

Khi giải quyết công việc của quân đội, ông Đặng gặp phải một nhiệm vụ đặc biệt: Phải "giảm phù". Đó không phải là công việc xây dựng và luyện quân chung chung. Quân đội mắc phải "bệnh phù thũng" nặng, cần tiến hành đại phẫu thuật.

Năm 1975, khi bắt tay vào chỉnh đốn quân đội, Đặng đã đề xuất phải chỉnh 5 chữ. Chữ đầu tiên là "phù". Sau đó lại bị gián đoạn mấy năm, phù thũng càng lớn. Các cơ quan trong quân đội bành trướng, nhân số tăng nhiều, đặc biệt là cán bộ quá nhiều.

Đó không phải là biểu hiện lớn mạnh của quân đội, mà là một mối nguy tiềm tàng. Đặng nói thẳng: một quân đội nặng nề như vậy "Nếu thực sự tham gia chiến tranh, chưa nói tới chỉ huy tác chiến, mà chỉ việc sơ tán cũng đã khó khăn"[1]. Quân đội muốn nâng cao sức chiến đấu, nâng cao năng lực chỉ huy và hiệu suất công tác, thì không thể không "giảm phù".

Ngoài ra còn hai vấn đề: quân đội quá đông, chi phí quân sự chiếm tỷ lệ quá lớn trong ngân sách Nhà nước. Điều này thế tất sẽ ảnh hưởng tới đại cục là xây dựng kinh tế.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 248.

Trong điều kiện chi phí quân sự có hạn, quân đội quá nhiều người, sẽ tiêu hết tiền vào việc ăn mặc, làm trở ngại đến hiện đại hóa trang bị. Đặng muốn giảm số quân, dùng số tiền dôi ra để đổi mới trang bị; ngoài ra, nếu tiết kiệm được một ít tiền dùng vào xây dựng kinh tế thì càng tốt.

Tóm lại, xây dựng bốn hiện đại hóa cũng vậy, mà nâng cao sức chiến đấu của quân đội cũng vậy, đều cần phải "giảm phù"[1].

"Giảm phù" như thế nào? Cần phải xem bệnh mà cho thuốc.

Quân đội vì sao mà "phù thũng" lên như vậy? Điều này có cùng nguyên nhân với thể chế quốc gia, đều xuất phát từ chế độ phong quan: Quan chức là thước đo duy nhất để đánh giá công lao thành tích, làm quan là con đường duy nhất để giành địa vị, đãi ngộ. Quân đội là trụ cột của chuyên chính vô sản, nên tầm quan trọng của sĩ quan càng lớn. Xem xem "phù" ở chỗ nào là biết. Dù quân đội Trung Quốc lớn như vậy, nhưng các đại đội là đơn vị chiến đấu cơ bản vẫn không mạnh, mà cơ quan các cấp lại vô cùng đông đúc, phù thũng đến mức nghiêm trọng. Cơ quan phù thũng khiến cho có quá nhiều bồ tát, có nhân viên bảo mật cấp trung đoàn trưởng, nhân viên đánh máy cấp tiểu đoàn trưởng, như thế làm sao mà không phù thũng? Tỷ lệ quan binh ở các nước phương Tây thường ở mức 1/10, cách làm của họ là tinh giản cơ quan, hạn chế chức phó, thực hiện chế độ công nhân viên, dùng nhiều hạ sĩ quan, 30% số sĩ quan, nếu có công lao có thể thăng cấp, nhưng không nhất định phải lên chức, tăng quyền. Đặng

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 249.

để ra việc "giảm phù" chủ yếu làm hai việc: Với cơ quan, chủ yếu là đơn giản các ban lãnh đạo và cơ quan lãnh đạo, trước hết là ở Tổng bộ và cấp đại quân khu, quân khu, cấp tỉnh. Về số người, chủ yếu là giảm bớt số nhân viên phi chiến đấu không cần thiết, giảm bớt nhân viên ở các cơ quan chỉ huy, chủ yếu nhất là giảm cán bộ. Nói "tinh binh" không đúng bằng nói "tinh quan".

Như vậy, sẽ động chạm tới pháp chế. "Muốn giảm phù, không thể không cải cách pháp chế", "Cải cách pháp chế, trên thực tế cùng với giảm phù là hai mặt của một vấn đề"[1]. Cải cách pháp chế bao gồm: lực lượng vũ trang huyện và thị trấn quy về địa phương; bộ đội đường sắt quy về bộ đường sắt; bộ đội xây dựng công trình; các bộ tư lệnh pháo binh, xe bọc thép và công binh đổi thành các phòng nghiệp vụ trong Bộ Tổng tham mưu; thực hiện chế độ công nhân viên, đổi các nhân viên công tác như giáo viên trong trường quân sự, bác sĩ trong bệnh viện quân đội thành nhân viên dân sự, không mặc quân phục; thực hiện chế độ sĩ quan để điều chỉnh tỷ lệ quan binh v.v..

"Giảm phù", ngoài việc sửa đổi chế độ, còn phải xây dựng chế độ. Nếu không có sự bảo đảm về chế độ thì giảm phía trước lại tăng phía sau. Trước hết phải định ra biên chế khoa học và nghiêm khắc chấp hành. Các nước ngoài coi biên chế quân đội là luật pháp, thí dụ như Mỹ dù chỉ tăng giảm một tiểu đoàn cũng phải được quốc hội phê chuẩn; Nhật Bản vào năm 1983, thông qua "luật tổ chức Cục Phòng vệ" quy định tổng số ba quân chủng là 272.162 người, tăng giảm một người cũng phải do quốc hội sửa lại

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 251.

luật. Trung Quốc trước kia coi biên chế như trò đùa, thời "cách mạng văn hóa" có không biết bao nhiêu "đội tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông" rất nhiều cơ quan của thủ trưởng, đồng thời còn có số nhân viên công vụ tùy ý sử dụng và loại "công chính binh", đều là kết quả của việc coi thường biên chế. Đặng nhấn mạnh "biên chế phải nghiêm", "cần triệt để tuân thủ", "biên chế tức là pháp luật". Quy định là có một thư ký thì không được dùng hơn, việc nào cần mấy người thì chỉ dùng từng ấy người. Những điều đó đều phải chế độ hóa. Sau khi đã chế độ hóa, biên chế không được phình ra nữa.

Những người thừa ra được dùng vào chỗ nào? Nếu chỉ giảm lính thì dễ xử trí, cho phục viên là xong. Khó chính là với cán bộ, thừa ra mấy chục vạn, lại không thể "cách chức làm dân". Vậy xếp sắp thế nào? Biện pháp duy nhất là chuyển ngành, đưa ra ngoài xã hội. Nhưng lại không thể trút gánh nặng cho người khác, vì các ngành ngoài xã hội cũng phình to ghê gớm. Đặng biết có một số cán bộ quân đội chuyển ra ngoài không được hoan nghênh lắm, chủ yếu vì không có nghề nghiệp chuyên môn. Chuyên môn của cán bộ quân đội là chính trị và quân sự, đến địa phương không dùng đến quân sự, chỉ dùng chính trị, tiếp tục làm quan ở các ngành đảng và chính quyền. Như thế có khác gì dỡ miếu bên Đông lại dựng miếu bên Tây, làm tăng thêm tổ chức của cơ cấu đảng và chính quyền địa phương? Ở địa phương không cần quan mà chỉ cần nhân viên chuyên môn các loại, như cảnh sát, luật sư, thẩm phán, giáo viên trung tiểu học, nhân viên quản lý các ngành. Đặng kiến nghị căn cứ vào nhu cầu của xã hội, lập một số lớp huấn luyện chuyên môn và trường học cấp tốc để bồi dưỡng cho các cán bộ sắp chuyển ngành, chuyển

sang ngành nào thì học chuyên môn của ngành đó. Sau khi học nửa năm, một năm hoặc một năm rưỡi, trở thành cán bộ chuyên môn cho địa phương. Như vậy sẽ giải quyết được vấn đề giảm biên chế cho quân đội.

Nhưng có một số cán bộ là công thần lập nước không thể chuyển ngành. Đặng nghĩ ra một biện pháp là lập ra chế độ cố vấn, để những cán bộ đó làm cố vấn, đãi ngộ như cũ, nhưng nhường chức vụ lại. Đó là do không có nhu cầu công tác, chứ không phải là xử lý kỷ luật. Cố vấn cũng có quyền, nhưng chỉ là quyền kiến nghị: không có chức, không điều hành công việc. Trên thực tế là nuôi họ, đền công họ đã "trả binh quyền".

Kế hoạch lâu dài của việc "giảm phù" là để xây dựng chế độ sĩ quan, chế độ nghỉ hưu. Nước Mỹ hàng năm đều có 10% về hưu, luôn thay đổi, bổ sung lực lượng mới, những tướng lĩnh ba bốn mươi tuổi không hiếm. Trung Quốc không có chế độ sĩ quan về hưu, mà làm việc đến chết. Các cán bộ quân đội ngày càng lão hóa, ban lãnh đạo thiếu sức sống, cơ quan lãnh đạo đông đúc. Nếu giải quyết từng người một thì được người này lại tăng người khác, không thể dứt điểm được. Có biên chế về cơ cấu, hạn định số người, cộng thêm chế độ về hưu, đến tuổi là tự động về thì mới có thể giải quyết được căn bản.

"Làm "giảm phù" cũng có lợi cho việc đổi mới cán bộ"[1]. Đó là chỗ hay nhất trong mưu lược "giảm phù" của ông Đặng. Trước kia sở dĩ "phù" là do cán bộ cũ cản đường, người trẻ tuổi không lên được; lên được một chút thì hiện tượng phù càng dữ dội hơn. Nay thông qua việc "giảm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 250.

phù", đưa những người không xứng chức, không được huấn luyện và tuổi cao rút ra, thừa cơ để bạt những người mới lên. Làm như vậy thu được hai hiệu quả, vừa "giảm phù", lại "tiếp máu", sau khi "giảm phù", không những bộ máy gọn nhẹ đi, mà sức chiến đấu lại tăng lên, làm cho quân đội mạnh thêm.

Chủ trương tinh binh đó của Đặng Tiểu Bình đến năm 1985 tiến một bước quyết định. Tháng 6 năm đó, ông chủ trì Hội nghị Quân ủy mở rộng, quyết định trong hai năm giảm một triệu quân.

Kết quả, 11 đại quân khu trong toàn quốc giảm đi 4, đơn vị cấp quân đoàn giảm đi 31, đơn vị sư và trung đoàn giảm đi 4054, toàn quân giảm tất cả 45 vạn cán bộ, cơ quan trong ba Tổng bộ giảm đi một nửa. Toàn bộ quân số giảm hơn 1/3, từ 420 vạn xuống còn hơn 300 vạn. Con số này chiếm 0,3% dân số cả nước, cao hơn Nhật Bản (0,27%) một chút, đứng hàng thứ 6 trên thế giới, con số tuyệt đối kém xa Liên Xô (511 vạn).

Có nước, không thể không phòng bị. Quân số nhiều ít thường theo tỷ lệ thuận với trình độ căng thẳng của tình hình thế giới. Mưu lược giảm 1 triệu quân của ông Đặng là căn cứ vào tình hình thế giới giữa thập kỷ 80 có dịu đi, đại chiến thế giới chưa xẩy ra được. Nhưng, nếu tình hình thế giới lại căng thẳng thì làm thế nào? Đặng nói: "Dù tình hình quốc tế có xấu đi, việc giảm quân vẫn là cần thiết, và lại càng cần thiết"[1] Tại sao khả năng xảy ra chiến tranh càng lớn lại càng phải giảm quân: ở đây có tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng quân đội.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 126.

Trước kia, trong tư tưởng chỉ đạo chiến tranh nhân dân, có nhận thức cho rằng quân đội càng nhiều càng tốt, chú trọng đến chiến thuật biển người, giành thắng lợi bằng số đông. Đặng Tiểu Bình cho rằng thời đại "Hàn Tín chỉ huy quân, càng nhiều càng tốt" đã qua rồi. Đối phó với chiến tranh hiện đại, binh cần tinh chứ không cần nhiều. Quân đội trước kia đông đúc kềnh càng, đối đãi với nhau đã khó, nói gì đến đánh trận. Trong thời bình, xây dựng quân đội thường trực, chỉ có thể theo đường lối tinh binh, quân nhiều quá sẽ kìm hãm phát triển kinh tế, mà kinh tế đất nước phát triển chậm lại ảnh hưởng đến xây dựng quân đội, ảnh hưởng đến chiến lược hòa bình của đất nước.

Việc giảm quân của Đặng có thể đạt tới 3 hiệu quả: Đất nước có thể tập trung nhân lực vật lực vào xây dựng bốn hiện đại và cải cách kinh tế; quân đội có thể dùng nhiều kinh phí vào cải tiến trang bị; thông qua việc đẩy mạnh huấn luyện, nâng cao được sức chiến đấu của cán bộ chiến sĩ, điều này có tầm quan trọng chiến lược. Một số chuyên gia quân sự phương Tây cũng thấy rằng, Trung Quốc giảm 1 triệu quân không những không giảm sức phòng ngự, mà còn biến Quân giải phóng nhân dân thành một lực lượng uy hiếp mạnh mẽ.

Hồng quân Liên Xô trong thập kỷ 20 của thế kỷ đã giảm quân mạnh mẽ, giảm đến mức gần như tan rã. Lục quân Mỹ sau đại chiến thứ hai cũng tương tự, giảm quân tới mức gần như không còn sức chiến đấu nữa. Đặng giảm quân thì ngược lại, "giảm bớt một triệu, trên thực tế không làm giảm sức chiến đấu mà còn tăng cường được sức chiến

đấu"[1]. Một bên càng giảm càng yếu, một bên càng giảm càng mạnh, bí quyết là ở chỗ giảm như thế nào.

Một là, giảm quân không phải là tùy tiện bớt đi một bộ phận, mà trải qua lựa chọn cẩn thận. Bị giảm, đại đa số là nhân viên phi chiến đấu, sĩ quan già yếu, thiếu năng lực, không thích ứng được với chiến tranh hiện đại. Bộ đội tác chiến biên phòng là lực lượng tuyệt đối không thể giảm. Chuyển các đơn vị bảo vệ bên trong, lực lượng vũ trang huyện, thị trấn, bộ đội đường sắt, bộ đội xây dựng không trực tiếp tham gia chiến đấu cho các ngành trong chính phủ lãnh đạo, chỉ là để cho bộ đội chiến đấu được gọn nhẹ, càng mạnh lên.

Hai là, giảm quân không chỉ là đơn thuần giảm bớt số lượng, còn điều chỉnh cơ cấu nữa. Sau khi các đại quân khu gộp lại, thu hẹp phạm vi chỉ huy của Bộ Tổng tham mưu, đồng thời tăng thêm trung tâm chiến lược của các quân khu, nâng cao tiềm lực chiến tranh của các khu vực chiến đấu; các tập đoàn quân cải biên của lục quân và dã chiến quân, nâng cao rất nhiều trình độ hợp thành của bộ đội, nâng cao năng lực chiến đấu độc lập. Trong bộ đội tác chiến tăng thêm pháo binh, xe bọc thép, công binh, phòng hóa là các đơn vị biên chế đặc chủng, càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của chiến tranh hiện đại, nâng cao năng lực tác chiến thực tè.

Ba là, giảm quân không phải là giản đơn vứt bỏ những bộ phận thừa ra, mà đồng thời còn bổ sung lực lượng mới. Vừa ra vừa vào, làm cả hai tay. Những cán bộ tuổi cao sức yếu không đảm đương nổi nhiệm vụ, không

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.126.

được huấn luyện chu đáo gồm mấy chục vạn người thông qua về hưu và chuyển ngành, rút ra khỏi cương vị lãnh đạo; đồng thời, hàng loạt sĩ quan mới trẻ tuổi, khỏe mạnh, có trình độ chuyên môn và văn hóa tương đối cao, tiến vào các cương vị lãnh đạo mới. Vào và ra, Đặng nhấn mạnh đặt việc vào lên hàng đầu, mà vào, then chốt nhất là chọn những người trẻ. Ban lãnh đạo ba tổng bộ giảm so với trước gần 1/4, nhưng lại có những phó chủ nhiệm tổng cục chính trị và phó Tổng tham mưu trưởng chỉ hơn 40 tuổi. Ban lãnh đạo các đại quân khu giảm một nửa, kết quả tuổi bình quân xuống còn 38.

Sức chiến đấu của quân đội không quyết định bởi số lượng quân, mà quyết định bởi tố chất của sĩ quan, tổ chức kết cấu và trang bị vũ khí. Đặng nắm chắc những tham số về hiệu quả quân đội, việc giảm quân của ông nói cho đúng hơn là việc "đào thải"; từ bỏ những bộ phận thừa và có hại, đồng thời bổ sung thêm sức sống; về số lượng thì có ít đi, nhưng về chất lượng lại tăng lên. Cách giảm quân đó, là phép tinh binh, là kế cường quân. Vì vậy, trong khi hai siêu cường đang mặc cả về việc tài giảm binh bị, thì Trung Quốc tự mình giảm một triệu quân, rõ ràng dứt khoát hơn cả Mỹ và Liên Xô. Đặng nói, đó là Trung Quốc dùng hành động thực tế để cống hiến cho hòa bình thế giới, đồng thời cũng là biểu hiện của việc Trung Quốc có đủ lực lượng và lòng tin.

5.3. DANH KHÔNG CHÍNH THÌ LỜI NÓI KHÔNG THUẬN, LỜI NÓI KHÔNG THUẬN THÌ VIỆC KHÔNG THÀNH

Những tiêu chí về thân phận như đẳng cấp về quân hàm, học hàm, quân hàm có từ bao giờ, rất khó khảo chứng. Nhưng có một điểm có thể khẳng định: Trên thế giới hiện nay, không nước nào không có chế độ như thế. Giải thích bằng học thuyết của Khổng Phu Tử, cái đó gọi là thuyết chính danh. Danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành.

Trước thập kỷ 50, Trung Quốc đã có chế độ quân hàm, có 10 nguyên soái, 10 đại tướng, 57 thượng tướng, 177 trung tướng, 1360 thiếu tướng. Nhưng không hiểu tại sao, sau khi phong hàm cho các tướng soái không lâu, Mao Trạch Đông lại lặng lẽ thủ tiêu chế độ đó. Ký giả hãng thông tấn Mỹ là Aibôluân nói đó là do Mao cho rằng "quân hàm không phù hợp với quân đội nông dân không có giai cấp". Có người còn giải thích: "Mục đích thủ tiêu quân hàm là để thực hiện trong toàn quốc phương châm bình quân chủ nghĩa phù hợp với tư tưởng Mao Trạch Đông". Cách nói xác đáng hơn là để thực hiện quan binh nhất trí, trên dưới bình đẳng.

May mà chế độ đó đã từng có ở Trung Quốc, nhiệm vụ của Đặng Tiểu Bình chỉ là khôi phục lại.

Việc khôi phục tốn mất một thời gian là 10 năm. Vì chế độ quân hàm động chạm tới quan niệm đẳng cấp, không có cao trào cải cách thì khó thực hiện được. Cải cách quân đội cũng như cải cách trên các mặt khác, đều có vấn đề cần giải quyết là quan hệ giữa công bằng và hiệu suất.

Quân đội cần có hệ thống chỉ huy nghiêm túc, và cần có văn bản quy định rõ ràng, thời chiến còn cần có dấu hiệu bên ngoài để phân biệt, tỏ rõ ai là người ra mệnh lệnh, ai là người chấp hành mệnh lệnh. Quan hệ trên dưới, chỉ cần nhìn qua là biết, mới không xảy ra lộn xộn. Theo nói lại, năm 1979, trong cuộc phản kích tự vệ chống Việt Nam (lưu ý: đây là cách nói của Trung Quốc - ND), vì thiếu phù hiệu cấp bậc nên đã xảy ra chuyện phiền phức. Việc này khiến người ta nhớ tới tác dụng của quân hàm: có thể tăng cường kỷ luật của bộ đội, làm cho hệ thống chỉ huy hoạt động được thuận lợi, đặc biệt là trong tình huống bất thường.

Sự suy nghĩ khác nữa về việc khôi phục chế độ quân hàm là nó có thể cổ võ sĩ khí. Không có quân hàm khiến người ta nhìn không ra ai là quan, ai là lính, không thấy rõ quan chức cao thấp khác nhau. Bề ngoài thì có vẻ bình đẳng, nhưng trên thực tế đãi ngộ vẫn khác nhau rất nhiều, mà sự khác nhau đó lại phụ thuộc vào chức quan cao hay thấp. Điều đó khiến người ta thấy ngoài con đường làm quan ra, không có con đường nào khác. Quân hàm và quan chức là hai hệ thống khác nhau. Người có công, người có chuyên môn có thể được nhận hoặc thăng quân hàm, nhưng không nhất định phải thăng quan, nắm quyền. Như vậy, ngoài con đường làm quan, còn có thêm một cơ chế kích thích, không thăng quan cũng vẫn có đường tiến, không đến nỗi buộc người ta chen chúc trên đường thăng quan. Quân hàm khuyến khích người ta tiến thủ, nhưng không vì nhiều nhân tài mà làm ứ nghẽn con đường làm quan, gây nên hiện tượng cơ quan phù thũng, gây thành tai họa.

Đặng khôi phục chế độ quân hàm cuối cùng còn để thanh trừ dấu vết tả trong quân đội, làm cho quân đội tiến

lên con đường chính quy hóa. Năm 1989, hệ thống quân hàm được khôi phục và có phát triển so với năm 1950. Ngoài thượng tướng 5 sao, cấp tướng phân theo cách của Mỹ, các sĩ quan cấp dưới phân theo mô thức Liên Xô, cấp nào ra cấp ấy, rõ ràng thứ tự. So với đội ngũ hồng quân công nông trước khi lập nước, so với các "chú giải phóng quân" thời kỳ "cách mạng văn hóa", rõ ràng chính quy hơn nhiều, oai nghiêm hơn nhiều.

5.4. BINH GIA CÓ NÓI: QUÂN ĐỘI PHẢI QUA HUẤN LUYỆN MỚI DÙNG ĐƯỢC. SAU MỘT CUỘC DIỄN TẬP THỰC BINH, ĐẶNG CAO HỨNG UỐNG LUÔN 10 CỐC RƯỢU

Trung Quốc có câu tục ngữ "có thể một ngàn ngày không đánh trận, nhưng không thể một ngày không luyện quân". Những binh gia cổ đại còn nói: "Quân đội phải qua huấn luyện, mới dùng được", "phép dùng binh, lấy dạy bảo làm đầu". Đặng Tiểu Bình có câu nói còn hình tượng hơn Lưu Bá Thừa: cần biết rằng thời bình không luyện binh tốt, thì thời chiến không thể dùng binh tốt. Giống như trong tay không có sẵn tiền thì không có gì để tiêu.

Đặng Tiểu Bình đặt vấn đề giáo dục và huấn luyện lên tầm chiến lược. Lý lẽ thực ra rất giản đơn: thời bình quân đội vẫn phải có khả năng đánh trận giỏi, nhưng lại không có chiến tranh. Vì thế việc nâng cao tố chất của quân đội chỉ có thể dựa vào huấn luyện.

Có người mang lý luận cũ ra: học đánh trận trong thực tiễn chẳng phải là phù hợp với nguyên tắc tri thức chân chính từ thực tiễn mà ra hay sao? Đặng đưa ra lời

bác bỏ: "Nếu không chú ý huấn luyện quân đội, ít nhất cũng sẽ gặp tai họa trong thời kỳ đầu chiến tranh".

Đó là "ít nhất", còn "nhiều nhất" thì sao? Chỉ cần nhìn hiện tình quân đội Trung Quốc có khoảng cách như thế nào với yêu cầu của chiến tranh tương lai thì sẽ dễ dàng rút ra kết luận: quân đội có số lượng khá lớn, nhưng tố chất không cao, năng lực không đủ tiến hành chiến tranh hiện đại, nên nếu không đổ công ra huấn luyện thì có thể đánh thắng trong chiến tranh hiện đại được không?

Chiến tranh hiện đại ít nhất có hai đặc điểm, một là, có sự tham gia của kỹ thuật cao; hai là, các quân binh chủng phải hợp đồng tác chiến. Điều này hoàn toàn khác xa với ưu thế truyền thống của quân đội Trung Quốc - dựa vào bao gạo súng trường, dựa vào sự dũng cảm mưu trí, tiêu diệt quân địch trong vận động.

Đặng nhấn mạnh ý nghĩa chiến lược của giáo dục và huấn luyện là để rút ngắn khoảng cách đó.

Giáo dục mà chỉ học "đại đội sáu vững mạnh" là không đủ, còn phải học tri thức về chiến tranh hiện đại, học tập kỹ thuật tác chiến liên hợp nhiều quân binh chủng, thực sự hiểu được thế nào là chiến tranh hiện đại.

Huấn luyện không chỉ dừng lại ở bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, mà phải nghiên cứu cách đối phó xe tăng, máy bay như thế nào, làm thế nào hiệp đồng được trên trời, dưới đất và dưới nước.

Dưới sự thống soái của Đặng, việc huấn luyện quân đội Trung Quốc đã hoàn thành "ba chuyển biến": từ việc huấn luyện tác chiến đơn binh chủng là chính, chuyển sang huấn luyện tác chiến hiệp đồng nhiều binh chủng; từ

việc huấn luyện đánh bộ binh làm chính trước kia, chuyển sang huấn luyện đánh xe tăng, đánh máy bay, đánh quân nhảy dù là chính; từ việc huấn luyện chiến sĩ là chính chuyển sang huấn luyện cán bộ là chính.

Diễn tập thực binh so với việc huấn luyện thường ngày là một bước tiến nữa. Việc huấn luyện rồi tiến hành diễn tập thực binh có thể giúp nâng cao trình độ thực tiễn của bộ đội, đồng thời cũng là việc kiểm tra kết quả huấn luyện. Sau khi nhận nhiệm vụ làm chủ tịch quân ủy trung ương, quyết sách lớn thứ nhất của ông là tổ chức cuộc đại diễn tập quân sự ở quân khu Hoa Bắc vào mùa thu năm 1981.

Trước khi diễn tập, bộ Tổng tham mưu và Quân khu Bắc Kinh, những người đặt kế hoạch, đã rất trù trừ: muốn làm lớn một chút, để biểu dương quân uy và nêu được đặc điểm của chiến tranh hiện đại. Nhưng lại lo lắng kinh phí, diễn tập thì tốn tiền, mà ngân sách quân sự cứ giảm mãi, lấy đâu ra tiền? Thế là họ chuẩn bị ba phương án: quy mô tập đoàn quân, quy mô phương diện quân, quy mô sư đoàn. Sau đó nộp "mâu thuẫn" lên trên, để chủ tịch quân ủy định đoạt.

Phương án nộp lên bốn hôm sau, Đặng liền triệu tập Tổng tham mưu trưởng Dương Đắc Chí và Phó tổng tham mưu trưởng Trương Chấn đến để bàn việc chọn phương án. Dương Đắc Chí nghĩ, ba phương án lớn, trung bình, nhỏ đã trình lên, theo kinh nghiệm chung về tư duy chính trị Trung Quốc, phương án dễ được tiếp nhận nhất phải là phương án giữa. Nhưng lần này thì khác. Đặng vỗ bàn yêu cầu chọn phương án lớn nhất, phương án quy mô tập đoàn quân. Sự lo lắng về quân phí cũng được giải quyết, dùng

khoản đặc biệt ngoài ngân sách quốc phòng, còn chuẩn bị điều động một số vật tư dự trữ trong quân đội nữa.

Lúc đó, kinh tế quốc dân đang trong giai đoạn điều chỉnh, tiền rất căng thẳng. Nhưng Đặng cảm thấy số tiền đó là đáng tiêu. Cần phải làm tốt để cổ võ sĩ khí, để huấn luyện quân đội cho ra quân đội.

Nghe nói, cuộc diễn tập đó là hiếm thấy ngay cả ở nước ngoài, còn ở trong nước thì chưa từng có. Trong cuộc diễn tập, có biên chế binh chủng hợp thành, trên trời dưới đất đều có, chỉ thiếu quân thủy. Mục đích là căn cứ vào yêu cầu của chiến tranh hiện đại để kiểm tra tổng hợp sức chiến đấu của quân đội.

Đặng nói: Tiến hành diễn tập thực binh lần này có cái tốt là quân đội chúng ta được rèn luyện thực tế, cũng có thể thấy được thành quả huấn luyện. Diễn tập như vậy cũng có tác dụng cổ võ quân đội, làm cho quân đội có sự nhìn nhận tốt trong con mắt của nhân dân. Quy mô như vậy trước kia chưa từng làm, Đặng đặc biệt muốn biết năng lực tổ chức lần này ra sao.

Kết quả là diễn tập thành công trọn vẹn. Đặng rất cao hứng, có người đếm số lần ông vỗ tay, cứ 10 phút một lần. Các tùy viên quân sự Đông Âu tham quan xong phát biểu: trình độ diễn tập vượt hơn Đông Âu.

Sau khi diễn tập kết thúc, Tư lệnh Quân khu Bắc Kinh Tần Cơ Vĩ tỏ lời chúc mừng tới các vị lãnh đạo các đơn vị lớn, Đặng và các tướng nâng cốc. Con gái ông lo cho sức khỏe của ông luôn ngăn trở, không để ông uống nhiều. Tại sao lại không uống? Quân đội có tiến bộ, huấn luyện có thành tích, quân đội đúng như ông dự kiến, giống như một quân đội hiện đại. Đặng cao hứng uống cạn 10 cốc rượu.

Hôm sau, trước 10 vạn quân tiến hành nghi thức duyệt binh, Đặng đề ra với tướng sĩ ba quân chủng "sáu điều cần thiết phải làm" mà trung tâm là phải xây dựng một quân đội cách mạng hiện đại hóa, chính quy hóa.

5.5. "XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI TRƯỚC HẾT PHẢI XÂY DỰNG TRƯỜNG QUÂN SỰ" VỐN LÀ MỘT DANH NGÔN CỦA LƯU BÁ THỪA. TRONG THỜI KỲ MỚI, ĐẶNG CÀNG COI TRỌNG XÂY DỰNG TRƯỜNG QUÂN SỰ

"Xây dựng quân đội trước hết phải xây dựng trường quân sự" là danh ngôn của Lưu Bá Thừa. Danh ngôn của Đặng là: "Thà thiếu mấy người lính, mấy nhân viên cơ quan, nhưng nhất định phải làm tốt công tác nhà trường, cho thêm nhiều người được vào trường học"[1].

Vừa giải phóng đất nước xong, Lưu Bá Thừa liền chủ động đề nghị lập Học Viện quân sự Nam Kinh. Lấy đó làm khởi điểm, Trung Quốc xây dựng hơn một trăm Trường quân sự. Đáng tiếc là trong đại cách mạng văn hóa, có 3/4 trường học đóng cửa. Lý do là Mao Trạch Đông có nói "Học tập chiến tranh từ trong chiến tranh." Về việc này, Đặng có cách nhìn mới: Trước kia là học tập trong chiến tranh nhưng ngày nay dù có chiến tranh, mà không học tập trong trường học cũng không được.

Thời đại anh hùng bao gạo cộng với súng trường đã qua. Ứng phó với chiến tranh hiện đại mà chỉ dựa vào lòng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 253.

dũng cảm và kinh nghiệm là không đủ. Ngày nay làm đại đội trưởng không phải chỉ vung súng Pạc hoọc và hô "xung phong" là được. Phối hợp cho anh mấy chiếc xe tăng, mấy đại đội pháo binh, lại còn thông tin liên lạc với không quân, anh chỉ huy thế nào. Một đại đội đã như vậy, nói gì đến tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn, quân đoàn nữa. Đặng thẳng thắn chỉ ra: "Chỉ huy chiến tranh hiện đại kể cả cán bộ cũ như chúng tôi đều không đủ năng lực, cần thừa nhận sự thực đó", "không nên tự che kín mắt mình lại"[1].

Đặng thấy rất rõ không những các cấp chỉ huy quân sự không đủ năng lực chỉ huy chiến tranh hiện đại, mà cả tố chất của cán bộ chính trị cũng được đặt thành vấn đề. Nếu không như vậy thì tại sao khi đấu tranh với Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", cán bộ chính trị lại bị mắc lừa, sa bẫy nhiều hơn các cán bộ khác?

Làm thế nào để bù đắp khoảng cách giữa hiện trạng cán bộ với yêu cầu của chiến tranh hiện đại đó là một trọng điểm suy nghĩ của Đặng về việc xây dựng quân đội trong thời kỳ mới. Tăng cường việc giáo dục huấn luyện của bản thân quân đội rõ ràng là không đủ, mà còn cần phải lập nhiều trường học. Chiến tranh hiện đại là sự đối kháng kỹ thuật cao, trình độ chuyên môn rất cao, ai không qua huấn luyện khoa học thì khó nắm vững được.

Đặng mong muốn "thông qua xây dựng trường học để giải quyết vấn đề cán bộ"[2]. Trường học chia làm hai loại: Trường quân sự chủ yếu bồi dưỡng sĩ quan chỉ huy, nội dung giảng dạy gồm 7 phần quân sự, 3 phần chính trị;

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 58.

trường chính trị chủ yếu bồi dưỡng cán bộ chính trị, nội dung giảng dạy gồm 6 phần chính trị, 4 phần quân sự.

Việc giảng dạy trong trường không thể như thời cách mạng văn hóa, phải dạy những cái thiết thực. Đặng cho rằng những cái thiết thực nhất là tri thức quân sự hiện đại và tác phong truyền thống tốt đẹp. Hai mặt đó phải qua trường học mới có được. Trong trường học, một mặt, phải học tập tri thức hiện đại về chiến tranh, học tập tác chiến hiệp đồng quân binh chủng; mặt khác phải bồi dưỡng, khôi phục tác phong tốt đẹp để phát huy mạnh mẽ trong các đơn vị. Truyền thống tốt đẹp cộng với tri thức hiện đại sẽ có thể khiến quân đội này vô địch trong thiên hạ.

Đặng hy vọng trường quân sự có thể có tác dụng của "Bộ tổ chức tập thể" hoặc "Bộ cán bộ tập thể", gánh vác được nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, tuyển chọn cán bộ, giới thiệu cán bộ cho toàn quân. Những trường quân sự như vậy có thể trở thành "cái nôi của sĩ quan", giống như Trường Hoàng Phố năm nào. Vì vậy, chọn ai đến công tác ở các nhà trường được cân nhắc rất kỹ. Đặng chủ trương chọn những cán bộ ưu tú nhất đi xây dựng nhà trường. Thầy giỏi mới có thể có trò giỏi.

Còn chọn ai đi học, Đặng càng có kế hoạch chu đáo. Trước kia trường đại học quân chính cơ bản là đào tạo cán bộ cấp quân đoàn, sư đoàn, cấp trung đoàn chỉ chiếm20%. Đặng chủ trương lấy cán bộ trung đoàn là chủ yếu, thêm một số cán bộ ưu tú cấp tiểu đoàn, đồng thời cũng huấn luyện cán bộ cấp quân đoàn, sư đoàn. Mấy cấp cán bộ "luyện trong một lò" và lấy cấp trung đoàn làm chính,

dụng ý là để trẻ hóa, chuyên môn hóa cán bộ chỉ huy bộ đội tác chiến. ở nhà trường, những học viên học giỏi về tri thức chiến tranh hiện đại, năng lực chỉ huy quản lý tốt, có tư tưởng tác phong tốt, qua sự giới thiệu của nhà trường, sẽ đề bạt từ cấp tiểu đoàn lên cấp trung đoàn, từ cấp trung đoàn lên cấp sư đoàn. Sau khi ra công tác tại đơn vị hai năm, lại chọn những cán bộ trung đoàn, sư đoàn giỏi "về lò" luyện lại một năm để tăng thêm tri thức chiến tranh hiện đại. Sau đó, chọn những người giỏi từ cấp sư đoàn thẳng lên cấp quân đoàn, từ cấp trung đoàn thẳng lên cấp sư đoàn. Như vậy, qua thời gian khoảng 5 năm, dần dần ta thực hiện trẻ hóa và chuyên môn hóa cán bộ chỉ huy tác chiến.

Không chỉ cán bộ cao cấp, từ trung đội trưởng trở lên, các sĩ quan đều phải qua trường sĩ quan. Cán bộ trung đội, đại đội đều phải tốt nghiệp trường sĩ quan, cán bộ tiểu đoàn phải qua trường trung cấp, cán bộ lãnh đạo quân và sư phải qua trường cao cấp mới được nhận chức. Việc đề bạt sĩ quan cũng phải xét quá trình học tập, mỗi giai đoạn đề bạt cũng đều phải qua học tập, nắm vững tri thức chiến tranh hiện đại. "Cơn sốt văn bằng" thổi vào quân đội, đó thực sự là một biến đổi lớn không thể coi thường.

Từ năm 1979 đến nay, Bắc Kinh xây dựng hơn 100 trường quân sự, toàn quân có khoảng 1 triệu lần cán bộ được học tập ở các trường quân sự, 70% cán bộ lãnh đạo cấp sư đã có trình độ đại học, năm 1982 mới có 1,6%. Có thể thấy mưu lược về xây dựng trường quân sự đã có tác dụng rất lớn trong việc xúc tiến hiện đại hóa, chính quy hóa trong quân đội Trung Quốc.

5.6. LÀM RA VẺ QUÁ THẦN BÍ, COI NHƯ TỰ NHỐT MÌNH TRONG TỔ KÉN. ĐẶNG ĐỀ XUẤT "PHẢI KẾT THÚC THỜI ĐẠI CÓ RIÊNG MỘT VÙNG TRỜI ĐẤT", ĐƯA CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG VÀ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC PHÒNG VÀO KẾ HOẠCH CỦA TOÀN QUỐC

Trước khi có hòa bình vĩnh cửu trên trái đất, không thể không có quốc phòng. Nhưng rút cục làm thế nào, mỗi nước đều có phương pháp khác nhau.

Nước Mỹ là cường quốc quân sự lớn nhất thế giới, nhưng lại không có nền công nghiệp quốc phòng độc lập, cũng không có nhà máy quân sự thuần túy. Sản xuất quân dụng của họ đều nằm trong các ngành dân dụng, ví dụ như công ty ôtô Ford, ngoài sản xuất ôtô còn chế tạo xe tăng, máy bay, pháo trên hạm đội và cả đến tàu vũ trụ. Nước Mỹ còn có một điều tuyệt diệu là việc nghiên cứu khoa học quốc phòng được thống nhất tổ chức giữa chính phủ, quân đội, xí nghiệp và trường học. Những thành quả nghiên cứu được, không chỉ hạn chế dùng trong quân sự mà còn cần kịp thời phổ biến trong xã hội. Tuy nghiên cứu khoa học quốc phòng chiếm 10% kinh phí quốc phòng, nhưng trong quá trình chuyển từ quân sự sang dân dụng lại sản sinh ra hiệu quả kinh tế từ 5 tới 7 lần. Thí dụ, trong kỹ thuật vũ trụ, chỉ một khoản vệ tinh thương nghiệp đến cuối thế kỷ này đã thu lợi 25 tỷ đôla.

Trung Quốc ngoài việc kế thừa chế độ đồn điền của Hán Vũ Đế - nông trường quân đội và sản xuất thực phẩm, còn công nghiệp quốc phòng và nghiên cứu khoa học quốc phòng đều được tiến hành bí mật, trở thành "một trời đất

khác" cách biệt với bộ phận dân dụng. Kết quả là xuất hiện cục diện: Trung Quốc tuy đã từ lâu tham gia vào "Câu lạc bộ hạt nhân" thế giới, nào là bom nguyên tử, bom khinh khí đều có thể chế tạo được nhưng đến nay mới xây dựng một nhà máy điện hạt nhân. Trung Quốc là nước thứ ba trên thế giới phóng được vệ tinh nhân tạo, nhưng vệ tinh dân dụng thì mới vừa bước vào giai đoạn thực hiện. Để truyền tin Ôlimpic, không thể không bỏ nhiều tiền ra thuê vệ tinh liên lạc nước ngoài...

Quá làm ra vẻ thần bí, giống như tự nhốt mình trong tổ kén, Đặng Tiểu Bình đề xuất "phải kết thúc thời đại có một trời đất riêng", đưa công nghiệp quốc phòng và khoa học kỹ thuật quốc phòng vào kế hoạch chung của nhà nước. Đề mục chung là các ngành của quân đội đều phải suy nghĩ làm thế nào để chi viện và tham gia vào kiến thiết đất nước.

Gọi là "chi viện" là yêu cầu các ngành trong quân đội xuất phát từ đại cục, bớt một số lực lượng chi viện kinh tế quốc dân phát triển, thí dụ, không quân có thể để ra một số sân bay, một là, để dùng chung cho quân sự, dân sự, một là, hoàn toàn cho dân dụng, chi viện cho ngành hàng không dân dụng nhà nước. Các quân cảng của hải quân, có cái có thể dùng chung, có cái biến thành cảng dân dụng để tăng thêm sức vận chuyển của quốc gia. Quân đội còn có thể rút ra một số nhân lực đảm nhận việc xây dựng trọng điểm của nhà nước. Như vậy không chỉ là chi viện công cuộc xây dựng đất nước, mà còn cải thiện quan hệ quân dân.

Tiềm lực "tham gia" xây dựng đất nước được khơi dậy ngày càng nhiều. Thiết bị công nghiệp quốc phòng tốt, lực

lượng kỹ thuật hùng hậu, cần tận dụng đầy đủ, gia nhập vào việc xây dựng đất nước, ra sức phát triển sản xuất dân dụng. Đặng nói, "làm như vậy, có một trăm cái lợi mà không có cái hại nào". Trung Quốc đã có năng lực sản xuất đủ các loại máy bay tiêm kích dân dụng tốt và các loại máy bay oanh tạc thì tại sao không dùng năng lực đó để sản xuất máy bay dân dụng, mà để các người lái dân dụng phải sử dụng máy bay Mỹ.

Kỳ thực, việc chi viện cũng không phải chỉ là một chiều, mà hai bên đều có lợi. Năm 1985, kỹ thuật quân dụng đã chuyển sang dân dụng hơn hai vạn hạng mục, kim ngạch là hơn 1 tỷ đồng, điều đó coi như tăng thêm 1 tỷ đồng quân phí. Tính theo lợi ích kinh tế khi chuyển nhượng là từ 1/7 đến 1/10 thì coi như nhà nước đã tăng thêm lợi ích kinh tế là 7-10 tỷ. Tài chính quốc gia tăng thêm chiếc bánh lớn đó, nếu chế tạo thêm một số vũ khí trang bị sẽ dễ dàng hơn. Đúng là "có một trăm cái lợi mà không có cái hại nào".

Những xí nghiệp vừa nhà nước vừa tư nhân của Mỹ phần lớn là sản xuất đồ quân dụng, như Công ty Lốc Hít chiếm 80% là đồ quân dụng, 20% là đồ dân dụng; công ty động lực thông dụng sản xuất 67% đồ quân dụng, 33% đồ dân dụng; công ty Bôing sản xuất 54% đồ quân dụng, 46% đồ dân dụng. Những xí nghiệp quân sự chính quy của Trung Quốc trong đầu thập kỷ 90, sản phẩm dân dụng đã chiếm 65%. Như vậy là đến lượt Mỹ phải học tập Trung Quốc rồi. Nước mỹ sau chiến tranh lạnh, phải thu hẹp sản xuất quân dụng, chuyển một phần sang sản xuất dân dụng. Chuyển thế nào? Trung Quốc đã bắt đầu chuyển từ đầu thập kỷ 80. So với Trung Quốc, Mỹ đã chuyển chậm

hơn 10 năm, đương nhiên phải học tập kinh nghiệm của Trung Quốc về mặt này.

5.7. ÔNG ĐẶNG NHỚ TỚI KHẨU HIỆU NỔI TIẾNG CỦA MAO TRẠCH ĐÔNG: BIẾN QUÂN ĐỘI THÀNH MỘT TRƯỜNG HỌC LỚN

Trong giáo dục và huấn luyện, quân đội "chỉ chú trọng vào nhu cầu xây dựng bản thân thì không đủ, mà còn phải chú trọng đến nhu cầu khi cán bộ chiến sĩ phục viên về địa phương nữa"[1]. Biện pháp để đồng thời thỏa mãn cả hai nhu cầu đó là"ra sức bồi dưỡng loại nhân tài hai tác dụng vừa giỏi đánh trận, vừa giỏi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương"[2].

Đầu những năm 80, khi chuẩn bị "giảm phù" cho quân đội, có mấy chục vạn cán bộ chuẩn bị về địa phương, sau đó hàng năm lại có hàng loạt cán bộ trở về. Theo chế độ cán bộ của Trung Quốc, cán bộ quân đội về địa phương phải được bố trí cương vị tương xứng, nếu không, không thể ổn định tư tưởng quân đội. Theo cách nói cũ, như vậy là tăng cường lực lượng lãnh đạo cho địa phương. Một thời gian đầu sau khi lập nước, đúng là có nhiều địa phương được quân đội cung cấp cán bộ cho đảng và chính quyền. Nhưng qua đại cách mạng văn hóa, Đặng Tiểu Bình tỉnh táo nhận ra rằng: "Có một số cán bộ quân đội trình độ tri thức rất giản đơn, có người lại rất kém cỏi, tới địa phương

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 77, 398.

không được hoan nghênh"[1]. Còn có một số cán bộ quân đội tự cao tự đại, hiểu biết chưa được bao nhiêu đã cho là ghê gớm. Quân đội sở trường nhất là làm công tác chính trị, nhưng không ít người về địa phương không biết làm công tác chính trị, cũng không biết quản lý công việc. Ngay sở trường đó của quân đội cũng không có thì về địa phương làm được gì? Đương nhiên địa phương tuy không hoan nghênh nhưng vẫn phải nhận, nhưng đưa những cán bộ quân đội không biết làm gì về địa phương thì tình hình người ngoài ngành lãnh đạo người trong ngành lại càng nghiêm trọng.

Những cán bộ quân đội ngay cả khi được coi là có năng lực, thì chẳng qua cũng chỉ là biết làm công tác chính trị, biết làm công tác chính trị về địa phương cũng không thể đưa cả vào cơ quan đảng và chính quyền. Vì địa phương không thể nhận nhiều cán bộ như thế. Các cơ quan đảng và chính quyền địa phương cũng cần phải "giảm phù", mà việc "phù thũng" lên của họ cũng là do hàng năm phải nhận quá nhiều cán bộ từ quân đội về. Nếu chỉ lo tới việc làm "giảm phù" cho quân đội mà không nghĩ tới khả năng tiếp nhận của địa phương, thì khi quân đội được gọn nhẹ, địa phương lại trở nên "phù thũng".

Biện pháp tốt đẹp cho cả hai bên là làm sao cho cán bộ quân đội trở về địa phương có thể làm mọi công việc chuyên môn nghiệp vụ chứ không chỉ là cán bộ lãnh đạo. Như vậy, phải tăng thêm nội dung giáo dục huấn luyện trong quân đội, tạo điều kiện cho cán bộ có thể về địa phương công tác. "Nếu không tạo điều kiện từ trong quân đội, thì về địa phương họ sẽ không được hoan nghênh"[2].

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 77, 78.

Thế là ông Đặng nhớ tới câu nói nổi tiếng của Mao Trạch Đông: Xây dựng quân đội thành một trường học lớn. Đương nhiên, nội dung giảng dạy trong trường học đó hoàn toàn khác với kiểu "Trường học lớn về tư tưởng Mao Trạch Đông" mà Lâm Bưu đã tiến hành. Trường học mà Đặng muốn xây dựng là "làm cho cán bộ học được tri thức về chiến tranh hiện đại, lại học được tri thức khoa học và tri thức về sản xuất, đồng thời học làm công tác chính trị và công tác quản lý". Ông cho rằng "Như vậy, cán bộ quân đội chúng ta vừa phát huy được tác dụng trong xây dựng quân đội, về địa phương cũng phát huy được tác dụng, nếu có chiến tranh, lại phát huy được tác dụng trong chiến tranh", "trở thành những cán bộ sử dụng được cả trong quân đội và ở địa phương"[1].

Về việc giáo dục huấn luyện chiến sĩ, Đặng yêu cầu bồi dưỡng người lính làm được nhiều việc: Vừa học chính trị, vừa học quân sự, vừa học một ít kỹ thuật dân dụng, tri thức toán lý hoá, tri thức công nông nghiệp, một chút ngoại ngữ. Đó là sự chuẩn bị cho việc phục viên sau này.

Quân đội hàng năm có hàng triệu chiến sĩ phục viên. Chiến sĩ phục viên dễ sắp xếp hơn cán bộ chuyển ngành. Đại đa số họ từ nông thôn vào bộ đội, phục viên về sẽ làm ruộng khoán, không tăng thêm gánh nặng giải quyết việc làm như thành phố, cũng không đòi chỗ trong biên chế cán bộ nhà nước. Nhưng sự thực không giản đơn như vậy. Những chiến sĩ đó phục vụ nghĩa vụ mấy năm, có người lập được công. Họ vào quân đội là vì đời sống, khi trở về không khỏi có cảm giác hụt hẫng. Họ ra ngoài tiếp xúc

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 76.

mấy năm, có sự so sánh thành thị nông thôn, hiểu được nhân tình thế thái, dễ sinh tâm trạng bất mãn. Họ đã hiểu việc đời, không sợ sệt nhút nhát như nông dân, lại biết sử dụng vũ khí. Nếu sau khi về nông thôn, không có tương lai sự nghiệp, cuộc sống không có hướng giải quyết, lại bị lãnh đạm và chê bai, thì rất có khả năng tạo thành nhân tố không ổn định cho xã hội. Cái gọi là "hội chứng Việt Nam" ở Mỹ là một tấm gương.

Biến quân đội thành một trường học lớn, làm cho chiến sĩ trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, lại học được một vài kỹ thuật dân dụng, sẽ biến điều không lợi thành có lợi. Những chiến sĩ mới nhập ngũ ngày nay quá nửa là tốt nghiệp trung học, có một cơ sở văn hóa nhất định. Trong thời kỳ phục vụ tại ngũ, học tập những kỹ thuật nuôi lợn, lái xe, trồng rau... không phải là điều khó khăn. Trước kia, mong muốn duy nhất của thanh niên nông thôn khi nhập ngũ là vào đảng, thăng chức. Ngày nay, con đường mở rộng hơn: Lợi dụng những điều kiện tốt trong quân đội để học tập một vài kỹ thuật dân dụng, tạo điều kiện sau này về nhà làm chuyên môn, do đó tính tích cực khi tham gia quân đội được nâng cao. Hiện nay, nhiều đơn vị đã coi việc dạy nghề cho chiến sĩ như một phần thưởng, ai học tập quân sự đạt thành tích cao sẽ được ưu tiên bố trí cho đi học kỹ thuật dân dụng. Chiến sĩ có được kỹ thuật dân dụng, sau khi phục viên có thể an cư lạc nghiệp, mà còn phát huy được tác dụng tích cực, dẫn đầu một gia đình, một thôn xóm, thậm chí một địa phương làm giàu.

5.8. TÍNH HAI MẶT CÁCH MẠNG LÀ CHÍNH SÁCH ĐI SÂU VÀO NỘI BỘ ĐỊCH ĐỂ TIẾN CÔNG

Sau khi chiến tranh chống Nhật đi vào giai đoạn cầm cự, để đối phó với "chiến tranh tổng lực" của Nhật, Đặng đề ra phương châm "lấy đấu tranh chính trị làm chủ, lấy đấu tranh vũ trang làm cốt cán, tiến hành kháng chiến toàn diện". Một trong các hình thức đấu tranh chính trị là thực hiện mưu lược "tính hai mặt cách mạng".

Đặng cho rằng chính sách "tính hai mặt cách mạng" là chính sách đi sâu vào nội bộ địch để tiến công. Nói cho cùng, thì đó là phương pháp "đánh người vào": đánh người vào quần chúng khu địch chiếm, vào thành phố trong lòng địch, vào tổ chức ngụy quân, vào các đoàn thể đen, bang hội và thổ phỉ, vào tất cả mọi tổ chức, và lấy ngụy quân làm mục tiêu chính. Nhiệm vụ đánh người là trường kỳ mai phục, tiến hành công tác đấu tranh và tuyên truyền chống địch một cách kín đáo, khéo léo, tích luỹ lực lượng trong nội bộ địch để đợi thời cơ phối hợp phản công hoặc tiến công.

Còn một loại tính hai mặt trung tính nữa là ứng phó quân địch cả hai mặt, không để bị đánh. Tính hai mặt cách mạng là tất cả đều nhằm tích luỹ lực lượng, chuẩn bị cho việc phản công cuối cùng, bất đắc dĩ mới đối phó với địch. Nhưng ranh giới của hai loại tính hai mặt đó đều không cố định, bất biến. Trong khu địch chiếm, tính hai mặt trung tính chiếm đa số, nó là cơ sở để tính hai mặt cách mạng đánh người vào bám rễ và triển khai hoạt động.

Nói chung, tính hai mặt được tranh thủ về phía ta, sẽ biến thành tính hai mặt cách mạng, sau đó thông qua họ tổ chức và đoàn kết mọi lực lượng. Đó là chiến thuật khoét sâu lòng địch, làm tan rã hàng ngũ địch, biến địch thành bạn, có thể thu được hiệu quả mà trên chiến trường không thể giành được.

Đặng chia mưu lược tính hai mặt cách mạng thành hai phạm vi ứng dụng khác nhau. Vận dụng trong ngụy quân hoặc tổ chức cấp trên, trước hết lợi dụng và nắm vững đầy đủ mâu thuẫn giữa Nhật - Ngụy và mâu thuẫn trong nội bộ tổ chức ngụy quân, để tiện dùng địch đánh địch, thừa cơ phát triển lực lượng ta. Đó là điểm xuất phát cơ bản. Ngoài ra, còn khéo mở rộng giao thiệp bạn bè, lợi dụng địa vị hợp pháp của mình để triển khai công tác hết sức kín đáo, khéo léo; phải khéo nắm thời cơ, tranh thủ đồng sự và cấp dưới, nhất là cấp trên, biến họ thành kẻ hai mặt; chiếu cố đầy đủ lợi ích của người Trung Quốc, đặc biệt là những phần tử chống Nhật; với những phần tử đặc vụ không gây nguy hại cho ta, thì giữ thái độ "kính nhi viễn chi", với những Hán gian hung ác hoặc phần tử giảo hoạt, thì trừ bỏ bằng mọi cách. Đó là một phương thức đấu tranh cực kỳ tàn khốc phức tạp, đầy sắc thái thần bí. Đặng yêu cầu làm một người cách mạng hai mặt, phải có tố chất vừa dũng cảm vừa thận trọng, không khoa trương, không làm liều, không lộ liễu, phải tiến hành một cách chắc chắn thì mới thu được kết quả tốt.

Đặng cho rằng trong khu địch chiếm hoặc khu du kích mà địch chiếm ưu thế cũng có thể vận dụng chính sách hai mặt cách mạng tương ứng. Nhưng, cần có đủ những điều kiện sau đây: Một là, phải có toàn thôn toàn xã nhất trí chống địch; hai là, phải có sự phối hợp của lực lượng vũ

trang; ba là, sự hình thành các tổ chức bên ngoài phải là của địch, nhưng thực chất là lực lượng chống địch; bốn là, cần phải đi từ sự nhất trí trong toàn thôn, tiến tới toàn xã, toàn khu vực, mới có thể đối phó và đánh lừa kẻ địch.

Thực hiện mưu lược hai mặt cách mạng, đánh người vào nội bộ địch, phát triển thế lực sau lưng địch, không chỉ có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh chống địch. Đặng còn nhìn thấy ý nghĩa của nó trong cuộc đấu tranh chống Tưởng. Ông thấy về mặt này, Quốc dân đảng còn tích cực hơn Đảng Cộng sản, ngay khi kháng chiến vừa bắt đầu, họ đã tích luỹ lực lượng trong vùng địch chiếm, chú trọng đến ưu thế sau chiến tranh, phái người vào nội bộ kẻ địch, ra sức tranh thủ ngụy quân. Còn Đảng Cộng sản thì trong một thời gian dài ngừng lại ở giai đoạn tuyên truyền, thỏa mãn với việc thu được tin tức, không thực sự đánh người vào bám rễ, tổ chức lực lượng. Đặng "học tập" Quốc dân đảng biến bị động thành chủ động. Kết quả, tới khi kháng chiến kết thúc, thành quả của Đảng Cộng sản cũng không nhỏ. Nếu không như vậy, trong cuộc chiến tranh quốc cộng sau đó, Đảng Cộng sản sao có được ưu thế ở Hoa Bắc?

5.9. CHIẾN DỊCH BÌNH-HÁN, LƯU-ĐẶNG ĐÃ KẾT HỢP TIẾN CÔNG QUÂN SỰ VỚI TIẾN CÔNG CHÍNH TRỊ

Trung tuần tháng 10-1945, phó tư lệnh quân Quốc dân đảng chiến khu 11 là Mã Pháp Ngũ và Cao Thụ Huân dẫn ba quân đoàn từ Tân Hương thuộc Hà Nam ven theo đường sắt Bình Hán tiến lên phía Bắc, cộng thêm trung đội dân quân Hà Bắc của Kiều Minh Lễ, chia ba đường

đánh vào Hàm Đan, một thị trấn quan trọng của Hà Bắc ven tuyến Bình - Hán.

Lưu Bá Thừa nói, lần này "Tưởng Giới Thạch đã sút quả bóng vào cửa lớn của Khu giải phóng rồi". Quân ủy trung ương chỉ thị, thắng bại của chiến dịch Bình - Hán có quan hệ đến toàn cục và lệnh cho Lưu-Đặng chỉ huy chiến dịch này.

Lưu - Đặng phân tích tình hình chiến dịch: Quân đoàn 40 và 30 của Mã Pháp Ngũ đều mạnh, quân đoàn 8 của Cao Thụ Huân cũng có sức chiến đấu. Quân của Lưu-Đặng chỉ là một tập hợp những cánh quân du kích, lại vừa đánh xong chiến dịch Thượng Đảng, bộ đội rất mệt mỏi. Nếu kiên quyết đối chọi thì không phải là thượng sách. Trần Tích Liên vừa đưa quân ra chống ở Trấn Mã Đầu, đã thương vong mất mấy trăm người.

Lưu - Đặng thấy quân địch có tổng quân số ưu thế nhưng thuộc các phe cánh khác nhau, rất nhiều mâu thuẫn: Quân đoàn 14 của Mã Pháp Ngũ thuộc "tạp bài", bất hòa với đích hệ của Tưởng. Càng quan trọng hơn là quân đoàn 8 của Cao Thụ Huân là lực lượng cũ của quân Tây Bắc, Quốc dân đảng vẫn muốn thanh toán. Ngay từ năm 1942-1944, Cao Thụ Huân ở dưới quyền chỉ huy của Thang Ân Bá, đã từng có liên hệ với Đảng Cộng sản. Đặng hiểu rõ điều đó, nên tìm cách lợi dụng mâu thuẫn, kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị.

Tiến công quân sự chia làm hai phần, tập trung toàn bộ quân chủ lực vây chặt kẻ địch, đồng thời tổ chức dân quân và du kích chặn đánh quân tiếp viện. Tiến công chính trị là tranh thủ Cao Thụ Huân khởi nghĩa, phân hóa

làm tan rã quân địch. Về mặt này chỉ dùng một người, đương nhiên cũng phải có quyết tâm lớn, chủ yếu là có kế hoạch chu đáo. Chiến dịch Bình - Hán nổ ra vào trung tuần tháng 10 năm 1945. Trước chiến dịch 5 tháng, Lưu - Đặng đã phái Vương Định Nam, người đã công tác bí mật lâu ngày trong hậu phương địch vào sâu trong đơn vị của Cao Thụ Huân liên lạc. Đặng nhiều lần trao đổi với Vương Định Nam, và dự liệu Cao Thụ Huân đúng là có khuynh hướng khởi nghĩa, nhưng vẫn còn do dự. Vì vậy, ngay hôm đầu công kích vào cánh quân bị vây, lại phái tham mưu trưởng Lý Đạt và Vương Định Nam tới Trấn Mã Đầu, nơi đóng Bộ Tư lệnh của Cao để làm công tác. Khi Lý, Vương tới, thấy toàn bộ xe của quân Cao đều quay đầu về hướng Nam, chuẩn bị rút lui. Hai bên gặp nhau, vừa đề xuất là hợp ý, Cao Thụ Huân quyết định khởi nghĩa và ngay hôm sau phối hợp với thế tiến công của Lưu - Đặng, hơn một vạn quân tuyên bố khởi nghĩa, đưa bộ đội lên khu giải phóng ở Tây Bắc.

Quân đoàn 8 khởi nghĩa khiến Mã Pháp Ngũ hoảng sợ, vội ra lệnh cho hai quân đoàn rút về phía Nam. Lưu - Đặng đã bố trí quân ở cánh phía Tây đường quân địch rút lui chặn Mã Pháp Ngũ ở bờ bắc Chương Hà, tiến hành đột kích nhiều mũi, diệt hơn 3000 địch, bắt sống hơn một vạn 7 ngàn, trong đó có Mã Pháp Ngũ.

Sau này Đặng nhớ lại "Chiến dịch Bình Hán đúng ra là tiến công chính trị tốt, tranh thủ được Cao Thụ Huân khởi nghĩa. Nếu cứ đem sức ra chọi, chúng ta sẽ thương vong rất lớn. Tôi vẫn lấy làm tiếc là sau này chúng ta đối

đãi với Cao Thụ Huận không công bằng. Công lao ông ta rất lớn. Nếu không có sự khởi nghĩa của ông ta, kẻ địch tuy không thắng được, nhưng cũng không thể thất bại thảm hại như thế. Năng lực rút lui vẫn có, ít nhất thì chủ lực vẫn chạy được. Nhờ Cao khởi nghĩa, hai quân đoàn của Mã Pháp Ngũ mới bị tiêu diệt, chỉ chạy thoát 3000 tên"[1].

Việc phân hóa, làm tan rã địch như vậy là hoàn toàn có thể thực hiện. Chỉ một lỗ hổng nhỏ, một mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, được kịp thời lợi dụng, là đủ để tiêu diệt địch. Một cán bộ làm công tác vận động quân địch, có thể có tác dụng như hàng ngàn, hàng vạn người. Vốn ít lợi nhiều, không đánh mà khuất phục được quân địch. Phương pháp này không thể thiếu, nhất là trong hoàn cảnh địch mạnh ta yếu. Đặng Tiểu Bình vận động Cao Thụ Huân khởi nghĩa, đưa tới thắng lợi cho chiến dịch Bình - Hán. Mao Trạch Đông rất hài lòng, liền cho phát huy, dấy lên trong toàn quân "Phong trào Thụ Huân" coi là một biện pháp quan trọng để lấy yếu đánh mạnh, giành thắng lợi trong thời kỳ đầu chiến tranh giải phóng.

5.10. THỜI TAM QUỐC, GIA CÁT LƯỢNG DÙNG THUYỀN CỎ MƯỢN TÊN, NGÀY NAY ÔNG ĐẶNG DÙNG BA NGÀN QUÂN QUẢ BẦU ĐỂ VƯỢT SÔNG

Một đêm mùa đông 1947, một vọng gác của quân Quốc dân đảng ở bờ nam Hoàng Hà chiếu đèn thấy mặt nước bờ

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 337.

bắc xao động, rất nhiều thủy binh đầu đội mũ sắt đen xì đang bơi sang bờ nam. Hiệu báo động nổi lên: "Quân cộng sản vượt sông!". Một tên lính khác vội hét: "Gọi ngay điện thoại báo cáo về sư bộ". Sư trưởng địch được tin liền ra lệnh cho toàn thể quân lính chuẩn bị ứng chiến, tiêu diệt toàn bộ quân cộng dưới nước, không cho tên nào lên bờ!

Quân địch chuẩn bị sẵn sàng, chĩa súng nhăm nhăm xuống mặt nước. Khi thấy những kẻ vượt sông đã đến gần, sư trưởng ra lệnh hỏa lực dày đặc nhất tề quét xuống. Mặt sông loang đỏ máu, làm hồng cả một đoạn sông. Nhưng mấy nghìn chiếc mũ sắt đó vẫn bất chấp cứ áp tới bờ nam. Quân Quốc dân đảng kinh sợ. Sư trưởng nói với tham mưu trưởng "Có lẽ cộng quân liều chết vượt sông đây". Tham mưu trưởng phụ họa: "Cộng quân ghê gớm lắm, ta nghe tiếng từ lâu, bây giờ mới thấy tận mắt đây". Sư trưởng chau mày hỏi: "Bây giờ làm thế nào?" Tham mưu trưởng nói: "Bây giờ chỉ có rút là thượng sách, để bảo toàn thực lực". Sư trưởng vội gọi điện lên Bộ tư lệnh xin cho rút. Ai ngờ Bộ tư lệnh rất cứng cỏi, không những không cho rút, còn hạ lệnh tập trung lực lượng 6 sư đoàn để tiêu diệt cộng quân vượt sông. Lúc quân Quốc dân đảng đang vội vã tập trung thì phía sau tiếng pháo bắn và tiếng hô giết vang lừng. Quân Quốc dân đảng hoang mang sợ hãi, ùn lại từng đám. Sau trận ác chiến, quân Quốc dân đảng thương vong quá nửa, tàn quân nộp súng đầu hàng, sư trưởng cũng bị bắt sống.

Lúc đó, một người thấp bé khoảng 40 tuổi từ một chiếc thuyền nhỏ đi lên, ung dung tiến lại. Sư trưởng địch ngẩng đầu nhìn: "Ôi chao! Chẳng phải là chính ủy dã

chiến quân hai Đặng Tiểu Bình đó sao?. "Đặng Tiểu Bình mỉm cười bảo anh ta: "Anh xem, các anh có 6 sư đoàn chính quy, trang bị toàn vũ khí Mỹ, bây giờ thế nào?" Sư trưởng địch chỉ xuống dòng sông đỏ ngầu và những mũ sắt bập bềnh: "Các ông tổn thất cũng không phải là ít". Đặng cười lớn, gọi 1 nữ y tá đến: "Cô bé, hãy lên lớp cho họ một bài". Cô y tá nói với tù binh: "Các anh chịu thua chưa? Hãy nhìn xem, chính ủy Đặng dùng 3000 quân quả bầu, giả làm đại quân vượt sông, để thu hút binh lực của các anh, rồi cho thọc sâu vu hồi sau lưng, đánh cho 6 sư đoàn các anh tan tác". Sư trưởng địch nhìn kỹ, thấy đúng là những quả bầu đội mũ sắt.

Thì ra, để vượt Hoàng Hà tiến vào Đại Biệt Sơn, Đặng Tiểu Bình và Lưu Bá Thừa bày mưu, trưng tập mấy ngàn quả bầu, mỗi quả đều đội mũ sắt, chằng buộc kỹ càng, bên dưới buộc một hòn đá, nhờ đêm tối và sức gió đưa bầu trôi qua, trông giống như một đoàn thủy binh. Trên quả bầu lại buộc những bong bóng lợn chứa đầy nước màu đỏ, khi bị trúng đạn, nước thuốc đỏ chảy ra làm đỏ cả dòng sông. Trong lúc quân Quốc dân đảng tập trung toàn bộ hoả lực đối phó với các quả bầu thì Lưu -Đặng dẫn quân dùng thuyền gỗ và bè vượt sông ở đoạn khác, rồi xuất hiện sau lưng địch, bất ngờ tấn công mãnh liệt.

Phần thứ sáu

MƯU LƯỢC MẶT TRẬN THỐNG NHẤT

6.1. TIẾN QUÂN VÀO TÂY TẠNG, CHÍNH TRỊ ĐI TRƯỚC

Tây Tạng là địa phương tuy nhân khẩu không nhiều, nhưng địa vị quốc tế vô cùng quan trọng. Để tránh nước ngoài nhúng tay vào và Tây Tạng đòi độc lập, khi đại quân Lưu, Đặng sắp kết thúc chiến sự giải phóng Đại Tây Nam, Mao Trạch Đông kịp thời đưa ra lời kêu gọi "Tiến quân vào Tây Tạng nên sớm, không nên muộn".

Cử ai phụ trách công việc quan trọng này? Lúc đầu, Mao dự định "Lấy Cục Tây Bắc làm chủ giải quyết việc Tây Tạng". Bành Đức Hoài là người chủ trì Cục Tây Bắc cho rằng theo đường đó tiến vào Tây Tạng rất khó khăn, không thể hoàn thành trong thời gian ngắn. Để có thể tiến quân vào Tây Tạng sớm, Mao Trạch Đông liền giao cho Cục Tây Nam đảm đương nhiệm vụ lịch sử quan trọng đó. Đặng Tiểu Bình là bí thư Cục Tây Nam kiêm chính ủy dã chiến quân hai, đương nhiên trở thành người trực tiếp ra quyết sách và đặt kế hoạch cụ thể cho việc giải quyết vấn đề Tây Tạng.

Các binh gia cổ đại Trung Quốc thường nói: Binh mã chưa xuất động, lương thảo phải đi trước. Tiến quân vào Tây Tạng, theo dự tính của Đặng, không những lương thảo phải đi trước, mà quan trọng hơn là chính trị phải đi trước.

Giỏi xét vấn đề từ góc độ chính trị là phong cách nhất quán của Đặng. Ngay từ trên đường tiến quân của dã chiến quân hai vào Ba Thục, qua các vùng dân tộc thiểu số ở vùng giáp giới Hồ Nam - Quý Châu, Đặng từng nói, ở những vùng dân tộc thiểu số thế này, cần chú trọng giải quyết vấn đề từ góc độ chính trị, có thể thành lập những vùng dân tộc tự trị, để lợi cho sự phát triển của họ.

Tình hình Tây Tạng lại càng đặc biệt và nhạy cảm, rất nhiều đế vương, quan tướng trong lịch sử đã dùng binh nhiều lần, nhưng người thì bị lật thuyền, hao binh tổn tướng, người thì không đánh mà phải lui; sau khi phân tích, so sánh lịch sử và hiện thực, chính trị và quân sự, tôn giáo và thần quyền ở Tây Tạng, Đặng nêu ra kết luận là vấn đề Tây Tạng có "ý nghĩa chính sách rất sâu sắc".

Ông nói: Giải phóng Tây Tạng, cần có một lực lượng quân sự nhất định. Xét về lịch sử, nhiều lần dùng binh vào Tây Tạng mà chưa giải quyết được. Lần này phải dựa nhiều vào chính trị, phải đoàn kết hai phái Lạt Ma và Ban Thiền, phải dựa vào chính trị mà hành quân, dựa vào chính sách mà có cơm ăn.

Căn cứ vào đó, Đặng đề ra mưu lược cơ bản khi tiến quân vào Tây Tạng là: "Chính trị trọng hơn quân sự, cung cấp trọng hơn chiến đấu".

Giải phóng Tây Tạng đương nhiên cần một số quân, nhưng Đặng thấy nếu nhiều quân quá sẽ khó giải quyết

vấn đề về sau, vì vậy, bộ đội vào Tây Tạng cần tinh nhuệ, Đặng cho rằng quân chủ lực chỉ cần ba vạn là đủ, còn tuyến cung cấp ít nhất cũng cần tới 1 vạn người để lập tuyến binh trạm. Về sau còn tổ chức một bộ tư lệnh chi viện với quy mô lớn, bao gồm bộ đội hậu cần và Bộ Tư lệnh quân khu Tây Nam, thống nhất giải quyết vấn đề sửa đường và vận tải. Những biện pháp đó là để giải quyết khi tiến quân không phải dùng lương thực của địa phương, để tạo nên hình tượng đội quân nhân nghĩa, mở đường cho việc giải quyết bằng chính trị.

Bộ đội vào Tây Tạng cần tinh nhuệ, vậy cử ai đi là thích hợp? Qua cân nhắc nhiều lần, Đặng quyết định cử Trương Quốc Hoa lúc đó mới 38 tuổi dẫn quân đoàn 18 đi làm nhiệm vụ này. Vì quân đoàn 18 có cán bộ tốt, đã có nhiều thành tích trong xây dựng khu mới. Quân đoàn trưởng Trương Quốc Hoa trẻ tuổi, có năng lực, có lợi cho việc ở lâu xây dựng Tây Tạng.

Một đội quân ba vạn người đơn độc đi vào cao nguyên Tây Tạng bát ngát, nếu không làm tốt, có thể rơi vào nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Lưu, Đặng không thể không suy nghĩ tới điều đó. Do đó, trong khi quyết định để quân đoàn 18 vào Tây Tạng, Trung ương đã "bố trí các quân đội anh em ở Tân Cương, Thanh Hải và Vân Nam yểm hộ hai bên sườn" để khi cần có thể giúp đỡ. Bố trí được hình thành như sau: Quân đoàn 18 từ tây Tứ Xuyên tiến đến Đặng Kha, Đức Lạc, Ba Đường ở bờ phía đông sông Kim Sa; trung đoàn 126 của quân khu Vân Nam tiến đến Cống Sơn; chi đội kỵ binh Thanh Hải tiến đến Ngọc Thụ; sư

đoàn kỵ binh độc lập của Tân Cương tiến đến Vu Điền; ngoài ra, còn một trung đoàn tinh nhuệ tiến theo Đức Khâm, Khoa Mạch, theo sông Ya Lu Chang Pu tiến về phía tây, phối hợp và chi viện cho quân đoàn 18. Có một trận thế như vậy, "quân" tiến vào Tây Tạng tuy không nhiều, nhưng "lực" lại không nhỏ.

Đặng để đại quân ở ngoại vi mà cho một ít lực lượng tiến vào là xuất phát từ sự suy xét về chính trị, đồng thời có thể đối phó với mọi hành động quân sự lớn, đề phòng không xảy ra thất lợi.

Quân sự chỉ là hậu thuẫn, chính trị vẫn đi trước. Đặng chỉ thị cho bộ đội vào Tây Tạng thành lập "Phòng nghiên cứu Chính trị" chuyên nghiên cứu những vấn đề chính sách khi tiến quân vào Tây Tạng. Ông nhắc nhở bộ đội: chính sách là sinh mạng cần phải liên hệ chặt chẽ, dựa vào quần chúng, dùng chính sách đúng đắn để dẹp tan những lời đồn đại hoang mang do bọn phản động trong và ngoài nước tung ra, xoá bỏ những ngăn cách và thành kiến tích luỹ trong lịch sử, đoàn kết mọi giới tăng lữ và nhân dân yêu nước dưới lá cờ yêu nước chống đế quốc.

Ông còn cho soạn thảo "nguyên tắc và kỷ luật tiến quân", yêu cầu bộ đội phải gương mẫu chấp hành chính sách dân tộc của đảng, nghiêm chỉnh tuân thủ kỷ luật, tôn trọng phong tục tập quán của dân Tạng. Bộ đội dù có phải hành quân trong gió tuyết, cũng chỉ được ở lều bạt mà không được vào ở các đền chùa, cấp trên không chấp nhận thì không được vào nhà dân, không xâm phạm cái kim sợi chỉ của dân. Theo nói lại, có một chiến sĩ trên đường hành quân đã dùng chân đá một con chim ưng nằm ngang giữa đường, lập tức bị xử lý kỷ luật vì không tôn trọng phong

tục đồng bào Tạng, vi phạm chính sách dân tộc và kỷ luật quân đội. Yêu cầu nghiêm khắc đó đã khiến dân Tạng gọi bộ đội là "người Hán mới" và "quân Bồ Tát".

Tôn giáo là vấn đề rất nhạy cảm của Tây Tạng, cũng là then chốt quyết định việc thành bại của việc giải quyết bằng chính trị. Đặng nhiều lần nhắc nhở bộ đội phải chú ý giữ gìn chùa chiền Lạt Ma, tôn trọng tín ngưỡng của tăng lữ và nhân dân. Sau này, bộ đội đi trước chuẩn bị vào La Sa, Đặng tự mình nhắc nhở: Sau khi đến La Sa, khi hội kiến Đạt Lai Lạt Ma, nếu ông ta đề xuất việc xoa đầu, thì có thể không giữ sự gò bó của quân kỷ, mà để ông ta xoa đầu, còn cần thay mặt cán bộ, chiến sĩ tặng lễ vật cho ông ta.

Ngày 25-2-1950, Trung ương đánh điện chỉ thị cho Cục Tây Nam: "Kế hoạch tiến vào Tây Tạng của chúng ta là kiên quyết không thay đổi, nhưng có thể dùng mọi biện pháp đàm phán với Đạt Lai Lạt Ma, để Lạt Ma ở lại Tây Tạng hòa giải với chúng ta". Căn cứ chỉ thị đó, Đặng quyết đoán đưa biện pháp giải quyết vấn đề Tây Tạng ngả sang hướng hòa bình. Ông tự mình soạn ra 10 chính sách làm điều kiện đàm phán hòa bình với nhà đương cục Tây Tạng. Nội dung chủ yếu là: Nhân dân Tây Tạng đoàn kết lại, đuổi thế lực xâm lược Anh, Mỹ khỏi Tây Tạng; thực hiện quyền tự trị của dân tộc Tây Tạng; giữ nguyên trạng mọi chế độ hiện hành ở Tây Tạng, địa vị và chức quyền của Phật sống Đạt Lai không hề thay đổi, các quan chức giữ nguyên chức vụ; thực hiện quyền tự do tôn giáo, giữ nguyên chùa chiền Lạt Ma, tôn trọng tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân Tây Tạng; duy trì chế độ quân sự hiện hành của Tây Tạng, quân đội hiện có của Tây Tạng trở thành một bộ phận của quân đội nước Cộng

hòa nhân dân Trung Hoa; phát triển ngôn ngữ, văn tự và trường học của Tây Tạng; phát triển nông nghiệp, chăn nuôi và buôn bán của Tây Tạng, cải thiện đời sống nhân dân; toàn bộ việc cải cách ở Tây Tạng phụ thuộc vào ý chí của nhân dân, do nhân dân Tây Tạng và những người lãnh đạo Tây Tạng bàn bạc giải quyết; với những quan chức trước kia thân Anh, Mỹ và thân Quốc dân Đảng, chỉ cần họ cắt đứt quan hệ với Anh, Mỹ và Quốc dân đảng, không phá hoại và chống đối, thì đều để giữ chức, không xét chuyện cũ; Trung Quốc Nhân dân Giải phóng quân tiến vào Tây Tạng là để củng cố quốc phòng.

Sau này, Chính phủ nhân dân Trung ương và Chính phủ địa phương Tây Tạng ký kết hiệp nghị hòa bình giải phóng Tây Tạng gồm 17 điều là căn cứ vào 10 điều đó mà phát triển lên.Điều càng thú vị là, một số nội dung của chính sách đó có nhiều điểm tương tự với chính sách do Đặng đề ra để giải quyết vấn đề Đài Loan, Hương Cảng vào những năm 80.

Mười chính sách đó xuất phát từ sự suy xét đầy đủ đối với lịch sử và hiện tình xã hội Tây Tạng, chiếu cố đến lợi ích của mọi tầng lớp. Có nhân sĩ đại biểu dân tộc Tạng sau khi xem có cảm giác là những chính sách đó rộng rãi quá. Đặng nói: "Cần phải rộng rãi một chút. Đó là thực chứ không phải là giả, không phải là lừa dối các ông đâu. Vì vậy, chính sách này có ảnh hưởng rất lớn, sức mạnh của nó không nên đánh giá thấp"[1].

Để phòng bộ đội vào Tây Tạng mang theo quan điểm đấu tranh giai cấp, không quen nhìn cảnh bọn chủ nô áp

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 163.

bức bóc lột nô lệ, phạm vào bệnh nôn nóng, vi phạm chính sách, Đặng nhắc nhở cán bộ chiến sĩ, gặp trường hợp đó, nên một mắt mở một mắt nhắm. Đó không phải là vấn đề giác ngộ giai cấp hay không mà "Nhiệm vụ trung tâm trong công tác dân tộc của chúng ta là giữ vững đoàn kết, xoá bỏ ngăn cách"[1].

Vậy cử ai đi làm sứ giả hòa bình? Cục Tây Bắc trước cử hai tốp, một tốp bị đuổi về, một tốp bị giữ lại. Cục Tây Nam có một người rất lý tưởng, là ủy viên chính trị quân khu Tây Nam, phó chủ tịch tỉnh Tây Khang, một bạn người Tạng mà Chu Đức kết giao trên đường trường chinh, là Phật sống Cách Đạt ở chùa Cam Tư Bạch Lợi. Khi Cách Đạt tình nguyện vào La Sa khuyên hòa, Đặng tán dương tinh thần yêu nước của ông, nhưng cho ông biết tình hình La Sa rất phức tạp, khuyên ông không nên vội đi.

Nhưng Cách Đạt kiên quyết xin đi, Đặng phải tôn trọng ý nguyện của ông và viết một bức thư đề nghị Cách Đạt chuyển giao cho Đạt Lai Lạt Ma, nói rõ quyết sách sáng suốt và lòng thành thực của Mao Chủ tịch, Trung ương Đảng muốn hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đáng tiếc là Phật sống Cách Đạt chưa hoàn thành sứ mạng hòa bình thì đã bị ám hại tại Xương Đô. Đặng hết sức tiếc thương, đã tổ chức đại hội truy điệu, viết lời điếu, gọi Cách Đạt là "Quang vinh tuẫn quốc, vĩnh thùy bất hủ". Để biểu dương hình tượng bất hủ đó, ngày nay ở Cam Tư có dựng một bức tượng hữu nghị giữa tổng tư lệnh Chu Đức với Phật sống Cách Đạt.

Khuyên hòa không thành, tiên lễ hậu binh. Chính trị

---

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 164.

đi trước, nhưng có lúc cũng cần mở đầu bằng quân sự. Nhà đương cục Cát Độ do nhiếp chính Đạt Trát cầm đầu đã ép Đạt Lai đời 14 chạy đến A Đông, với ý đồ đưa Đạt Lai ra nước ngoài, và điều động hơn một nửa số quân Tạng khoảng 9 đại bản (tương đương trung đoàn) cộng thêm 3000 dân quân bố phòng dọc sông Kim Sa phía đông Xương Đô và ở khu vực phụ cận Xương Đô, hòng dùng vũ lực chống lại Quân giải phóng vào Tây Tạng. Trong tình hình đó, Đặng quyết định lấy đánh để thúc đẩy đàm cho nhà đương cục biết sức mạnh để họ biết vương sư là không thể ngăn được.

Trận đánh diễn ra rất đẹp. Lưu, Đặng chỉ dùng một lực lượng nhỏ dương công để thu hút địch, và dùng bộ đội chủ lực tiến hành bao vây vu hồi hai bên nam bắc Xương Đô. Qua 20 ngày chiến đấu, quân ta tiêu diệt hoàn toàn 6 đại bản quân Tạng và một phần của 3 đại bản còn lại, tranh thủ động viên một đại bản khởi nghĩa, tổng cộng tiêu diệt 5.700 người là quân chủ lực của Tây Tạng, giải phóng hoàn toàn Xương Đô, mở toang cánh cửa vào Tây Tạng.

Trước thế tiến công quân sự mạnh mẽ, tầng lớp trên của Tây Tạng phân hóa mạnh mẽ, lực lượng yêu nước lâu nay bị kiềm chế (phái Ban Thiền) nay phát triển càng vững vàng; còn những phần tử thân đế quốc (phái Lạt Ma) bị đả kích nặng nề, bắt đầu dao động. Sau thắng lợi Xương Đô, việc giải quyết vấn đề Tây Tạng lại trở lại biện pháp hòa bình. Chính phủ trung ương yêu cầu nhà đương cục địa phương Tây Tạng nhanh chóng cử đại biểu về Bắc Kinh đàm phán, đồng thời tỏ ý trước khi đạt được hiệp nghị hòa bình, tạm thời không tiến quân về La Sa. Bộ đội và nhân viên công tác tiến vào Xương Đô, tuân theo chỉ thị

của Đặng đẩy mạnh công tác tuyên truyền dùng hành động thực tế để gây ảnh hưởng tới nhân dân Tạng. Chu Ân Lai thông qua Ấn Độ, tác động với chính phủ địa phương Tây Tạng, thúc đẩy tầng lớp trên phân hóa thêm một bước. A Bây A Oang Dích Mê và một số quan chức địa phương ở Xương Đô hai lần đưa thư lên Lạt Ma xin đàm phán hoà bình. Dưới sức ép nhiều mặt, Đạt Lai Lạt Ma buộc nhìn thẳng vào hiện thực, cử đoàn đại biểu địa phương Tây Tạng do A Bây, A Oang Dích Mê cầm đầu đi đàm phán.

Đoàn của A Bây đến Trùng Khánh, được tổ chức đảng và Chính quyền, quân đội ở Tây Nam nhiệt tình tiếp đãi. Đặng tán dương cao độ A Bây, A Oang Dích Mê vào giờ phút then chốt đã hiểu rõ đại nghĩa, tiến hành sự lựa chọn lịch sử, trình bày với họ 10 chính sách để giải phóng hoà bình Tây Tạng và đề nghị Đạt Lai từ A Đông trở về đàm phán, hết sức nhấn mạnh rằng những chính sách trên là chân thành, mong họ xoá bỏ mọi hiềm nghi, thúc đẩy hòa đàm đi tới thành công.

Tháng 5-1951, Chính phủ nhân dân Trung ương ký kết với Chính phủ địa phương Tây Tạng bản hiệp nghị về biện pháp giải quyết hoà bình vấn đề Tây Tạng. Tháng 7, Quân Giải phóng nhân dân chia nhiều đường tiến vào La Sa. Ngày 9-10, bộ đội đi trước đến La Sa, ngày 26-10, bộ đội chủ lực tiến vào La Sa. Đặng đã không phụ lòng mong đợi, đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử tiến quân vào Tây Tạng.

Vấn đề còn lại là làm thế nào để quản lý Tây Tạng, một khu vực có tình hình đặc biệt này. Năm 1952, Đặng được điều lên trung ương công tác, nhưng luôn luôn chú ý

tới vấn đề Tây Tạng: "Thí dụ như thực hiện khu tự trị dân tộc, chúng ta có cử cán bộ không? Cử là cần thiết, nhưng nhất định phải ít mà tinh"[1]. Ông nói với Trương Quốc Hoa: mỗi huyện nhiều nhất cử 5,6 người tới bồi dưỡng cán bộ người Tạng, tìm hiểu tình hình, làm tốt việc đoàn kết. Cơ cấu ở Tây Tạng cần hết sức tinh giản, phương thức công tác phần nhiều dùng lời, hạn chế dùng giấy tờ. Cơ quan các cấp đều tiếp nhận cán bộ người Tạng vào làm việc.

Đặng chủ trương bồi dưỡng cán bộ người Tạng bằng ba nguồn: Một là, chọn trong nông nô một số có khổ lớn thù sâu bồi dưỡng tại chỗ thành cốt cán. Hai là, lập các trường dạy người Tạng ở Thiểm Tây, Hàm Dương. Ba là, đưa một số ưu tú về học viện dân tộc ở Thành Đô, Bắc Kinh đào tạo lâu dài. Những biện pháp đó nằm trong mưu lược "Dùng người Tạng quản lý người Tạng".

Mục tiêu cuối cùng của việc tiến quân vào Tây Tạng là thực hiện chính sách dân chủ. Đặng hiểu rõ vấn đề này rất nhạy cảm: "chúng ta xác định, trong dân tộc thiểu số, do trước kia có mâu thuẫn rất sâu với người Hán, tình hình rất phức tạp, nên không thể dùng lực lượng bên ngoài để áp đặt và phát động đấu tranh giai cấp, không thể bằng biện pháp bên ngoài để tiến hành cải cách", "cải cách là cần thiết, không tiến hành cải cách thì không xóa bỏ được tình trạng nghèo nàn trong dân tộc thiểu số, không xoá bỏ nghèo nàn thì không xóa bỏ được lạc hậu. Nhưng chính sách đó cần đợi tới khi điều kiện nội bộ của dân tộc thiểu số có đủ đã mới tiến hành được". Đặng nói, vấn đề này có "chậm một chút cũng không có quan hệ gì"[2].

1, 2: Đặng tuyển. Quyển I, tr. 166, 164.

Năm 1956, các tỉnh khác trên đại lục đua nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội, chính sách dân chủ ở Tây Tạng đã nên làm chưa? Hiệp định về hoà bình giải phóng Tây Tạng có mấy điểm ghi rõ là "không thay đổi", nếu ngày nay thay đổi, sẽ có quan hệ đến sự ổn định của đại cục. Đặng chủ trì hội nghị Ban bí thư, nhiều lần thận trọng thảo luận vấn đề này, nhận thấy thời cơ cải cách ở Tây Tạng vẫn chưa chín muồi, xác định kỳ hạn 6 năm chưa cải cách. Nhằm vào những ý kiến khác nhau về chính sách trong các cán bộ Tây Tạng, Đặng nói rõ: Sáu năm nữa, chưa cải cách ở Tây Tạng là điều khẳng định. Mọi việc từ nhân viên, bộ máy, sự nghiệp, tài chính đều đình chỉ, đình chỉ càng nhanh càng tốt, nhân viên điều về càng nhanh càng tốt.

Phương châm thu lại đó là căn cứ vào tình hình chính phủ địa phương Tây Tạng không muốn thay đổi hiện trạng, và đã có một vài nơi phản loạn bài xích người Hán. Phản loạn đã phát sinh thì cần có quyết sách đối phó. Đối với việc phản loạn ở Tây Khang đến Tây Tạng, ngoài lực lượng thời kỳ đầu, Đặng chỉ thị "Nhà đương cục Tây Tạng vẫn giữ nguyên bản chất cũ. Hiện nay không phát động quần chúng, chỉ chỉnh đốn đội ngũ, kết bạn và học tập. Trong xã hội, cũng không nên tuyên truyền chủ nghĩa xã hội. Bộ đội vũ trang phản loạn ở Tây Khang đến Tây Tạng, ngoài lực lượng của bản thân chính quyền Tây Tạng, chúng ta không cần cử người đi đánh. Bộ đội ở Tây Tạng tuân theo chỉ thị, co về các tuyến giao thông và cứ điểm, có một số lui về nội địa.

Bọn phản loạn hiểu sai sự kiềm chế và nhân nhượng của Đặng, chúng càng lấn tới, khiến cuộc phản loạn không ngừng leo thang, đến 1958 diễn biến thành cuộc phản loạn

vũ trang mang tính toàn cục. Lúc đó, Đặng trao đổi sách lược với Trương Quốc Hoa: Nếu bọn phỉ uy hiếp cơ quan đảng chính quyền và tuyến giao thông thì phải đánh, chắc thắng thì đánh, không chắc thắng không đánh. Giao thông cần được bảo vệ. Hai biện pháp đồng thời tiến hành, trước hết chú trọng đường giao thông, đồng thời bảo vệ lực lượng. Sáu năm không thay đổi, nhưng xuất hiện rối loạn do họ chịu trách nhiệm.

Mấy hôm sau, Trương Quốc Hoa và một số cán bộ về Tây Tạng để bố trí việc quân sự. Đặng lại trực tiếp dặn việc quyền biến với họ: "Ngươi không phạm đến ta thì ta không phạm đến ngươi. Củng cố trận địa của mình, bảo đảm giao thông. Nếu bị uy hiếp giao thông và chắc thắng thì đánh, Giải phóng quân không nên khinh xuất khi chiến đấu, không nên khinh suất sử dụng bộ đội, Còn thời gian bốn năm nữa, còn dài lắm.

Co về là để giành chủ động, chủ động về chính trị, lấy thoái làm tiến. Không lâu sau, Đặng lại có chỉ thị quan trọng về vấn đề Tây Tạng: Sáu năm không thay đổi, phương châm co về không thay đổi, co về là đúng. Nếu bọn thống trị muốn thay đổi thì là việc khác, không quan hệ đến ta. Nếu họ muốn thay đổi, chúng ta sẽ phát động quần chúng. Phương châm cải cách hòa bình không thể thay đổi, nhưng khó có thể hoàn toàn giải quyết bằng hòa bình. Chúng ta cần phải chuẩn bị.

Co về và nhân nhượng đến đầu năm 1959, lực lượng vũ trang phản loạn tiến công toàn diện vào bộ đội ở Tây Tạng. Kỳ hạn sáu năm chưa hết, nhưng "ngươi đã phạm đến ta", điều đó chứng tỏ rằng nhà đương cục Tây Tạng đã xé bỏ hiệp nghị và họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thế là từ 20-3, bộ đội đã co về các tuyến giao thông tiến hành cuộc đấu tranh dẹp loạn toàn diện từ La Sa.

Lúc này, vấn đề cải cách cũng dễ giải quyết, bộ đội dẹp loạn theo chỉ thị vừa đánh trận vừa cải cách. Khí thế như gió quét lá khô, chỉ trong một thời gian ngắn, đã xoá bỏ chế độ nông nô phong kiến ở Tây Tạng.

Đến tháng 3-1962, vừa hết kỳ hạn 6 năm, toàn bộ cuộc nổi loạn trong nội địa Tây Tạng đã được dẹp yên. Đồng thời, thời đại chuyên chế của quý tộc và tăng lữ trên cao nguyên Tây Tạng cũng vĩnh viễn kết thúc, thay vào đó là một Tây Tạng mới xã hội chủ nghĩa.

Tướng Âm Pháp Đường, người năm đó theo Đặng Tiểu Bình tiến quân vào Tây Tạng nhớ lại: Tuy năm tháng qua đi, tang thương biến đổi, nhiều chuyện lịch sử đã dần dần phai nhạt, nhưng việc đồng chí Đặng Tiểu Bình tiến quân vào Tây Tạng, dẹp cuộc phản loạn ở Tây Tạng, đóng góp công lao và có sự cống hiến đặc biệt với việc hoàn thành cải cách dân chủ ở Tây Tạng thì sẽ vĩnh viễn được ghi khắc trên nóc nhà của thế giới.

6.2. ĐỐI VỚI ĐÀI LOAN, MAO TRẠCH ĐÔNG ÔM MỐI HẬN NHƯ LỤC DU; CHÍNH SÁCH MỘT QUỐC GIA HAI CHẾ ĐỘ, THỐNG NHẤT BẰNG BIỆN PHÁP HÒA BÌNH CỦA ÔNG ĐẶNG PHÙ HỢP VỚI NHÂN DÂN HAI BỜ EO BIỂN

Nhà báo Mỹ Oalaisơ hỏi Đặng Tiểu Bình: "Có gì là cần thiết mà phải thống nhất Đài Loan với Trung Quốc?".

Câu hỏi đó có điểm ngớ ngẩn, chứng tỏ người nước ngoài không hiểu về chính trị, văn hóa Trung Quốc.

"'Xuân thu' đại nhất thống đó là lẽ thường của trời đất, là điều thông suốt cổ kim" (Đổng Trọng Thư). Trung Quốc thời Tần Thủy Hoàng gồm thâu 6 nước, quân vương các triều đại đều xây dựng một giang sơn nhất thống, coi việc giữ gìn bản đồ thống nhất là thiên thu đại nghiệp. Rất nhiều nhân sĩ trí thức để lại niềm cảm thán "cảm thương không thấy chín châu đồng" (Chín châu - tức Cửu Châu, là quan niệm của người Trung Hoa về Trung Quốc - ND). Năm 1949, tuy Đảng Cộng sản chiếm được thiên hạ, nhưng chưa đạt tới thống nhất vì Đài Loan và đại lục còn tách rời nhau. Mao Trạch Đông nhất định đòi giải phóng Đài Loan, nhưng vẫn chưa được toại nguyện, đã ôm mối hận như Lục Du (Lục Du, nhà yêu nước, nhà thơ lớn thời Nam Tống, người luôn mong muốn giành lại phần đất phía bắc bị nước Kim chiếm, nhưng ông chết mà không được chứng kiến việc đó - ND).

Đặng Tiểu Bình quyết tâm hoàn thành đại nghiệp thống nhất mà người trước chưa thực hiện được, cho đó là một trong ba nhiệm vụ lớn của thập kỷ 80. Ông nói về hai lý do cần thống nhất: Trước hết là vấn đề tình cảm dân tộc. Phàm là con em dân tộc Trung Hoa, ai cũng hy vọng Trung Quốc thống nhất. Trường kỳ không thống nhất, biết đâu có một ngày Đài Loan sẽ thoát ly Tổ quốc, vĩnh viễn biến mất trên bản đồ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nếu đó là kết cục của việc tranh giành giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản, thì sẽ nói với nhân dân thế nào, nói với con cháu đời sau thế nào?

Đương nhiên, chỉ nói là chúng ta đều là con cháu Viêm Hoàng thì cần thống nhất trong một quốc gia, vẫn chưa đủ lý lẽ. Những di dân sang châu Mỹ, châu úc đều là con cháu đời sau của các dân tộc châu Âu, nhưng họ nhất

định đòi độc lập thoát khỏi sự bảo hộ của nước tổ tiên, tự lập thành quốc gia, sống riêng rẽ. Đối với Đài Loan, Đặng nghĩ tới điều quan trọng nhất là chủ quyền và lãnh thổ hoàn chỉnh của quốc gia. "Nếu Đài Loan không thống nhất với đại lục, thì địa vị là lãnh thổ Trung Quốc sẽ không được bảo đảm, không biết ngày nào sẽ bị người khác chiếm đi"[1] .Hai thập kỷ 50 và 60, sở dĩ Mao Trạch Đông liên tục cho pháo kích Kim Môn, Mã Tổ, giữ trạng thái nội chiến giữa hai bờ eo biển, với tư thế muốn giải phóng Đài Loan, mục đích là để "cho Tưởng Giới Thạch gần lại chúng ta một chút", đề phòng vấn đề Đài Loan bị quốc tế hoá. Sau khi Trung Quốc và Mỹ xây dựng quan hệ ngoại giao, vấn đề Đài Loan từ chỗ tranh chấp chủ quyền biến thành vấn đề nội chính của Trung Quốc, nhưng trên quốc tế vẫn có người nghĩ tới việc (TQ) đánh Đài Loan. Vấn đề Đài Loan trở thành một quả bom nổ chậm trong lịch sử quan hệ Trung-Mỹ, tự nhiên cũng trở thành một mối lo trong lòng Đặng. Đặng luôn luôn phải tiến hành việc chọn lựa khó khăn giữa việc bảo vệ lãnh thổ hoàn chỉnh với việc duy trì quan hệ Trung - Mỹ. Khi nào Đài Loan thống nhất với Trung Quốc, quả bom nổ chậm đó sẽ được tự động tháo gỡ.

Cần thống nhất là điều không có gì phải nghi ngờ. Chỉ có hai phương pháp để lựa chọn: giải quyết bằng vũ lực và đàm phán hòa bình. Tuy Đặng không loại bỏ khả năng dùng vũ lực, nhưng trước sau ông vẫn cho rằng dùng vũ lực là hạ sách. Người Trung Quốc đã nếm đủ nỗi khổ chiến loạn, hiện nay cần tập trung tinh lực xây dựng bốn hiện đại. Để thống nhất, thực hiện một cuộc nội chiến nữa sẽ phải trả giá rất lớn. Vả lại, Đài Loan đã có một năng lực

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 170.

phòng vệ mạnh nếu đánh sẽ thương vong không ít. Làm tổn hại đến nhân dân Đài Loan, rồi lại phải ổn định tình hình ở đó, là một việc rất phiền phức. Hai bờ eo biển nếu đánh nhau, tất động chạm tới toàn bộ khu vực Đông Nam Á, có khả năng khiến quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á trở nên căng thẳng gây tổn hại cho hòa bình ở châu Á - Thái Bình Dương và ổn định quanh vùng là điều đã có được một cách không dễ dàng. Đài Loan rút cục không phải là Thiên An Môn, rất nhiều nước phương Tây có lợi ích ở đó. Nếu chiến tranh thực sự xảy ra, khó giữ cho nước ngoài không nhúng tay vào, như vậy sẽ khiến cho quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Mỹ, Nhật, châu Âu trở nên phức tạp, làm hỏng cục diện mới về ngoại giao vừa mới mở ra. Tất cả những điều đó đều bất lợi cho sự nghiệp bốn hiện đại.

Thập kỷ 50, 60, ở hai bên eo biển, 2 đảng Cộng sản và Quốc dân đảng đều dốc sức vào việc thống nhất, một bên đòi "giải phóng Đài Loan", một bên đòi "phản công đại lục", đều muốn nuốt sống đối phương, thống nhất đối phương vào tay mình. Kết quả, chẳng ai nuốt được ai, lại làm cho mâu thuẫn thêm sâu, hai bên thù địch nhau hơn 30 năm. Cứ căng thẳng mãi như thế thì sẽ có ngày nổ ra xung đột, thậm chí chiến tranh. Xung đột chỉ làm cho nút thắt càng chặt, cuối cùng chỉ có dùng vũ lực để quyết định sống mái trên chiến trường. Nếu vũ lực không giải quyết được, thì chỉ có một con đường. Đài Loan độc lập, ai đi đường ấy, đi vào ngõ cụt chia rẽ dân tộc.

Không thống nhất không được, giải quyết bằng vũ lực không thỏa đáng, kéo dài nhiều năm cũng không phải là biện pháp hay. Nhiều năm nay, Đặng luôn suy nghĩ để tìm

biện pháp, làm sao không dùng vũ lực mà dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề, thoát ra khỏi ngõ cụt.

Thời cuối Minh đầu Thanh, Trịnh Thành Công đã thu phục Đài Loan từ tay thực dân Hà Lan, đời sau ca ngợi ông là anh hùng dân tộc. Nhưng triều Thanh lại coi chính quyền của họ Trịnh ở Đài Loan là lực lượng nằm bên ngoài giang sơn nhất thống, và tiến hành phong tỏa, bao vây. Đến năm Khang Hy, nhà Thanh đã đổi chính sách thảo phạt bằng vũ lực sang chính sách chiêu dụ hòa bình, hai lần cử người ra Đài Loan đàm phán. Kết quả, triều Thanh công nhận vai trò của họ Trịnh ở Đài Loan và mở cửa ven biển để cùng buôn bán, họ Trịnh đồng ý quy phục, xưng thần nộp cống. Nhưng, sau này lại sử dụng vũ lực, Khang Hy sai danh tướng Thi Lang, người có công dẹp loạn Tam Phiên đi bình định vùng biển. Qua chiến đấu kịch liệt, Thi Lang đã chiếm được Bành Hồ "giành lại vùng biển dài hàng ngàn dặm với hơn một triệu dân" từ tay họ Trịnh. Tại sao cục thế hoà bình bị phá vỡ? Nguyên do là họ Trịnh tuy thần phục nhưng "theo lệ Triều Tiên, không chịu tết bím tóc và thay đổi trang phục" theo phong tục Mãn Thanh. Khang Hy thì cho rằng "Triều Tiên xưa nay là nước ngoài, còn họ Trịnh là người Trung Quốc", không thể coi như nhau. Đó là một tư duy kỳ quái về sự đại nhất thống của Trung Quốc: nước ngoài thì không quản được, nên có thể khác; còn người Trung Quốc dưới quyền cai trị thì không cho phép được khác; xưng thần nộp cống vẫn chưa kể là thống nhất, còn yêu cầu ăn mặc và đầu tóc phải thống nhất. Chỉ vì không nhân nhượng về điểm đó, mà không tránh được chiến tranh. Nếu Khang Hy nghĩ thoáng

hơn một chút, cho phép người Đài Loan giữ trang phục và đầu tóc khác, không cần dùng tới lực lượng vũ trang, thì Đài Loan đã chẳng thuộc về Trung Quốc hay sao?

Lịch sử nền văn minh Trung Quốc trong mấy ngàn năm luôn xoay quanh việc chia rồi hợp, chiến rồi hòa. Người ta ai cũng ghét chiến tranh, có biết đâu rằng quá nửa số cuộc chiến tranh là để thống nhất. Thống nhất là việc tốt, có thể tránh khỏi chiến loạn, nhưng bản thân thống nhất lại phải thực hiện bằng chiến tranh. Tại sao thống nhất khó khăn như thế, không dùng chiến tranh thì không được? Trong đó ít nhất có một nửa nguyên nhân là do yêu cầu thống nhất quá hà khắc. Gọi là thống nhất tức là bên này nuốt sống bên kia, muốn không bị nuốt sống, chỉ có một cách là dùng vũ lực chống trả hoặc khoanh vùng tự chủ. Kẻ thống trị độc tôn không cho phép kẻ bị thống trị có chút nào khác biệt. Kiểu thống nhất như thế đương nhiên không dùng vũ lực thì không thể đạt được. Rất nhiều kẻ thống trị vì mục đích bình định thiên hạ, thống nhất quốc gia đã hao mòn sức lực, thậm chí bươu đầu sứt trán. Nếu nghĩ thoáng hơn một chút, hạ thấp tiêu chuẩn thống nhất xuống một chút không gò ép chư hầu bốn phương phải tuyệt đối nhất trí với vương triều trung ương, làm cho dung lượng thống nhất được nới rộng ra, có thể tiếp nhận sự khác biệt, thì chiến tranh chẳng phải có thể tránh được sao?

Đài Loan và đại lục đã phân liệt đối kháng hơn 30 năm, căn nguyên là do chế độ và chủ nghĩa hai bên khác nhau, hai bên đều có tư duy chính trị giống nhau, cho rằng trong một nước không thể có hai chủ nghĩa. Có thể nói tới thống nhất, nhưng phải dùng chủ nghĩa của mình để

thống trị đối phương. Thống nhất mang ý nghĩa một sống một chết, bên này nuốt sống bên kia. Bên nào cũng muốn nuốt sống đối phương và sợ đối phương nuốt sống mình. Vì thế mà đối chọi nhau. Trong khi những nước thù địch trước kia nay đã hòa dịu, thì hai bên eo biển lại vẫn không hòa hợp được với nhau. Vì vậy mà phải suy nghĩ rất nhiều: Giữa các nước còn có thể bỏ qua sự khác biệt về chế độ và hình thái ý thức để bắt tay hòa hảo, tại sao cùng là con cháu Viêm Hoàng lại không thể vượt qua điểm đó, cứ để sự khác biệt về chế độ gây trở ngại cho sự nghiệp thống nhất? Chẳng lẽ máu không đậm đặc hơn nước, không nuốt sống đối phương thì không thỏa dạ? Tại sao không nghĩ thoáng hơn một chút, gác sang một bên sự tranh chấp về chế độ, trước hết nắm điều chủ yếu là giải quyết vấn đề thống nhất đất nước.

Đặng khuyên mọi người nghĩ thoáng hơn một chút: "Nhà đương cục Đài Loan đề ra yêu cầu phải thống nhất theo chủ nghĩa Tam Dân, ít nhất cũng tỏ ra thiếu nhận thức về hiện thực. Có thể dùng chế độ của mười mấy triệu dân Đài Loan để thống nhất đại lục có 1.100 triệu dân sao?"[1]. Tương tự, đại lục muốn dùng chế độ xã hội chủ nghĩa để thống nhất Đài Loan cũng không làm được, trừ phi dùng vũ lực. Dùng vũ lực cưỡng ép đối phương tiếp thu, cũng có thể gây nên hỗn loạn lớn. Dù không xảy ra xung đột, Đài Loan cũng sẽ bị tiêu điều, để lại nhiều di chứng. Đó không phải là hy vọng muốn có của Đảng Cộng sản với Đài Loan. Hai bên đã không dễ nuốt sống nhau, thì phải tôn trọng hiện thực, thừa nhận sự khác biệt, hạ

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.97.

thấp tiêu chuẩn thống nhất xuống một chút, thực hiện biện pháp tôi không thanh toán anh, anh cũng không thanh toán tôi, hai bên đều có thể tiếp nhận, hai bờ eo biển gác sang một bên sự khác biệt, thống nhất trong một quốc gia. Còn chế độ xã hội, lối sống và quan niệm giá trị của mỗi bên thì cứ giữ, anh theo chủ nghĩa tam dân, tôi theo chủ nghĩa xã hội, không ép nhau phải nhất trí. Như vậy, thì trở ngại cho thống nhất có thể gạt bỏ, hai bên có thể ngồi lại đàm phán với nhau.

Đặng đưa ra những điều kiện hòa đàm với Đài Loan rất rộng: Sau khi thống nhất, Đài Loan là một khu hành chính đặc biệt, tuy là chính quyền địa phương nhưng có những quyền lực đặc biệt mà không tỉnh, thành phố, khu tự trị nào có được: hoàn toàn tự thực hiện chính sách đối nội, chế độ xã hội, kinh tế hiện hành và lối sống có thể giữ nguyên không thay đổi, tư pháp độc lập, quyền chung thẩm không cần tới Bắc Kinh, miễn là không gây tổn hại đến lợi ích thống nhất quốc gia là được. Đại lục không cử người đến Đài Loan, mọi hệ thống đảng, chính quyền, quân đội của Đài Loan do Đài Loan tự quản lý, chính phủ trung ương vẫn để ngoài danh sách. Đài Loan có thể phát triển quan hệ kinh tế văn hóa đối ngoại, chỉ cần thay đổi danh nghĩa là "Đài Loan Trung Quốc" chứ không phải "Trung Hoa dân quốc", tỏ rõ thay mặt cho Trung Quốc trên quốc tế, chỉ có nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Quân đội là vấn đề gay cấn nhất. Theo lẽ, đã là một nước, thì ít nhất ngoại giao và quốc phòng phải thống nhất. Trong vấn đề Hương Cảng, Đặng nhấn mạnh sự cần thiết phải đưa quân đội sang: "Đã là lãnh thổ Trung Quốc thì tại sao không được đóng quân?", "Ngoài việc đóng quân, Trung Quốc còn có gì để thể hiện việc thực hiện chủ

quyền ở Hương Cảng nữa?". Nhưng Đài Loan có chỗ khác. Trong thập kỷ 40, hai đảng Quốc-Cộng đã có mấy lần hòa đàm, nhưng đều tan vỡ vì vấn đề quy thuộc quân đội. Nay nếu lại đề xuất việc đóng quân tại Đài Loan, thì nhà đương cục Đài Loan nhất định sẽ không tiếp nhận, vì khó mà giải thích được là "tôi sẽ không nuốt sống anh".Đặng dứt khoát không đòi hỏi ngay cả điểm đó nữa, hứa là sau khi thống nhất, vẫn để Đài Loan giữ nguyên quân đội, có điều cần đổi tên, không thể gọi là "Quốc quân", còn gọi là gì thì có thể bàn bạc trong đàm phán.

Tuy sau khi thống nhất, Đài Loan nhất định chỉ là chính phủ địa phương, nhưng nghĩ đến thể diện của Trung Quốc, không nêu ra là đàm phán giữa trung ương và địa phương, mà gọi là đàm phán giữa hai đảng. Chỉ có hai đảng đàm phán, chứ không để người nước ngoài nhúng tay như thập kỷ 40 thì sẽ có hậu hoạn vô cùng lớn.

Trên thế giới này còn có quốc gia nào mà chính phủ đề ra một chính sách sáng suốt như vậy? Đài Loan sau khi thống nhất chỉ thay đổi quốc kỳ, quốc huy, còn hầu như vẫn như cũ. Việc thống nhất như vậy có gì tổn hại cho Đài Loan? Nhà đương cục Đài Loan nếu vẫn không hướng về Tổ quốc thì thật là khó nói.

Điều kiện và thành ý của Đặng về thống nhất Tổ quốc khiến nhà đương cục Đài Loan khó cự tuyệt. Mọi cái đều có thể thương lượng, còn đòi hỏi gì nữa? Đồng thời, trước sau Đặng vẫn không đưa ra lời hứa từ bỏ phương thức thống nhất không hòa bình. "Chúng ta không thể hứa như vậy. Nếu nhà đương cục Đài Loan vĩnh viễn không đàm phán với chúng ta, lẽ nào chúng ta có thể từ bỏ sự nghiệp thống nhất Tổ quốc? Đương nhiên không thể khinh suất sử dụng

vũ lực, ... nhưng, không thể từ bỏ biện pháp sử dụng vũ lực...Đó là sự suy xét về chiến lược"[1].

Một là thống nhất, hai là hòa bình, ba là vũ lực, quyết tâm thống nhất và thành ý hòa bình đều công khai. Nếu nhà đương cục Đài Loan không muốn mang tội chia rẽ, không muốn mạo hiểm về quân sự, thì họ chỉ còn một sự chọn lựa: ngồi lại đàm phán.

Vì giá đề ra đã rất thấp, phía Đài Loan chỉ có thể nhận đàm phán trên cơ sở đó, mà khó đề xuất thêm yêu cầu gì. Có thể Đài Loan không hài lòng với vai trò "chính phủ địa phương", muốn tranh địa vị chính thống với Đảng Cộng sản, nhưng Đài Loan có thể coi đại lục với 1.100 triệu người là chính phủ địa phương chăng? Một quốc gia chỉ có một chính phủ trung ương, nếu lập ra hai trung ương, ngang hàng nhau thì coi như thực hiện "một Trung Quốc một Đài Loan", không còn thống nhất nữa. Làm sao có thể có lý lẽ "Một nước hai chính phủ"? Đòi tự trị chăng, thì đã có đầy đủ rồi, ngay quân đội vẫn còn có thể giữ, có thể gọi là tự trị đến cao độ. Còn đòi tự trị nữa, trở thành "hoàn toàn tự trị", thì có khác gì một nước độc lập, lại chẳng thành "hai Trung Quốc" sao? Tất cả những cuộc mặc cả có thể có như vậy chỉ khiến người ta thấy là thiếu thành ý hòa bình thống nhất. Mưu lược hạ thấp tiêu chuẩn thống nhất của ông Đặng đã chặn đứng mọi luận cứ của Đài Loan muốn chia rẽ, đòi độc lập.

Đặng nói với các bạn Mỹ: "Biện pháp áp dụng một nước hai chế độ, không những chỉ giải quyết việc thống

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 87.

nhất Trung Quốc, mà lợi ích của Mỹ cũng không bị tổn hại"[1]. Người Mỹ vẫn có thể buôn bán với Đài Loan như cũ và giao dịch với Đài Loan, có điều cần làm rõ là giao dịch với một tỉnh của Trung Quốc, cần phải tôn trọng ý kiến của Bắc Kinh, không thể coi Đài Loan là một "hàng không mẫu hạm không thể bị đánh chìm" để đối phó với Trung Quốc nữa.

Có thể có người nói thống nhất như thế chỉ là danh nghĩa, thực chất là không thống nhất. Theo tiêu chuẩn cũ mà xét thì đúng như vậy, nhưng như thế có quan hệ gì? Thực chất thống nhất hay không là vấn đề nội chính, có thể để bước sau, chỉ cần thống nhất trên danh nghĩa, địa vị Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc được bảo đảm. "Dù mọi chế độ mà nó thực hiện không thay đổi, nhưng tình hình sẽ ổn định"[2]. Một số người muốn mượn việc Đài Loan để gây chuyện cũng không còn cách gì, điểm nóng trong quan hệ Trung - Mỹ cũng được trừ bỏ. Những ai muốn gây chuyện với Trung Quốc phải tìm đề tài khác.

Tình hình đã ổn định, cũng dễ nói với nhân dân. Đặng chỉ nói rộng một chút, càng không cần tốn một phát đạn cũng hoàn thành được đại nghiệp thống nhất mà người trước chưa làm xong. Đại lục không bị thua thiệt gì, ít nhất là về chính trị vẫn được bảo đảm, Đài Loan dù đặc biệt thế nào cũng vẫn là chính phủ địa phương. Một số người chưa thoát khỏi khuôn sáo cũ có thể thấy việc thống nhất như thế chưa thỏa đáng, chưa triệt để nuốt sống được đối phương. Điều đó không quan trọng. Đặng có thể giải thích, thuyết phục bằng "chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr.97, 220 .

riêng của Trung Quốc", không nuốt sống không những không có gì hại, mà lại có lợi. Hai bờ eo biển không còn phải nhăm nhăm súng đạn, không còn lo Đài Loan độc lập, không lo nước ngoài nhúng tay. Còn mâu thuẫn giữa hai chế độ, có thể dần dần giải quyết sau.

6.3. HAI CHẾ ĐỘ CHUNG SỐNG HÒA BÌNH, ĐÓ LÀ CÁCH NGHĨ MỚI MẺ, TRONG LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI CHƯA BAO GIỜ CÓ

Mưu lược quan trọng để Đặng Tiểu Bình làm sống động quan hệ đối ngoại của Trung Quốc là chung sống hòa bình, vượt qua những khác biệt về chế độ xã hội và hình thái ý thức giữa các quốc gia.

Qua sự suy xét sâu thêm, Đặng phát hiện nguyên tắc chung sống hòa bình cũng là một biện pháp tốt để giải quyết một số vấn đề trong nội bộ một quốc gia. Dùng biện pháp một quốc gia hai chế độ để giải quyết vấn đề thống nhất Trung Quốc, sau khi thống nhất, trên một tỷ dân đại lục vẫn tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đài Loan và Hương Cảng vẫn cứ xây dựng chủ nghĩa tư bản của họ, Bắc Kinh không phái người đến, anh không nuốt sống tôi, tôi cũng không nuốt sống anh, thế chẳng phải là chung sống hòa bình hay sao?

Suy luận theo lôgích một nước hai chế độ cũng chỉ có thể như sau: 50 năm không thay đổi và cả hai bên đều không thay đổi, không những chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Đài Loan không thay đổi, mà chủ nghĩa xã hội ở lục

địa cũng không thay đổi, kết luận chỉ có thể là chung sống hòa bình, ít nhất cũng là chung sống 50 năm.

Đó là cách nghĩ mới mẻ chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản thế giới. Quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản xưa nay vẫn được coi là một mất một còn, sao có thể "chung sống hòa bình"? Trong và ngoài nước đều có người cho rằng Đặng làm như thế là một sự thách thức với cơ sở của hình thái ý thức xã hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng Đặng đã sớm có sự đối phó: "Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng của Trung Quốc", "mầu sắc riêng đó, nội dung rất quan trọng là sự giải quyết vấn đề Đài Loan, Hương Cảng, Áo Môn", "có thể cho phép tồn tại hai chế độ"[1].

Đúng là, chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng của Trung Quốc đã dung nạp mấy đặc khu kinh tế và hơn 20 thành phố mở cửa. Những nơi đó đều cho phép tư bản nước ngoài tồn tại, mà vẫn không làm thay đổi được chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó. Chủ nghĩa xã hội đã có thể chung sống hòa bình với tư bản nước ngoài, tại sao lại không thể chung sống hòa bình với tư bản trong nước? Đặng chỉ cần mở rộng một chút khái niệm về đặc khu kinh tế, là có thể tìm thấy chỗ đứng cho Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan trong tương lai trong chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng của Trung Quốc. Từ "đặc khu kinh tế" đến "khu hành chính đặc biệt" chỉ là sự mở rộng hợp lôgích, mà chỉ thêm hai chữ "hành chính". Theo lôgích đó suy luận tiếp, Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan sau khi thống nhất với đại

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 217-218.

lục, sẽ không cần vội vã thay đổi quan hệ sản xuất ở những nơi đó, chẳng qua chỉ là thêm vào trong bản đồ của nước Cộng hòa mấy vùng có chữ "đặc biệt" mà thôi.

Đương nhiên, hai chế độ chung sống hòa bình không có nghĩa là lực lượng ngang nhau. Đặng nhấn mạnh "Một quốc gia hai chế độ, ngoài chủ nghĩa tư bản còn có chủ nghĩa xã hội là chủ thể của Trung Quốc, vùng rộng lớn gồm hơn 1 tỷ dân vững vàng xây dựng chủ nghĩa xã hội". "Đó là một tiền đề, không có tiền đề đó thì không được. Dưới tiền đề đó, có thể cho phép thực hiện chủ nghĩa tư bản trong khu vực nhỏ và phạm vi nhỏ ngay bên cạnh mình"[1]. Đó đại thể là vì ông thấy chủ nghĩa xã hội còn chưa hoàn toàn phát huy được ưu thế so với chủ nghĩa tư bản (trước nửa đầu thế kỷ sau). Nếu không có ưu thế về số lượng (diện tích và nhân khẩu), mà cứ chung sống trong tình trạng "nửa cân tám lạng", thì chủ nghĩa xã hội rất có khả năng bị chủ nghĩa tư bản dần dần "nuốt sống". Đến lúc đó Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan bao nhiêu năm không thay đổi sẽ được bảo đảm nhưng phía đại lục sẽ thay đổi. Như vậy "hai chế độ"sẽ chẳng thành "một chế độ" sao?

Đặng nói như vậy, chủ yếu là làm công tác với phía mình: Xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể không có đảm lược và dũng khí đó. Đồng thời cũng tỏ rõ thái độ của người cộng sản với bên ngoài: Đại lục không thể vì tính linh hoạt một nước hai chế độ mà vứt bỏ nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, địa vị chủ thể của đại lục là sự thực rành rành, đại lục có hơn 1 tỷ dân, Hương Cảng, Áo

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 103.

Môn, Đài Loan cộng lại mới có 25 triệu, "càng quan trọng hơn là chính quyền nằm trong tay chúng ta"[1]. Trừ phi Đảng Cộng sản chủ động vứt bỏ chủ nghĩa xã hội, nếu không dù Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan dù có phát triển thế nào cũng không thay đổi được hiện thực của hơn một tỷ dân đại lục.

Lại nói về mặt chính trị, đã là một nước thì chỉ có một chính phủ trung ương. Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan dù có đặc thù thế nào, tự trị thế nào, cũng chỉ được coi là chính quyền địa phương. Không nói Hương Cảng, Áo Môn, riêng Đài Loan rất có khả năng không phục, muốn tranh quyền chính thống với Đảng Cộng sản. Nhưng Đài Loan sao có thể gọi đại lục là chính quyền địa phương được? Chính phủ trung ương cố nhiên là có thể để dành chỗ cho Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan, song bản thân chính phủ trung ương cũng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, Đài Loan chỉ có thể nhận địa vị là chính quyền địa phương. Dù cho phép họ còn có quân đội, thì cũng chỉ có thể là quân đội địa phương. Quân đội địa phương nếu xung đột với quân đội quốc gia, thì ai có lý ai vô lý chẳng đã rõ ràng sao?

Còn có gì đáng sợ nữa? Có thể cũng có "ảnh hưởng" tư bản. Nhưng cần biết rằng hai chế độ lại ở hai khu vực khác nhau, mà ở giữa còn có sự cách ly bởi các đặc khu kinh tế của chủ nghĩa xã hội nữa. Sau khi Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan thống nhất với đại lục, những đặc khu kinh tế như Thẩm Quyến sẽ trở thành dải đất đệm, có thể làm giảm rất nhiều làn sóng xung kích của chủ nghĩa tư bản

1. Đặng tuyển. Quyển III. tr. 373.

vào đại lục. Các đặc khu ven biển có thể ví như bộ lọc, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa bản trong một phạm vi nhất định, đồng thời tận khả năng hấp thu tác dụng tích cực của nó.

Hương Cảng và Đài Loan không thể nuốt được đại lục xã hội chủ nghĩa, vấn đề còn lại là đại lục có thể nuốt sống chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Đài Loan không? Đại lục có nhà lý luận đưa ra lý luận: "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã cùng sống với nhau trên trái đất lâu như thế, tại sao chúng lại không thể cùng tồn tại và chung sống trong một quốc gia?" Kỳ thực, sự so sánh đó không hoàn toàn thỏa đáng, không thể suy từ "cùng một trái đất" thành "cùng một quốc gia". Hai chế độ mà Đặng nói không giống với hai chế độ của các nước độc lập trong pháp luật quốc tế. Hai chế độ của các quốc gia độc lập sở dĩ không thể cùng chung sống hòa bình là vì có sự bảo đảm về chủ quyền quốc gia. Một quốc gia này muốn thay đổi chế độ nội bộ của một quốc gia khác thì gọi là "can thiệp vào chính trị nội bộ", không thể được quốc tế chấp nhận. Còn sự chung sống hòa bình giữa hai chế độ trong một quốc gia thì lấy gì để bảo đảm? Đặng đưa ra sự bảo đảm từ bản thân nền thống nhất quốc gia và chủ nghĩa xã hội: "Nếu không bảo đảm cho Hương Cảng và Đài Loan thực hiện chế độ tư bản, thì sẽ không thể bảo đảm sự phồn vinh và ổn định của họ, và cũng không giải quyết được vấn đề hoà bình thống nhất Tổ quốc"[1].

Các nhân sĩ ở Hương Cảng, Đài Loan không rõ điều đó rút cục là sự nhượng bộ về nguyên tắc hay sự tính toán về

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr.67.

sách lược. Đặng không phủ nhận đó là sách lược mặt trận, nhưng ông thừa nhận đó "không phải là sự bồng bột tình cảm nhất thời, cũng không phải là trò lừa bịp", mà do lợi ích chiến lược của sự phát triển lớn mạnh của Trung Quốc quyết định. Lý do là, dưới tiền đề chủ nghĩa xã hội là chủ thể, cho phép thực hiện chủ nghĩa tư bản trong một phạm vi nhỏ, không những không thay đổi được chỉnh thể là tính chất xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc, mà ngược lại, có lợi cho việc phát triển và lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Đã có lợi cho chủ nghĩa xã hội, thì chủ nghĩa xã hội sao lại nuốt sống đi? Hai chế độ chung sống hòa bình, bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau, sau cùng có khả năng tiếp cận nhau. Điều đó rút cục có phải là sự nhượng bộ về nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội hay không, điều đó tùy thuộc vào những người lãnh đạo sau này hiểu "nguyên tắc" là thế nào.

Nhân tố thực sự khiến cho hai chế độ mất đi sự cân bằng, phá vỡ cục diện chung sống rất có thể không phải là mâu thuẫn về mặt kinh tế giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, mà là giữa trung ương và địa phương đối đãi thế nào với nhau về mặt chính trị. Có người nói đại lục tạm thời chưa nuốt sống Hương Cảng, Đài Loan, là vì lực lượng của chủ nghĩa xã hội còn chưa đủ, tới khi chủ nghĩa xã hội phát triển lớn mạnh rồi, thì sẽ không ngần ngại gì mà không nuốt sống. Chỉ cần sau khi thống nhất,đại lục hoàn toàn có năng lực dùng mọi phương thức thanh toán gọn mấy khu vực tư bản chủ nghĩa, coi đó là việc nội bộ, không lực lượng nước ngoài nào can thiệp được. Bởi vì quyền chủ động ở trong tay đại lục, trong tay chính phủ trung ương, trong tay Đảng Cộng sản, nên nuốt sống hay không không phải là vấn đề năng lực mà là có

muốn hay không. Thuyết đó chưa hẳn đã hợp với thực tế. Thực tế đã không nuốt là bởi vì chủ nghĩa tư bản ở Hương Cảng, Áo Môn, Đài Loan phồn vinh có lợi cho sự phát triển chủ nghĩa xã hội ở đại lục, ít nhất cũng là lợi nhiều hơn hại. Chỉ khi sự tồn tại đó không có lợi cho đại lục, thậm chí uy hiếp, thí dụ trở thành căn cứ chống cộng, chống đại lục, phát sinh động loạn, hòng làm thay đổi chế độ xã hội chủ nghĩa ở đại lục hoặc lật đổ địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tới mức một mất một còn, thì nhất định sẽ phải thanh toán, và có đầy đủ lý do để thanh toán: Ngươi không phạm đến ta, ta không phạm đến ngươi, ngươi đã phạm đến ta, ta đương nhiên sẽ phạm đến ngươi!

Nhưng, tính hai cực có thể duy trì được bao lâu? Đại lục có nuốt sống được Hương Cảng, Đài Loan không? Sự việc vẫn là do con người định đoạt, cần xem sự vận dụng chính sách của đại lục đối đãi với chủ nghĩa tư bản như thế nào, xét cho cùng, do những người ra quyết sách của hai phía đối đãi với nhau như thế nào, chỉ cần thỏa mãn hai điều kiện: 1)Đại lục giữ vững, không thay đổi chính sách cải cách mở cửa; 2) Đài Loan tương đối an phận, không công khai thách thức với chế độ hiện hành ở đại lục, đặc biệt là đối với địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Hai mặt đó, trong một trình độ nhất định lại có tác động nhân quả với nhau.. thì hai chế độ có thể tiếp tục chung sống hòa bình.

Hai ngàn năm trước, nhà chính trị Lã Bất Vi đã chẩn đoán chứng bệnh chính trị của Trung Quốc bằng 6 chữ: "Một là trị, hai là loạn". Hai chế độ khác nhau, thậm chí ngược nhau có thể trường kỳ tồn tại, chung sống hòa bình đều phát triển bình an vô sự như Đặng Tiểu Bình đã thiết kế, sẽ có ảnh hưởng to lớn không lường hết đối với mô thức

chính trị đại nhất thống từ mấy ngàn năm nay ở Trung Quốc. Nền chính trị Trung Quốc luôn tuần hoàn giữa trị và loạn, hợp và phân trên cơ sở mâu thuẫn trường kỳ giữa trung ương và địa phương, không thoát ra khỏi vòng: nhất thống là chết, buông ra là loạn. Cho đến tận ngày nay, việc phân quyền thỏa đáng giữa trung ương và địa phương vẫn là một vấn đề rất khó nắm vững. Tuy Mao và Đặng đều đã bỏ ra rất nhiều công sức vào hai mặt đó, vẫn luôn luôn nhấn mạnh việc tập trung thống nhất của trung ương dễ hy sinh sức sống của địa phương mà nhấn mạnh sức sống của địa phương, trao quyền lực xuống dưới, lại có thể làm yếu quyền uy của trung ương, có mối nguy mất điều khiển về chính trị. Nếu tính năng đặc biệt của Hương Cảng, Đài Loan có thể dung hợp với sự tập quyền của Trung ương, thì sau này, người Trung Quốc khi xử lý mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, tập quyền và phân quyền khẳng định sẽ ngày càng có lý trí, càng giàu tính hiện đại.

6.4. CỰU TỔNG THỐNG MỸ BUSƠ NÓI: TRONG KHI HỘI KIẾN VỚI NGƯỜI LÃNH ĐẠO NƯỚC NGOÀI, ĐẶNG TIỂU BÌNH CÓ MỘT TÀI NĂNG CAO SIÊU LÀ NẮM VỮNG TỶ LỆ TỐI ƯU GIỮA CỨNG RẮN VÀ LINH HOẠT

Ngày 22-9-1982, một chiếc máy bay của Hoàng gia Anh chở nữ thủ tướng Thátchơ cùng chồng bà là Đanixơ và các quan chức chính phủ cùng 16 nhà báo tới Bắc Kinh.

Rất khéo, hôm đó đúng là ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ 2463 của nhà tư tưởng cổ đại vĩ đại là Khổng Tử, thì

"chung sống hòa bình", lúc đó nhiều nước đối lập về chế độ xã hội, cũng chuyển thù thành bạn, như với Mỹ và Nhật.

Thủ tướng Anh chọn thời cơ này để thăm Trung Quốc, tỏ rõ nước tư bản lão luyện này cũng muốn đáp chuyến tàu sớm tới thị trường Trung Quốc. Nhưng mục đích chuyến đi của bà ta mà nhiều người chú ý lại là một chuyện khác. Chính thức hội đàm với người lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề Hương Cảng.

Bà Thátchơ là nhân vật có bàn tay sắt trong chính giới Anh sau Sớcsin, thường được gọi là "người đàn bà thép" nổi tiếng về sự cứng rắn và linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Vấn đề Hương Cảng bắt đầu bàn từ đâu, bà ta đã có phương án sẵn.

Anh chiếm Hương Cảng[1] đã hơn 100 năm, trong đó có hai lần: sau đại chiến thứ hai và đầu thập kỷ 50, suýt bị lấy lại, nhưng đều đã qua khỏi được. Lần này, không thể tránh khỏi được may rủi. Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố: giải quyết vấn đề Đài Loan, thực hiện thống nhất Tổ quốc là một trong ba nhiệm vụ lớn trong thập kỷ 80, Hương Cảng tất nhiên cũng nằm trong số đó, chậm nhất không thể quá năm 1997. Vấn đề sẽ giải quyết như thế nào, người Anh rất muốn thăm dò tình hình để xác định đối sách. Tháng3-1979, toàn quyền Hương Cảng thăm Bắc Kinh, lần đầu tiên trao đổi với Đặng Tiểu Bình về vấn đề đó. Tháng 4-1981, Bộ trưởng ngoại giao Anh Calintơn thăm Trung Quốc, Đặng ngỏ ý cho ông ta biết: nếu địa vị của Hương Cảng sau này thay đổi, người đầu tư nước ngoài sẽ không bị tổn hại đến lợi ích. Nửa năm sau, khi Bắc Kinh tuyên bố

1. Hương Cảng, còn được phát âm là Hồng Kông.

9 nguyên tắc hòa bình thống nhất Đài Loan, trên thực tế là gián tiếp nói công khai về phương án tham khảo giải quyết vấn đề Hương Cảng. Tháng 4-1982, khi Đặng hội kiến với Thủ tướng tiền nhiệm của Anh, đã nói rõ 9 nguyên tắc giải quyết vấn đề Đài Loan cũng thích dụng đối với Hương Cảng.

Như vậy là người Anh đã rõ, toàn quyền Hương Cảng thậm chí còn cho rằng việc chuyển giao chủ quyền Hương Cảng chẳng qua chỉ là vấn đề thủ tục. Nữ thủ tướng Thátchơ vốn là người sành sỏi về các vấn đề quốc tế đương nhiên không coi vấn đề đơn giản như vậy. Nhưng, qua tiếp xúc có tính thăm dò, bà ta cho rằng đã nắm được lập trường của Trung Quốc: Trung Quốc quyết tâm thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng, nhưng không muốn thay đổi vai trò của Hương Cảng là một cảng tự do và một trung tâm buôn bán quốc tế. Mô hình "một quốc gia hai chế độ" là có ý tách riêng chính trị và kinh tế. Người Trung Quốc theo nguyên tắc tách riêng chính trị và kinh tế, đã tách biệt quyền sở hữu và quyền kinh doanh đối với xí nghiệp quốc doanh, thì ở Hương Cảng, nơi có tính chất địa khu, chủ quyền và quyền quản trị có thể tách riêng ra không? Chủ quyền của Hương Cảng xem ra không thể không trao trả, thái độ của Trung Quốc về vấn đề này rất rõ ràng và không nhượng bộ. Nhưng nếu nghĩ cách hướng sự suy nghĩ của người Trung Quốc về việc tách riêng hai quyền, thì nước Anh có thể có khả năng: sau khi trao trả chủ quyền của Hương Cảng, vẫn giữ được quyền quản trị trên thực tế.

Đương nhiên, bà thủ tướng biết rằng muốn làm như vậy cần phải có tiền đề lớn là giữ vững tính hợp pháp của

ba điều ước quốc tế về Hương Cảng đã ký kết trong lịch sử. "Điều ước Nam Kinh" năm 1842 và "Điều ước Bắc Kinh" năm 1860 đã quy định vĩnh viễn cắt nhượng cho Anh bán đảo Hương Cảng và mỏm phía nam bán đảo Cửu Long. "Điều khoản chuyên môn về địa giới khai thác Hương Cảng" năm 1898 lại cắt một mảnh đất lớn của bán đảo Cửu Long và hơn hai trăm đảo nhỏ xung quanh (gọi chung là Tân giới) cho nước Anh thuê trong 99 năm. Nếu cả ba điều ước vẫn còn hiệu lực, thì có nghĩa là, đến năm 1997, nước Anh đương nhiên sẽ trao trả Tân Giới cho Trung Quốc, nhưng vẫn giữ chủ quyền ở Hương Cảng, Cửu Long. Diện tích của Tân giới là 984,53 km^2 còn cả Hương Cảng, Cửu Long gộp lại chỉ có 91,49km^2. Nước Anh không có Tân Giới thì Hương Cảng, Cửu Long cũng không tồn tại được. Nhưng có thể mặc cả: Trung Quốc vốn rất coi trọng chủ quyền, vậy thì Anh sẽ trao trả chủ quyền của Hương Cảng, Cửu Long để đổi lấy quyền quản trị Tân Giới. Nếu được như vậy, thì đến kỳ hạn, toàn bộ chủ quyền ở khu vực Hương Cảng sẽ trao trả cho Trung Quốc, và Anh vẫn quản trị toàn bộ khu vực đó, tương đương như một xứ nửa thuộc địa, thì vẫn rất tốt đối với Anh.

Những người am hiểu tình hình còn biết rằng, lần này "người đàn bà thép" còn mang theo cả dư uy của chiến thắng Manvinát giữa Anh và Achentina để đến thảo luận vấn đề Hương Cảng. Trước khi đến Trung Quốc bà ta còn dõng dạc tuyên bố: "Ba điều ước liên quan đến Hương Cảng vẫn còn hiệu lực". Tư thế đó như tỏ rằng, cuộc hội đàm khẳng định sẽ đem tới kết quả có lợi.

Phía Trung Quốc đã chuẩn bị kỹ cho cuộc hội đàm. Đầu tiên, Thủ tướng Triệu Tử Dương đứng ra, chính thức thông báo cho phía Anh là Trung Quốc quyết định chính

thức thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng từ năm 1997, đồng thời nói rõ sau khi thu hồi sẽ thực hiện chính sách đặc biệt để tiếp tục bảo đảm phồn vinh cho Hương Cảng.

Người đàn bà thép vẫn kiên trì luận điểm cho rằng ba bản điều ước vẫn còn có hiệu lực, và đề xuất nếu Trung Quốc đồng ý sau 1997, Anh vẫn tiếp tục quản trị Hương Cảng, thì Anh sẽ xét yêu cầu đòi chủ quyền của Trung Quốc, làm như không phải là trả vật về cho chủ cũ, mà là ban cho Trung Quốc một ân huệ từng mơ ước, chỉ với một điều kiện nho nhỏ.

Đối với Trung Quốc, đây là một cuộc "trinh sát bằng hỏa lực" cần thiết. Cuộc hội đàm mang tính thực chất diễn ra vào hôm sau, tức ngày 24-9. Đối thủ của người đàn bà thép là một "công ty gang thép". Nói theo cách nói của tổng thống Mỹ Gioócgiơ Busơ thì "Khi hội kiến với người lãnh đạo nước ngoài, Đặng Tiểu Bình có một tài năng cao siêu là nắm vững tỷ lệ tối ưu giữa cứng rắn và linh hoạt".

Hôm đó, người đàn bà thép mặc bộ váy màu xanh pha chấm đỏ, đi giầy cao gót bằng da đen, tay xách chiếc túi đen, cổ đeo chuỗi hạt ngọc, tỏ ra rất cao sang quý phái, tư thế đường hoàng. Bà ta được báo cho biết, trước hết sẽ gặp gỡ Đặng Dĩnh Siêu tại phòng Tân Cương trong giây lát, sau đó sẽ đến phòng Phúc Kiến cạnh đó để hội đàm với Đặng Tiểu Bình.

Rất lạ là, khi bà ta ra khỏi phòng Tân Cương đi tới phòng Phúc Kiến, đi được nửa đường vẫn chưa thấy bóng dáng Đặng Tiểu Bình. Cửa phòng Phúc Kiến vẫn đóng kín, hoàn toàn khác với quang cảnh vừa rồi, Đặng Dĩnh Siêu đã đứng sẵn trước cửa chờ đón một cách tôn trọng. Các nhà báo chú ý phát hiện thấy, nữ thủ tướng tuy vẫn bước

khoan thai, nhưng nét mặt đã có vẻ băn khoăn nghi ngại: Tại sao vẫn chưa thấy chủ nhân ra đón?

Chủ nhân đã có ý định trước, không vội vàng ra đón nữ thủ tướng, cũng không tỏ ra quá lạnh nhạt với vị khách từ xa tới. Trong lúc người đàn bà thép đang nghi hoặc tiến cách cửa chừng hai mươi bước, cửa đột nhiên mở ra, Đặng Tiểu Bình tươi cười tiến lại nghênh tiếp, cùng khách bắt tay chào hỏi.

Cuối cùng đã gặp được nhân vật số 1 của Trung Quốc, người đàn bà thép nói: "Tôi là thủ tướng đương nhiệm đến thăm Trung Quốc, rất vui mừng được gặp Ngài".

Không ngờ, Đặng Tiểu Bình lại trả lời: "Vâng, tôi đã biết mấy thủ tướng nước Anh, nhưng những người đó đều đã không còn giữ chức. Hoan nghênh bà đến thăm!".

Đó vốn là một câu nói thực. Nhưng những người thích nghe và phỏng đoán suy diễn thì lại lấy đó làm chuyện cười. Cảm tưởng của người đàn bà thép lúc đó thế nào không ai được biết.

Sau vài câu thăm hỏi, đi vào vấn đề chính, các nhà báo được mời ra khỏi hội trường. Cuộc hội đàm diễn ra trong phòng kín nhưng trên khắp thế giới, người ta có thể theo dõi mọi chi tiết của cuộc hội đàm qua hình ảnh truyền trên vệ tinh, nghe được từng câu nói của hai nhân vật cỡ thế giới.

Người đàn bà thép ngồi nghiêm chỉnh, đã có phương án sẵn sàng, đưa ra con bài đã chuẩn bị sẵn, nhấn mạnh ba điều ước lịch sử, theo công pháp quốc tế vẫn có hiệu lực, sau năm 1997, nước Anh vẫn tiếp tục quản trị Hương Cảng.

Hương Cảng vốn là đất đai Trung Quốc, "cắt nhượng" và "cho thuê" đều là các điều ước bất bình đẳng mà chính sách pháo hạm đế quốc đã gán ghép cho Trung Quốc. Nước Anh đã dựa vào những điều ước đó để chiếm hữu Hương Cảng hơn 100 năm, bây giờ lại nói đến tính hợp pháp của điều ước, đó chẳng phải là thách thức chủ quyền của Trung Quốc sao? Đặng nói đanh thép: "Vấn đề chủ quyền không phải là vấn đề có thể thảo luận". "Hương Cảng là lãnh thổ Trung Quốc, chúng tôi nhất định sẽ thu hồi". Thời gian có thể định vào năm 1997, nhưng Đặng nhắc thủ tướng chớ nên hiểu lầm, đến lúc đó "Trung Quốc không chỉ thu hồi Tân Giới mà toàn bộ đảo Hương Cảng, Cửu Long".

Đã là đất đai của Trung Quốc, Trung Quốc có quyền thu hồi bất cứ lúc nào. Năm 1943, tại hội nghị Cairô, Tưởng Giới Thạch đã cùng Sớcsin và Rôdơven nghiêm túc thảo luận vấn đề trả lại Hương Cảng cho Trung Quốc. Sau khi Nhật đầu hàng, nước Anh đã chuẩn bị trả lại Hương Cảng cho Trung Quốc, sau vì có chiến tranh Quốc-Cộng nên tạm gác lại. Năm 1949, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đánh tới đảo Hải Nam, nhưng cuối cùng vẫn không vượt qua sông Thẩm Quyến. Từ đó đến hơn 30 năm sau, bất kỳ lúc nào Trung Quốc cũng có thể gây trở ngại cho Hương Cảng, nhưng trước sau chính phủ Trung Quốc không làm như vậy, ngược lại còn hết sức quan tâm đến sự phồn vinh ổn định của Hương Cảng. Từ 1962, Thủ tướng Chu Ân Lai thân tự phê chuẩn cho phép mỗi ngày có ba

chuyến tàu ra Hương Cảng, để bảo đảm cung cấp thực phẩm và rau quả cho Hương Cảng, ngay cả trong những năm có thiên tai cũng không hề gián đoạn. Trung Quốc luôn có ý giữ nguyên hiện trạng ở Hương Cảng vì sự tồn tại của Hương Cảng có lợi nhất định đối với Trung Quốc,

giúp Trung Quốc kiếm được ngoại tệ và quan sát ra thế giới. Mặt khác, là do lục địa Trung Quốc thường xuyên không ổn định, chưa tìm ra biện pháp vừa thu hồi được chủ quyền, lại bảo đảm cho Hương Cảng giữ được phồn vinh. Đặng nói là nhân dân Trung Quốc đã chờ đợi trong nhiều năm, đã chờ 33 năm rồi, nếu thêm 15 năm nữa là 48 năm, cộng với 100 năm trước kia là một thế kỷ rưỡi. Đủ thấy Trung Quốc đã nhẫn nại lắm rồi, mà người Anh còn chưa biết điều, lại đề ra yêu sách tiếp tục quản trị nữa!

Đặng đặc biệt nhắc tới việc, hiện nay thời cơ để Trung Quốc thu hồi Hương Cảng đã đến. Năm 1945, Chính phủ Quốc dân đảng ký điều ước cho Liên Xô thuê Đại Liên, Lữ Thuận trong 30 năm, kết quả đến năm 1950, chỉ mới có 5 năm, nhân dân Trung Quốc đã đứng lên thu hồi. Đặng nói, nếu đến 1997 vẫn chưa thu hồi Hương Cảng thì coi như chính phủ Trung Quốc cũng như chính phủ Mãn Thanh, những người lãnh đạo Trung Quốc cũng như Lý Hồng Chương, không người lãnh đạo và chính phủ nào có thể ăn nói với nhân dân Trung Quốc, thậm chí có thể ăn nói với nhân dân thế giới, cần phải rút khỏi vũ đài chính trị, chứ không có cách lựa chọn nào khác. Câu nói đó là để nhân dân Anh thông cảm với khó khăn của chính phủ Trung Quốc không xác đáng bằng để nhắc nhở người Anh rằng Chính phủ Trung Quốc ngày nay không yếu đuối như chính phủ Mãn Thanh, những người lãnh đạo Trung Quốc cũng không quỳ gối cầu hòa như Lý Hồng Chương nữa. Nước Anh mạnh hơn Liên Xô bao nhiêu mà mới cho Liên Xô thuê 5 năm Trung Quốc đã đòi lại, trong khi Trung Quốc cho Anh thuê đã 90 năm mà vẫn chưa thu hồi là vì sao?

Đặng gợi ý cho nữ thủ tướng Anh: Trung Quốc thu hồi chủ quyền Hương Cảng, cũng có lợi cho nước Anh, vì nó tỏ ra rằng chính phủ Anh hiện nay đã triệt để từ bỏ sự thống trị thực dân, sẽ được dư luận thế giới đánh giá tốt. Người đàn bà thép thấy rằng, Trung Quốc bằng lòng thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề Hương Cảng vẫn là muốn lưu thể diện cho nước Anh. Vì thời đại đế quốc đã qua rồi, thuộc địa trên thế giới chỉ còn lại có Hương Cảng và Áo Môn. Trung Quốc đòi thu hồi Hương Cảng, không ai có thể nói gì được. Muốn thu hồi, chỉ cần thông báo là đủ, thậm chí cũng không cần thông báo nữa. Giống như Ấn Độ thu hồi vùng Goa, cứ đưa quân đội vào là được. Ngày ngay, cùng ngồi đàm phán, đã là lịch sự lắm rồi, nước Anh còn đòi cò kè mặc cả gì nữa?

"Con bài chủ quyền" đã bị thua, người đàn bà thép liền chuyển qua nói chuyện lợi hại: Trung Quốc chẳng phải rất quan tâm đến chuyện phồn vinh của Hương Cảng đó sao? Nếu Trung Quốc thu hồi Hương Cảng, thì sẽ có hậu quả tai hại chứ không phải phồn vinh cho Hương Cảng. Điều đó sẽ không có lợi cho bốn hiện đại hóa của Trung Quốc!

Nói thực lòng, Đặng quyết định thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề Hương Cảng, một trong những mục đích là tiếp tục giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Dự tính đó bị người đàn bà thép nắm được. Nhưng Đặng nhắc nhở đối phương: Không thể nói rằng muốn giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng thì phải để Hương Cảng dưới sự quản trị của Anh. Sau khi thu hồi Hương Cảng, Trung Quốc sẽ tự có biện pháp tiếp tục giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Đó là một quốc gia hai chế độ, cho phép Hương Cảng giữ nguyên chế độ hiện hành ít nhất là 50 năm nữa.

Đặng nói thẳng thắn, triệt để: dù Hương Cảng có không giữ được phồn vinh như trước thì cũng không có ảnh hưởng lớn đến sự phồn vinh và bốn hiện đại của Trung Quốc. Đặng thừa nhận có thể có ảnh hưởng, nhưng người Anh nên biết rằng ảnh hưởng đó không lớn "Nếu Trung Quốc đặt sự thành công của bốn hiện đại hóa phụ thuộc vào sự phồn vinh của Hương Cảng, thì bản thân quyết sách đó là sai lầm".

Còn có gì có thể ngăn trở Trung Quốc thu hồi Hương Cảng nữa? "Nếu nói như bà Thủ tướng là thu hồi Hương Cảng sẽ đem lại tai nạn thì chúng tôi sẽ dũng cảm đương đầu với tai nạn đó". Đặng không giấu giếm rằng tiến hành trao đổi qua con đường ngoại giao là để tránh tai nạn đó, nhưng ông nói rõ với phía Anh rằng: Trung Quốc còn nghĩ tới một vấn đề mà mình không muốn làm, đó là nếu quả có người không muốn hợp tác, toan tạo nên sự hỗn loạn ở Hương Cảng, thì Trung Quốc không thể không suy xét lại về thời gian và phương thức thu hồi Hương Cảng.

Mở đầu, bà Thátchơ nêu lên đề mục đàm phán là vấn đề quy thuộc chủ quyền. Cuộc đàm phán diễn ra như vậy đã rất rõ là có lợi cho ai. Đavít Trương nói: "Nếu Bắc Kinh công nhận tính hợp pháp của ba điều ước đó, thì cuộc đàm phán ngoại giao sau đó, hai bên sẽ giữ lập trường hoàn toàn khác nhau".

Đặng khéo léo phân vấn đề mà đối phương đưa ra thành ba điểm: Một là, vấn đề chủ quyền. Hai là, từ sau năm 1997 sẽ quản lý thế nào. Ba là, thời kỳ quá độ sẽ sắp xếp ra sao. Những gì phải đàm phán, những gì không phải đàm phán, Đặng một lần nữa tỏ rõ "tài năng cao siêu trong việc nắm vững tỷ lệ tối ưu giữa cứng rắn và linh

hoạt" :"Vấn đề chủ quyền là không thể đàm phán, năm 1997 Trung Quốc sẽ thu hồi toàn bộ Hương Cảng. Còn phương pháp thu hồi như thế nào, chúng tôi quyết định đàm phán".

Đàm phán như vậy có ba điều lợi đối với Trung Quốc: 1) Hết sức tránh vì thu hồi chủ quyền mà gây ảnh hưởng xấu cho sự phồn vinh của Hương Cảng; 2) Tranh thủ sự hợp tác của Anh trong thời kỳ quá độ, có lợi cho việc giữ quan hệ bình thường với Anh sau khi thu hồi; 3) Đặt cơ sở cho việc giải quyết vấn đề Đài Loan.

Phía Anh có thể không có hứng thú về việc giải quyết cuộc đàm phán như vậy. Hương Cảng hiện nằm trong tay họ, ít nhất họ cũng có thể đối phó một cách tiêu cực. Tiếp đó, Đặng đưa ra thời gian biểu đàm phán: Không quá một, hai năm, Trung Quốc sẽ chính thức tuyên bố quyết định thu hồi Đài Loan. "Chúng tôi có thể đợi một hai năm sau sẽ tuyên bố, nhưng không thể kéo dài thời gian thêm nữa". Xem ra, nước Anh muốn dùng chiến thuật kéo dài thời gian cũng không được nữa.

Nếu đàm phán thuận lợi, cùng hợp tác tốt đẹp, Đặng tỏ ý sẽ suy xét đầy đủ tới lợi ích của Anh. Thời kỳ quá độ sẽ xếp sắp ra sao, Đặng muốn biết ý kiến của phía Anh. Sau năm 1997, người Anh có thể ở lại Hương Cảng với tính cách cố vấn, còn có thể được hưởng điều kiện tối huệ cho việc buôn bán và đầu tư.

Mọi điều kiện tốt xấu Đặng đều nói trước rõ ràng. Nếu hai bên Trung - Anh đàm phán không đi tới kết quả thì làm thế nào? Đặng đã nói rõ: Trung Quốc không thể không suy xét lại về thời gian và phương thức thu hồi Hương Cảng. Điều đó tất nhiên sẽ không có gì tốt đối với Anh.

Bên ngoài bình luận về lần hội đàm này: Bà Thátchơ thì đưa hết mọi đe dọa, còn Đặng Tiểu Bình thì dấu kim trong bông. Sau khi hội đàm, bà Thátchơ lặng lẽ ra khỏi cửa, nét mặt căng thẳng. Khi bà ta bước xuống thềm Đại hội đường nhân dân, chỉ còn một bậc nữa, vì không thận trọng để giầy cao gót vấp phải bậc đá, mất thăng bằng, ngã xoài xuống phía dưới, văng cả giầy và túi sang một bên. May mà chỗ đó đã là đất bằng, ngã không mạnh lắm, tả hữu vội chạy đến đỡ bà ta dậy.

Đặng đã đả phá lý luận về "sự hợp pháp của ba điều ước", giành quyền chủ động về mình, xác định được nội dung thảo luận về vấn đề Hương Cảng". Hai phía Trung-Anh tiếp tục trao đổi về vấn đề này qua con đường ngoại giao với tiền đề Trung Quốc sẽ thu hồi Hương Cảng vào năm 1997, bàn việc giải quyết vấn đề quá độ trong 15 năm và tình hình Hương Cảng sau năm 1997.

Người đàn bà thép đúng là thép, tuy trong hiệp đầu chịu lép, nhưng vẫn không ngừng biện luận về chủ quyền Hương Cảng. Trong nửa năm, cuộc đàm phán của hai bên không tiến triển, người đàn bà thép biết rằng đàm phán không tiến triển cũng không có lợi gì cho Anh. Đến tháng 3-1983, bà ta viết thư cho thủ tướng Trung Quốc, nói bà ta chuẩn bị đề nghị với quốc hội trao trả toàn bộ chủ quyền Hương Cảng cho Trung Quốc.

Ngày 13-7-1983, bà Thátchơ lại tới Trung Quốc, hai đoàn đại biểu bắt đầu hội đàm vòng đầu. Kế hoạch cũ dự định đàm phán trong hai năm, nay đã sắp hết 1 năm, Đặng đã có phần nôn nóng. Mong mỏi dùng chính sách "một quốc gia, hai chế độ", giải quyết vấn đề Đài Loan, nếu giải quyết vấn đề Hương Cảng đã khó thế này, thì làm

sao được. Đến khi vòng hội đàm thứ hai bắt đầu, Đặng chỉ thị cho đoàn đại biểu Trung Quốc: chỉ cho phép thành công, không cho phép thất bại.

Nhưng phía Anh vẫn kiên trì đòi sau năm 1997 vẫn quản trị Hương Cảng, chuyển chủ quyền thành trị quyền. Đến vòng đàm phán thứ tư vẫn không tiến triển. Tháng 9-1983, Đặng lại hội kiến cựu thủ tướng Anh, nói rõ Anh muốn đổi chủ quyền sang trị quyền là không thể được. Trung Quốc đòi thu hồi chủ quyền hoàn chỉnh,trị quyền là biểu hiện cụ thể của chủ quyền, không có trị quyền thì còn gọi là chủ quyền gì nữa? Trị quyền có thể trao cho người Hương Cảng chứ không thể trao cho người Anh. Nếu không như vậy thì không phải là một quốc gia hai chế độ mà biến thành "hai quốc gia hai chế độ" rồi. Đặng khuyên phía Anh thay đổi thái độ để tránh tình hình đến tháng 9-1994 Trung Quốc sẽ phải đơn phương công bố phương châm chính sách giải quyết vấn đề Hương Cảng. Đương nhiên, để cho hội đàm thành công, phía Trung Quốc cũng phải tỏ ra có tính linh hoạt tương ứng.

Phía Anh đành nhượng bộ, thừa nhận việc đàm phán cần đặt trên cơ sở sau năm 1997, toàn bộ chủ quyền ở Hương Cảng được trao trả Trung Quốc. Anh Quốc phải bỏ chủ trương ba điều ước vẫn còn hiệu lực thì không còn gì nhiều để mặc cả nữa. Từ vòng hội đàm thứ 7 vào tháng 12-1983, cuộc hội đàm bắt đầu đi vào quỹ đạo do Đặng thiết kế.

Hai năm đàm phán, tuy mất một năm sa lầy vào vấn đề chủ quyền, nhưng nhìn chung lại, do Đặng ngay từ đầu đã giữ vững nguyên tắc không thảo luận vấn đề chủ quyền, nên tiến trình đàm phán được khống chế rất tốt. Tháng 9-1984, vừa đúng hết kỳ hạn hai năm do Đặng quy

định. Trung-Anh đạt được tuyên bố chung, xác nhận từ 1-7-1997, Trung Quốc khôi phục chủ quyền ở Hương Cảng. Điều ước bất bình đẳng hơn 100 năm trước cuối cùng đã bị Đặng Tiểu Bình xoá bỏ.

6.5. ĐẶNG NÓI VỚI NGƯỜI ANH: CÁI GỌI LÀ "GHẾ BA CHÂN" TRƯỚC KIA, CHÚNG TÔI KHÔNG THỪA NHẬN. CHÚNG TÔI CHỈ THỪA NHẬN HAI CHÂN, KHÔNG CÓ BA CHÂN

Tháng 5-1984, Hương Cảng lập pháp, các nghị viện của Cục Hành Chính là Chung Sĩ Nguyên gồm 9 người sang Anh du thuyết, tại sân bay đã ra một bản tuyên bố mất thể diện. Chưa hết, Chung Sĩ Nguyên, Đặng Phùng Như, Lợi Quốc Vĩ lại cùng nhau đến thăm Bắc Kinh, làm ra vẻ "đại biểu cho dân".

Ngày 22-6, Đặng Tiểu Bình tiếp kiến ba vị nghị viên của hai viện tại Phòng Tứ Xuyên của Đại Hội Đường nhân dân. Trước khi hội đàm, không chụp ảnh lưu niệm với ba vị, cũng không bước ra ngoài bắt tay chào. Khi hội đàm, Đặng không nói chuyện phiếm với họ, cũng không nói lời khách khí, mà nói thẳng ngay: "Tôi hoan nghênh các ông đến Bắc Kinh với tư cách cá nhân. Nghe nói các ông có nhiều ý kiến, tôi muốn được nghe."

"Với tư cách cá nhân", Chung Sĩ Nguyên thấy cách nói có ý riêng, vội nói rõ ba người họ là nghị viên của hai viện hành chính, lập pháp Hương cảng, không phải là quan chức lần đầu tới thăm quan Bắc Kinh. Khi nói tới "không phải là quan chức", Chung tỏ ý nhấn mạnh, họ không phải là đại diện của chính quyền Hương Cảng.

Đặng khẳng định ba người họ "đến thăm quan Bắc Kinh", lợi dụng dịp này để tìm hiểu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, tìm hiểu dân tộc Trung Hoa là rất tốt. Sau đó, ông nói thẳng: Trong cuộc đi Luân Đôn mới đây của các ông, chúng tôi đều hiểu rõ tình hình. Các ông có thể nói những gì các ông muốn, nhưng tôi cần nói một câu: Phương châm, lập trường và chính sách của Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là kiên định không thay đổi, dù có bao nhiêu người hiểu rõ và tán đồng lập trường đó, chúng tội tin rằng nó phù hợp với lợi ích của 5 triệu dân Hương Cảng. Chúng tôi đã nghe thấy những ý kiến khác nhau của những người có quan điểm khác nhau nhưng chúng tôi không cho rằng những ý kiến đó là đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân Hương Cảng. Các ông đã rõ cuộc đàm phán Trung-Anh. Cuộc đàm phán Trung-Anh, chúng tôi sẽ giải quyết với nước Anh, không thể có ai can thiệp. Cái gọi là "ghế ba chân" trước kia, chúng tôi không thừa nhận, chúng tôi chỉ thừa nhận hai chân, không có ba chân.

Đặng Tiểu Bình nhiều lần nói, biện pháp giải quyết vấn đề Hương Cảng phải làm sao để cả ba bên Anh, Trung Quốc và Hương Cảng đều có thể tiếp thu. Phía Anh nắm lấy câu đó, nhiều lần đề xuất cần để các quan chức trong chính quyền Hương Cảng tham gia cuộc đàm phán giữa hai nước Trung-Anh. Chính quyền và nhân dân Hương Cảng cũng có người hưởng ứng. Người Hương Cảng gọi đề xuất đó của Anh là trò chơi "ghế ba chân".

"Ghế ba chân" có lợi cho ai là điều rất rõ ràng. Nước Anh quản lý Hương Cảng hơn 100 năm, cho đến trước 1-7-1997, Hương Cảng vẫn còn thuộc quyền họ, chính quyền Hương cảng phải nghe theo lệnh của mẫu quốc thực dân.

Với ưu thế đó, nước Anh hoàn toàn có thể chọn những người trung thành với họ trong chính quyền và nhân dân Hương Cảng. Họ tự cho mình là đại biểu của nhân dân Hương Cảng, nhưng thực tế sẽ đứng về phía Anh. Nếu cho phép người Hương Cảng tham gia đàm phán, dù với tư cách bên thứ ba hay với tư cách một bộ phận của đoàn Anh, cũng đều làm tăng thêm sức nặng cho đoàn Anh, hình thành cục diện "hai chọi một" bất lợi cho Trung Quốc, khiến Anh có nhiều cơ hội và quyền lực để cò kè mặc cả với Trung Quốc.

Người Trung Quốc tỉnh táo không thể bị mắc lừa. Ngay từ vòng đàm phán Trung-Anh lần thứ hai, toàn quyền Hương Cảng đã hăng hái tình nguyện tham gia đàm phán thay mặt nhân dân Hương Cảng. Trung Quốc từ chối, không chấp nhận yêu cầu đó. Tháng 4-1992, hai nước Trung-Anh bàn bạc về vấn đề bầu cử năm 1994, 1995 ở Hương Cảng, phía Anh lại đề xuất, cần cử một đoàn đại biểu do đại sứ Anh ở Trung Quốc cầm đầu, gồm ba quan chức chính quyền Hương Cảng và một quan chức ngoại giao Anh làm thành viên cùng tham gia hội đàm, và yêu cầu phía Trung Quốc xác nhận những quan chức của Anh và của Hương Cảng không khác gì nhau. Phía Trung Quốc đòi phải phân biệt: chỉ cho phép quan chức Hương Cảng tham gia với tư cách cố vấn hoặc chuyên gia mà thôi.

Về thời kỳ quá độ, toàn quyền Anh đưa ra "phương án cải cách chính trị", càng cao giọng chơi trò "ghế ba chân". Khi phía Trung Quốc không tiếp thu, nhà đương cục Anh ở Hương Cảng đưa ra trò "trưng cầu dân ý" toàn dân Hương Cảng về "phương án cải cách chính trị", và đe dọa sẽ đưa ra Viện lập pháp thông qua. Trung Quốc cho rằng vấn đề

thứ nhất là cho một số người ở khu vực nhỏ quyết định về một vấn đề có tính toàn quốc (tức chủ quyền của Trung Quốc), vấn đề thứ hai là cho Cục lập pháp địa phương Hương Cảng đè lên trên cuộc hội đàm của hai nước Trung-Anh. Lý lẽ rất giản đơn: căn cứ hiệp nghị Trung-Anh, vấn đề Hương Cảng trước năm 1997 là việc của hai nước Trung-Anh, chính quyền Hương Cảng chẳng qua chỉ là một chính quyền thực dân địa phương, chỉ có trách nhiệm chấp hành hiệp nghị giữa hai nước, không thể có địa vị ngang hàng với hai nước chủ quyền, nhúng tay vào cuộc đàm phán cấp chính phủ giữa hai nước.

Gạt chính quyền và nhân dân Hương Cảng sang một bên không có nghĩa là không tôn trọng phía Hương Cảng, phủ nhận sự tồn tại của cái chân đó, mà là để giành lấy "con bài dân ý" của Anh, hạn chế vấn đề Hương Cảng trong quan hệ ngoại giao Trung-Anh. Với vấn đề Đài Loan, Đặng nhấn mạnh nhất định không để nước ngoài nhúng tay vào, khi đã nhúng tay vào thì vấn đề sẽ trở nên phức tạp, sức nặng của phía Đài Loan sẽ tăng lên. Vấn đề Hương Cảng ngược lại, không thể để cho người Hương Cảng nhúng vào, nhúng vào thì lại gây phức tạp, làm tăng thêm sức nặng cho phía Anh. Hai nước Trung-Anh cùng thảo luận vấn đề Hương Cảng trong phạm vi ngoại giao thì Anh không có bao nhiêu đề tài để mặc cả. Nếu họ gây khó khăn, thái độ quá cứng rắn họ sẽ đứng trước mối nguy làm tan vỡ quan hệ bình thường giữa hai nước. Người Anh vốn giỏi tính lợi hại, sẽ phải nghĩ rằng: chỉ vì vấn đề Hương Cảng mà làm hỏng quan hệ với một nước Trung Quốc lớn như vậy, có thị trường rộng rãi như vậy thì có lợi

gì. Các nhà chính trị của Đảng Bảo thủ Anh nói chung sẽ không lựa chọn con đường đó. Mặc cả thì vẫn cứ mặc cả, nhưng phải lấy quan hệ giữa hai nước làm giới hạn, vì vậy, cuối cùng họ sẽ phải nhượng bộ. Còn đối với "chân" còn lại là Hương Cảng thì sẽ giải quyết ra sao, Chính phủ Bắc Kinh sẽ dùng phương thức khác để nói chuyện với họ, để họ phát huy tác dụng cần có. Điều đó không liên quan gì tới nước Anh, mà là việc nội chính của Trung Quốc.

Ngày 22-3-1993, khi trả lời trên vô tuyến truyền hình, toàn quyền Anh tuyên bố sẽ trao trách nhiệm quản trị Hương Cảng cho người Hương Cảng. Lời nói đó thoạt nghe có vẻ tốt: Người Hương Cảng cai trị người Hương Cảng mà! Nhưng người Hương Cảng là những ai? Hương Cảng là một xã hội đa dạng, mỗi người một khác, trong đó không loại trừ có những phần tử thân Anh. Đặng hy vọng có thể "chọn được những người tốt trong đó để quản lý Hương Cảng". Vì vậy, ông tích cực ủng hộ người Hương Cảng tham gia quản lý cùng với chính quyền Hương Cảng trong thời kỳ quá độ, chọn những nhân sĩ có tiếng ở Hương Cảng mời vào Đoàn Chủ tịch Hội hiệp thương chính trị (Tổ chức Mặt trận thống nhất của Trung Quốc-ND) và Quốc hội, mời các nhà báo Hương Cảng đến thăm Bắc Kinh, mời các đoàn đại biểu Hương Cảng đến thăm Bắc Kinh dự lễ quốc khánh, đi thăm các địa phương ở Trung Quốc, ủng hộ họ đầu tư vào đại lục, ca ngợi hành động yêu nước của họ, cùng họ trò chuyện, chụp ảnh kỷ niệm... Tất cả những việc làm đó là để cho "cái chân thứ ba" đứng về phía Trung Quốc trong cuộc đọ sức Trung-Anh, đồng thời chuẩn bị cho công việc sau năm 1997.

6.6. NGƯỜI HƯƠNG CẢNG QUẢN TRỊ HƯƠNG CẢNG, TRƯỚC HẾT LOẠI TRỪ VIỆC NGƯỜI ANH TIẾP TỤC QUẢN TRỊ HƯƠNG CẢNG

Đường hướng chỉnh thể để Đặng Tiểu Bình giải quyết vấn đề Hương Cảng là căn cứ trên hai điểm: thu hồi chủ quyền, giữ gìn phồn vinh.

Quyền quản trị là biểu hiện cụ thể của chủ quyền. Sau khi thu hồi chủ quyền, quyền quản trị trao cho ai? Nếu trao cho người Anh hoặc bất kỳ người nước ngoài nào khác thì mâu thuẫn với nguyên tắc chủ quyền của Trung Quốc. Nếu Bắc Kinh cử người đến tiếp quản thì không có lợi cho sự phồn vinh và ổn định. Kết luận chỉ có thể là "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng".

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng trước hết loại trừ việc người Anh tiếp tục quản trị Hương Cảng.

Thế nào là người Hương Cảng? Chủ yếu là "Người Trung Quốc ở Hương Cảng", nhưng cũng không loại trừ người nước ngoài kể cả người Anh. Huyết thống không thay đổi được, nhưng quốc tịch có thể thay đổi. Những người có quốc tịch Anh hoặc quốc tịch khác, nếu có được tư cách là cư dân Hương Cảng thì có thể tham dự việc người Hương Cảng quản trị Hương Cảng. Họ chiếm tỷ lệ bao nhiêu ở Hương Cảng là thứ yếu, nhưng tham dự đến mức nào lại cần được nghiên cứu kỹ. Phía Anh yêu cầu những quan chức nước ngoài có chứng minh thư Hương Cảng đều có thể đảm nhiệm "là viên chức, thậm chí quan chức cao

nhất trong hệ thống chính quyền". Ai cũng biết rằng, chứng minh thư Hương Cảng trước năm 1997 thì phía Anh rất dễ dàng tạo ra. Phía Trung Quốc đưa ra một hạn chế, chỉ cho phép họ làm cố vấn hoặc một số ngành trong chính quyền "cao nhất là cấp phó ty" mà thôi. Cố vấn thì không có quyền lực hoặc chỉ có quyền kiến nghị, không có quyền quyết định. Ty là một cấp dưới bộ, chính quyền hành chính đặc biệt của Hương Cảng trực thuộc chính phủ trung ương, tương đương với cấp bộ, cấp ty là dưới bộ, lại thêm chữ "phó" nữa, chính là tương đương với nhiều thủ lĩnh đảng phái dân chủ và nhân sĩ dân chủ ngoài đảng đã từng giữ chức thời kỳ đầu lập nước. Máu đào tất nhiên là hơn nước lã, nếu để người nước ngoài đảm nhiệm quan chức cao nhất có thể sẽ tác động đến tình hình Hương Cảng, có thể gây nên hiện tượng khách đoạt quyền chủ, làm cho người Hương Cảng quản trị Hương Cảng biến thành người Anh hoặc người nước ngoài quản trị Hương Cảng, làm yếu chủ quyền của Trung Quốc. Người Anh hoặc người nước ngoài tham dự việc người Hương Cảng quản trị Hương Cảng, cần phải ghi nhận rằng tư cách chính trị của họ khác với trước kia, không còn là quan chức của nước mẹ phái đến, mà là cố vấn hoặc người được thuê do chính phủ Trung Quốc mời đến. Nước Anh là một nước ngoài, có thể phái lãnh sự đến Hương Cảng cũng như các nước khác, còn lại cơ cấu vượt khuôn khổ như kiểu "chuyên viên của nước Anh" thì không thể chấp nhận được. Người Hương Cảng sống nhiều năm dưới sự thống trị thực dân của Anh, bỗng nhiên thấy mình được làm chủ, lúc đầu chưa đủ tự tin. Đặng khuyến khích họ: "Cần phải tin rằng người Trung Quốc ở Hương Cảng có

thể quản trị tốt Hương Cảng". Nếu không đủ năng lực, có thể xin chính phủ trung ương giúp đỡ, có điều "không thể tiếp tục để người nước ngoài thống trị"[1].

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng cũng loại trừ việc Bắc Kinh cử người đến tiếp quản.

Đặng công khai tuyên bố: "Bắc Kinh ngoài việc cử quân đội tới, không cử cán bộ tham gia vào chính quyền đặc khu... cử quân đội là để duy trì sự an toàn cho đất nước, mà không phải để can dự vào công việc nội bộ của Hương Cảng"[2] xưa nay, sau khi đường lối chính trị đã được xác định, cán bộ là nhân tố quyết định. Đảng Cộng sản có thể thực hiện sự lãnh đạo trên đất nước rộng lớn như vậy, điều then chốt là nhờ có một đội ngũ cán bộ đông đảo, và đội ngũ đó do các cấp lãnh đạo đảng từ trên xuống dưới nắm vững. Tương lai, không cử cán bộ đến Hương Cảng, không có hệ thống tổ chức đảng, đúng là một đặc điểm khác biệt lớn giữa khu vực hành chính đặc biệt Hương Cảng với các tỉnh, thậm chí với các khu tự trị. Sở dĩ làm như vậy là để giữ sự phồn vinh cho Hương Cảng. Sự thành công về kinh tế trước kia của Hương Cảng là do nó là một cảng tự do. Vì vậy, Hương Cảng tương lai muốn tiếp tục thành công trong cuộc cạnh tranh kinh tế giữ được địa vị là trung tâm đứng hàng thứ ba thế giới về tài chính và mậu dịch, để tạo thuận lợi cho công cuộc cải cách và mở cửa của đại lục, thì không thể bị sự gò bó nghiêm ngặt của chính phủ Trung ương, mà cần có quyền tự trị địa phương ở mức cao.

1, 2.Đặng tuyển. Quyển III, tr. 60-61, 58.

Nhưng phồn vinh không làm nguy hại cho ổn định, không thể đi tới chỗ khiến chính phủ trung ương không khống chế được. Điều này có liên quan tới việc trong tương lai, giữa chính phủ trung ương và đặc khu có sự phân chia quyền lực sao cho thỏa đáng. Do đó, Đặng đã tự mình lãnh đạo việc hoạch định bộ luật cơ bản cho Hương Cảng:

Hương cảng có thể tiếp tục duy trì kết cấu kinh tế đặc biệt cùng với chế độ xã hội, lối sống và mức sống của mình bao gồm quyền sở hữu tài sản, quyền tự do ngôn luận, quyền di chuyển cư trú, quyền lập hội, tín ngưỡng tôn giáo và quyền bãi công như hiện nay. Những quyền đó đều được pháp luật bảo vệ.

Tài chính độc lập: Giấy bạc vẫn do Ngân hàng Hội Phong phát hành, không phụ thuộc vào Nhân dân tệ, ngược lại vẫn giữ liên hệ với tiền tệ quốc tế, được tự do chuyển đổi: không bị quản chế về ngoại hối, tự do chuyển vốn ra vào; giữ nguyên thể chế ngoại thương; không phải đóng góp quỹ quốc phòng... Tóm lại, tiếp tục giữ Hương Cảng là một cảng tự do, khu độc lập về thuế quan và trung tâm tài chính.

Hương Cảng có thể có quyền đối ngoại thích đáng, có thể đơn độc phát triển quan hệ đối ngoại, nhưng chỉ là quan hệ kinh tế, văn hóa. Chính quyền Hương Cảng có thể gia nhập các tổ chức quốc tế hữu quan, thậm chí tham gia các điều ước quốc tệ, còn có thể phái đại biểu thường trú về mậu dịch và bộ máy đại lý kinh tế ở các nước khác. Nhưng khi Hương Cảng ký kết hiệp nghị với các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế, cần sử dụng tên "Hương Cảng Trung Quốc". Hương Cảng ngoài việc treo quốc kỳ và quốc huy của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, còn có thể

treo cờ và huy hiệu của khu hành chính đặc biệt, để tiện cho việc giữ gìn và phát triển quan hệ mậu dịch quốc tế với tư cách độc lập.

Chính phủ Trung ương có quyền cử quân đội ra đóng tại Hương Cảng, nhưng quân đồn trú chỉ phụ trách việc an toàn quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của Hương Cảng. Việc trị an xã hội của Hương Cảng do chính quyền địa phương tổ chức ra cảnh sát để giữ gìn. Chính quyền địa phương không được giữ lại lực lượng vũ trang hiện nay (quân Anh), càng không được mua vũ khí của nước ngoài. Nhưng lực lượng cảnh sát và bảo an cũ (các đoàn đội ở Hương Cảng) thì có thể giữ lại.

Như vậy, ngoài việc ngoại giao và quốc phòng do chính phủ Trung ương quản lý, Hương Cảng có quyền tự trị cao độ.

Sau khi chủ trương "lấy chủ quyền đổi lấy trị quyền" của Anh bị thất bại, họ muốn kiếm chuyện trong quyền tự trị của Hương Cảng, nên tỏ ra không hài lòng với "tự trị cao độ" mà muốn gọi là "tự trị với mức độ lớn nhất". Rõ ràng, mức độ tự trị của Hương Cảng với chính phủ Trung ương càng cao thì càng có lợi cho Anh là người nước ngoài. Cái gọi là "tự trị với mức độ lớn nhất" rõ ràng là phản đối đặc khu Hương Cảng trực thuộc chính phủ trung ương, khiến nó biến thành một thực thể chính trị độc lập hoặc nửa độc lập. Như vậy, nước Anh có thể lợi dụng cơ sở của họ ở Hương Cảng để phân hưởng một phần quyền quản trị, làm cho tình hình "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng" bị bớt xén.

Đặng Tiểu Bình đồng ý "tự trị cao độ" nhưng phản đối "hoàn toàn tự trị", vì tự trị bao giờ cũng là tương đối, có

giới hạn. "Tự trị hoàn toàn" thì sẽ trở thành một thực tế chính trị độc lập. "hai chế độ" mà không phải trong "một quốc gia" nữa.

Quyền "tự trị cao độ" có giới hạn là có tính co giãn. chế độ pháp luật hiện hành cơ bản không thay đổi, chứ không phải hoàn toàn không thay đổi. "Cơ bản" tức là rất có tính co giãn, vừa thay đổi vừa không thay đổi, trong sự không thay đổi lại có sự thay đổi. Thay đổi nhiều hay ít, thay đổi như thế nào là tùy thuộc vào tình hình chính trị và hoàn cảnh điều kiện sau này.

Hương Cảng có cơ quan tư pháp độc lập, ít nhất là có tòa án hai cấp. Quyền chung thẩm cần thiết theo trình tự pháp luật có thể không cần đưa lên Bắc Kinh, điều này hầu như không khác với các tỉnh và thành phố khác. Trong quốc hội toàn quốc sẽ có khoảng 50 đại biểu Hương Cảng, trực tiếp thay mặt cho Hương Cảng. Còn ở Hương Cảng, có thể có tổ chức giống như Đại hội đại biểu nhân dân, đóng vai trò cơ quan quyền lực và cơ quan lập pháp tối cao của Hương Cảng. Nó có quyền căn cứ vào luật cơ bản về Hương Cảng do Quốc hội toàn quốc ban bố để định ra pháp luật địa phương, và Quốc hội toàn quốc cũng căn cứ vào luật cơ bản về Hương Cảng để giải thích pháp luật địa phương của Hương Cảng. Như vậy, sau 1997, trên thực tế, Hương Cảng chỉ tự trị dưới sự lãnh đạo của cơ quan lập pháp Trung ương, không có sự lãnh đạo của đảng, cũng không có sự can dự của cơ quan hành chính cấp trên. Quan hệ về quyền lực giữa trung ương và địa phương dựa trên luật cơ bản nhưng luật cơ bản phải phục tùng hiến pháp. Theo quy định trong điều 89 của hiến pháp, Quốc Vụ viện có quyền hủy bỏ những quyết định, và phủ định không

thích hợp của cơ quan quyền lực các cấp. Đó, là giới hạn trên của quyền "tự trị cao độ".

Vì "tự trị cao độ" là có giới hạn nên sự can dự của chính phủ trung ương không thể nhất luật loại trừ.

Đặng ra sức bác bỏ cách nhìn nhận cho rằng "việc ở Hương Cảng hoàn toàn do người Hương Cảng quản lý, trung ương không hề quản lý gì thì mọi việc sẽ yên". Ông nói: "Trung ương không can dự vào những công việc cụ thể của khu hành chính đặc biệt, cũng không cần thiết phải can dự. Nhưng khu hành chính đặc biệt có thể có những việc gây nguy hại cho lợi ích quốc gia không?" (chẳng lẽ không thể có sao? Lúc đó, Bắc Kinh có cần hỏi han tới không?). Nếu Trung ương từ bỏ mọi quyền lực, thì sẽ xuất hiện hỗn loạn, thậm chí động loạn. Nếu xảy ra động loạn, chính phủ trung ương sẽ phải can dự. Dẹp loạn để đưa lại trị an, việc can dự như thế cần được hoan nghênh chứ không nên cự tuyệt".

Đặng khuyến cáo các nhân sĩ Hương Cảng lo ngại việc can dự: Mọi người hãy thử bình tâm suy nghĩ, Hương Cảng có lúc nào có thể xuất hiện tình hình nếu không có sự can dự của Bắc Kinh thì không thể giải quyết được không? Trước kia Hương Cảng nếu xảy ra vấn đề gì đã có nước Anh đứng ra! Nhất định sẽ có một số việc nếu không có Trung ương thì Hương Cảng không thể giải quyết được. Thí dụ sau năm 1997, Hương Cảng có người chửi rủa Đảng Cộng sản Trung Quốc, chửi rủa Trung Quốc, chúng tôi còn có thể để họ chửi, nhưng nếu biến thành hành động, muốn biến Hương Cảng thành một căn cứ mang chiêu bài "dân chủ" để chống đại lục, thì sẽ làm thế nào? Như vậy, không thể không can dự.

Đối tượng can dự là với những việc gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, bao gồm lợi ích của bản thân Hương Cảng. Còn việc can dự do chính phủ địa phương quyết định và tiến hành trong phạm vi tự trị, thì không gọi là can dự của trung ương. Những việc can dự của trung ương có thể tiến hành theo trình tự sau:

1. Phát sinh một sự kiện, Trung ương và địa phương có cách đánh giá khác nhau, địa phương cho rằng không cần thiết phải can dự, Trung ương cảm thấy cần phải can dự. Như vậy, Trung ương sẽ thông qua phương pháp hành chính hoặc pháp luật ra lệnh cho địa phương can dự, và chính quyền địa phương nghe theo. Đó là loại can dự gián tiếp bằng pháp luật.

2. Nếu địa phương chống lại lệnh của trung ương, không chịu can dự, thì lúc đó chính phủ trung ương phải trực tiếp đứng ra can dự, thí dụ phái người ra đốc thúc địa phương, trực tiếp truyền đạt mệnh lệnh can dự.

3. Nếu thủ đoạn pháp luật không thu được hiệu quả, chỉ huy bằng hành chính không được, có nguy cơ xảy ra mất điều khiển giữa trung ương với địa phương, thì trung ương sẽ dùng quân đồn trú tiến hành can dự bằng vũ trang cho tới khi dẹp yên sự kiện, sau đó sẽ có thay đổi về nhân sự và điều chỉnh về chính sách.

Những điều đó là đưa ra những hạn định về quyền tự trị cao độ trên thực tế.

Sự can dự và hệ thống khống chế mà Đặng thiết kế, bao gồm ba cấp độ dưới đây:

1) Sự ước thúc về pháp luật: Đặc khu chịu sự ước thúc của luật cơ bản, đặc biệt thế nào cũng không ra ngoài luật

cơ bản, mà luật cơ bản lại bị hiến pháp quốc gia chi phối, có quyền điều chỉnh, sửa đổi.

2) Can dự về hành chính. Xét tới tính đặc thù của đặc khu, Bắc Kinh không cử cán bộ, không có các tổ chức đảng đoàn địa phương giữ tác dụng chiến đấu, phạm vi và hiệu quả của can dự hành chính tất có hạn và phần nhiều là phối hợp với thủ đoạn pháp luật.

3)Uy hiếp và can dự bằng quân sự. Chủ yếu là uy hiếp, tức là vào thời bình, quân đồn trú tuy không huy động, nhưng vẫn có tác dụng tăng cường rất lớn đối với pháp luật và hành chính, do đó giảm khả năng phải động binh. Nhưng trong tình hình can dự bằng pháp luật và hành chính đều không có kết quả, thì không thể không sử dụng biện pháp quân sự.

Có thể khẳng định, nếu không phải là vạn bất đắc dĩ thì không huy động quân đồn trú. "Chỉ khi phát sinh động loạn, đại động loạn thì mới huy động quân đồn trú"[1]. Huy động quân đội có thể tạo nên uy hiếp nghiêm trọng đối với mô thức một quốc gia hai chế độ. Muốn hết sức tránh hình thức cực đoan là huy động quân đội, đạt tới mục đích trị an lâu dài mà không dùng tới quân đội, thì ngoài sự ước thúc về pháp luật, kế sách căn bản vẫn là chọn lựa người về mặt chính trị.

"Do người Hương Cảng chọn ra những người quản lý Hương Cảng, được chính phủ trung ương uỷ nhiệm, mà không phải do Bắc Kinh cử đến." Như vậy, khiến việc chọn người trở nên vô cùng quan trọng, mà cần có nghệ thuật cao nữa.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 221.

Hương Cảng không có cán bộ do trung ương trực tiếp cử đến, càng không có tổ chức đảng đoàn địa phương, để người Hương Cảng tự trị. Nhưng người Hương Cảng khó có thể nhất trí với trung ương về mọi mặt, thậm chí còn tồn tại thế lực thân Anh chống Trung Quốc. Nếu không nhất trí với Trung ương về nguyên tắc lớn, thì sẽ có mối nguy mất điều khiển, quyền lực ở Hương Cảng rơi vào tay những phần tử chống Trung Quốc thì sẽ khó giải quyết. Do đó, "người Hương Cảng quản trị Hương Cảng có giới tuyến và tiêu chuẩn"[1].

Giới tuyến, đương nhiên không phải là đường lối giai cấp, mà là mặt trận thống nhất yêu nước "Cần phải do người Hương Cảng yêu nước làm chủ để quản trị Hương Cảng"[2].

Thế nào là người yêu nước? Đặng định ra tiêu chuẩn là: "Tôn trọng dân tộc mình, thành tâm thành ý ủng hộ việc Tổ quốc khôi phục và sử dụng chủ quyền ở Hương Cảng, không gây tổn hại cho sự phồn vinh và ổn định của Hương Cảng.Chỉ cần những điều kiện đó, còn thì dù họ có tin theo chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phong kiến hoặc thậm chí chế độ nô lệ, vẫn đều là người yêu nước." Đặng rõ ràng loại bỏ tiêu chuẩn tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, "chúng ta không yêu cầu họ đều tán thành chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc, chỉ yêu cầu họ yêu Tổ quốc, yêu Hương Cảng"[3].

Yêu nước, yêu Hương Cảng, nói cụ thể là không làm những việc gây tổn hại cho lợi ích của Tổ quốc và đồng bào

---

1, 2 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 61.

Hương Cảng. Cụ thể hơn nữa, là không đòi độc lập với trung ương.

"Thành phần chủ yếu của chính quyền đặc khu Hương Cảng tương lai là những người yêu nước, đương nhiên cũng cần dung nạp những người khác, còn có thể mời người nước ngoài làm cố vấn". Đặng không chủ trương chỉ gồm toàn một loại người.

Người yêu nước cũng có tả, trung, hữu, "chọn lựa người, phe tả đương nhiên cần có, nhưng cần ít, phe hữu cũng cần có, tốt nhất là chọn nhiều người trung gian"[1].

Hữu đến mức độ nào? Có thể chửi Đảng Cộng sản, nhưng về hành động không được gây hỗn loạn. Đó là giới hạn dưới.

Tả, trung, hữu đều cần có, nhưng khác với chính quyền tam tam chế thời kỳ kháng chiến. Đặng chủ trương hai đầu nhỏ, khúc giữa lớn. "Như vậy, tâm tình của mọi phía mới thoải mái". Đồng thời có thể bảo đảm "lấy người yêu nước Hương Cảng làm chủ thể để quản trị Hương Cảng".

Đặng tin rằng, chỉ cần "chọn được những nhân vật tốt để quản lý Hương Cảng, thì không sợ loạn, có thể phòng được loạn. Dù có loạn cũng không thể lớn và dễ giải quyết"[2].

Nhân sĩ Hương Cảng có một nỗi lo là Hương Cảng có rất nhiều nhân tài về buôn bán; nhưng về chính trị thì vẫn ở giai đoạn ấu trĩ, không có nhân tài; cần phải qua một thời gian rèn luyện mới có được chính đảng và nhân tài

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr.74, 75.

chính trị thành thục. Như vậy, trong một giai đoạn, không tránh khỏi cần được trung ương nâng đỡ và bồi dưỡng.

Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng dựa trên mô thức thiết kế của Đặng cuối cùng cần được đưa vào vận dụng trong thực tiễn. Mong muốn Hương Cảng sẽ sản sinh ra được những nhân vật chính trị: vừa có lòng yêu nước vững vàng, đồng thời nắm vững nghệ thuật giải quyết mối quan hệ giữa Hương Cảng với Bắc Kinh, khéo léo sử dụng đầy đủ quyền tự trị trong phạm vi cho phép để giải quyết tốt mọi công việc ở Hương Cảng vì quyền lợi của người dân Hương Cảng. Những người chỉ biết đến Bắc Kinh, không xét tới lợi ích của người Hương Cảng cũng như những người chỉ biết làm theo ý mình, không đếm xỉa đến mệnh lệnh của trung ương, đều không thích hợp với nhiệm vụ này.

6.7. ĐÃ LÀ LÃNH THỔ TRUNG QUỐC, THÌ TẠI SAO KHÔNG ĐƯỢC ĐÓNG QUÂN?

Súng đẻ ra chính quyền, quân đội xưa nay vẫn là nhân tố quyết định trị, loạn, phân, hợp trong xã hội Trung Quốc, tất nhiên cũng là vấn đề nhạy cảm nhất trong đại kế thống nhất của Đặng Tiểu Bình.

Trong 9 điều về hoà bình thống nhất Đài Loan có một nội dung đáng chú ý: sau khi thống nhất, Đài Loan có thể giữ nguyên quân đội của mình. Như thế có nghĩa là, tương lai, chính phủ trung ương ở đại lục sẽ không phái quân đội ra Đài Loan, những việc do quân đội cần làm ở Đài Loan sẽ do quân đội ở đó đảm nhiệm. Đặng đưa ra lời hứa đó là đã suy xét đầy đủ về tình hình thực tế của Đài Loan. Rút

bài học lịch sử về hòa đàm Quốc - Cộng trong thập kỷ 40, nhà đương cục Đài Loan tuyệt đối không thể đồng ý cho động tới quân đội của họ trên bàn hoà đàm, mà phái quân đội ra Đài Loan không khác gì tuyên chiến với Đài Loan, sẽ không có khả năng hòa bình thống nhất nữa.

Nhưng thiết kế đó trước hết lại được khảo nghiệm ở Hương Cảng: nếu mô thức thống nhất Đài Loan cũng thích dụng với Hương Cảng, thì Đài Loan không đóng quân, Hương Cảng có cần đóng quân không?

Người Anh hiểu rất rõ sức nặng của quân đội trong nền chính trị Trung Quốc, nên trong khi hội đàm, nhiều lần nêu ra yêu cầu Trung Quốc hứa là sẽ không mang quân đội ra đóng tại Hương Cảng. Nhưng yêu cầu đó xung đột với nguyên tắc chủ quyền của Trung Quốc. Theo lý lẽ thông thường của chính trị học, một quốc gia có chủ quyền đều có quyền quản hạt không ai thay thế được đối với mọi người, vật và sự việc trong lãnh thổ của mình, bao gồm việc đóng quân. Sau năm 1997, Trung Quốc thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng, đóng quân hay không đóng quân là quyền của Trung Quốc, nước Anh không có quyền can thiệp.

Đặng dùng vũ khí chủ quyền, đã bác bỏ nhanh chóng yêu cầu của phía Anh: "Trung Quốc có quyền đóng quân ở Hương Cảng. Ngoài việc đóng quân ở Hương Cảng, Trung Quốc còn có gì để thể hiện việc thực hiện chủ quyền của mình ở Hương Cảng nữa?". Bộ trưởng ngoại giao Anh không thể không khuất phục trước sức mạnh lôgích của Đặng. Ông ta nói, đương nhiên hy vọng Trung Quốc không trú quân mà áp dụng một hình thức khác, nhưng ông ta thừa nhận, chính phủ Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền ở Hương Cảng thì có quyền đóng quân ở Hương Cảng.

Trong khi hai bên Trung - Anh đàm luận vấn đề trú quân. nước Anh rõ ràng tỏ ra đuối lý. Nước Anh, là một nước ngoài, không có quyền yêu cầu Trung Quốc không đóng quân ở Hương Cảng sau năm 1997. Thế là phía Anh ở Hương Cảng giở ra con bài dân ý, thông qua một số người môi giới, bắn tin là không mong muốn, thậm chí phản đối chính phủ trung ương đưa quân ra đóng tại Hương Cảng. Lời nói về việc trú quân của Đặng đã một thời gian gây nên dư luận xôn xao ở Hương Cảng. Lúc đó, đàm phán Trung - Anh đang ở vào lúc then chốt. Một tờ báo ở Hương Cảng có thể vì để làm yên lòng người đã đưa tin nguyên bộ trưởng quốc phòng Cảnh Tiêu nói trong cuộc họp tiểu tổ quốc hội tỉnh Hồ Nam ngày 21-5-1984 rằng: "Quân đội Trung Quốc tương lai sẽ không đóng tại Hương Cảng".

Sau khi được tin đó, Đặng vô cùng nổi giận. Ngày 25-5, ông nói với các nhà báo Hương Cảng: "Tôi cần cải chính lời đồn đại Cảnh Tiêu nói về vấn đề không đóng quân ở Hương Cảng, không phải là ý kiến của Trung ương. Các ông đã đăng tin đó, nhưng không có việc ấy. Cần phải đóng quân ở Hương Cảng. Đã là lãnh thổ Trung Quốc, thì tại sao lại không được đóng quân? Bộ trưởng ngoại giao Anh khi hội đàm với tôi, cũng đã thừa nhận... Chẳng lẽ ngay đến quyền đó cũng không có sao? Như thế thì sao gọi là lãnh thổ Trung Quốc?"

Sau đó, Đặng lại nói dịu hơn với những đại biểu Hương Cảng: Đóng quân là có tính chất tượng trưng, là tượng trưng của việc giữ chủ quyền của Trung Quốc. Người Hương Cảng quản trị Hương Cảng là sự tự trị rộng rãi nhất, ngoài việc đóng quân, hầu như không có tượng trưng

nào khác. Số quân đóng không cần quá nhiều, đại khái dăm ba ngàn là đủ.

Thế là dân Hương Cảng thở phào nhẹ nhõm: Đóng quân chỉ là tượng trưng cho chủ quyền quốc gia.

Song, so với quyền hạn tự trị mà Đài Loan sau này có thể được hưởng, tâm lý người Hương Cảng có điểm vẫn chưa rõ: Tại sao giữ lại quân đội Đài Loan mà không ảnh hưởng đến chủ quyền và sự thống nhất quốc gia? Có thể giải thích như sau: Quân đội Đài Loan vốn là quân đội Trung Quốc. Còn "Quốc phòng quân" của Hương Cảng trước kia là do nước Anh phái đến. Hương Cảng trong nhiều năm vẫn có lực lượng vũ trang của mình, gọi là "Hương Cảng đoàn đội". Để giữ gìn chủ quyền quốc gia, yêu cầu quân đội Anh rút đi, quân đội Trung Quốc ở Hương Cảng làm nhiệm vụ là được, tại sao còn cần phái quân đội tới đóng nữa?

Đặng thuyết phục đồng bào Hương Cảng rằng đóng quân còn có một tác dụng khác: có thể phòng và ngăn chặn động loạn.

Đây thực tế là ý định của Đặng kiên trì muốn đóng quân ở Hương Cảng. Cuộc tranh luận về việc Trung Quốc có quyền đóng quân ở Hương Cảng hay không, xuất phát từ sự tính toán có cần đóng quân ở đó hay không.

Trong mấy chục năm gần đây, ngoài năm 1967, Hương Cảng có trải qua lộn xộn, nhưng chưa bao giờ có động loạn lớn. Trong mười năm cách mạng văn hóa, đại lục xảy ra nội chiến toàn diện, nhưng Hương Cảng vẫn bình an vô sự. Song sau năm 1997 sẽ ra sao? Đặng không dám lạc quan. "Có thể giả thiết Hương Cảng không có lộn xộn, không có lực lượng phá hoại không? Tôi thấy không có căn

cứ để tự an ủi như vậy"[1]. Đặng tính toán đầy đủ đến việc sau này sẽ có người làm loạn. Những nhân tố rối loạn. những nhân tố gây rối loạn, những nhân tố không ổn định bao giờ cũng có, không có mới là lạ! Những nhân tố đó đương nhiên không phải từ Bắc Kinh tới, nhưng không loại trừ việc nó tồn tại trong nội bộ Hương Cảng, cũng không loại trừ nó do lực lượng quốc tế nào đó gây ra. Có những nhân tố động loạn, thì phải có biện pháp bảo đảm an toàn, đó là một lý lẽ rất giản đơn.

Sự suy tính đó của Đặng rõ ràng không phải là thừa. Hương Cảng thực hiện chủ nghĩa tư bản lại không có các tổ chức đảng để làm chỗ dựa, nếu lại không đóng một ít quân đội, thì khi xảy ra chuyện, Trung ương lấy gì để ổn định lại tình hình? Người không lo xa, tất có họa gần. Năm 1989, Bắc Kinh xảy ra động loạn, nếu không có quân đội thì có dẹp yên được không? Huống chi lại là Hương Cảng!

Để làm giảm nỗi lo của người Hương Cảng, Đặng nói rõ quân đội đóng ở Hương Cảng chỉ phụ trách công việc phòng ngự, phòng tránh động loạn, không quản lý việc trị an cụ thể, không can dự vào công việc nội bộ của Hương Cảng.

Phòng ngự đối ngoại và trị an xã hội là hai việc hoàn toàn khác nhau, nhưng việc động loạn nội bộ và việc trị an thì rất khó phân biệt. Nói như vậy, giải quyết việc "nội loạn" có liên quan đến trị an địa phương, thì có thể vận dụng như ở Đài Loan, do "Hương Cảng đoàn đội" là lực lượng vũ trang địa phương đảm nhiệm là được. Nếu do

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 221.

người nước ngoài gây loạn, uy hiếp đến an toàn quốc gia, thì lúc đó phái quân đội ra đối phó cũng vẫn kịp, không cần phải ra đóng quân trước ở đó làm gì.

Song Đặng lo lắng chính là vấn đề "nội loạn". Một khi Hương Cảng xảy ra động loạn thì sẽ trở thành quan hệ giữa Trung ương và địa phương. Gặp tình hình đó, đương nhiên Trung ương sẽ ra lệnh cho chính quyền đặc khu Hương Cảng đứng ra can dự, chứ không khinh suất sử dụng quân đội. Nhưng thực tiễn chính trị lâu dài đã cho ông biết dù là "vấn đề nội chính" thì hiệu năng giải quyết bằng chính trị cũng rất có hạn. Nếu xảy ra động loạn lớn, thí dụ Hương Cảng biến thành một căn cứ để chống lại đại lục với chiêu bài dân chủ, thì làm thế nào? Trước hết là can dự về hành chính. Can dự về hành chính không có tác dụng thì không thể không huy động quân đội. Muốn đứng vững trên mảnh đất không bao giờ thất bại về chính trị thì quân đội không thể nào thiếu được.

Đợi đến khi có loạn mới đem quân ra thì tình hình sẽ khác. Như vậy tuy vẫn kịp, cũng không khó tìm ra lý do, nhưng dễ xảy ra chuyện bình luận thị phi, làm vấn đề thêm phức tạp. Như vậy, thì tại sao không giữ nguyên tắc, trước hết đem quân đội ra đóng ở đó, để phòng loạn khi chưa xảy ra? Có quân đội, dù có động loạn cũng không thể lớn và có thể giải quyết kịp thời. Quân đội bố trí ở đấy, có thể có tác dụng uy hiếp. Những kẻ muốn nổi loạn, biết ở Hương Cảng có quân đội Trung Quốc, sẽ phải suy nghĩ không dám làm bừa, không thể gây nên được phong trào. Có quân đội thì những cuộc động loạn như thế không thể

xảy ra, tình hình có vẻ như không cần tới quân đội, nhưng chính đó là hiệu quả của việc có mặt quân đội.

Tóm lại, đóng quân là chủ trương đúng đắn để bảo đảm chắc chắn cho sự ổn định tương lai của Hương Cảng, và điều đó đã được pháp luật thông qua. Đặng giải quyết vấn đề đó là xuất phát từ yêu cầu của chủ quyền cần lo toan trước để đạt tới yên ổn lâu dài. Vấn đề còn lại là dưới tiền đề chính trị "không thể không đóng quân", thì Đài Loan tương lai sẽ như thế nào? Nếu Đài Loan mà cũng đem quân ra thì không thể nói tới chuyện hòa bình thống nhất; nhưng nếu không đem quân ra đóng, thì có thể gọi là thống nhất được không?

6.8. "15 NĂM QUÁ NGẮN, VẬY DỨT KHOÁT ĐỂ 50 NĂM"

Với Hương Cảng sau năm 1997, Đặng tuyên bố luôn một loạt năm điều không thay đổi: "Chế độ xã hội kinh tế hiện hành không thay đổi, pháp luật cơ bản không thay đổi, phương thức sinh hoạt không thay đổi, địa vị của một cảng tự do, địa vị là trung tâm thương mại và tài chính của Hương Cảng không thay đổi, Bắc Kinh ngoài việc phái quân đến đóng, không cử cán bộ tham gia vào chính quyền đặc khu, điều đó cũng không thay đổi"[1].

Còn tại sao lại đưa ra những lời hứa đó, Đặng nói rõ ràng không giấu giếm: "Không bảo đảm Hương Cảng và Đài Loan tiếp tục thực hiện chế độ tư bản thì không thể

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 58.

bảo đảm được phồn vinh và ổn định ở những nơi đó, cũng không thể thực hiện được việc hòa bình thống nhất Tổ quốc"[1]. Tiền đề của hoà bình thống nhất cần được các phía đều chấp nhận, nếu dùng chủ nghĩa xã hội để thống nhất thì Hương Cảng không thể chấp nhận được, "dù có bị buộc phải chấp nhận, cũng sẽ tạo thành cục diện hỗn loạn"[2].

Câu nói đó khiến người ta có cảm giác là bảo đảm không thay đổi là để ổn định lòng dân Hương Cảng, để tiện cho việc hòa bình thống nhất khi đến thời hạn. Điều người Hương Cảng lo lắng là, sau khi thống nhất có thay đổi không? Do đó cần đưa ra lời hứa trong tương lai dài hơn.

Với Hương Cảng, ban đầu định là sau 15 năm không thay đổi. Ngày 29-10-1984, Đặng hội kiến với các bạn Hương Cảng, nói tới vấn đề kỳ hạn, có phát biểu: "15 năm qúa ngắn. Vậy dứt khoát để 50 năm thôi".

Một bạn Nhật Bản không hiểu rõ điều đó, liền hỏi Đặng: Đã nói không thay đổi, tại sao còn có kỳ hạn 50 năm? Căn cứ vào điều gì? Hay là còn có tính toán gì? Kỳ thực, những người có nghi hoặc không chỉ gồm người bạn Nhật Bản đó. Hương Cảng đến năm 1997 mới thu hồi, trước đó bảo đảm không thay đổi là để giải quyết hòa bình. Giải quyết xong rồi thì dựa vào điều gì để bảo đảm không thay đổi?

Đặng nói ra "cách nghĩ" của ông: "Cần xuất phát từ mục tiêu suốt mấy chục năm của chúng tôi để xét ý nghĩa

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 67.

2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 101.

của việc không thay đổi"[1]. Mục tiêu chiến lược ba bước, không bước nào tách rời chính sách cải cách mở cửa. Bước thứ nhất đã được thực tiễn chứng minh. Bước thứ hai tới cuối thế kỷ này, tuy còn là ẩn số, nhưng Hương Cảng cũng tới lúc đó mới thu hồi, nên không cần phải lo có sự thay đổi. Đặng căn cứ vào đó để suy ra: Trung Quốc muốn thực hiện hiện đại hóa còn phải đi tiếp bước thứ ba, tức đến giữa thế kỷ sau mới tiếp cận trình độ những nước phát triển trung bình. Như thế chẳng phải là 50 năm sao?

Parasi Tainâysơ của Hungari và Đavít Trương của Mỹ cùng tiên sinh Lục Khanh ở Hương Cảng, nêu ra mấy lý do làm căn cứ cho việc Trung Quốc không vội thu hồi Hương Cảng, cũng có thể coi là căn cứ để sau 50 năm không thay đổi: 1) Hương Cảng là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của Trung Quốc, đại bộ phận sản phẩm xuất khẩu của đại lục đều đi qua trạm đầu tiên là Hương Cảng có lượng vận chuyển hàng năm là 5 triệu tấn. Nếu thay đổi địa vị cảng tự do của Hương Cảng thì Trung Quốc sẽ mất đi 1/3 thu nhập ngoại tệ, là một tổn thất lớn về kinh tế. 2) Thay đổi, thì vốn của tư nhân và của nước ngoài sẽ chạy khỏi Hương Cảng. Khác với Thượng Hải là nơi tiền vốn chỉ hoạt động ở trong nước, không chạy đi đâu được, vốn ở Hương Cảng có thể chạy bất cứ lúc nào, như con tàu chở ngọc đi trên biển, có thể đi bất cứ đâu. Ngoài ra, Hương Cảng còn là chiếc cửa sổ để nhìn ra thế giới, cũng là bãi thí nghiệm của cải cách mở cửa.

Đặng còn đưa ra thí dụ nói về ý nghĩa của việc không thay đổi: Có người từng tỏ ra rất lo lắng trước việc thuê

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 216.

muốn nhân công ở trong nước, chủ trương cần can thiệp, cấm chỉ. Đặng chủ trương cứ để yên hai năm rồi sẽ nói, hai năm đã qua, lại nói cứ để xem sao đã. Không phải là Đảng Cộng sản không cấm được điều đó. "Muốn cấm cũng dễ, nhưng như thế là chính sách lại thay đổi, dễ dẫn tới sự xao động nhân tâm"[1]. Từ đó suy ra, đối với Hương Cảng tương lai, muốn thay đổi cũng rất dễ. Nhưng sau khi thay đổi, Đặng lo sẽ xảy ra hỗn loạn "dù không xảy ra xung đột vũ lực, Hương Cảng cũng sẽ trở thành một Hương Cảng tiêu điều, không còn là Hương Cảng mà chúng ta mong muốn"[2].

Như vậy, lời hứa 50 năm không thay đổi là lời hứa trịnh trọng, không phải là sự bốc đồng nhất thời về tình cảm, tuỳ tiện nói huyên thiên, cũng không phải là có thủ đoạn gì, "chỉ là để ổn định nhân tâm ở Hương Cảng, mà là xét tới mối quan hệ giữa sự phồn vinh ổn định của Hương Cảng với chiến lược phát triển của Trung Quốc". Để thực hiện chiến lược phát triển đó "chúng tôi còn mở mấy "Hương Cảng" ở nội địa... thì làm sao lại thay đổi chính sách đối với Hương Cảng được?"[3].

Hứa là 50 năm không thay đổi, có phải có nghĩa là sau đó sẽ thay đổi? Tuy người Hương Cảng không suy nghĩ xa đến như vậy, nhưng vấn đề này cũng rất thú vị. 50 năm không thay đổi vì Trung Quốc chưa phát triển lên, cần tới sự phồn vinh và ổn định của Hương Cảng. 50 năm sau, Trung Quốc phát triển lên rồi, Hương Cảng phồn vinh hay không không còn quan trọng thì lúc đó có thể thay đổi chăng?

Đặng dùng một cách nói khác:"Trước 50 năm không thể thay đổi, sau 50 năm không cần thiết phải thay đổi"[4].

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr.216, 101, 267.

Lý do là: "Sau 50 năm, chúng tôi càng giao dịch nhiều với quốc tế, càng phụ thuộc vào nhau nhiều hơn, chính sách mở cửa càng không thể thay đổi"[1]. Thêm nữa "Đến 50 năm sau, đại lục phát triển lên rồi, lúc đó còn giải quyết vấn đề một cách nhỏ nhặt như vậy sao?"[2].

Cuối cùng mọi người hiểu rõ, chính sách với Hương Cảng, Đài Loan 50 năm không thay đổi, thậm chí toàn bộ chính sách mở cửa và cải cách cũng không thay đổi. Nhưng Trung Quốc có một đặc điểm, là việc thay đổi chính sách hoàn toàn phụ thuộc vào người cầm quyền. Khi Đặng còn sống thì không ai dám thay đổi, nhưng sau Đặng thì ai dám bảo đảm?

Nói đến thế, Đặng đành chỉ đưa ra "sự ủng hộ của nhân dân": Những chính sách ấy được thực tiễn chứng minh là đúng đắn, nhân dân đều ủng hộ, thì không ai thay đổi được, ai muốn thay đổi, người đó sẽ bị đánh đổ. "Tôi không còn, nhưng tin rằng những người kế tục tôi sẽ hiểu được lý lẽ đó"[3].

Như vậy, không ai còn có thể phủ nhận thành ý trong lời hứa 50 năm không thay đổi của Đặng nữa. Song, nước ngoài vẫn có người nói: "Bản thân lòng thành là một thứ duy tâm, mà lịch sử hơn 30 năm qua của đại lục là duy vật, không thể thay đổi bằng ý chí chủ quan" (Tống Ân Vinh). Đặng không thể sống tới lúc lời hứa của ông được thực hiện, thì làm sao có thể tin vào lời hứa của ông ta rằng mọi việc sau mấy chục năm nữa vẫn không thay đổi?

Chỉ có thể căn cứ vào pháp luật. Người ta không thể

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, 103, 73, 217.

tin vào một cá nhân, thì nên tin vào pháp luật! Pháp luật có tính ổn định. Vì vậy Đặng chỉ thị: "Luật cơ bản về Hương Cảng ít nhất phải bao quát 50 năm". Có được căn cứ pháp luật như vậy có thể chứng minh 50 năm không thay đổi không phải là lời nói thuận miệng, mà là có ghi chép vào văn bản. Điều đó cũng là sự ước thúc với những người kế tục về sau, Giữ tín nghĩa là phong độ của dân tộc Trung Hoa và của đất nước lâu đời này. Ngay dù trong những năm động loạn, chính phủ và đảng Trung Quốc cũng vẫn coi trọng lời hứa về những vấn đề quốc tế, giấy trắng mực đen rõ ràng, làm thế nào muốn thay đổi là thay đổi được?

Sau khi đã chứng minh và bảo đảm nhiều như vậy về sự không thay đổi, Đặng cảm thấy không vừa ý. Tại sao lại chỉ buộc một phía đại lục chịu trách nhiệm về sự không thay đổi? Vì vậy, ông nói lật lại: không nên chỉ nói có một bề là sợ thay đổi. Thay đổi cũng không phải là việc xấu, có cái thay đổi là tốt. Vấn đề là thay đổi cái gì. Chúng ta không thể nói dưới chế độ tư bản ở Hương Cảng, mọi cái đều hoàn mỹ? Đưa Hương Cảng tới sự tốt đẹp hơn, chẳng phải cũng là thay đổi sao? Thay đổi như vậy, có cái gì là không tốt? Người Hương Cảng cần phải hoan nghênh mới đúng.

Đặng nói với các nhân sĩ Hương Cảng:"Nếu có người nói mọi thứ đều không thay đổi thì các ông không nên tin"[1]. Vì vậy, "luật cơ bản không nên chi tiết quá"[2]. Cần chừa chỗ cho những thay đổi khi cần. Còn cần thay đổi đến mức nào, có thể suy ra từ vấn đề thuê mướn người. Đặng

---

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 73, 220.

đã nói, vấn đề thuê mướn người "vẫn cần phải can thiệp, vì chúng ta không để xảy ra sự phân hóa hai cực quá lớn. Nhưng vào lúc nào, dùng phương pháp nào, cần phải nghiên cứu, can thiệp cũng cần có sự kiềm chế"[1].

Xem ra, điều mà người Hương Cảng cần quan tâm không phải là lúc nào đại lục có thể thay đổi chính sách với Hương Cảng, mà là người Hương Cảng nên tìm hiểu giới hạn của chính sách đó như thế nào, học lấy phương thức phương pháp cư xử với Trung ương. Nếu ở Hương Cảng xảy ra sự kiện mà Trung ương không muốn có, thí dụ có người muốn biến Hương Cảng thành một căn cứ chống đại lục, thì cần ngăn chặn, không thể để xảy ra chuyện vượt giới hạn.

6.9. CƯ DÂN HƯƠNG CẢNG BẮT ĐẦU PHÉP ĐẾM NGƯỢC ĐỂ TÍNH THỜI GIAN TRAO TRẢ HƯƠNG CẢNG. LÚC ĐÓ, SỰ GIAO NHẬN THUẬN LỢI MÀ ĐẶNG HY VỌNG KHẲNG ĐỊNH SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN

Theo Tuyên bố chung Trung-Anh, ngày 1-7-1997, nói cụ thể hơn là vào 0 giờ, 0 phút, 0 giây, trên bầu trời Hương Cảng sẽ có sự thay đổi lớn: Lá cờ Anh được hạ xuống, lá cờ đỏ 5 sao được kéo lên, toàn quyền Hương Cảng do Anh bổ nhiệm sẽ trao quả ấn quyền lực cho người đứng đầu khu hành chính đặc biệt do chính phủ Trung Quốc ủy nhiệm.

Ngày hôm đó, vào giờ phút đó, quang cảnh trên đường

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 216.

Nữ hoàng của Hương Cảng và trên Quảng trường Thiên An Môn Bắc Kinh sẽ ra sao? Nhân dân Trung Quốc vừa rửa được mối nhục táng quyền nhục quốc hơn 100 năm vừa chúc mừng sinh nhật lần thứ 76 Đảng Cộng sản TrungQuốc. Lúc đó, Đặng Tiểu Bình vừa 94 tuổi còn kém 17 ngày. Ông rất mong sống tới ngày đó, tới Hương Cảng nhìn tận mắt quang cảnh đó, dù rằng có ngồi trên xe đẩy đi tới Hương Cảng để đứng trên mảnh đất đó, cùng nhân dân chung hưởng thắng lợi, tự hào vào giờ phút lá cờ đỏ 5sao lần đầu tiên tung bay trên bầu trời Hương Cảng.

Nhưng trước đó 13 năm, Đặng đã dự tính tới một mặt khác của vấn đề: Hạ cờ Anh xuống, thay bằng cờ đỏ 5 sao là việc dễ dàng nhưng "không thể dự kiến được tới ngày 30-6-1997, chỉ trong một đêm, sẽ thay hết những người làm việc".

Điều đó có thể giải thích, ba điều ước về Hương Cảng là những điều ước bất bình đẳng, Trung Quốc không thừa nhận tính hợp pháp của chúng, chúng không có giá trị ước thú gì với Trung Quốc, Trung Quốc có thể thu hồi Hương Cảng bất cứ lúc nào. Trước kia chưa thu hồi là vì điều kiện chưa thành thục, đầu thập kỷ 80, điều kiện đã thành thục, tại sao lại phải đợi tới năm 1997? Ngoài ra, lúc nào thu hồi thì báo cho Anh lúc đó là được, nước Anh không có lý do thoái thác việc trao trả lãnh thổ Trung Quốc, tại sao phải tốn công đàm phán với Anh?

Trước khi chính thức thu hồi Hương Cảng, Trung Quốc cố ý để ra một thời gian, nhiều lần bàn bạc nghiêm túc với Anh qua con đường ngoại giao. Làm như vậy, không phải để làm ra vẻ lịch sự, cũng không phải sợ người Anh không chịu giao, mà là xuất phát từ sự suy nghĩ sâu

xa này: Tranh thủ sự phối hợp của Anh, thực hiện sự quá độ bình ổn, trao nhận thuận lợi để đạt tới mục đích vừa thu hồi được chủ quyền ở Hương Cảng, vừa không làm ảnh hưởng tới phồn vinh và ổn định ở đây.

Nhưng sự tình bao giờ cũng có hai mặt: có cái lợi, tất có cái hại. Nếu thu hồi trong chốc lát (hoặc đầu thập kỷ 80 khi mới tiếp xúc với Anh liền tuyên bố lập tức thu hồi, hoặc chưa đề cập tới, đợi tới năm 1997 hay một thời gian thích hợp nào đó là đột nhiên tuyên bố thu hồi) nhanh chóng dứt khoát, làm cho Anh trở tay không kịp, không có chỗ cò kè mặc cả, bớt được tranh cãi. Nhưng thu được về như vậy rồi sẽ ra sao? Khẳng định sẽ dẫn tới hỗn loạn, thậm chí động loạn. Người Hương Cảng, pháp chế Hương Cảng sẽ không chịu nổi tiếng sét giữa trời quang. Đại lục dù có biện pháp thu xếp tình hình, vẫn rất có khả năng là sau khi thu hồi chủ quyền, chỉ nhận được một cảng tiêu điều chứa đầy hậu hoạn, một cảng trống rỗng, một cảng chết.

Cứ từ từ đàm phán cũng có tính hai mặt. Để ra một thời gian cho người dân Hương Cảng, tình hình Hương Cảng dần dần thích ứng, có lợi cho việc tiếp quản sau này, nhưng đồng thời cũng tạo cơ hội cho nước Anh tiếp tục kiếm chác. Nước Anh biết lúc nào mình sẽ phải rời Hương Cảng, và trước khi rời khỏi, họ vẫn có quyền chi phối địa phương này, thì tất sẽ nắm lấy cơ hội để vơ vét, thậm chí có thể tạo ra đủ chuyện phiền phức.

Đặng không lo lắng sự việc sau năm 1997, chỉ lo lắng thời kỳ quá độ trước năm 1997. Sau 1997 có thay đổi không, thay đổi thế nào là việc của Trung Quốc, Trung Quốc sẽ tự thu xếp. Còn trước 1997, quyền quản trị vẫn

còn trong tay người ta, sẽ không tránh khỏi xảy ra một số sự việc không hợp ý mình. Những điều đáng quan tâm nhất là:

1. Tư bản Anh dẫn đầu rút vốn đi, làm cho Hương Cảng trở thành một cảng rỗng.

2. Dùng hết quỹ dự trữ, làm cho đồng tiền Hương Cảng với tính cách là một đồng tiền chuyển đổi được, sẽ bị lung lay.

3. Nguồn thu hiện tại, chủ yếu là tiền cho thuê đất bị cạn kiệt, tạo nên khó khăn tài chính cho chính quyền đặc khu sau này.

4. Chính quyền Anh ở Hương Cảng lập ra một đội ngũ khác trong thời kỳ quá độ, tạo nên những khó khăn không lường trước được cho việc bàn giao sau này.

Rõ ràng, trong thời kỳ quá độ nếu xảy ra những tình hình đó, thì không những không có cách gì giữ được phồn vinh, mà còn dẫn tới rung động, hỗn loạn, hoặc là loạn khiến cho không tiếp thu được, hoặc là loạn sau khi tiếp thu, cuối cùng cũng dẹp được loạn nhưng không có phồn vinh nữa.

Tiếp xúc, đàm phán là để tranh thủ chính phủ Anh tích cực hợp tác, bao gồm kiềm chế các nhà doanh nghiệp và thương gia, không để họ làm những việc gây tổn hại đến phồn vinh và ổn định sau này cho Hương Cảng.

Nhưng nước Anh dựa vào cái gì để hợp tác? Phải chăng để tỏ lòng cảm tạ người chủ đã để họ chiếm dụng hơn 100 năm?

Hương Cảng trước kia chỉ là hòn đảo nhỏ vắng vẻ không hề được nói tới trong sử sách. Mà ngày nay nhà cửa nguy nga, tấc đất ngàn vàng, trở thành trung tâm tiền tệ và thương mại đứng hàng thứ ba thế giới, được gọi là "hòn ngọc phương Đông".Đặng yêu cầu nước Anh trao trả cho Trung Quốc vào đúng kỳ hạn "hòn ngọc"đó nguyên vẹn. Từ nay, Anh có thể sử dụng thêm một thời gian nữa, nhưng không được gây tổn hại cho nó, không được để có một vết xước, còn phải ra sức giúp đỡ để Trung Quốc học được cách quản lý nó sau này.

Nước Anh có thể nói: cái mà tôi thuê trước kia chỉ là một đảo hoang, mà ngày nay là một "hòn ngọc"! Đòi Anh quốc trao trả lại, hoặc nói cách khác là vứt bỏ, thì sao có thể tự nguyện được? Nếu nói có ngày họ không thể không rời bỏ, họ cũng không thể chịu trách nhiệm với cái sắp phải từ bỏ. Dù họ không cố ý gây phiền phức, họ cũng phải nghĩ cách làm thế nào để trong mấy năm còn lại vơ vét được thêm. Cho nên đòi nước Anh làm theo ý Trung Quốc trong thời kỳ quá độ, để tạo điều kiện cho Trung Quốc tiếp quản trong tương lai từ tay họ, là một việc rất khó khăn.

Cái khó của Đặng là, vì Trung Quốc thiếu kinh nghiệm, cần có một quá trình thích ứng để tìm hiểu người dân Hương Cảng và tình hình Hương Cảng, không thể thu hồi ngay trong chốc lát, mà để nước Anh quản lý thêm một thời gian, nhưng lại không thể để nước Anh làm rối loạn trong thời gian đó, nếu không sau này tiếp quản sẽ càng thêm khó khăn. Do đó nảy ra vấn đề: Trong thời gian Trung Quốc chưa tiếp quản cũng không thể phó mặc không quản. Nếu quỹ dự trữ dùng hết, đồng tiền Hương Cảng lại mất giá, thì sẽ xảy ra động loạn. Trong thời kỳ quá độ, chúng tôi không thể không hỏi đến quỹ dự trữ được sao?

Còn vấn đề đất đai nữa, nếu đem bán hết đất dùng vào chi tiêu hành chính, trút hậu quả lên đầu chính quyền Hương Cảng sau này, thì không can dự sao được?

Làm thế nào để thực hiện được việc chưa tiếp quản mà đã quản lý được? Biện pháp tốt nhất là hai chính phủ đàm phán về mọi công việc trong thời kỳ quá độ.

Đàm phán, nước Anh chưa hẳn đã nghe theo Trung Quốc cả. Nhưng qua đàm phán, có thể kéo chính phủ Anh và chính quyền Anh ở Hương Cảng vào trách nhiệm đó. Không đàm phán, coi như buông xuôi không quản, để mặc cho rối loạn, không xoay trở được.Đàm phán, không sợ họ không hợp tác, ít nhất họ cũng không thể đi tới chỗ đoạn giao với Trung Quốc. Đặng từng nói với Thủ tướng Anh, ông chỉ lo trong thời gian quá độ xuất hiện những hỗn loạn được cố tình tạo ra "Trong đó không chỉ có người nước ngoài, mà có cả người Trung Quốc nữa, nhưng chủ yếu là người Anh. Tạo ra hỗn loạn thì rất dễ. Chúng tôi tiến hành tiếp xúc, đàm phán chính là để giải quyết vấn đề đó"[1].

Đặng không nói về chủ quyền, cũng không lo sự việc sau năm 1997, chỉ nhấn mạnh trọng điểm vào thời kỳ quá độ, lý do là như vậy. Làm sao để người Anh, trên một mức nhất định, làm theo ý kiến của Trung Quốc, để tạo cơ sở cho việc sau này Trung Quốc chính thức tiếp quản Hương Cảng được thuận lợi.

Cuộc đàm phán việc xếp sắp trong thời kỳ quá độ và việc chuyển giao chính quyền Hương Cảng bắt đầu từ tháng 4-1984. Trong đó, thắng lợi lớn nhất là thành lập tiểu tổ liên lạc Trung-Anh.

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 14.

Bắt đầu, Anh không đồng ý: Trước năm 1997, làm thế nào ở Hương Cảng là việc của Anh, lập ra một tiểu tổ liên lạc Trung-Anh có khác gì hai nước "cùng quản lý" Hương Cảng?

Đặng nói lý lẽ với bộ trưởng ngoại giao Anh: Trong thời kỳ quá độ, có rất nhiều việc phải làm, nếu không có một cơ cấu làm việc thì sao được? Phía Anh có thể cho rằng lập ra cơ cấu làm việc đó thì phía Trung Quốc sẽ có lợi. Đặng tỏ ý: Tiểu tổ đó có thể đặt tại Hương Cảng và luân lưu họp ở Hương Cảng, Luân Đôn, Bắc Kinh. Như vậy có thể nói là cân bằng! Phía Anh đành nhận đàm phán về việc đó.

Đàm phán trong ba tháng, phía Anh vẫn không thông, cho rằng Trung Quốc đòi lập trước tiểu tổ liên hợp tức là đòi can dự trước vào công việc của Hương Cảng. Đến tháng 7, cách thời gian biểu do Đặng quy định 2 tháng, bộ trưởng ngoại giao Anh lại thăm Trung Quốc, phía Trung Quốc đưa ra một biện pháp linh hoạt: nếu Anh đồng ý lập tiểu tổ liên hợp và lấy Hương Cảng làm trụ sở thường trú, thì có thể thương lượng về thời gian tổ đó vào Hương Cảng và thời gian kéo dài sự tồn tại của nó sau năm 1997. Kết quả thương lượng là: Tiểu tổ liên hợp tiến vào Hương Cảng ngày 1-7-1988, đến 1-1-2000 mới rút đi, như vậy, là "cùng quản lý" một thời gian, chắc là phía Anh phải mãn ý!

Sứ mạng của tiểu tổ liên hợp Trung-Anh là điều hành những biện pháp cụ thể trong hiệp nghị Trung-Anh, bàn bạc và xem xét về những "biện pháp để tiến hành thuận lợi công việc trong thời kỳ quá độ trước năm 1997". Có được cơ cấu này, làm những gì trong thời kỳ quá độ ở Hương Cảng không chỉ do phía Anh quyết định nữa. Trung

Quốc sẽ có cơ hội tham dự, lúc đó mọi hành động của Anh đều đặt dưới sự giám sát đôn đốc của Trung Quốc. Những việc Trung Quốc không đồng ý thì Anh không làm được.

Tháng 9-1984, tuyên bố chung Trung-Anh được ký kết, việc quá độ đã được pháp luật bảo đảm. Việc đó xảy ra trước lễ quốc khánh mấy ngày. Sau quốc khánh ba ngày Đặng hội kiến đoàn đại biểu Hương Cảng về dự lễ quốc khánh, đề cập tới việc tham dự rộng rãi hơn: "Không thể dự kiến rằng, đến 30-6-1997, chỉ trong một đêm có thể thay thế hết người làm việc. Nếu làm như vậy, những người mới không quen thuộc công việc, nếu không để xảy ra động loạn thì cũng là hỗn loạn. Trong khoảng 6,7 năm ở giai đoạn sau của thời kỳ quá độ, các ngành các giới nên giới thiệu một số người trẻ tuổi có năng lực tham gia vào việc quản lý của chính quyền Hương Cảng, thậm chí vào cả lĩnh vực tài chính tiền tệ. Không thể không tham dự, vì không tham dự thì không nắm vững tình hình. Trong quá trình tham dự, sẽ có dịp phát hiện, chọn lựa nhân tài, chuẩn bị cho việc quản lý Hương Cảng sau năm 1997"[1].

Đặng còn nói "điều kiện của người tham dự chỉ có một điều, đó là người yêu nước". Công việc Hương Cảng không phải là không có người quản lý. Nhưng trong những người quản lý không phải đều là người yêu nước cả.Để những người yêu nước tham dự vào, tức là dần dần chuyển quyền quản lý Hương Cảng từ tay những người thân Luân Đôn sang tay những người thân Bắc Kinh. Đương nhiên, việc tham dự đó không phải do Bắc Kinh trực tiếp đứng ra, mà là người Hương Cảng tham dự - "chính phủ trung ương ủng hộ việc người Hương Cảng tham dự"[2].

1,2. Đặng tuyển. Quyển III, tr 74.

Tuyên bố chung Trung-Anh và tiểu tổ liên hợp Trung-Anh đã kiềm chế phía Anh, khiến họ không thể tự tiện gây lộn xộn.Đồng thời, mặt trận thống nhất yêu nước do đồng bào Hương Cảng là đối tượng được tăng cường. Trong danh sách quốc hội và ủy ban hiệp thương chính trị xuất hiện một số đại biểu Hương Cảng, Áo Môn. Tháng 5-1984, khi các đại biểu đến họp, Bắc Kinh lần đầu tiên mời các nhà báo Hương Cảng đến Bắc Kinh theo dõi hai hội nghị. Đặng trong khi rất bận rộn, cũng dành thời gian hội kiến với họ, nói chuyện thân thiết và chụp ảnh kỷ niệm. Ngày 1-10 năm đó, một đoàn đại biểu đông đảo đồng bào Hương Cảng về Bắc Kinh dự lễ quốc khánh, gồm đủ các ngành, các giới, các quan điểm. Đặng tiếp riêng họ và giải thích về chính sách của Trung ương đối với Hương Cảng, nêu lên hy vọng tha thiết, đề nghị họ sau khi trở về Hương Cảng sẽ tuyên truyền giải thích cho năm triệu đồng bào, mong đồng bào năng về thăm đất nước. Sau đó, nhân sĩ Hương Cảng thường về thăm Bắc Kinh, Bắc Kinh cho họ đi khắp nơi trong toàn quốc để khơi dậy nhiệt tình yêu nước. Người Hương Cảng đầu tư và quyên góp ở đại lục đều được ủng hộ, khuyến khích và ca ngợi là hành động yêu nước. Qua những hoạt động đó, Bắc Kinh đã mở rộng có hiệu quả ảnh hưởng của mình trong cư dân Hương Cảng, dân tình Hương Cảng ngả nhiều về phía Bắc Kinh, tạo ra cơ sở quần chúng cho việc quá độ được yên ổn.

Năm 1984, thời kỳ quá độ bắt đầu diễn ra một cách bình ổn theo thiết kế của ông Đặng. Năm 1986, thảo ra luật cơ bản cho khu hành chính đặc biệt Hương Cảng để quy hoạch tương lai cho Hương Cảng. Ngày 13-4-1987, tuyên bố chung Trung Quốc - Bồ Đào Nha về vấn đề Áo Môn được ký. Đến đây, ba đối tượng thống nhất mà Đặng

cần hoàn thành là Hương Cảng - Áo Môn - Đài Loan đã giải quyết gần trọn vẹn được hai. Xem ra chính sách "một quốc gia hai chế độ" có thể thực hiện được.

Ba ngày sau, Đặng tiếp kiến ủy ban khởi thảo luật cơ bản, phát biểu một bài nói rất quan trọng về tương lai Hương Cảng. Bài nói đó dành riêng nói về hai vấn đề trong luật cơ bản, thái độ hết sức rõ ràng.

Vấn đề thứ nhất đề cập tới chế độ chính trị tương lai của Hương Cảng. Theo dự kiến của chính sách "một quốc gia hai chế độ",tương lai, Hương Cảng sẽ thực hiện chủ nghĩa tư bản, khác với đại lục. Điểm này là khẳng định. Nhưng Đặng nhấn mạnh, chế độ tương lai của Hương Cảng không thể rập theo y như phương Tây, như kiểu thực hiện tam quyền phân lập, chế độ nghị viện...Đặng đặc biệt nói tới việc không thể áp dụng chế độ phổ thông đầu phiếu, vì nó không bảo đảm được những người quản lý Hương Cảng tương lai là những người yêu nước ở Hương Cảng.

Vấn đề thứ hai đề cập tới quan hệ giữa chính phủ trung ương với chính quyền Hương Cảng tương lai, Đặng nhấn mạnh tới sự cần thiết có sự can dự của Trung ương: "Nếu.......biến Hương Cảng thành một căn cứ chống lại đại lục với chiêu bài dân chủ, thì làm thế nào? Như vậy, không thể không can dự, trước hết là cơ quan hành chính Hương Cảng phải can dự, chứ chưa cần huy động quân đồn trú. Chỉ khi xảy ra động loạn, đại động loạn, mới huy động quân đồn trú. Nhưng vẫn là phải can dự"[1].

Hai quan điểm đó đã hoạch định phạm vi hoạt động tương lai của Hương Cảng về mặt chính trị. Liên hệ tới

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr 221.

việc xử lý của chính phủ hồi đầu năm đối với phong trào học sinh và hành động chống tự do hóa càng ngày càng rõ ràng, các nhân sĩ bên ngoài thấy được cái dân chủ theo quan niệm của họ khác rất nhiều với cái dân chủ mà Đảng Cộng sản có thể cho phép. Cuộc động loạn năm 1989 và biện pháp xử lý cuộc động loạn đó càng làm cho nhận thức đó thêm sâu sắc. Nhưng đến tháng 4-1990, luật cơ bản về Hương Cảng đã được cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước thông qua. Đại cục đã định rồi, những người có ý khác cũng phải bỏ ý định của họ.

Song, khi thời kỳ quá độ chưa kết thúc, Hương Cảng vẫn chưa hoàn toàn nằm trong tay Bắc Kinh, nếu có mâu thuẫn thì vẫn dễ bùng nổ. Tháng 10-1992, toàn quyền mới của Hương Cảng đề ra "phương án cải cách chính trị" khiến thời kỳ quá độ bình ổn trong 7,8 năm lại gặp phải sóng gió.

Viên toàn quyền mới toan tiến hành một cuộc cải cách lớn về thể chế chính trị trước năm 1997, mà phương hướng cải cách hoàn toàn đi ngược lại với thiết kế của Đặng về tương lai Hương Cảng.

Đặng nói Hương Cảng sau năm 1997 cũng không thể thực hiện tam quyền phân lập theo kiểu phương Tây. Nhưng phương án cải cách lại muốn mở rộng quyền lực của cục lập pháp Hương Cảng, biến chính thể Hương Cảng từ chỗ hành chính là chủ đạo sang lập pháp là chủ đạo. Chính thể hành chính chủ đạo có lợi cho việc khống chế của Trung ương đối với chính quyền địa phương, biến đổi sang lập pháp là chủ đạo có nghĩa là cơ quan hành chính sẽ bị cơ quan lập pháp khống chế. Như vậy, Hương Cảng sẽ rơi vào tình trạng tranh luận liên miên về chính trị, cơ

quan hành chính sẽ rất khó thi hành quyền lực, quyết sách hành chính sẽ mất tính ổn định, thế lực chính trị nước ngoài sẽ dễ nhúng tay vào công việc của Hương Cảng, mà chính phủ trung ương, ngược lại sẽ rất khó khống chế tình hình Hương Cảng. Mỗi khi Hương Cảng có việc, Trung ương không có cách gì thông qua thủ đoạn hành chính để ra lệnh cho chính quyền Hương Cảng can dự. Bắc Kinh chỉ có hai cách lựa chọn, một là bỏ qua, một là can thiệp quân sự.

Đặng nói: "Chúng tôi nói, những người quản lý Hương Cảng phải là những người yêu nước ở Hương Cảng, phổ thông đầu phiếu có nhất định chọn được những người như thế không?"[1]. Phương án cải cách của toàn quyền mới đòi mở rộng phạm vi bầu cử trực tiếp, như việc bầu cử cục lập pháp trước kia là do bầu cử gián tiếp, nay đổi thành bầu cử trực tiếp theo từng ngành, việc cử Cục thị chính cũng chuyển từ chỉ định sang bầu cử trực tiếp. Làm như vậy là để tranh chấp người với Bắc Kinh. Nếu đúng như vậy, thì không thể bảo đảm sau năm 1997 sẽ có những người yêu nước quản trị Hương Cảng.

Ngay từ 8 năm trước, Đặng đã nhắc nhở bộ trưởng ngoại giao Anh: "Hy vọng chính quyền Anh ở Hương Cảng không lập nên một ê kíp của mình trong thời kỳ quá độ, để gán lên đầu chính quyền khu hành chính đặc biệt tương lai"[2]. Toàn quyền Anh đúng là muốn lập một ê kíp riêng. Ông ta muốn bàu trực tiếp một Cục lập pháp vào năm 1995 và sau đó sẽ "bàn giao lại", để biến thành cục lập pháp sau năm 1997 gồm người của ê kíp mình. Cộng thêm thể chế lập pháp là chủ đạo, thì ai có thể thay đổi được?

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr 220, 68.

Sự thay đổi như vậy có khác gì đào một hố sâu trên con đường quá độ bằng phẳng. Nếu thật như vậy, thì mưu hoạch quá độ bình ổn của Đặng trong mấy năm coi như vô ích, không bằng giành lấy Hương Cảng trước mấy năm. Cứ như vậy "quá độ" đến năm 1997, không nói đến việc bàn giao không thuận lợi, mà còn vấp phải hai khó khăn: Nếu ra tay thay đổi lại thì sẽ sinh ra chấn động và bị chỉ trích là "không cho phép dân chủ". Nếu không thay đổi, thì coi như nước Anh chỉ rút về hình thức, Hương Cảng rất có thể biến thành một căn cứ chống đại lục với chiêu bài dân chủ, và một khi như vậy thì ngoài việc sử dụng vũ lực, không còn biện pháp nào khác.

Vậy làm thế nào? Biện pháp duy nhất là tiến công mạnh mẽ về ngoại giao, không ngừng chỉ trích việc làm đó của Anh là vi phạm tinh thần tuyên bố chung Trung-Anh, vi phạm nguyên tắc gắn bó với luật cơ bản, vi phạm việc hiểu biết và hiệp nghị đã đạt được giữa Trung Quốc và Anh, cố ý gây trở ngại cho việc quá độ bình ổn và bàn giao thuận lợi, hòng quyết định công việc của Hương Cảng sau năm 1997, cài thế lực thân Anh phản Hoa vào, phá rối việc Trung Quốc thực hiện chủ quyền Hương Cảng. Dù nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng uy hiếp đòi "trưng cầu dân ý", đòi giao cho Cục lập pháp thảo luận thông qua, phía Trung Quốc vẫn không đồng ý, không chấp nhận, không nhượng bộ mà kiên quyết chống lại. Hai bên giao thiệp suốt nửa năm trời không đạt tới hiệp nghị nào, lại thêm, năm 1994 Bắc Kinh thất bại trong việc tranh cử đăng cai Ôlimpích quốc tế, quan hệ Trung-Anh đã xuống thấp tới điểm không.

Cuối cùng, phía Anh vẫn phải nhượng bộ, vì họ không muốn quan hệ giữa hai nước tan vỡ, làm mất cơ hội làm ăn

trên thị trường Trung Quốc. Tháng 10-1994, Trung-Anh lại đạt được hiệp nghị. Cuộc đọ sức cuối cùng trong thời kỳ quá độ lại kết thúc bằng thắng lợi của Trung Quốc. Nay xem ra thì không còn trở ngại nào nữa. Nước Anh gần đây đã cho Trung Quốc vay 1,5 tỷ đôla để cải thiện quan hệ với Bắc Kinh và để kết thúc quá khứ. Cư dân Hương Cảng bắt đầu dùng cách đếm ngược để tính những ngày còn lại tới 1997, ngày trở về với Trung Quốc. Lúc đó, sự tiếp quản thuận lợi mà Đặng mong mỏi nhất định sẽ được thực hiện.

6.10. "MỘT QUỐC GIA HAI CHẾ ĐỘ" VỐN ĐƯỢC THIẾT KẾ ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ĐÀI LOAN, TRƯỚC HẾT VẬN DỤNG CHO HƯƠNG CẢNG, CÓ THỂ CUNG CẤP KINH NGHIỆM ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ PHỨC TẠP HƠN LÀ ĐÀI LOAN

Lục Khanh cho biết, ngày 15-6-1982, tại Đại hội đường nhân dân, Đặng Tiểu Bình tiếp kiến 12 nhân sĩ phái tả Hương Cảng, có một vị phát biểu khẳng khái: "Hiện nay, nói về thu hồi Hương Cảng, vấn đề lớn nhất là lòng tin. Nếu năm 1957, đề xuất việc thu hồi thì tin rằng tuyệt đại đa số người Hương Cảng sẽ tán thành, nhưng hiện nay thì khác. Trong 25 năm từ 1957 đến nay, chúng ta đã đi rất nhiều đường vòng, làm rất nhiều việc sai lầm, gây đổ vỡ lớn cho Trung Quốc. Do đó, nhân dân mất lòng tin. Chúng ta không thể trách người Hương Cảng, mà cần tự trách mình. Ngày nay, điều quan trọng nhất là tranh thủ nhân tâm, mọi điều khác đều là thứ yếu". Theo nói lại, nghe những lời đó, Đặng Tiểu Bình không những không cho là trái tai, mà còn biểu lộ sự tán đồng.

Vấn đề Hương Cảng cần tranh thủ nhân tâm, vấn đề Đài Loan lại càng cần như vậy. Người Hương Cảng bị tổn hại chỉ trong 25 năm, còn những người đứng đầu Đài Loan và đại lục thì đã tích oán trong nửa thế kỷ. Hai đảng Quốc-Cộng đã có hai lần hợp tác, kết quả ra sao, đã có ấn tượng rất sâu. Những học giả người Mỹ gốc Hoa nhận xét rằng: căn cứ kinh nghiệm đàm phán trước kia với Đảng Cộng sản khiến cộng sản càng ngày càng mạnh hơn, Quốc Dân đảng đã có tâm lý chống đối lại việc đàm phán về thống nhất. Nếu Trung Cộng hy vọng thông qua đàm phán để thống nhất đất nước, thì họ phải thành thực chứng minh và tránh ý đồ đồng hóa Đài Loan và phá hoại Quốc Dân đảng. Trừ phi Trung Cộng có thể làm tiêu tan tâm lý nghi ngờ của Quốc dân đảng, chứ bình thường thì Quốc dân đảng sẽ không thể đàm phán với Đảng Cộng sản và ký bản hiệp nghị mà họ cho rằng sẽ đưa họ tới chỗ chết.

Chứng minh lòng thành thực cần có sự thực. Lịch sử giao dịch với Đảng Cộng sản, khiến cho Quốc dân đảng đến nay còn lo ngại trong lòng. Vậy ngày nay, trước khi nói chuyện với Đài Loan, dùng biện pháp gì để chứng minh là sau này sẽ không nuốt sống họ? Việc giải quyết vấn đề Hương Cảng như vậy sẽ có giá trị chiến lược rất lớn đối với việc giải quyết vấn đề Đài Loan. Vấn đề Hương Cảng được giải quyết tốt, có thể có tác dụng mẫu mực đối với Đài Loan: Các ông xem, mô thức Hương Cảng thành công như vậy, thì Đài Loan các ông tại sao lại không chấp nhận được mô thức đó? Đặng hiểu rất rõ lý lẽ đó, nên ông nói: "Có thể thực sự thực hiện được thuận lợi sự thống nhất giữa đại lục và Đài Loan không, một là nhìn vào kết quả thực hiện một quốc gia hai chế độ ở Hương Cảng, hai là

xem nền kinh tế của chúng ta có thực sự phát triển không"[1].

"Một quốc gia hai chế độ" vốn được thiết kế cho Đài Loan, trước hết áp dụng cho Hương Cảng, thu được kết quả, nhưng cũng không loại trừ là gặp may, nên cần suy nghĩ về vấn đề giản đơn này để tìm ra kinh nghiệm giải quyết vấn đề phức tạp hơn là Đài Loan.

Thời cơ giải quyết vấn đề Hương Cảng ít nhất đã thành thục vào đầu thập kỷ 80. Đặng không vội thu hồi, mà đợi 2 năm mới tuyên bố, điều đó là dễ hiểu, là vì để giành được sự hợp tác của phía Anh, để người Hương Cảng có quá trình thích ứng, để có thể bình ổn một chút. Tại sao phải đợi mười mấy năm, tới mãi năm 1997? Đó không phải là duyên cớ chưa đến kỳ hạn, vì ba bản điều ước đã không còn hiệu lực thì không có vấn đề kỳ hạn. Thời hạn cho thuê 99 năm chỉ nói lên nếu thu hồi sau năm 1997 là không thỏa đáng, nhưng không nói lên rằng nhất định phải đợi tới năm 1997. Nguyên nhân thực sự là như Đặng nói: "Giải quyết vấn đề Đài Loan cần có thời gian"[2]. Một giáo sư ở Niuoóc nói: cảm giác cá nhân của tôi, trong con mắt Trung Cộng, trước khi giải quyết vấn đề Đài Loan, vấn đề Hương Cảng không những không vội giải quyết, mà còn cố ý để kéo dài ra. Tại sao lại như vậy? Chính vì để làm một mô thức công khai, hấp dẫn Đài Loan trong tương lai.

Vấn đề Hương Cảng vốn không cần đàm phán nhiều, vì đó là lãnh thổ Trung Quốc, Trung Quốc lúc nào cũng có quyền thu hồi. Lúc nào sẽ quyết định thu hồi, nhiều nhất là thông tri cho Anh một câu là đủ lịch sự rồi. Dù giống

---

1,2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 265, 86.

như Ấn Độ thu hồi vùng Goa, căn bản không thông tri cho Bồ Đào Nha, trực tiếp đưa quân đội tới, thì trên thế giới cũng không ai có thể có ý kiến gì. Đặng thì không vội không chậm, cứ đường hoàng lịch sự, thận trọng tiếp xúc, đàm phán với Anh. Đàm phán hết vòng này đến vòng khác, sợ đàm phán thất bại, cần nhân nhượng thì nhân nhượng. Trong đó, cố nhiên có sự tính toán tranh thủ sự hợp tác của phía Anh để việc thu hồi được yên ổn, nhưng quan trọng hơn là Đặng ý thức được rằng: "Giải quyết vấn đề Hương Cảng sẽ trực tiếp có ảnh hưởng tới vấn đề Đài Loan"[1]. Hai bên Trung-Anh đã trải qua một loạt cuộc tiếp xúc, đàm phán, ký kết, có thể nói lên một cách có hệ thống với Đài Loan rằng: Ngày nay Đảng Cộng sản giải quyết vấn đề này với sự tuân thủ quy tắc và thấu tình đạt lý! Đó không phải là đối với nước ngoài, còn đối với người mình, đồng bào Đài Loan thì càng không cần phải nói.

Song Đài Loan và Hương Cảng có sự khác nhau. Hương Cảng là thuộc địa của Anh, những hiệp ước giữa Trung Quốc và Anh có giá trị quốc tế, không bên nào có thể vi phạm. Đài Loan và đại lục, hai đảng Quốc - Cộng chỉ là chính trị nội bộ của một nước, vấn đề nội chính cần tuân thủ hiệp nghị ở Trung Quốc là tương đối khó khăn. Trong lịch sử, giữa Quốc-Cộng đã có bao nhiêu lần hội đàm? Cuối cùng đều là do thực lực giải quyết vấn đề, không có bên nào chịu vì văn bản hiệp nghị mà vứt bỏ quyền nuốt sống đối phương. Như vậy xem ra, những thoả hiệp đạt được giữa Trung Quốc và Anh về việc giải quyết vấn đề Hương Cảng không nhất định có thể thuyết phục được Đài Loan. Thế thì, dùng biện pháp nào để cho Đài

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr 86.

Loan tin tưởng vào Đảng Cộng sản, với tư cách là đảng cầm quyền, có thể giữ lòng tin trong việc giải quyết vấn đề nội bộ cũng như trong vấn đề quốc tế? Tuyên bố, nói chuyện, thề thốt v.v... đều không đủ để giải quyết vấn đề, chỉ có thể tiến hành lập pháp. Mọi người không đủ lòng tin vì chính trị Trung Quốc không được pháp chế hoá, luôn luôn là người chết thì chính sách chết theo. Nếu thực hiện lập pháp, sẽ thay đổi được hình tượng nhân trị. Vì vậy, thiết lập khu hành chính đặc biệt Hương Cảng- càng phải đặc biệt hơn các khu tự trị dân tộc khác, trước hết phải lập pháp trên hiến pháp, sau đó tập hợp chuyên gia, cố vấn bỏ ra năm năm trời thận trọng soạn ra bộ luật cơ bản cho Hương Cảng. Đặng rất coi trọng bộ luật cơ bản này. Ông nói: "Chủ trương "một quốc gia hai chế độ" của chúng ta có thực sự thành công được không, cần thể hiện trên bộ luật cơ bản về khu hành chính đặc biệt Hương Cảng. Bộ luật cơ bản này còn làm mẫu mực cho Áo Môn, Đài Loan"[1]. Luật cơ bản về Hương Cảng không phải dùng để gò bó người Hương Cảng, mà để người Hương Cảng yên tâm, và tiến lên để Đài Loan có thể tin tưởng: "Một quốc gia hai chế độ" và quy định bao nhiêu năm không thay đổi... không phải là lời nói tùy tiện hay một thủ đoạn, mà là để chấp hành thực sự, mong phía Đài Loan xóa bỏ được tâm lý thiếu tin tưởng.

6.11.MỖI KHI NHẮC TỚI "NHÀ ĐƯƠNG CỤC"ĐÀI LOAN, BAO GIỜ ĐẶNG CŨNG NÓI THÊM MẤY CHỮ "VÀ NHÂN SĨ CÁC GIỚI"

Đầu thập kỷ 80 và trước đó, chính sách của đại lục với Đài Loan đều nhằm vào "nhà đương cục Đài Loan", lấy

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr 215.

Quốc dân đảng đang cầm quyền làm đối thủ. Điều đó khiến một số lực lượng chính trị khác ở Đài Loan và một số người Hoa ở nước ngoài có ý kiến. Những ý kiến đó được Đặng Tiểu Bình coi trọng. Do đó, năm 1984, khi thủ tướng chính phủ đọc bài nói trong buổi chiêu đãi quốc khánh, mỗi khi nhắc tới "nhà đương cục" Đài Loan, thì Đặng ngồi phía sau đều thêm vào mấy chữ "và nhân sĩ các giới".

Đây không phải là chuyện từ ngữ nói chung, mà có quan hệ tới vấn đề lớn của sách lược mặt trận thống nhất. "Ba mặt giao lưu giữa hai bờ eo biển" là sự tiếp cận nhau về kinh tế, văn hóa, chính trị. Liên lạc với "nhân sĩ các giới" ngoài các nhà đương cục là mở rộng phạm vi hoạt động trong lĩnh vực chính trị.

Nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan có lập trường vừa chống cộng vừa phản đối Đài Loan độc lập. Về mặt phản đối Đài Loan độc lập, Quốc - Cộng có tiếng nói chung, nhưng lập trường chống cộng lại gây trở ngại cho hai bên. Do trong lịch sử, hai lần hợp tác, Quốc dân đảng đều cho là mình bị thua thiệt, bị lừa, bây giờ lại đề xuất hợp tác lần thứ ba, chỉ lấy Quốc dân đảng làm đối thủ đàm phán, thì họ rất khó tiếp thu. Nếu họ khăng khăng không chịu ngồi vào bàn đàm phán, thì làm thế nào? Chẳng lẽ dùng vũ lực cũng không được? Trong tình hình đó, muốn tránh dùng thủ đoạn vũ lực, chỉ có một biện pháp, là tìm tòi nước cờ linh hoạt trên bàn cờ chính trị, mà nước cờ linh hoạt về chính trị thì phải có quan hệ tam giác mới hình thành được. Hai lần hợp tác trước kia, tuy đều miễn cưỡng, nhưng đều thực hiện được, vì lúc đó có kẻ thù chung trước mặt, lúc đầu là chính quyền quân phiệt, sau đó là quân

xâm lược Nhật Bản. Ngày nay không có kẻ thù chung nào. Hương Cảng thu hồi tương đối thuận lợi, vì trước mặt là thực dân Anh, mà trong đàm phán Trung-Anh lại giữ vững nguyên tắc "ghế hai chân". Vấn đề Đài Loan không có được điểm lợi ngoại giao đó. Như vậy, mọi lực lượng phải tìm ngay tại Đài Loan, mà tại Đài Loan có lực lượng có thể tìm được. Thí dụ Đảng dân tiến luôn lo lắng cuộc hội đàm giữa hai bờ eo biển chỉ tiến hành giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản, mà yêu cầu hội đàm giữa hai chính phủ trước hết cần được ba chính đảng ở Đài Loan nhất trí đồng ý. Lý do là hiện nay Đài Loan đã là thể chế chính trị nghị viện, trừ phi quốc hội có quyết định, nếu không thì bất kỳ người nào, gồm cả tổng thống Lý Đăng Huy và "viện trưởng" Liên Chiến, đều không có quyền thay mặt toàn thể nhân dân Đài Loan để trả lời chính sách với Đại lục. Đảng Dân tiến phản đối Quốc - Cộng đàm phán với nhau là sợ mình bị bỏ rơi. Điều đó chứng tỏ rằng Đài Loan không phải là một tấm thép, mà có mâu thuẫn có kẽ nứt. Có mâu thuẫn thì có thể lợi dụng. Lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa làm tan rã, đánh tỉa từng đối tượng một, đó chính là mưu lược mặt trận thống nhất kỳ diệu.

Trong vấn đề thống nhất, Đảng Dân tiến còn giữ khoảng cách xa hơn Quốc dân đảng. Nhưng "nhân dân Đài Loan" mà họ nói tới thì đáng được coi trọng. Năm xưa, Tưởng Giới Thạch trong giờ phút cuối cùng của "tiễu cộng" sở dĩ buộc phải đồng ý liên hợp với Đảng Cộng sản để chống Nhật, là vì có nhân tố quan trọng là cao trào quần chúng kháng Nhật trong toàn quốc. Ngày nay, muốn buộc

Quốc dân đảng ngồi lại đàm phán, thì ý nguyện của nhân dân Đài Loan và các lực lượng đối lập ở Đài Loan khẳng định có sức nặng quan trọng. "Trong vấn đề Đài Loan, diện tiếp xúc cần rộng, ngoài nhà đương cục Quốc dân đảng là đối thủ, cần mở rộng diện cộng tác"[1]. Vì lý do đó, nếu nhà đương cục chưa chuyển, thì trước hết nên giao lưu trên ba mặt kinh tế, văn hóa, tình cảm giữa dân gian,để thúc đẩy việc tiếp xúc chính trị với nhà cầm quyền, đó là xuất phát từ sự suy xét như vậy.

Thêm nữa, hiện nay Quốc dân đảng đã mất quyền chủ đạo tuyệt đối với Đài Loan, nhất là sự phát triển của Đảng Dân tiến đã phá vỡ cục diện độc quyền của Quốc dân đảng, dần dần đã trở thành đảng cầm quyền ở từng tỉnh hoặc từng huyện. Nhưng cương lĩnh hạt nhân của Đảng Dân tiến là "Đài Loan độc lập". Trong tình hình đó, nếu chỉ nhằm vào đối thủ cũ là Quốc dân đảng, mà không chú ý đến lợi ích của các đảng phái khác thì rõ ràng là giúp làm lớn mạnh thêm phong trào đòi độc lập của Đài Loan. Nhưng, điều cần chú ý là,hiện nay có một thế lực trong nội bộ Quốc dân đảng đứng đầu là Lý Đăng Huy, đang tăng cường hoạt động chia rẽ Tổ quốc, hợp lưu cùng bọn đòi cho Đài Loan độc lập. Điều đó cần phải kiên quyết phản đối.

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 86.

6.12. SỚM MUỘN SẼ XUẤT HIỆN ĐIỀU KIỆN "ĐÀM PHÁN VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT" DO ĐẶNG DỰ KIẾN, BỞI VÌ NHỮNG CUỘC TRAO ĐỔI KINH TẾ, VĂN HÓA, TÌNH CẢM CUỐI CÙNG SẼ PHÁ VỠ SỰ NGĂN CÁCH ĐỂ TIẾN SANG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ

Đặng Tiểu Bình vốn cho rằng việc giải quyết vấn đề Hương Cảng sẽ có thể có tác dụng làm mẫu đối với Đài Loan. Nhưng không ngờ, mô thức Hương Cảng tiến hành đẹp đẽ như vậy mà phía Đài Loan không mảy may rung động. Năm 1980, Quốc vụ viện công bố điều kiện ưu đãi không thu thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Đài Loan, nhà đương cục Đài Loan không những không hưởng ứng mà còn áp dụng biện pháp trừng phạt với loại hoạt động dân gian đó. Năm 1981, chủ tịch Ban thường vụ Quốc hội Diệp Kiếm Anh phát biểu 9 điểm về chính sách để biểu lộ sự hữu hảo với Đài Loan. Năm 1983, chủ tịch ủy ban hiệp thương chính trị Đặng Dĩnh Siêu lại đưa ra tín hiệu "mọi cái đều có thể thương lượng". Nhưng phản ứng của phía Đài Loan đều rất lạnh nhạt, cho tới năm 1986, Đài Loan vẫn chưa có động tĩnh gì lớn.

Đài Loan không vội đàm phán khiến Đặng thấy rất nôn nóng. Người đã cao tuổi, muốn sớm được nhìn thấy Tổ quốc thống nhất đó là một mặt. Điều quan trọng hơn là, vấn đề Đài Loan nếu cứ kéo dài như thế, thì hậu quả rất đáng lo. Trừ ba năm sau đại chiến thứ hai, Đài loan có tự do đi lại với đại lục, còn thì đã cách tuyệt với đại lục trong 90 năm. Địa phương này có khác với Hương Cảng, không có mối liên hệ nào về đất đai, kinh tế và đời sống xã hội

với đại lục. Về mặt chính trị, đã hình thành một thể chế được cư dân trên đảo tiếp nhận về cơ bản. Trước mắt, cái liên kết hai bờ eo biển, ngoài ý thức đồng tông, chỉ còn là mối thù oán đã hình thành trong lịch sử giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản. Phía Đài Loan hiện vẫn chưa từ bỏ quốc sách "thu hồi đại lục", điều này là một trở ngại lớn cho việc thực hiện "một quốc gia hai chế độ" của Trung ương đối với địa phương, nhưng về khách quan, lại ngăn cản sự phát triển của thế lực đòi cho Đài Loan độc lập. Nếu một ngày nào đó, nhà đương cục Đài Loan tỏ ra nhạt nhẽo hoặc từ bỏ cương lĩnh "thống nhất Tổ quốc", thì sợi dây liên hệ hai bờ eo biển chỉ còn lại có tình cảm dân tộc mà thôi. Mà tình cảm là thứ có thể nhạt dần theo thời gian. Giống như những người rời đất nước thế hệ thứ nhất như tiên sinh Vũ Hữu Nhậm, còn nghĩ tới việc lá rụng về cội, nhưng đến đời thứ hai, đời thứ ba, cả lá và cội đã đều ở trên đảo, thì còn nghĩ như vậy không? Đến lúc đó, mới nói rằng chúng ta đều là con cháu Viêm Hoàng nên cần thống nhất trong một quốc gia, thì còn có bao nhiêu người nghe? Hai bờ eo biển đã cách tuyệt hàng mấy chục năm, nay lại tiếp tục không tiếp xúc, giao lưu, qua lại thì nứt rạn càng ngày càng sâu, không biết sẽ có một ngày nào đó Đài Loan sẽ vĩnh viễn tách rời khỏi đại gia đình Trung Hoa mà hình thành cục diện "hai nước Trung Quốc" hoặc "một Trung Quốc, một Đài Loan".

Dụ dỗ thế nào họ cũng không "cắn câu", điều kiện ưu đãi thế nào cũng không có tác dụng. Ngoài quan hệ thân thích hiện còn, không có một cơ sở liên hệ hiện thực nào để phát huy. Nói yêu nước, Đài Loan không có thời gian dài nằm dưới sự thống trị thực dân như Hương Cảng, nên sức hấp dẫn của Mặt trận thống nhất yêu nước không lớn. Nói

thống nhất, người Đài Loan cũng cảm thấy hứng thú, nhưng ai thống nhất với ai? Thống nhất với đại lục, đa số sợ mất đi điều kiện sống hiện có. Nói tới việc hợp tác Quốc-Cộng lần thứ ba, sẽ rất dễ gợi lại những ký ức không mấy đẹp đẽ xưa kia, lại làm tăng thêm tình cảm chống đối của đối phương. Thế thì, dùng biện pháp gì để mở ra cánh cửa, phá vỡ được bế tắc đây?

Đài Loan khác với Hương Cảng, chỉ đưa vào làm mẫu thì không đủ để hấp dẫn họ. Năm 1986, trong khi tiếp nhà báo Mỹ, Đặng tỏ ý hy vọng nước Mỹ "cổ võ, khuyến khích Đài Loan trước hết hãy liên hệ với lục địa về ba mặt: Buôn bán, giao thông, bưu điện. Qua những tiếp xúc đó, có thể làm tăng thêm sự hiểu biết giữa hai bờ eo biển tạo điều kiện cho hai bên đàm phán về vấn đề thống nhất"[1].

Sách lược "liên hệ về ba mặt" đã đáp ứng tâm tình nhớ quê hương của những người già ở Đài Loan. Cách biệt ba bốn chục năm ai không muốn về thăm lại quê cha đất tổ trong lúc còn sống để tìm lại họ hàng thân thích? Nhà đương cục Đài Loan không thể ngăn trở ý nguyện của nhân dân, cuối cùng, vào năm 1987, đã bỏ lệnh cấm về thăm đại lục. Về phía đại lục, không những không hỏi han về lý do "theo địch phản quốc" của những người đó, mà ngược lại, còn tiếp đãi như thượng khách, do chính phủ đứng ra chăm lo mọi mặt, hết sức ưu đãi. Thí dụ như ở phòng đợi của nhà ga, có cửa bán vé dành riêng cho đồng bào Đài Loan và cho quân nhân, với những người đầu tiên về định cư, hàng tháng chính phủ sẽ phát trợ cấp sinh hoạt, được hưởng tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 170.

Người Đài Loan về thăm họ hàng đã mở ra bước đầu trong việc giao lưu giữa hai bờ eo biển. Mà đã có bước thứ nhất thì không lo gì không có bước thứ hai, thứ ba. Bởi vì mưu lược giao lưu về ba mặt đã đưa ra những hấp dẫn về kinh tế. Anh có thể không cảm thấy hứng thú về thống nhất đất nước, nhưng không thể làm ngơ trước cơ hội phát tài. Cùng với từng làn sóng người về thăm họ hàng, thân thích, giới công thương Đài Loan cũng tấp nập vào đại lục để mở luồng làm ăn buôn bán. Quốc vụ viện cũng không bỏ lỡ cơ hội, ban bố những quy định khuyến khích đồng bào Đài Loan đầu tư vào đại lục, khiến giao lưu giữa hai bên từ chỗ đơn thuần là buôn bán phát triển sang đầu tư. Đó là việc có lợi cho cả hai bên. Thương nhân Đài Loan ham thích thị trường đại lục không kém gì thương nhân nước ngoài,tại sao lại không tận dụng ưu thế gần gũi này?Đại lục dù sao cũng phải tiếp nhận đầu tư của nước ngoài, thì tại sao không để mối lợi đó cho đồng bào Đài Loan? Rất nhanh chóng, hai bờ eo biển đã đi tới chỗ hiểu nhau qua việc giao lưu kinh tế hai bên đều có lợi. Năm 1990, Đài Loan chính thức cho phép thương nhân Đài Loan vào đại lục đầu tư, lập nhà máy và ra quy định về quản lý vật phẩm đem vào đại lục. Từ đó, giao lưu, buôn bán của hai bên tiến vào quỹ đạo pháp chế hóa.

Việc đồng bào Đài Loan về đại lục thăm thân nhân, thương nhân Đài Loan về đại lục đầu tư và sự tăng trưởng buôn bán giữa hai bên, đã có tác dụng thúc đẩy tích cực việc phát triển quan hệ giữa hai bờ eo biển. Trước hết là duy trì và củng cố ý thức cùng nguồn gốc và tình cảm dân tộc còn lại giữa hai bên. Đài Bắc luôn mong muốn "mở rộng không gian sinh tồn trên quốc tế", sau khi mở rộng, sẽ giao đấu với Bắc Kinh với tư cách "thực thể chính trị

ngang hàng". Còn Bắc Kinh vì ngăn trở Đài Loan độc lập và nước ngoài nhúng tay, nên trên trường quốc tế luôn áp dụng chính sách cô lập Đài Loan. Phàm những nước lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, đều phải chấp nhận một tiền đề: Thừa nhận chỉ có một Trung Quốc và Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc hứa sẽ không có bất kỳ mối quan hệ nào chính thức với chính quyền Đài Loan. Làm như vậy, rõ ràng càng làm tăng thêm thù nghịch giữa Đài Bắc và Bắc Kinh! Việc giao lưu kinh tế và trao đổi tình cảm giữa nhân dân hai bên lại có tác dụng bù đắp lại, chứng minh rằng những chính sách trên của đại lục không phải là cố ý cô lập đả kích Đài Loan, mà chỉ là mong Đài Loan gần đại lục thêm một chút. Sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, các nước Âu Mỹ thi nhau trừng phạt Trung Quốc, thương nhân Đài Loan thừa cơ hội, tăng vọt đầu tư vào đại lục. Điều đó coi như đã giúp anh em đại lục trong lúc nguy nan, có lợi cho việc giúp đại lục chống lại sự trừng phạt của phương Tây. Thương nhân Đài Loan đương nhiên cũng được lợi, mối lợi béo bở không chảy ra ngoài. Từ đó hai bên đều có ý thức: Máu đào rút cục lại vẫn hơn là nước lã.

Kinh tế là cơ sở của chính trị. Kinh tế dựng nên vũ đài, chính trị biểu diễn. Hai đảng Quốc-Cộng do đã từng trải qua những bước lịch sử không lấy gì làm êm đẹp, cộng thêm hơn 30 năm đối kháng phân lập, từ sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, sự thù địch đã rất sâu. Trong tình hình đó, trước hết phải có thời gian gây dựng lại lòng tin. Trong chốc lát đã muốn Quốc dân đảng vui vẻ ngồi lại để cùng Đảng Cộng sản bàn bạc việc thống nhất đất nước và cùng hợp tác lần thứ ba, thì họ sẽ rất khó chấp nhận. "Giao lưu về ba mặt giữa hai bờ" là

biện pháp tránh được vấn đề chính trị nhạy cảm đó. trước hết hãy chưa nói tới những vấn đề chưa giải quyết được, mà để tới bước sau. trước hết hãy nói những chuyện phi chính trị như thông thương. vận tải. bưu điện. những vấn đề có lợi. Như vậy, nhà đương cục Đài Loan không tiện cự tuyệt. Dương nhiên, không tránh khỏi việc họ gây khó khăn. nhưng không lâu sau, họ đã cho phép lập một "hội giao thông trên biển", và đại lục lập tức hưởng ứng bằng một hội tương tự. Hai "đoàn thể dân gian" được chính phủ cho phép đã có tác dụng thay mặt chính phủ. tạo điều kiện thuận lợi cho việc nối liền hai bờ. Năm 1992. người lãnh đạo hai hội trên đã có cuộc hội đàm ở Xingapo và ký kết 4 hiệp nghị. Đó là cuộc tiếp xúc ở cấp cao nhất giữa hai bên sau hơn 40 năm cách tuyệt. Từ đó, hai hội đã phát huy tác dụng môi giới. tích cực thúc đẩy quan hệ giữa hai bên. Như vậy. cuối cùng Đài Loan đã đàm phán với đại lục. có điều còn cách một lớp "găng tay trắng".

Nhà văn Đài Loan Lưu Tú Trân nhận thấy: Dù rằng quan hệ chính trị giữa hai bên còn xa vời. nhưng thương nhân Đài Loan đã bị thị trường mông mênh của đại lục vẫy gọi, việc buôn bán qua lại đã thường xuyên tấp nập. Đến 1994, tổng số đầu tư của Đài Loan vào đại lục đã lên tới 3,7 tỷ đôla, có 10.305 hạng mục đầu tư, trở thành nguồn đầu tư lớn thứ hai vào đại lục sau Hương Cảng. Điều đó giúp đại lục giảm được sự phụ thuộc ở một mức độ nhất định vào các nguồn đầu tư khác. Theo các nguồn tin, năm 1994. xuất siêu của Đài Loan hầu như đều nhờ vào buôn bán với đại lục. Có người tính toán rằng, trình độ phụ thuộc vào thị trường đại lục của Đài Loan trong 5-10 năm tới có thể vượt quá sự phụ thuộc vào thị trường Mỹ. Đó đều là thành quả "giao lưu trên ba mặt". Dù nhà đương

cục Đài Loan tự hào về mức sống của nhân dân và giá trị sản lượng tính bình quân theo đầu người cao hơn đại lục bao nhiêu, không muốn hoặc không vội đàm phán với Đảng Cộng sản, nhưng trong cuộc "giao lưu trên ba mặt đó", họ đã bị "sa" vào một cách không tự giác. Biết làm sao được? Sức mạnh chính trị không thể cưỡng lại được với sức hấp dẫn của thị trường.

Cho đến nay trong "ba mặt giao lưu" chỉ có vấn đề "đường bay trực tiếp" là chưa giải quyết được. Song không nên lo ngại. Nhân sĩ Đài Loan đã nhận thức được rằng: Nếu Đài Loan không có đường bay trực tiếp với đại lục, họ sẽ hoàn toàn mất ưu thế cạnh tranh ở vùng Đông Nam. Nhìn thấy điều đó, Đài Loan gần đây đã đưa ra "trung tâm chuyển vận ngoài biên giới ở châu Á - Thái Bình Dương". Những người thiết kế "trung tâm" đó nhấn mạnh "không thông qua hải quan, không nhập cảnh" để tránh vi phạm quy định "không được bay trực tiếp". Nhưng, người ta chỉ nhìn qua là thấy ngay, đó thực tế là "sự biến tướng của đường bay trực tiếp". Trước đây, phía đại lục không chịu ký vào quy định bằng văn bản việc bảo hộ lợi ích đầu tư của thương nhân Đài Loan, lý do là Đài Loan không hủy bỏ lệnh cấm trực tiếp bay thẳng tới đại lục. Ngày nay Bắc Kinh tỏ ý đồng ý đàm phán và ký kết một bản "hiệp nghị có tính dân gian", đề ra việc bảo hộ rõ ràng bằng văn bản cho các khoản đầu tư của Đài Loan vào đại lục. Và nhà đương cục Đài Loan gần đây cũng tỏ ý sẽ bỏ chủ trương hạn chế việc tiêu thụ sản phẩm của đại lục ở Đài Loan, cho phép chuyên gia học giả đại lục đến Đài Loan giảng bài v.v..

Đặng đã nói: "Giải quyết vấn đề Đài Loan phải tốn thời gian, nôn nóng quá là không được". Dù rằng hai bên

hiện nay mới chỉ tiếp xúc mà chưa có lòng tin, nhưng cứ đi lại như hiện nay, tiếp xúc tốt thì sẽ hiểu nhau và sẽ xây dựng được lòng tin với nhau, thì con đường hòa bình thống nhất càng ngày sẽ càng rộng. Điều kiện để "đàm phán về vấn đề thống nhất" mà Đặng thiết kế sớm muộn rồi sẽ được tạo ra, vì việc qua lại về buôn bán, văn hóa, tình cảm cuối cùng sẽ phá vỡ được ngăn cách và tiến sang lĩnh vực chính trị.

Phần thứ bảy

MƯU LƯỢC NGOẠI GIAO

7.1. TỪ "HAI PHE" ĐẾN "BA THẾ GIỚI" LẠI ĐẾN QUAN ĐIỂM VỀ MÂU THUẪN "ĐÔNG TÂY NAM BẮC" CỦA ĐẶNG

Chiến lược quốc tế, mưu lược ngoại giao, cần được xuất phát từ cách nhìn cơ bản đối với tình hình thế giới, giống như Gia Cát Lượng ở Long Trung: Bàn suốt đại thế trong thiên hạ, sau đó mới hiến cho Lưu Bị mưu lược "chia hưởng một phần ba thiên hạ".

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ ngày dựng nước trước sau có ba khái niệm công thức để phân tích tình hình thế giới: Những thập niên 50,60, Mao Trạch Đông dùng khái niệm "hai phe". Sau đó, Trung-Xô phân liệt, phe xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại, thập kỷ 70 chuyển sang "ba thế giới". Đến thập kỷ 80, công thức phân tích của Đặng Tiểu Bình, có thể gọi là "Đông Tây Nam Bắc" luận:

"Ngày nay, những vấn đề thực sự lớn trên thế giới, mang tính chất chiến lược toàn cầu, thì một là vấn đề hòa bình, một là vấn đề kinh tế hoặc có thể gọi là vấn đề phát

triển. Vấn đề hòa bình là vấn đề giữa phương Đông và phương Tây, vấn đề phát triển là vấn đề giữa Nam và Bắc. Khái quát lại, đó là bốn chữ "Đông Tây Nam Bắc"[1].

Cái đặc sắc của Đông Tây Nam Bắc luận là khi xét về quan hệ quốc tế đã suy xét riêng về chính trị và về kinh tế.

Quan hệ giữa phương Đông và phương Tây có chủ đề chống chiến tranh, gìn giữ hòa bình. Mưu lược cơ bản của Đặng là bảo vệ hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa bá quyền, dùng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình để xây dựng trật tự chính trị thế giới mới, xây dựng nền ngoại giao độc lập tự chủ cho Trung Quốc.

Quan hệ giữa nửa phía Nam và nửa phía Bắc là quan hệ giữa những nước chưa phát triển với những nước phát triển. Mưu lược cơ bản của Đặng là tăng cường hợp tác Nam-Nam, thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc, xây dựng trật tự kinh tế thế giới mới trong đó các nước phát triển và các nước chưa phát triển đều được phát triển.

Lý luận về "ba thế giới" của Mao đã vượt qua cả "hai phe" vốn có. Lý luận về "Đông Tây Nam Bắc" của Đặng lại vượt cả "ba thế giới". "Ba thế giới" chỉ tương đương với quan hệ Nam Bắc. So với Mao, tầm nhìn chiến lược thế giới của Đặng còn thêm cả "quan hệ Đông Tây". Chính điểm đó đã làm cho quan hệ ngoại giao của Trung Quốc trong thập kỷ 80 sống động hẳn lên.

Theo sự phân chia "ba thế giới", Trung Quốc chỉ có thể xếp mình vào thế giới thứ ba. Điều đó rõ ràng là có ý

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 105.

nghĩa quan trọng đối với Trung Quốc trong việc đoàn kết rộng rãi với các nước thế giới thứ ba ở Á, Phi, Mỹ Latinh và tranh thủ các nước thế giới thứ hai cùng chống chủ nghĩa bá quyền. Nhưng chỉ hạn chế trong thế giới thứ ba thì rất bất lợi cho sự phát triển của bản thân Trung Quốc, trước hết là tăng thêm nghĩa vụ của Trung Quốc với các nước bè bạn trong thế giới thứ ba, làm cho Trung Quốc phải mang gánh nặng lớn trong quá trình tiến lên hiện đại hóa. Thứ hai là không tiện cho Trung Quốc độc lập, tự chủ tiến hành công việc ngoại giao ra tất cả các phía.

Lý luận về "ba thế giới" là một chiến lược phòng ngự tích cực của Trung Quốc với tư cách là một nước yếu. Vấn đề là Trung Quốc tuy về kinh tế thuộc các nước chưa phát triển, nhưng về chính trị, quân sự lại có ưu thế tương đối lớn, cần phải tích cực tiến mạnh, có sự đóng góp trên quốc tế, vừa cần đoàn kết thế giới thứ ba để ép các nước phát triển, vừa cần lợi dụng ưu thế của mình vượt ra khỏi phạm vi thế giới thứ ba, phát huy tác dụng của mình trên vũ đài quốc tế rộng rãi. Lý luận "Đông Tây Nam Bắc" của Đặng chính là mưu lược ngoại giao để Trung Quốc vừa đứng trong thế giới thứ ba, vừa vượt ra khỏi thế giới thứ ba, khiến cho Trung Quốc có thể tự chủ và linh hoạt trên vũ đài quốc tế.

Lý luận "Đông Tây Nam Bắc" đặt Trung Quốc vào hai mối quan hệ, trong quan hệ Đông-Tây thì ở vị trí "Đông", trong quan hệ Nam-Bắc thì ở vị trí "Nam", khiến cho vai trò quốc tế của Trung Quốc có tác dụng kép. Như vậy, có lợi gì cho Trung Quốc?

Parak đã phân tích: Tại sao Trung Quốc lại chiếm địa vị quan trọng như vậy trong chiến lược của Oasingtơn và

Mátxcơva, và những nước khác trên thế giới lại hết sức chú trọng đến họ như vậy? Câu trả lời là: Mặc dù Trung Quốc tự miêu tả mình là người bị uy hiếp, bị lép vế, nhưng họ lại lợi dụng một cách nhanh nhạy, mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự. Kết quả, đối với tất cả các nước, Trung Quốc đều trở thành một nước có vai trò quan trọng.

Vai trò không rõ ràng nhưng lại hết sức linh hoạt đó là bí quyết để trong thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, Trung Quốc đã thực hiện thành công chiến lược ngoại giao độc lập, tự chủ và hoà bình ra tất cả các phía.

7.2. TUY NGUY CƠ CHIẾN TRANH VẪN TỒN TẠI, NHƯNG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI CÓ THỂ TRÁNH ĐƯỢC

Đánh giá tình hình thế giới ta có cảm giác về nó như thế nào, cho rằng mây đen chiến tranh đang bao phủ hay là đã có điềm lành hòa bình, điều đó không chỉ là sự nhận thức đối với thế giới bên ngoài, mà còn trực tiếp quyết định phương châm nội chính ngoại giao của một nước. Đối với Trung Quốc càng là như vậy. Dân số Trung Quốc bằng tổng số dân của Mỹ, Nhật, Liên Xô và toàn thể châu Âu cộng lại, nhưng về kinh tế thì lạc hậu hơn các nước phát triển rất nhiều, nên không thể không quan tâm tới vấn đề chiến tranh và hòa bình.

Sự đánh giá cơ bản của Trung Quốc về tình hình thế giới, ở thời Mao Trạch Đông là "chiến tranh đã sát gần, cần chuẩn bị đánh sớm, đánh lớn". Thập kỷ 70 và đầu thập kỷ 80 thì nghiêng về nhận định "Chiến tranh không thể tránh khỏi, nhưng có thể đẩy lùi về thời gian". Giữa

thập kỷ 80, Đặng Tiểu Bình đưa ra phán đoán mới: "Tuy nguy cơ chiến tranh vẫn tồn tại, nhưng chiến tranh thế giới có thể tránh được".

Phán đoán của Đặng dựa trên những sự thực sau: Chỉ có hai siêu cường mới có khả năng phát động chiến tranh thế giới. Nhưng hai nước Xô - Mỹ đều có lực lượng hủy diệt đối phương, do đó hình thành thế đe doạ cân bằng, không ai dám ra tay trước. Thêm nữa, chiến lược toàn cầu của hai bên Xô - Mỹ đều bị vướng và sa vào rất sâu, dù hai bên vẫn đang chạy đua vũ trang nhưng Liên Xô đã ở vào thế cưỡi hổ, không thể nghĩ tới việc tham gia chiến tranh thế giới, mà ngược lại, lại muốn có tình hình hòa dịu. Thứ hai là trên thế giới, lực lượng hòa bình tăng mạnh hơn lực lượng chiến tranh, rất ít kẻ điên cuồng muốn phát động chiến tranh hạt nhân. Thêm nữa, cuộc cách mạng kỹ thuật mới trên thế giới phát triển rầm rộ, cuộc cạnh tranh tương lai trên thế giới do lực lượng kinh tế và khoa học kỹ thuật chứ không phải do lực lượng quân sự quyết định, điều này Xô, Mỹ không thể không suy xét tới.

Đặng nhìn thấy sự chuyển biến trong cuộc cạnh tranh giữa các nước từ nay về sau sẽ là từ thủ đoạn vũ lực chuyển sang thủ đoạn hòa bình, dù là chủ nghĩa đế quốc cũng không cho rằng chiến tranh là thủ đoạn tốt nhất để mưu lợi cho quốc gia. Nhận thức đó đã thay đổi cách nhìn của Trung Quốc cho rằng bản tính của chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc sinh ra chiến tranh. Một thời gian dài trước kia, sở dĩ cho rằng chiến tranh là không thể tránh khỏi vì xuất phát từ kiến giải cho rằng chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của chiến tranh. Trong "cách mạng văn hóa", Vương Gia Tường, vì đề nghị vứt bỏ cách nhìn nhận đó, mà

bị phê phán là theo chủ nghĩa đầu hàng và xét lại. Trên thực tế, dù quyền chủ động chiến tranh ở trong tay đế quốc, nhưng phía bị động áp dụng thái độ gì, là đối kháng hay hợp tác, cũng rất có quan hệ. Chiến tranh có thể tránh được không do hai bên có muốn hay không quyết định, bao gồm phía bị động có nhận thức rằng ngoài việc đánh thì không còn biện pháp ứng phó nào khác. Nếu cho rằng nhất định phải đánh, nhất quyết sống mái một phen, thì sẽ hình thành cục diện đối kháng như giữa Liên Xô và Mỹ, khó phân biệt được bên nào chính nghĩa, bên nào phi nghĩa.

Mưu lược ngoại giao của Trung Quốc xuất phát từ chủ trương đánh hay hòa, xét từ căn bản, được quyết định bởi thái độ đối với trật tự thế giới hiện có. Như tiên sinh Trịnh Vũ Thạc đã nói, sự chuyển biến thái độ của Trung Quốc đã đem lại sự "bán cấp tiến" cho nền ngoại giao của họ, tức là nghiêng về phía cải cách chứ không phải lật đổ toàn bộ thể chế hiện có trên thế giới. Sự chuyển biến đó khiến Trung Quốc nhạt dần với sứ mạng cách mạng thế giới, mà nghĩ nhiều về lợi ích hiện thực của nước mình, thay đổi thái độ thù địch với thế giới phương Tây. Biểu trưng rõ rệt nhất là không dùng từ "chủ nghĩa đế quốc" mang nặng sắc thái hình thái ý thức để gọi các đối thủ ngày hôm qua, mà đổi sang dùng "chủ nghĩa bá quyền", "chính trị cường quyền", "nước phát triển", "siêu cường quốc" có tính chất trung tính hơn. Đây là phong cách cộng thêm vào tinh thần cao ngạo không sợ ma, không sợ quỷ tiến thêm một bước giao du với ma quỷ, đồng ý chung sống hòa bình với các nước có chế độ xã hội khác mình. Kết quả là từ thù địch chuyển sang tiếp xúc, từ đối kháng chuyển sang hòa giải, từ bài

xích chuyển sang cộng tác, tạo ra khả năng để Trung Quốc mở rộng sự giao dịch và hợp tác quốc tế.

Phán đoán về tình hình thế giới của Đặng đã hướng dẫn chính sách ngoại giao Trung Quốc từ xuất phát điểm chiến tranh chuyển sang xuất phát điểm hòa bình. Đặng không thấy hứng thú về việc chiến tranh dẫn tới cách mạng hay cách mạng ngăn ngừa chiến tranh, mà điều quan trọng là bản thân Trung Quốc cần một hoàn cảnh quốc tế hoà bình ổn định, để tập trung tinh lực xây dựng hiện đại hóa. "Trung Quốc quá nghèo, cần phát triển lên, chỉ có trong hoàn cảnh hòa bình, mới thực hiện được. Muốn tranh thủ hoàn cảnh hòa bình, thì cần phải hợp tác với mọi lực lượng hòa bình trên thế giới"[1]. Ngoại giao hòa bình không chỉ là một khẩu hiệu có tính sách lược, mà xuất phát từ sự suy xét lợi ích chiến lược chiến tranh đòi hỏi tốn thời gian và tài nguyên. Trung Quốc không nhát gan sợ sệt, mà chỉ ngại tham gia chiến tranh sẽ làm lỡ mất tiến trình hiện đại hóa đã bị lỡ rất lâu, sẽ làm rối loạn trình tự bốn hiện đại, sẽ lại làm lỡ mất cơ hội phát triển. Ngược lại, triển khai rộng rãi nền ngoại giao hòa bình và hợp tác quốc tế, có thể tranh thủ được kỹ thuật và nguồn vốn cần thiết cho xây dựng hiện đại hóa Trung Quốc.

7.3. CHỦ TRƯƠNG CHỐNG BÁ QUYỀN, VỪA TRẤN ÁP ĐƯỢC KẺ MẠNH, LẠI KẾT GIAO ĐƯỢC VỚI KẺ YẾU. KẺ YẾU ĐI THEO, KẺ MẠNH SẼ KHÔNG DÁM COI THƯỜNG

Chống bá quyền, giữ gìn hòa bình, là phương châm ngoại giao số một của Đặng Tiểu Bình. Ông nói: "Giương

---

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.82.

cao ngọn cờ chống chủ nghĩa bá quyền, giữ gìn hòa bình thế giới, kiên định đứng về phía các lực lượng hòa bình, kẻ nào bá quyền thì chống lại kẻ đó, kẻ nào gây chiến thì chống lại kẻ đó, xây dựng hình tượng Trung Quốc là một lực lượng hòa bình, một lực lượng ngăn chặn chiến tranh, là vô cùng quan trọng"[1].

Chống bá quyền, nếu chỉ là không phục tác phong bá đạo, giữa đường thấy chuyện bất bình là tuốt gươm trợ lực, như kiểu hiệp khách anh hùng nghĩa khí, thì chẳng có gì là "vô cùng quan trọng", vì Đặng suy nghĩ tới vấn đề thực tế.

Vậy, ý nghĩa thực tế của vấn đề chống bá quyền, giữ gìn hoà bình đối với Trung Quốc là thế nào?

Trong nền văn hóa Trung Quốc có tinh thần nghĩa hiệp giúp yếu chống mạnh, lấy mạnh ăn hiếp yếu gọi là bá. Có người nghiên cứu, tinh thần nhân văn đó có lợi cho sự sinh tồn của kẻ yếu. Trong quan hệ quốc tế hiện nay, Trung Quốc rõ ràng còn là một kẻ yếu, trên rất nhiều mặt đều chưa thể hiện được là mạnh, càng chưa có thể đọ sức mạnh với các nước phát triển phương Tây, đặc biệt là với hai siêu cường. Do đó, giữ gìn nguyên tắc nhất luật bình đẳng giữa các nước không kể lớn nhỏ, không cho phép lớn ăn hiếp nhỏ, mạnh ăn hiếp yếu, rõ ràng là có lợi cho bản thân Trung Quốc.

Điều càng quan trọng hơn là trên thế giới ngày nay, những nước yếu vẫn chiếm số lượng lớn so với các nước mạnh. Nước mạnh không có nhiều, đặc biệt là mạnh tới mức có thể xưng bá lại càng ít. Sách lược của Đặng là giao

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 128.

thiệp với tất cả các nước, không kể là nước lớn nước nhỏ, nước mạnh nước yếu, không từ chối ai. Nhưng nếu ai xưng bá quyền, ăn hiếp nước nhỏ yếu thì dù không nhằm vào Trung Quốc, Trung Quốc cũng lên tiếng bênh vực lẽ phải, phản đối kẻ cường quyền. Lập trường chống bá quyền đó, đương nhiên sẽ làm mất lòng một số ít nước, nhưng lại tạo được quan hệ đoàn kết tốt với đa số nước. Có được sự ủng hộ của tuyệt đại đa số, thì Trung Quốc vốn không thật mạnh, sẽ trở thành có sức mạnh. Những người không hài lòng vì Trung Quốc chống bá quyền, cũng không làm gì được Trung Quốc. Chủ trương chống bá quyền, vừa trấn áp được kẻ mạnh, lại kết giao được với kẻ yếu, làm cho kẻ yếu lũ lượt đi theo, mà kẻ mạnh không dám coi thường, đương nhiên là vô cùng quan trọng.

Trung Quốc không chỉ cần đứng về phía kẻ yếu,để đoàn kết với các nước thế giới thứ ba chiếm 3/4 số nước trên thế giới, mà còn đứng về phía lực lượng hoà bình, thì con đường càng rộng. Số nhân khẩu và số nước ủng hộ hoà bình trên thế giới càng nhiều, thì dù những người muốn kiếm lợi vì chiến tranh cũng không thể coi thường ngọn cờ hoà bình. Giương cao ngọn cờ hoà bình là đủ để hiệu triệu thiên hạ, khiến chủ nghĩa bá quyền càng bị cô lập. Đặng liên hệ việc chống bá quyền với giữ gìn hoà bình, để chứng minh rằng bá quyền không có lợi cho hoà bình thế giới. Về tình hình thực tế của Trung Quốc, đối phó với chủ nghĩa bá quyền còn có năng lực, phương pháp; nhưng điều thực sự lo lắng hơn là chiến tranh, vì Trung Quốc cần tập trung tinh lực thực hiện hiện đại hóa. Đặng lấy việc giữ gìn hoà bình để kêu gọi chống bá quyền, nói rõ việc chống bá quyền ở Trung Quốc không đơn thuần là sách lược phòng

ngự, không phải là không quen nhìn tác phong bá quyền mà chống bá quyền, mà còn có nội dung tích cực, tức là ngăn trở nhân tố chiến tranh, tranh thủ một hoàn cảnh bên ngoài hoà bình ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng hiện đại hoá của Trung Quốc.

Một ý nghĩa khác của việc chống bá quyền, gìn giữ hoà bình còn là để đánh tan lập luận về "sự uy hiếp của Trung Quốc". Nếu theo mục tiêu dự định, tới lúc nào đó, Trung Quốc sẽ tiếp cận trình độ của các nước phát triển, lại có lãnh thổ rộng lớn, nhân khẩu đông đúc như thế này, thì đến lúc đó, Trung Quốc có xưng bá, quay lại ăn hiếp những người anh em nhỏ bé cũ không? Rất nhiều nước trung bình và nhỏ, vì mang tâm lý đó mà có thái độ "kính nhi viễn chi" đối với Trung Quốc, thậm chí còn dành ra một tay, một mặt họ ủng hộ lập trường chống bá quyền của Trung Quốc, nhưng lại lo ủng hộ quá mức, khiến Trung Quốc nhanh chóng mạnh lên, không có lợi cho mình. Giương cao ngọn cờ chống bá quyền, nói rõ Trung Quốc vĩnh viễn đứng về phía thế giới thứ ba, về phía lực lượng hòa bình. Như vậy, ít nhất là về mặt lý luận, sự phát triển của Trung Quốc tức là sự tăng trưởng của lực lượng hoà bình thế giới, sự lớn mạnh của bản thân thế giới thứ ba, có gì là đáng sợ?

7.4. ĐẶNG KẾ THỪA MƯU LƯỢC CỦA MAO, TUYÊN BỐ TRUNG QUỐC ĐỨNG VỀ PHÍA THẾ GIỚI THỨ BA

Đặng Tiểu Bình đánh giá rất cao chiến lược chia ra "ba thế giới" của Mao, ca ngợi nó đã có tác dụng không thể lường hết đối với việc đoàn kết nhân dân thế giới chống

chủ nghĩa bá quyền, làm thay đổi so sánh lực lượng chính trị trên thế giới, phá tan kế hoạch của Liên Xô muốn cô lập Trung Quốc trên trường quốc tế, cải thiện điều kiện của Trung Quốc trên trường quốc tế, nâng cao uy tín quốc tế của Trung Quốc.

Sau khi bước vào thời kỳ lịch sử mới, tình hình mọi mặt của Trung Quốc và thế giới có rất nhiều thay đổi, Đặng vẫn nhắc lại là Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba. Một lần, ông nói với một người bạn trong thế giới thứ ba: Trung Quốc là một ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc, lá phiếu đó của Trung Quốc là của thế giới thứ ba. Trung Quốc thuộc về thế giới thứ ba"[1].

Ai cũng biết rằng thế giới thứ ba đều là nước nhỏ, nước nghèo, nước yếu, Trung Quốc xét về kinh tế là nước nghèo, nước yếu, nước nhỏ. Về chính trị thì là một nước lớn không thể coi thường, nếu muốn tỏ vẻ một chút, Trung Quốc hoàn toàn có thể nhân danh một nước lớn. Nhưng làm như thế không phù hợp với trí tuệ truyền thống của Trung Quốc về hành động của kẻ yếu. Kẻ yếu có một biện pháp làm cho mình trở thành kẻ mạnh trên thực tế, đó là tự xếp mình về phía những kẻ yếu, xuất hiện với tư thế đại biểu cho những kẻ yếu. Nếu trên thế giới này những kẻ yếu chiếm đa số, thì cách làm như thế sẽ biến mình thành kẻ mạnh, đủ để đứng ngang hàng những kẻ mạnh chiếm thiểu số.

Đặng thừa kế mưu lược của Mao Trạch Đông, tuyên bố Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba, đại biểu cho thế giới thứ ba để phát biểu. Làm như vậy có hai ý nghĩa lớn:

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 94.

Một là, có thể đoàn kết đại đa số để cùng chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, làm tăng thêm sức nặng của Trung Quốc trong các công việc quốc tế. Trung Quốc vốn không phải là lớn mạnh, nhưng có đông đảo bạn bè, thế giới thứ ba, đủ để buộc bất kỳ siêu cường quốc nào phải nể trọng.

Hai là, có thể thông qua hợp tác Nam-Nam với các nước thế giới thứ ba, giành được cái lợi giống như các nước phát triển hợp tác với Trung Quốc, đồng thời dùng hợp tác Nam-Nam để thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc và hợp tác Nam-Nam, gây sức ép với các nước phát triển, thí dụ như yêu cầu các nước phát triển xuất phát từ lợi ích toàn cầu, bỏ tiền ra giúp cho các nước chậm phát triển cùng được phát triển.

7.5. CÓ MỘT SỐ NƯỚC TRONG THẾ GIỚI THỨ BA MUỐN TRUNG QUỐC ĐỨNG ĐẦU; NHƯNG CHÚNG TA TUYỆT ĐỐI KHÔNG THỂ ĐỨNG ĐẦU. ĐÓ LÀ MỘT QUỐC SÁCH CĂN BẢN

"Đứng về phía thế giới thứ ba" có rất nhiều cách "đứng".Đứng được tốt, sẽ có lợi cho Trung Quốc; đứng không tốt, ngược lại, sẽ có nhiều phiền phức.

Một lần Đặng Tiểu Bình nhắc nhở các đồng chí trong đảng: "Có một số nước trong thế giới thứ ba muốn Trung Quốc đứng đầu. Nhưng chúng ta tuyệt đối không thể đứng đầu. Đó là một quốc sách căn bản"[1].

Đứng đầu thì làm sao? có bài học lịch sử: Liên Xô đã

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 363.

một thời gian dài đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, làm cho "anh em" trong "đại gia đình" tranh cãi om sòm, nhà nào có vấn đề là phải đến duy trì trật tự, đối ngoại còn phải gánh vác nghĩa vụ bảo đảm an toàn. Kết quả trở thành người khổng lồ về quân sự nhưng ngoài mạnh trong rỗng, thấp lùn về kinh tế, trong ngoài không cân xứng, cuối cùng không trụ nổi, phải phân chia ra để sống.

Thời kỳ "cách mạng văn hóa", Trung Quốc có mấy vị phái tả muốn bắt chước Liên Xô, lấy "ba thế giới" của Mao Trạch Đông làm ngọn cờ hiệu triệu, biến Trung Quốc thành căn cứ địa cách mạng thế giới. Bản thân mình rõ ràng ăn chưa no, còn muốn siết chặt dây lưng đóng vai trò hảo hán, khẳng khái viện trợ các nước anh em trong thế giới thứ ba, thề thốt đòi giải phóng toàn nhân loại thật là một vở kịch ồn ào!

Theo Đặng, đứng về phía thế giới thứ ba, nói lời công bằng thì có thể được. Nhưng quyết không thể đứng đầu, vì như thế tuyệt đối không có lợi gì:

Một là, lực lượng của bản thân Trung Quốc không đủ, không đóng nổi vai đứng đầu. Đứng đầu, tức là gỡ hết các quả bầu trên tường treo vào cổ mình. Chừng ấy quả bầu sẽ có ngày đè xuống khiến Trung Quốc không đứng thẳng lưng lên được, ít nhất cũng làm cho hành động không thuận tiện. Lại thêm, Trung Quốc vốn nghèo, việc của bản thân đã làm không hết, làm sao có năng lực bao hết chừng ấy anh em. Huống chi anh bao như thế, vừa tốn sức lại vừa không nhất định làm anh em vừa lòng. Xây dựng tốt nước Trung Hoa có một tỷ nhân khẩu, thì tự nó đã là một cống hiến rất lớn cho nhân loại. Vứt bỏ việc no ấm của một

tỷ dân không chăm lo, lại đi ôm lấy trách nhiệm đứng đầu thì có gì là cần thiết?

Hai là, khi đã đứng đầu, thì sẽ mất rất nhiều chủ động. Đứng đầu, coi như đã cột chặt Trung Quốc vào con thuyền của thế giới thứ ba, lại còn phải làm thuyền trưởng, có trách nhiệm với an toàn của tất cả thuyền viên. Thế giới thứ ba, nói về lý luận, là coi những nước giàu, nhất là những siêu cường, là kẻ thù. Đứng đầu họ, thì phải có tác dụng lãnh đạo, dẫn đầu những anh em nghèo đó đối kháng với các nước giàu, với các siêu cường. Nếu như vậy, Trung Quốc sẽ không thể độc lập tự chủ giao dịch với các nước phát triển, không có cách gì vận dụng sách lược cơ động linh hoạt trong khi xử lý quan hệ với các nước lớn. Trung Quốc đứng về phía các nước thế giới thứ ba là một con bài có sức nặng trong việc giao dịch với các siêu cường. Nhưng nếu lại lún sâu vào đó, thì Trung Quốc sẽ thành một con bài trong tay các nước khác. Như thế có khác gì nhốt mình trong tổ kén gây trở ngại cho bản thân mình, chặn đứng con đường để Trung Quốc triển khai hợp tác với các nước phát triển, giành tiền vốn và kỹ thuật, có lợi cho công cuộc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc.

7.6. VƯỢT QUA CHẾ ĐỘ XÃ HỘI VÀ HÌNH THÁI Ý THỨC

Tư duy mới về ngoại giao của Đặng Tiểu Bình trong thập kỷ 80, nếu khái quát bằng một câu, thì đó là: "Suy xét về quan hệ giữa nước này với nước khác, chủ yếu cần xuất phát từ bản thân lợi ích chiến lược của nước mình...

không nên so đo về sự khác biệt trong chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội"[1].

Trước kia, việc giao dịch và hợp tác đối ngoại của Trung Quốc tại sao không mở ra được cục diện? Có nguyên nhân từ phía người khác, cũng có nguyên nhân từ phía mình. Nguyên nhân về phía mình, chủ yếu là đem những giáo điều "tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa" vận dụng trong quan hệ quốc tế, dùng chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội để quyết định quan hệ địch ta. Cùng một chế độ, có cùng quan điểm, mới có thể là bạn bè, ngược lại thì là kẻ thù. Trung-Mỹ coi nhau là thù địch hơn 20 năm. Trung Quốc trường kỳ bất hợp tác với các nước phương Tây, giữa Trung Quốc và Liên Xô có hơn 20 năm đối kháng, trong đó nguyên nhân về phía đối phương, nói theo như ta thì một anh là đế quốc chủ nghĩa, một anh là tư bản chủ nghĩa, một anh là chủ nghĩa xét lại, cộng thêm tinh thần không tin ma, không sợ quỷ, thề thốt đòi tiêu diệt đế quốc, xét lại, phản động thì làm sao có thể tiếp xúc, đối thoại, hợp tác?

Đặng dùng một câu để nói rõ thực chất của vấn đề: Đó đều là tự mình gây trở ngại cho mình.

Trở ngại trong quan hệ giữa nước này với nước khác không thuần túy chỉ là ảo ảnh do con người tạo ra, nguồn gốc của nó còn do xung đột về lợi ích. Vấn đề là xung đột lợi ích khi đã gắn với thiên kiến về chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội thì sẽ trở nên phức tạp và sâu sắc lên. Xung đột lợi ích thuần tuý thì hoàn toàn có thể bình tĩnh ngồi lại với nhau, qua hiệp thương, đàm phán để tìm ra

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 330.

biện pháp giải quyết mà hai bên đều có thể chấp nhận. Sau khi gộp cả vấn đề chế độ và quan điểm vào, thì hai bên xung đột sẽ coi nhau như kẻ thù, không ai chịu nghe theo lý lẽ của ai, không còn chỗ để thương lượng nữa, nhượng bộ là coi như đầu hàng, không có khí phách. Biện pháp duy nhất để giải quyết chỉ còn là đánh đổ, tiêu diệt. Tiêu diệt không nổi thì gây căng thẳng, chiến tranh lạnh, không bên nào chịu thua bên nào.

Từ chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội mà xét quan hệ giữa các quốc gia, thì trong khi trách cứ người khác, cũng cô lập luôn cả mình. Muốn là bè bạn thì anh phải có chế độ giống với tôi, có quan điểm nhất trí với tôi; không thể kết bạn với "sài lang", chơi bời với "ma quỷ". Như vậy thì có mấy bè bạn để giao du? Đặng ý thức rất rõ chính sách vạch đất để giam mình đó, coi như đã tự cô lập mình với thế giới. Trung Quốc muốn thực hiện bốn hiện đại hóa, thì phải mở cửa với tất cả các nước. Mở cửa ra các phía yêu cầu phải dỡ bỏ các chướng ngại nhân tạo. Dỡ bỏ chướng ngại, mới là chính sách ngoại giao hiện thực: "Có thể kết giao với tất cả mọi người"[1]. Thế giới thứ ba cần giao dịch, các nước phát triển càng cần giao dịch; cần giao dịch với Bắc Triều Tiên, cũng cần giao dịch với Nam Triều Tiên; không kể mèo đen mèo trắng, hễ có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc, thì đều nên kết giao. Đặng biết rằng "Dùng tư tưởng đó để xử lý quan hệ giữa các quốc gia, nếu không có dũng khí chiến lược thì không được"[2]. Bởi vì kết giao với tất cả mọi người, bao gồm kết giao với"ma quỷ", kết giao với kẻ thù cũ. Do đó, đồng thời càng

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 260, 330.

cần đến trí tuệ "trong khi kết giao tìm được cái lợi, tránh được cái hại"[1].

Từ chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội để suy xét về quan hệ giữa các quốc gia, không những không kết giao được bạn bè, mà kết giao được cũng khó cư xử với nhau, rất dễ đi tới chỗ bế tắc. Bởi vì đã nhấn mạnh sự nhất trí thì khó chấp nhận người khác có ý kiến khác mình, có chút khác mình, liền cảm thấy không đủ là bè bạn, liền chỉ trích, can thiệp, áp đặt cho người khác.

Sự can thiệp bao giờ cũng là hai chiều, anh lớn tiếng chỉ trích người khác,người khác tất có quyền trả lời anh, kết quả là đất bằng nổi sóng, đã không hợp nhau, là tan tình bè bạn. Trước kia Trung Quốc đã từng can thiệp vào việc của người khác. Sau khi cải cách mở cửa đã trở nên khoan dung hơn, không còn quản việc của người khác. Vấn đề còn lại là không cho phép người khác can thiệp vào Trung Quốc như thế nào. Trong khi kết giao với những nước phát triển có ưu thế, Trung Quốc nghiêng về phía không can thiệp vào việc của người khác, nhưng cũng không chịu để người khác can thiệp vào việc của mình. Đặng biết rằng một số nước hay tùy tiện bình luận về Trung Quốc cũng chính là vì đã gộp cả quan hệ nhà nước với chế độ xã hội và quan niệm gía trị. Do đó, nhấn mạnh việc vượt qua chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội, ngược lại, lại có lợi cho mình. Tôi không quản đến công việc của anh, thì cũng mong anh tôn trọng tôi, đừng quản tới công việc của tôi. Như vậy mới có thể độc lập tự chủ, chung sống hòa bình với mọi quốc gia khác.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 260.

So đo những điểm khác biệt về chế độ xã hội và hình thái ý thức xã hội đưa lại cho Trung Quốc hai điều bất lợi lớn: Ít bạn bè và luôn có xích mích. Đặng mới bỏ qua một chút, đã giành được hai điều lợi lớn: Bè bạn nhiều lên và độc lập, tự chủ.

7.7. ĐỐI KHÁNG SẼ MẤT BÈ BẠN, LIÊN MINH SẼ MẤT TÍNH ĐỘC LẬP

Đặng Tiểu Bình cho rằng, Trung Quốc khi xử lý mối quan hệ với bất kỳ quốc gia nào, đều cần cố gắng tránh hai chính sách cực đoan: Đối kháng và liên minh. Đối kháng sẽ mất bè bạn, liên minh sẽ mất tính độc lập. Phương thức lý tưởng nhất ở giữa hai cực đoan đó là nền ngoại giao hòa bình,độc lập tự chủ. Điều cốt lõi của nó là hòa bình hữu hảo với bất kỳ nước nào, nhưng cần giữ một khoảng cách nhất định. Đó mới là sự lựa chọn có lợi nhất cho Trung Quốc.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Đặng đã hết sức cố gắng, lần lượt chấm dứt trạng thái đối địch hoặc cách bức với Mỹ, Nhật, Tây Âu và Liên Xô. Nhưng với bất kỳ nước nào, Đặng cũng đều giữ khoảng cách, không quá gần gũi, cũng không liên minh. Trung Quốc luôn luôn hữu hảo với các nước thế giới thứ ba,nhưng không tạo thành "đại gia đình quốc tế". Có một số nước thế giới thứ ba chủ động yêu cầu Trung Quốc đứng đầu, Đặng kiên quyết từ chối. Trung Quốc cùng Nhật Bản, một cường quốc kinh tế ở châu Á chỉ cách nhau một vùng biển hẹp, cư xử như láng giềng thân mật, nhưng không cùng với Nhật tạo thành phạm vi thế

lực. Năm 1979, Đặng sang thăm Mỹ, thực hiện bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ, rõ ràng có dụng ý nhằm chống lại chủ nghĩa bá quyền Liên Xô, nhưng không có ý định tham gia "tập đoàn chính trị" với Mỹ. Kết thúc cuộc đi thăm, lại công bố bản thông cáo báo chí mà không có tuyên bố chung giữa hai nước, vì làm như vậy có phần không chính thức hơn, ít sức ràng buộc hơn. Cuối thập kỷ 80, cải thiện quan hệ với Liên Xô, nhưng không còn "vừa là đồng chí vừa là anh em" như từ trước thập kỷ 60 nữa, mục đích cũng là để giữ sự độc lập tự chủ.

Thái độ vừa kết bạn, vừa không quá thân mật đó, không thể hiểu là không trung thực với bè bạn, mà là mưu lược ngoại giao kiểu Trung Quốc vừa kết bạn rộng rãi, vừa không làm mất tính độc lập.

Đối đãi với bè bạn với khoảng cách như nhau mới có thể giữ được nhiều bè bạn. Nếu quá thân mật với một hoặc mấy bè bạn, thì tất làm những bạn khác cảm thấy bất an, nên không có lợi cho việc kết giao rộng rãi. Nếu Trung Quốc hợp thành một tập đoàn với một hoặc mấy nước khác, thì có nghĩa là đoạn giao với những nước ngoài tập đoàn không thể cùng giao du với họ được. Mà nước liên kết trong tập đoàn có thật đáng tin cậy không, lại là một vấn đề.

Giữ một khoảng cách nhất định với bạn bè tiện cho việc giải quyết quan hệ bạn bè. Nếu quá gần gũi, lại bị ràng buộc, khiến mình mất rất nhiều tính chủ động. Ngược lại, giữ khoảng cách nhất định, người khác sẽ sợ anh bỏ đi sang phía khác, làm tăng sức mạnh của phía khác. Như vậy, anh lại được chủ động, không phải hành động theo sắc mặt của người khác. Nếu họ có gì sai trái, anh còn có

thể có ý kiến phê phán. Nếu quá thân mật, sẽ không dễ phê phán, hễ phê phán là có thể xa cách.

Giữ khoảng cách nhất định, sức ràng buộc sẽ nhỏ, mức độ tự do của mình sẽ lớn hơn. Tuy là bè bạn, nhưng vẫn có sự bảo lưu ngoài việc bảo lưu quyền giao dịch với người thứ ba, còn bảo lưu quyền phê phán với bản thân bè bạn đó nữa, thậm chí cả quyền từ bỏ anh nếu anh không còn đủ tư cách là bè bạn. Có sự bảo lưu thì có thể tự do giao dịch, có thể độc lập phát biểu ý kiến của mình. Như vậy, càng có lợi cho Trung Quốc độc lập tự chủ, phát huy tác dụng trong công việc quốc tế, mà không phải trong bất cứ việc gì cũng phải xoay quanh người khác.

Về mặt tình cảm, có thân mật một chút cũng không sao, và cũng là điều khó tránh. Đặng đặc biệt nhấn mạnh không thể tạo thành một tập đoàn có hiệp ước liên minh. Liên minh có ba tình huống: Một là, người khác yếu, Trung Quốc là minh chủ. Như vậy, có thể có cái lợi. Nhưng để Trung Quốc có thể làm minh chủ hầu như chỉ có thế giới thứ ba, mà đối với những anh em nhỏ đó, thái độ của Trung Quốc xưa nay là coi nghĩa vụ lớn hơn quyền lợi. Thêm nữa, con bài đó có thể có chút sức nặng về chính trị, nhưng không có gì về quân sự và kinh tế. Hai là, làm một thành viên của liên minh. Người khác lớn mạnh hơn Trung Quốc, Trung Quốc gia nhập một tập đoàn như thế khác gì cột mình vào chiến xa của họ. Cột vào chiến xa của người khác, ngoài việc mất tự do, còn phó thác việc an toàn của mình cho người khác. Điều đó có nghĩa là phải hành động theo ý người khác, nếu xảy ra lục đục, thì không còn bảo đảm an toàn gì nữa. Ba là, thực lực tương đương, đóng vai một bên liên minh bình đẳng. Trong nội bộ, nghĩa vụ và quyền lợi đều như nhau; đối ngoại, hai bên đều có thể chơi

con bài của nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau. Như vậy, xem ra cũng được, nhưng không phải là thượng sách. Thượng sách là làm bạn bè, nhưng giữ một khoảng cách nhất định, bảo lưu quyền đi lại tự do. Quyền chủ động đó hoàn toàn trong tay ta. Nếu bên này không hay, ta có thể dịch sang bên kia, bên kia không tốt, ta lại dịch sang bên này. Kết quả, ai cũng sợ Trung Quốc rời xa, người khác không thể chơi được con bài của ta, ngược lại, có lúc ta lại có thể chơi con bài của họ.

Không dựa vào bất kỳ ai, có thể bị cô lập không? Nếu Trung Quốc quá nhỏ bé, không đáng kể gì, thì sẽ như vậy. Song Trung Quốc bất kỳ về mặt nào, cũng không thể bị mọi người coi thường. Chỉ riêng thị trường rộng lớn của Trung Quốc cũng khiến rất nhiều nước ngoài không thể bỏ được. Đương nhiên có điều kiện đó mà không dựa vào ai thì muốn không bị cô lập, còn cần có một tiền đề, đó là không gây sự với ai. Không gây sự với ai, kết bạn với tất cả, nhưng không dựa vào ai, giữ địa vị độc lập, thì kết quả sẽ thế nào? Nước nào cũng muốn tranh thủ, nước nào cũng sợ mất lòng. Như vậy, sức nặng của Trung Quốc sẽ tăng thêm, bè bạn sẽ nhiều thêm.

Vì vậy, Đặng nói: "Chúng ta kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, không tham gia tập đoàn nào. Kết giao với tất cả, kết bạn với tất cả. Ai thực hiện chủ nghĩa bá quyền, ta sẽ phản đối người đó; ai xâm lược người khác, ta sẽ phản đối người đó. Ta nói lời nói công bằng, làm công việc công bằng, thì sức nặng chính trị của nước ta sẽ tăng lên. Chính sách đó rất có hiệu quả, ta cần kiên trì đến cùng"[1].

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 162.

7.8. TRỜI CÓ SẬP XUỐNG ĐÃ CÓ NGƯỜI TO LỚN CHỐNG ĐỠ, SỢ CÁI GÌ?

Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau là một trong năm nguyên tắc chung sống hòa bình do Trung Quốc khởi xướng. Đó vốn là một quy tắc để giải quyết quan hệ với Ấn Độ, một nước láng giềng có địa vị tương đương với Trung Quốc trong thập kỷ 50. Không ngờ, tới thập kỷ 80, nó lại trở thành một vũ khí tự vệ vô cùng quan trọng trong nền ngoại giao Trung Quốc, trở thành câu nói cửa miệng của Đặng Tiểu Bình và những người lãnh đạo khác của Trung Quốc trước thế giới. Đặng thậm chí còn nói: "Nguyên tắc chủ yếu nhất trong trật tự quan hệ quốc tế mới, là không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác"[1].

Can thiệp vào công việc nội bộ khác với vũ trang xâm lược. Nó là một phương thức ngoại giao của một nước dựa vào thực lực của mình để gây sức ép hoặc ảnh hưởng tới nước khác. Có thể gây ảnh hưởng đối ngoại hay không hoặc có sợ ảnh hưởng của nước ngoài hay không chủ yếu phụ thuộc vào sự lớn mạnh hay không của nước mình. Nói chung, chủ trương can thiệp hoặc can thiệp một cách phớt lờ là lập trường của nước lớn, còn nước yếu thì nghiêng về chủ nghĩa không can thiệp.

Kinh tế kém phát triển, cộng thêm tâm lý không muốn để một số ít nước làm chúa tể thế giới, khiến Trung Quốc trở thành người phản đối tự nhiên đối với hành vi can thiệp của nước lớn. Do nguyên nhân lịch sử và văn

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 360.

hóa. Trung Quốc đặc biệt nhạy cảm với hành vi can thiệp. Đương nhiên không thể nói nguyên tắc không can thiệp là một nguyên tắc phiến diện chỉ có lợi cho Trung Quốc. Đặng tính toán đầy đủ đến việc nguyên tắc này có thể được sự ủng hộ rộng rãi trên thế giới. Tiếng kêu mạnh mẽ phổ biến của Tổ chức thống nhất châu Phi là yêu cầu nước khác đừng can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Ngoài ra, nhiều nước theo đạo Hồi chiếm 1/5 nhân khẩu thế giới cũng không chấp nhận việc can dự của các nước phương Tây. Cộng thêm Trung Quốc, cũng chiếm 1/5 nhân khẩu thế giới, thì đội ngũ này đã đủ lớn.

Không can thiệp là hành vi có tính song phương, yêu cầu người khác không can thiệp vào nước mình, tự mình cũng không can thiệp vào nước khác. Trung Quốc muốn thực hiện việc không can thiệp vào nước khác là tương đối dễ. Xét trong lịch sử, người Trung Quốc xưa nay chỉ chuyên chú tới việc làm sao chiến thắng và khống chế người khác trong nội bộ của đại quốc trung ương, chứ không có ham muốn chi phối gì với các di bang ở ngoại vực. Mong muốn lớn nhất chỉ là người khác đừng tới quấy rối. Trong thời kỳ "cách mạng văn hóa", một số ít người có cuồng vọng biến Trung Quốc thành căn cứ địa của cách mạng thế giới, đã làm một số việc gán ép cho người khác, xuất phát điểm vẫn là ý tốt muốn giúp đỡ người khác, và Trung Quốc đã phải mất đi rất nhiều so với cái lợi thu được. Chỉ những người không thông minh mới làm như vậy. Từ ngày cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc một lòng giữ quan hệ tốt với thiên hạ, lo chiến tranh ảnh hưởng đến xây dựng hiện đại hóa, đặt việc phát triển bản thân lên hàng đầu, việc của mình làm không hết, còn lòng dạ nào chú ý tới nước khác. Trung Quốc không có ý, cũng

không có sức đi can thiệp vào việc của người khác, thì việc "không can thiệp vào việc nội bộ của nhau", đối với Trung Quốc, là vũ khí mạnh mẽ để chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự tôn nghiêm dân tộc.

Trung Quốc muốn thực hiện hiện đại hóa thì cần mở cửa ra bên ngoài, nhất là mở cửa ra các nước phát triển phương Tây. Trong tình thế đó, nếu không tách riêng nội chính với ngoại giao, cho phép việc can thiệp lẫn nhau, xem ra thì quyền lợi ngang nhau, anh can thiệp tôi, tôi cũng can thiệp anh, nhưng thực tế thì bất lợi cho Trung Quốc. Vì Trung Quốc ở vào thế yếu, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản chưa đủ khiến người ta tin. Nếu không ngăn cấm việc can thiệp lẫn nhau, thì Trung Quốc không gây được ảnh hưởng gì với người khác, người khác đã dựa vào ưu thế về mọi mặt, đủ để làm thay đổi màu sắc của Trung Quốc, đưa Trung Quốc ngả sang phía tự mình không thể khống chế được. Đương nhiên, can thiệp không nổi với người khác, thì còn một phương pháp chống đỡ nữa, là đóng chặt cửa lại, không giao dịch với bên ngoài nữa. Nhưng như thế thì không có lợi cho xây dựng hiện đại hóa. Với sự suy tính không thể không mở cửa và lại không để xảy ra hậu quả Tây hóa toàn diện, thì không can thiệp lẫn nhau trở thành một biện pháp không thể thiếu được để bảo hộ mình.

Không cho phép can thiệp, cũng là một kỹ xảo trong cư xử quốc tế. Chính vì Trung Quốc còn yếu, nên càng cần giữ độc lập tự chủ, không tin ma, không sợ quỷ, không chấp nhận can thiệp, không tỏ ra là mình yếu. Đây không phải là loại tinh thần A.Q., mà vì trước kẻ mạnh, anh càng sợ, càng tỏ ra yếu, người ta càng lấn tới. Người ta không vì

anh mềm mỏng mà tốt với anh, ngược lại, càng cảm thấy dễ ăn hiếp anh, càng coi thường anh. Cứ được đằng chân lân đằng đầu như thế, thì càng ngày càng phiền phức. Đương nhiên, thực hiện chiến tranh tâm lý với kẻ mạnh, cần có dũng khí rất lớn. Đặng đúng là không thiếu dũng khí. Trời có sập xuống thì đã có người to lớn chống đỡ, sợ cái gì?

Trung Quốc có thể thay đổi, nhưng phải thay đổi theo ý mình, chứ không thể để người khác khoa chân múa tay chỉ huy, bởi vì điều đó quan hệ tới lòng tự tôn của người Trung Quốc. Đặng hiểu rằng nếu không có lòng tự tôn dân tộc, không coi trọng nền độc lập và sự tôn nghiêm dân tộc, thì không thể xây dựng được quốc gia. Một lần, ông nói "thực lòng" với Níchxơn: "Nếu Trung Quốc không tôn trọng mình, thì Trung Quốc sẽ không đứng vững được, không còn quốc thể nữa. Điều này quan hệ lớn lắm. Bất kỳ người lãnh đạo nào phạm sai lầm về vấn đề này sẽ bị đánh đổ, nhân dân Trung Quốc sẽ không tha thứ cho họ"[1]. Đúng như vậy, trong lịch sử cận đại, chính phủ nào bị nghi ngờ là bán nước đều không đứng vững được.

Vấn đề càng thực tế hơn là Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Vấn đề Đài Loan nếu bị quốc tế hoá, thì vấn đề thống nhất Tổ quốc sẽ không còn hy vọng. Dùng cái gì để ngăn trở việc quốc tế hóa vấn đề Đài Loan? Đó là nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ. Vấn đề Đài Loan là công việc chính trị nội bộ của Trung Quốc, hai bờ eo biển hành động như thế nào là việc của Trung Quốc. Bất kỳ nước nào muốn giữ quan hệ hữu hảo với Trung Quốc, thì

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 332.

tiền đề là phải công nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Còn như sự kiện "ngày mồng bốn tháng sáu" (tức 4-6-1989, ngày Trung Quốc đàn áp phong trào tự do hóa ở Bắc Kinh-ND), hội nghị người đứng đầu 7 nước phương Tây ra tuyên bố trừng phạt Trung Quốc, phản ứng đầu tiên của Đặng là "Ai cho họ có quyền đó!". Những phái bị phê phán trong phong trào 4-6 đều là phái Tây hóa. Nếu cho phép phương Tây nhúng tay vào, thì sẽ rất khó ổn định được tình thế.

7.9. NẾU TRƯỚC ĐÓ KHÔNG NHỐT CON GẤU BẮC CỰC VÀO CHUỒNG, THÌ LÀM THẾ NÀO ĐỂ DỄ ĐỘNG BINH VỚI VIỆT NAM?

Liên Xô, con gấu Bắc Cực, ngay từ thập kỷ 60 đã bố trí nhiều quân đội ven biên giới Trung-Xô và biên giới Trung Quốc-Mông Cổ. Kể cả quân đội phái tới Mông Cổ thì tổng số lên tới một triệu. Số tên lửa nhằm vào Trung Quốc, tương đương 1/3 số tên lửa của toàn Liên Xô... Liên Xô hình thành thế bao vây chiến lược đối với Trung Quốc, sân sau của Trung Quốc trở thành phạm vi thế lực của Liên Xô, an toàn quốc gia bị uy hiếp nghiêm trọng.[1].

Đặng Tiểu Bình lúc đó vừa chiến thắng phái "phàm là", nắm quyền quyết sách tối cao của Trung Quốc, vốn mong muốn từ đó về sau sẽ tập trung toàn bộ sức lực vào xây dựng hiện đại hóa. Công việc này không thể kéo dài nữa. Nhưng trong tình hình bị Liên Xô bao vây ba mặt, làm sao có thể yên tâm xây dựng? Đặng không thể không

1. Lưu ý: Đây là cách nói của Trung Quốc. (B.T).

một mặt bố trí tiến trình hiện đại hóa, một mặt nghĩ cách làm thế nào để nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng, để hạn chế dã tâm bành trướng của nó với Trung Quốc.

Các nước bạn trong thế giới thứ ba không giúp đỡ được bao nhiêu. Nhưng chính vào lúc đó, Mỹ đã có hành vi chủ động. Oasinhtơn không muốn thấy thế lực của người Nga bành trướng quá đáng ở châu Á, cảm thấy trước sự uy hiếp của Liên Xô, lợi ích chung của hai nước Mỹ-Trung tăng lên, nên đã thỏa hiệp với Trung Quốc trên vấn đề Đài Loan là vấn đề vốn gây trở ngại cho sự bình thường hóa giữa hai nước, đã tiếp nhận ba điều kiện, đó là rút quân khỏi Đài Loan, đoạn giao và xoá bỏ điều ước tương trợ. Trong tình hình đó, Đặng đã đi một bước quan trọng trong chiến lược ngoại giao: Nhận lời mời bình thường hóa của Tổng thống Catơ vào đầu năm 1979, với tư cách người lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc, bay qua Thái Bình Dương, tiến hành cuộc đi thăm chính thức đầu tiên tới nước Mỹ.

Rất nhiều nhà quan sát chú ý, trong thời gian thăm Mỹ, Đặng đã ra sức đóng vai một phần tử thân Mỹ. Chỉ vì để tìm đến sự hợp tác cần thiết về kinh tế và kỹ thuật cho công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc, nên đương nhiên cần phải làm như vậy. Càng quan trọng hơn là mượn việc nhấn mạnh lợi ích chung giữa Mỹ và Trung Quốc để cho con gấu Bắc Cực thấy. Trong cuộc hội đàm chính thức với Catơ, Đặng nhấn mạnh việc Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ cần phối hợp hành động để ngăn cản sự bành trướng của Liên Xô, nhưng có điều bảo lưu quan trọng cho rằng không cần thiết phải xây dựng liên minh chính thức. Song, trong các trường hợp công khai, tư thế chống Liên Xô mà Đặng biểu lộ ra, là chưa từng có từ thời "cách mạng văn hóa" đến lúc

đó. Khi tiếp xúc với giới báo chí, Đặng kêu gọi Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Âu và các nước khác trên thế giới liên hiệp lại để cùng chống chủ nghĩa bá quyền Liên Xô. Ông nói: Chúng tôi cho rằng nguy cơ chiến tranh đến từ phía Liên Xô, sự uy hiếp đến hòa bình, an toàn và ổn định trên thế giới đến từ phía Liên Xô. Chúng ta có thể làm thế này: Liên Xô hành động ở đâu, chúng ta sẽ ngăn trở ở đó, phá hoại, đập tan mọi hành động của Liên Xô ở bất cứ nơi nào... Có người nói, những lời nói chống Liên Xô của Đặng trong những ngày ở Mỹ hầu như cũng gay gắt như những lời công kích Liên Xô trong thời kỳ "cách mạng văn hóa". Tại sao như vậy? Trong khi trả lời tuần báo "Thời Đại", Đặng Tiểu Bình trả lời như sau: "Cần phải nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng". Trước khi rời Mỹ, Đặng để lại lời nói cuối cùng: "Muốn trói được con gấu Bắc Cực, biện pháp duy nhất của chúng ta là đoàn kết lại". Báo Sự thật Liên Xô trong khi chỉ trích chuyến đi thăm Mỹ của Đặng, đã viết: "Đó là một tuần lễ du thuyết tung hỏa mù phản động chống Liên Xô". trên thực tế, trên đường ghé Nhật Bản của Đặng, ông cũng vẫn nhấn mạnh chủ đề đó.

Mọi người còn chú ý thấy rằng, 10 ngày sau chuyến đi gió lốc đó của Đặng, bộ đội biên phòng Trung Quốc ở khu vực biên giới Quảng Tây, Vân Nam đã mở đầu cuộc phản kích tự vệ dạy bài học cho Việt Nam[1]. Dư luận phương Tây cho rằng, chuyến đi thăm vòng Thái Bình Dương đó của Đặng là sự trinh sát hỏa lực đối với Mỹ, Nhật. Đúng như vậy, nếu trước đó không nhốt con gấu Bắc Cực vào chuồng thì làm thế nào để dễ động binh chống Việt Nam? Việt

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T).

Nam có điều ước bảo đảm an toàn với Liên Xô. Để củng cố chuồng gấu, trong suốt năm 1979, hai nước Trung-Mỹ trong khi tăng cường hợp tác kinh tế văn hóa, cũng bắt đầu hợp tác quân sự. Thí dụ, hải quân Mỹ thăm Trung Quốc, hai bên trao đổi đoàn đại biểu quân sự, Mỹ bán vũ khí cho Trung Quốc. Giữa năm 1979, mời bộ trưởng quốc phòng Mỹ sang thăm Trung Quốc, mở đầu sự hợp tác quân sự Trung-Mỹ. Trung Quốc và Mỹ cùng nhau giám sát việc thử hạt nhân của Liên Xô, trao đổi tin tình báo về Áganitxtăng và Việt Nam.

7.10. ĐẶNG ĐỊNH NGÀY ĐI THĂM MỸ VÀO MỒNG MỘT ĐẦU NĂM ÂM LỊCH

Trung-Mỹ đối địch hơn hai mươi năm, trở ngại chủ yếu không ngoài hai điều: Sự khác biệt về chế độ xã hội và vấn đề vị trí của Đài Loan. Đối với Trung Quốc, điều thứ nhất là chế độ xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, điều thứ hai là yêu nước hay bán nước, đều là những vấn đề rất nhạy cảm.

Nếu cộng thêm những điều kiện quốc tế, thì hướng phát triển của quan hệ Trung-Mỹ sẽ được quyết định bởi ba nhân tố: Một là, do so sánh lực lượng chính trị trong nội bộ Trung Quốc, quyết sách chính trị đối với chủ nghĩa tư bản sẽ như thế nào. Sẽ một mực phê phán, phủ định, hay sẽ chủ trương học tập bắt chước. Điểm này tuy không trực tiếp nhưng lại quyết định về căn bản xu thế chung của quan hệ Trung-Mỹ. Hai là, hai bên Trung-Mỹ có thái độ thế nào với vấn đề Đài Loan, nếu hai bên có thể thông

cảm lẫn nhau ở mức cao, thì sẽ trực tiếp quyết định con đường phát triển của quan hệ Trung-Mỹ. Ba là, nhân tố bên ngoài là quan hệ Trung-Xô. Theo chiến lược ngoại giao truyền thống của Trung Quốc, chỉ nên có một kẻ thù chủ yếu, không thể cùng một lúc chống lại cả hai kẻ thù. Nếu Trung-Xô tăng thêm căng thẳng thì sẽ trực tiếp thúc đẩy Trung-Mỹ xích lại gần nhau. Đương nhiên, nếu Trung-Xô hòa hoãn thì cũng không có nghĩa là sẽ làm cho quan hệ Trung-Mỹ tụt xuống mức thấp nhất.

Ba nhân tố trên chi phối lẫn nhau. Đầu những năm 70, nguy cơ ở biên giới phía Bắc tăng lên, Mao Trạch Đông đã chuyển chiến lược chống cả hai siêu cường nghiêng nhiều sang chống Liên Xô. So với Liên Xô, sự uy hiếp của Mỹ từ bên kia Thái Bình Dương rõ ràng là nhỏ hơn nhiều. Năm 1972, với sự đánh giá "Việc Đài Loan là nhỏ, việc thế giới là lớn", Mao đã bắt tay hoà đàm với Níchxơn. Mao cố ý kết thành đồng minh chiến lược ngầm với Mỹ để chống lại sự uy hiếp của con gấu Bắc Cực. Song, sự bình thường hoá quan hệ Trung- Mỹ không phải đã thuận lợi. Oasinhtơn không dễ dàng từ bỏ chiếc "hàng không mẫu hạm không thể bị đánh chìm" trên Thái Bình Dương, lần nữa không chịu nhượng bộ về vấn đề Đài Loan. Còn Trung Quốc, trong điều kiện còn theo đuổi đường lối trong cách mạng văn hoá, cũng khó có thể đi cùng với Mỹ, tên đầu sỏ của chủ nghĩa tư bản.

Tất cả những điều đó đều trông vào tài xoay chuyển của Đặng Tiểu Bình. Đặng ôm ấp kế hoạch làm bốn hiện đại hoá, mục tiêu của bốn hiện đại hóa phải tiến tới bằng hai bánh xe: Một là, cải cách thể chế cũ để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất; hai là, kết thúc trạng thái đóng cửa lâu dài trong đối ngoại, mở cửa với các nước, nhất là

các nước phát triển trên thế giới, để giành được tri thức khoa học kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý hiện đại. Đặng biết rằng mở cửa sang phương Tây, trước hết phải qua Mỹ. Mỹ là nước đứng đầu các nước phát triển phương Tây, lại là nước có trình độ hiện đại hóa cao nhất. Trước kia, Trung Quốc hoàn toàn ngăn cách với toàn bộ thế giới phương Tây, trước hết là vì ngăn cách với Mỹ. Nay muốn thông sang phương Tây thì trước hết phải mở cửa sang Mỹ.

Nhưng Đặng cũng bị ràng buộc bởi nhiều nhân tố, không thể không thận trọng suy xét thời thế. Năm 1977, Vanxơ đến thăm Trung Quốc, đàm phán việc bình thường hóa với Đặng. Đặng tỏ ra cố ý lảng tránh, làm như không muốn đề cập vấn đề Đài Loan. Sau đó, Nhà trắng ra thông cáo nói rằng lần hội đàm đó có tiến triển, người lãnh đạo Trung Quốc tỏ ra có sự linh hoạt trong điều kiện bình thường hóa. Đặng thậm chí lại phản bác điều đó. Hành động ấy khiến phía Mỹ cảm thấy kinh ngạc, nhưng thực tế không có gì khó giải thích. Bởi vì lúc đó, Đặng mới được phục chức không lâu, cơ sở chính trị còn mỏng yếu, không thể không e ngại trước vấn đề nhạy cảm là quan hệ Trung-Mỹ. Tháng 5-1978, Bredinxki lại đến thăm, tình hình diễn ra hoàn toàn khác. Lúc đó, quyền lực của Đặng đã tăng lên rõ rệt, ông tỏ ý Trung Quốc đồng ý đàm phán vấn đề bình thường hóa.

Sau đó, sự xấu đi trong quan hệ Trung-Xô lại trở thành liều thuốc kích thích tốt... Quan hệ Trung-Xô không còn đất để hòa hoãn nữa. Mỹ thấy Liên Xô bành trướng ở Nam Á, cũng có phản ứng tích cực trở lại, liền tiếp nhận ba điều kiện rút quân khỏi Đài Loan, đoạn giao và hủy bỏ

điều ước với Đài Loan, chỉ bảo lưu quyền bán vũ khí cho Đài Loan. Liên kết với Mỹ để chống Nga đó cũng là ý của Mao lúc còn sống. Đặng không bỏ lỡ thời cơ, thúc đẩy tiến trình đó. 1-1-1979, Trung-Mỹ chính thức lập quan hệ ngoại giao,hoàn thành cuộc đàm phán kéo dài 8 năm. Tiến trình này hội nhập với sự chuyển biến của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa 11, đánh dấu sự bắt đầu của một thời đại mới.

Tiếp ngay sau đó, Đặng bắt đầu cuộc đi thăm chính thức nước Mỹ đầu tiên của người lãnh đạo tối cao của Trung Quốc trong vòng 30 năm lại đây. Ngoài việc củng cố và phát triển tình hữu nghị Trung-Mỹ đã hình thành, chuyến đi này của Đặng còn có ba sứ mạng: Liên hiệp với Mỹ cùng ngăn chặn Liên Xô để giảm nhẹ sức ép ở biên giới Trung-Xô; đưa việc giải quyết vấn đề Đài Loan, hoàn thành thống nhất Tổ quốc vào chương trình làm việc cụ thể; tìm kiếm sự hợp tác kinh tế kỹ thuật cho chương trình hiện đại hóa vừa phát động.

Đặng định ngày lên đường đi thăm Mỹ vào mồng một đầu năm âm lịch. Hôm đó, mọi người đều bận đón năm mới, mong đón điềm lành đầu năm. Đặng chọn ngày đó để bay qua đại dương kết bạn đầu năm, khiến Catơ rất cảm động. Trong lời chào mừng vào hôm sau, Catơ nói: "Thưa ngài phó thủ tướng, hôm qua là đầu năm theo lịch cũ, là ngày Tết của các ngài, là ngày lễ truyền thống để nhân dân Trung Quốc bắt đầu một lịch trình mới. Tôi nghe nói, trong dịp đầu năm này, mọi thần linh từ thiện của các ngài đều mở hết các cửa. Đó là lúc dẹp bỏ mọi xích mích trong gia đình, là lúc đi thăm bạn bè thân thích. Đối với hai nước chúng ta, hôm nay là giờ khắc đoàn tụ và bắt đầu

một lịch trình mới. Hôm nay là giờ khắc hòa giải, là giờ khắc mở lại cánh cửa từ lâu đã bị đóng kín".

Trong bữa tiệc lớn ở Oasingtơn, Đặng đọc lời phát biểu: "Hai nước chúng ta trong 30 năm qua đã ở vào trạng thái ngăn cách và đối lập, nay tình hình không bình thường đó đã qua rồi". Đặng nồng nhiệt bắt tay Catơ trước mặt các nhà báo và phấn khởi nói: "Nay nhân dân hai nước đang bắt tay nhau".

Ngoài việc liên hiệp ngầm với nhau để chống Liên Xô, người lãnh đạo hai nước còn ký một loạt hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật và giao lưu văn hóa. Nội dung bao gồm: cùng đặt lãnh sự, cùng phái lưu học sinh, hợp tác trong lĩnh vực khai thác nguồn năng lượng, vật lý năng lượng cao và kỹ thuật không gian. Catơ nói, những hiệp nghị đó đại biểu cho "một trào lưu mới không thể đảo ngược" trong quan hệ Trung-Mỹ. Còn Đặng thì nói, những cái đó "mới chỉ là bắt đầu, mà chưa phải là kết thúc", sau này "còn nhiều con đường và lĩnh vực hợp tác giữa hai bên đang chờ đợi chúng ta khai thác".

Sự bất đồng chỉ có hai điểm. Nhật ký của Catơ viết: Đặng cực lực phản đối kế hoạch cử các giáo sĩ nước ngoài đến Trung Quốc truyền giáo, nhưng ông ta đồng ý trên nguyên tắc việc cơ quan truyền thông Mỹ đặt phân xã ở Trung Quốc. Đặng không tán thành việc bán vũ khí cho Đài Loan, ông ta yêu cầu từ sang năm Catơ cần có thái độ thận trọng trong việc bán vũ khí cho Đài Loan, còn hy vọng Mỹ và Nhật thúc giục Đài Loan đàm phán với Trung Quốc.

Trong 8 ngày ở Mỹ, Đặng dùng một nửa thời gian để đi thăm 3 thành phố trung tâm công nghiệp lớn của Mỹ là

Átlanta, Xíttơn và Huxtân. Sự sắp xếp chương trình đó tạo cơ sở cho việc triển khai hợp tác kinh tế sau này. Ông đặc biệt lưu ý đến kỹ thuật cao và thành tựu hiện đại của Mỹ, nhiều lần nói rằng ở Mỹ có rất nhiều điều để Trung Quốc học tập. Đó không phải là lời nói khách khí hoặc khiêm tốn. ở Xíttơn, Đặng nói một câu kết luận: "Chặng cuối cùng trong hành trình của tôi là thành phố được các bạn gọi là "cánh cửa lớn thông sang phương Đông". Điều này khiến chúng tôi ý thức rõ rằng, hai nước chúng ta là hàng xóm cách một dải nước. Thái Bình Dương không nên là trở ngại giữa hai nước chúng ta, mà nên là sợi dây liên hệ giữa chúng ta".

Trong 8 ngày, Đặng hội đàm không mệt mỏi với Tổng thống và các quan chức Mỹ, hội kiến với hàng trăm nghị viên, thống đốc bang, thị trưởng và các nhân vật nổi tiếng trong giới kinh doanh và giới giáo dục, đồng thời còn nói chuyện với mấy ngàn người, trả lời hết tốp nhà báo này đến tốp nhà báo khác. Hơn 2.000 nhà báo đi theo để phỏng vấn, đưa tin; thời gian cao điểm của ba mạng lưới truyền hình Mỹ đều biến thành "thời gian Đặng Tiểu Bình". Dư luận thế giới phổ biến cho rằng, sự tiếp đãi long trọng và hoan nghênh chưa từng có đối với Đặng Tiểu Bình, là điều chưa thấy của lịch sử ngoại giao ở Mỹ. Ký giả của Tân Hoa Xã bình luận: Trong lịch sử ngoại giao giữa Trung Quốc với nước ngoài "lập trường của Trung Quốc đối với công việc quốc tế và quan hệ Trung-Mỹ được công chúng Mỹ hiểu sâu sắc một cách trực tiếp bằng phương thức hữu hiệu đó, là điều trước nay chưa từng có".

Cơn lốc về Đặng Tiểu Bình cuốn lên tại Mỹ đã thúc đẩy quan hệ Trung-Mỹ lên tới đỉnh cao chưa từng có. Nhưng có người vì vậy có cảm giác sai lầm rằng Trung

Quốc cầu cạnh Mỹ, coi thường Trung Quốc, thậm chí cho rằng, vì chiến lược chống Liên Xô, Trung Quốc đã nuốt trôi vấn đề Đài Loan. Đặng thấy cần thiết phải hạ bớt cơn sốt. Sự thực, các nhân tố ràng buộc cũng đang thay đổi. Trong cuộc chiến tranh Trung-Việt năm 1979, Liên Xô có thái độ kiềm chế. Điều đó có nghĩa rằng tình hình căng thẳng Trung-Xô có phần dịu đi. Và trong giai đoạn cầm quyền về sau của Catơ, Mỹ đã ban bố "luật về quan hệ với Đài Loan", tiếp đó, trong cương lĩnh tranh cử của Rigân, lại có một số lời lẽ khiến người ta không yên tâm. Đồng thời, ở trong nước, mặt trận chống Hoa Quốc Phong có sự rạn nứt, đường lối cải cách của Đặng chịu sức ép lớn. Do đó, trong năm thứ hai sau khi thăm Mỹ, Đặng bắt đầu hạ thấp giọng về quan hệ Trung-Mỹ. Một số năm sau, phía Trung Quốc không ngừng đưa ra kháng nghị với Mỹ về vấn đề Đài Loan, và nước Mỹ trả miếng lại bằng vấn đề nhân quyền và chế độ "tối huệ quốc". Hai bên không ngừng tranh cãi, nhưng việc hợp tác kinh tế kỹ thuật vẫn được tiến hành theo hiệp định.

7.11. THÁNG 5-1989, ĐẶNG TIỂU BÌNH 86 TUỔI HỘI KIẾN VỚI GOÓCBACHỐP 59 TUỔI, KHÔNG PHẢI Ở MỘT NƠI NÀO THUỘC LIÊN XÔ, MÀ Ở BẮC KINH CỦA TRUNG QUỐC

Sự đối lập Trung-Xô có hai nguyên nhân, một là, sự bất đồng về hình thái ý thức xã hội, tranh luận xem ai là Mác-Lênin chính thống; hai là, tranh chấp về biên giới đã tồn tại từ lâu: Thời nước Nga Sa hoàng đã chiếm mất hơn 150 vạn km^2 lãnh thổ Trung Quốc; trong thập kỷ 60, Liên Xô lại dàn một triệu quân trên biên giới Trung-Xô.

Đặng Tiểu Bình đã từng là một chiến sĩ chống Liên Xô xuất sắc. Ông đã từng đối diện đọ sức với Khơrútsốp, được Khơrútsốp gọi là "anh chàng thấp bé rất khó đối phó". Năm 1974, tại diễn đàn Liên hiệp quốc, Đặng đã công bố trước thế giới lập trường của Trung Quốc: So sánh với Mỹ "về mặt ức hiếp các nước khác, thì siêu cường quốc mang nhãn hiệu xã hội chủ nghĩa còn hung ác hơn".

Liên Xô trở thành kẻ thù chủ yếu đối với Trung Quốc, còn nguy hiểm hơn Mỹ, không phải vì hình thái "xét lại" và chế độ xã hội, mà vì Liên Xô có sự uy hiếp hiện thực đối với sự an toàn của Trung Quốc lớn hơn Mỹ rất nhiều. Sự tranh luận về hình thái ý thức xã hội, nói về phía Trung Quốc, thuần tuý là sản phẩm của "cách mạng văn hóa". Người Trung Quốc xoá bỏ thành kiến với "chủ nghĩa xét lại" dễ hơn xóa bỏ lòng nghi ngờ với "chủ nghĩa tư bản". Cuối thập kỷ 70, Trung Quốc kết thúc "cách mạng văn hóa" bắt đầu dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn thì hình tượng kẻ thù của "xét lại Liên Xô" cũng tự động tiêu tan. Đó có thể coi là một cơ hội để hai nước bắt đầu tiếp xúc và đối thoại. Không ngờ, lúc đó Brêgiơnép lại tăng thêm hai trở ngại mới: Ủng hộ Việt Nam xâm nhập Campuchia[1] và trực tiếp tiến công Ápganitxtăng, hình thành thế bao vây hình chữ "C" đối với Trung Quốc.

Trong tình hình không có hy vọng hòa hoãn với Liên Xô, Đặng không thể không kế thừa chiến lược quốc tế của những năm cuối đời Mao Trạch Đông: Liên hiệp với Mỹ để cùng ngăn chặn dã tâm bành trướng của Liên Xô. Phương pháp này quả nhiên đem lại hiệu quả. Qua việc Đặng sang

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

thăm Mỹ đầu năm 1979. Liên Xô giữ thái độ im lặng khi Trung Quốc dạy bài học cho Việt Nam[1] nên đã không làm cho sự việc phát triển thành xung đột trực tiếp Trung-Xô.

Đặng tuy nổi tiếng là có thái độ cứng rắn với Liên Xô, nhưng cũng như Lưu Thiếu Kỳ, ông luôn cho rằng giữ hòa bình với Liên Xô là rất quan trọng. Công cuộc hiện đại hóa vừa phát động, điểm căn bản trong chiến lược của Đặng đối với Liên Xô là làm hòa dịu tình hình căng thẳng, phòng chiến tranh nổ ra. Trung Quốc không có nhu cầu đọ tài cao thấp với Liên Xô về quân sự, chỉ cần có một hoàn cảnh bên ngoài hòa bình ổn định để chuyên tâm vào xây dựng hiện đại hóa.

Cải thiện quan hệ với Liên Xô còn có một ý nghĩa quan trọng nữa: Có thể làm cho Trung Quốc không vì sự uy hiếp của Liên Xô mà quá phụ thuộc vào Mỹ. Như vậy, trên vũ đài quốc tế, Trung Quốc càng có mảnh đất rộng rãi để hoạt động.

Trên thực tế, từ sau nguy cơ năm 1979 bắt đầu thập kỷ 80, quan hệ Trung-Xô liền xuất hiện dấu hiệu hòa hoãn. Tuy giữa Liên Xô và Trung Quốc còn một món nợ lịch sử lớn, hễ nhắc tới là dễ công phẫn, nhưng Đặng xuất phát từ hiện thực, chỉ yêu cầu Liên Xô bỏ sự uy hiếp với biên giới Trung Quốc, trở về trạng thái của thập kỷ 50 là mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Yêu cầu này là rất thấp, Liên Xô chỉ cần thu hẹp dã tâm bá quyền một chút là thực hiện được.

Đương nhiên, hy vọng Liên Xô từ bỏ dã tâm bá quyền

1. Đây là viết theo quan điểm sai lầm của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

chỉ là mong muốn của một bên. Còn việc có từ bỏ hay không, cuối cùng quyết định bởi những thay đổi trong nội bộ Liên Xô. Liên Xô một mực muốn cùng Mỹ tranh giành bá quyền toàn cầu, nhưng thực lực kinh tế của họ rõ ràng không bằng Mỹ, nên sẽ có ngày họ không trụ nổi. Do chiến tuyến đối ngoại kéo quá dài nên tiến vào thập kỷ 80, Liên Xô dần dần lộ rõ thực chất ngoài mạnh trong rỗng. Nền ngoại giao hòa bình và việc cải cách nội chính của Trung Quốc vốn cũng cùng là nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô có lẽ ít nhiều đã gợi mở cho Liên Xô: Chiến lược bỏ hết sức vào phát triển của Trung Quốc so với chiến lược bỏ hết sức vào khuếch trương đối ngoại, thì cái nào cần chọn lựa hơn?

Trong cao trào cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa trong thập 80, Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình đã dẫn đầu. Năm 1982, cải cách ở nông thôn đã bước đầu có hiệu quả. Trong lúc đó, hoạt động mậu dịch Trung-Xô bắt đầu khôi phục trở lại từ 1982 đến 1986, buôn bán giữa hai nước tăng lên 7 lần. Lợi ích do cải cách đem lại càng có sức hấp dẫn hơn món "thịt bò xào khoai tây" mà Khơrútsốp nói năm nào rất nhiều. "Ông anh cả" ngày trước bỗng thấy "chú em nhỏ" châu Á có nhiều cái để học tập. Năm 1985, Goócbachốp lên cầm quyền, đã mở đầu việc cải cách. Và ông chủ mới của điện Kremli còn đi xa hơn tổng thiết kế sư của Trung Quốc nhiều.Hai nước đều đi theo con đường cải cách cùng xét lại chuyện cũ và từ bỏ những tệ hại của thể chế cũ. Dù cách nghĩ không giống nhau, nhưng cũng đã mở đường cho việc xóa bỏ tinh thần thù địch trong hơn 20 năm.

Theo ý Đặng, chỉ cần Liên Xô không tạo ra căng thẳng ở biên giới, từ bỏ sự uy hiếp đối với Trung Quốc, thì không cần cò kè đến chuyện gì khác, hãy cứ làm tốt công

việc của mình đi đã. Nhưng Mỹ thì lại rất muốn làm suy yếu Liên Xô, vậy hãy để cho Mỹ đi cò kè với Liên Xô. Sự uy hiếp và ưu thế của Liên Xô đều dựa vào lực lượng quân sự. Điều đó sẽ bị làm giảm qua các cuộc mặc cả về tài giảm vũ trang kéo dài giữa Liên Xô và Mỹ. Liên Xô không còn là uy hiếp với Mỹ thì sự uy hiếp của họ với Trung Quốc cũng không tồn tại nữa.

Xét về phía Liên Xô, đã đồng ý kết thúc chiến tranh lạnh với Mỹ, thì còn cần gì đối kháng với Trung Quốc nữa? Do đó, trong vấn đề cải thiện quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô tỏ ra chủ động. Đầu năm 1986, Liên Xô đề xuất kiến nghị để các chuyên gia Liên Xô quay trở lại Trung Quốc, Đặng không tỏ ra vồ vập. Tháng 7, Goócbachốp lại đưa ra quả bóng màu, biểu thị rằng phía Liên Xô đồng ý lấy dòng chính của Hắc Long Giang làm đường phân chia biên giới giữa hai nước; Liên Xô sẵn sàng vào bất kỳ lúc nào cùng với phía Trung Quốc thảo luận về việc tạo ra không khí láng giềng tốt ở bất kỳ cấp nào, hy vọng rằng trong một tương lai không xa, biên giới Trung- Xô sẽ trở thành một khu vực hòa bình và hữu nghị.

Với biểu thị đó của Goócbachốp, Đặng tỏ ra "hoan nghênh một cách thận trọng". "Hoan nghênh" vì nó có điểm mới, hiếm có trong hơn 20 năm nay. "Thận trọng", vì Đặng nghe thấy ở Bộ ngoại giao Liên Xô một giọng điệu khác. Do đó, Đặng lại đưa quả bóng lại phía sân của Liên Xô, thông qua giới báo chí, nói cho Liên Xô biết: Tiền đề để cải thiện quan hệ là trừ bỏ "ba trở ngại lớn" giữa Trung- Xô: Liên Xô rút quân ra khỏi Mông Cổ và biên giới Trung- Xô, rút quân khỏi Ápganitxtăng, đốc thúc Việt Nam đình chỉ xâm lược[1] Campuchia. Trong cuộc nói chuyện vào tháng 7,

1. Đây là lập trường sai trái của tác giả cuốn sách này. (B.T.).

tháng 7. Goócbachốp tuyên bố Liên Xô đang nghiên cứu rút số lớn quân khỏi Mông Cổ, và hứa trước cuối năm 1989, sẽ rút 6 trung đoàn ra khỏi Ápganitxtăng nhưng không đề cập tới vấn đề Campuchia...

Tư thế của Đặng rất cao. Ông nói: Chỉ cần Liên Xô từ bỏ ba trở ngại, thì dù ông đã 82 tuổi, không còn nhiệm vụ đi thăm nước ngoài nữa, ông cũng vui lòng phá lệ, tới bất cứ nơi nào của Liên Xô để gặp Goócbachốp, thực hiện việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước.

Tháng 5 năm 1989, Đặng Tiểu Bình 86 tuổi đã gặp mặt Goócbachốp 59 tuổi. Nhưng không phải ở một nơi nào thuộc Liên Xô, mà ở Bắc Kinh, thủ đô Trung Quốc. Từ năm 1961, những người lãnh đạo hai đảng đã ngừng tiếp xúc trên thực tế, đến lúc đó cũng gần 30 năm rồi.

Đặng kiến nghị lợi dụng dịp hội ngộ đó để tuyên bố việc bình thường hoá quan hệ Trung- Xô. Nhưng để tạo ra quan hệ tốt cho tương lai, Đặng đã nói thẳng với Goócbachốp về những món nợ cũ giữa hai nước, không hề khách khí:Từ việc nước Nga Sa hoàng xâm chiếm 150 vạn km^2 lãnh thổ Trung Quốc, tới việc bao vây chiến lược đốivới Trung Quốc, để chứng minh rằng trong lịch sử người chiếm lợi nhiều nhất từ Trung Quốc ngoài Nhật Bản thì tới nước Nga, mà trong gần 30 năm nay, người tạo nên mối uy hiếp chủ yếu với Trung Quốc, lại là Liên Xô.Đây không phải là sự tố cáo, Đặng tuyên bố, ông nói những điều đó, không yêu cầu phải trả lời, cũng không yêu cầu biện luận, chỉ là để các đồng chí Liên Xô biết Trung Quốc nhận thức "quá khứ" như thế nào, trong đầu người Trung Quốc nghĩ vấn đề gì. Như vậy, có lợi cho việc làm rõ khái niệm "mở ra tương lai": Trung Quốc đồng ý kết thúc quá

khứ, nhưng không quên mọi nỗi khuất nhục của quá khứ là để suy nghĩ về tương lai. Tương lai sẽ như thế nào? Điều này còn xem các đồng chí Liên Xô sẽ như thế nào.

7.12. TAM GIÁC LỚN CỦA THẾ GIỚI

Không chỉ một lần Đặng Tiểu Bình nói tới tam giác lớn của thế giới. Một lần, ông nói với người bạn Nhật Bản: "Trên thế giới, người ta đang bàn bạc về tam giác lớn của thế giới. Nói thẳng thắn, lực lượng của chúng tôi ở góc này của tam giác còn quá mỏng yếu"[1]. Đó không phải là phủ nhận sự tồn tại của tam giác mà là cảm thấy Trung Quốc, ở góc này của tam giác còn phải cố gắng nhiều. Một lần khác, ông nói với các đồng chí mình "trên thế giới, đang nói tới tam giác lớn Xô - Mỹ - Trung. Chúng ta không dùng cách nói đó, chúng ta đánh giá tỉnh táo về sức mạnh của mình, nhưng chúng ta tin rằng Trung Quốc có sức nặng đầy đủ trong công việc quốc tế"[2].

Sức nặng của Trung Quốc từ đâu tới? có phải do diện tích đất đai lớn, nhân khẩu đặc biệt đông đảo? Có đông bè bạn thuộc thế giới thứ ba ủng hộ? Những nhân tố đó dù có là nguyên nhân, cũng chưa phải là chủ yếu. Chủ yếu là người Trung Quốc, trước kia là Mao Trạch Đông, đặc biệt là Đặng Tiểu Bình, hiểu được bí quyết giải quyết quan hệ giữa các nước lớn, tinh thông "nguyên lý tam giác học".

Chỉ nói về quan hệ song phương, không kể là giữa Trung-Mỹ, hay Trung-Xô, Đặng đều chủ trương "hòa vi

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 105, 128.

quý". Hòa hảo với Mỹ có lợi cho chính sách cải cách mở cửa, có thể nhận được nhiều mối lợi từ phương Tây. Hòa dịu với Liên Xô, có thể làm giảm sức ép biên phòng, tránh được chiến tranh bùng nổ, yên tâm xây dựng bốn hiện đại. Vì vậy Đặng chủ trương vừa cải thiện quan hệ với Mỹ, vừa cải thiện quan hệ với Liên Xô, nhưng từ chối làm vật phụ thuộc hoặc liên minh với bất kỳ siêu cường nào.

Cuối thập kỷ 70, để chống lại dã tâm bá quyền của Liên Xô, Đặng đã kế thừa chiến lược của Mao, chuyển từ chống hai nước bá quyền sang chống một nước bá quyền, chủ động xích lại gần Mỹ. Nhưng, trong khi giao hảo với Mỹ, Đặng cố sức tránh đứng hẳn vào tập đoàn với Mỹ. Ngay trong "tuần trăng mật" năm 1979, ông cũng vẫn giành sự linh hoạt cho mình. Thí dụ, khi họp bàn với Tổng thống Catơ, ông chủ trương hai nước Trung - Mỹ nên phối hợp hành động kiềm chế Liên Xô, nhưng cho rằng không cần thiết lập liên minh chính thức. Hội nghị người đứng đầu hai nước thành công, nên tuyên bố rộng rãi cho thế giới biết, Đặng chọn hình thức "ra thông cáo báo chí chung" chứ không chọn hình thức tuyên bố chung của hai người đứng đầu. Như vậy, để tỏ ra có phần nào phi chính thức và ít sức ràng buộc.

Đặng biết rằng giao dịch với Mỹ cần có một "độ" nhất định. Sau "tuần trăng mật", cần phải lạnh nhạt một chút. Để thay đổi cảm giác sai lầm của Mỹ cho rằng "Trung Quốc không có gì đáng kể", "Trung Quốc phải cầu cạnh Mỹ", từ đầu thập kỷ 80, Đặng không ngừng tỏ thái độ không hài lòng đối với hiện trạng quan hệ Mỹ - Đài Loan. Sau khi Rigân lên làm Tổng thống, phía Trung Quốc nhiều lần khiển trách Mỹ đã bán vũ khí cho Đài Loan, thậm chí còn doạ sẽ hạ thấp cấp quan hệ giữa hai nước nếu Mỹ vẫn

không thay đổi lập trường. Năm 1982, Đặng còn nói với giới báo chí: Vấn đề Đài Loan là một trở ngại lớn trong quan hệ Trung - Mỹ. Khi Maicơ Oalasơ hỏi ông xem Mỹ nên có hành động gì trong vấn đề này, Đặng nói: Có thể khuyến khích Đài Loan tiến hành "giao lưu trên 3 mặt" với lục địa, tạo điều kiện để đàm phán về thống nhất đất nước.

Mặt khác, không thể để quá lâu, để phòng trở lại trạng thái đối địch trước kia. Sau "sự kiện ngày 4-6", quan hệ Trung - Mỹ xuống tới mức thấp nhất. Đặng rất căm giận trước việc các nước phương Tây đứng đầu là Mỹ trừng phạt Trung Quốc, đã khiển trách mạnh mẽ, không hề tỏ ra sợ hãi. Nửa năm sau, sự việc nhạt dần, Đặng lại cảm thấy "quan hệ Trung-Mỹ cần phải tốt lên", và nhờ đại sứ của Tổng thống Mỹ chuyển tới Catơ lòng thành thật của ông: "Ở phương Đông, có một ông già Trung Quốc rất quan tâm đến việc cải thiện và phát triển quan hệ Trung-Mỹ".

Đặng thấy được ý nghĩ của Mỹ: Trung Quốc vì lợi ích của chiến lược chống Liên Xô, nên có thể bỏ qua vấn đề Đài Loan. Ông cảnh cáo các bạn Mỹ không nên lợi dụng quan hệ bè bạn để chèn ép Trung Quốc. Trung Quốc tại sao phải chống Liên Xô? Chỉ vì Liên Xô uy hiếp an toàn của Trung Quốc. Sự thực, bắt đầu từ thập kỷ 80, sự uy hiếp của Liên Xô với Trung Quốc dần dần giảm đi, còn giữa Mỹ và Liên Xô mới thực sự có cãi vã lớn. Xuất phát từ nhu cầu chiến lược, Mỹ đã đơn phương kiềm chế Liên Xô, việc Trung-Mỹ liên hiệp để chống Liên Xô không còn ý nghĩa lớn nữa. Mỹ dựa vào cái gì để chơi con bài Liên Xô với Trung Quốc, chẳng lẽ Trung Quốc không thể chơi con bài Liên Xô với Mỹ?

Đến giữa thập kỷ 80. xu thế hòa hoãn Trung-Xô càng rõ rệt, cuối cùng Đặng đã chơi con bài này, bắt đầu tìm điều kiện hòa giải với Liên Xô. Tháng 10-1988. Đặng tuyên bố hai nước Trung-Xô sẽ có cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên từ 30 năm nay vào năm 1989. Một số quan chức ngoại giao phương Tây chú ý thấy: Đặng đã chọn thời điểm trước mấy tháng để công bố về Hội nghị Thượng đỉnh Trung-Xô không phải là ngẫu nhiên. Không tới một tháng nữa, sẽ có cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ, Trung Quốc đưa ra tuyên bố đó là để tỏ cho người lãnh đạo sắp tới của Mỹ thấy Trung Quốc dự định sẽ phát huy mạnh mẽ tác dụng trên mặt ngoại giao, không thể chơi con bài Trung Quốc được.

Tháng 5-1989. khi chính thức gặp Goócbachốp ở Bắc Kinh. Đặng đề nghị nhân dịp này tuyên bố bình thường hoá quan hệ Trung-Xô. Lúc đó, có người lo lắng, sau khi Trung Quốc và Liên Xô có quan hệ tốt với nhau, có thể hình thành một tập đoàn cộng sản mới uy hiếp phương Tây hay không? Níchxơn, người đã hiểu Trung Quốc nói quả quyết:Điều đó không có khả năng. Đặng cần cải thiện quan hệ Trung-Xô, nhưng không thể khôi phục tình hình của thập kỷ 50. không thể trở lại làm "người em nhỏ" của Liên Xô. "Trừ phi Trung Quốc hoàn toàn vứt bỏ phương Tây, nếu không thì quyết không thể ngả vào lòng người láng giềng đáng sợ phương Bắc đó được".

Phần trên đã nói Đặng mấy lần đề cập tới tam giác lớn thế giới, đều ở thời kỳ giữa thập kỷ 80. Lúc đó, qua cải cách, thực lực của Trung Quốc tăng lên nhiều, hình tượng Trung Quốc cũng đã khác. Đặng quyết định thực hiện sự chuyển biến về chiến lược ngoại giao. Ông nói: "Có một thời gian trước kia, để đối phó với sự uy hiếp của Liên Xô,

chúng ta đã thực hiện chiến lược "một tuyến", tức là "một tuyến" từ Nhật Bản, qua châu Âu đến Mỹ. Nay chúng ta thay đổi chiến lược đó, đó là một sự chuyển biến to lớn"[1].

Chuyển biến đó tức là thoát ra khỏi lòng của Mỹ. Rồi sẽ ngả vào đâu? Không phải là lại ngả vào lòng Liên Xô, mà là đứng riêng, độc lập tự chủ, không làm mất lòng ai, không dựa dẫm vào ai.

Đặng hiểu rõ trong tam giác Trung - Mỹ - Xô, góc của Trung Quốc tương đối mỏng yếu. Dù Trung Quốc dựa vào bên nào, cũng chỉ có thể đóng vai trò một người bạn nhỏ hoặc một người anh em nhỏ, tự mình mất rất nhiều chủ động, lại có thể trở thành con bài trong tay người khác. Ngoài ra, còn có hai điều bất lợi lớn: Tất sẽ làm mất lòng một phía, không dưng chuốc lấy kẻ thù; tất sẽ mất bè bạn trong thế giới thứ ba, làm cho mình trở thành cô lập. Kết quả là nếu chỉ muốn ngả vào lòng người khác, thì thế sự xoay vần, nếu kẻ đó đứng không vững, bị sụp đổ, thì mình lại càng cô lập.

Đặng hiểu được nguyên lý tam giác: Trong một hệ thống nếu chỉ có hai cực, sẽ thường hình thành cục diện bế tắc, xuất hiện thế tam giác, thì sẽ có cục diện sống động, và luôn luôn có lợi cho kẻ tham gia sau. Nếu dựa vào một phía nào đó, thì tam giác sẽ biến thành hai cực, co kéo với cực bên kia, coi như cột mình vào chiến xa của người khác, bị động khắp nơi, phải cầu cạnh người khác. Ngược lại, không dựa vào ai, giữ khoảng cách đều với hai cực kia, bản thân sẽ có địa vị độc lập, mà hai bên đều phải làm thân với Trung Quốc ở trung gian. Lúc đó, nếu cần tỏ thái độ

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 127.

với một phía, chỉ cần ngả một chút về phía kia là được. Hoàn toàn linh hoạt, nắm quyền chủ động trong tay mình, thì người khác không chơi được con bài Trung Quốc, mà Trung Quốc lại có thể tùy lúc chơi một trong hai con bài.

Không dựa vào một phía nào,về hình thức, thì thấy như là trở về với lập trường cũ chống cả hai siêu cường. Có thể nói như vậy, song có điều phương thức đã hoàn toàn khác, không còn như trước kia, dùng biện pháp chống bá quyền kém thông minh là đối kháng, đoạn giao, thù địch với cả hai bên hoàn toàn không có lợi cho mình; mà là lấy việc cải thiện quan hệ với cả hai bên làm tiền đề, "ai bá quyền thì chống người đó". Việc chống như vậy sẽ làm mất lòng người đó, nhưng không sao, họ không làm gì được, vì họ không dễ để anh chạy hẳn sang phía bên kia. Như thế gọi là "không làm mất lòng ai" (đều cải thiện quan hệ), "không dựa vào ai" (giữ khoảng cách nhất định), kết quả là "không sợ ai" (ai có sai lầm đều dám phê phán).

Lập trường đứng giữa "ai bá quyền thì chống người đó", giữ tín nghĩa, chủ trì công lý, còn có một cái lợi lớn: Có thể đoàn kết mọi nước bất mãn với chủ nghĩa bá quyền xung quanh mình. "Như vậy sẽ tăng cường được địa vị quốc tế của Trung Quốc, tăng thêm quyền phát ngôn của Trung Quốc trên quốc tế"[1]. Kết quả là Trung Quốc vốn là một góc mỏng yếu, sẽ trở nên rất hùng hậu.

Pôn Kennơđi, nhà nghiên cứu về lịch sử hưng suy của các nước lớn nhận thấy: Tầm quan trọng của vai trò độc lập thực sự của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế ngày nay (và tương lai) được tăng cường rất nhiều do phong

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 128.

cách mà họ đã biểu hiện trong việc giải quyết mối quan hệ với các nước lớn khác. Trung Quốc thường coi thường những yêu cầu và mong muốn của các siêu cường, nhưng trong một số trường hợp, hành động của họ lại gây bất ngờ cho người khác. Dù nhược điểm của họ rất dễ thấy, nhưng chưa bao giờ họ tỏ ra là hoàn toàn ngả theo và khuất phục trước Mátxcơva và Oasingtơn... Do tất cả những điều đó, Trung Quốc có một địa vị độc đáo trên thế giới... Kỳ thực,căn cứ vào sức nặng của Trung Quốc, trên một ý nghĩa nhất định, họ là một siêu cường quốc dự bị - nhưng không phải là một siêu cường quốc học theo kiểu Liên Xô hoặc Mỹ, mà là một siêu cường quốc phản ánh địa vị độc đáo của Bắc Kinh trong nền chính trị toàn cầu.

7.13. HÃY ĐỂ CHO QUÁ KHỨ QUA ĐI, NHƯ THẾ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ QUÊN QUÁ KHỨ, NHƯNG CẦN CHÚ Ý MỞ RA TƯƠNG LAI

Trong mưu lược ngoại giao của Đặng Tiểu Bình, quan hệ Trung - Nhật chiếm một địa vị đặc biệt, trên một mức độ nhất định, thậm chí có tầm quan trọng vượt hơn cả việc cải thiện quan hệ Trung-Mỹ và quan hệ Trung-Xô.

So với Trung-Mỹ và Trung-Xô, những điểm chung giữa Trung - Nhật có nhiều hơn. Giưã Trung-Xô, có thời gian xung đột biên giới trên mấy ngàn cây số; giữa Trung-Mỹ, có vấn đề rất nhạy cảm là Đài Loan. Về phía Nhật, họ có sự tranh chấp 4 hòn đảo phía Bắc với Liên Xô, với Mỹ, tuy có hiệp ước an toàn, nhưng cạnh tranh kinh tế, nhất là cọ xát về thương mại càng ngày càng nghiêm trọng. Hai

vấn đề đó đều không dễ giải quyết. Giữa Trung Quốc và Nhật Bản chỉ có một đảo Điếu Ngư không có gì là quan trọng lắm. Đặng đã dùng biện pháp khéo léo là "cùng nhau khai thác" để vượt qua trở ngại đó. Nhật Bản tuy là cường quốc kinh tế, nhưng sau chiến tranh, địa vị chính trị trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế vẫn là địa vị của một nước chiến bại. Nhật Bản muốn thay đổi hiện trạng đó thì không thể coi nhẹ Trung Quốc, một trong năm ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc.

Tháng 10-1978, Đặng Tiểu Bình sang thăm Nhật Bản để trao đổi văn bản ký kết điều ước hòa bình hữu hảo Trung-Nhật. Trong khi hội kiến Nhật Hoàng, Đặng nói một câu: "Điều ước Trung-Nhật có thể có một ý nghĩa sâu xa vượt khỏi dự liệu của chúng ta". Đối với Trung Quốc, Nhật Bản không tạo nên sự uy hiếp như Liên Xô, đồng thời lại có tiềm lực hiện đại giống như Mỹ. Việc hữu hảo Trung-Nhật vừa có tác dụng kiềm chế Liên Xô, vừa khiến cho Trung Quốc không vì nhu cầu hiện đại hóa mà phải quá dựa vào Mỹ và phương Tây.

Năm 1972, Trung Quốc lập quan hệ ngoại giao với Mỹ sớm hơn với Nhật Bản một bước, nhưng sau này, việc bình thường hóa quan hệ Trung-Nhật lại đi trước việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ. Năm 1978, ba tháng trước khi sang Mỹ, Đặng đã đem tới Nhật tin tức về chủ trương cải cách mở cửa của Trung Quốc. Trong thời gian thăm Nhật, hai bên Trung-Nhật đều tỏ ra rất có hứng thú với việc hợp tác kinh tế kỹ thuật Trung-Nhật. Nhật Bản hầu như đã chờ đợi từ lâu người khách hàng to lớn là Trung Quốc. Điều đó rõ ràng là một kích thích với Mỹ. Lúc đó, việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ còn một chặng đường dài nữa. Mọi nước tư bản phát triển đều hy vọng

đáp chuyến tàu đầu tiên tới thị trường rộng lớn của Trung Quốc. Nước Mỹ sao có thể để cho đối thủ cạnh tranh ở Thái Bình Dương nhanh chân tới trước? Việc giao hảo với Nhật Bản khẳng định là một nước cờ quan trọng để Trung Quốc nắm quyền chủ động trong quan hệ tam giác Trung-Mỹ-Nhật và giải quyết quan hệ với Mỹ. Dù quan hệ giữa Trung Quốc với Mỹ, thậm chí với tất cả phương Tây bế tắc, chỉ cần giữ được sự hợp tác với Nhật, thì Trung Quốc vẫn có con đường ngỏ để học tập và nhập kỹ thuật của bên ngoài.

Tính món nợ lịch sử, có lợi nhiều nhất cho Trung Quốc, thì đứng đầu là Nhật Bản, rồi đến nước Nga Sa hoàng và sau đó là Liên Xô. Song Nhật Bản từ sau đại chiến, không còn chiếm một tấc đất nào của Trung Quốc nữa. Mà Liên Xô thì nợ cũ chưa trả một chút gì, lại mắc thêm nợ mới, là tạo nên sự uy hiếp lớn nhất với Trung Quốc. Giữa Nhật - Xô cũng có nợ với nhau, đó là 4 hòn đảo phía Bắc. Giữa Trung-Nhật, trên phương diện cùng đối phó với Liên Xô cũng có sự cần thiết không kém giữa Trung - Mỹ. Nhật tuy không muốn đối địch với Liên Xô, nhưng việc họ trở thành một đồng minh với Trung Quốc trong mặt trận chung chống Liên Xô vào giữa thập kỷ 80 về trước, là không thành vấn đề nữa. Năm 1978, khi Đặng thăm Nhật lần đầu trong nghi thức đón tiếp ở nhà khách quốc gia có 28 đại sứ các nước ở Nhật tham gia. Theo yêu cầu của phía Trung Quốc, Nhật không mời đại sứ Liên Xô. Đặng lợi dụng diễn đàn Nhật Bản, giải thích về điều khoản chống bá quyền trong điều ước, ngoài việc tự ràng buộc đối với hai bên Trung-Nhật, còn gồm cả việc phản đối hành động bá quyền của bất kỳ nước nào. Trước nhà báo các nước, Đặng nhấn mạnh: "Chống chủ nghĩa bá quyền là

hạt nhân của điều ước hữu hảo Trung-Nhật". Ba tháng sau, để kiềm chế hành động bành trướng của Liên Xô ở Nam Á, Đặng sang thăm Mỹ. Trên đường về, Đặng lại ghé thăm ngắn ngày tại Nhật Bản, nhấn mạnh một lần nữa với những người lãnh đạo Nhật về vấn đề chống bá quyền, và sau đó mới có cuộc phản kích tự vệ chống Việt Nam.

Đặng hy vọng giữa hai nước Trung-Nhật đời đời con cháu sẽ hữu hảo với nhau, không chỉ trong thế kỷ 20 mà còn nghĩ tới mấy thế kỷ sau. Những điều kiện có lợi về mặt này không ít. Thí dụ, hai nước đều thuộc châu Á; là hàng xóm láng giềng cách nhau một dải nước; đều là giống da vàng, thuộc hệ thống văn hóa phương Đông, có hơn hai ngàn năm qua lại hữu hảo trong lịch sử. Đặng rất chú ý lợi dụng những tài sản nhân văn quý giá đó để phát triển quan hệ Trung-Nhật. Thí dụ, trong thời gian thăm Nhật, Đặng đã đặc biệt bố trí một chuyến đi thăm ngôi chùa ở thành phố Nara và nhận lời cho phép một vị hòa thượng trụ trì ở đó về nước thăm gia đình. Sau đó, trong quá trình hợp tác giao lưu kinh tế giữa hai nước, Trung Quốc một mặt áp dụng biện pháp hữu hiệu để ngăn hàng hóa Nhật ồ ạt tràn vào Trung Quốc, mặt khác lại sẵn sàng đón kỹ thuật cao và vốn liếng của Nhật. Năm 1988, Nhật Bản cho Trung Quốc vay 800 tỷ yên, Đặng kinh ngạc trước số tiền lớn đó và thân gửi lời cảm tạ tới Thủ tướng Nhật. Đây có thể là lần đầu tiên Đặng gửi lời cảm tạ tới một nguyên thủ nước ngoài.

Quan hệ Trung-Nhật không phải là không có trở ngại, trở ngại tiềm tàng lớn nhất là chiến tranh Trung-Nhật đã gieo vào lòng nhân dân hai nước những dấu ấn sâu sắc. Nhân dân Trung Quốc rất khó xoá đi tình cảm thù địch đối

với hành động đốt phá giết người của "giặc Nhật". Song,trở ngại đó nhờ Đặng xoay chuyển, lại trở thành nhân tố có lợi cho việc phát triển quan hệ Trung - Nhật. Trong thời gian thăm Nhật, khi hội kiến với Nhật Hoàng, các quan chức chính phủ Nhật rất sợ ông trực tiếp truy cứu trách nhiệm của Nhật Hoàng đối với chiến tranh. Đặng nắm được tâm lý đó, ông không làm như đối với Goócbachốp: kể hết mọi tội lỗi của Sa hoàng và Liên Xô đối với Trung Quốc, mà áp dụng một phương pháp có sức chinh phục hơn: Trong khi Nhật Hoàng chưa đề cập tới quá khứ thì ông đã nói trước một cách rất sảng khoái: "Hãy để những sự việc của quá khứ qua đi, chúng ta từ nay về sau nên nhìn về phía trước". Phong độ không kể lại những hiềm khích cũ khiến tội nhân chiến tranh trước kia rất cảm động. Đặng lập tức chiếm ưu thế. Trong bài nói, Nhật Hoàng đã bất ngờ bỏ đoạn chuẩn bị sẵn, thay vào bằng việc nêu lên "những sự việc bất hạnh" nhằm biểu thị sự hối lỗi. Sau đó, trong lời chúc rượu, Thủ tướng Nhật cũng chủ động bổ sung vào bài chuẩn bị sẵn,tỏ ra lấy làm tiếc về chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Đó là hiệu quả mà Đặng muốn đạt tới. Chiến tranh xâm lược Trung Quốc của Nhật đã đem lại tổn thất không thể nào lường hết cho Trung Quốc, riêng về người Trung Quốc đã mất mấy chục triệu. Sau chiến tranh, Trung Quốc giữ tư thế không đòi Nhật bồi thường, ngày nay hai nước giao hảo, lại rất đại độ không nêu lại hiềm khích cũ. Như vậy, đã tạo nên cho Trung Quốc một ưu thế về tình người. Người Trung Quốc đã kết bạn với tội nhân chiến tranh cũ, trong tâm lý người Nhật có cảm giác hổ thẹn. Đặng biết rằng điều đó có lợi cho việc phát triển

quan hệ hữu hảo Trung-Nhật: Ngày nay tuy Trung Quốc cần có sự giúp đỡ của Nhật để thực hiện hiện đại hóa, nhưng trước kia Nhật Bản đã mắc một món nợ tình người đối với Trung Quốc.

Hãy để cho quá khứ qua đi, không có nghĩa là quên quá khứ. Đặng biết rằng muốn cho quan hệ hữu hảo Trung-Nhật được gìn giữ thì một điều kiện rất quan trọng là không được làm thay đổi sự thật lịch sử về việc Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Cho nên, sau khi quan hệ hai nước được bình thường hóa, Đặng không quan tâm lắm tới những sự kiện như đảo Điếu Ngư, nhưng có tinh thần cảnh giác cao trước việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Trung Quốc đã từng kháng nghị nghiêm chỉnh việc Bộ giáo dục Nhật Bản chữa lại sách giáo khoa, phủ nhận sự thực lịch sử về việc Nhật đã xâm lược Trung Quốc. Năm 1985, các thành viên nội các của Nhật đến viếng đền thờ các tội phạm chiến tranh, Đặng đã gián tiếp nhưng nghiêm khắc đề xuất lời cảnh cáo. Học sinh đại học ở Bắc Kinh, Tây An đã tổ chức du hành thị uy trước và sau ngày 18-9 để kháng nghị chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, Đặng không hề phê bình học sinh đã gây rối. Năm1987, quỹ quốc phòng Nhật Bản vượt quá mức quy định là 1%, Đặng cũng rất nhạy cảm, cảnh giác trước việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt, đương nhiên có xuất phát từ việc duy trì hòa bình ở châu Á - Thái Bình Dương, nhưng chủ yếu không phải là sợ Nhật Bản lại xâm lược Trung Quốc, mà không để cho Nhật chối tuột tội ác xâm lược Trung Quốc. Đặng không ngừng nhắc nhở các bạn Nhật Bản không nên quên bài học đau đớn của quá khứ, ông biết rằng, muốn làm cho Nhật Bản trở thành vô hại với Trung Quốc và lại là một người bạn dễ nắm được thì phải buộc họ gánh món

nợ tình người đối với cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, buộc họ có cảm giác hổ thẹn với Trung Quốc. Không có quan hệ giữa hai nước nào như quan hệ Trung-Nhật, một mặt thân mật hữu hảo, hợp tác với nhau, coi nhau như bè bạn; mặt khác, Trung Quốc lại có thể không kiêng nể gì, thông qua mọi phương thức để khiển trách những tội ác tày trời mà chủ nghĩa quân phiệt Nhật đã phạm phải ở Trung Quốc. Hai mặt đó chi phối lẫn nhau, khiển trách quá khứ là để mở ra tương lai.

7.14. ỔN ĐỊNH BIÊN GIỚI XUNG QUANH, ĐỨNG CHÂN Ở CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG, TIẾN RA THẾ GIỚI. ĐÓ LÀ ĐIỆU "NHẢY BA BƯỚC" MÀ ĐẶNG TÌM KIẾM ĐỂ GIỮ GÌN HÒA BÌNH THẾ GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN Ở TRUNG QUỐC

Học giả Nhật Bản thấy rằng: Trung Quốc tích cực triển khai nền ngoại giao hòa hảo với các nước láng giềng là để đặt cơ sở cho "trật tự quốc tế mới" mà Trung Quốc đề xướng; xây dựng trật tự mới ở châu Á là "chiến lược sinh tồn của Trung Quốc".

Xây dựng hiện đại hóa cần có một hoàn cảnh quốc tế yên ổn, trước hết là sự yên ổn ở vùng xung quanh biên giới. Trước kia, Trung Quốc đã chịu nỗi khổ bị siêu cường xâm phạm, mà tổn hại lớn nhất là từ cường quốc láng giềng: Nước Nga Sa hoàng và Nhật Bản. Đặng đặt việc cải thiện quan hệ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng xung quanh biên giới lên vị trí ưu tiên trong chính sách ngoại giao, trước hết xuất phát từ sự suy nghĩ về an toàn quốc gia: Ngăn ngừa các nước lớn và cường quốc láng giềng tạo thành sự uy hiếp đối với an toàn của Trung Quốc; ngăn

ngừa việc các nước láng giềng khác bị nước lớn và cường quốc lợi dụng để tạo thành thế bao vây Trung Quốc.

Cải thiện quan hệ với các nước láng giềng đương nhiên còn có ý nghĩa tích cực là triển khai việc hợp tác hai bên cùng có lợi. Trung Quốc có ưu thế so với các nước láng giềng về diện tích, lại có bối cảnh văn hóa tương tự so với nhiều nước, có nhiều mặt bổ trợ lẫn nhau về tài nguyên và thị trường. Nếu từ bỏ bè bạn bên mình mà kết giao Âu-Mỹ thì rõ ràng là hạ sách bỏ gần tìm xa. Triển khai hợp tác cùng có lợi với các nước xung quanh biên giới, phấn đấu cho sự phồn vinh chung, thực là công phu to lớn trong việc sáng tạo ra thế kỷ châu Á-Thái Bình Dương.

Đặng rất hứng thú với tên tuổi của KaYaYoHei từng gặp mặt ở Bắc Kinh vào mùa thu năm 1977 và nhớ mãi cái tên đó.Năm sau thăm Nhật Bản, Đặng nói với KaYaYoHei: "Đề nghị ông đừng bao giờ đổi tên". KaYa có đôi chút ngạc nhiên, không hiểu ý. Đặng liền giải thích: "Hoà bình ở Thái Bình Dương là hy vọng lớn nhất của tôi" (Tên của KaYaYoHei) viết bằng chữ Hán là Hà Dã Dương Bình, có thể hiểu nghĩa là hoà bình trên các dòng sông, cánh đồng và đại dương-ND). Lúc đó KaYa mới hiểu được nỗi lòng của Đặng. Nhật Bản là cường quốc kinh tế cấp thế giới ở cạnh Trung Quốc. Trung-Nhật hòa hảo là một nước cờ lớn để Đặng tìm kiếm hòa bình ở khu vực Thái Bình Dương, ông đã đổ nhiều tâm huyết vào vấn đề này. Năm 1977, không lâu sau khi được phục hồi, Đặng tiếp khách Nhật Bản lần đầu, liền đốc thúc Nhật Bản nhanh chóng khôi phục đàm phán, sớm hạ quyết tâm ký kết điều ước. Năm 1978, sau khi nắm được quyền tối cao, nước đầu tiên mà ông đi thăm

là Nhật Bản Đặng từng nói: "Quan hệ Trung-Nhật có rất nhiều điều để nói, khái quát thành một câu là nhân dân hai nước Trung - Nhật phải đời đời hữu hảo với nhau", đó là "một câu then chốt nhất". Để thực hiện câu nói đó, ông lợi dụng mọi cơ hội để tiếp xúc rộng rãi với nhân sĩ các giới của Nhật. Theo thống kê trong mười năm của thập kỷ 80, ông đã hội kiến 365 đoàn khách quốc tế, trong đó có 55 đoàn Nhật. Với những nhân sĩ Nhật có ảnh hưởng Đặng coi như thượng khách, nhiều lần gặp mặt, có người trong mười năm đã gặp gỡ và nói chuyện sáu lần. Khi trong quan hệ hai nước có chuyện khó khăn, ông gặp gỡ nhân sĩ Nhật càng dồn dập. Với những tin tức có khả năng ảnh hưởng đến quan hệ Trung-Nhật, như sửa chữa sách giáo khoa, thăm viếng đền thờ tội phạm chiến tranh, giải quyết quan hệ giữa Nhật và Đài Loan, Đặng luôn có sự nhạy cảm cao độ, vừa ló ra mầm mống liền phát biểu ý kiến ngay và tiến hành giao thiệp, nêu ra lời phê phán. Những việc đó, nhìn riêng rẽ thì không có quan hệ lớn, nhưng tích luỹ lại có thể dẫn tới sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, làm chôn vùi tình hữu nghị Trung-Nhật đã rất khó khăn mới xây dựng được, phá hoại sự yên ổn của khu vực Thái Bình Dương. Đặng yêu cầu viết vào điều ước Trung-Nhật điều khoản chống bá quyền, trước hết là hai nước Trung-Nhật tự kiềm chế, nhận trách nhiệm không thực hiện chủ nghĩa bá quyền.Ông nói với người Nhật rất nhiều lần câu: "Không quên chuyện trước, ngăn ngừa chuyện sau". Đặng hy vọng Nhật Bản trở thành bè bạn vô hại với Trung Quốc. Sau tháng 6 năm 1989, Nhật Bản làm theo các nước phương Tây trừng phạt Trung Quốc. Trong

cuộc tiếp kiến đoàn của hiệp hội kinh tế Nhật thăm Trung Quốc. Đặng nói: "Nhật Bản nên tự xét mình, không nên tự đại; Trung Quốc cần tự cường, không thể tự ti". Tháng 8-1991, thủ tướng Nhật chính thức thăm Trung Quốc, hai nước khôi phục quan hệ bình thường, hòa hảo như cũ, Đặng mới yên tâm.

Bán đảo Triều Tiên là cánh cửa phía Đông của Trung Quốc. Năm trước Nhật Bản xâm nhập đại lục Trung Quốc, sau đó, đế quốc Mỹ uy hiếp an toàn của Trung Quốc, đều lấy Triều Tiên làm cầu nhảy. Bán đảo Triều Tiên không yên ổn, tạo thành uy hiếp với phía Đông, đặc biệt là Đông-Bắc Trung Quốc. Đặng ý thức rõ tầm quan trọng của quan hệ Trung-Triều. Từ cuối thập kỷ 70 tới nay, người lãnh đạo hai nước Trung- Triều đi lại dồn dập. Thập kỷ 80, Đặng áp dụng chính sách càng thực tế-và sáng suốt hơn, ngoài việc tiếp tục củng cố tình hữu nghị truyền thống "được xây dựng bằng máu", còn cải thiện quan hệ với Nam Triều Tiên, thích ứng với xu thế hòa hoãn trong quan hệ Đông-Tây, không chỉ xét vấn đề từ góc độ "chế độ xã hội" và hình thái ý thức xã hội như trước "chỉ kết bạn với Bắc Triều Tiên mà thù địch với Nam Triều Tiên, càng làm cho quan hệ Nam Bắc Triều Tiên căng thẳng thêm, mà xuất phát từ lợi ích an toàn quốc gia, vận dụng phương châm làm hòa dịu tình hình trên bán đảo Triều Tiên, thúc đẩy việc giải quyết hòa bình vấn đề Triều tiên, như ủng hộ cả hai miền Nam Bắc Triều Tiên đồng thời gia nhập Liên hiệp quốc, ủng hộ cuộc đối thoại giữa hai bên để giải quyết hoà bình vấn đề thống nhất. Không những tự mình hòa giải, mà Trung Quốc còn mong muốn người khác hòa giải không nhằm mục đích nào khác là an ninh ở xung quanh biên giới và ổn định ở châu Á-Thái Bình Dương.

Hoà bình hữu nghị với các nước Đông-Nam Á láng giềng là một mặt khác để Đặng mưu tìm hoàn cảnh hòa bình và an ninh ở xung quanh biên giới. Vùng Đông-Nam Á có hình bán nguyệt bao quanh vùng Đông-Nam Trung Quốc. diễn biến tình hình ở đây có quan hệ tới lợi ích an toàn của miền Nam Trung Quốc. Năm 1978. sau khi hoàn thành chuyến thăm Nhật. Đặng liền tiến hành chuyến đi mở đường thứ hai sang các nước Đông-Nam Á.

Đặng hy vọng xây dựng một quan hệ "ủng hộ lẫn nhau. viện trợ lẫn nhau" với các nước Asean. "ủng hộ lẫn nhau" tức là phản đối bất kỳ quốc gia hoặc tập đoàn quốc gia nào xây dựng bá quyền hoặc phạm vi thế lực. vì đó là lợi ích an toàn của cả Trung Quốc và các nước Asean. "Viện trợ lẫn nhau" là giúp đỡ nhau căn cứ vào tình hình các nước Asean những năm gần đây phát triển kinh tế tương đối nhanh và Trung Quốc đang cải cách. mở cửa. đẩy nhanh xây dựng hiện đại hóa. Tháng 11, Đặng đi thăm Thái Lan. Malaixia và Singapo của Asean. nói rõ thái độ bang giao của Trung Quốc là: "Thiện ý. chân thành. thông cảm. tôn trọng địa vị và lập trường của mỗi bên". Giữa Trung Quốc và một số nước Asean tồn tại sự tranh chấp lãnh thổ trên các hòn đảo thuộc Nam Hải. Với vấn đề đó, Đặng áp dụng biện pháp "gác vấn đề chủ quyền. cùng nhau khai thác" để hòa dịu. Dư luận quốc tế cho rằng: "Trung Quốc trong khi nhắc lại quyền sở hữu hợp pháp đối với Trường Sa và Hoàng Sa" đã đề xuất kiến nghị "các bên tập trung vốn cùng nhau khai thác các đảo đó. có vẻ như là một kiến nghị có nhiều tính xây dựng". Một số nước Asean vẫn có tâm lý vướng mắc với Trung Quốc, tức là quan niệm về "sự uy hiếp của Trung Quốc", lo sợ Trung Quốc lớn mạnh lên sẽ chèn ép họ. Để gạt bỏ trở ngại đó.

Đặng đã dốc tâm huyết, trong 10 năm của thập kỷ 80, trước sau hội kiến 17 đoàn khách của các nước Asean, nhắc đi nhắc lại về thiện ý và lòng chân thành của Trung Quốc, để làm tiêu tan những mối nghi kỵ của họ với Trung Quốc, thúc đẩy các bên giao lưu hợp tác. Tâm huyết của Đặng không bị uổng phí. Năm 1990, Trung Quốc và Inđônêsia khôi phục quan hệ ngoại giao, đặt quan hệ ngoại giao với Niu Dilân, năm 1991, lại đặt quan hệ ngoại giao với Brunây. Đến lúc đó, Trung Quốc đã có quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trong Asean. Năm 1992, Trung Quốc bắt đầu tham dự Hội nghị đối thoại hàng năm giữa các bộ trưởng ngoại giao Asean với Trung Quốc và Hội nghị hợp tác châu Á-Thái Bình dương của Liên hiệp quốc lần đầu họp hội nghị hàng năm ở Bắc Kinh. Những nước láng giềng Asean đã nhận thức thấy công việc ở châu Á-Thái Bình Dương khó giải quyết được nếu không có sự tham dự của Trung Quốc.

Những nước ở phần phía Bắc của vùng Nam Á có khoảng 5000 km biên giới chung với Trung Quốc. Tình hình ở đây có ảnh hưởng càng trực tiếp hơn với Trung Quốc. Thái độ của Đặng đối với vùng này là ra sức gạt bỏ động loạn, chỉ mong yên ổn. Nếu có nhân tố không ổn định thì cố gắng gạt bỏ nếu có nhân tố hòa bình thì ra sức ủng hộ, như ủng hộ các nước Nam Á xây dựng vùng phi hạt nhân, ủng hộ chủ trương của Nêpan tuyên bố Nêpan là khu vực hòa bình, ủng hộ đề nghị của Sơri Lanka về việc xây dựng khu vực hòa bình ở Ấn Độ Dương.

Những bạn bè tốt nhất của Trung Quốc ở Nam Á là Miến Điện và Pakitxtăng. Trung Quốc và Miến Điện đã duy trì quan hệ láng giềng tốt trong hơn 30 năm. Đặng

cho rằng giữa Trung Quốc và Miến Điện có một tình hữu nghị đặc biệt - tình hữu nghị như anh em ruột thịt. Từ sau cuộc đi thăm đầu năm 1978, hai bên đối xử với nhau như anh em "càng qua lại càng thân thiết". Quan hệ giữa Trung Quốc và Pakitxtăng, theo cách nói của Đặng, là "không hề có vướng mắc gì", dù có ý kiến khác nhau, cũng có thể hiểu nhau, như sự kiện tháng 6-1989, các nước phương Tây lên án Trung Quốc chỉ có Pakitxtăng tỏ ra hoàn toàn hiểu được cách làm của Trung Quốc. Trong hơn 10 năm Đặng chủ trì chính quyền, quan hệ láng giềng truyền thống giữa Trung Quốc với Bănglađét, Nêpan, Sơri Lanca đã được củng cố và phát triển có hiệu quả.

Ấn Độ, nước lớn nhất ở Nam Á, có hơn 2000 km biên giới chung với Trung Quốc cũng có hơn 2000 năm lịch sử hữu hảo. Trung-Ấn là hai nước lớn nhất châu Á, chung sống hòa thuận với nhau là rất quan trọng. Đáng tiếc là từ sau thập kỷ 50, hai nước đã có va chạm về vấn đề biên giới. Để cởi bỏ vướng mắc đó, Đặng đã lao lung suy nghĩ. Năm 1978, khi thăm Nêpan, đã nhờ ngoại trưởng Ấn Độ mang thư về cho Thủ tướng Ấn Độ, nói "chúng ta cần cải thiện quan hệ". Đầu năm 1979, ngoại trưởng Ấn Độ thăm Trung Quốc. Ông lại đốc thúc "Ngày nay, chúng ta cần nắm vững thời gian cùng nhau cải thiện quan hệ giữa hai nước". Cải thiện thế nào? Đặng sử dụng phương pháp sở trường giải quyết mâu thuẫn của ông là tách rời vấn đề biên giới với vấn đề cải thiện quan hệ giữa hai nước, cầu đồng tồn dị (tìm cái chung, gác bỏ cái bất đồng - ND) không để trở ngại về vấn đề biên giới gây ảnh hưởng tới việc cải thiện quan hệ giữa những mặt khác. Vấn đề biên giới hãy để sau, nhất thời chưa thể giải quyết được, có thể trước hết giải quyết vấn đề phát triển trao đổi kinh tế văn

hóa tăng cường hiểu biết và tình hữu nghị. Trước khi giải quyết vấn đề biên giới, hai bên tôn trọng hiện trạng biên giới,giữ gìn sự ổn định biên giới. Đương nhiên, vấn đề biên giới là không thể né tránh được, cuối cùng vẫn phải giải quyết. Đặng chủ trương thông qua hiệp thương hòa bình để giải quyết, không cần cãi cọ hoặc dùng vũ lực. Bắt đầu từ năm 1981, hai nước tiến hành nhiều vòng đàm phán về biên giới. Đặng phân tích sự tranh chấp biên giới là vấn đề do lịch sử để lại, diện tích tuy không lớn, nhưng động chạm tới tình cảm của nhân dân hai nước, chỉ một bên nhượng bộ thì nhân dân trong nước khó chấp nhận. Do đó, cần áp dụng biện pháp chiết trung, hai bên đều nhượng bộ, thực hiện việc "giải quyết cả gói", kết hợp việc giải quyết vấn đề biên giới với vấn đề phát triển hợp tác cùng có lợi, như vậy dễ thuyết phục nhân dân mỗi nước. Cuối năm 1988, thủ tướng Ấn Độ Radíp Găngđi chính thức thăm Trung Quốc, Đặng đã tổng kết quan hệ Trung - Ấn: Trong thập kỷ 50, quan hệ của hai nước chúng ta vô cùng tốt đẹp, một giai đoạn sau đó thì cả hai bên đều không vui vẻ gì, nên quên nó đi! Tất cả nên nhìn về tương lai. Đặng còn nói lý lẽ với Găngđi: Hai nước Trung-Ấn chúng ta có trách nhiệm lớn với nhân loại, là tự phát triển. Người ta thường nói thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương, nhưng hiện nay, những nước tương đối phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương, tổng nhân khẩu chưa tới 200 triệu, dù có thêm một phần của Liên Xô, Mỹ và Canađa, thì cũng không quá 300 triệu người, mà nhân khẩu hai nước Trung-Ấn cộng lại đã là 1800 triệu người. Sự tính toán giản đơn đó cho thấy, nếu Trung Quốc và Ấn Độ không phát triển lên thì không thể có thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương. Sau khi nghe, vị thủ tướng trẻ tuổi của Ấn Độ

thấy vỡ nhẽ, cảm thấy hầu như nhất trí về mọi vấn đề Đặng đề cập. Đặng nói: Bắt đầu cuộc đi thăm của Ngài, chúng ta có thể khôi phục quan hệ bè bạn, người lãnh đạo hai nước trở thành bè bạn, hai nước trở thành bè bạn, nhân dân hai nước trở thành bè bạn...

Biên giới phía Bắc Trung Quốc từ lâu không được yên ổn, chủ yếu là do Liên Xô cậy thế gây ra. Bắt đầu từ giữa thập kỷ 80, theo sự hòa hoãn trong quan hệ Đông-Tây và sự thay đổi của tình hình thế giới, giữa Trung-Xô dần dần xuất hiện những dấu hiệu hòa hoãn. Đặng hành động thuận theo xu thế, tích cực mưu cầu sự hòa giải Trung-Xô... Sau khi quan hệ Trung-Xô bình thường hóa,việc đi thăm cấp cao giữa hai bên tăng lên, lĩnh vực hợp tác không ngừng mở rộng. Năm 1991, Liên Xô tan rã, Đặng không nghĩ tới tổn thất của phe xã hội chủ nghĩa, mà xuất phát từ lợi ích an toàn quốc gia, nhìn thấy mặt lợi cho Trung Quốc: làm tiêu tan được tai họa lớn nhất đối với biên giới Trung Quốc, do đó, đã vui vẻ xây dựng quan hệ với từng nước thuộc Liên Xô cũ. Năm 1992, ngoại trưởng Nga thăm Trung Quốc, xác nhận mọi hiệp định mà Trung Quốc ký với Liên Xô cũ, tiếp tục phát triển quan hệ láng giềng tốt Nga - Trung theo con đường đã bình thường hóa trong quan hệ Xô - Trung. Trung Quốc cũng không bỏ lỡ thời cơ, xây dựng quan hệ ngoại giao với Cadắcxtan, Kiếcghidi, Tátghikitxtăng và phát triển quan hệ mậu dịch biên giới.

Trong một thời gian ngắn ngủi hơn 10 năm, Đặng đã vận dụng tài năng ngoại giao hoà hảo với các nước láng giềng một cách xuất sắc, giải quyết êm đẹp hoàn cảnh Đông-Tây-Nam-Bắc Trung Quốc, mở ra một thời kỳ tốt đẹp nhất, ổn định nhất trong quan hệ với các nước láng giềng

từ ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đến nay. Điều này không chỉ có lợi cho sự phát triển của bản thân Trung Quốc, mà còn có ảnh hưởng tích cực đối với sự ổn định, an toàn, hòa bình và phát triển của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới.

7.15. BÁO "BÌNH LUẬN THÀNH BON" CỦA ĐỨC VIẾT: MỌI NHÂN SĨ NỔI TIẾNG ĐÃ TỪNG ĐI THĂM TRUNG QUỐC ĐỀU THẤY RẰNG, KHÔNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA TRUNG QUỐC THÌ KHÔNG THỂ XÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

Cuối thập kỷ 80, cục diện thế giới có sự biến đổi to lớn về kết cấu: Sau biến động lớn ở Đông Âu, Liên Xô giải thể, kết cấu hai cực kéo dài 40 năm sau chiến tranh đã kết thúc với sự sụp đổ của một cực.

Kết cấu cũ đã bị phá vỡ, kết cấu mới chưa hình thành, thế giới ở vào trạng thái "không có kết cấu ổn định". Tình hình này rõ ràng là một cơ hội để Trung Quốc quật khởi. Nhưng cơ hội chỉ là thiên thời, có thể lợi dụng được hay không còn phải dựa vào mưu lược của con người. Thời kỳ đi tìm thế thăng bằng giữa hai siêu cường trong chiến lược tam giác lớn đã mất đi căn cứ khách quan, hiện nay cần tùy cơ ứng biến, kịp thời điều chỉnh chiến lược ngoại giao của Trung Quốc.

Về lý luận, sau khi kết thúc kết cấu hai cực, có hai khả năng mới: Đi tới một cực và đi tới đa cực. Khả năng nào có lợi cho Trung Quốc? Trước kia Trung Quốc đã cải thiện quan hệ với cả hai siêu cường, nhưng không dựa vào

bên nào, mà đứng thăng bằng ở giữa, vì độc lập tự chủ, dùng "tam giác"để giữ quân bình hai cực. Ngày nay hai cực chỉ còn một, lại càng không cần thiết dựa vào nó. Ngược lại, trong kết cấu đa cực, Trung Quốc có thể kể là một cực.

Thế là từ chiến lược ngoại giao "tam giác",Đặng Tiểu Bình điều chỉnh thành chiến lược tranh "đa cực" và tranh về hai mặt: 1) Tiếp tục cải thiện quan hệ duy trì sự tiếp xúc với hai siêu cường cũ, đồng thời bỏ nhiều công sức tăng cường nền ngoại giao hòa bình với Nhật, Tây Âu, Đông Âu, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn phương Tây, thúc đẩy tiến trình đa cực hóa. 2) Tiếp tục lấy thế giới thứ ba làm hậu thuẫn, tranh hơn thua với các nước lớn phương Tây, dần dần nâng cao sức nặng của cực Trung Quốc trong quá trình đa cực hóa.

Tháng 10-1988, Đặng nói với khách nước ngoài tới thăm: Thời đại thế giới do hai nước lớn làm chúa tể đã qua rồi, thế giới tương lai sẽ là một thế giới đa cực, trong đó bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Âu và nhiều tập đoàn quốc gia khác.

Nhật và các nước Tây Âu đều không hài lòng với kết cấu hai cực do Liên Xô và Mỹ làm chúa tể thế giới được định ra theo hiệp định Yalta sau chiến tranh. Trong một thời gian rất dài, những nước đó không thể không chấp nhận sự chi phối của một bá quyền, đó là sản vật của sự đối chọi giữa hai cực. Nay kết cấu hai cực kết thúc, không có nghĩa là một cực thất bại và một cực thắng lợi. Sau sự tan rã của tập đoàn Liên Xô, tập đoàn Mỹ cũng mất đi sức kết tụ bên trong. Kẻ địch chung không còn tồn tại, thì cần

gì phải kết lại với nhau để bị một bá chủ chi phối? Mọi nước đều muốn sống riêng rẽ, dù trước đây thuộc về tập đoàn nào, đều muốn xây dựng một kết cấu đa cực gồm nhiều lực lượng cùng tồn tại và chi phối lẫn nhau, trong đó có bản thân mình để khôi phục tư cách độc lập. Sự lựa chọn khuynh hướng đa cực của Đặng khiến Trung Quốc có thể có cùng lập trường với Nhật Bản, Tây Âu, Đông Âu trong cuộc phản đối sự khống chế của một nước lớn, và Trung Quốc có thể phát triển mạnh mẽ quan hệ với những nước trên, để tiến mạnh vào thế giới.

Nhật Bản từ lâu đã không hài lòng trước sự giám hộ về quân sự và sự chèn ép về kinh tế của Mỹ. Từ đầu thập kỷ 70, thủ tướng mới của Nhật Bản đã thay đổi chính sách ngoại giao theo đuôi Mỹ, thực hiện một chính sách ngoại giao tự chủ nhiều bên xoay quanh trục hợp tác Nhật- Mỹ. Năm1972, ngoại trưởng Nhật Bản nói: "Thời đại Nhật Bản đi theo Mỹ đã kết thúc". Chính hai người đã nói những lời không lợi cho Mỹ đó là những người đầu tiên thúc đẩy việc bình thường hoá quan hệ Trung- Nhật. Nhật Bản không cam chịu làm một người bạn nhỏ của Mỹ. Hiện nay, họ đã là một cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới, tổng sản phẩm quốc dân của họ đã chiếm trên 60% của Mỹ, bình quân đầu người đã vượt hơn Mỹ. Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế Nhật Bản tính rằng: Đến đầu thế kỷ 21, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật sẽ tương đương với Mỹ, bình quân đầu người sẽ cao gấp đôi Mỹ. Từ năm1985, Mỹ đã từ địa vị chủ nợ rơi xuống địa vị con nợ. Năm 1989, số nợ nước ngoài lên tới 660 tỉ đôla, hiện nay đã trở thành nước vay nợ lớn nhất thế giới. Về lực lượng tài chính và thực lực

kỹ thuật, trên một trình độ nhất định. Mỹ đã bị lệ thuộc vào Nhật. Năm 1991, hiệp hội điện tử Mỹ đã công bố một tài liệu nói "Khoảng hơn 20 loại bộ phận và linh kiện quan trọng của Nhật đã được dùng trong hệ thống vũ khí Mỹ, trong đó có 7 loại chỉ có Nhật mới cung cấp được, ngoài ra không còn nguồn cung cấp nào khác." Nếu không có một số vi mạch của Nhật, thì không thể thực hiện được chiến tranh kỹ thuật cao trong cuộc chiến vùng Vịnh. Báo chí Nhật không cần che giấu điều gì, nói: "Trong cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, Mỹ đã huyênh hoang với vai trò "sen đầm thế giới", nhưng vẫn không thể không mang lá cờ Liên hiệp quốc để các nước liên quan đóng góp một phần chi tiêu quân sự. Nhật Bản đã công khai tuyên bố dám nói "không" với Mỹ. Đặng nhạy cảm nắm bắt được rằng, mâu thuẫn Mỹ-Nhật tăng lên sẽ làm tăng thêm sức nặng của Trung Quốc ở châu Á- Thái Bình Dương. Sau khi trở thành cường quốc kinh tế, Nhật tích cực mưu cầu địa vị cường quốc chính trị, nhưng chính giới Nhật tỉnh táo nhận thấy rằng: Nếu không có sự tham dự của Trung Quốc, những vấn đề quan trọng của vùng châu Á- Thái Bình Dương sẽ không thể được giải quyết thuận lợi; nếu không có sự ủng hộ của Trung Quốc, Nhật Bản sẽ không thể thực sự phát huy tác dụng chính trị của một nước lớn. ở Mỹ đã có người coi Nhật Bản là mối uy hiếp lớn nhất trong thế kỷ 21, nhưng nước Mỹ lại vẫn phải cầu cạnh Nhật Bản, không thể làm gì được trước một số hành động "vượt quỹ đạo" của Nhật. Do đó, Mỹ cũng rất hy vọng Trung Quốc có thể trở thành một lực lượng lớn để kiềm chế Nhật Bản. Hai nước Mỹ- Nhật đều mong nhờ lực lượng Trung Quốc để kiềm chế

đối phương. Trung Quốc cần xử trí ra sao? Mưu lược của Đặng là: 1) Củng cố quan hệ hữu hảo với Nhật Bản, cũng duy trì sự giao dịch bình thường với Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn Mỹ- Nhật, đứng giữa phát huy tác dụng cân bằng, tạo thành quan hệ tam giác ở châu Á-Thái Bình Dương. Giống như "đại tam giác" Trung- Mỹ- Xô trong thập kỷ 80, Trung Quốc không làm mất lòng ai và cũng không sợ ai, ngược lại Mỹ, Nhật lại sợ Trung Quốc đứng cách mình quá xa, xích lại quá gần đối phương, nên không dám làm mất lòng Trung Quốc. Như vậy, cực Trung Quốc tuy về thực lực kinh tế là mỏng và yếu nhất, nhưng trong việc giải quyết công việc châu Á- Thái Bình Dương, lại trở thành một cực quan trọng. Trung Quốc đứng về một phía nào thì phía kia không chịu nổi. 2) Trên tiền đề cùng giao dịch với Mỹ- Nhật, quan hệ Trung- Nhật được đặt ở vị trí tương đối ưu tiên hơn. Năm 1983, người lãnh đạo hai nước Trung- Nhật gặp nhau tại Tôkyô đã đưa ra một quyết sách có tầm nhìn trác việt, tức là suy xét quan hệ Trung- Nhật trong một góc độ lâu dài để phát triển. Đặng nói với Thủ tướng Nhật: "Việc này vượt qua tầm quan trọng của mọi vấn đề giữa chúng ta". Những điểm chung giữa Trung- Nhật lớn hơn giữa Trung- Mỹ rất nhiều, hai bên đều có đầy đủ lý do để coi trọng quan hệ giữa hai nước. Ưu tiên xét tới quan hệ với Nhật là quyết sách nhất quán của Đặng, vì Nhật Bản đối với Trung Quốc chưa thể tạo thành uy hiếp lớn, ít nhất trong thời gian ngắn, còn Mỹ thì có khả năng đó. Sự đoàn kết Trung- Nhật là một quả cân quan trọng để đối phó với chủ nghĩa bá quyền của Mỹ. Có được quan hệ Trung- Nhật vững chắc, Mỹ muốn lũng đoạn công việc ở châu Á- Thái

Bình Dương, muốn cô lập Trung Quốc là rất khó khăn. Dù quan hệ Trung- Mỹ bị bế tắc, Trung Quốc vẫn còn có đất xoay trở. Thí dụ sau "sự kiện 4-6", dẫn đầu trừng phạt Trung Quốc là Mỹ, và người phá vỡ cục diện bế tắc, trước tiên khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc là Nhật Bản.

Các nước Tây Âu càng bất bình với sự khống chế của Mỹ. Ngay từ thập kỷ 50, đã có người đề xuất sự cần thiết phải liên hiệp châu Âu để tránh trở thành nước phụ thuộc vào Mỹ, một siêu cường. Đờ Gôn là người đầu tiên đòi độc lập với Mỹ, đề ra khẩu hiệu "châu Âu của người Châu Âu", để đối kháng với cục diện Mỹ khống chế châu Âu. Sự thành lập và phát triển của Cộng đồng Châu Âu đã thúc đẩy sự hợp tác kinh tế của Châu Âu. Sau khi Liên Xô tan rã, nước Đức thống nhất, bước đi của liên hiệp châu Âu càng tăng nhanh. Cuối năm 1991, Cộng đồng châu Âu gồm 12 nước thông qua hiệp ước Mađrít, đẩy nhanh tiến trình nhất thể hóa châu Âu về chính trị và kinh tế, ra sức thoát ly ảnh hưởng của Mỹ. Thực lực kinh tế của toàn châu Âu đã vượt Mỹ, sau khi thống nhất, tổng sản lượng quốc dân của Đức đã chiếm vị trí thứ ba thế giới. Sự suy yếu và tan rã của Liên Xô khiến uy hiếp quân sự của nó với châu Âu không còn tồn tại, sợi dây gắn bó Mỹ và Tây Âu bị nới lỏng, Mỹ khó thông qua tổ chức NATO để duy trì địa vị chúa tể ở châu Âu. Nay, một số nước như Pháp chủ trương lấy Cộng đồng châu Âu làm trung tâm để xây dựng kết cấu châu Âu tương lai, Mỹ thì có ý đồ cải tổ NATO, thay đổi chức năng của NATO, để tiếp tục khống chế các nước Tây Âu. Hai phía Âu - Mỹ có mâu thuẫn gay gắt về các mặt an

toàn, phòng vệ, buôn bán. Những mâu thuẫn đó cũng có lợi cho Trung Quốc. Dù Mỹ không có ý định nhờ Trung Quốc kiềm chế Tây Âu, nhưng việc giảm nhẹ sự khống chế với Tây Âu, lại tạo thời cơ để Trung Quốc thâm nhập thị trường châu Âu. Ngay từ năm 1983, Đặng đã nêu ra ý kiến "cần nắm vững thời cơ các nước Tây Âu gặp khó khăn về kinh tế để hợp tác kỹ thuật với họ". Hai ba năm sau, Đặng luôn suy nghĩ, tìm biện pháp tăng cường liên hệ kinh tế với Tây Âu. Năm 1985, Đặng khuyến khích các vị khách Italia: Châu Âu cần có chính sách ngoại giao độc lập tự chủ, tức là đừng nghe theo sự xếp sắp của Mỹ, mạnh dạn hợp tác với Trung Quốc. Sở trường của Tây Âu là kỹ thuật, về rất nhiều mặt không kém gì Mỹ, Nhật, và người châu Âu dễ dàng hơn trong việc chuyển nhượng kỹ thuật. Tăng cường hợp tác kinh tế kỹ thuật với Tây Âu, Trung Quốc sẽ không bị quá lệ thuộc vào Mỹ, Nhật, bên này khó khăn sẽ có bên kia, có miếng đất rộng rãi để xoay trở. Tây Âu không có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc mà thị trường Trung Quốc có sức hấp dẫn to lớn đối với cả Tây Âu và Mỹ, Nhật, nước nào cũng muốn nhanh chân để kiếm lợi. Mở cửa với cả hai phía Đông-Tây, giao dịch với cả hai phía, thì trong kết cấu đa cực trong tương lai, tác dụng và sức nặng của Trung Quốc sẽ không chỉ hạn chế ở vùng châu Á-Thái Bình Dương, mà có ý nghĩa toàn cầu.

Liên Xô từng can thiệp thô bạo vào công việc của các nước Đông Âu, làm tổn thương nghiêm trọng đến tình cảm dân tộc của những nước này. Mô thức thuần tuý theo kiểu Liên Xô đã đem lại nhiều tổn hại cho sự nghiệp cách mạng và xây dựng của những nước này. Nhân dân Đông Âu từ

lâu đã muốn thoát ra khỏi sự khống chế của Liên Xô. Năm 1985, sự khống chế của Liên Xô bắt đầu bị rung động. Đặng khuyến khích các vị khách Áo: Ngày nay, Tây Âu trong một phạm vi nhất định đã áp dụng chính sách độc lập, các nước Đông Âu trong một mức độ nhất định cũng áp dụng chính sách độc lập. Đó là điều rất đáng mừng, là một thay đổi rất quan trọng trong tình hình chính trị thế giới, sự giải thể của Liên Xô không chỉ là sự giải phóng với các nước Đông Âu. Thế tất họ phải hướng về châu Á để tìm lối thoát, điều đó giống như mở ra cho Trung Quốc một con đường để mở rộng giao dịch. Việc cải cách theo kinh tế thị trường của Trung Quốc sớm hơn so với các nước Đông Âu, hai bên có nhiều thứ để bổ trợ cho nhau về kinh tế. Đông Âu có một số kỹ thuật mạnh hơn Trung Quốc, và hàng công nghiệp nhẹ của Trung Quốc lại có thị trường to lớn ở Đông Âu. Giao dịch với Đông Âu tuy không có được kỹ thuật cao và tiền vốn, nhưng Trung Quốc không thể bị thiệt về kinh tế. Về mặt chính trị, có thể tạo nên ở đại lục Đông Âu một quan hệ tam giác Trung Quốc-Đông Âu-Nga. Trung Quốc giao dịch cả với Đông Âu và Nga. Tuy Trung Quốc không cố ý kéo các "người bạn nhỏ" của Liên Xô cũ về phía mình, và không muốn đối kháng với Nga, nhưng người Đông Âu rất thích giao dịch với người bạn ở Viễn Đông không có gì uy hiếp họ. Điều đó cũng có lợi cho việc ngăn chặn sự uy hiếp mới của Nga đối với Trung Quốc.

Thế giới thứ ba ngay từ đầu đã là một lực lượng chống bá quyền, độc lập vượt khỏi hệ thống hai cực. Trung Quốc trước kia không thể gọi là lớn mạnh, nhưng đã có thể đối phó với hai siêu cường, nguyên nhân quan trọng là sự ủng hộ của thế giới thứ ba. Đến cuối thập kỷ 80, Đặng thấy thời đại hai siêu cường làm bá chủ thế giới đã qua rồi

"nhưng chính trị cường quyền đang tăng lên, một số ít nước phương Tây muốn lũng đoạn thế giới"[1]. Do đó, Trung Quốc muốn tăng cường quyền phát ngôn trong vai trò quốc tế của mình, tăng thêm sức nặng trong khi giao dịch với các nước lớn phương Tây, giành lấy một chỗ trong thế giới đa cực, thì vẫn phải dựa chắc vào thế giới thứ ba, mượn lực lượng của thế giới thứ ba để chống lại bá quyền nước lớn. Thế giới thứ ba tuy nghèo, nhưng về số nhân khẩu, diện tích đất đai, tuyến giao thông chiến lược và nguồn tài nguyên, về tổng thể, họ có ưu thế mà bất kỳ nước phát triển nào cũng không có được. Cựu chủ tịch Cộng đồng châu Âu nói: "Sự phồn vinh của Cộng đồng châu Âu phải dựa vào mức độ phồn vinh của thế giới thứ ba nhiều hơn là vào các bạn hàng Mỹ và Nhật".1/4 lượng tiêu thụ nguyên liệu của Tây Âu, 2/5 của Nhật Bản đều phải nhập từ thế giới thứ ba. Lượng nguyên liệu trong công nghiệp Mỹ có 95 loại thì 68 loại phải nhập khẩu, trong đó 15 loại hoàn toàn phải nhập khẩu. Đối tượng xuất khẩu chủ yếu là thế giới thứ ba. Những nước phát triển phụ thuộc vào các nước kém phát triển cũng không kém các nước kém phát triển phụ thuộc vào họ. Về chính trị, hiện nay trong gần 180 thành viên Liên hiệp quốc, có hơn 100 nước kém phát triển, cộng thêm những nước thế giới thứ ba khác, chiếm khoảng 2/3 số hội viên Liên hiệp quốc, là một lực lượng không thể xem nhẹ. Những điểm chung giữa Trung Quốc với các nước thế giới thứ ba nhiều hơn bất kỳ nước phát triển nào. Liên Xô tan rã đã loại bỏ được trở ngại trong quan hệ giữa Trung Quốc với thế giới thứ ba. Trong hệ thống các quốc gia hiện nay, chỉ có Trung Quốc mới có thể

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr.329.

lên tiếng thay mặt thế giới thứ ba.Đặng nhiều lần nhắc lại việc Trung Quốc đứng về phía thế giới thứ ba, lá phiếu của Trung Quốc trong Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc là lá phiếu của thế giới thứ ba, Trung Quốc dù có phát triển lên, cũng vẫn là một thành viên của thế giới thứ ba. Ngoài ra, ông còn nắm vững vấn đề Nam-Bắc, dốc sức vào việc hợp tác Nam-Nam, bản thân điều đó là một mặt quan trọng để tăng cường sự liên hệ giữa Trung Quốc với thế giới.

Thông qua hợp tác Nam-Nam lại có thể thúc đẩy đối thoại Nam-Bắc, thế giới thứ ba đại biểu cho 3/4 nhân khẩu thế giới, thảo luận những vấn đề toàn cầu và trật tự thế giới mới với "một thiểu số những nước phát triển". Bản thân Trung Quốc không phải là yếu, lại thêm có thế giới thứ ba làm hậu thuẫn, đã linh hoạt giao dịch với các nước phương Tây. Thế giới tương lai, dù có bao nhiêu cực, thì bất kỳ thế nào, Trung Quốc cũng là một cực, mà sức nặng của cực này lại không phải là quá nhẹ.

Xét về tình hình trước mắt, cực Trung Quốc có sức nặng ra sao? Tốt nhất là xem cảm tưởng của bên ngoài:

Báo "Bình luận thành Bon" của Đức nói: "Mọi nhân sĩ nổi tiếng đã từng thăm Trung Quốc đều thấy, nếu không có sự tham gia của Trung Quốc, thì không thể xây dựng thành công trật tự thế giới mới".

Còn một loại dư luận thế giới nữa: "Trung Quốc có một ảnh hưởng to lớn trong công việc thế giới", "nhất là trong khi sự cân bằng của thế giới mới chưa hình thành, việc giải quyết rất nhiều vấn đề quốc tế không thể thiếu sự hợp tác của Trung Quốc", "Trung Quốc rõ ràng có thể đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn".

7.16. CHE GIẤU LỰC LƯỢNG

Năm 1989, sau vụ "dẹp loạn 4-6", các nước phương Tây dồn dập gây sức ép, trừng phạt Trung Quốc. Để chống lại sức ép bên ngoài, dẹp yên tàn dư động loạn, khẩu hiệu chống "diễn biến hòa bình" lại được đưa lên vị trí chiến lược. Ngờ đâu chẳng bao lâu sau, mặt trận xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đưa tới tin tức chấn động: Rất nhiều nước xã hội chủ nghĩa chỉ trong chốc lát đã thay đổi mầu sắc. Trung Quốc nhất thời đứng giữa hai sức ép (Liên Xô và Đông Âu biến đổi tạo nên sức ép tâm lý ở một mức độ nhất định còn đáng sợ hơn sự trừng phạt của phương Tây). Tình thế so với thập kỷ 50 khi Mao Trạch Đông đứng trước tình hình quốc tế lúc đó, còn phức tạp và nguy hiểm hơn nhiều. Nhiều người cuống quýt. Cuộc tiến công "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa tư bản diễn ra vào lúc chúng ta vừa ra sức nói về chiến thắng lịch sử tất nhiên của chủ nghĩa xã hội trước chủ nghĩa tư bản, thì đột nhiên bao nhiêu lá cờ đỏ xã hội chủ nghĩa tới tấp rơi xuống đất. Vậy phải làm thế nào?

Lúc đó Đặng Tiểu Bình đã hoàn toàn rút lui, từ bỏ chức vụ cuối cùng là chủ tịch quân ủy, thực hiện nguyện vọng rút lui khỏi vũ đài chính trị. Trong khi trao đổi với thế hệ lãnh đạo thứ ba, Đặng hiến kế: "Đối với tình hình quốc tế, có thể khái quát lại thành ba câu sau đây: Câu thứ nhất: Bình tĩnh quan sát. Câu thứ hai: Giữ vững trận địa. Câu thứ ba: Trầm tĩnh đối phó, không vội vàng, vội cũng không được. Cần bình tĩnh, bình tĩnh, bình tĩnh hơn nữa. Cắm đầu mà làm, làm tốt mọi việc của bản thân

mình"[1]. Sau này khi truyền đạt, Đặng còn thêm một câu thứ tư nữa là che giấu lực lượng. Gộp cả lại, được gọi là "phương châm 16 chữ" để đối phó với tình hình quốc tế trước mắt.

Nếu không bình tĩnh, với "sự biến Liên Xô, Đông Âu" mà vội vã đưa ra nhận định và bình luận thì có thể nói gì?

Nếu nói thay đổi như thế là tốt thì coi như thừa nhận chủ nghĩa xã hội đã phá sản, thế tất sẽ làm lung lay "cái gốc dựng nước" của Trung Quốc, hoàn toàn đáp ứng nhu cầu "diễn biến hòa bình" của các nước phương Tây. Càng phiền phức hơn nữa là nói như thế sẽ mâu thuẫn với việc đánh giá và giải quyết "sự kiện 4-6", không thể nào nói cho xuôi được. Lúc đó, tàn dư động loạn chưa hết, làm như thế khác gì tự đào chân móng của mình.

Nếu khiển trách Liên Xô và Đông Âu,lên án họ là kẻ bội phản chủ nghĩa xã hội, thủ tiêu thành quả của cách mạng tháng 10, làm gãy lá cờ của chủ nghĩa Lênin thì như thế rất có khả năng gây lại cuộc đại luận chiến kịch liệt trong phong trào cộng sản thế giới vào thập kỷ 60. Vả lại, vũ khí mà Trung Quốc dùng để chống lại sự trừng phạt của các nước phương Tây là "không can thiệp vào công việc nội bộ", không cho phép người khác can thiệp vào chế độ xã hội của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc vội vã nhảy ra để chỉ trích chế độ mới ở Liên Xô và các nước Đông Âu, thì chẳng phải là can thiệp vào việc nội bộ của người ta sao?

Về không khí chính trị lúc đó ở Trung Quốc, mối nguy thứ nhất không có nhiều khả năng xuất hiện, mà cái đáng lo nhất là khuynh hướng thứ hai. Bởi vì lúc đó, đúng là có

1. Đặng tuyển, Quyển III, tr. 321.

nhiều người cho rằng hiện nay "chỉ có Trung Quốc mới cứu được chủ nghĩa xã hội" chứ không chỉ là "chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể cứu Trung Quốc". Họ mong Trung Quốc đứng ra, nhân cơ hội Liên Xô tan rã, vươn lên đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, giương cao lá cờ lớn chống diễn biến hòa bình của các nước phương Tây.

Đặng thấy làm như vậy không phải là nâng cao địa vị của Trung Quốc mà là đưa Trung Quốc ra nướng trên lò lửa. Các nước phương Tây thấy Liên Xô và Đông Âu đã thay đổi, nước xã hội chủ nghĩa lớn chỉ còn lại có Trung Quốc, vốn đã coi Trung Quốc là "trung tâm mới của thế giới cộng sản". Nếu Trung Quốc quả thật giương cao lá cờ đó thì thế tất sẽ trở thành mũi nhọn để phương Tây công kích. Như thế, quan hệ giữa Trung Quốc với phương Tây sẽ không còn đất để hòa hoãn nữa. Các nước thuộc Liên Xô và Đông Âu cũng vị tất đã chịu, quan hệ hòa hoãn vừa đạt được với họ có khả năng lại trở thành căng thẳng. Như vậy, Trung Quốc sẽ ở vào hoàn cảnh gặp kẻ địch ở cả hai phía, đi trở lại con đường "chống đế quốc, chống xét lại" cũ, và bị cô lập trên quốc tế.

Mưu lược của Đặng hoàn toàn ngược lại: "Không tùy tiện phê phán người khác, chỉ trích người khác, không nên nói lời gì quá mức, không nên làm việc gì quá mức"[1]. Không để lộ mũi nhọn, che giấu thực lực. Ít quản công việc của người khác, càng không nên làm công việc ngu ngốc là chuốc hư danh mà gây tổn hại cho mình, chỉ làm tốt một việc, làm thật tốt công việc của bản thân mình.

Công việc của bản thân mình là thế nào? Coi trọng cả ổn

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 320.

định và cải cách. Dù Liên Xô và Đông Âu thay đổi thế nào, "bản thân Trung Quốc phải giữ vững trận địa, nếu không người khác sẽ dạy bảo chúng ta" (như trên). Nếu không ổn định thì việc gì cũng không làm nổi. Nhưng không thể vì cần ổn định mà vứt bỏ cải cách mở cửa. "Không có cải cách mở cửa thì không có hy vọng". Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến Liên Xô xảy ra vấn đề là kinh tế không tiến lên được, có nước thì vì lâu dài không cải cách. Đặng nhấn mạnh phải xây dựng lại hình tượng cải cách mở cửa, nghiêm túc tiến hành công việc cải cách mở cửa, tỏ rõ chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc không đổi.Ông cho rằng đó là điều then chốt để giải quyết mâu thuẫn trên quốc tế và trong nước. "Trầm tĩnh đối phó" là như thế.

Về mặt hình thái ý thức xã hội, Đặng thực hiện phương châm "chặt chẽ ở trong nước, rộng rãi với bên ngoài". Đối nội vẫn phải nói tới bài học Liên Xô và Đông Âu, nhấn mạnh sự cần thiết phải chống "diễn biến hòa bình". Nếu không, sẽ không ổn định được cục diện, nhân tố động loạn có thể ngóc đầu dậy. Đối ngoại thì tuyên bố "tôn trọng sự chọn lựa của nhân dân Liên Xô và Đông Âu", không tiến hành tranh luận về hình thái ý thức xã hội. Dù Liên Xô thay đổi thế nào,vẫn phát triển quan hệ với họ. Kết quả, không phát sinh chuyện gì với phía Liên Xô, ngược lại sự tan rã của Liên Xô lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Trung Quốc, chủ nghĩa xã hội của Liên Xô tan rã nhưng không hề gây ảnh hưởng gì đến chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc.

Đối với sự trừng phạt và gây sức ép của phương Tây, Đặng nói: một là, phải chống lại, không tỏ ra yếu đuối; hai là, không tự cô lập, tận lực tìm cơ hội hòa hoãn. Thí dụ, để

nghị Lý Chính Đạo nói lại với "những người đã tham gia du hành và ký tên ở nước ngoài, là Trung Quốc không để ý đến vấn đề đó, mong họ không nên lo lắng"[1]. Đề nghị đại sứ Tổng thống Mỹ "chuyển lời tới Tổng thống Busơ, rằng ở phương Đông, có một ông già Trung Quốc đã về hưu quan tâm tới việc cải thiện và phát triển quan hệ Trung-Mỹ"[2]. Kết quả, những người đã hăng hái trừng phạt Trung Quốc thấy nước Trung Quốc lớn như vậy, lại cứng cỏi không sợ hãi, trừng phạt không có tác dụng, nên cũng dần dần thay đổi: tiếp tục giữ quan hệ với Trung Quốc để khỏi mất mối lợi từ thị trường Trung Quốc. Thêm nữa, Trung Quốc tiếp tục cải cách mở cửa thì không sao, nếu gây áp lực mạnh quá, họ lại đóng cửa lại, thì chẳng phải là thiệt thòi sao? Sau cùng, phương Tây vẫn phải làm theo ý Đặng, lần lượt khôi phục lại quan hệ bình thường.

7.17. ĐẶNG LÀ MỘT NGƯỜI CHÀO HÀNG SIÊU HẠNG CỦA TRUNG QUỐC

Năm 1978, khi Đặng Tiểu Bình sang thăm Nhật Bản, một nhà báo Mỹ cảm phục nói: "Trong chuyến thăm Nhật Bản, Đặng đã đóng vai một nhà chào hàng siêu hạng của Trung Quốc".

Cái mà Đặng muốn chào mời không phải là một thứ hàng hóa, cũng không phải là bản thân ông, mà là Trung Quốc đã một thời ngăn cách hoàn toàn với thế giới. Ông muốn giới thiệu Trung Quốc với thế giới, để Trung Quốc

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 327, 351.

tiến ra thế giới, bởi vì đó là một trong những tiền đề không thể thiếu để hiện đại hóa Trung Quốc.

Hãy xem Đặng đã chào mời như thế nào ở Nhật và ở Mỹ.

Trong nghi thức trao đổi văn bản hòa ước, cờ hai nước treo cao, quốc ca hai nước được cử lên, những cái bắt tay nồng nhiệt, những chiếc cốc chạm nhau... Tưởng như thế đã đủ, nhưng Đặng còn có một cử chỉ mới: Thân thiết ôm hôn Thủ tướng và ngoại trưởng Nhật. Hai nhà ngoại giao nổi tiếng bị hành động bất ngờ của Đặng làm cho lúng túng. Người Trung Quốc xưa nay vẫn giữ gìn gò bó, ngay việc bắt tay cũng là mới học của phương Tây. Ai ngờ được rằng, người lãnh đạo một nhà nước cộng sản lại có thể biểu thị tình bè bạn với chủ nghĩa tư bản bằng cách "ngả vào lòng" họ như vậy. Đặng còn tổ chức một cuộc họp báo kiểu phương Tây ở Tôkyô. Đó cũng là việc lần đầu của một nước cộng sản. Những cử chỉ đó đã gây cho người xem toàn thế giới một ấn tượng: Trung Quốc đã mở cửa, mức độ mở cửa vượt ra ngoài cả dự đoán của mọi người.

Điều mà KaYaYoHei khâm phục Đặng nhất là bản lĩnh nắm vững lòng người của Đặng. Thực ra, việc đi thăm chính thức nước ngoài, trao đổi văn bản điều ước, làm quen với các quan chức, làm việc công như thế là đủ. Nhưng Đặng lại chú ý đi vào vấn đề tình cảm. Ông đến thăm nhà riêng hai người bạn Nhật, cám ơn họ đã tích cực góp sức vào quá trình khôi phục tình hữu hảo Trung-Nhật. Việc đến thăm đó hoàn toàn là trao đổi tình cảm đã tỏ rõ là người Trung Quốc biết nhận rõ tốt xấu, không quên tình cố cựu. Còn gia đình những bạn bè đã mất, Đặng không thể đến từng nhà, liền mời họ đến nhà khách nói chuyện

thân mật. Những người thân đó, có người thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba, được đối đãi trân trọng như vậy, không ai không xúc động, có người rơi nước mắt. Lời lẽ của Đặng càng giàu tình cảm: "Các vị là thân thuộc của những người bạn cũ của Trung Quốc, đương nhiên cũng là người thân thuộc của nhân dân Trung Quốc". Đặng hy vọng họ năng lui tới Trung Quốc như đến với người thân. Người Trung Quốc coi trọng tình cảm và tín nghĩa như vậy, thì có lý do gì mà không hữu hảo?

Hai nước Trung-Nhật đều lưu hành trong dân gian câu chuyện Tần Thủy Hoàng phái Từ Phúc đi tìm thuốc trường sinh bất lão. Trong khi nói chuyện với những người lãnh đạo 6 đảng không cầm quyền, Đặng nói mục đích chuyến đi này của mình, ngoài việc trao đổi văn bản điều ước và biểu lộ tình cảm với bạn bè cũ, còn một việc nữa là đi tìm thuốc trường sinh bất lão. ủy viên trưởng của đảng Công Minh đã nói một câu đầy hàm ý: "Thuốc tốt nhất chẳng phải là điều ước hữu hảo đó sao?" Đặng gật đầu, cái mà ông muốn tìm là kinh nghiệm thành công của Nhật Bản. Về mặt này, Đặng giống như một người chào hàng xuất sắc.

Khi thăm nhà máy sản xuất ô tô, Đặng được biết số ô tô sản xuất theo đầu người công nhân hàng năm là 94 cái, trong khi nhà máy ô tô hiện đại nhất Trung Quốc là nhà máy ô tô số 1 ở Trường Xuân chỉ là 1 cái, thì vô cùng cảm khái nói: "Tôi đã hiểu thế nào là hiện đại hóa. Hoan nghênh những nước phát triển về công nghiệp, đặc biệt là giới doanh nghiệp Nhật Bản đã hợp tác với công cuộc hiện đại hóa Trung Quốc. Đây cũng là điều thắt chặt thêm quan hệ giữa hai nước".

Công ty gang thép Tân Nhật, bắt đầu từ năm 1977 đã buôn bán với Trung Quốc với trị giá 3,8 tỷ đôla. Đặng tham quan một nhà máy của công ty, nói chuyện với "vua gang thép" Nhật về những hạng mục hợp tác với nhà máy thép Bảo Sơn, Thượng Hải: "Năng lực quản lý của chúng tôi kém, cần phải học tập. Nếu không dạy chúng tôi về quản lý tốt thì không làm việc được. Chúng ta hãy ký với nhau một hiệp định quân tử nếu Thượng Hải làm không tốt, thì đó không phải là trách nhiệm của học trò, mà là thầy dạy không tốt". Ông này, sau nhiều lần tỏ ý, nhất định sẽ giúp nhà máy thép Bảo Sơn, Thượng Hải sản xuất còn tốt hơn là nhà máy của Nhật Bản nữa.

Người sáng lập công ty Tùng Hạ của Nhật được gọi là "ông thần kinh doanh". Đặng sau khi xem dây chuyền sản xuất truyền hình mầu, thành khẩn nói: "Những điều chúng tôi cần học tập có rất nhiều, mong tiên sinh Tùng Hạ và các vị giúp đỡ". Ông này nói: "Chúng tôi sẽ truyền lại cho các ngài tất cả".

Trung Quốc cần viện trợ, hợp tác. Đó cũng là điều mà Nhật Bản mong muốn. Trung Quốc có 900 triệu người, tài nguyên phong phú theo sự tiến triển của hiện đại hóa, sẽ cần mua rất nhiều thiết bị cơ khí của nước ngoài. Giới kinh tế Nhật coi Trung Quốc là thị trường buôn bán lớn nhất còn lại trên thế giới. Đặng nắm lấy điểm đó, đã gây nên "cơn sốt Trung Quốc" trong giới kinh tế Nhật. Hơn 200 công ty Nhật đồng thời đăng quảng cáo trên báo chí, chúc mừng điều ước Trung-Nhật có hiệu lực và hoan nghênh ngài Đặng thăm Nhật Bản. Sáu tập đoàn kinh tế còn tổ chức tiệc chiêu đãi. Bình thường, những cuộc chiêu đãi như thế của họ chỉ có không quá 200 khách, khi chiêu đãi mừng nữ hoàng Anh Êlidabét cũng chỉ có gần 300 người,

nhưng lần này có tới hơn 320 người. Trong bữa tiệc còn thực sự xuất hiện hoạt động chào hàng: Các nhân viên Nhật và các tùy viên của Đặng từng đôi một trao đổi danh thiếp với nhau.

Chặng cuối cùng trong chuyến đi của Đặng là tại vùng KANSEI. Chẳng phải là Trung Quốc cần thế giới, mà thế giới cũng cần Trung Quốc sao? Kansei là địa phương của Nhật rất cần tới Trung Quốc. Sau chiến tranh, cơ sở kinh tế của Kansei bị yếu đi là do mất thị trường Trung Quốc. Tờ "Tin tức hàng ngày" bình luận "mức độ hy vọng của Trung Quốc đối với giới tài chính Kansei thật ra ngoài dự đoán, mà sự mong mỏi của giới kinh tế Kansei đối với Trung Quốc lại còn lớn hơn thế nữa". Trước khi Đặng tới Kansei, giới kinh tế Kansei đã tiến hành ganh đua kịch liệt trong cuộc chiêu đãi của chính phủ chào mừng Đặng. Sau này, họ lại tổ chức riêng một cuộc chiêu đãi chào mừng Đặng.

Ba tháng sau, cơn lốc Đặng Tiểu Bình từ Nhật truyền tới Mỹ, bắt đầu cuộc chinh phục nước Mỹ.

Giới thiệu Trung Quốc với người Mỹ, cần nắm vững đặc điểm của người Mỹ. Ở đây, không nên tỏ cảm tình nhiều, mà điều quan trọng là biểu lộ rõ cá tính và khí phách của người Trung Quốc.

Brêdínxki là sứ giả của quan hệ hữu hảo Trung-Mỹ,đồng thời cũng là chuyên gia chống cộng nổi tiếng. Sau khi Đặng tới Mỹ mới hai giờ, liền đi xe tới nhà riêng của ông ta ở vùng ngoại ô, tham gia một bữa chiêu đãi bít tết mà ông ta đã hẹn 7 tháng trước.

Van Xơ đã từng oán trách một câu nói của Brêdinxki khi thăm Trung Quốc đã gây trở ngại cho việc phát huy tác dụng quốc vụ khanh của mình. Vì vậy, Tổng thống Catơ đã có thời gian hạ thấp vai trò của Brêdinxki, yêu cầu ông ta đứng ở phía sau. Lần đến thăm này của Đặng, rõ ràng là sự tán dương cống hiến của Brêdinxki đối với việc xúc tiến bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ, đồng thời cũng tỏ rõ rằng, để phát triển quan hệ Trung-Mỹ, người Trung Quốc có thể coi cả những người chống cộng là bạn bè, có dũng khí và phong độ để giao du cả với "ma quỷ". Trong bữa tiệc Brêdinxki nói tới việc Tổng thống Catơ vì quyết định bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc nên đã gặp phải một số khó khăn chính trị ở trong nước, và hỏi Đặng có gặp khó khăn tương tự không. Đặng khéo léo trả lời câu hỏi không nên nêu ra đó, và nhân cơ hội nói rõ lập trường nguyên tắc của Trung Quốc trong việc giải quyết quan hệ Trung - Mỹ. Ông nói: "Đúng như vậy, tôi cũng gặp phải khó khăn, ở tỉnh Đài Loan, có một số người có ý kiến phản đối".

Tại trung tâm Kennơđi, Đặng tham dự một cuộc dạ hội. Có nghệ sĩ dương cầm hàng đầu biểu diễn, có múa ba lê hiện đại có thi đấu bóng rổ... Tất cả đều đặc sắc, làm người xem say mê. Tiết mục cuối cùng là một đoàn thiếu nhi ngây thơ hoạt bát trình diễn một số bài hát Trung Quốc, đưa không khí dạ hội lên tới cao trào. Sau buổi biểu diễn, người lãnh đạo hai nước và phu nhân lên sân khấu gặp mặt các diễn viên. Cuộc dạ hội đó tốn phí 50 vạn đô la, do một công ty dầu lửa tài trợ. Công ty này cũng như mọi công ty lớn khác của Mỹ, thấy rõ Trung Quốc là một thị trường có tiềm lực to lớn, muốn nhân dịp Đặng Tiểu Bình thăm Mỹ để quảng cáo cho mình. Đặng biến việc này

thành dịp quảng cáo cho Trung Quốc với Mỹ. Tổng thống Catơ ghi trong nhật ký: "Khi Đặng ôm hôn các diễn viên Mỹ, đặc biệt là khi ôm hôn các diễn viên nhỏ tuổi đã hát bài hát Trung Quốc, đã biểu lộ tình cảm chân thành. Ông đã hôn rất nhiều thiếu nhi. Sau này nhiều báo đưa tin, có nhiều khán giả Mỹ đã rơi nước mắt. Nghị sĩ Kchatơ là người cực lực phản đối Trung-Mỹ bình thường hóa quan hệ, nhưng sau cuộc dạ hội này, đã nói là mình thất bại, không có cách nào bỏ phiếu chống lại việc các thiếu nhi Mỹ hát bài hát Trung Quốc. Đặng... thực sự đã làm rung động khán giả có mặt hôm đó và các khán giả xem truyền hình".

Hutstơn là trung tâm lớn nhất vùng phía Nam nước Mỹ về luyện dầu, hóa học, chế tạo máy và công nghiệp đóng tàu, lại có cả trung tâm vũ trụ. Đặng bỏ ra hai ngày để thăm nơi này. Tại Xmơntơn phía Tây Bắc Huxtơn, phía Mỹ đã tổ chức một cuộc chiêu đãi bít tết mang đầy phong vị miền Tây Hoa Kỳ. Dự chiêu đãi, về phía Mỹ, ngoài các quan chức, phần nhiều là các nhà tư bản dầu lửa Bang Tếchdát. Họ có mong muốn rất lớn đối với việc đầu tư khai thác dầu lửa và các khoáng sản khác ở Trung Quốc, nên đều tranh thủ cơ hội để quảng cáo cho mình. Có một vị khách không mời, từ Caliphoócnia tới, tìm cách trà trộn vào phòng tiệc. Ông này là một nhà tư bản dầu lửa nổi tiếng thế giới, là giám đốc công ty dầu lửa Tây Hoa Kỳ. Ông ta đã từng gặp Lênin. Vì ông ta từng có quan hệ mật thiết với các thế hệ người lãnh đạo Liên Xô, các cố vấn của Catơ sợ ông ta sẽ là nhân vật gây lo ngại cho Đặng Tiểu Bình, nhưng Đặng đã có một cử chỉ khiến mọi người không ngờ: Mời ông ta đến ngồi cạnh chỗ mình, tỏ ý tiếc là được gặp quá muộn. Khi người phiên dịch giới thiệu ông ta với Đặng, Đặng ngăn lời phiên dịch lại, nói: "Rất nhiều người

Trung Quốc đã biết ngài, ngài là bạn của Lênin. Khi Liên Xô gặp khó khăn, ngài đã giúp đỡ họ. Chúng tôi hoan nghênh ngài tới thăm Trung Quốc". Ý kiến đó làm cho ông ta rất phấn khởi. Ông ta nói: "Tôi rất muốn đến Trung Quốc. Nhưng tôi đã già quá rồi, không chịu nổi một chuyến bay của máy bay dân dụng, mà Trung Quốc lại không tiếp nhận chuyên cơ". Đặng cười lớn, phẩy tay: "Điều đó rất đơn giản. Trước khi ngài đi, xin đánh điện báo trước, chúng tôi sẽ xếp sắp, mong ngài mang theo nhiều chuyên gia". Ba tháng sau, quả nhiên ông ta đi chuyên cơ tới Bắc Kinh, và nhanh chóng ký với Trung Quốc một số hiệp nghị sơ bộ về thăm dò dầu lửa, khai thác khoáng sản, giống lúa mới và phân hóa học. Sau này, hầu như năm nào ông ta cũng tới Bắc Kinh và gặp mặt Đặng. Đặng tạo mọi thuận lợi cho hoạt động của ông ta ở Trung Quốc và tặng ông ta một con gấu mèo lớn của Trung Quốc để đem tới thế vận hội Lốt Ănggiơlét.

Ở Xmơntơn, Đặng còn nhận lời mời đến tham quan một cuộc đua ngựa. Đó là một hoạt động giải trí đầy tinh thần cao bồi miền Tây mà người Mỹ rất ưa thích. Trước khi vào trường đua, phu nhân Trác Lâm (vợ Đặng - ND) đã đội một chiếc mũ cao bồi màu xám. Sau khi vào trường đua, hai nữ kỵ sĩ cưỡi ngựa trắng lại tặng Đặng và Phương Nghị mỗi người một chiếc mũ cao bồi màu trắng có vành uốn cong lên. Đặng lập tức cao hứng đội lên đầu, và ngồi vào chiếc xe ngựa kiểu thế kỷ thứ 19, thoải mái dạo hai vòng quanh trường đua, vẫy tay đáp lại những tràng pháo tay của khán giả. Không lâu trước đó, đã có nhà văn Mỹ tả người Trung Quốc là một "đàn kiến xanh" không hề có cá tính. Ông ta khẳng định đã không thể tưởng tượng được

lúc đó, trước mặt các khán giả Mỹ "con kiến chúa" lại tỏ ra thích thú với cái mũ cao bồi bang Tếchdát như vậy. Chuyến tới thăm của Đặng đã làm cho việc buôn bán mũ cao bồi rất chạy ở vùng này. Trong một hiệu bán mũ, mấy trăm chiếc mũ cao bồi đã được bán hết rất nhanh với giá 30 đô la mỗi cái.

Sự tiếp đãi long trọng và hoan nghênh nồng nhiệt trong chuyến thăm Mỹ của Đặng, là việc chưa từng có trong lịch sử ngoại giao gần 20 năm nay của Mỹ. Có thể nói người Mỹ chưa bao giờ có thái độ như vậy với người lãnh đạo một nước cộng sản. Nghe nói, khi Khơrútsốp đến Niu Yoóc dự đại hội đồng Liên hiệp quốc, cục di dân Mỹ nhất định đòi ông ta phải điểm chỉ mới được nhập cảnh. Đặng đã giành được sự hoan nghênh phổ biến ở nước đứng đầu thế giới tư bản, chỉ trong tám ngày, ở Mỹ đã dấy lên "cơn sốt Trung Quốc". Người nào cũng muốn gặp ông, bắt tay, hoan hô, chào hỏi và xin ông chữ ký lưu niệm. Hơn 2000 nhà báo đã đi theo, phỏng vấn và đưa tin về hành động của ông: Giờ cao điểm của ba mạng vô tuyến truyền hình Mỹ đã biến thành "thời gian Đặng Tiểu Bình". Đặng không hề mệt mỏi hội đàm với các quan chức Mỹ, hội kiến với mấy trăm nghị sĩ, thống đốc bang, thị trưởng và các nhân vật nổi tiếng trong giới kinh doanh, giới giáo dục trong nhiều trường hợp, còn trực tiếp diễn thuyết trước mấy ngàn người. Phóng viên "Nhân Dân nhật báo" bình luận: Trong lịch sử quan hệ đối ngoại, lập trường của Trung Quốc với các công việc quốc tế và quan hệ Trung-Mỹ đã được công chúng Mỹ hiểu sâu sắc bằng phương thức trực tiếp có hiệu quả. Đó là điều chưa bao giờ có.

7.18. CÙNG NHAU KHAI THÁC

Việc tranh chấp lãnh thổ giữa các nước là vấn đề hết sức khó giải quyết, xưa nay hầu như chỉ có một biện pháp là dùng vũ lực. Đặng Tiểu Bình lại nghĩ ra một biện pháp giải quyết mới, là cùng nhau khai thác.

Phía Bắc Đài Loan có một hòn đảo nhỏ, Trung Quốc gọi là đảo Điếu Ngư, diện tích rất nhỏ, không có người ở, cũng không ghi trên bản đồ, xưa nay vẫn coi là một đảo nhỏ phụ thuộc đảo Đài Loan. Sau chiến tranh Giáp Ngọ, Nhật cắt Đài Loan khỏi Trung Quốc, bao gồm cả hòn đảo nhỏ đó. Năm 1945, Nhật bại trận đầu hàng, rút khỏi Đài Loan, nhưng không ai nói tới việc hòn đảo nhỏ đó thuộc về ai, không ai coi đó là chuyện gì. Sau, trên đảo có dầu lửa, việc quy thuộc trở thành một vấn đề tranh cãi. Năm 1972, khi Trung-Nhật lập quan hệ ngoại giao, thủ tướng Nhật yêu cầu thủ tướng Chu Ân Lai xác nhận rõ hòn đảo đó thuộc về Nhật Bản. Để cho vấn đề nhỏ đó không làm ảnh hưởng tới việc bình thường hóa giữa hai nước, Chu Ân Lai dùng sách lược né tránh, nói hiện nay chưa nên thảo luận vấn đề đó. Phía Nhật đành phải thôi. Năm 1978, Trung - Nhật đã hoàn thành việc bình thường hóa, ngoại trưởng Nhật muốn nhân dịp hai bên vừa trao đổi văn bản điều ước hữu hảo, lại đề xuất với Đặng Tiểu Bình yêu cầu xác nhận đảo đó là của Nhật Bản.Đặng dùng biện pháp né tránh, nói một cách nhẹ nhàng: "Thôi, vẫn giữ như trước, hãy gác lại 20 năm, 30 năm nữa". Hai bên đều thỏa thuận, khi thực hiện bình thường hóa quan hệ không đề cập tới vấn đề đó.

Tháng 10-1978, Đặng thăm Nhật, không khí hữu nghị giữa hai nước nồng ấm. Chiều 25, Đặng họp báo ở Tôkyô. Người lãnh đạo Trung Quốc tham dự cuộc chiêu đãi báo chí "kiểu phương Tây" như vậy là lần đầu tiên. Trước hơn 400 nhà báo nổi tiếng thế giới, Đặng trầm tĩnh tự tin, ứng đối lưu loát, lại mang nhiều phong vị u-mua, không khí buổi họp rất sôi nổi. Bỗng có một nhà báo Nhật nêu ra vấn đề sở hữu đảo Điếu Ngư, xin phó thủ tướng Đặng trả lời. Mục đích nêu vấn đề của nhà báo đó, nếu không phải là cố ý nêu vấn đề gai góc để thử trí tuệ của Đặng, thì cũng là để lợi dụng trường hợp công khai, lợi dụng không khí hữu hảo giữa hai bên nêu lên vấn đề mà các quan chức không tiện nêu ra, buộc Đặng phải tỏ thái độ trước công chúng.

Cần tỏ thái độ thế nào đây? Nếu trả lời là nên quy thuộc về Nhật Bản thì coi như Trung Quốc công khai từ bỏ chủ quyền với hòn đảo đó. Đảo tuy không lớn, nhưng chủ quyền quốc gia là chuyện lớn. Nếu nói nó thuộc về Trung Quốc, thì sẽ dẫn tới tranh luận, ít nhất cũng là phủ một bóng đen lên quan hệ hữu hảo vừa được khôi phục giữa hai nước Trung- Nhật. Các nhà báo có mặt hoàn toàn không ngờ Đặng lại lựa chọn đáp án thứ ba, không những đã khéo léo giải đáp câu hỏi khó khăn, lại "chiếu tướng" lại đối phương. Đặng nói: Vấn đề đó, "hai bên có những ý kiến khác nhau, khi thực hiện bình thường hóa bang giao, chúng tôi đã thoả thuận không đề cập tới vấn đề đó", "nhưng vẫn có người muốn khêu lên vấn đề đó để gây trở ngại cho sự phát triển quan hệ Trung-Nhật. Chúng tôi cho rằng hai chính phủ gác vấn đề đó lại là tương đối sáng suốt. Vấn đề đó gác lại không có quan hệ gì, đợi mười năm nữa cũng không sao. Thế hệ chúng ta thiếu trí tuệ, bàn tới vấn đề đó khó đạt được ý kiến nhất trí; thế hệ sau nhất

định thông minh hơn chúng ta, sẽ tìm ra biện pháp mà hai bên đều có thể chấp nhận được".

Ít lâu sau, Đặng tìm được một biện pháp tốt hơn, đó là: Cùng nhau khai thác, tạm gác vấn đề chủ quyền lại. Người Nhật đã khai thác đảo Điếu Ngư trong rất nhiều năm, nếu cùng nhau khai thác, thì Trung Quốc cũng có phần. Như thế rõ ràng tốt hơn là mặc nhận hiện trạng. Anh khai thác,tôi cũng khai thác. Chủ quyền tạm gác lại, không phải từ bỏ. Hiện nay, không bàn vấn đề chủ quyền, vì bàn sẽ không có lợi cho đại cục là quan hệ giữa hai nước. Công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc còn cần đến sự giúp đỡ của Nhật, giải quyết được vấn đề đó sẽ dễ giải quyết những vấn đề chủ quyền và lãnh thổ với những nước khác. Dù Trung Quốc không coi trọng lắm hòn đảo nhỏ đó, nhưng khinh suất tuyên bố quy thuộc cho Nhật vẫn là hạ sách, không bằng treo vấn đề đó lại, làm cho người Nhật vẫn không yên tâm, không nghĩ rằng chỉ có Trung Quốc cầu cạnh Nhật, và Nhật không có gì phải cầu cạnh Trung Quốc cả.

Đặng mở rộng ra, không chỉ là đảo Điếu Ngư giữa Trung Quốc và Nhật, mà rất nhiều vụ tranh chấp lãnh thổ trên thế giới, đều có thể dùng biện pháp đó để hòa giải mâu thuẫn: Trước hết, chưa nói tới chủ quyền, hãy tiến hành việc cùng nhau khai thác. Cách nghĩ đó có phần giống việc tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh trong cải cách xí nghiệp quốc doanh. Vấn đề chủ quyền rất nhạy cảm, dễ dẫn tới xung đột, thậm chí chiến tranh.Đặng dùng biện pháp cùng khai thác - cùng hưởng quyền sử dụng - để làm dịu mâu thuẫn, thật đáng gọi là bậc thầy trong việc hòa giải mâu thuẫn.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giáo sư TRẦN NHÂM
Biên tập: XUÂN DUY
QUỲNH DUNG
Trình bày, bìa: NGUYỄN THỊ HÒA
Sửa bản in: QUỲNH DUNG

In 2000 cuốn, khổ 15x22cm, tại Nxb Chính trị quốc gia
Số XB: 32/353 CXB ngày 4-7-1996
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội
ĐT : 8252008 FAX : 84 - 4 - 251881

TÌM ĐỌC

* * *

Văn tuyển Đặng Tiểu Bình.

MAO MAO:

- Cha tôi Đặng Tiểu Bình (Quyển I)

GIANG TRẠCH DÂN - LÝ BẰNG:

- Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Giá: 52.500đ